

TOÀN CẢNH
VIỆT NAM
20 NĂM
ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

TOÀN CẢNH
VIỆT NAM
20 NĂM
ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI

Chủ trương biên soạn:

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

Tư liệu được sử dụng:

VĂN PHÒNG TW ĐẢNG

WEBSITE ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

BỘ NỘI VỤ

CÔNG BÁO

Tổ chức sưu tầm, tuyển chọn

LUẬT GIA : ĐÀO THANH HẢI – MINH TIẾN

TOÀN CẢNH
VIỆT NAM
20 NĂM
ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2007

MỤC LỤC

Trang

PHẦN THỨ NHẤT

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI DƯỚI ÁNH SÁNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM	13

1 BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG	15
2 BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG	34
3 BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010	72
4 BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG	128
5 BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX	152

PHẦN THỨ HAI

THÀNH TỰU 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC	173

I. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG	175
1. NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: ĐỔI MỚI, NHỮNG THÀNH TỰU LỚN	175

Hà Đăng

2. NĂM VỮNG BÀI HỌC CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI	182
GS, TS Lê Hữu Nghĩa Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản	
3. THỂ VÀ LỰC CỦA NHÀ NƯỚC TA SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ THUỘC ĐƯỜNG LỐI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	191
Hồng Long	
4. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	199
Hồng Hà Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận T.Ư	
5. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI NHÌN LẠI ĐỀ TIẾP TỤC TIẾN LÊN	207
GS. TS. Nguyễn Phú Trọng Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận T.Ư	
6. NĂM BÀI HỌC LỚN TỪ THỰC TIỄN ĐỔI MỚI	218
PGS - TS TÔ HUY RỬA Bí thư T.Ư Đảng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.Ư	
II. LĨNH VỰC LÝ LUẬN, TƯ TƯỞNG	
7. HỆ THỐNG QUAN ĐIỂM LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	228
GS,TS LÊ HỮU NGHĨA Ủy viên T.Ư Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản	

8. THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI	240
GS. TS. Mạnh Quang Thắng	
9. ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ THÀNH TỰU THỰC TIỄN, LÝ LUẬN QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI	247
PGS. TS. Nguyễn Trọng Phúc	
10. ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN – THÀNH TỰU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	256
Nguyễn Duy Quý GS,VS, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương	
11. ĐỔI MỚI TƯ DUY CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG TRONG LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI	262
PGS. TS. Nguyễn Trọng Phúc Học viện CTrQG Hồ Chí Minh	
12. KIẾN ĐỊNH VÀ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	270
PGS.TS Đào Duy Quát Phó Trưởng Ban Tư tưởng – Văn hóa Trung ương	
13. KIẾN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRÊN NỀN TẢNG CHỦ NGHĨA MÁC – LÊ-NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI	276
Lê Hữu Nghĩa	
14. NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: ĐỔI MỚI BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU?	282
Hà Đăng	
III. LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ	
15. XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC	288
PGS, TS. Trần Hậu	

16. BÀI HỌC KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA	297
GS.VS. Nguyễn Duy Quý	
17. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG	302
PGS. TS. Đỗ Ngọc Ninh	
18. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG DƯỚI ÁNH SÁNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X	307
PGS.TS Lại Ngọc Hải	
19. XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN	312
Nguyễn Văn Yếu	
Ủy viên T.Ư Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội	
20. ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	321
TS. Thang Văn Phúc Thứ trưởng Bộ Nội vụ	
21. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CÀM QUYỀN	330
GS. Đặng Xuân Kỳ	
22. MẤY BÀI HỌC VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI	338
Xuân Hải	
23. NĂM BẮT THỜI CƠ, VƯỢT QUA THÁCH THỨC, THỰC HIỆN THẮNG LỢI ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG	343
Nguyễn Dy Niên * Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	

24. 20 NĂM ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI 350
Phó Thủ tướng Vũ Khoan
25. (SOẠN THẢO BS) CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG QUA 20 357
 NĂM ĐỔI MỚI
Nguyễn Văn Chi
- IV. LĨNH VỰC KINH TẾ
26. MÔ HÌNH KINH TẾ TỔNG QUÁT TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ 365
 LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
PGS, TSKH Nguyễn Văn Đăng
Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương, Ủy
viên Hội đồng Lý luận Trung ương
27. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC 372
Đỗ Hoài Nam
Ủy viên T.Ư Đảng, Chủ tịch Viện Khoa
học Xã hội Việt Nam
28. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN VỚI THỰC HIỆN TIỀN BỘ VÀ 379
 CÔNG BẰNG XÃ HỘI
Đỗ Nguyên Phương
Ủy viên T.Ư Đảng, Trưởng ban Khoa
giáo Trung ương
29. CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ, NHỮNG THÀNH TỰU QUAN 387
 TRỌNG
Lương Văn Tự
Thứ trưởng Thương mại, Tổng Thư ký
Ủy ban quốc gia - Hợp tác kinh tế quốc tế
30. VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM 393
GS. Đỗ Quốc Sam

31. CHUYÊN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ QUỐC DÂN TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2005) 401
PGS. TS. Nguyễn Sinh Cúc
32. NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: MÔ HÌNH KINH TẾ TỔNG QUÁT TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 411
PGS.TSKH Nguyễn Văn Đăng
33. TỔNG QUÁT THÀNH TỰU KINH TẾ Ở VIỆT NAM SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI 417
Ban Chuyên đề Website Đảng Cộng sản Việt Nam
34. NHỮNG CÔNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2006) 422
Ban Chuyên đề Website Đảng Cộng sản Việt Nam
- V. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ**
35. TỔNG QUAN NHỮNG THÀNH TỰU VỀ XÂY DỰNG VĂN HÓA, XÃ HỘI, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI 436
Ban Chuyên đề Website Đảng Cộng sản Việt Nam
36. NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: VĂN HÓA - NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI 440
Nguyễn Khoa Điềm
Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng,
Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.Ư
37. THÀNH TỰU CHĂM LO PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI 447
Phạm Mạnh Hùng
Phó Trưởng ban Khoa giáo T.Ư

38. Ở NƯỚC TA, DÂN CHỦ LÀ MỤC TIÊU, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN 455
- PGS, TS. Tô Huy Rứa**
Ủy viên T.Ư Đảng, Giám đốc Học viện
Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
39. PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI 463
- GS. Vũ Đình Cự**
40. CHĂM LO CHO CON NGƯỜI LÀ MỤC ĐÍCH CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI 470
- GS.VS. Phạm Minh Hạc**
41. VĂN HÓA - NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI 476
- Nguyễn Khoa Điềm**
Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng,
Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.Ư
42. CẦN TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIỀN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC 483
- TS. Đào Duy Quát**
Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hoá
Trung ương
43. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ LĨNH VỰC XÃ HỘI THEO TINH THẦN VĂN KIẾN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG 489
- PGS. TS Nguyễn Thanh Tuấn Viện phó**
Viện Kinh điển Mác – Lê nin
- VI. LĨNH VỰC TRẬT TỰ, AN NINH - QUỐC PHÒNG**
44. XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN 494

- 45. GIỮ VỮNG AN NINH QUỐC GIA VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI** 506

Nguyễn Khánh Toàn
Ủy viên T.Ư Đảng,
Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an

- 46. THÀNH TỰU XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ VẤN ĐỀ HIỆN NAY** 514

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu

PHẦN THỨ NHẤT

**NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI DƯỚI ÁNH SÁNG
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời gian tới. Chủ đề của Đại hội là: *“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”*.

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội các văn kiện: Báo cáo chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng; Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII trong nhiệm kỳ Đại hội IX và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX.

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhà trí thức đã đóng góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi dự thảo Báo cáo chính trị được công bố rộng rãi, đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển, Đại hội X đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống. Các văn kiện trình Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp xây dựng quý báu ấy của đồng chí, đồng bào!

Thưa các đồng chí,

Sau đây, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I - ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi cơ bản do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã đạt những thành tựu rất quan trọng:

Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) là 7,5% và phát triển tương đối toàn diện. Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xoá đói, giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá. Nhân dịp này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân đã lao động quên mình, góp phần đem lại những thành tựu rất quan trọng đó.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn nhiều khuyết điểm và yếu kém:

Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

Có những khuyết điểm đó là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan như: Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới; một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chậm làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành. Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt, nhất là trong ba lĩnh vực: xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Những thành tựu trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX đã góp phần quan trọng vào thành tựu chung của 20 năm đổi mới.

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống

âm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Ban Chấp hành Trung ương rất vui mừng báo cáo với Đại hội, trong quá trình thảo luận và đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội lần này, trong Đảng và trong nhân dân, đã có sự nhất trí cao với đánh giá tổng quát: Những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là rất quan trọng; những thành tựu của 20 năm đổi mới là to lớn và có ý nghĩa lịch sử.

Từ thực tiễn đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra một số bài học lớn sau đây: *Một là*, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là*, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là*, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. *Bốn là*, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Năm là*, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Thực tiễn chứng minh hùng hồn rằng, đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thực hiện là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn của đất nước và giai đoạn hiện nay. Tại Đại hội này, Đảng ta khẳng định “tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới”, một chủ trương được toàn dân ủng hộ và dư luận quốc tế đánh giá cao.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo có ý nghĩa to lớn của “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (năm 1991) đồng thời cũng thấy rõ thêm những

vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Cương lĩnh*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

II - MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 - 2010

Thưa các đồng chí,

Trong những năm sắp tới, trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Khoa học và công nghệ sẽ có những bước đột phá mới. Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Đồng thời, nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phải phối hợp giải quyết như khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; tình trạng môi trường tự nhiên bị huỷ hoại, khí hậu diễn biến ngày càng xấu...

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) tạo thêm nhiều thuận lợi cho đất nước ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh hơn, chất lượng cao hơn. Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Những biểu hiện xa rời mục tiêu lý tưởng của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền”, “dân tộc”, “tôn giáo” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Thưa các đồng chí,

Từ sự phân tích các mặt nêu trên, chúng ta khẳng định rằng: những năm tới tuy khó khăn còn nhiều nhưng đất nước ta có nhiều cơ hội để tiến lên. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn.

Năm năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Trong chủ đề của Đại hội cũng như trong mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010, “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển” là mục tiêu trực tiếp của Đại hội X. Như chúng ta đều biết, Đại hội IX đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 nhằm “đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”. Nay chúng ta nêu lên chữ *sớm* là thể hiện quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược ấy *trước năm 2010*. Đây là điều mong ước thiết tha và là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nêu “sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển” là thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, đồng thời cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển không chỉ ở mức thu nhập thấp mà còn ở những lĩnh vực khác như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đời sống văn hoá tinh thần, chỉ số phát triển con người...

Việc thực hiện thắng lợi mục tiêu này, sẽ đánh dấu một bước phát triển mới trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Với quyết tâm cao, chúng ta đề ra những chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong 5 năm 2006 - 2010, trong đó, quan trọng nhất là: *đến năm 2010*, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp 2,1 lần so với năm 2000; mức tăng GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm. Cơ cấu ngành trong GDP: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%; công nghiệp và xây dựng 43 - 44%; dịch vụ 40 - 41%. Tạo việc làm cho 8 triệu lao động, tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5%. Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10 - 11%...

III - TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Thưa các đồng chí,

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Trong 5 năm tới, chúng ta chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, điều cần thiết trước hết là nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đó là: thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hoàn thiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về nội dung, cần tiến hành đồng thời cả ba mặt:

- *Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.* Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển. Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp...

- *Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.* Cùng với việc phát triển mạnh thị trường hàng hoá, dịch vụ và thị trường sức lao động, cần phát triển vững chắc thị trường tài chính, bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, cơ cấu hoàn chỉnh; phát triển thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu

vực; phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phân lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển quốc phòng và an ninh) trở thành hàng hoá.

- *Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh.* Các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Chúng ta chủ trương xây dựng và thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp, xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam có sức cạnh tranh cao, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế và công ty lớn dựa trên hình thức cổ phần. Theo đó, cần tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá; đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể; phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân, đồng thời thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài.

Về đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức, chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hoá, hiện đại hoá; phát triển mạnh các ngành kinh tế và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức.

Chúng ta chủ trương *đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân.* Phải phát triển toàn diện nông nghiệp, chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng các làng, xã, thôn, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh; hình thành các khu dân cư đô thị hoá với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí; chuyển dịch cơ cấu lao động ở

nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ.

Trong việc *phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ*, chúng ta khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế. Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các công ty xuyên quốc gia. Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng, xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP.

Chúng ta chủ trương *phát triển kinh tế* vùng thông qua các chính sách phù hợp tạo điều kiện cho các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng; phát triển kinh tế biển theo một chiến lược toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta thành một quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

Phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta phải phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới. Cố gắng đi ngay vào công nghệ hiện đại đối với một số lĩnh vực then chốt và từng bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Chú trọng đúng mức việc phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và ứng dụng công nghệ dùng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

IV - GIẢI QUYẾT TỐT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thưa các đồng chí,

Từ thực tiễn xây dựng đất nước mấy chục năm qua, chúng ta nhận thức ngày càng sâu sắc rằng, xã hội, văn hoá là những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong những năm tới, cần đưa việc giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển văn hoá lên nhanh hơn nữa, tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế.

Về *xã hội*, chúng ta chủ trương kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực

hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, công hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng ta khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, đồng thời thực hiện có hiệu quả các chính sách xoá đói, giảm nghèo, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm dịch vụ công cộng thiết yếu, tạo điều kiện cho mọi người dân, kể cả người nghèo được đáp ứng nhu cầu về giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ, văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, tạo việc làm... Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội.

Về *văn hoá*, chúng ta chủ trương tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra chất lượng mới của cuộc sống; xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Ba lĩnh vực cần tập trung thực hiện bằng được là: xây dựng môi trường, lối sống và đời sống văn hoá của mọi người dân ở cơ sở, phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân; khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá, chú trọng các công trình văn hoá lớn, tiêu biểu.

Theo phương hướng ấy, cần tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử và di sản văn hoá; tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển; bảo đảm tự do dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ, chăm sóc các tài năng văn hoá, nghệ thuật; đổi mới nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước về văn hoá...

Về *giáo dục và đào tạo*, chúng ta phấn đấu để lĩnh vực này cùng với khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu thông qua việc đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Những biện pháp cụ thể là: đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương

pháp dạy và học theo hướng “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”. Phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng, thực hành của người học. Đề cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học. Phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và hệ thống hướng nghiệp, dạy nghề. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học; gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện miễn giảm việc đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Về *khoa học và công nghệ*, chúng ta phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội hướng vào việc tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phát triển khoa học tự nhiên theo hướng tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. Phát triển công nghệ, đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp với công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Chúng ta chủ trương đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư, huy động các thành phần kinh tế tham gia và đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Có chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước, ngoài nước và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

V - TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI; CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thưa các đồng chí,

Về *quốc phòng và an ninh*, cần thực hiện mọi biện pháp cần thiết, có hiệu quả để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hoá - tư tưởng và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Chúng ta chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân; đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố; tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, là lực lượng nòng cốt của sức mạnh quốc phòng - an ninh; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, luôn được nhân dân tin cậy, yêu mến.

Về *quan hệ đối ngoại*, chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta chủ trương đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, đồng thời phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của

nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền; mở rộng công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”.

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Cụ thể là: chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác; chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và vượt qua những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

VI - PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC. HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thưa các đồng chí,

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc cần lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, giữ gìn sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức,

trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Các chính sách và pháp luật của Nhà nước phải nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) đồng thời giữ vững kỷ cương xã hội và đạo lý dân tộc.

Chúng ta cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo; chú trọng chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, các doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, đồng bào định cư ở nước ngoài v.v...

Đảng ta luôn coi *vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc* là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm *quyền tự do tín ngưỡng*, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Thưa các đồng chí,

Thực hiện đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, vì thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một nội dung trọng yếu trong chủ đề của Đại hội này, là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Nhà nước ban hành và bổ sung pháp luật để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp uỷ đảng và các cấp chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật sát hợp với cuộc sống. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Về phần mình, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội quần

chúng cần đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng hoạt động, khắc phục cho được tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước là đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phải phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chúng ta chủ trương xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân, đặt mình dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Theo phương hướng đó, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, của các cơ quan tư pháp, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp.

Tăng cường phòng ngừa và chống tham nhũng, lãng phí là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

Năm năm qua, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá IX trên lĩnh vực đấu tranh phòng và chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... tuy đã đạt được một số kết quả, có tác dụng cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa, kiềm chế nhất định nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được các tệ nạn đó.

Sắp tới, phải thi hành một cách kiên quyết và đồng bộ hệ thống các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, bao gồm: bổ sung, hoàn thiện các quy định về

quản lý kinh tế - tài chính, về thanh tra, kiểm tra; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy gọn nhẹ; bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức. Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bổ sung, sửa đổi Luật khiếu nại và tố cáo. Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; xử lý nghiêm những người bao che cho tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, lãng phí.

VII - ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG; BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua, trong quá trình lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, chú trọng cơ sở và địa bàn trọng yếu, nhờ đó đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy vậy, nhìn chung, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, giáo điều, bảo thủ, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức còn diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt, thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực lãnh đạo và chỉ đạo để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn nhiều bất cập và thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Trong những năm tới, chúng ta phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân

dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Trước hết, phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn hoạt động của Đảng. Nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác tư tưởng trong Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp.

Hai là, kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, làm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ được sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, mỗi đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Phải kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng, thể chế hoá về mặt nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; gắn việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng.

Đảng ta chủ trương: đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương. Những quy định ấy cần sớm được ban hành và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất đảng viên và bản chất của Đảng, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người thoái hoá, biến chất.

Ba là, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền bàn bạc, tham gia quyết định công việc của Đảng, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng. Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; hoàn thiện quy chế kiểm tra, giám sát trong Đảng; kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Bốn là, đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ. Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng uỷ khối ở Trung ương và cấp uỷ các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ

quan và người đứng đầu không rõ. Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Có cơ chế, chính sách bảo đảm phát hiện, đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài, dù là đảng viên hay người ngoài Đảng. Cụ thể hoá, thể chế hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hoá, cụ thể hoá thành Hiến pháp, pháp luật; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp thu kết quả tổng kết 20 năm đổi mới, các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng để xem xét, bổ sung, sửa đổi một số điểm cần thiết, chín muồi.

Trong các vấn đề đề nghị bổ sung, sửa đổi lần này, có 3 vấn đề lớn là:

- Bổ sung cách diễn đạt về Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”.

- Bổ sung điều khoản “Bầu Ủy viên Trung ương dự khuyết” nhằm cả hai mục đích là bồi dưỡng, đào tạo, tạo nguồn cán bộ cho Trung ương và thay thế Ủy viên Trung ương chính thức khi khuyết.

- Giao thêm chức năng giám sát cho cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, coi kiểm tra, giám sát trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy, gắn công tác kiểm tra với công tác giám sát, có giám sát mới phát hiện được các vấn đề mới, khắc phục được thiếu sót, khuyết điểm ngay từ lúc mới manh nha.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Dưới sự

lãnh đạo của Đảng, nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta xứng đáng được hưởng cuộc sống ngày càng ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ IX TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG**

**NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG,
PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC, ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG
CUỘC ĐỔI MỚI, SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI
TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN**

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ: kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010, nhìn lại 20 năm đổi mới; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X.

I- KIỂM ĐIỂM 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, nhất là sau sự kiện ngày 11-9-2001 ở Mỹ; kinh tế thế giới và khu vực đan xen những biểu hiện suy thoái, phục hồi và phát triển, sự cạnh tranh và chính sách bảo hộ bất bình đẳng của một số nước... Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã đạt những thành tựu rất quan trọng:

1- Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm sau tăng cao hơn năm trước, bình quân

trong 5 năm 2001 - 2005 là 7,51%, đạt mức kế hoạch đề ra. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, các quan hệ và cân đối chủ yếu trong nền kinh tế (tích lũy - tiêu dùng, thu - chi ngân sách,...) được cải thiện; việc huy động các nguồn nội lực cho phát triển có chuyển biến tích cực, tỉ lệ huy động GDP vào ngân sách nhà nước vượt dự kiến. Tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế tăng nhanh đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đến năm 2005, tỉ trọng giá trị nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong GDP còn 20,9% (kế hoạch 20 - 21%), công nghiệp và xây dựng 41% (kế hoạch 38 - 39%), dịch vụ 38,1% (kế hoạch 41 - 42%). Các thành phần kinh tế đều phát triển.

Hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến mới rất quan trọng. Một số sản phẩm đã có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Xuất khẩu, nhập khẩu có tốc độ tăng trưởng khá, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 50% GDP. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) liên tục tăng qua các năm. Đã có một số dự án đầu tư ra nước ngoài.

Thế chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng. Thị trường hàng hoá phát triển tương đối nhanh; một số loại thị trường mới hình thành.

2- Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện

Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển và được đầu tư nhiều hơn. Cơ sở vật chất được tăng cường. Quy mô đào tạo mở rộng, nhất là ở bậc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Trình độ dân trí ngày càng cao.

Khoa học và công nghệ góp phần tích cực vào việc hoạch định đường lối, chính sách, điều tra đánh giá tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh.

Công tác xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, biện pháp; đến cuối năm 2005, tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005) còn 7% (năm 2001 là 17,5%, kế hoạch là 10%). Đã kết hợp tốt các nguồn lực của Nhà nước và nhân dân, xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội cho các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc.

Trong 5 năm, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân đạt nhiều kết quả: mở rộng mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở; khống chế và đẩy lùi một số dịch bệnh nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng từ 68 (năm 1999) lên 71,3 (năm 2005).

Hoạt động văn hoá, thông tin, báo chí, thể dục thể thao... có tiến bộ trên một số mặt. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", các phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh, gia đình liệt sĩ, các hoạt động nhân đạo, từ thiện... thu hút sự tham gia rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

3- Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới

Độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có nhiều thành tích trong xây dựng lực lượng, nâng cao tinh thần chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Việc kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng ở một số địa bàn có hiệu quả. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được củng cố.

Hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân phát triển mạnh, góp phần giữ vững môi trường hoà bình, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Đã giải quyết được một số vấn đề về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn trên biển với một số quốc gia; chủ động và tích cực tham gia các diễn đàn thế giới; tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

4- Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy

Quốc hội có những đổi mới quan trọng trong công tác lập pháp, tiếp tục sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và hệ thống pháp luật; cải tiến quy trình xây dựng luật, đã thông qua 58 luật và 43 pháp lệnh mới, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý nhà nước, vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Đã tăng cường một bước tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; phân định cụ thể hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, của các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp, đồng thời thực hiện sự phân cấp nhiều hơn. Các hoạt động tư pháp và công tác cải cách tư pháp có những chuyển biến tích cực.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng thiết thực. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở được mở rộng và có hiệu quả hơn,

nhất là ở xã, phường. Công tác dân tộc, tôn giáo, vận động người Việt Nam ở nước ngoài có tiến bộ.

5- Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, phát triển đảng, công tác kiểm tra có những chuyển biến mới. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo, giữ gìn phẩm chất đạo đức.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, điều hành năng động của Chính phủ và nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất kinh doanh. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá.

Tuy nhiên, chúng ta còn những *khuyết điểm và yếu kém*:

1- Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Các cân đối vĩ mô trong nền kinh tế chưa thật vững chắc, dễ bị ảnh hưởng bởi những biến động từ bên ngoài. Trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động thấp; giá thành nhiều sản phẩm còn cao so với khu vực và thế giới. Nhiều nguồn lực và tiềm năng trong nước chưa được huy động và khai thác tốt. Đầu tư của Nhà nước dần trải, hiệu quả chưa cao, thất thoát nhiều. Lãng phí trong chi tiêu ngân sách nhà nước và tiêu dùng xã hội còn nghiêm trọng. Môi trường tự nhiên ở nhiều nơi bị huỷ hoại, ô nhiễm nặng.

Lĩnh vực dịch vụ phát triển chậm. Nội dung và các biện pháp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn chưa cụ thể. Sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, nhất là cổ phần hoá, còn nhiều vướng mắc. Chất lượng nguồn nhân lực thấp, lao động chưa qua đào tạo vẫn là phổ biến, lao động nông nghiệp còn chiếm tỉ lệ cao. Hoạt động kinh tế đối ngoại còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa đủ sức vượt qua những khó khăn về cạnh tranh và thị trường.

Việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển và vận hành hệ thống thị trường chưa đồng bộ; một số nguyên tắc của thị trường bị vi phạm; tư duy bao cấp chưa được khắc phục triệt để.

2- Cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt

Kết quả xoá đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn.

Khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng doãng ra. Nhu cầu về việc làm ở thành thị và nông thôn chưa được đáp ứng tốt.

Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp. Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Trong một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hoá, nghệ thuật, xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo lợi ích vật chất đơn thuần chưa được khắc phục. Quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực trong y tế, thể dục thể thao còn yếu kém.

Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng. Tội phạm và một số tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng. Tai nạn giao thông gây nhiều thiệt hại về người và của.

3- Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế

Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang chưa được phát huy đầy đủ. Ở một số địa bàn, còn những yếu tố gây mất ổn định chính trị - xã hội.

Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa theo kịp diễn biến của tình hình. Sự phối hợp giữa an ninh, quốc phòng và đối ngoại trong việc giải quyết một số vấn đề cụ thể thiếu chặt chẽ.

4- Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới

Quốc hội còn lúng túng trong việc thực hiện chức năng giám sát. Bộ máy quản lý nhà nước các cấp, nhất là ở cơ sở còn yếu kém. Tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm ở một bộ phận công chức, nhất là ở các cơ quan trực tiếp giải quyết công việc của dân và doanh nghiệp, chậm được khắc phục. Mô hình tổ chức chính quyền địa phương, nhất là tổ chức hội đồng nhân dân, còn những điểm bất hợp lý. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn mang tính hành chính, hình thức. Dân chủ trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều nơi không nghiêm.

5- Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu

Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn thiếu tính thuyết phục. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Những khuyết điểm và yếu kém nói trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan:

Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới. Một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chưa được làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành, như các vấn đề: sở hữu và thành phần kinh tế; cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới chính sách, cơ chế quản lý giáo dục, y tế, văn hoá; đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của hệ thống chính trị...

Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt. Ba lĩnh vực được coi là ba khâu đột phá (xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị mà trọng tâm là cải cách hành chính) cũng như việc xây dựng một số công trình trọng điểm lớn của quốc gia chưa được chỉ đạo tập trung, thực hiện thiếu tinh thần trách nhiệm. Tình trạng nói nhiều làm ít, làm không đến nơi đến chốn hoặc không làm còn diễn ra ở nhiều nơi. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp trên một số lĩnh vực như: quy hoạch, đất đai, xây dựng cơ bản, tài chính, ngân hàng, tài nguyên môi trường, sở hữu trí tuệ... Công tác kiểm tra, thanh tra còn thiếu hiệu lực.

Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt, yếu kém về phẩm chất và năng lực, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Cùng với việc kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, chúng ta ***nhìn lại 20 năm đổi mới.***

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt *những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.*

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh

tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong khi khẳng định những thành tựu nói trên, cần thấy rõ, cho đến nay *nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển*. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, còn nhiều yếu kém. Lý luận chưa giải đáp được một số vấn đề của thực tiễn đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đặc biệt là trong việc giải quyết các mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát triển; giữa độc lập tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế...

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra ***một số bài học lớn*** sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được

nhận thức đúng đắn hơn và được xây dựng có hiệu quả hơn. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Phải đổi mới từ nhận thức, tư duy đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động cụ thể trong từng bộ phận của hệ thống chính trị. Đổi mới tất cả các mặt của đời sống xã hội nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa ba nhiệm vụ: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật phát triển, đó là chìa khoá của thành công.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời coi trọng huy động các nguồn ngoại lực, thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trên cơ sở giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt, là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị

định hướng và chỉ đạo to lớn của "Chương trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" (năm 1991), đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển *Chương trình*, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

II- MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 - 2010

Dự báo tình hình những năm sắp tới:

Trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hoá kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Cạnh tranh kinh tế - thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn, công nghệ... giữa các nước ngày càng gay gắt. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn.

Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt. Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết: khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn; sự gia tăng dân số cùng với các luồng dân di cư; tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị huỷ hoại; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia có chiều hướng tăng.

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: tranh chấp về ảnh hưởng và quyền lực, về biên giới, lãnh thổ, biển đảo, tài nguyên giữa các nước; những bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số nước...

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều so với trước. Việc mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình tạo thêm nhiều thuận lợi cho nhân dân ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh hơn.

Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng. Những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Những năm tới, đất nước ta có cơ hội lớn để tiến lên, tuy khó khăn còn nhiều. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc lúc này là phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển nhanh và bền vững hơn.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát 5 năm 2006 - 2010:

Năm năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI do Đại hội IX của Đảng đề ra.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển văn hoá; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.*

Phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ nhanh, chất lượng cao và bền vững hơn, gắn với phát triển con người. Đến năm 2010, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp 2,1 lần so với năm 2000; mức tăng GDP bình quân đạt 7,5 - 8%/năm, phấn đấu đạt trên 8%/năm.

III- TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1- Nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta là

Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời

sống nhân dân. Đẩy mạnh xoá đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

2- Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước

Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng:

Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường. Đổi mới căn bản công tác quy hoạch, kế hoạch phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh của quốc gia, vùng và địa phương, thu hút mọi nguồn lực tham gia phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo môi trường pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, có trật tự, kỷ cương.

Hỗ trợ phát triển, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, hệ thống an sinh xã hội.

Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường.

Tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế; đồng thời sử dụng kịp thời có hiệu quả một số biện pháp cần thiết khi thị trường trong nước hoạt động không có hiệu quả hoặc thị trường khu vực và thế giới có biến động lớn.

Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp. Tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, xoá bỏ "chế độ chủ quản"; phân biệt rõ hệ thống cơ quan hành chính công và hệ thống cơ

quan sự nghiệp dịch vụ công cộng (giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hoá, thể dục thể thao); phát triển mạnh các dịch vụ công cộng.

Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính và tiền tệ, bảo đảm tính ổn định và sự phát triển bền vững của nền tài chính quốc gia.

Phân định rõ chức năng, mối quan hệ giữa Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước về kinh tế và xã hội.

3- Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh

Phát triển thị trường hàng hoá và dịch vụ. Thu hẹp những lĩnh vực Nhà nước độc quyền kinh doanh, xoá bỏ độc quyền doanh nghiệp; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giá. Phát triển mạnh thương mại trong nước; tăng nhanh xuất khẩu, nhập khẩu. Đẩy mạnh tự do hoá thương mại phù hợp các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Tạo bước phát triển mới, nhanh và toàn diện thị trường dịch vụ, nhất là những dịch vụ cao cấp, có hàm lượng trí tuệ cao, giá trị gia tăng lớn.

Phát triển vững chắc thị trường tài chính bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, có cơ cấu hoàn chỉnh. Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của thị trường vốn, thị trường chứng khoán. Huy động mọi nguồn vốn trong xã hội cho đầu tư phát triển. Hiện đại hoá và đa dạng hoá các hoạt động của thị trường tiền tệ. Xây dựng các ngân hàng thương mại nhà nước vững mạnh về mọi mặt. Mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất: bảo đảm quyền sử dụng đất chuyển thành hàng hoá một cách thuận lợi, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư. Thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường tính pháp lý, kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đất đai. Nhà nước điều tiết giá đất bằng quan hệ cung - cầu về đất đai và thông qua các chính sách về thuế có liên quan đến đất đai. Nhà nước vừa quản lý tốt thị trường bất động sản vừa là nhà đầu tư bất động sản lớn nhất. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về kinh doanh bất động sản.

Phát triển thị trường sức lao động trong mọi khu vực kinh tế, tạo sự gắn kết cung - cầu lao động, phát huy tính tích cực của người lao động trong học nghề, tự tạo và tìm việc làm. Có chính sách ưu đãi các doanh nghiệp thu hút nhiều lao động, nhất là ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động, đặc biệt là xuất khẩu lao động đã qua đào tạo nghề, lao động nông nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tuyển chọn và sử dụng lao động trong khu vực kinh tế nhà nước và bộ máy công

quyền. Đa dạng hoá các hình thức giao dịch việc làm; phát triển hệ thống thông tin về thị trường sức lao động trong nước và thế giới. Có chính sách nhập khẩu lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và quản lý ở những ngành, nghề cần ưu tiên phát triển.

Xây dựng hệ thống luật pháp về lao động và thị trường sức lao động nhằm bảo đảm quyền lựa chọn chỗ làm việc và nơi cư trú của người lao động; thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động; bảo đảm quyền lợi của cả người lao động và người sử dụng lao động.

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hoá. Thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm khoa học và công nghệ được mua bán thuận lợi trên thị trường. Chuyển các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc nhiều loại hình sở hữu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

4- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh

Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

Doanh nghiệp cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hoá sản xuất kinh doanh và sở hữu.

Xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu; Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo, khắc phục rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp. Xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, trong đó chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên hình thức cổ phần. Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh

nghiệp theo cơ chế thị trường; bồi dưỡng, đào tạo và tôn vinh các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt.

Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp nhà nước thực sự hoạt động trong môi trường cạnh tranh, công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả. Xoá bỏ độc quyền và đặc quyền sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước có quyền tài sản, thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trên thị trường và trước pháp luật. Gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Chăm lo đào tạo đội ngũ quản trị giỏi đáp ứng tốt yêu cầu quản lý công ty theo chế độ hiện đại.

Đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hoá. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích. Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty nhà nước. Việc xác định giá trị doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá, kể cả giá trị quyền sử dụng đất, phải theo cơ chế thị trường. Đề phòng và khắc phục những lệch lạc, tiêu cực trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh, tầm cỡ khu vực, có sự tham gia cổ phần của Nhà nước, của tư nhân trong và ngoài nước, các công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư..., trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

Tiếp tục đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể

Tổng kết thực tiễn, sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cổ phần.

Khuyến khích việc tăng vốn góp và các nguồn vốn huy động từ thành viên để tăng nguồn vốn hoạt động của hợp tác xã, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia trong hợp tác xã.

Hợp tác xã và các loại hình kinh tế hợp tác hoạt động theo các nguyên tắc: hợp tác tự nguyện; dân chủ, bình đẳng và công khai; tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi; hợp tác và phát triển cộng đồng.

Phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân

Mọi công dân có quyền tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh với quyền

sở hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo hộ; có quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội, nguồn lực kinh doanh, thông tin và nhận thông tin.

Xoá bỏ mọi rào cản, tạo tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm.

Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài

Cải thiện môi trường pháp lý và kinh tế, đa dạng hoá các hình thức và cơ chế để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào những ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh quan trọng.

IV- ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức, coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức; kết hợp việc sử dụng nguồn vốn tri thức của con người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại. Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước, ở từng vùng, từng địa phương, trong từng dự án kinh tế - xã hội.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ. Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân

Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, thuỷ lợi hoá, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỉ trọng sản phẩm và lao động nông nghiệp. Sớm khắc phục tình trạng manh mún về đất canh tác của các hộ nông dân, khuyến khích việc dồn điền đổi thửa, cho thuê, góp vốn cổ phần bằng đất; phát

triển các khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung, doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ gắn với hình thành các ngành nghề, làng nghề, hợp tác xã, trang trại, tạo ra những sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện tốt chương trình bảo vệ và phát triển rừng; đổi mới chính sách giao đất, giao rừng, bảo đảm cho người làm nghề rừng có cuộc sống ổn định và được cải thiện. Phát triển rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến lâm sản có công nghệ hiện đại.

Phát triển đồng bộ và có hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt, chế biến và bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Coi trọng khâu sản xuất và cung cấp giống tốt, bảo vệ môi trường, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tăng cường các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư, công tác thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn. Chuyển giao nhanh và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp; chú trọng các khâu giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, công nghệ sau thu hoạch và công nghệ chế biến.

Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới. Xây dựng các làng, xã, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh. Hình thành các khu dân cư đô thị hoá với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ như: thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, cụm công nghiệp, trường học, trạm y tế, bưu điện, chợ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín dị đoan; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân, trước hết ở các vùng sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ, giao thông, các khu đô thị mới. Chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện để lao động nông thôn có việc làm trong và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ở nước ngoài. Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xoá đói giảm nghèo, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư

liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế lớn nước ngoài và các công ty lớn xuyên quốc gia.

Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng. Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô. Thu hút những chuyên gia giỏi, cao cấp của nước ngoài và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Trên cơ sở bổ sung và hoàn chỉnh quy hoạch, huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là sân bay quốc tế, cảng biển, đường cao tốc, đường ven biển, đường đông tây, mạng lưới cung cấp điện, hạ tầng kỹ thuật ở các đô thị lớn. Phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với công nghệ tiết kiệm năng lượng.

Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng một số ngành: vận tải, thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tư vấn...

Phát triển kinh tế vùng

Có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng.

Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan toả đến các vùng khác; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn cho các vùng kinh tế đang còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây Nam, Tây Bắc.

Phát triển kinh tế biển

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; sớm đưa nước ta thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Phát triển hệ thống cảng biển, vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, hải sản, dịch vụ biển; đẩy nhanh ngành công nghiệp đóng tàu biển và công nghiệp khai thác, chế biến hải sản. Phát triển mạnh, đi trước một bước một số vùng kinh tế ven biển và hải đảo.

Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ

Phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm đến năm 2010 có nguồn nhân lực với cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao; tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp còn khoảng 50% lực lượng lao động xã hội.

Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách

mạng khoa học và công nghệ. Lựa chọn và đi ngay vào công nghệ hiện đại ở một số lĩnh vực then chốt. Chú trọng phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và công nghệ sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên

Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản và rừng.

Ngăn chặn các hành vi huỷ hoại và gây ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng xuống cấp môi trường ở các lưu vực sông, đô thị, khu công nghiệp, làng nghề, nơi đông dân cư và có nhiều hoạt động kinh tế. Từng bước sử dụng công nghệ sạch, năng lượng sạch.

Tích cực phục hồi môi trường và các hệ sinh thái bị phá huỷ. Tiếp tục phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ đa dạng sinh học. Quan tâm đầu tư cho lĩnh vực môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải.

Hoàn chỉnh luật pháp, tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên.

Từng bước hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thuỷ văn; chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

V- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

1- Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương pháp dạy và học; thực hiện "chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá", chấn hưng nền giáo dục Việt Nam.

Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học; xây dựng và phát triển hệ thống học tập cho mọi người và những hình thức học tập, thực hành linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên; tạo nhiều khả năng, cơ hội khác nhau cho người học, bảo đảm sự công bằng xã hội trong giáo dục.

Phát triển giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khẩn trương điều chỉnh, khắc phục tình trạng quá tải và thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục và sách giáo khoa phổ thông có tính khoa học, đại chúng và phổ cập, phù hợp tâm lý lứa tuổi và điều kiện cụ thể của Việt Nam. Kết hợp việc tổ chức phân ban với tự chọn ở trung

học phổ thông trên cơ sở làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng từ trung học cơ sở. Bảo đảm đúng tiến độ và chất lượng phổ cập giáo dục.

Phát triển hệ thống hướng nghiệp và dạy nghề, đa dạng hoá các loại hình dạy nghề, phát triển nhanh hình thức đào tạo nghề dài hạn theo hướng hiện đại. Tăng nhanh tỉ lệ lao động được đào tạo nghề; trang bị cho số đông thanh niên những kiến thức sản xuất, kỹ năng lao động và năng lực tiếp thu công nghệ mới để chủ động tìm cơ hội lập nghiệp.

Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học, gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; khẩn trương xây dựng cơ cấu nguồn nhân lực hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo, dân tộc, vùng miền...; có cơ chế và chính sách gắn kết có hiệu quả trường đại học với cơ sở nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp để chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm đạt trình độ khu vực và quốc tế.

Bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học. Hoàn thiện hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục. Cải tiến nội dung và phương pháp thi cử nhằm đánh giá đúng trình độ tiếp thu tri thức, khả năng học tập. Khắc phục những mặt yếu kém và tiêu cực trong giáo dục.

Thực hiện xã hội hoá giáo dục. Huy động nguồn lực vật chất và trí tuệ của xã hội tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục. Phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp... để mở mang giáo dục, tạo điều kiện học tập cho mọi thành viên trong xã hội. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục.

Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục. Phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện việc miễn giảm đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo. Tiếp cận chuẩn mực giáo dục tiên tiến của thế giới phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam; tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới. Có cơ chế quản lý phù hợp đối với các trường do nước ngoài đầu tư hoặc liên kết đào tạo.

2- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của khoa học và công nghệ

Phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội, tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; giải đáp những vấn đề mới của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bước đi công nghiệp hoá, hiện đại hoá; những nguyên tắc, nội dung cơ bản của phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; phát triển con người; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới,... Thường xuyên tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận; dự báo tình hình và xu thế phát triển của thế giới, khu vực và trong nước; cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phát triển khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ, tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. Đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các ngành có lợi thế cạnh tranh, có tỉ trọng lớn trong GDP, các ngành công nghiệp hỗ trợ và tạo nhiều việc làm cho xã hội; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới. Phát triển hệ thống thông tin quốc gia về nhân lực và công nghệ.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ theo hướng Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, huy động các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Nâng cao chất lượng và khả năng thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; đẩy mạnh việc đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp.

Nhà nước khuyến khích các hoạt động sáng tạo, hoàn thiện và ứng dụng công nghệ mới, thông qua các chính sách hỗ trợ phát triển, công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Có chính sách hấp dẫn để các công ty xuyên quốc gia đầu tư và chuyển giao công nghệ mới cho các doanh nghiệp Việt Nam. Chú trọng nhập khẩu công nghệ hiện đại; từng bước phát triển mạnh công nghệ trong nước.

Trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước và ngoài nước, trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

VI- THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI NGAY TRONG TỪNG BƯỚC VÀ TỪNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, công hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc.

Khuyến khích mọi người làm giàu theo luật pháp, thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói giảm nghèo. Tạo điều kiện và cơ hội tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển, hưởng thụ các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên thoát đói nghèo vững chắc ở các vùng nghèo và các bộ phận dân cư nghèo. Khắc phục tư tưởng bao cấp, ỷ lại.

Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân về giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, tạo việc làm...

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đa dạng hoá các loại hình cứu trợ xã hội, tạo việc làm, đẩy mạnh xuất khẩu lao động, hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao... Tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, chính sách phân phối thu nhập.

Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả, bảo đảm cho sức khỏe mọi người dân được chăm sóc và bảo vệ. Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư để nâng cấp các cơ sở y tế, y tế dự phòng, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cơ bản cho toàn dân, xây dựng và hoàn thiện chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người hưởng chính sách xã hội và người nghèo trong khám, chữa bệnh. Phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao và ngoài công lập.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế. Có chiến lược, quy hoạch và cơ chế, chính sách hợp lý để phát triển hệ thống sản xuất, lưu thông, phân phối thuốc chữa bệnh; phát triển mạnh các ngành công nghiệp dược, thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền.

Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Tăng cường thể lực của thanh niên. Phát triển mạnh thể dục thể thao, kết hợp tốt thể thao phong trào và thể thao thành tích cao, dân tộc và hiện đại. Có chính sách và cơ chế phù hợp để phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng, đưa thể thao nước ta đạt vị trí cao của khu vực, từng bước tiếp cận với châu lục và thế giới ở những bộ môn Việt Nam có ưu thế...

Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản. Thúc đẩy phong trào toàn xã hội chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ và đạo đức; giảm nhanh tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Phòng chống HIV/AIDS bằng các biện pháp mạnh mẽ, kiên trì và có hiệu quả.

Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Giảm tốc độ tăng dân số. Tiếp tục duy trì kế hoạch giảm sinh và giữ mức sinh thay thế, bảo đảm quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số. Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam, thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tổ ấm của mỗi người, là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội. Vận động toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn đối với các lão thành cách mạng, những người có công với nước, người hưởng chính sách xã hội. Chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của người già, nhất là những người già cô đơn, không nơi nương tựa. Giúp đỡ nạn nhân chất độc da cam, người tàn tật, trẻ mồ côi, lang thang.

Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng. Phát triển về quy mô gắn với chất lượng và hiệu quả các dịch vụ công cộng, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị công lập và huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội. Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư tập trung cho các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, dân số, gia đình, trẻ em...; quan tâm vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời phát huy tiềm năng trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội và chăm lo phát triển các dịch vụ công cộng.

Từng bước chuyển các cơ sở công lập dịch vụ công cộng đang hoạt động theo cơ chế sự nghiệp mang nặng tính hành chính bao cấp sang cơ chế tự chủ, không bao cấp tràn lan và không vì mục tiêu lợi nhuận. Phát triển mạnh các cơ sở ngoài công lập với hai loại hình dân lập và tư nhân. Chuyển một số cơ sở thuộc loại hình công lập sang loại hình ngoài công lập. Khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước phát triển các dịch vụ công cộng. Nhà nước cùng nhân dân tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra các hoạt động dịch vụ công cộng.

Công khai mức phí tại các cơ sở dịch vụ công lập và ngoài công lập, chấm dứt

các khoản thu, chi không minh bạch và sai quy định, bảo đảm người làm dịch vụ có chế độ lương, thu nhập hợp lý, có lương tâm nghề nghiệp.

Thúc đẩy các cơ sở công lập và ngoài công lập về dịch vụ công cộng phát triển cả về quy mô và chất lượng, xây dựng các cơ sở dịch vụ đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

VII- PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI

Tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế. Bồi dưỡng các giá trị văn hoá trong thanh niên, học sinh, sinh viên, đặc biệt là lý tưởng sống, lối sống, năng lực trí tuệ, đạo đức và bản lĩnh văn hoá con người Việt Nam.

Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân trong đời sống văn hoá. Đa dạng hoá các hình thức hoạt động của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá". Phát huy tiềm năng, khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá, chú trọng công trình văn hoá lớn, tiêu biểu. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống nhà văn hoá, bảo tàng, nhà truyền thống, thư viện, phòng đọc, điểm bưu điện - văn hoá xã, khu vui chơi, giải trí...

Tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng, kháng chiến, các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của dân tộc, các giá trị văn hoá, nghệ thuật, ngôn ngữ, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc. Bảo tồn và phát huy văn hoá, văn nghệ dân gian. Kết hợp hài hoà việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hoá với các hoạt động phát triển kinh tế, du lịch.

Tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển, nâng cao chất lượng tư tưởng và văn hoá, vươn lên hiện đại về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật; đồng thời xây dựng cơ chế quản lý phù hợp, chủ động, khoa học.

Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ. Có chính sách trọng dụng các tài năng văn hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của văn nghệ sĩ. Đẩy mạnh hoạt động lý luận - phê bình văn học, nghệ thuật. Đổi mới nội dung,

phương thức hoạt động và cơ cấu tổ chức của các hội văn học, nghệ thuật từ trung ương đến địa phương.

Tăng cường quản lý của Nhà nước về văn hoá. Xây dựng cơ chế, chính sách, chế tài ổn định, phù hợp yêu cầu phát triển văn hoá trong thời kỳ mới. Tích cực mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hoá, chống sự xâm nhập của các loại văn hoá phẩm độc hại, lai căng...

Phát huy tính năng động, chủ động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội văn học, nghệ thuật, khoa học, báo chí, các hộ gia đình, cá nhân, các trí thức tham gia hoạt động trên các lĩnh vực văn hoá. Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục văn hoá - thẩm mỹ, nếp sống văn minh, hiện đại trong nhân dân.

VIII- TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, công chức và cho toàn dân, có nội dung phù hợp với từng đối tượng và đưa vào chương trình chính khoá trong các nhà trường theo cấp học, bậc học. Chú trọng giáo dục thống nhất nhận thức về đối tượng và đối tác; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần cảnh giác trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Giữ vững an ninh nội địa; giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trong nhân dân; xây dựng "thế trận lòng dân" làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế với mục tiêu tăng cường quốc phòng - an

ninh là chủ yếu, tập trung vào các địa bàn trọng điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo. Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia dưới sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp của Chính phủ, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh.

Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến. Đổi mới tổ chức, nội dung, phương pháp huấn luyện, đào tạo đi đôi với cải tiến, đổi mới vũ khí, trang bị, phương tiện phù hợp với yêu cầu tác chiến mới; phát triển khoa học quân sự, khoa học công an, nghệ thuật chiến tranh nhân dân; cải tiến phương thức hoạt động của lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách phối hợp với các tổ chức của nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Xây dựng, bổ sung cơ chế lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với hoạt động quốc phòng, an ninh. Thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính uỷ, chính trị viên, tăng cường công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội. Bổ sung quy chế phối hợp hoạt động giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại và các bộ, ngành có liên quan trong phân tích, dự báo tình hình và làm tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện. Bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách xã hội có quan hệ đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Khẩn trương chỉ đạo xây dựng và ban hành các chiến lược quốc gia như: Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược An ninh và các chiến lược chuyên ngành khác.

IX- MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI, CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững.

Phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.

Phát triển công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả". Tích cực tham gia các diễn đàn và hoạt động của nhân dân thế giới, góp phần vào cuộc đấu tranh chung vì hoà bình, phát triển công bằng, bền vững, dân chủ và tiến bộ xã hội. Tăng cường vận động viện trợ và nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất.

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương... Củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, rà soát lại các văn bản pháp quy, sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán, ổn định và minh bạch. Cải thiện môi trường đầu tư; thu hút các nguồn vốn FDI, ODA, đầu tư gián tiếp, tín dụng thương mại và các nguồn vốn khác. Xác định đúng mục tiêu sử dụng và đẩy nhanh việc giải ngân nguồn vốn ODA, cải tiến phương thức quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch trả nợ đúng hạn; duy trì tỉ lệ vay nợ nước ngoài hợp lý, an toàn.

Phát huy vai trò chủ thể và tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

Đẩy mạnh công tác văn hoá - thông tin đối ngoại, góp phần tăng cường sự hợp tác, tình hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước.

Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại vững vàng về chính trị, có trình độ ngoại ngữ và năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.

Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại với sự tham gia và phát huy trí tuệ của các cơ quan nghiên cứu và các nhà khoa học.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước.

X- PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, TIẾP TỤC ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình thông qua đường lối và chính sách,

liên hệ mật thiết với nhân dân. Nhà nước không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật và quản lý, tạo điều kiện để nhân dân được làm những việc mà pháp luật không cấm. Nhà nước và nhân dân cùng nỗ lực phấn đấu cho sự phát triển của đất nước, kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội.

Thực hiện đồng bộ các chính sách và luật pháp của Nhà nước nhằm phát huy dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) và giữ vững kỷ cương trong xã hội. Tổ chức và động viên nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, làm kinh tế giỏi, phát triển kinh tế đi liền với phát triển văn hoá - xã hội; mỗi người, mỗi hộ đều phấn đấu làm giàu cho mình, cho cộng đồng và đất nước, thu nhập chính đáng, nâng cao đời sống. Chăm lo và bảo vệ lợi ích của các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội. Tôn trọng và phát huy vai trò gương mẫu, dẫn dắt của những người tiêu biểu, có uy tín trong cộng đồng dân cư, các dân tộc, các tôn giáo..

Đối với *giai cấp công nhân*, phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Giải quyết việc làm, giảm tối đa số công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt chính sách và pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động, chăm sóc, phục hồi sức khoẻ đối với công nhân; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao. Sớm tổ chức thực hiện Quỹ trợ cấp thất nghiệp. Xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế. Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công nhân và những người lao động, chú trọng công nhân làm việc ở các khu công nghiệp và đô thị lớn. Chăm lo đào tạo cán bộ và kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú.

Đối với *giai cấp nông dân*, phát huy vai trò quan trọng trong sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện tốt chính sách về ruộng đất. Tạo điều kiện thuận lợi để giúp nông dân chuyển sang làm ngành nghề và dịch vụ. Khuyến khích nông dân hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Tăng hiệu quả sử dụng đất, tiêu thụ nông sản hàng hoá. Hỗ trợ và khuyến khích nông dân học nghề, tiếp nhận và áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ.

Đối với *trí thức*, phát huy trí tuệ và năng lực, mở rộng thông tin, phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài. Khuyến khích các trí thức, các nhà khoa học phát minh, sáng tạo. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đãi ngộ xứng đáng những cống hiến của trí thức cho công cuộc phát triển đất nước. Coi trọng vai trò tư vấn, phản biện của các

hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và văn học, nghệ thuật đối với các dự án phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Đối với *doanh nhân*, tạo điều kiện phát huy tiềm năng và vai trò tích cực trong phát triển sản xuất kinh doanh; mở rộng đầu tư trong nước và ở nước ngoài; giải quyết việc làm cho người lao động; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo dựng và giữ gìn thương hiệu hàng hoá Việt Nam.

Đối với *thế hệ trẻ*, thường xuyên giáo dục chính trị, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo môi trường thuận lợi để phát triển toàn diện. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Chú trọng bồi dưỡng nguồn cán bộ, đào tạo thanh niên trong lực lượng vũ trang có nghề khi hết thời hạn nghĩa vụ quân sự. Tạo cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài về phục vụ đất nước. Thu hút rộng rãi thanh niên, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt và phụ trách.

Đối với *phụ nữ*, nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò của người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, các hành vi xâm hại và xúc phạm nhân phẩm của phụ nữ.

Đối với *cựu chiến binh*, phát huy truyền thống "bộ đội Cụ Hồ", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và chế độ xã hội chủ nghĩa. Động viên cựu chiến binh giúp nhau cải thiện đời sống, xoá đói giảm nghèo, góp phần giáo dục lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tệ nạn xã hội; tham gia xây dựng và củng cố cơ sở chính trị, xây dựng Đảng, chính quyền ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Đối với *người cao tuổi*, chăm sóc sức khoẻ, tạo điều kiện để hưởng thụ văn hoá, được thông tin, sống vui, sống khoẻ, sống hạnh phúc. Phát huy trí tuệ, kinh nghiệm sống, lao động, chiến đấu của người cao tuổi trong xã hội và gia đình. Xây dựng gia đình "ông bà, cha mẹ mẫu mực, cháu con hiếu thảo". Giúp đỡ người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã

hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Cùng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc.

Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời, đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ. Thực hiện tốt các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hoá của đồng bào các tôn giáo. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước, vi phạm quyền tự do tôn giáo của công dân.

Đồng bào định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ đồng bào ổn định cuộc sống, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại; bảo vệ quyền lợi chính đáng của đồng bào. Có chính sách khuyến khích người Việt Nam, trí thức Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, đóng góp công sức, trí tuệ, góp phần xây dựng đất nước. Làm tốt công tác thông tin về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Có chính sách khen thưởng những người Việt Nam định cư ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng,

Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng vào cuộc sống, góp phần xây dựng sự đồng thuận trong xã hội.

Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp uỷ đảng và cấp chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

Đổi mới hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các hội quần chúng, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức; nâng cao chất lượng hoạt động; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*.

XI- PHÁT HUY DÂN CHỦ, TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Phát huy dân chủ

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội; tham gia công việc chung của Đảng, Nhà nước và xã hội. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức Đảng, Nhà nước với nhân dân. Bộ máy nhà nước, các thiết chế khác trong hệ thống chính trị không chỉ có nhiệm vụ tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, mà còn đề xuất ý kiến với Đảng trong quá trình xây dựng và hoạch định chính sách.

2. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà

nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hoàn thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, phát huy tốt hơn vai trò của đại biểu và đoàn đại biểu Quốc hội. Tổ chức lại một số Ủy ban của Quốc hội; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Đổi mới hơn nữa quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban hành pháp lệnh. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng hệ thống cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại. Luật hoá cơ cấu, tổ chức của Chính phủ; tổ chức bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực, bảo đảm tinh gọn và hợp lý. Phân cấp mạnh, giao quyền chủ động hơn nữa cho chính quyền địa phương, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư, nguồn nhân lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Trung ương.

Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Cải cách tư pháp khẩn trương, đồng bộ; lấy cải cách hoạt động xét xử làm trọng tâm; thực hiện cơ chế công tố gắn với hoạt động điều tra. Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp. Phát huy vai trò giám sát của hội đồng nhân dân. Tổ chức hợp lý chính quyền địa phương, phân định lại thẩm quyền đối với chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo.

Thực hiện các giải pháp nhằm chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của cơ quan, cán bộ, công chức. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng cả về năng lực và phẩm chất đạo đức. Có cơ chế đưa ra khỏi bộ máy nhà nước những công chức không xứng đáng, kém phẩm chất và năng lực. Thực hiện chế độ trách nhiệm trong đề cử, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo theo hướng cấp trưởng giới thiệu cấp phó, cấp sử dụng trực tiếp giới thiệu đề cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí

Toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, quy định về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ; cơ chế thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát. Đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hiện cơ chế giám sát của nhân dân thông qua các cơ quan đại diện, trực tiếp và gián tiếp đối với đảng viên, công chức, cơ quan, đơn vị. Bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công cộng và doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức.

Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện đồng bộ Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện Luật Khiếu nại và tố cáo.

Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng. Xử lý nghiêm theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước những người bao che cho tham nhũng, cố tình ngăn cản việc chống tham nhũng hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực. Biểu dương và nhân rộng những gương can đảm kiên trì chính, chí công vô tư.

Hoàn thiện cơ chế dân chủ, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng. Đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Các cấp uỷ và tổ chức đảng, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ cấp cao, phải trực tiếp tham gia và đi đầu trong việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

XII- ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỒN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Trong những năm tới, phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về

xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

1. Nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận, giải quyết đúng đắn những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Nâng cao trình độ trí tuệ, chất lượng nghiên cứu lý luận của Đảng; tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta; làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn đường lối, chính sách của Đảng trong thời kỳ mới.

Đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng trong Đảng, trước hết cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp; đổi mới nội dung, phương pháp học tập và giảng dạy trong hệ thống trường chính trị, nâng cao tính thiết thực và hiệu quả của chương trình.

Củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan chuyên ngành về công tác tư tưởng, lý luận. Tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt. Tiến hành đồng bộ công tác tư tưởng, công tác lý luận, gắn với công tác tổ chức - cán bộ và phát triển kinh tế; chống sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng; phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch.

2. Kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý và giám sát đảng viên về năng lực hoàn thành nhiệm vụ và phẩm chất, đạo đức, lối sống; đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực trong Đảng. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đảng.

Kiện toàn hệ thống tổ chức cơ sở đảng. Xác định vị thế pháp lý, thể chế hoá về mặt Nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình cơ sở. Chú ý xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; ở vùng sâu, vùng xa; tập trung củng cố các cơ sở yếu kém.

Xây dựng đội ngũ đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ; kiên định lập trường giai cấp công nhân, phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng của Đảng; năng động, sáng tạo, vững vàng trước mọi khó khăn, thử thách.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương.

Sớm có quy định và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách đảng viên và bản chất của Đảng.

Phân công đảng viên đúng người, đúng việc, tạo điều kiện để đảng viên hoàn thành nhiệm vụ. Thường xuyên tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Động viên quần chúng giám sát, nhận xét, góp ý kiến với đảng viên. Kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách.

Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên gắn với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng. Đẩy mạnh và bảo đảm chất lượng công tác phát triển Đảng. Chú trọng trẻ hoá và nâng cao trình độ của đảng viên; lấy đạo đức làm gốc, đồng thời bồi dưỡng về kiến thức, trí tuệ, năng lực để làm tròn nhiệm vụ người lãnh đạo, người đi tiên phong trong các lĩnh vực công tác được giao.

3. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra

Phát huy dân chủ đi đôi với giữ gìn kỷ luật trong Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền bàn bạc, tham gia quyết định công việc của Đảng; quyền được thông tin, tranh luận, nêu ý kiến riêng, bảo lưu ý kiến trong tổ chức; khi đã thành nghị quyết thì phải nói và làm theo nghị quyết.

Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; có cơ chế để nhân dân bày tỏ ý kiến đối với những quyết định lớn, tham gia các công việc của Đảng; khắc phục lối làm việc quan liêu, xa dân.

Hoàn thiện quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của tập thể đối với cá nhân, của tổ chức đối với tổ chức, của cá nhân đối với cá nhân và tổ chức, kể cả đối với người lãnh đạo chủ chốt và tổ chức cấp trên. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương,

chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức và cán bộ.

Đổi mới phương pháp kiểm tra và bổ sung chức năng giám sát cho uỷ ban kiểm tra đảng các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra phòng ngừa. Xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Uỷ ban Kiểm tra của Đảng với Thanh tra của Chính phủ.

4. Đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ

Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng uỷ khối ở Trung ương và các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan và người đứng đầu không rõ. Tổ chức các cơ quan tham mưu của Đảng có chất lượng cao, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp uỷ địa phương.

Cán bộ phải là người có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, hết lòng phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, của dân tộc; có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách; có năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao; có nhân cách và lối sống mẫu mực, trong sáng; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tôn trọng tập thể, gắn bó với nhân dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Chú ý đào tạo cán bộ nữ, cán bộ các dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, chuyên gia trên các lĩnh vực; bồi dưỡng nhân tài theo định hướng quy hoạch. Đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo cấp cao.

Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, bảo đảm thật sự dân chủ, khoa học, công minh. Xây dựng và hoàn thiện chế độ bầu cử, cơ chế bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ; mở rộng quyền đề cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự để lựa chọn.

Có cơ chế, chính sách phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài; thay thế kịp thời những người kém năng lực và kém phẩm chất, có khuyết điểm nghiêm trọng.

Khắc phục những biểu hiện cá nhân, cục bộ, không công tâm, nể nang, tuỳ tiện trong công tác cán bộ.

Cụ thể hoá và thể chế hoá nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu của tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

5. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế; thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng.

Tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hoá, cụ thể hoá thành Hiến pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình công tác lớn của Nhà nước; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội.

Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời, phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Thống nhất việc lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ trong hệ thống chính trị, thực hiện luân chuyển cán bộ, khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ về cán bộ. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước. Cơ quan nào vi phạm chính sách, pháp luật, để xảy ra tình trạng tiêu cực, mất đoàn kết nội bộ thì người đứng đầu phải chịu trách nhiệm.

Đổi mới phương thức lãnh đạo gắn với đổi mới phong cách và lề lối làm việc thật sự dân chủ, thiết thực, nói đi đôi với làm.

*

* . *

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta phải được hưởng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ IX

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

Báo cáo này kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng về Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 và đề ra Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 nhằm thực hiện thắng lợi Chiến lược 10 năm 2001 - 2010, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Phần thứ nhất

Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng về Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 được triển khai thực hiện trong tình hình chính trị, xã hội nước ta cơ bản ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và thực lực nền kinh tế tiếp tục được tăng cường, quan hệ quốc tế không ngừng mở rộng, những tác động tiêu cực của khủng hoảng kinh tế - tài chính khu vực năm 1997 đã được khắc phục.

Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị và an ninh quốc tế, sự phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới và những biến động giá cả trên thị trường quốc tế, nạn dịch bệnh mới xuất hiện, những diễn biến phức tạp về thời tiết và khí hậu, sự chống phá của các thế lực thù địch đã gây nhiều khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong bối cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã nỗ lực phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội IX đề ra. Công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đã đạt được những thành tựu rất quan trọng nhưng vẫn còn dưới mức khả năng phát triển của đất nước; hoạt động kinh tế, xã hội còn nhiều yếu kém, bất cập.

I - THÀNH TỰU

1- Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm (2001 - 2005) tăng bình quân

7,5%/năm^[1] (đạt kế hoạch đề ra). Năm 2005, GDP theo giá hiện hành ước đạt 838 nghìn tỉ đồng, bình quân đầu người trên 10,0 triệu đồng (tương đương khoảng 640 USD^[2]).

Nông nghiệp tiếp tục phát triển khá; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,4%/năm (kế hoạch 4,8%), giá trị tăng thêm tăng khoảng 3,8%/năm. Năng suất, sản lượng và hàm lượng công nghệ trong sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tăng đáng kể; an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm; một số sản phẩm xuất khẩu chiếm được vị trí cao trên thị trường thế giới^[3]. Trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng đã có bước tiến; độ che phủ rừng từ 33,7% năm 2000 tăng lên 37,4% năm 2005.

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư nhiều hơn. Bộ mặt nông thôn, đời sống nông dân, kể cả ở miền núi, vùng dân tộc thiểu số, có bước được cải thiện. Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vượt lũ ở đồng bằng sông Cửu Long đạt được kết quả bước đầu.

Công nghiệp và xây dựng liên tục tăng trưởng cao, giá trị tăng thêm tăng 10,2%/năm. Công nghiệp có bước chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 16%/năm (kế hoạch 13,1%), cao hơn 1,9%/năm so với 5 năm trước. Cả nước đã có trên 100 khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều khu hoạt động có hiệu quả; tỉ lệ công nghiệp chế tác, cơ khí chế tạo và nội địa hoá sản phẩm tăng. Công nghiệp ở nông thôn và miền núi tăng trưởng cao hơn tốc độ trung bình của cả nước. Một số sản phẩm công nghiệp đã cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước. Ngành xây dựng tăng trưởng 10,7%/năm, năng lực xây dựng tăng khá nhanh và có bước tiến đáng kể theo hướng hiện đại; việc xây dựng đô thị, xây dựng nhà ở đạt nhiều kết quả, hàng năm đưa thêm vào sử dụng khoảng 20 triệu m².

Dịch vụ có bước phát triển cả về quy mô, ngành nghề, thị trường và có tiến bộ về hiệu quả với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Giá trị sản xuất của các

[1] Tốc độ tăng GDP năm 2001 là 6,9%, năm 2002 là 7,08%, năm 2003 là 7,34%, năm 2004 là 7,8%, năm 2005 là 8,4%.

[2] Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, mức thu nhập trung bình tính theo GDP của các nước thuộc nhóm thu nhập thấp là 530 USD/người, trong khi của Việt Nam là 562 USD/người.

[3] Năm 2005, Việt Nam đứng thứ 2 trên thế giới về xuất khẩu gạo, cà phê và hạt điều; thứ 4 về cao su; thứ nhất về hạt tiêu.

ngành dịch vụ tăng 7,6%/năm (kế hoạch 7,5%); giá trị tăng thêm tăng gần 7%/năm (kế hoạch 6,8%). Riêng năm 2005, giá trị tăng thêm tăng 8,5%, cao hơn mức tăng GDP.

Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ tăng khoảng 15%/năm (kế hoạch 11 - 12%). Ngành du lịch phát triển khá, cả về lượng khách, loại hình và sản phẩm du lịch. Dịch vụ vận tải tăng nhanh, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu. Bưu chính - viễn thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại, đến cuối năm 2005 đạt 19 máy điện thoại và 3,2 thuê bao Internet trên 100 dân; 100% xã có điện thoại, hầu hết các xã có điểm bưu điện - văn hoá hoặc điểm bưu điện. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán, tư vấn, tin học, kỹ thuật, y tế, giáo dục, đào tạo, văn hoá... đều có bước phát triển.

2- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Về cơ cấu ngành, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 36,7% năm 2000 lên 41% năm 2005 (kế hoạch 38 - 39%); tỉ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản đã giảm từ 24,5% xuống còn 20,9% (kế hoạch 20 - 21%); tỉ trọng dịch vụ ở mức 38,1% (kế hoạch 41 - 42%).

Trong từng ngành kinh tế đã có những chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu công nghệ theo hướng tiến bộ, hiệu quả, gắn sản xuất với thị trường.

Cơ cấu kinh tế vùng đã có bước điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng; các vùng kinh tế trọng điểm, khu công nghiệp, khu kinh tế và vùng sản xuất chuyên môn hoá cây trồng, vật nuôi đang phát triển khá nhanh, đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỉ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội tăng từ 12,1% năm 2000 lên 17,9% năm 2005; lao động trong các ngành dịch vụ tăng từ 19,7% lên 25,3%; lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 68,2% xuống còn 56,8%. Tỉ trọng lao động đã qua đào tạo tăng từ 20% năm 2000 lên 25% năm 2005.

Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu. Khu vực kinh tế nhà nước đang được tổ chức lại, đổi mới và chiếm 38,4% GDP, chi phối nhiều ngành kinh tế then chốt và tập trung hơn vào những lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế. Kinh tế dân doanh phát triển khá nhanh, hoạt động có hiệu quả trên nhiều lĩnh vực, chiếm

45,7% GDP, đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là giải quyết việc làm và cải thiện đời sống nhân dân; trong đó, kinh tế hợp tác và hợp tác xã phát triển khá đa dạng (đóng góp khoảng 6,8% GDP). Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng tương đối cao, chiếm 15,9% GDP, là cầu nối quan trọng với thế giới về chuyển giao công nghệ, giao thương quốc tế.

3- Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh, vượt mức dự kiến trên 30% so với kế hoạch, (gấp 2 lần so với 5 năm trước). Vốn đầu tư của dân tăng nhanh; tỉ lệ vốn đầu tư phát triển so với GDP tăng từ 35,4% năm 2001 lên gần 39% năm 2005. Vốn đầu tư trong nước chiếm 72% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Đầu tư đã tập trung hơn cho những mục tiêu quan trọng. Lĩnh vực kinh tế chiếm 70% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 13%, công nghiệp và xây dựng trên 44%, giao thông, bưu điện trên 12%); lĩnh vực xã hội chiếm gần 27% (nhà ở, cấp thoát nước, công trình công cộng khác gần 14%, giáo dục, đào tạo gần 4%, y tế - xã hội trên 2%, văn hoá, thể thao gần 2%, khoa học và công nghệ trên 1%). Quy mô vốn đầu tư ở các vùng đều tăng; vùng nghèo, xã nghèo được Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều hơn.

Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước đã tập trung cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển nguồn nhân lực, xoá đói, giảm nghèo, hỗ trợ các vùng khó khăn (đầu tư cho nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22,2%; giao thông vận tải, bưu điện 27%; giáo dục, đào tạo 8,9%; y tế - xã hội 6,9%; văn hóa, thể thao 4,3%; khoa học và công nghệ 3,1%). Vốn đầu tư của doanh nghiệp tăng nhanh, không chỉ phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ mà còn tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng đô thị. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục được duy trì và tăng thêm, tạo nhiều công trình kết cấu hạ tầng và sản phẩm xuất khẩu.

Đầu tư đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, trong đó có nhiều công trình lớn, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

4- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định

Hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng tương đối đồng bộ; hoạt động của các loại

hình doanh nghiệp và bộ máy quản lý nhà nước được đổi mới một bước quan trọng. Một số loại thị trường mới hình thành; các loại thị trường hàng hoá, dịch vụ, lao động, khoa học và công nghệ, tài chính, bất động sản có bước phát triển phù hợp với cơ chế mới.

Năm năm qua, đã giữ được các cân đối kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế.

Quỹ tiết kiệm tăng cao, bình quân khoảng 9%/năm, đồng thời, quỹ tiêu dùng tăng 7%/năm (tiêu dùng bình quân đầu người tăng gần 5,7%/năm); nhờ đó đã có điều kiện vừa đẩy mạnh đầu tư phát triển, vừa cải thiện đời sống nhân dân.

Tiềm lực tài chính nhà nước ngày càng được tăng cường; thu ngân sách tăng trên 18%/năm, tỉ lệ GDP huy động vào ngân sách bình quân hàng năm đạt 23,8%, vượt kế hoạch. Tổng chi ngân sách nhà nước tăng trên 18%/năm; chi đầu tư phát triển chiếm bình quân khoảng 30% tổng chi ngân sách; bội chi ngân sách hàng năm gần 4,9% GDP.

Chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt hơn, giá trị đồng tiền cơ bản ổn định; cán cân thanh toán quốc tế giữ được cân bằng, dự trữ ngoại tệ tăng dần, giảm được tỉ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ tín dụng; nợ Chính phủ và nợ quốc gia vẫn trong giới hạn an toàn.

Ngân hàng nhà nước, hệ thống Ngân hàng thương mại, Quỹ hỗ trợ phát triển và các quỹ đầu tư, ngân hàng chính sách, thị trường chứng khoán, hệ thống tín dụng nhân dân được chấn chỉnh, có bước phát triển, hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Quan hệ cung – cầu cơ bản là phù hợp, bảo đảm hàng hoá thiết yếu cho sản xuất và đời sống. Hàng tiêu dùng bình quân hàng năm tăng 5,1%, riêng năm 2004 tăng 9,5% và 2005 tăng 8,4%.

5- Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng

Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế được mở rộng; việc thực hiện các cam kết về Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, quá trình đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và thực hiện các hiệp định hợp tác đa phương, song phương khác đã góp phần tạo ra một bước phát triển mới rất quan trọng về kinh tế đối ngoại, nhất là xuất khẩu.

Xuất khẩu, nhập khẩu tăng nhanh. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá 5 năm đạt trên 110,6 tỉ USD, tăng 17,5%/năm, vượt mục tiêu đề ra (kế hoạch 16%/năm);

năm 2005, xuất khẩu bình quân đầu người đạt 390 USD^[1], gấp đôi năm 2000. Xuất khẩu dịch vụ 5 năm đạt trên 21 tỉ USD, tăng 15,7%/năm, bằng 19% tổng kim ngạch xuất khẩu^[2]. Thị trường xuất khẩu được mở rộng sang một số nước và khu vực, nhất là Hoa Kỳ.

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá 5 năm khoảng 130 tỉ USD, tăng khoảng 19%/năm. Tổng kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 5 năm ước trên 21 tỉ USD, tăng 10,3%/năm. Nhập siêu hàng hoá 5 năm là 19,4 tỉ USD, bằng 17,4% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá, tuy ở mức cao nhưng vẫn trong tầm kiểm soát và có xu hướng giảm dần trong 3 năm cuối của kế hoạch 5 năm, riêng năm 2005 là 14%^[3].

Cơ cấu hàng xuất khẩu, nhập khẩu chuyển biến theo hướng tích cực. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tỉ trọng hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm từ 37,2% năm 2000 xuống còn 35,8% năm 2005; hàng nông, lâm, thuỷ sản giảm từ 29% xuống 24,5%; hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 33,9% lên 39,8%. Trong cơ cấu hàng nhập khẩu, năm 2005, nhóm máy móc, thiết bị và phụ tùng chiếm 32,5%; nhóm nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 61,3%; nhóm hàng tiêu dùng chiếm 6,2%.

Vốn đầu tư từ nước ngoài tăng khá, cả vốn ODA và vốn FDI.

Việc ký kết các hiệp định về vốn ODA trong 5 năm qua được duy trì đều đặn với tổng giá trị đạt khoảng 15 tỉ USD; vốn giải ngân đạt 7,7 tỷ USD, tập trung chủ yếu vào xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; đào tạo nguồn nhân lực; xoá đói, giảm nghèo; tăng cường thể chế; bảo vệ môi trường^[4].

Vốn FDI có bước chuyển tích cực, tổng mức vốn đăng ký đạt gần 20 tỉ USD^[5], vượt trên 33% so với kế hoạch; tổng vốn thực hiện khoảng 14,3 tỉ USD, vượt 30% so với kế hoạch và tăng 13,6% so với 5 năm trước. Năm 2005, các doanh nghiệp

[1] Năm 2004, bình quân xuất khẩu đầu người của 59 nước thu nhập thấp trên thế giới là 93 USD.

[2] Mức trung bình của thế giới khoảng 20%.

[3] Nhìn chung, các nước đang phát triển đều có tỉ lệ nhập siêu cao trong thời kỳ công nghiệp hoá. Ví dụ trong giai đoạn 1980 - 1985, tỉ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc là 11% (năm cao nhất là 20%), của Thái Lan là 39%, của Philipin là 40%.

[4] Từ năm 1993 - 2005, tổng giá trị ODA cam kết là 32,5 tỷ USD, ký kết hiệp định là 24,7 tỷ và giải ngân được 15,8 tỷ USD.

[5] Năm 2001, cấp mới và tăng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 3,2 tỷ USD, năm 2002 là 3 tỷ, năm 2003 là 3,2 tỷ, năm 2004 là 4,5 tỷ, năm 2005 là trên 6 tỷ.

FDI đóng góp 15,9% GDP, chiếm trên 33% tổng kim ngạch xuất khẩu (chiếm khoảng 50% nếu kể cả dầu khí), đóng góp trên 10% tổng thu ngân sách nhà nước (ước tính cả dầu khí thì gần 34%), tạo việc làm cho khoảng 90 vạn lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp.

Các doanh nghiệp Việt Nam đã bước đầu có một số dự án đầu tư ra nước ngoài.

6- Giáo dục và đào tạo có bước phát triển khá

Cùng với củng cố kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở đã được triển khai tích cực, đến hết năm 2005 có 31 tỉnh đạt tiêu chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học ở bậc tiểu học đạt 97,5%. Quy mô giáo dục tiếp tục được mở rộng và trình độ dân trí đã được nâng lên rõ rệt.

Số học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 12,9%/năm và dạy nghề dài hạn tăng 12%/năm, sinh viên đại học và cao đẳng tăng 8,4%/năm. Các trường sư phạm từ trung ương đến địa phương tiếp tục được củng cố và phát triển. Chất lượng dạy nghề có chuyển biến tích cực. Bước đầu đã hình thành mạng lưới dạy nghề cho lao động nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số, người tàn tật, gắn dạy nghề với tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo.

Đổi mới giáo dục đang được triển khai từ giáo dục mầm non, phổ thông, dạy nghề đến cao đẳng, đại học. Việc xã hội hoá giáo dục và đào tạo đã đạt kết quả bước đầu. Nhiều trường dân lập, tư thục bậc đại học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông và dạy nghề đã được thành lập.

Đầu tư cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo tăng lên đáng kể. Năm 2005, chi cho giáo dục và đào tạo chiếm khoảng 18% tổng chi ngân sách nhà nước; đã huy động được nhiều nguồn vốn khác để phát triển giáo dục thông qua việc phát hành công trái giáo dục, đóng góp của dân cư, của doanh nghiệp, vốn từ bên ngoài. Cơ sở vật chất của ngành đã được tăng cường, đặc biệt là đối với vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7- Khoa học và công nghệ có tiến bộ

Khoa học công nghệ đã tập trung hơn vào nghiên cứu ứng dụng, phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều thành tựu khoa học công nghệ mới được ứng dụng trong các ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp..., đã tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ mới có chất lượng cao, có sức cạnh tranh, phục vụ xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Khoa học xã hội và nhân văn đã có tiến bộ trong việc điều tra, nghiên cứu,

cung cấp tư liệu và luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc.

Khoa học tự nhiên đã tăng cường các hoạt động điều tra nghiên cứu, đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học và phòng, tránh thiên tai.

Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý, đa dạng hoá phương thức giao nhiệm vụ nghiên cứu như đấu thầu cạnh tranh hoặc hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu ứng dụng cho các doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp liên kết hoặc ký hợp đồng với các tổ chức khoa học và công nghệ. Tiềm lực và trình độ khoa học, công nghệ trong nước đã có bước phát triển; hoạt động khoa học, công nghệ được mở rộng và nâng cao hiệu quả.

Công tác bảo vệ môi trường đạt được những kết quả bước đầu. Hoạt động điều tra cơ bản về môi trường được duy trì; việc ngăn ngừa và khắc phục ô nhiễm môi trường có tiến bộ; đã ban hành một số chính sách về bảo vệ môi trường.

8- Văn hoá - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực, chỉ số phát triển con người được nâng lên

Trong 5 năm, đã tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động; các thành phần kinh tế ngoài nhà nước thu hút gần 91% lực lượng lao động xã hội và tạo 90% việc làm mới. Xuất khẩu lao động và chuyên gia bằng 2,3 lần so với 5 năm trước. Năm 2005, thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn 5,3%; thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 80,65%.

Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng (năm 2000) lên trên 10 triệu đồng (năm 2005), tăng 12,1%/năm và chỉ số phát triển con người được nâng lên^[1].

Công tác xoá đói, giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, đã thu được nhiều kết quả tốt thông qua việc trợ giúp điều kiện sản xuất, tạo việc làm, cải thiện kết cấu hạ tầng, nhà ở; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản, tăng thu nhập, cải thiện đời sống; động viên các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng và các tầng lớp dân cư tham gia. Đến cuối 2005, tỉ lệ hộ nghèo còn

[1] Theo Báo cáo Phát triển con người năm 2005 của Liên hợp quốc, chỉ số phát triển con người của Việt Nam năm 2003 là 0,704, xếp thứ 108/177 nước, trong khi tại các nước kém phát triển, chỉ số này là 0,518; tại các nước có thu nhập trung bình là 0,774.

7% (kế hoạch là 10%, theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005)^[1].

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Hoạt động y tế dự phòng được đẩy mạnh hơn. Một số dịch bệnh mới như dịch viêm phổi cấp (SARS) được ngăn chặn, khắc phục nhanh. Mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở được củng cố và phát triển; hầu hết các xã, phường trong cả nước đều có trạm y tế, trên 65% trạm có bác sĩ. Một số cơ sở y tế chuyên ngành được nâng cấp, ứng dụng công nghệ tiên tiến. Sản xuất thuốc trong nước đã chiếm khoảng 45% thị phần thuốc chữa bệnh. Chế độ khám, chữa bệnh cho người nghèo, khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi đang được triển khai thực hiện. Việc phòng, chống HIV/AIDS được đẩy mạnh hơn. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 33,4% năm 2000 xuống dưới 25% năm 2005, đạt kế hoạch; tỷ lệ chết của trẻ em dưới 1 tuổi còn 18%. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam từ 68 tuổi vào năm 1999 đã nâng lên 71,3 tuổi vào năm 2005.

Hoạt động văn hoá, thông tin phát triển đa dạng hơn, góp phần nâng cao đời sống văn hoá của nhân dân, làm tăng hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phổ biến pháp luật; phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở phát triển sâu rộng hơn. Hoạt động báo chí, phát thanh, truyền hình được đổi mới về nội dung, tăng quy mô, mở rộng phạm vi tới vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và ra nước ngoài.

Hoạt động thể dục, thể thao tiếp tục phát triển theo chiều rộng và có bước nâng cao. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của ngành thể thao đã được tăng cường đáng kể. Đã tổ chức thành công Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 và Đại hội thể thao của người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 2.

Việc chăm sóc người có công với cách mạng và trợ giúp người có đời sống khó khăn được duy trì và mở rộng. Đi đôi với mở rộng diện được hưởng chính sách trợ giúp của Nhà nước, phong trào "đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn", đã được các ngành, các cấp tổ chức, triển khai kịp thời, có hiệu quả và huy động được sự tham gia của đông đảo nhân dân.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được đẩy mạnh hơn. Nhiều địa phương đã có những giải pháp tốt phòng chống ma túy, tệ nạn mại dâm và ngăn chặn các hoạt

[1] Kết quả điều tra mức sống dân cư do Tổng cục thống kê thực hiện cho thấy, theo chuẩn quốc tế, tỷ lệ hộ nghèo của Việt Nam đã giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 19,5% vào năm 2004. Theo đánh giá của Liên hợp quốc, Việt Nam đã về đích trước 10 năm so với mục tiêu xoá đói nghèo trong thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ.

động văn hoá không lành mạnh. Các hình thức cai nghiện, quản lý người sau cai nghiện có hiệu quả hơn.

9- Đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự nghiệp phát triển đất nước tiếp tục được tăng cường

Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được phát huy, gắn với thực hiện tự do, dân chủ theo pháp luật đã động viên các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo và các tổ chức xã hội khác với nhiều hình thức đa dạng, phong phú đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

Toàn xã hội đã phát huy tinh thần tương thân tương ái, ý thức cộng đồng, nhường cơm sẻ áo, tích cực tham gia khắc phục thiên tai, giúp đỡ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, nạn nhân chất độc da cam... và chăm lo cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo.

10- Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, quan hệ đối ngoại được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội

Cải cách hành chính có bước tiến mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được tăng cường một bước; dân chủ trong xã hội tiếp tục được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường; đời sống vật chất, tinh thần và trang bị kỹ thuật của lực lượng vũ trang được cải thiện. Các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân được củng cố. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh được thực hiện tốt hơn. Công tác bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự an toàn xã hội đạt được thành tựu quan trọng; đã phát hiện, ngăn chặn nhiều âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; kiểm chế được tội phạm hình sự; xử lý nghiêm tội tham nhũng.

Hoạt động chính trị đối ngoại không ngừng được mở rộng cả trong quan hệ nhà nước và quan hệ nhân dân; đạt được kết quả quan trọng trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại đã góp phần giữ vững ổn định

chính trị, xã hội, tạo môi trường hoà bình, ổn định và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đạt được những thành tựu rất quan trọng trên là do:

Thứ nhất, Đảng ta có đường lối, chủ trương đúng đắn; Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng với tinh thần tiếp tục đổi mới đã được cụ thể hoá phù hợp với thực tiễn trong các nghị quyết của Trung ương và được thể chế hoá theo hướng xây dựng đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; sự chỉ đạo, điều hành có hiệu quả của Chính phủ; sự năng động và quyết tâm của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp khắc phục khó khăn để hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001- 2005.

Thứ ba, kết quả đầu tư của nhiều năm qua, cùng với sự huy động ngày càng cao mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn lực của dân vào công cuộc phát triển đất nước.

II. YẾU KÉM

1- Chất lượng phát triển kinh tế - xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn kém

Tốc độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua vẫn thấp hơn so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực ở thời kỳ đầu công nghiệp hoá. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp^[1].

Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào các nhân tố phát triển theo chiều rộng, vào những ngành và những sản phẩm truyền thống, công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động tăng chậm và còn thấp so với nhiều nước trong khu vực. Khả năng cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; chi phí kinh doanh cao, chất lượng và hiệu quả còn thấp^[2].

Chưa thực hiện thật tốt việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công

[1] Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, GDP và GDP bình quân đầu người của Trung Quốc là 1677 tỷ USD và 1290 USD/người; tương tự, con số này của Malaysia là 117 tỷ USD và 4650 USD/người, của Philipin là 97 tỷ USD và 1170 USD/người, của Thái Lan là 159 tỷ USD và 1540 USD/người, của Việt Nam là 45 tỷ USD và 550 USD/người.

[2] Theo báo cáo cạnh tranh kinh tế toàn cầu năm 2004 của Diễn đàn kinh tế thế giới, chỉ số cạnh tranh toàn cầu của nước ta xếp thứ 77 trên 104 nước được khảo sát, trong đó, chỉ số cạnh tranh về môi trường kinh tế vĩ mô xếp thứ 58/104, về thể chế công xếp thứ 82/104, về công nghệ xếp thứ 92/104; chỉ số cạnh tranh về kinh doanh xếp thứ 90 trên 104 nước.

bằng xã hội. Môi trường ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống.

Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả cao, tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của Nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Các nguồn lực trong dân còn nhiều tiềm năng chưa được phát huy.

2- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm

Về chuyển dịch cơ cấu ngành: Mặc dù có tốc độ tăng cao trong những năm gần đây, nhưng tỉ trọng dịch vụ trong GDP còn thấp^[1], các loại dịch vụ cao cấp, có giá trị tăng thêm lớn chưa phát triển mạnh. Trong nông nghiệp, sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ và có hiệu quả cao với thị trường; việc đưa khoa học, công nghệ vào sản xuất còn chậm; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn vẫn còn lúng túng. Trong công nghiệp, ít sản phẩm có hàm lượng công nghệ và tri thức cao; công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm; một số sản phẩm công nghiệp có sản lượng lớn còn mang tính gia công, lắp ráp, giá trị nội địa tăng chậm; công nghiệp hỗ trợ kém phát triển; tốc độ đổi mới công nghệ còn chậm^[2].

Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được các thế mạnh để đi nhanh hơn vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Chính sách hỗ trợ các vùng kém phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự liên kết vùng chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả thấp.

Các thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; chưa khai thác tốt các nguồn lực trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Việc sắp xếp, đổi mới, phát triển doanh nghiệp nhà nước còn chậm, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp. Kinh tế tư nhân chưa được tạo đủ điều kiện thuận lợi để phát triển, quy mô còn nhỏ, sức cạnh tranh còn yếu và chưa được quản lý tốt. Kinh tế tập thể kém hấp dẫn và phát triển chậm, còn nhiều lúng túng. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, việc thu hút đầu tư nước ngoài còn kém so với một số nước trong khu vực.

[1] Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2004, tỷ trọng dịch vụ trong GDP của Philipin là 54%, của Thái Lan là 46%, của Malaysia là 42%, của Việt Nam là 38%.

[2] Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, năm 2003, tỷ lệ hàng xuất khẩu công nghệ cao trong tổng xuất khẩu hàng chế tác của Malaysia chiếm 58%, Thái Lan chiếm 30%, Trung Quốc 27%, của Việt Nam là 2%.

Tỉ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao. Lao động thiếu việc làm và không có việc làm còn nhiều. Tỉ lệ lao động qua đào tạo rất thấp.

Cơ cấu đầu tư chưa thật hợp lý, chưa hướng mạnh vào đầu tư chiều sâu, vào các ngành có giá trị tăng thêm cao và tạo nhiều việc làm. Đầu tư từ ngân sách nhà nước và đầu tư của doanh nghiệp nhà nước còn dàn trải, thất thoát, hiệu quả thấp. Một số công trình lớn, quan trọng cấp quốc gia không hoàn thành theo kế hoạch. Năng lực sản xuất của một số ngành và sản phẩm quan trọng, thiết yếu tăng chậm.

Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý còn kém và chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

3- Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển

Tuy đã có cố gắng đầu tư, song kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu, hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hệ thống đường bộ chưa hoàn chỉnh, chất lượng thấp, nhiều nơi còn bị tắc nghẽn; chưa bảo đảm giao thông suốt trong mùa mưa ở các khu vực thường bị ngập lụt và miền núi. Hệ thống cảng biển, đường sắt, hàng không còn bất cập về năng lực vận chuyển, khả năng kho bãi, về thông tin, quản lý; chi phí dịch vụ vận tải còn cao.

Hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và nông thôn; các hồ chứa nước ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền núi chưa được đầu tư hoàn chỉnh; chất lượng một số công trình thấp, hiệu quả sử dụng kém. Các công trình thủy lợi tập trung nhiều cho sản xuất lúa, chưa phục vụ tốt cho phát triển cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Hệ thống thủy lợi ở đồng bằng Sông Cửu Long đầu tư thiếu đồng bộ, còn nhiều yếu kém, bất cập. Quản lý nguồn nước còn bị buông lỏng.

Hệ thống điện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cả về nguồn điện, lưới điện và chất lượng; tỉ lệ tổn thất còn cao. Một số công trình điện không hoàn thành đúng kế hoạch, gây thiếu điện trong thời gian cao điểm và khi có hạn hán nghiêm trọng.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông vẫn thiếu đồng bộ; chất lượng dịch vụ còn thấp; giá dịch vụ còn cao; hoạt động bưu chính - viễn thông ở vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu.

Kết cấu hạ tầng đô thị phát triển chậm, chất lượng quy hoạch đô thị thấp. Hệ thống cấp nước kém phát triển. Thiết bị xử lý nước lạc hậu, chất lượng nước kém; quản lý đô thị kém. Hệ thống phân phối nước và nguồn nước nhiều nơi chưa được đầu tư đồng bộ. Hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp vừa

thiếu, vừa kém chất lượng; chưa ngăn chặn được tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng.

Hạ tầng cho giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao còn thiếu, chưa đồng bộ và chất lượng thấp.

4- Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế, các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc

Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc và chưa thật đồng bộ. Thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Quản lý nhà nước đối với từng loại thị trường còn nhiều bất cập. Một số nguyên tắc của thị trường bị vi phạm.

An ninh năng lượng, cán cân thương mại, cán cân vãng lai và thanh toán quốc tế, dự trữ quốc gia, cân đối ngân sách chưa đủ vững chắc để đối phó với các tình huống biến động lớn, đột xuất có thể xảy ra.

Thu ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào nguồn thu từ thuế nhập khẩu và dầu thô. Hoạt động của hệ thống ngân hàng còn nhiều yếu kém, chất lượng tín dụng thấp, nợ xấu còn cao.

Trong tình hình giá cả thế giới có nhiều biến động, công tác quản lý giá cả thị trường, lưu thông tiền tệ có mặt chưa phù hợp, lúng túng, dễ xảy ra đầu cơ gây đột biến giá một số mặt hàng thiết yếu, bất lợi cho hoạt động kinh doanh và đời sống.

5- Hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều hạn chế

Thiếu lộ trình thật chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế; chưa gắn kết chặt chẽ tiến trình hội nhập với việc hoàn thiện pháp luật, thể chế, chính sách và cải cách cơ cấu kinh tế; việc nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, của doanh nghiệp và của nền kinh tế chưa theo kịp với yêu cầu của hội nhập.

Ti lệ hàng xuất khẩu qua chế biến, chế tác sâu còn thấp. Quy mô xuất khẩu còn nhỏ^[1]. Nhập siêu còn lớn.

Môi trường đầu tư kém hấp dẫn so với một số nước xung quanh. Chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến của các tập đoàn kinh tế lớn; chưa chủ động khai thác vốn đầu tư gián tiếp quốc tế.

[1] Theo báo cáo phát triển thế giới năm 2006 của WB, năm 2004, xuất khẩu bình quân đầu người của nước ta chỉ bằng gần 20% của Thái Lan, bằng 6% của Malayxia; bằng 70% của Trung Quốc và mới bằng 22% mức bình quân của thế giới.

Việc giải ngân vốn ODA còn chậm. Chiến lược vay và trả nợ nước ngoài chưa được chuẩn bị thật tốt.

6- Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp, nhiều vấn đề hạn chế, yếu kém chậm được khắc phục.

Chất lượng giáo dục còn nhiều yếu kém; khả năng chủ động, sáng tạo của học sinh, sinh viên ít được bồi dưỡng, năng lực thực hành của học sinh, sinh viên còn yếu. Chương trình, phương pháp dạy và học còn lạc hậu, nặng nề, chưa thật phù hợp.

Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa cân đối với giáo dục trung học phổ thông. Đào tạo nghề còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Việc xã hội hoá giáo dục được thực hiện chậm, thiếu đồng bộ. Công tác giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, chất lượng thấp. Chưa quan tâm đúng mức phát triển giáo dục và đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long, để giáo dục và đào tạo của vùng này tụt hậu kéo dài so với các vùng trong cả nước.

Công tác quản lý giáo dục, đào tạo chậm đổi mới và còn nhiều bất cập. Thanh tra giáo dục còn nhiều yếu kém; những hiện tượng tiêu cực, như bệnh thành tích, thiếu trung thực trong đánh giá kết quả giáo dục, trong học tập, tuyển sinh, thi cử, cấp bằng và tình trạng học thêm, dạy thêm tràn lan kéo dài, chậm được khắc phục.

7- Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, kể cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội chậm đổi mới; chưa có chính sách và biện pháp tốt để huy động các nguồn lực và để sử dụng có hiệu quả nguồn lực nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ; thiếu cơ chế gắn kết nghiên cứu khoa học và công nghệ với đào tạo nhân lực, nhất là ở bậc đại học và với hoạt động sản xuất, kinh doanh; chưa phát huy tác dụng tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Thị trường khoa học và công nghệ chậm được hình thành, hiệu quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học thấp; thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh.

Trình độ công nghệ trong nhiều ngành còn lạc hậu; việc chuyển giao công nghệ còn rất chậm. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ và sử dụng kém hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học còn hạn chế về trình độ, bất hợp lý về cơ cấu; thiếu cán bộ đầu ngành và các tập thể khoa học và công nghệ mạnh. Quyền sở hữu trí tuệ chưa được coi trọng đúng mức và còn bị xâm phạm.

8- Lĩnh vực văn hoá, xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc chậm được giải quyết

Việc xây dựng nếp sống văn hoá chưa được coi trọng đúng mức. Tình trạng suy thoái, xuống cấp về đạo đức, lối sống, sự gia tăng tệ nạn xã hội và tội phạm đáng lo ngại, nhất là trong lớp trẻ. Quản lý nhà nước về văn hoá còn nhiều sơ hở, yếu kém. Đấu tranh ngăn ngừa văn hoá phẩm độc hại chưa được chú ý đầy đủ, còn nhiều yếu điểm, bất cập.

Thành tựu xoá đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc. Số hộ nghèo và tái nghèo ở một số vùng còn lớn, tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới còn cao. Đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai còn nhiều khó khăn; nhiều vùng dân tộc thiểu số có tỉ lệ hộ nghèo cao hơn so với bình quân cả nước. Một số chính sách trợ giúp người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo chưa được tổ chức thực hiện tốt.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân còn nhiều bất cập. Hệ thống y tế chậm đổi mới, chất lượng dịch vụ y tế chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhân dân; điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều hạn chế. Bệnh dịch HIV/AIDS tiếp tục gia tăng. Đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội cho phát triển y tế chưa đáp ứng yêu cầu và hiệu quả chưa cao. Quản lý hoạt động khám, chữa bệnh và hành nghề y, được tư nhân kém hiệu quả. Năng lực sản xuất và cung ứng thuốc còn yếu; quản lý thị trường thuốc chữa bệnh có nhiều thiếu sót. Vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ. Chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ y tế còn nhiều bất cập; đội ngũ cán bộ y tế thiếu và yếu, cơ cấu bất hợp lý; những việc làm vi phạm đạo đức nghề nghiệp chậm được khắc phục.

Một số tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Cuộc đấu tranh chống các thói hư tật xấu thiếu các biện pháp đồng bộ và chưa tạo được chuyển biến rõ nét; tệ ma tuý, mại dâm còn diễn biến phức tạp.

Tội phạm có tổ chức và tội phạm liên quan đến ma tuý có chiều hướng gia tăng.

Việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông chưa tốt, thiếu đồng bộ, tai nạn giao thông vẫn còn nghiêm trọng, ý thức chấp hành pháp luật giao thông trong xã hội rất kém, quản lý nhà nước còn nhiều bất cập.

9- Bộ máy nhà nước chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc phát triển kinh tế, xã hội

Những yếu kém của bộ máy quản lý nhà nước và công tác cán bộ chậm được khắc phục. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu, chưa gắn với xây dựng và chỉnh đốn Đảng, với đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội,

chưa phối hợp chặt chẽ với cải cách và đổi mới hoạt động tư pháp. Cải cách tư pháp chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Năng lực và phẩm chất của nhiều cán bộ, công chức còn yếu, một bộ phận không nhỏ thoái hoá, biến chất. Dân chủ ở nhiều nơi bị vi phạm, kỷ cương phép nước chưa nghiêm. Quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng, đặc biệt là tình trạng nhũng nhiễu, cửa quyền, thiếu trách nhiệm của bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, nhất là ở các cơ quan giải quyết công việc cho dân và doanh nghiệp. Bộ máy chính quyền cơ sở nhiều nơi yếu kém.

Những thành tựu đạt được trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự chưa thật vững chắc. Việc đấu tranh chống âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch có lúc còn thiếu chủ động, chưa kịp thời. Chất lượng các tuyến phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân ở một số nơi chưa đạt yêu cầu.

Công tác đối ngoại còn có việc thiếu chiều sâu và chưa thật chủ động; công tác tuyên truyền đối ngoại còn kém; quản lý nhà nước về công tác đối ngoại chưa chặt chẽ.

Các yếu kém và bất cập về kinh tế, xã hội do nhiều nguyên nhân, trong đó *nguyên nhân chủ quan* là chủ yếu:

Thứ nhất, chậm đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; chậm xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, chưa có chính sách và giải pháp đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả; công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là một khâu yếu nhất.

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1- Đánh giá tổng quát

Năm năm qua, đất nước ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 10 năm phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá nhanh. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu. Hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng. Tiềm lực kinh tế, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường đáng kể; khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng lên. Văn hoá - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt. Đời sống vật chất và tinh thần

của nhân dân được cải thiện; xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả nổi bật. Chính trị - xã hội ổn định. Độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia được giữ vững. Thế và lực của đất nước vững mạnh thêm, vị thế quốc tế của nước ta được nâng lên rõ rệt.

Tuy nhiên, những thành tựu đã đạt được trong 5 năm qua còn *dưới mức khả năng phát triển của đất nước*, hoạt động kinh tế - xã hội còn *nhiều yếu kém, bất cập*; việc huy động và sử dụng các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực, vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội còn kém hiệu quả và chưa tương xứng với tiềm năng, hạn chế sự phát triển. Trình độ phát triển kinh tế và công nghệ vẫn tụt hậu so với nhiều nước xung quanh. Sức cạnh tranh của nền kinh tế, chất lượng và tính bền vững của sự phát triển còn kém. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế còn nhiều vướng mắc, khó khăn. Văn hoá - xã hội phát triển chưa ngang tầm và còn nhiều vấn đề bức xúc. Bộ máy nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức đổi mới chậm; quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy thật tốt. Thực trạng trên để lại nhiệm vụ nặng nề cho 5 năm 2006 - 2010.

2- Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn 5 năm qua, có thể rút ra *mấy bài học kinh nghiệm* lớn và cũng là *tư tưởng chỉ đạo* phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới là:

2.1- Bài học về phát triển nhanh và bền vững

Phát triển nhanh phải đi đôi với phát triển bền vững, hai mặt tác động lẫn nhau, được thể hiện ở cả tầm vĩ mô và vi mô, ở cả tầm ngắn hạn và dài hạn. Tăng trưởng về số lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trong khi khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, phải đặc biệt coi trọng các yếu tố phát triển theo chiều sâu. Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo. Từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Phải rất coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường ngay trong từng bước phát triển, không gây ô nhiễm và huỷ hoại môi trường.

Phát triển kinh tế phải đi đôi với việc bảo đảm ổn định chính trị - xã hội; ổn định chính trị - xã hội là tiền đề, điều kiện để phát triển nhanh và bền vững.

2.2- Bài học về huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nhất là nội lực

Nội lực có vai trò quyết định đối với sự phát triển. Có phát huy được nội lực

thì mới thu hút và sử dụng có hiệu quả ngoại lực. Nội lực được tăng cường thì mới bảo đảm được độc lập tự chủ về kinh tế và thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế thành công. Phát huy nội lực trước hết là phát huy nguồn lực con người, nguồn lực của toàn dân tộc, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tốt nhất nguồn lực của Nhà nước. Điều có ý nghĩa quyết định là phải có chính sách phù hợp để phát huy tối đa khả năng về vật chất, trí tuệ và tinh thần của mọi người dân, của các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân - một nguồn lực giàu tiềm năng của dân tộc ta - để góp phần quan trọng giải quyết việc làm, đẩy nhanh và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Ngoại lực có vai trò quan trọng cho sự phát triển. Kết hợp tốt nội lực và ngoại lực sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp xây dựng đất nước. Ngoại lực, bao gồm cả vốn đầu tư, công nghệ, kỹ năng quản lý và thị trường... bổ sung cho nội lực, tạo thêm điều kiện để huy động và sử dụng nội lực có hiệu quả cao hơn. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại lực càng trở nên quan trọng; một nước đang phát triển ở trình độ thấp như nước ta, muốn vươn lên để theo kịp các nước, không thể coi nhẹ việc thu hút và sử dụng tốt nhất ngoại lực. Muốn phát huy tốt ngoại lực, phải có một chiến lược tổng thể, nhất quán và môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, trước hết là có một hệ thống thể chế, chính sách đồng bộ, một nền hành chính minh bạch, hiệu lực, hiệu quả.

2.3- Bài học về hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ

Hội nhập kinh tế quốc tế là yêu cầu khách quan; phải chủ động, có lộ trình phù hợp với bước đi tích cực, vững chắc, không do dự chần chừ; nhưng cũng không được nóng vội, giản đơn.

Phải tích cực mở rộng thị trường bên ngoài để đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời phải chủ động mở cửa thị trường trong nước, kể cả thị trường dịch vụ, để thu hút mạnh vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý tiên tiến... từ bên ngoài, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Trong tiến trình mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, phải biết phát huy lợi thế so sánh, tạo môi trường cạnh tranh để phát triển. Đồng thời, để phát triển bền vững, bảo đảm sự ổn định, tăng khả năng độc lập tự chủ của đất nước, nhất thiết phải tăng cường tiềm lực và bảo đảm an ninh kinh tế, đi đôi với củng cố quốc phòng, an ninh. Về an ninh kinh tế, phải giữ vững các cân đối vĩ mô; ngoài an ninh lương thực và an ninh năng lượng, cần tăng nhanh dự trữ ngoại tệ, kiểm soát chặt chẽ nợ nước ngoài; phát huy cao nhất các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển có hiệu quả một số ngành và sản phẩm quan trọng, thiết yếu đối với nền kinh tế và đời sống xã hội.

2.4- Bài học về phát triển kinh tế thị trường đồng thời với chăm lo ngày càng tốt hơn phúc lợi xã hội

Giai đoạn mới của sự phát triển đất nước đòi hỏi công cuộc đổi mới phải đi vào chiều sâu và toàn diện hơn, phải dứt khoát hình thành nhanh và đồng bộ các yếu tố của kinh tế thị trường và hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ những nguyên tắc của kinh tế thị trường. Đồng thời, càng đi vào kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hoá, chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Phải đề cao vai trò, trách nhiệm của Nhà nước và sự đóng góp của toàn xã hội để thực hiện tốt yêu cầu này; phải đầu tư nhiều hơn cho lĩnh vực xã hội, thực hiện tốt hơn yêu cầu gắn kết giữa kinh tế và xã hội.

2.5- Bài học về công tác tổ chức thực hiện và tuyển chọn đúng cán bộ

Bước tiến của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội phụ thuộc một phần rất quan trọng vào ý chí và năng lực tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp; trong đó, nhân tố con người - cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống công quyền và của doanh nghiệp - có vai trò quyết định.

Muốn tổ chức thực hiện tốt, phải tuyển chọn đúng cán bộ đáp ứng được yêu cầu công việc; phải giao nhiệm vụ rõ ràng và quyền hạn tương xứng cho người đứng đầu từng tổ chức, từng đơn vị, kể cả quyền hạn về tổ chức bộ máy, nhân sự và về tài chính; đồng thời, phải yêu cầu về trách nhiệm rất cao đối với cán bộ, nhất là người đứng đầu, khi không hoàn thành được nhiệm vụ, công việc trì trệ hoặc có sai phạm, khuyết điểm phải xử lý nghiêm minh, kịp thời, kể cả thay thế. Phải có quy chế cụ thể về công tác cán bộ để đáp ứng được yêu cầu này^[1].

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

Nước ta bước vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đều lớn, đan xen nhau.

[1] Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã chỉ rõ: “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ”.

Trên thế giới, hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo; toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế sẽ được đẩy nhanh; đầu tư, lưu chuyển hàng hoá, dịch vụ, lao động và vốn ngày càng mở rộng. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục phát triển mạnh theo chiều sâu, tác động rộng lớn đến cơ cấu và sự phát triển của kinh tế thế giới, mở ra triển vọng mới cho mỗi nền kinh tế tham gia phân công lao động toàn cầu. Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động, hợp tác trong khu vực, nhất là ASEAN ngày càng mở rộng tạo thêm điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mỗi quốc gia.

Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực vẫn chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp, khó lường; các tranh chấp, xung đột cục bộ, cùng với hoạt động khủng bố quốc tế có thể gây mất ổn định ở khu vực và nhiều nơi trên thế giới. Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt vì lợi ích kinh tế và tìm cách áp đặt các rào cản trong thương mại với các nước nghèo và đang phát triển. Thị trường tài chính, tiền tệ và giá cả thế giới còn diễn biến phức tạp. Các vấn đề mang tính toàn cầu như dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, khan hiếm các nguồn năng lượng và nguyên vật liệu, khoảng cách giàu nghèo... sẽ càng trở nên gay gắt hơn.

Ở trong nước, chúng ta có được thuận lợi rất cơ bản là những thành tựu to lớn và những bài học kinh nghiệm quan trọng sau 20 năm đổi mới, nhưng cũng còn nhiều yếu kém, khuyết điểm; trong khi yêu cầu hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới ngày càng khẩn trương và sâu rộng hơn.

Những đặc điểm tình hình nêu trên đặt ra cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong 5 năm tới nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải có quyết tâm rất cao, với các giải pháp thật quyết liệt mới có thể thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 đã đề ra.

I- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2006 - 2010

1- Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đạt được bước chuyển biến quan trọng về nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển, *sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*. Cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân. Tạo được nền tảng để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển

kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

2- Các nhiệm vụ chủ yếu

(1) Giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo bước đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh, tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế, *sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng của nước đang phát triển có thu nhập thấp*^[1].

(2) Chuyển mạnh sang kinh tế thị trường, thực hiện các nguyên tắc của thị trường, hình thành đồng bộ các loại thị trường và hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với đặc điểm của nước ta.

(3) Tích cực, chủ động đẩy nhanh hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng kinh tế đối ngoại gắn với nâng cao khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế.

(4) Phát triển mạnh khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và phát triển kinh tế tri thức.

(5) Tạo chuyển biến mạnh trong việc xây dựng văn hoá, đạo đức và lối sống; kiểm chế tốc độ tăng dân số, nâng cao thể chất và sức khoẻ nhân dân; bảo vệ và cải thiện môi trường.

(6) Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết việc làm, khuyến khích làm giàu hợp pháp, xoá đói, giảm nghèo, phát triển hệ thống an sinh; đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

(7) Phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao hiệu lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo bước chuyển rõ rệt về cải cách hành chính, ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

(8) Tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội, mở rộng quan

[1] Theo dự báo năm 2004 của Ngân hàng thế giới thì ngưỡng nước có thu nhập thấp năm 2010 có thể nâng lên khoảng 950 USD/người. Như vậy, nếu Việt Nam đạt kế hoạch tăng GDP 7,5 - 8%/năm thì đến năm 2009, mức GDP bình quân đầu người dự kiến đạt trên 950 USD, đến năm 2010 đạt 1050 - 1100 USD, Việt Nam sẽ vượt mức nước có thu nhập thấp. Nếu phấn đấu đạt tốc độ tăng GDP cao hơn 8%/năm thì mốc thời gian đạt được chỉ tiêu này còn sớm hơn nữa.

hệ đối ngoại, giữ vững môi trường hoà bình và ổn định, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3- Các chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu

3.1- Về kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá so sánh gấp hơn 2,1 lần năm 2000. Trong 5 năm 2006 - 2010, tốc độ tăng trưởng GDP 7,5 - 8%/năm và phần đầu đạt trên 8%/năm. GDP bình quân đầu người năm 2010 theo giá hiện hành đạt khoảng 1.050 - 1.100 USD.

Cơ cấu ngành trong GDP năm 2010: khu vực nông nghiệp khoảng 15 - 16%; công nghiệp và xây dựng 43 - 44%; dịch vụ 40 - 41%.

Kim ngạch xuất khẩu tăng 16%/năm.

Tỉ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt 21 - 22%.

Vốn đầu tư toàn xã hội đạt khoảng 40% GDP.

Mật độ điện thoại đạt 35 máy/100 dân; mật độ Internet đạt 12,6 thuê bao/100 dân.

3.2- Về xã hội

Năm 2010, tốc độ phát triển dân số khoảng 1,14%/năm.

Lao động nông nghiệp năm 2010 chiếm dưới 50% lao động xã hội.

Tạo việc làm cho 8 triệu lao động; tỉ lệ thất nghiệp thành thị dưới 5%.

Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10 - 11% vào năm 2010^[1].

Năm 2010, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; giáo dục đại học và cao đẳng đạt 200 sinh viên /10.000 dân; lao động đã qua đào tạo chiếm 40% tổng lao động xã hội.

Tỉ lệ bác sĩ đạt 7 người/10.000 dân.

Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 2010 đạt 72 tuổi.

Tỉ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi là 16%; tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm xuống dưới 20%; tỉ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản dưới 60/100.000 trẻ đẻ sống.

3.3- Về môi trường

Đưa tỉ lệ che phủ rừng vào năm 2010 lên 42 - 43%.

[1] Theo chuẩn mới, tỉ lệ hộ nghèo năm 2005 khoảng 22%.

Năm 2010, 95% dân cư thành thị và 75% dân cư ở nông thôn được sử dụng nước sạch.

Năm 2010, 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 50% các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường; 100% số đô thị loại 3 trở lên, 50% số đô thị loại 4 và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải; 80 - 90% chất thải rắn, 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

II- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ VÙNG

1- Về kinh tế

1.1- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn

Hiện nay và trong nhiều năm tới, vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn vẫn có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng. Phải luôn luôn coi trọng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hoá lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và tạo điều kiện từng bước hình thành nền nông nghiệp sạch; phấn đấu giá trị tăng thêm trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng 3 - 3,2%/năm. Tốc độ phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn không thấp hơn tốc độ bình quân cả nước. Gắn phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền, góp phần giữ vững ổn định chính trị xã hội.

Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, chuyển mạnh sang sản xuất các loại sản phẩm có thị trường và hiệu quả kinh tế cao; đẩy mạnh thâm canh các loại cây trồng trên cơ sở áp dụng các loại quy trình sản xuất đồng bộ và tiên tiến; quy hoạch diện tích sản xuất lương thực ổn định; phát triển mạnh chăn nuôi theo hướng quy mô lớn, an toàn dịch bệnh và bền vững về môi trường. Xây dựng các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung gắn với việc chuyển giao công nghệ sản xuất và chế biến, khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, tự phát.

Phát huy lợi thế khí hậu nhiệt đới, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình bảo vệ và phát triển rừng. Nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, phát triển mạnh việc trồng mới và khai thác bền vững rừng sản xuất để nâng cao khả

năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và lâu dài về nguyên liệu gỗ cho chế biến hàng tiêu dùng và xuất khẩu; bảo đảm lợi ích thoả đáng của người được giao kinh doanh, chăm sóc và bảo vệ rừng.

Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, phục vụ xuất khẩu và thị trường nội địa đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái; chuyển đổi cơ cấu khai thác qua việc lựa chọn ngư trường, loại hình nghề nghiệp và sản phẩm để nâng cao giá trị hàng hoá, sử dụng hợp lý nguồn lợi, giảm chi phí. Nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm tăng trưởng bền vững trong sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Quy hoạch và có chính sách phát triển nghề làm muối và cải thiện đời sống diêm dân.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, nhất là những ngành nghề sử dụng nhiều lao động, coi đây là hướng chính để tạo ra nhiều việc làm mới, góp phần tăng nhanh thu nhập cho nông dân. Phát triển mạnh công nghệ bảo quản, chế biến, giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch, đồng thời nâng cao nhanh giá trị gia tăng cho các loại nông, lâm, thủy sản, nhất là sản phẩm xuất khẩu chủ lực.

Thực hiện các giải pháp đồng bộ để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn, nhất là: đưa nhanh khoa học và công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; có chính sách đủ mạnh để khuyến khích phát triển nhanh các doanh nghiệp và hoạt động dịch vụ ở nông thôn; tiếp tục đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội ở nông thôn; tập trung giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc và xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học, công nghệ; tăng cường hệ thống khuyến nông, lâm, ngư, thú y, bảo vệ thực vật và các dịch vụ kỹ thuật khác ở nông thôn, tạo sự đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong nông, lâm, ngư nghiệp. Triển khai chương trình ứng dụng công nghệ sinh học, nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi, kể cả giống thủy, hải sản đến cơ sở; chuyển giao nhanh và đồng bộ công nghệ tiên tiến trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản và công nghệ chế biến nông, lâm, thủy sản; chú ý áp dụng công nghệ cao để sản xuất nông sản, thực phẩm sạch theo tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng các khu nông nghiệp công nghệ cao. Nâng cao khả năng phòng ngừa và khắc phục dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, đặc biệt là gia súc, gia cầm và thủy sản. Xây dựng cơ chế bảo hiểm nông sản để chủ động bù đắp thiệt hại khi bị thiên tai hoặc khi giá cả biến động bất lợi, nhất là đối với lương thực.

Tạo điều kiện thuận lợi hơn để giúp nông dân chuyển sang làm ngành nghề và dịch vụ. Tiếp tục điều chỉnh chính sách khuyến khích để các doanh nghiệp và hợp

tác xã đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; giảm nhanh và hết sức hạn chế việc xuất khẩu nông, lâm, thủy sản chưa qua chế biến. Chú trọng phát triển kinh tế trang trại, các loại hình kinh tế hợp tác; đẩy nhanh việc sắp xếp lại và đổi mới quản lý các nông, lâm trường; phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa trong công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; phát triển các làng nghề. Khuyến khích nông dân bằng đóng góp quyền sử dụng đất và lao động của mình hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã, các chủ trang trại để phát triển sản xuất hàng hoá, ổn định và cải thiện đời sống. Khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.

Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và đa dạng các nguồn vốn để phát triển mạnh kết cấu hạ tầng nông thôn; thúc đẩy cơ giới hoá, hiện đại hoá nông thôn. Ưu tiên nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống thủy lợi đồng bộ, đi đôi với đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý để khai thác có hiệu quả các công trình đã đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu về nước cho nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, cho công nghiệp, dịch vụ và nước cho sinh hoạt ở nông thôn. Củng cố hệ thống hồ, đập, đê, kè ven sông, ven biển; nâng cấp các hệ thống cảnh báo, chủ động phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, bảo vệ môi trường nước. Đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng để hoàn thành có chất lượng chương trình cụm tuyến dân cư vùng ngập lũ ở đồng bằng Sông Cửu Long. Tiếp tục đầu tư phát triển giao thông nông thôn, bảo đảm các xã đều có đường ô tô tới khu trung tâm, từng bước phát triển đường ô tô tới thôn, bản; phấn đấu đến năm 2010, trên 90% hộ dân cư nông thôn có điện sinh hoạt, trên 75% dân cư nông thôn có nước sạch.

Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân và cho lao động nông thôn, nhất là các vùng Nhà nước thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển các cơ sở phi nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện cho lao động nông thôn có việc làm cả trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tại chỗ và ngoài khu vực nông thôn, kể cả ở nước ngoài. Nhà nước đầu tư nhiều hơn và phát huy khả năng trợ giúp của xã hội để thực hiện tốt xoá đói, giảm nghèo ở nông thôn, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa. Giải quyết ổn định vấn đề lương thực cho các hộ thuộc diện nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với việc giao khoán rừng.

Xây dựng hoàn chỉnh các quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn. Tổ chức chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm xây dựng các làng, xã, ấp, bản có

cuộc sống văn minh, sạch đẹp, gắn với việc hình thành các khu dân cư đô thị hoá. Phát huy dân chủ đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, bài trừ các tệ nạn xã hội ở nông thôn; gìn giữ và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc.

1.2- Phát triển nhanh hơn công nghiệp và xây dựng theo hướng nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và hiện đại hoá

Phát huy sức mạnh của tất cả các thành phần kinh tế, đa dạng hoá hình thức sở hữu và quy mô để phát triển công nghiệp và xây dựng với cơ cấu ngành nghề phù hợp với nguồn lực, lợi thế và thị trường ở các vùng, các địa phương. Nâng cao sức cạnh tranh, hàm lượng khoa học công nghệ và tỉ trọng giá trị tăng thêm, giá trị nội địa trong sản phẩm công nghiệp và xây dựng. Phát triển công nghiệp và xây dựng gắn với phát triển dịch vụ, phát triển đô thị và bảo vệ môi trường. Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị tăng thêm trong công nghiệp và xây dựng 10 - 10,2%/năm.

Phát triển đồng bộ công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp quốc phòng, góp phần xây dựng nền tảng cho một nước công nghiệp và nâng cao khả năng tự chủ của nền kinh tế. Xây dựng và thực hiện tốt chương trình phát triển công nghiệp phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Tập trung nguồn lực phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, tạo ra sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động, như: chế biến nông, lâm, thủy sản; may mặc, giày dép, đồ nhựa, đồ gỗ gia dụng; cơ khí đóng tàu, công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ, thiết bị điện, thiết bị xây dựng, máy nông nghiệp, phương tiện giao thông, sản xuất và lắp ráp cơ - điện tử; công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ thông tin, sản xuất phần mềm. Nâng tỉ trọng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu đã qua chế biến. Chú trọng phát triển công nghiệp năng lượng đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng; công nghiệp vật liệu và công nghệ tiết kiệm nguyên vật liệu; công nghiệp dược và các chế phẩm sinh học; công nghiệp bảo vệ môi trường.

Việc phát triển các ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng chủ yếu là dựa vào nguồn lực của các thành phần kinh tế, bao gồm cả đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Căn cứ vào nguồn lực và hiệu quả, Nhà nước tập trung đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư để phát triển những sản phẩm quan trọng của nền kinh tế, như: lọc hoá dầu, khai thác quặng và luyện thép, phân bón, hoá chất, xi măng, khai thác bô - xít và sản xuất nhôm, bột giấy gắn với trồng rừng, một số sản phẩm cơ khí chế tạo.

Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp trên cả nước; hình thành các vùng công nghiệp trọng điểm; gắn việc phát triển sản xuất với bảo

đảm nhà ở và các điều kiện sinh hoạt cho người lao động. Chuyển các cơ sở công nghiệp trong nội thành, nội thị, gần khu đông dân cư không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường vào các khu công nghiệp tập trung hoặc các vùng ít dân cư.

Huy động các nguồn lực (nhà nước, doanh nghiệp, nhân dân, cộng đồng) để xóa nhà ở dột nát, nhà ở tạm bợ cho người nghèo; phát triển nhanh quỹ nhà để đáp ứng cơ bản nhu cầu nhà ở cho công chức, viên chức, người lao động, sinh viên, học sinh, nhất là công nhân các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Tăng cường hợp tác liên kết, đưa ngành công nghiệp và xây dựng nước ta hội nhập vào khu vực và quốc tế, trước hết thông qua việc thu hút mạnh đầu tư và công nghệ nguồn của các công ty đa quốc gia tham gia phát triển công nghiệp và xây dựng ở Việt Nam.

1.3- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội theo hướng hiện đại

Trên cơ sở bổ sung, hoàn chỉnh quy hoạch, Nhà nước ưu tiên dành vốn ngân sách và huy động các nguồn lực khác để đẩy nhanh việc xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng trong từng vùng và trên cả nước, xem đây là một khâu đột phá để phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay và chuẩn bị cho bước tiếp theo. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển lĩnh vực này. Chú trọng các công trình quan trọng, thiết yếu, phát huy nhanh tác dụng. Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí.

Tập trung huy động các nguồn lực để ưu tiên hoàn chỉnh một bước cơ bản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sông, đường sắt, đường biển, đường hàng không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình thủy lợi có nhu cầu cấp bách, gắn với phát triển thủy điện, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nước sinh hoạt của dân cư và giảm nhẹ thiên tai.

Phát triển nhanh nguồn điện với cơ cấu hợp lý, hoàn chỉnh hệ thống truyền tải, bảo đảm sự vận hành an toàn, hiệu quả, đáp ứng đủ điện cho yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, cả ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Nhà nước tập trung đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư để phát triển nhanh ngành điện trên nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh và thực hiện cơ chế thị trường về giá bán điện, đồng thời có chính sách trợ giúp hợp lý đối với các hộ nghèo.

Tăng nhanh năng lực và hiện đại hoá bưu chính - viễn thông; tiếp tục đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng thông tin hiện đại, đồng bộ và ổn định đáp ứng cho phát

triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng trong lĩnh vực dịch vụ thông tin.

Rà soát, bổ sung và nâng cao chất lượng quy hoạch, tiếp tục tổ chức thực hiện các định hướng phát triển đô thị đến năm 2020, hình thành hệ thống đô thị phù hợp trên địa bàn cả nước; đặc biệt chú trọng phát triển các đô thị vừa và nhỏ, hạn chế tập trung dân cư vào một số ít thành phố lớn; xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, chú trọng hoàn thiện mạng lưới giao thông, hệ thống cấp nước sinh hoạt, cung cấp đủ nước sạch và giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị, các khu công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch và các quy chế về đô thị.

Nhà nước tăng tỉ trọng đầu tư ngân sách cho phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, nhất là cho giáo dục, y tế.

1.4- Tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ

Phát triển nhanh khu vực dịch vụ đáp ứng được yêu cầu và phù hợp với tiềm năng còn rất lớn của nước ta và xu hướng phát triển chung của thế giới; tận dụng tốt thời cơ hội nhập kinh tế quốc tế để tạo bước phát triển vượt bậc của khu vực dịch vụ, đưa tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP, phấn đấu đạt 7,7 - 8,2%/năm.

Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn và sức cạnh tranh cao. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống, như vận tải, thương mại, du lịch, ngân hàng, bưu chính - viễn thông. Phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, phục vụ đời sống ở nông thôn. Mở rộng các dịch vụ mới, nhất là những dịch vụ cao cấp, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao, dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Trong sự phát triển nhanh hơn của dịch vụ vận tải, cần tạo lập và phát triển mạnh dịch vụ vận tải đa phương thức và dịch vụ hỗ trợ các phương thức vận tải. Tiếp tục phát triển mạnh thương mại trong nước trên tất cả các vùng và gia tăng nhanh xuất khẩu. Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động du lịch, đa dạng hoá sản phẩm và các loại hình du lịch. Hiện đại hoá và mở rộng các dịch vụ ngân hàng theo kịp yêu cầu phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và hội nhập kinh tế quốc tế. Phát triển các dịch vụ pháp luật, kiểm toán, bảo hiểm, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá, thông tin, thể thao; tăng số lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ việc làm, an sinh xã hội.

Nhà nước kiểm soát chặt chẽ độc quyền và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia và cạnh tranh bình đẳng trên thị trường dịch vụ.

Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng^[1] là khâu đột phá quan trọng để đưa tiến trình xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá - xã hội lên một bước phát triển mới.

Trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, phải luôn coi trọng yêu cầu nâng cao các phúc lợi xã hội cơ bản của nhân dân, bảo đảm tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đối với người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách; đồng thời, không xem nhẹ việc đáp ứng những nhu cầu của bộ phận ngày càng đông dân cư có thu nhập cao hơn. Nhà nước tăng thêm ngân sách tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật để nâng cao phúc lợi chung cho toàn xã hội và bảo đảm cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản, trước hết là về y tế, giáo dục cho người nghèo, vùng nghèo, các đối tượng chính sách; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các cơ sở dịch vụ tư nhân và cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài.

Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị công lập cung ứng dịch vụ công cộng theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thực hiện hạch toán thu - chi không vì lợi nhuận; Nhà nước không bao cấp tràn lan.

Dịch vụ công cộng là lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống của nhân dân và là yếu tố quan trọng góp phần ổn định xã hội; vì vậy, việc chuyển đổi phương thức cung ứng các loại dịch vụ này cần được thực hiện một cách kiên định và tích cực, nhưng phải theo một kế hoạch đồng bộ và một lộ trình phù hợp.

1.5- Tạo bước ngoặt về hội nhập kinh tế quốc tế và hoạt động kinh tế đối ngoại

Thực hiện tốt đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước; chủ động, tích cực hội nhập kinh tế sâu hơn và đầy đủ hơn với khu vực và thế giới. Thực hiện có hiệu quả các cam kết với các nước, các tổ chức quốc tế về thương mại, đầu tư, dịch vụ và các lĩnh vực khác. Thực hiện các cam kết của Khu vực mậu dịch tự do ASEAN và tích cực tham gia quá trình xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN. Chuẩn bị tốt các điều kiện để bảo đảm thực hiện các cam kết khi nước ta gia nhập WTO.

Tiếp tục đổi mới thể chế kinh tế, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp với các quy định, thông lệ quốc tế. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, chú trọng cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực, tạo lập những

[1] Dịch vụ công cộng nêu ở đây chủ yếu bao gồm: giáo dục và đào tạo; y tế; khoa học và công nghệ; văn hoá; thể dục, thể thao.

điều kiện thuận lợi hơn nữa để khai thác lợi thế của đất nước và khắc phục những vướng mắc ảnh hưởng đến việc thu hút các nguồn vốn quốc tế, như vốn ODA, vốn đầu tư trực tiếp, gián tiếp dưới nhiều hình thức, tín dụng thương mại và các nguồn vốn quốc tế khác.

Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phấn đấu đạt trên 1/3 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm. Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn FDI; tranh thủ nguồn vốn ODA đi đôi với việc đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng và có kế hoạch đảm bảo trả nợ. Từng bước mở rộng đầu tư gián tiếp của nước ngoài và có chính sách hiệu quả hơn để thu hút kiều hối vào phát triển kinh tế. Tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế khuyến khích các hoạt động đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam.

Tận dụng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động và khẩn trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và quản lý, phát huy lợi thế so sánh, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm và dịch vụ Việt Nam tại thị trường trong nước và trên thế giới. Đẩy nhanh xuất khẩu, chủ động về nhập khẩu, kiểm chế và thu hẹp dần nhập siêu; phấn đấu tăng nhanh tỉ trọng xuất khẩu các sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao, giàu hàm lượng công nghệ, có sức cạnh tranh, tạo thêm các sản phẩm xuất khẩu chủ lực mới, hết sức hạn chế và tiến tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên và nông sản chưa qua chế biến. Củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu, tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng có khả năng cạnh tranh; tăng thêm thị phần ở các thị trường lớn và khai mở các thị trường còn nhiều tiềm năng. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm tới lên hơn hai lần 5 năm trước.

Phát huy tính năng động của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. Từng doanh nghiệp phải khẩn trương đổi mới từ tư duy đến phong cách quản lý, đổi mới thiết bị, công nghệ, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, giảm chi phí để tăng sức cạnh tranh. Xúc tiến mạnh thương mại và đầu tư, phát triển thị trường mới, sản phẩm mới và thương hiệu mới. Khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác, liên doanh với các doanh nghiệp nước ngoài và mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài.

2- Về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ:

2.1- Tạo được chuyển biến cơ bản về phát triển giáo dục và đào tạo

Đổi mới tư duy giáo dục một cách nhất quán, từ mục tiêu, chương trình, nội

dung, phương pháp đến cơ cấu và hệ thống tổ chức, cơ chế quản lý để tạo được chuyển biến cơ bản và toàn diện của nền giáo dục nước nhà, tiếp cận với trình độ giáo dục của khu vực và thế giới; khắc phục cách đối mới chắp vá, thiếu tầm nhìn tổng thể, thiếu kế hoạch đồng bộ. Xây dựng nền giáo dục của dân, do dân và vì dân; bảo đảm công bằng về cơ hội học tập cho mọi người, tạo điều kiện để toàn xã hội học tập và học tập suốt đời.

Ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng dạy và học. Đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất của nhà trường, phát huy khả năng sáng tạo và độc lập suy nghĩ của học sinh, sinh viên. Coi trọng bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên khát vọng mãnh liệt xây dựng đất nước giàu mạnh, gắn liền lập nghiệp bản thân với tương lai của cộng đồng, của dân tộc, trau dồi cho học sinh, sinh viên bản lĩnh, phẩm chất và lối sống của thế hệ trẻ Việt Nam hiện đại. Triển khai thực hiện hệ thống kiểm định khách quan, trung thực chất lượng giáo dục, đào tạo.

Hoàn chỉnh và ổn định lâu dài hệ thống giáo dục quốc dân; chú trọng phân luồng đào tạo sau trung học cơ sở; bảo đảm liên thông giữa các cấp đào tạo. Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo. Tập trung sức xây dựng một số trường đại học đạt đẳng cấp quốc tế, đào tạo nhân tài cho đất nước.

Mở rộng quy mô dạy nghề và trung học chuyên nghiệp, bảo đảm tốc độ tăng nhanh hơn đào tạo đại học, cao đẳng. Quy mô tuyển sinh dạy nghề dài hạn tăng 17%/năm và trung học chuyên nghiệp tăng hàng năm khoảng 15%. Tăng nhanh tỉ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông được học tiếp lên đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề. Phát triển rộng khắp và nâng cao chất lượng các trung tâm giáo dục cộng đồng. Tích cực triển khai hình thức giáo dục từ xa.

Đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và đào tạo. Rà soát, sắp xếp lại quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đi đôi với việc đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng các trường công lập, cần bổ sung chính sách ưu đãi để phát triển các trường ngoài công lập và các trung tâm giáo dục cộng đồng. Xúc tiến xây dựng một, hai trường đại học của Việt Nam đạt đẳng cấp quốc tế. Có lộ trình cụ thể cho việc chuyển một số cơ sở giáo dục, đào tạo công lập sang dân lập, tư thục; xoá bỏ hệ bán công. Khuyến khích thành lập mới và phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề ngoài công lập, kể cả trường do nước ngoài đầu tư.

Sửa đổi chế độ học phí đi đôi với đổi mới cơ chế tài chính giáo dục và đào tạo

theo hướng xác định đầy đủ chi phí dạy và học, chia sẻ hợp lý trách nhiệm chi trả giữa Nhà nước, xã hội và người học; thực hiện miễn, giảm học phí và cấp học bổng cho học sinh nghèo, học sinh thuộc diện chính sách và học sinh giỏi.

Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất - kỹ thuật các cấp học, mở thêm các trường nội trú, bán trú và có chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng này; phấn đấu đưa các chỉ số phát triển giáo dục và đào tạo ở đồng bằng sông Cửu Long lên ngang bằng trình độ bình quân chung của cả nước.

Đổi mới và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; Nhà nước thực hiện đúng chức năng định hướng phát triển, tạo lập khung pháp lý và kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong giáo dục và đào tạo; chống bệnh thành tích. Đổi mới tổ chức và hoạt động, đề cao và bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, nhất là trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Tập trung khắc phục những tiêu cực trong dạy thêm, học thêm, thi cử, tuyển sinh, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ, văn bằng.

Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo; từng bước xây dựng nền giáo dục hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

2.2- Phát triển mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ

Phát triển mạnh, kết hợp chặt giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu, tạo động lực đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức. Thống nhất định hướng giữa phát triển khoa học và công nghệ với chấn hưng giáo dục và đào tạo, phát huy quan hệ tương tác thúc đẩy lẫn nhau giữa hai lĩnh vực quốc sách hàng đầu này.

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong từng ngành, từng lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng nhanh năng lực khoa học và công nghệ nội sinh đi đôi với tăng cường tiếp thu, làm chủ, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng và tính thương mại của các sản phẩm khoa học và công nghệ; nâng cao ý thức chấp hành và hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ. Cùng với việc đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động khoa học và công nghệ, cần tập trung đầu tư của Nhà nước vào các chương trình nghiên cứu quốc gia, phấn đấu đạt trình độ khu vực và

thế giới; xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm, công nghệ cao. Chú trọng công tác đào tạo và bổ sung cơ chế, chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ khoa học.

Đổi mới tổ chức và xây dựng quy chế liên kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, giữa giảng dạy và nghiên cứu với thực tiễn sản xuất, kinh doanh. Xây dựng quy chế về nghiên cứu khoa học trong các trường đại học và về công tác giảng dạy, đào tạo của các viện nghiên cứu khoa học, công nghệ. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới và chuyển giao công nghệ, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển quan hệ liên kết, đặt hàng giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các tổ chức và cá nhân có nhu cầu với các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ. Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp, trước hết là các tổng công ty lớn, triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Đổi mới cơ bản cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính phù hợp với đặc thù sáng tạo và khả năng rủi ro của hoạt động khoa học và công nghệ. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp dưới các hình thức phù hợp; phát triển mạnh các doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc mọi thành phần kinh tế.

Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ với nước ngoài, thu hút nguồn lực bên ngoài phát triển khoa học và công nghệ. Khuyến khích tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Thu hút chuyên gia nước ngoài, đặc biệt là chuyên gia giỏi người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tham gia giảng dạy, phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

3- Về văn hoá, xã hội

3.1- Phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội

Đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hoá đã được xác định trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là "làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa

văn hoá của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hoá đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hoá trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân”.

Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế. Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội. Xây dựng đời sống văn hoá tiên tiến, thúc đẩy sáng tạo văn hoá và xây dựng thiết chế văn hoá. Đặc biệt coi trọng nâng cao văn hoá lãnh đạo và quản lý, văn hoá trong kinh doanh và văn hoá trong nhân cách của thanh niên, thiếu niên; chống những hiện tượng phản văn hoá, phi văn hoá.

Đẩy mạnh việc xây dựng đời sống văn hoá đại chúng, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, đi đôi với bồi dưỡng các tài năng văn hoá, khuyến khích sáng tạo nhiều công trình văn hoá, nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, tương xứng với sự nghiệp giữ nước và dựng nước, đổi mới và phát triển của dân tộc. Nâng cao chất lượng và mở rộng diện phổ biến các sản phẩm văn hoá đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá ngày càng cao, đa dạng của các tầng lớp nhân dân.

Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản và phát hành sách trên tất cả các vùng, chú ý nhiều hơn đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xúc tiến xã hội hoá các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng. Huy động các nguồn lực và sức sáng tạo trong xã hội để đầu tư xây dựng các công trình và thiết chế văn hoá, tổ chức các hoạt động văn hoá, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, đoàn thể tham gia hoạt động văn hoá, nghệ thuật, quản lý và bảo vệ di tích, di sản văn hoá.

Mở rộng giao lưu văn hoá, thông tin với thế giới.

Đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá - thông tin. Sắp xếp lại hệ thống báo chí.

3.2- Về kiểm chế tốc độ tăng dân số, chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm và an sinh xã hội

Tiếp tục kiểm chế tốc độ tăng dân số, phấn đấu đạt chỉ tiêu về dân số trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010. Chú trọng nâng cao chất lượng dân số và phân bố dân cư hợp lý giữa các vùng; xây dựng các quy hoạch và chính sách thích hợp nhằm đáp ứng xu thế chuyển dịch cơ cấu dân số ở nông thôn và

thành thị. Đưa công tác dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp đi vào nề nếp, vào từng gia đình, có chiều sâu và mang tính bền vững.

Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm tỉ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản xuống dưới 50% vào năm 2010; tăng tỉ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và đặc biệt là lao động ở khu vực dịch vụ trong tổng lao động xã hội.

Ưu tiên dành vốn đầu tư của Nhà nước và huy động vốn xã hội để giải quyết việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp. Khuyến khích người lao động tự tạo việc làm, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các ngành nghề sử dụng nhiều lao động. Chú trọng đào tạo nghề, tạo việc làm cho nông dân, nhất là những nơi đất nông nghiệp bị chuyển đổi do đô thị hoá và công nghiệp hoá. Phát triển các dịch vụ phục vụ đời sống của người lao động ở các khu công nghiệp. Tiếp tục thực hiện chương trình xuất khẩu lao động, tăng tỉ lệ lao động xuất khẩu đã qua đào tạo, quản lý chặt chẽ và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.

Tiếp tục hoàn chỉnh thể chế thị trường lao động theo hướng bảo đảm hài hoà lợi ích của người lao động và người sử dụng lao động. Đổi mới hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng đa dạng hoá hình thức và phù hợp với kinh tế thị trường; xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, thực hiện tốt chế độ bảo hộ lao động, an toàn lao động và vệ sinh lao động.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công với nước; vận động toàn xã hội tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa; nâng cao mức sống về vật chất, tinh thần của người có công bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình dân cư. Trợ giúp nạn nhân chất độc da cam, người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật nặng, tạo thuận lợi để họ hoà nhập với cộng đồng. Đổi mới nhận thức, cách làm, huy động sức mạnh toàn xã hội để ngăn chặn, đẩy lùi và giải quyết các tệ nạn xã hội.

3.3- Tiếp tục đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo

Đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện xoá đói, giảm nghèo theo hướng phát huy cao độ nội lực và kết hợp sử dụng có hiệu quả sự trợ giúp của quốc tế. Nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và trợ giúp về điều kiện sản xuất, nâng cao kiến thức để người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo và cải thiện mức sống một cách bền vững; kết hợp chính sách của Nhà nước với sự trợ giúp trực tiếp và có hiệu quả của toàn xã hội, của những người khá giả cho người nghèo, hộ nghèo, nhất là đối với những vùng đặc biệt khó khăn. Ngăn chặn tình trạng tái nghèo.

Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách đặc biệt về trợ giúp đầu tư phát triển sản xuất, nhất là đất sản xuất; trợ giúp đất ở, nhà ở, nước sạch, đào tạo nghề và tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; có chính sách khuyến khích mạnh các doanh nghiệp, trước hết là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ giàu đầu tư vốn phát triển sản xuất ở nông thôn, nhất là nông thôn vùng núi. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tham gia công cuộc xoá đói, giảm nghèo.

3.4. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển con người.

Tăng đầu tư của Nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, huyện, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; đồng thời, có chính sách trợ giúp các đối tượng chính sách, người nghèo, người có thu nhập thấp được tiếp cận dịch vụ y tế.

Phát triển hệ thống y tế dự phòng. Thực hiện tốt phong trào vệ sinh, phòng bệnh và các biện pháp kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người dân có khả năng chủ động phòng bệnh và rèn luyện nâng cao sức khoẻ.

Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế thuộc nhiều hình thức sở hữu, kể cả đầu tư ngược ngoài. Bố trí mạng lưới bệnh viện theo địa bàn dân cư, tạo thuận lợi cho người dân khám, chữa bệnh không lệ thuộc vào địa giới hành chính nơi cư trú. Mở rộng các hình thức dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà, bác sĩ gia đình, chăm sóc người già cô đơn, người tàn tật.

Hoàn thiện và củng cố mạng lưới y học cổ truyền. Vận động, khuyến khích và hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng và sử dụng các loại cây và các con vật làm thuốc chữa bệnh.

Đổi mới quản lý các bệnh viện công lập, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của bệnh viện; thí điểm và chuyển dần các bệnh viện công lập, trước hết là bệnh viện lớn, bệnh viện chuyên khoa sang hoạt động theo cơ chế hạch toán không vì lợi nhuận.

Sửa đổi chế độ viện phí theo nguyên tắc xác định đầy đủ chi phí khám, chữa

bệnh và chia sẻ hợp lý trách nhiệm chi trả giữa Nhà nước, xã hội và người bệnh; Nhà nước trợ giúp một phần hoặc toàn bộ viện phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách thông qua bảo hiểm y tế; thực hiện tốt việc khám, chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi.

Phát triển và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế; xây dựng và thực hiện tốt lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân; phát triển mạnh các loại hình bảo hiểm y tế tự nguyện, bảo hiểm y tế cộng đồng. Mở rộng diện các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế; hạn chế và giảm dần hình thức thanh toán viện phí trực tiếp từ người bệnh. Đổi mới phương thức thanh toán viện phí qua quỹ bảo hiểm y tế.

Phát triển mạnh công nghiệp dược, nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước. Củng cố mạng lưới phân phối, lưu thông và cung ứng thuốc để ổn định thị trường thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất vắc-xin, sinh phẩm dùng cho người. Phát triển công nghiệp trang bị, thiết bị y tế theo hướng hiện đại, tiếp cận và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin.

Phát huy vai trò và hiệu quả của chương trình kết hợp quân - dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Kết hợp chặt chẽ các ngành y tế, thể dục, thể thao, giáo dục, lực lượng vũ trang, các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và thực hiện chương trình nâng cao năng lực thể chất và tầm vóc con người Việt Nam, đặc biệt là thiếu niên, thanh niên.

3.5- Phát triển thể dục, thể thao

Đẩy mạnh các hoạt động thể dục, thể thao cả về quy mô và chất lượng. Khuyến khích và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

Phát triển mạnh thể thao quần chúng, thể thao nghiệp dư, trước hết là trong thanh niên, thiếu niên. Làm tốt công tác giáo dục thể chất trong trường học. Mở rộng quá trình chuyên nghiệp hoá thể thao thành tích cao. Đổi mới và tăng cường hệ thống đào tạo vận động viên trẻ.

Từng bước chuyển các đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao công lập sang áp dụng chế độ tự chủ tài chính, tiến tới tự chủ, tự chịu trách nhiệm toàn diện như các tổ chức cung ứng dịch vụ công cộng khác. Khuyến khích các doanh nghiệp ngoài công lập đầu tư và kinh doanh cơ sở luyện tập, thi đấu thể thao.

Phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các tổ chức liên đoàn, hiệp hội thể thao. Chuyển giao hoạt động tác nghiệp về thể thao cho các tổ chức xã hội và các cơ sở ngoài công lập thực hiện.

4- Tăng cường bảo vệ, cải thiện môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Coi trọng việc thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Thực hiện tốt Chương trình nghị sự XXI^[1].

Áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để ngăn chặn các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường, từng bước khắc phục tình trạng xuống cấp, cải thiện chất lượng môi trường, đặc biệt tập trung khắc phục ô nhiễm ở các lưu vực sông, các đô thị và khu công nghiệp, các làng nghề, nơi có đông dân cư và nhiều hoạt động kinh tế.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hoá với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.

Tăng cường quản lý, bảo đảm khai thác tài nguyên hợp lý và tiết kiệm; xây dựng và thực hiện nghiêm các quy định về phục hồi môi trường các khu khai thác khoáng sản và các hệ sinh thái đã bị xâm phạm, bảo đảm cân bằng sinh thái.

Nhà nước tăng cường đầu tư và đổi mới chính sách để thu hút đầu tư của xã hội vào lĩnh vực môi trường; trước hết là các hoạt động thu gom, xử lý và tái chế chất thải. Phát triển và ứng dụng công nghệ sạch hoặc công nghệ ít gây ô nhiễm môi trường.

Hoàn chỉnh pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi người dân, của toàn xã hội đối với việc phòng ngừa ô nhiễm,

[1] Tháng 9 năm 2000, cùng với 189 vị đứng đầu nhà nước và Chính phủ các quốc gia thành viên Liên hợp quốc, Việt Nam cam kết thực hiện Tuyên bố Thiên niên kỷ hay là Chương trình nghị sự XXI (viết tắt bằng tiếng Anh là MGD). MGD có 8 mục tiêu cụ thể: (1) Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực; (2) Đạt phổ cập giáo dục tiểu học; (3) Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; (4) Giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em; (5) Tăng cường sức khỏe bà mẹ; (6) Phòng chống HIV/AIDS, Sốt rét và các bệnh khác; (7) Đảm bảo bền vững về môi trường; (8) Thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển. Ngày 17 tháng 8 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 153/2004/QĐ-TTg về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam và tháng 9-2005 đã quyết định thành lập Hội đồng quốc gia về phát triển bền vững.

Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

bảo vệ và cải thiện môi trường. Thực hiện nguyên tắc người gây ra ô nhiễm phải xử lý ô nhiễm hoặc phải chi trả cho việc xử lý ô nhiễm.

Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn; chủ động phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.

5- Định hướng và chính sách phát triển vùng

Tiếp tục thực hiện các định hướng phát triển vùng của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 và các nghị quyết của Bộ Chính trị khoá IX về phát triển các vùng.

Bằng chính sách thích hợp tạo điều kiện cho tất cả các vùng trong cả nước phát triển nhanh hơn trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý mỗi vùng và liên vùng; đồng thời, tạo ra sự liên kết giữa các vùng nhằm đem lại hiệu quả cao, phát triển nhanh và ổn định, có sức cạnh tranh; khắc phục tình trạng chia cắt, khép kín theo địa giới hành chính.

Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao, trung tâm tài chính, ngân hàng, viễn thông, đào tạo và y tế chất lượng cao, trung tâm dịch vụ vận tải và giao thương quốc tế. Phát huy thế mạnh của mỗi vùng trọng điểm để các vùng này đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung của cả nước và trợ giúp các vùng khó khăn, có năng lực hội nhập kinh tế quốc tế với quy mô lớn và trình độ cao.

Có chính sách trợ giúp nhiều hơn về nguồn lực để phát triển các vùng khó khăn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bổ sung chính sách, khuyến khích các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp nước ngoài đến đầu tư, kinh doanh tại các vùng khó khăn.

Phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế. Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển, đảo; đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu và phát triển các công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ. Hình thành một số hành lang kinh tế ven biển. Nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội ở các hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung cần chú trọng tăng cường các biện pháp hữu hiệu để phòng, chống thiên tai; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, khai thác cảng biển, vận tải biển, công nghiệp chế biến xuất khẩu, lọc hoá dầu, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện, du lịch, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, trồng cây công

nghiệp; phát triển có hiệu quả các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển gắn với các cảng biển, các đô thị mới và các tuyến hành lang Đông - Tây.

Vùng trung du, miền núi Bắc Bộ và vùng Tây Nguyên cần tập trung mọi nỗ lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững, gắn chặt với việc bảo đảm an ninh, quốc phòng. Phát triển mạnh thủy điện, công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác có hiệu quả quỹ đất trồng cây công nghiệp, cây ăn quả xuất khẩu và trồng rừng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến có công nghệ hiện đại. Phát triển du lịch sinh thái và văn hóa dân tộc. Chú trọng mở rộng quan hệ thương mại với các nước láng giềng. Phát triển hài hòa giữa các tiểu vùng, giữa các tầng lớp dân cư và giữa đồng bào các dân tộc.

Vùng đồng bằng sông Hồng và vùng đồng bằng sông Cửu Long cần tập trung đầu tư trước hết là kết cấu hạ tầng để khai thác tốt hơn các lợi thế về đất, nước, lao động làm gia tăng nhanh giá trị sản phẩm nông nghiệp và nâng cao chất lượng phát triển nông nghiệp, thủy sản với công nghệ tiên tiến, tỉ suất hàng hoá cao, góp phần chủ yếu bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; đồng thời, phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tác, sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển mạnh dịch vụ với chất lượng ngày càng cao, tạo nhiều việc làm mới.

Tập trung xây dựng và phát huy vai trò của thành phố Hà Nội là trung tâm kinh tế lớn đặc biệt của phía Bắc và cả nước; xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm lớn về tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghiệp công nghệ cao, thương mại, du lịch, đào tạo, y tế chất lượng cao của phía Nam và cả nước; tiếp tục đầu tư xây dựng để phát huy vai trò quan trọng của các thành phố biển Hải Phòng, Đà Nẵng; phát huy lợi thế là cổ đô và di sản văn hoá thế giới để phát triển thành phố Huế thành một trung tâm lớn về du lịch và dịch vụ; xây dựng thành phố Cần Thơ sớm trở thành trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

6- Về kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh

Kết hợp kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh theo phương châm: phát triển kinh tế - xã hội là nền tảng để bảo vệ Tổ quốc; ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt đường lối đối ngoại, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi cơ hội củng cố hoà bình, ổn định để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là vùng biển, đảo. Sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh phải được thực hiện ngay trên từng địa bàn lãnh thổ, từ công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch và hình thành các dự án đầu tư phát triển. Xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc.

Bố trí thể trận quốc phòng, an ninh phù hợp với tình hình mới và kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, các dự án để xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở vùng biên giới, hải đảo. Rà soát lại quy hoạch và điều chỉnh đất quốc phòng, an ninh đáp ứng được yêu cầu về bố trí chiến lược quốc phòng, dành thêm đất cho phát triển kinh tế - xã hội. Có chính sách đặc biệt phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân tại các khu vực có yêu cầu đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục sắp xếp lại và nâng cao khả năng bảo đảm của công nghiệp quốc phòng; tập trung đầu tư vào những khâu đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh mà công nghiệp dân sinh không có khả năng bảo đảm. Mở rộng phương thức huy động vốn xây dựng công nghiệp quốc phòng. Có chính sách khuyến khích các nhà máy công nghiệp quốc phòng sản xuất các sản phẩm dân dụng để tăng thêm năng lực phát triển.

Bảo đảm tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của lực lượng vũ trang. Đáp ứng tốt hơn nhu cầu về vũ khí, trang bị, phương tiện kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ công nghệ cao để tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội, khả năng chủ động ứng phó của lực lượng công an trong mọi tình huống. Đầu tư cho khoa học kỹ thuật và công nghệ quốc phòng, an ninh, đồng thời có chính sách thích đáng để động viên tiềm lực khoa học và công nghệ quốc gia phục vụ quốc phòng, an ninh.

Nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; ngăn chặn kịp thời và đấu tranh có hiệu quả đối với hoạt động của các thế lực thù địch. Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và thực hiện tốt Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

III. CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP

1- Chính sách phát huy các nguồn lực

1.1- Thực hiện nhất quán các chính sách tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và phát triển mạnh mẽ các loại hình doanh nghiệp.

Mọi công dân có quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm; có quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu tài sản hợp pháp; có quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội và các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin. Việc hình thành và phát triển một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao, có uy tín lớn là một nhiệm vụ chiến lược của Nhà nước và toàn xã hội.

Nhà nước định hướng, tạo môi trường để các doanh nghiệp phát triển và hoạt động có hiệu quả theo cơ chế thị trường. Hỗ trợ sự phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn, đa sở hữu, tạo sức mạnh cho đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Thu hút ngày càng nhiều tập đoàn kinh tế lớn của các nước đến đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam.

Khuyến khích phát triển mạnh hình thức kinh tế đa sở hữu mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần thông qua việc đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và phát triển các doanh nghiệp cổ phần mới, để hình thức kinh tế này trở thành phổ biến, chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta.

Thực hiện chính sách ưu đãi hoặc hỗ trợ có điều kiện, có thời hạn đối với một số ngành, một số sản phẩm quan trọng, thiết yếu, một số mục tiêu, một số địa bàn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, không phân biệt thành phần kinh tế và phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta. Thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các luật mới được ban hành, thấu suốt quan điểm đổi mới, bảo đảm thật sự bình đẳng và tạo thêm thuận lợi đối với mọi loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh và đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế, cả trong và ngoài nước.

Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội nghề nghiệp chủ động xây dựng và tích cực triển khai thực hiện chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là về đào tạo cán bộ quản trị và đào tạo nghề cho lao động; về cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, xử lý rủi ro trong kinh doanh, bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp. Thực sự tôn vinh các doanh nhân có tài và thành đạt, đóng góp nhiều cho xã hội và Nhà nước.

1.2- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước

Khẩn trương hoàn thành một cách vững chắc kế hoạch sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước theo hướng hình thành loại hình công ty nhà nước đa sở hữu, chủ yếu là các công ty cổ phần. Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước mạnh, hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, trong đó có một số ngành chính; có nhiều chủ sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước giữ vai trò chi phối.

Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty nhà nước, nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, để vốn nhà nước được sử dụng có hiệu quả và ngày càng tăng lên, đồng thời, thu hút mạnh các nguồn lực trong, ngoài nước để phát triển. Thực hiện nguyên tắc thị trường trong việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

Nhà nước giữ cổ phần chi phối đối với các tổng công ty, công ty cổ phần hoạt động trong những ngành, những lĩnh vực thiết yếu cho việc bảo đảm những cân đối lớn của nền kinh tế; chỉ giữ 100% vốn nhà nước trong các doanh nghiệp hoạt động bảo đảm an ninh, quốc phòng và những doanh nghiệp sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích thiết yếu mà chưa cổ phần hoá được. Chuyển các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một hoặc nhiều thành viên mà chủ sở hữu là Nhà nước.

Đối với những tổng công ty lớn chưa cổ phần hoá toàn bộ tổng công ty, thực hiện cổ phần hoá hầu hết các doanh nghiệp thành viên và chuyển các doanh nghiệp thành viên còn lại sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước; đồng thời, chuyển các tổng công ty này sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổ chức lại hội đồng quản trị để thực sự là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu tại tổng công ty.

Đặt các doanh nghiệp có vốn nhà nước vào môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp khác để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh. Thu hẹp tối đa diện Nhà nước độc quyền kinh doanh, xoá bỏ đặc quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Có cơ chế giám sát và chính sách điều tiết đối với những doanh nghiệp chưa xoá bỏ được vị thế độc quyền kinh doanh. Chỉ thành lập mới doanh nghiệp nhà nước khi hội đủ các điều kiện và trong những lĩnh vực sản xuất, cung ứng những sản phẩm, dịch vụ thật cần thiết cho phát triển kinh tế - xã hội và chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần.

Xác định rõ quyền tài sản, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh, cạnh tranh và chấp nhận rủi ro của doanh nghiệp. Xây dựng cơ chế gắn trách nhiệm, quyền hạn và lợi ích của người quản lý doanh nghiệp với kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện quy chế hội đồng quản trị tuyển chọn, ký hợp đồng thuê giám đốc điều hành doanh nghiệp.

Lành mạnh hoá tình hình tài chính và lao động của doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết xử lý những doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ bằng các phương thức thích hợp.

Thực hiện cơ chế Nhà nước đầu tư vốn cho doanh nghiệp thông qua công ty đầu tư tài chính nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước huy động thêm vốn trên thị trường, nhất là thị trường chứng khoán để phát triển kinh doanh.

Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước làm tốt việc đầu tư vốn cho doanh nghiệp nhà nước và làm đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại các công ty, tổng

công ty nhà nước đã cổ phần hoá và các doanh nghiệp nhà nước độc lập chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước.

Đổi mới tổ chức và quy chế thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước gắn với việc thu hẹp và tiến tới không còn chức năng đại diện chủ sở hữu của các bộ, uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố đối với doanh nghiệp nhà nước.

Quy định rõ chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan quản lý hành chính nhà nước và của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

1.3- Tiếp tục đổi mới, tạo động lực phát triển có hiệu quả các loại hình kinh tế tập thể

Tiếp tục đổi mới chính sách để khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể với những hình thức hợp tác đa dạng, tự nguyện, đáp ứng nhu cầu của các thành viên, phù hợp với trình độ phát triển của các ngành, nghề, trên các địa bàn.

Tiếp tục nghiên cứu xây dựng mô hình hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở tổng kết các đơn vị làm tốt để tăng sức hấp dẫn, tạo động lực cho kinh tế tập thể, nhất là đối với nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Đa dạng hoá hình thức sở hữu trong kinh tế tập thể (có sở hữu pháp nhân, thể nhân). Phát triển các loại hình doanh nghiệp trong hợp tác xã và các hình thức liên hiệp hợp tác xã.

Có cơ chế để hợp tác xã có thể phát huy quyền sử dụng tư liệu sản xuất chung tại cơ sở; tách bạch giữa quyền này với quyền sở hữu của các xã viên. Khuyến khích huy động cổ phần và nguồn vốn góp của xã viên để không ngừng tăng thêm vốn đầu tư phát triển hợp tác xã. Khuyến khích tăng tài sản và quỹ không chia của hợp tác xã. Giải thể hoặc chuyển các hợp tác xã chỉ còn là hình thức sang các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

1.4- Tiếp tục phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân

Tạo điều kiện thuận lợi cho các loại hình kinh tế tư nhân đầu tư phát triển theo quy định pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn. Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử; thực sự bình đẳng, tạo thuận lợi để các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh được tiếp cận các nguồn vốn tại các tổ chức tín dụng của Nhà nước, kể cả quỹ hỗ trợ phát triển; được đáp ứng thuận lợi nhu cầu sử dụng đất làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn của tư nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân có

nhiều chủ sở hữu với hình thức công ty cổ phần. Tổng kết và có chính sách, giải pháp thúc đẩy kinh tế trang trại phát triển.

Khuyến khích tư nhân mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước, tham gia đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân lớn bán cổ phần cho người lao động.

Bảo vệ tài sản hợp pháp của công dân và doanh nghiệp. Loại bỏ các quy định pháp luật không phù hợp về việc khám xét nơi ở và làm việc, tịch thu hoặc tạm giữ tài sản của công dân và doanh nghiệp. Các cơ quan có thẩm quyền phải đền bù thích đáng về cả danh dự và vật chất cho những quyết định trái pháp luật gây thiệt hại cho công dân và doanh nghiệp.

1.5- Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài

Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh. Tạo điều kiện cho đầu tư nước ngoài tham gia nhiều hơn vào phát triển các ngành, các vùng lãnh thổ phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta.

Đa dạng hoá hình thức và cơ chế đầu tư để thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài, gồm cả đầu tư trực tiếp và gián tiếp, vào các ngành, các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ nguồn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Bảo đảm tính thống nhất, ổn định, minh bạch và ngày càng hấp dẫn trong chính sách đầu tư nước ngoài. Đổi mới phương thức quản lý nhà nước và cải tiến mạnh mẽ thủ tục đầu tư, thực hiện đúng theo các quy định của Luật Đầu tư và phù hợp với lộ trình thực hiện các cam kết quốc tế của nước ta.

1.6- Đổi mới chính sách đầu tư

Đổi mới chính sách và cải thiện môi trường đầu tư, xoá bỏ các hình thức phân biệt đối xử trong tiếp cận các cơ hội đầu tư để khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế trong nước và thu hút vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế để bảo đảm đầu tư của Nhà nước có hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí. Vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tập trung cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ, y tế và trợ giúp vùng khó khăn. Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước dành ưu tiên cho việc xây dựng các cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng có thu hồi vốn và hỗ trợ đầu tư một số dự án quan trọng thiết yếu của nền kinh tế. Đầu tư của doanh

nghiệp nhà nước hướng vào nâng cao năng lực sản xuất, đổi mới thiết bị, hiện đại hoá công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vốn của khu vực dân doanh được khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và việc làm. Khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài chuyển vốn và công nghệ về nước tham gia đầu tư.

Tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các công trình, dự án đã được ký kết; xây dựng Chiến lược thu hút và sử dụng vốn ODA cho thời kỳ mới, tập trung vào lĩnh vực kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở các trung tâm kinh tế và các vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư trực tiếp của nước ngoài, tạo lợi thế so sánh để thu hút nhiều doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới đầu tư cho sản phẩm xuất khẩu và công nghệ cao, tạo sự chuyển biến tích cực về chất lượng, số lượng và hiệu quả đầu tư nước ngoài.

Đơn giản hoá thủ tục cấp phép đầu tư đối với đầu tư nước ngoài; thu hẹp các lĩnh vực không cho phép đầu tư và những lĩnh vực đầu tư có điều kiện, mở rộng lĩnh vực đăng ký đầu tư. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển các lĩnh vực dịch vụ theo các cam kết quốc tế.

2- Phát triển đồng bộ các loại thị trường và tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.1- Phát triển đồng bộ các loại thị trường

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về kinh tế để tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường, để các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của kinh tế thị trường. Hoàn thiện hệ thống quy tắc vận hành của các tổ chức tham gia thị trường đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường và thông lệ quốc tế. Điều chỉnh mạnh chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Nhà nước theo hướng phát huy vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, tạo môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, không can thiệp trực tiếp vào sản xuất, kinh doanh.

Phát triển *thị trường hàng hoá, dịch vụ* theo hướng đẩy mạnh tự do hoá thương mại và đầu tư phù hợp với các cam kết song phương, đa phương của nước ta và theo thông lệ quốc tế; tạo bước phát triển mới, nhanh và toàn diện thị trường dịch vụ; thúc đẩy cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng; tôn trọng quyền định giá và cạnh tranh về giá cả của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý nhà nước về giá đối với một số hàng hoá, dịch vụ độc quyền phù hợp với cơ chế thị trường và nguyên tắc của hội nhập kinh tế quốc tế.

Phát triển *thị trường tài chính* theo hướng đồng bộ, có cơ cấu hoàn chỉnh; tăng nhanh quy mô và mở rộng phạm vi hoạt động; vận hành an toàn, được quản lý, giám sát hiệu quả; khuyến khích mở rộng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ phát triển thị trường tài chính; bảo vệ lợi ích hợp pháp của mọi đối tượng tham gia thị trường.

Phát triển mạnh thị trường vốn theo hướng phát triển vững mạnh hệ thống ngân hàng thương mại thuộc các thành phần kinh tế, phát huy vai trò của các ngân hàng trong việc huy động và cho vay vốn đầu tư; đồng thời khẩn trương nâng cấp và thực hiện các biện pháp đồng bộ để phát triển nhanh thị trường chứng khoán thành một kênh huy động vốn dài hạn quan trọng trong nền kinh tế. Đẩy nhanh và mở rộng diện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích hình thành các công ty cổ phần thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả các doanh nghiệp FDI, niêm yết cổ phiếu và huy động vốn qua thị trường chứng khoán. Hình thành đồng bộ thể chế về thị trường chứng khoán; tăng cường hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, phổ cập kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi cho công chúng tham gia thị trường này.

Phát triển thị trường tiền tệ theo hướng hiện đại hoá và đa dạng hoá các hình thức hoạt động; hoàn thiện hệ thống luật pháp, nâng cao sức cạnh tranh, năng lực quản trị của các ngân hàng; xoá bỏ các phân biệt đối xử trong tiếp cận nguồn vốn và tham gia thị trường, tạo môi trường bình đẳng trên thị trường tiền tệ; tăng cường liên kết giữa thị trường tiền tệ với thị trường vốn.

Phát triển *thị trường bất động sản* trên cơ sở thực hiện Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật về kinh doanh bất động sản...; hoàn thiện việc phân loại, đánh giá đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; làm cho quyền sử dụng đất chuyển thành hàng hoá một cách thuận lợi, đất đai trở thành nguồn vốn quan trọng cho phát triển.

Giá bất động sản được hình thành theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước tác động đến giá đất trên thị trường bằng các chính sách kinh tế vĩ mô trên cơ sở quan hệ cung - cầu về đất đai. Tăng cường các biện pháp chống đầu cơ, hạn chế việc giao dịch ngầm không theo quy định của pháp luật. Xây dựng hệ thống đăng ký, thông tin bất động sản. Phát triển nhanh các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của thị trường bất động sản.

Hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo môi trường thông suốt để phát triển *thị trường lao động* theo hướng gắn kết cung - cầu lao động; đa dạng hoá các hình thức giao dịch việc làm, phát huy tính tích cực và bảo đảm quyền của người lao động lựa chọn chỗ làm việc. Thực hiện rộng rãi chế độ hợp đồng lao động; bảo đảm quyền lợi

hợp pháp của cả người lao động và người sử dụng lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm và trợ cấp thất nghiệp. Tăng cường hệ thống thông tin, thống kê thị trường lao động. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

Về *thị trường khoa học, công nghệ*, thực hiện tốt Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Chuyển giao công nghệ. Đổi mới quản lý nhà nước đối với thị trường khoa học, công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với các công trình khoa học và hoạt động sáng tạo. Khuyến khích các hoạt động tư vấn, dịch vụ ứng dụng công nghệ mới và chuyển giao công nghệ. Phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc nhiều hình thức sở hữu, hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Tạo môi trường mua bán thuận lợi các sản phẩm khoa học và công nghệ, gắn kết hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, phát triển quan hệ hợp đồng giữa doanh nghiệp sản xuất với cơ sở nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ mới.

Có chính sách nhập khẩu lao động có chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và quản lý những ngành, nghề cần ưu tiên phát triển.

2.2- Chính sách tài chính, tiền tệ và tín dụng

Chính sách tài chính:

Xây dựng đồng bộ thể chế tài chính phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới chính sách quản lý tài chính nhằm tiếp tục khơi thông, giải phóng và phân bổ hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội; phát triển nền tài chính quốc gia vững mạnh, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của tài chính Việt Nam.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế theo nguyên tắc công bằng, thống nhất và đồng bộ, bảo đảm môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh. Điều chỉnh chính sách thuế theo hướng giảm và ổn định thuế suất, mở rộng đối tượng thu, điều tiết hợp lý thu nhập. Không lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế. Từng bước thực hiện phương pháp tính thuế, quản lý thu thuế, xử lý các vi phạm về thuế theo thông lệ quốc tế; hiện đại hoá công tác quản lý hành chính thuế và phát triển dịch vụ tư vấn thuế.

Đổi mới chính sách phân phối tài chính và cơ chế kết hợp nguồn lực nhà nước với các nguồn lực khác nhằm thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xoá bao cấp bất hợp lý từ ngân sách nhà nước; tăng tỉ trọng ngân sách

đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực và cho các lĩnh vực văn hoá, xã hội; bảo đảm nguồn lực cho hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước và quốc phòng, an ninh. Kết hợp sử dụng có hiệu quả nguồn lực của Nhà nước với thu hút có hiệu quả các nguồn vốn khác nhằm phát triển mạnh mẽ kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Sử dụng nguồn thu từ sổ xố kiến thiết để đầu tư các công trình phúc lợi về giáo dục, y tế; việc phân bổ đầu tư đối với từng công trình cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định; không đưa nguồn thu này thành một nguồn thu thường xuyên, ổn định của ngân sách nhà nước.

Đổi mới cơ chế quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện các công việc được ngân sách cấp kinh phí. Xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn để tạo cơ sở nâng cao chất lượng dự toán ngân sách. Tăng cường phân cấp quản lý ngân sách, bảo đảm tính thống nhất về thể chế của ngân sách nhà nước và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương. Phát huy vai trò của Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp trong việc quyết định và giám sát ngân sách. Nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong quản lý ngân sách nhà nước. Xây dựng thể chế giám sát tài chính đồng bộ; hiện đại hoá công nghệ giám sát. Chuẩn mực hoá hệ thống kế toán, kiểm toán phù hợp với thông lệ quốc tế. Thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với tất cả các cấp ngân sách, đơn vị sử dụng vốn, tài sản và ngân sách nhà nước.

Đổi mới căn bản chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước; kiên quyết xoá bỏ tình trạng bao cấp đối với sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị cung ứng dịch vụ công cộng.

Ban hành Luật Quản lý tài sản nhà nước nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả nhà, đất và các tài sản khác của Nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về dự trữ nhà nước; xây dựng lực lượng dự trữ nhà nước vững mạnh với cơ cấu hợp lý, có khả năng chủ động tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai và những biến cố bất thường xảy ra.

Chủ động mở rộng hoạt động tài chính đối ngoại và hội nhập quốc tế về tài chính; thực hiện đa dạng hoá nguồn vốn, đa phương hoá quan hệ đối tác; tăng dự trữ ngoại tệ của quốc gia; thực hiện cơ chế quản lý bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính quan trọng này. Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế vay và trả nợ nước ngoài, gắn với nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc huy động, quản lý, sử dụng và trả nợ. Quản lý chặt chẽ nợ Chính phủ và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; nâng cao hiệu quả Quỹ tích lũy trả nợ. Thực hiện thí điểm việc phát hành trái phiếu của một số doanh nghiệp lớn ra thị trường vốn quốc tế.

Chính sách tiền tệ và tín dụng:

Mục tiêu của chính sách tiền tệ trong 5 năm tới là ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát, góp phần tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an ninh hệ thống các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Kết hợp chặt chẽ chính sách tiền tệ với chính sách tài khoá để ổn định kinh tế vĩ mô, tăng dự trữ ngoại tệ, khuyến khích doanh nghiệp và nhân dân tiết kiệm, đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ *theo nguyên tắc thị trường*, khẩn trương thực hiện đầy đủ các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về hoạt động ngân hàng, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng; nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam. Thực hiện *chính sách lãi suất thoả thuận* theo nguyên tắc thị trường và đi tới loại bỏ hoàn toàn quy định hành chính đối với lãi suất ngoại tệ.

Tiếp tục thực hiện *chính sách tỉ giá hối đoái* linh hoạt theo nguyên tắc thị trường với biên độ được mở rộng hơn phù hợp với mức độ mở cửa thị trường tài chính và năng lực kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước, tiến tới thực hiện cơ chế tỉ giá hối đoái thả nổi có kiểm soát. Đổi mới *chính sách quản lý ngoại hối* theo hướng tự do hoá hoàn toàn giao dịch vãng lai, từng bước mở cửa các giao dịch vốn; thu hẹp và tiến tới xoá bỏ tình trạng sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán trên lãnh thổ Việt Nam.

Sửa đổi Luật Ngân hàng Nhà nước theo hướng nâng cao trách nhiệm và quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cải cách hệ thống thanh tra, giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng và toàn bộ thị trường tiền tệ; đồng thời, phát triển hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam đa dạng về sở hữu và loại hình tổ chức, áp dụng đầy đủ các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về quản trị ngân hàng. Đẩy nhanh tiến độ cổ phần hoá các ngân hàng thương mại nhà nước. Nâng cao chất lượng tín dụng, khả năng sinh lời, xử lý nhanh nợ đọng, giảm tỷ lệ nợ xấu xuống mức an toàn; tăng vốn tự có của các ngân hàng thương mại đạt chuẩn mực quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho dân cư và doanh nghiệp tiếp cận với các sản phẩm và tiện ích ngân hàng.

Xây dựng các ngân hàng thương mại nhà nước lớn mạnh về mọi mặt, đủ sức làm nòng cốt trong hệ thống ngân hàng thương mại trong cơ chế thị trường. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các ngân hàng chính sách phù hợp với các thông lệ quốc tế, đáp ứng tốt nhất yêu cầu phát triển của đất nước, thực hiện các

chính sách xã hội, xoá đói, giảm nghèo; tiếp tục tách tín dụng ưu đãi khỏi các ngân hàng thương mại quốc doanh.

Phát triển Quỹ tín dụng nhân dân thực sự trở thành tổ chức tín dụng hợp tác độc lập, dựa trên nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động. Tiếp tục đổi mới hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân, bảo đảm an toàn và hiệu quả.

Thực hiện mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình hội nhập quốc tế, bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và tổ chức tài chính nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng phù hợp với các cam kết quốc tế của nước ta.

Hình thành môi trường pháp luật về tiền tệ, tín dụng minh bạch và công khai. Loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp, ưu đãi và phân biệt đối xử giữa các tổ chức tín dụng. Nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật và ngăn chặn việc hình sự hoá các quan hệ dân sự, kinh tế trong lĩnh vực ngân hàng.

2.3- Đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quy hoạch, kế hoạch

Ban hành và thực thi Luật Kế hoạch hoá phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu chiến lược, công tác quy hoạch, kế hoạch, đặc biệt coi trọng các chỉ tiêu và biện pháp về chất lượng phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường; đổi mới nội dung, phương pháp xây dựng, quy trình xây dựng, thông qua và phê duyệt, triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy tối đa mọi lợi thế so sánh và nguồn lực của quốc gia, của mỗi vùng và mỗi địa phương; gắn kết giữa chiến lược, quy hoạch với kế hoạch; nâng cao tính khoa học, công khai, minh bạch, bảo đảm cho chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, thực sự là công cụ điều hành có hiệu quả của Nhà nước, thu hút được sự quan tâm của các nhà đầu tư và nhân dân.

Tăng cường chất lượng dự báo và các nghiên cứu về thị trường trong các dự án quy hoạch. Quy hoạch không gian, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải đi trước một bước và là quy hoạch có tính bắt buộc. Tăng cường công tác quy hoạch đất đai, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Khắc phục tình trạng chồng chéo và mâu thuẫn giữa quy hoạch ngành và quy hoạch lãnh thổ. Đối với các quy hoạch mang tính hướng dẫn như quy hoạch phát triển các ngành sản xuất, kinh doanh, quy hoạch các sản phẩm chủ yếu, phải coi trọng dự báo và phải điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu của thị trường. Công tác quy hoạch phải được triển khai đồng bộ từ quy hoạch tổng thể đến quy hoạch cụ thể; thu hút những chuyên gia giỏi, kể cả

chuyên gia nước ngoài trong việc xây dựng, thẩm định quy hoạch. Tăng cường quản lý thực hiện quy hoạch.

Các kế hoạch 5 năm và hàng năm phải cụ thể hoá chiến lược, quy hoạch phát triển, các cam kết quốc tế, khai thác và phát huy các nguồn lực, thể hiện rõ nét hơn tính định hướng, phân biệt rõ phần kế hoạch có tính bắt buộc như kế hoạch đầu tư bằng vốn nhà nước, dự toán ngân sách... với phần kế hoạch mang tính dự báo, hướng dẫn. Phát huy tác dụng và hiệu lực của kế hoạch cả ở cấp Trung ương và cấp địa phương; tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kế hoạch, nhất là đối với phần kế hoạch có tính bắt buộc.

Đổi mới công tác thống kê, nâng cao chất lượng và tính kịp thời của các số liệu thống kê nhằm đáp ứng tốt hơn cho việc xây dựng chính sách, điều hành nền kinh tế, nhất là các số liệu về chất lượng tăng trưởng, số liệu về lao động, việc làm, môi trường, đầu tư, số liệu về số lượng và chất lượng dịch vụ công...

3- Đẩy mạnh cải cách hành chính công, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội

Đẩy nhanh công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên cả bốn mặt: chức năng, nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; cán bộ và phương thức hoạt động. Định rõ những việc Nhà nước phải làm và bảo đảm đủ các điều kiện để làm tốt; khắc phục tình trạng buông lỏng hoặc làm thay, chông chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan của Đảng và cơ quan nhà nước; hiện đại hoá nền hành chính nhà nước.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, tiếp tục cải cách tư pháp một cách thực chất và toàn diện.

Điều chỉnh chức năng của Chính phủ đúng với vai trò là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển của giai đoạn mới; Chính phủ tập trung vào việc hoạch định thể chế, chính sách, xây dựng biện pháp, cải cách thủ tục hành chính, tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, xã hội; nâng cao năng lực và hiệu quả chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, thanh tra thực hiện thể chế; xác định rõ phạm vi và nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội của cơ quan công quyền các cấp.

Cơ cấu lại bộ máy Chính phủ theo hướng giảm các đầu mối phù hợp với yêu cầu đổi mới chức năng, nhiệm vụ. Cơ cấu lại các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước các cấp theo hướng giảm cấp phó, bỏ các cấp trung gian; giảm bộ phận phục vụ trong cơ quan hành chính, chuyển sang hình thức hợp đồng dịch vụ; phân

cấp mạnh cho cấp dưới gắn với việc hướng dẫn và thực hiện thanh tra, kiểm tra của cấp trên.

Điều chỉnh cơ cấu chính quyền địa phương cho phù hợp với những thay đổi chức năng, nhiệm vụ. Phân biệt rõ những khác biệt giữa chính quyền nông thôn và chính quyền đô thị để tổ chức bộ máy phù hợp, nghiên cứu việc giảm bớt hội đồng nhân dân cấp quận ở đô thị. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và kiểm tra hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở.

Đổi mới chính sách cán bộ và công tác quản lý cán bộ, xây dựng chế độ công vụ rõ ràng, minh bạch, đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực gắn với chế độ hưởng thù toán đáng và công bằng. Thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ và phục vụ dân đối với các cơ quan và công chức nhà nước.

Nghiên cứu để áp dụng cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan hành chính cấp dưới. Tách các hoạt động công quyền với các hoạt động cung ứng dịch vụ công để các tổ chức cung ứng dịch vụ công thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động, về tài chính và nhân sự.

Phát huy sự đa dạng về tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức phi chính phủ trong việc tham gia xây dựng và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, khắc phục tình trạng hành chính hoá các tổ chức quần chúng. Ban hành Luật về hội; phát triển nhiều hình thức tự quản của dân hoạt động theo pháp luật.

4- Thực hiện đồng bộ, kiên quyết các giải pháp để phòng, chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước

Phải thực hiện tốt vừa xây, vừa chống trong phòng, chống tham nhũng. Khẩn trương xây dựng và thực hiện kiên quyết hệ thống pháp luật đồng bộ về phòng ngừa, phát hiện và xử lý những người có hành vi tham nhũng.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế để thực hiện đầy đủ nguyên tắc Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật. Khẩn trương rà soát để giảm đến mức thấp nhất quan hệ "xin - cho" trong quản lý kinh tế. Thực hiện công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản, quản lý dự án đầu tư, xây dựng; tài chính và Ngân sách Nhà nước, huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; quản lý và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; quản lý và sử dụng đất, tài sản công; công tác cán bộ.

Tiếp tục cải cách mạnh thủ tục hành chính theo hướng phân cấp và làm rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị và người đứng đầu cơ quan; thu gọn đầu mối trong việc giải quyết mọi công việc hành chính với dân và doanh nghiệp; công khai các quy định về thủ tục hành chính để dân biết, thực hiện và giám sát. Tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức; đồng thời, có quy định về kiểm tra, kiểm soát, giám sát thu nhập của cán bộ, công chức.

Xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai cán bộ, công chức tham nhũng, không phân biệt chức vụ và địa vị xã hội còn đương chức hay đã nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác khác. Thiết lập cơ chế khuyến khích, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng; đồng thời, phát hiện và xử lý nghiêm những người bao che cho tham nhũng, ngăn cản việc chống tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, ám hại người khác, gây mất đoàn kết nội bộ. Đẩy mạnh phối hợp và hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

Tập trung làm tốt các việc sau đây:

- Điều tra, xử lý nghiêm minh, kịp thời, công khai các vụ việc tham nhũng đã được phát hiện; ban hành quy định và xử lý thích đáng, đúng pháp luật người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi xảy ra tham nhũng, gây hậu quả nghiêm trọng.

- Khẩn trương triển khai thực hiện đồng bộ Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Bổ sung, hoàn thiện Luật Khiếu nại và tố cáo. Ban hành các quy định cụ thể về thu, chi ngân sách. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở đơn vị cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị cung ứng dịch vụ công và doanh nghiệp nhà nước.

- Sớm hình thành và triển khai có hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng ở Trung ương. Các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị phải xây dựng chương trình hành động phòng, chống tham nhũng; tập trung chỉ đạo kiểm tra, thanh tra phòng, chống tham nhũng trong một số lĩnh vực trọng điểm như: quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý tài chính trong doanh nghiệp nhà nước, thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công; công tác tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt, bố trí cán bộ.

*

* *

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết nhất trí, chung sức, chung lòng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, nêu cao ý chí và quyết tâm tiếp tục đổi mới, hình thành đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, phát huy cao nhất các nguồn lực, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng phát triển, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, đưa đất nước ta vững bước tiến lên trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đánh dấu thời điểm có ý nghĩa trọng đại. Bước vào giai đoạn mới, bên cạnh những cơ hội lớn, đất nước ta và Đảng ta cũng đối mặt với những thách thức rất gay gắt. Trước tình hình đó, xây dựng Đảng với vai trò là nhiệm vụ then chốt càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là vấn đề sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Báo cáo công tác xây dựng Đảng kiểm điểm, đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, đồng thời đánh giá khái quát về tình hình Đảng và công tác xây dựng Đảng qua 20 năm đổi mới, xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của nhiệm kỳ tới.

Phần thứ nhất CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG 5 NĂM QUA VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

1. Khái quát một số nét về tình hình Đảng

Trước những khó khăn, thử thách lớn ở trong nước, những biến động bất lợi trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, trước sự chống phá của các thế lực thù địch, Đảng ta đã giữ vững bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên trì đường lối đổi mới; tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đảng có bước phát triển về tư duy, đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới đúng đắn, xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội. Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã cụ thể hóa và phát triển Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các nghị quyết Đại hội; nhận thức sâu sắc hơn về chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập kinh

tế quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng đã đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng. Đảng và Nhà nước tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý đất nước trong điều kiện mới.

Việc thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc có tiến bộ. Cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng. Đa số cán bộ, đảng viên phát huy được vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo trong công tác, lao động, rèn luyện phẩm chất, năng lực, có bước trưởng thành, đóng vai trò nòng cốt trong công cuộc đổi mới, góp phần xứng đáng vào thành quả chung của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt được một số kết quả. Việc thực hiện tự phê bình và phê bình, đẩy mạnh đấu tranh với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật nghiêm trọng được nhân dân đồng tình. Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân được nâng lên. Quy chế dân chủ ở cơ sở bước đầu được thực hiện có hiệu quả. Quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân được tiếp tục phát huy; nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản đó, cần thẳng thắn và nghiêm túc nhận rõ những khuyết điểm, yếu kém của Đảng. Nổi lên là năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; chậm làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng; chậm cụ thể hóa, thể chế hóa một số quan điểm lớn, đúng đắn về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các Nghị quyết Đại hội Đảng; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu.

Dân chủ trong Đảng và trong xã hội còn bị vi phạm. Kỷ cương, kỷ luật ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực không nghiêm. Sự đoàn kết, nhất trí ở không ít cấp uỷ còn yếu. Quan hệ giữa Đảng và nhân dân có lúc, có nơi bị xói mòn do những hạn chế, yếu kém trong công tác tư tưởng chính trị, công tác vận động quần chúng, công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý nhà nước và những khó khăn phát sinh trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế - xã hội.

Không ít tổ chức đảng yếu kém, nhất là ở cơ sở, không làm tròn vai trò hạt

nhân chính trị và nền tảng của Đảng, không đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở, thậm chí có những tổ chức cơ sở đảng tê liệt, mất sức chiến đấu. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; thiếu tính chiến đấu và tinh thần bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng; một số ít có biểu hiện bất mãn, mất lòng tin, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước. Bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có chiều hướng gia tăng; vẫn còn tình trạng “chạy chức”, “chạy quyền”, “chạy tội”, “chạy bằng cấp”. Thoái hóa, biến chất về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng, kéo dài chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, nhất là trong các cơ quan công quyền, các lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý doanh nghiệp nhà nước và quản lý tài chính, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là một nguy cơ lớn liên quan đến sự sống còn của Đảng, của chế độ.

2. Công tác xây dựng Đảng

Ưu điểm:

Đảng đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng được coi trọng. Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đang đi vào cuộc sống. Đã coi trọng và đẩy mạnh hơn công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề lý luận do thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra. Đã từng bước đổi mới công tác giáo dục tư tưởng chính trị, nghiên cứu, học tập các nghị quyết của Đảng, tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bước đầu đạt được một số kết quả. Coi trọng hơn công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nêu gương người tốt việc tốt, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, lối sống thực dụng. Công tác tư tưởng đã góp phần nâng cao nhận thức, tính tích cực của cán bộ, đảng viên, nâng cao lòng tin của nhân dân vào đường lối đổi mới, tạo sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Đảng đã quan tâm xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức. Từng bước sắp xếp tổ

chức, bộ máy, biên chế cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; điều chỉnh, bổ sung và quy định cụ thể hợp lý hơn chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động và lề lối làm việc của mỗi tổ chức. Tăng cường tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của mỗi cấp.

Đã tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng. Xác định chức năng, nhiệm vụ các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp hơn trong điều kiện hoạt động mới. Kiện toàn tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn và một bộ phận doanh nghiệp; chú ý hơn xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa, bước đầu xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị cơ sở bước đầu tạo nên một số chuyển biến tích cực, xuất hiện một số mô hình tốt và kinh nghiệm mới.

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả, nhất là ở những vùng trọng yếu, những nơi có ít hoặc chưa có đảng viên. Số lượng đảng viên mới kết nạp hằng năm đều tăng; tỉ lệ đảng viên mới kết nạp là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, là nữ, người dân tộc thiểu số, trí thức ngày càng tăng, góp phần thay đổi cơ cấu đội ngũ đảng viên theo hướng tích cực.

Công tác cán bộ có một số đổi mới về nội dung và cách làm. Đã giữ vững và thực hiện quan điểm Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện tốt hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, coi trọng hơn việc phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị và người đứng đầu các tổ chức; bước đầu tổ chức để nhân dân tham gia ý kiến vào công tác cán bộ, nhất là ở cơ sở. Tiếp tục cụ thể hoá một bước và xác định một số giải pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước”. Triển khai tương đối đồng bộ các khâu công tác cán bộ: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ. Công tác luân chuyển và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý bước đầu có chuyển biến tiến bộ, góp phần đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ và khắc phục một bước tình trạng hẫng hụt về cán bộ.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được các cấp uỷ, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo, góp phần bảo vệ Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đã làm rõ và kết luận nhiều trường hợp về lịch sử chính trị của cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao chất lượng công tác bố trí, sử dụng cán bộ, kết nạp người vào Đảng.

Việc tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp

hành Trung ương khóa IX về đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đã đạt một số kết quả nhất định.

Ban Chấp hành Trung ương và các cấp uỷ đã quan tâm hơn việc kiểm tra chấp hành đường lối, chủ trương, Điều lệ Đảng và công tác cán bộ; xây dựng chương trình kiểm tra và thực hiện kiểm tra theo chương trình, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những lĩnh vực, địa bàn có vấn đề phức tạp. Việc xử lý nghiêm hơn đối với một số cán bộ, đảng viên có sai lầm, kể cả cán bộ cao cấp, có tác dụng giáo dục, răn đe, được nhân dân đồng tình.

Đảng đã từng bước cụ thể hoá và thể chế hoá các quan điểm của Cương lĩnh về phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy tốt hơn vai trò của các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, khắc phục dần khuynh hướng Đảng bao biện làm thay, cũng như buông lỏng, xem nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng. Dân chủ trong Đảng, trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và dân chủ trong xã hội có tiến bộ.

Khuyết điểm, yếu kém:

Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cấp uỷ, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa tạo được chuyển biến cơ bản, chưa góp phần tích cực ngăn chặn và đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa nêu gương và làm tròn trách nhiệm trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Việc xử lý kỷ luật đối với những người đứng đầu để xảy ra tham nhũng, lãng phí ở ngành, địa phương, đơn vị chưa kịp thời, kiên quyết.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn nhiều hạn chế, thiếu sót; tính định hướng, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao; thiếu chủ động và sắc bén trong đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hoà bình”, chống tuyên truyền phản động của các thế lực thù địch, bác bỏ các quan điểm sai trái; thiếu những hình thức, biện pháp cụ thể, có sức thuyết phục để xây dựng, củng cố niềm tin, giải đáp những băn khoăn, vướng mắc, những vấn đề phức tạp và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong quá trình đổi mới; chưa làm tốt chức năng dự báo tình hình, chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên chủ động đi vào kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống còn chung chung, kém hiệu quả. Công tác nghiên cứu lý luận còn yếu, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới. Trong chỉ đạo, quản lý cũng như hoạt động của báo chí, xuất bản, văn hóa, nghệ thuật còn nhiều yếu kém, khuyết điểm chậm được khắc phục,

nhất là chưa ngăn chặn có hiệu quả khuynh hướng xa rời tôn chỉ mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ.

Công tác tổ chức trên một số mặt còn yếu; chưa thực hiện đầy đủ các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Chậm xây dựng, hoàn thiện tổ chức và cơ chế giám sát trong Đảng và trong hệ thống chính trị, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên. Còn thiếu những quy chế cụ thể bảo đảm phát huy dân chủ, thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo thiếu tôn trọng và phát huy quyền của đảng viên, ít lắng nghe ý kiến cấp dưới; cán bộ lãnh đạo ở một số nơi gia trưởng, độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

Nhìn chung, việc xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức chưa đạt yêu cầu tinh gọn, hiệu quả; bộ máy còn chồng chéo, chồng chéo, trách nhiệm không rõ, quan liêu, hiệu lực, hiệu quả thấp. Mối quan hệ về trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu chưa được quy định cụ thể; chưa phát huy đúng mức vai trò của cả cá nhân và tập thể, khó đánh giá được kết quả công tác và quy rõ trách nhiệm cá nhân khi có sai phạm.

Tổ chức cơ sở đảng chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức. Một số thôn bản ở vùng sâu, vùng xa chưa có tổ chức đảng và đảng viên. Một số loại hình tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan hành chính, sự nghiệp còn lúng túng về tổ chức và phương thức hoạt động. Không ít cơ sở đảng yếu kém, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu thấp; sinh hoạt đảng và quản lý đảng viên lỏng lẻo, nội dung sinh hoạt nghèo nàn; tự phê bình và phê bình yếu. Việc đánh giá tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên không ít trường hợp chưa đúng thực chất, còn hình thức.

Nhiều khuyết điểm, yếu kém trong công tác cán bộ chậm được khắc phục, nhất là việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thực hành dân chủ và chế độ trách nhiệm trong công tác. Chậm đổi mới cơ chế, phương pháp và quy trình đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ. Chưa kiên quyết và thiếu những quy chế có hiệu lực để sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém về phẩm chất và năng lực, để công việc tri tri; hầu như chỉ khi cán bộ bị kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật mới thay thế được. Chưa có chính sách đủ hiệu lực khơi dậy tài năng và thu hút nhân tài vào các lĩnh vực quan trọng. Chậm khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín, hẫng hụt cán bộ ở các địa phương, ngành.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc xem xét,

giải quyết những vấn đề chính trị hiện nay; chậm bổ sung và sửa đổi một số điểm không còn phù hợp trong Quy định 75-QĐ/TW; tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ chậm được kiện toàn. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức công tác này.

Công tác kiểm tra trong Đảng còn yếu, chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa, phát huy nhân tố tích cực. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng chưa làm tốt công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng. Công tác giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với các hoạt động của Đảng và Nhà nước chưa được quan tâm, chưa đáp ứng yêu cầu công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới.

Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm và lúng túng. Chậm nghiên cứu và ban hành những quy định cụ thể về phương thức Đảng lãnh đạo Nhà nước; chậm xây dựng các cơ chế phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thiếu những quy định cụ thể bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng. Chưa thực sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc, thực hiện nói đi đôi với làm; tình trạng nói nhiều làm ít, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm còn diễn ra ở nhiều nơi.

Những thành tựu và yếu kém trong 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với vai trò, trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử; đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam; Đảng luôn luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với giai cấp và dân tộc, kiên định, vững vàng trước mọi thách thức, sáng suốt lãnh đạo đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta tiến lên. Qua đó, Đảng ngày càng tích lũy thêm được nhiều kinh nghiệm; nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Bên cạnh những ưu điểm còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, chưa theo kịp với đòi hỏi của tình hình mới; nổi lên là sự suy thoái của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra nghiêm trọng; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn, đẩy lùi, làm giảm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nguyên nhân:

Những khuyết điểm, yếu kém nói trên có những nguyên nhân khách quan và chủ quan:

Về khách quan, những diễn biến nhanh chóng và phức tạp của tình hình thế giới; sự tấn công rất thâm độc của các thế lực thù địch, nhất là trên lĩnh vực tư tưởng chính trị; những mặt trái của kinh tế thị trường, của quá trình hội nhập quốc tế... đã tác động nhiều mặt đến công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng và phát huy dân chủ... là những vấn đề mới, khó khăn và phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, đòi hỏi phải vừa làm vừa tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Về chủ quan, chậm đổi mới tư duy về công tác xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc, có mặt chưa rõ, chưa thống nhất một số vấn đề quan trọng ở tầm quan điểm, chủ trương; chưa cụ thể hóa và tổ chức thực hiện kịp thời, đồng bộ một số quan điểm lớn, đúng đắn về xây dựng Đảng đã đề ra trong Cương lĩnh và các nghị quyết của Đảng. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm, chưa đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế.

Việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương về xây dựng Đảng chưa nghiêm, thiếu các biện pháp cụ thể, khả thi. Nhiều tổ chức, cấp ủy đảng và bí thư cấp ủy chưa đầu tư đúng mức thời gian, công sức cho công tác xây dựng Đảng. Công tác kiểm tra còn nhiều hạn chế cả về tổ chức và hoạt động; chưa có cơ chế giám sát trong Đảng và giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ tổ chức và cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp, thiếu ý thức tu dưỡng rèn luyện về phẩm chất đạo đức và năng lực, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, không hoàn thành nhiệm vụ nhưng chưa được xử lý kịp thời, kiên quyết.

3. Bài học kinh nghiệm chủ yếu qua 20 năm đổi mới

Từ thực tiễn xây dựng Đảng những năm đổi mới, có thể khái quát một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

Một là, phải kiên trì đường lối đổi mới, đổi mới toàn diện, có nguyên tắc và sáng tạo; trong quá trình đổi mới, phải luôn luôn giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không đa nguyên, đa đảng.

Hai là, Đảng phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đổi mới công tác xây dựng Đảng. Phát huy dân chủ trong Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ vững kỷ cương, kỷ luật; thường xuyên tự phê bình và phê bình; giữ gìn và tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, đấu tranh kiên quyết đối với những phần tử cơ hội. Xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, thẩm quyền, trách nhiệm rõ ràng, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng.

Ba là, Đảng phải chăm lo xây dựng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh chính trị, phẩm chất, trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn để hoàn thành nhiệm vụ. Phải tạo sự chuyển biến thực sự và đồng bộ trong công tác cán bộ trên tất cả các khâu đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng và chính sách cán bộ. Đặc biệt coi trọng xây dựng hạt nhân lãnh đạo, trọng dụng nhân tài.

Bốn là, Đảng phải gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. Phải xây dựng các thiết chế mở rộng và phát huy dân chủ, bảo đảm các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều có sự tham gia xây dựng của nhân dân, phản ánh ý chí, lợi ích chính đáng của nhân dân, của quốc gia, dân tộc. Cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân.

Năm là, Đảng phải tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng để phát huy ưu điểm, phòng ngừa và khắc phục kịp thời sai lầm, khuyết điểm; kiểm tra, giám sát công tác, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, của Mặt trận, các đoàn thể và của các cơ quan thông tin đại chúng.

Sáu là, Đảng phải đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, nhất là phương thức lãnh đạo Nhà nước, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân. Phải xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng ở các ngành, các cấp. Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG NHIỆM KỲ TỚI

I- PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU

Phương hướng và mục tiêu tổng quát của công tác xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ tới là: *tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn gắn bó với nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*. Cụ thể là:

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách; tổ chức thực hiện sáng tạo, có hiệu quả đường lối.

- Coi trọng công tác tư tưởng, công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, xây dựng nền tảng tư tưởng, lý luận vững chắc cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững mục tiêu lý tưởng, giữ vững niềm tin, bảo đảm thống nhất giữa nhận thức và hành động.

- Tăng cường giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống, nâng cao tính tiên phong gương mẫu, phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, đề ra và thực hiện các biện pháp có hiệu lực chống tư tưởng cơ hội, thực dụng, chủ nghĩa cá nhân; ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu và những biểu hiện tiêu cực khác.

- Thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ, thẩm quyền, trách nhiệm của mỗi tổ chức, bảo đảm bộ máy tinh gọn, có hiệu lực, hiệu quả. Đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở; nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng.

- Tiếp tục đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ, tạo chuyển biến cơ bản, vững chắc trong công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, thật sự vì Đảng, vì dân, có bản lĩnh và trí tuệ, đi đầu trong công tác và gương mẫu trong đạo đức lối sống, bảo đảm

tính kế thừa và phát triển; xây dựng và thực hiện chính sách phát triển nhân tài đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Kiểm tra nhận thức, năng lực lãnh đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kiểm tra phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Xây dựng các quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm vừa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và người đứng đầu; khắc phục khuynh hướng buông lỏng lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN

1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện

Cụ thể hoá, pháp luật hoá và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối chính trị, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt và phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội.

Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại, tri thức mới của thời đại, nâng cao năng lực trí tuệ; phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy lý luận, kiên định về nguyên tắc, chiến lược, linh hoạt, sáng tạo về sách lược, phương pháp; chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ hoặc đổi mới vô nguyên tắc, chủ quan, nóng vội.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, quyết sách quan trọng của Đảng, Nhà nước. Coi trọng nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương; tăng cường kiểm tra, giám sát; thường xuyên bám sát và kịp thời tổng kết thực tiễn, phát hiện, ủng hộ và nhân rộng những nhân tố mới, qua thực tiễn làm sáng tỏ những vấn đề mới, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối.

Xúc tiến nghiên cứu bổ sung, phát triển Cương lĩnh của Đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

2. Tăng cường công tác tư tưởng; rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng

Tăng cường công tác tư tưởng:

Chủ động hơn trong công tác tư tưởng. Nghiên cứu xây dựng chiến lược công tác tư tưởng trong tình hình mới.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tuyên truyền sâu rộng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng lòng yêu nước, yêu nhân dân, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức cách mạng trong toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Chăm lo củng cố sự đoàn kết, thống nhất và tình đồng chí trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội; thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên tự phê bình và phê bình.

Công tác tư tưởng cần nâng cao tính chiến đấu và sức thuyết phục. Bám sát thực tiễn, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và những vướng mắc trong tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân để giải đáp sát thực, kịp thời; đấu tranh khắc phục những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, cơ hội, chạy theo lợi ích cá nhân; chủ động và kiên quyết phê phán những quan điểm sai trái, bác bỏ những luận điệu phản động, góp phần làm thất bại mọi mưu toan "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch.

Tiếp tục đổi mới tư duy, tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, kịp thời làm sáng tỏ hơn những vấn đề bức xúc về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về Đảng cầm quyền và công tác xây dựng Đảng; về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân... Chú trọng nâng cao tính khoa học, tính thực tiễn và sự mạnh dạn khám phá, sáng tạo trong công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận. Sớm xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong nghiên cứu lý luận.

Tiếp tục cụ thể hoá chiến lược phát triển văn hóa trong tình hình mới, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những thành tựu và tinh hoa văn hóa của nhân loại, hoàn thiện hệ thống giá trị của con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hóa, làm cho văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập lý luận, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa nghệ thuật, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội; tăng cường tuyên truyền đối ngoại, đặc biệt là về những vấn đề chính trị nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo, nhân quyền... Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức trong các cơ quan báo chí. Khắc phục những biểu hiện lệch lạc, nhất là xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo thị hiếu thấp kém, vì lợi ích vật chất cá nhân, cục bộ trong hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ.

Kiên toàn tổ chức, nâng cao phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ tư tưởng, lý luận, nhất là cán bộ chủ chốt, từng bước hiện đại hóa điều kiện, phương tiện công tác tư tưởng - văn hóa.

Rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân:

Trong thời kỳ mới, Đảng phải đặc biệt quan tâm giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên để mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là tấm gương sáng về phẩm chất, đạo đức, lối sống, hết lòng vì nhân dân, vì sự nghiệp cách mạng.

Cán bộ, đảng viên phải nâng cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, thật sự tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong mọi công việc; xử lý hài hoà các lợi ích, đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết. Tạo điều kiện để đảng viên công tác, lao động có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bảo đảm đời sống và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Tăng cường quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Học tập, quán triệt, làm theo tư tưởng và tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt đảng bộ, chi bộ; thường xuyên lấy ý kiến nhận xét của nhân dân về tư cách, đạo đức của cán bộ, đảng viên. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm những quy định về trách nhiệm, phẩm chất, đạo đức, lối sống.

3. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Các cấp uỷ và tổ chức đảng phải nhận thức sâu sắc tính cấp thiết, lâu dài, phức tạp và khó khăn của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; có quyết tâm chính trị cao, đấu tranh kiên quyết, kiên trì, liên tục, có hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở, trong Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; có hệ thống giải pháp đồng

bộ, cụ thể và có hiệu lực về tuyên truyền, giáo dục và hành chính, về kinh tế, tài chính và pháp luật, về thanh tra, kiểm tra và giám sát, về chế độ chính sách đãi ngộ và kỷ luật Đảng; sử dụng sức mạnh tổng hợp của tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, Mặt trận, các đoàn thể, nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng.

Các cấp uỷ và tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp cao phải thực sự tiên phong, gương mẫu đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (2), khoá VIII, bổ sung thêm những yêu cầu, biện pháp mới phù hợp, đưa cuộc vận động đi vào chiều sâu.

Coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng, tự tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên; công tác quản lý cán bộ, đảng viên của tổ chức đảng; đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, mở rộng dân chủ, công khai. Biểu dương và nhân rộng những tấm gương cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, nhất là về kinh tế, tài chính; về cơ chế, giải pháp phòng ngừa; cơ chế giám sát, phản biện của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước. Xác định rõ chế độ trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng; củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực của hệ thống thanh tra các cấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan.

Xây dựng hệ thống chính sách phân phối thu nhập xã hội và chế độ đãi ngộ công bằng, hợp lý bảo đảm đời sống của cán bộ, công chức. Công khai hoá các chế độ, chính sách để cán bộ, đảng viên và nhân dân giám sát, kiểm tra.

Xây dựng thiết chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia giám sát, phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Xử lý kịp thời, nghiêm minh, công khai theo kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với những cán bộ, công chức tham nhũng, bao che cho tham nhũng, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, của nhân dân, dù người đó ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu. Tịch thu tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng.

Cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị phải lãnh đạo chặt chẽ cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, không để những phần tử xấu, các thế lực thù địch lợi dụng cuộc đấu tranh này kích động, gây rối.

Thành lập các ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng trung ương và địa phương đủ mạnh, có thực quyền, hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng.

4. Đổi mới, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị

Tiếp tục hoàn thiện, cụ thể hoá, quy chế hoá nguyên tắc tập trung dân chủ và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Hoàn thiện quy chế, quy trình về công tác tổ chức bảo đảm mở rộng và phát huy dân chủ trong Đảng.

Tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu bộ máy, cơ chế vận hành, lề lối làm việc.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy của Đảng ở Trung ương và các địa phương, gắn với kiện toàn tổ chức, bộ máy của cơ quan Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện một đảng cầm quyền. Tổ chức cơ quan tham mưu chuyên trách của Đảng tinh gọn, có chất lượng cao đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, hoạt động trong các cơ quan Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng nghiên cứu, đề xuất, tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Đảng các cấp. Tăng cường sự phối hợp giữa các ban cán sự đảng, đảng đoàn với cấp uỷ địa phương.

Tổng kết về tổ chức và hoạt động của ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ khối cả về lý luận và thực tiễn, trên cơ sở đó Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị sẽ xem xét, quyết định về mô hình và phương thức hoạt động của các tổ chức này.

Sắp xếp, củng cố tổ chức cơ sở đảng phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh mới ở các tổng công ty, các loại hình doanh nghiệp; bảo đảm hiệu quả lãnh đạo của tổ chức đảng.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quốc hội, của Hội đồng dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, thực hiện tốt hơn các chức năng lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Kiện toàn tổ chức, bộ máy của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng bộ đa ngành, đa lĩnh vực, tập trung làm nhiệm vụ quản lý nhà nước, bỏ chế độ chủ quản đối với doanh nghiệp. Xây dựng nền hành chính nhà nước dân

chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Tiếp tục thực hiện cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Kiện toàn các cơ quan tư pháp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả, gọn đầu mối, lấy cải cách tổ chức và hoạt động xét xử làm trung tâm.

Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các cấp, bảo đảm thực hiện đúng thẩm quyền và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân cấp.

Sắp xếp tổ chức, bộ máy Mặt trận và các đoàn thể nhân dân theo hướng tinh gọn ở cấp Trung ương, tỉnh, huyện. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phù hợp với chức năng, tôn chỉ, mục đích hoạt động của từng tổ chức; hướng về cơ sở; khắc phục tình trạng hành chính hóa, xa dân, phô trương, hình thức.

5. Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ

Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ:

Mục tiêu chung là xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức, lối sống lành mạnh, không quan liêu, tham nhũng, lãng phí, kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; có tư duy đổi mới, sáng tạo, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá; có tinh thần đoàn kết, hợp tác, ý thức tổ chức, kỷ luật cao và phong cách làm việc khoa học, tôn trọng tập thể, gần bó với nhân dân, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Đội ngũ cán bộ phải đồng bộ, có tính kế thừa và phát triển, có số lượng và cơ cấu hợp lý.

Nhiệm vụ quan trọng nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược và người đứng đầu tổ chức các cấp, các ngành của hệ thống chính trị. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, cần có kế hoạch chu đáo, giải pháp đồng bộ, cụ thể, có hiệu lực để thực hiện. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân từ công nhân, con em những gia đình có công với cách mạng.

Quản triệt và thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đồng thời đề cao trách nhiệm của các tổ chức

trong hệ thống chính trị và người đứng đầu tổ chức. Cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền phải chủ trì và chịu trách nhiệm về công tác tổ chức cán bộ theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định; làm rõ trách nhiệm của tập thể và trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ. Có chính sách, quy chế tôn vinh những người có công; bố trí, sử dụng đúng những người có năng lực, hết lòng vì dân, vì nước; khuyến khích những người năng động, sáng tạo, có sáng kiến, có ý tưởng mới.

Mở rộng và phát huy dân chủ, thực hiện công khai, minh bạch trong công tác cán bộ. Các cấp ủy cần coi trọng việc đánh giá cán bộ; căn cứ vào tiêu chuẩn, sự tín nhiệm, xem xét giới thiệu đề bầu cử hoặc bổ nhiệm những người thực sự có đức, có tài, có tâm huyết với đất nước vào các chức vụ trong cơ quan nhà nước các cấp, không phân biệt người ngoài Đảng hay trong Đảng.

Đổi mới và hoàn thiện chế độ bầu cử, thực hiện bầu cử có số dư, mở rộng quyền tiến cử và tự ứng cử, giới thiệu nhiều phương án nhân sự trong bầu cử và bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện tốt các cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quản lý, giám sát cán bộ sau bầu cử, bổ nhiệm; các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu, của các thành viên trong tập thể lãnh đạo, của cơ quan sử dụng cán bộ và cơ quan tham mưu trong công tác cán bộ. Đổi mới và thực hiện tốt chế độ bỏ phiếu tín nhiệm, cho từ chức, thôi chức, miễn chức và cách chức đối với những cán bộ phạm khuyết điểm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ; thực hiện cơ chế đảng viên và nhân dân tham gia giám sát cán bộ và công tác cán bộ. Mở rộng phân cấp quản lý đi đôi với tăng cường kiểm tra công tác cán bộ.

Đổi mới mạnh mẽ, triển khai đồng bộ các khâu: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng, xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ. Đánh giá cán bộ phải công khai, minh bạch, khách quan, toàn diện và công tâm, nhất là lấy hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ. Đánh giá cán bộ lãnh đạo phải căn cứ vào hiệu quả công tác, khả năng đoàn kết, quy tụ, phát huy sức mạnh của tập thể, tạo ra sự tiến bộ và kết quả cụ thể trong ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị mình phụ trách; không tham nhũng, lãng phí, quan liêu và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Kiên quyết không bổ nhiệm, đề bạt những người không đủ phẩm chất và năng lực; khoan dung những người thành thật nhận và sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Tiếp tục cải cách chế độ tiền lương; thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, cán bộ hưu trí.

Xây dựng và thực hiện chính sách phát triển và trọng dụng nhân tài, thu hút

nhân tài vào những lĩnh vực quan trọng, không phân biệt người trong Đảng hay ngoài Đảng. Tăng cường nguồn đầu tư của Nhà nước và toàn xã hội vào phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài, trước hết trên ba lĩnh vực: lãnh đạo - quản lý, sản xuất - kinh doanh và khoa học - công nghệ; có chính sách phát triển nhân tài trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và các lĩnh vực khác; tiếp tục thực hiện chủ trương, chính sách khuyến khích đưa cán bộ, học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng đi đào tạo ở nước ngoài, làm tốt công tác quản lý, giáo dục và sử dụng sau đào tạo; thu hút, sử dụng tốt tài năng người Việt Nam định cư ở nước ngoài và chuyên gia giỏi ở nước ngoài.

Ban Chấp hành Trung ương cần có hội nghị chuyên đề bàn về công tác xây dựng Đảng, về cán bộ và công tác cán bộ trong thời kỳ mới.

Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ:

Trong tình hình mới càng cần phải hết sức chú trọng công tác bảo vệ Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Bảo vệ chính trị nội bộ là trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là của các cấp ủy đảng. Bảo vệ chính trị nội bộ phải trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, bảo vệ sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, bảo vệ cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải trung thành, trung thực với Đảng, không giấu giếm, khai man lịch sử chính trị bản thân và gia đình. Các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là cấp cơ sở phải nắm chắc và quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên cả về phẩm chất chính trị và đạo đức lối sống. coi trọng việc nắm chắc tình hình cán bộ, nhất là những vấn đề chính trị hiện hành. Kiên quyết đấu tranh chống những biểu hiện lệch lạc, trái với đường lối, quan điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; dựa vào nhân dân, đề cao cảnh giác, đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch phá hoại nội bộ Đảng.

Củng cố, kiện toàn cơ quan tham mưu của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, tăng cường cán bộ có chất lượng, xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ với các cơ quan liên quan.

Tổng kết việc thực hiện Quy định 75-QĐ/TW, bổ sung, sửa đổi quy định cho phù hợp với thực tiễn.

6. Xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng đảng viên

Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng:

Với vị trí là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, vai trò của tổ

chức cơ sở đảng rất quan trọng. Phải dồn sức xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, làm cho tổ chức này thực sự trong sạch, vững mạnh. Phải đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng cơ sở, lấy chuyển biến từ cơ sở làm mục tiêu và thước đo kết quả tổng hợp của công tác xây dựng Đảng, cần thực hiện tốt những chủ trương đã đề ra, trọng tâm là:

Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các quy định về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, chú trọng các loại hình mới như tổ chức cơ sở đảng trong các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp để đánh giá đúng chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Thực hiện tốt nguyên tắc dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng từ cơ sở. Có cơ chế để nhân dân tham gia ý kiến vào việc xây dựng các nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, các quyết định của tổ chức đảng, chính quyền cơ sở trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân; vào việc bố trí cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị cơ sở; để nhân dân tham gia giám sát tổ chức đảng, chính quyền và cán bộ, đảng viên. Tổ chức đảng, đảng viên phải giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân ở nơi công tác và nơi cư trú.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp củng cố tổ chức cơ sở đảng, chú trọng những địa bàn xung yếu, vùng sâu, vùng xa, ở các đảng bộ, chi bộ yếu kém; nâng cao tính chiến đấu, tính giáo dục, đề cao tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng; kiện toàn đội ngũ cấp ủy, bí thư chi bộ; bồi dưỡng, tạo nguồn, thực hiện việc tiêu chuẩn hóa cán bộ, công chức cơ sở; đề cao trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên của chi bộ. Đảng viên có cương vị càng cao càng phải gương mẫu chấp hành sự quản lý của chi bộ.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện và các trường dân tộc nội trú để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở cơ sở.

Nâng cao chất lượng đảng viên:

Trong thời kỳ mới cần nhấn mạnh các yêu cầu sau đây đối với đảng viên:

Về tư tưởng chính trị, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, tích cực thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thách thức. Có ý thức giữ vững và nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Về trình độ năng lực, có hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có năng lực vận động và lãnh đạo quần chúng tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Về phẩm chất, đạo đức, lối sống, có tinh thần trách nhiệm cao, gương mẫu, đi đầu trong công tác; xử lý hài hòa các lợi ích, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết. Liên hệ mật thiết với nhân dân, tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật. Không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

Cần chú trọng và tăng cường công tác phát triển Đảng, sớm khắc phục tình trạng một số cơ sở, địa bàn chưa có đảng viên, tổ chức đảng. Việc kết nạp đảng viên phải coi trọng chất lượng, đặc biệt tiêu chuẩn giác ngộ lý tưởng của Đảng, đạo đức lối sống, năng lực hoàn thành nhiệm vụ; trọng tâm phát triển hướng vào thế hệ trẻ, công nhân, nông dân, trí thức, quân nhân, cán bộ, con em các gia đình có công với cách mạng. Coi trọng giáo dục, rèn luyện đảng viên dự bị, đảng viên trẻ.

Thường xuyên sàng lọc đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp. Khai trừ những đảng viên thoái hoá về chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cố tình vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vận động ra Đảng hoặc xoá tên khỏi danh sách đảng viên đối với những đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, không làm tròn nhiệm vụ đảng viên, đã được tổ chức đảng giúp đỡ mà không tiến bộ.

Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước; nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

7. Đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát với nhận thức và yêu cầu mới: công tác kiểm tra, giám sát phải góp phần phát hiện và khắc phục được những khuyết điểm, thiếu sót khi mới manh nha; bên cạnh việc tiếp tục thực hiện kiểm tra tổ chức và cá nhân đảng viên có dấu hiệu vi phạm, phải tăng cường chủ động giám sát, kiểm tra về phẩm chất đạo đức và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, về nhận thức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và việc chấp hành Điều lệ Đảng. Coi trọng kiểm tra, phát hiện nhân tố tích cực.

Bổ sung chức năng giám sát, tăng thẩm quyền và trách nhiệm xem xét kỷ luật của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Ủy ban kiểm tra các cấp có quyền yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra, giám sát được giao.

Kiện toàn hệ thống ủy ban kiểm tra các cấp, hoàn thiện quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra đảng với các tổ chức đảng và các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc xem xét khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên.

Xây dựng quy chế tiếp nhận, xử lý ý kiến của Mặt trận, các đoàn thể và của nhân dân nhận xét, phê bình tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ có chất lượng, cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc của ủy ban kiểm tra các cấp.

8. Xây dựng và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân

Trong giai đoạn cách mạng mới, phải quán triệt và thực hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân: thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý là để bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là công bộc của nhân dân. Hoạt động của Đảng và Nhà nước phải chịu sự giám sát của nhân dân. Sự tin tưởng, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân là cội nguồn của sức mạnh, là cái gốc của thắng lợi, là tài sản quý báu của Đảng.

Đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng cho phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước; kết hợp hài hòa sự phát triển kinh tế với bảo đảm sự tiến bộ và công bằng xã hội trên phạm vi cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, từng địa phương, từng chính sách phát triển.

Chăm lo thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, xử lý đúng đắn, kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân. Điều hòa hợp lý lợi ích xã hội của các tầng lớp dân cư, các vùng, miền, lĩnh vực; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là bộ phận có nhiều khó khăn trong công nhân, nông dân, đồng bào các dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa.

Hoàn thiện những thiết chế thực hiện dân chủ hoá đời sống xã hội, bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở; tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chế độ dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện.

Tăng cường xây dựng giai cấp công nhân có giác ngộ và bản lĩnh chính trị, có

trình độ học vấn và nghề nghiệp ngày càng cao trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Phát huy trí tuệ và năng lực của đội ngũ trí thức, trọng dụng nhân tài.

Tạo điều kiện và phát huy tiềm năng, vai trò của doanh nhân, của người Việt Nam ở nước ngoài trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước.

Phát huy vai trò và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Tăng cường các hoạt động nhân đạo, từ thiện, tương thân, tương ái và công tác vận động đồng bào ta định cư ở nước ngoài.

9. Đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

Nghiên cứu, tổng kết, tiếp tục làm rõ quan điểm về Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền làm cơ sở đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng một cách cơ bản, toàn diện.

Cụ thể hóa Cương lĩnh, Hiến pháp và Điều lệ Đảng về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Vấn đề quyết định trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hành và mở rộng dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng.

Khâu mấu chốt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở; xây dựng hệ thống các quy chế về sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp, các ngành theo tinh thần: Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, đường lối, quan điểm, chủ trương, các nghị quyết, nguyên tắc giải quyết các vấn đề lớn, có ý nghĩa chính trị quan trọng. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội theo pháp luật.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong việc thể chế hóa, cụ thể hoá đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách lớn của Đảng thành Hiến

pháp, pháp luật, kế hoạch, các chương trình mục tiêu lớn của Nhà nước. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đề phòng và khắc phục khuynh hướng tổ chức đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc bao biện làm thay cũng như khuynh hướng các cơ quan nhà nước thụ động, né tránh trách nhiệm, việc gì cũng xin ý kiến cấp ủy Đảng.

Đảng tập trung lãnh đạo xây dựng Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của hệ thống chính trị, có phân công, phân cấp hợp lý, tôn trọng, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan và người đứng đầu các tổ chức trong công tác cán bộ.

Đảng kết hợp chặt chẽ việc lãnh đạo và kiểm tra bộ máy Nhà nước thông qua tổ chức đảng và cá nhân đảng viên hoạt động trong cơ quan Nhà nước.

Thực hiện chủ trương:

- Ở Trung ương, tùy hoàn cảnh và điều kiện cụ thể có thể giới thiệu đồng chí Tổng Bí thư đề Quốc hội xem xét, bầu vào chức danh Chủ tịch nước.

- Ở các địa phương, giới thiệu bí thư cấp ủy (hoặc phó bí thư) đề hội đồng nhân dân xem xét, bầu vào chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân.

Đối với Quốc hội, xây dựng cơ chế, quy chế cụ thể giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa vai trò lãnh đạo về quan điểm, phương hướng, chủ trương, nguyên tắc, giải pháp lớn của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (đối với những vấn đề kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại trọng đại của đất nước) với thẩm quyền quyết định của Quốc hội trên những vấn đề này theo Hiến pháp và Luật tổ chức, hoạt động của Quốc hội.

Đối với Chính phủ, xác định rõ hơn thẩm quyền quyết định của Chính phủ. Xác định rõ những loại việc ở tầm Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quyết định; những loại việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến định hướng; những loại việc Chính phủ chủ động quyết định theo thẩm quyền.

Đối với các cơ quan tư pháp, Đảng lãnh đạo công tác tư pháp, lãnh đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, quản lý và sử dụng đội ngũ cán bộ tư pháp, tôn trọng nguyên tắc: "Khi xét xử thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật". Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng của các cơ quan tư pháp theo quy định của Đảng. Đề cao trách nhiệm của cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân, toà án nhân dân.

Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về

mọi mặt các lĩnh vực này về quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân trong sạch, vững mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống; đồng thời phát huy trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với các cơ quan này.

Đối với chính quyền địa phương, định rõ những loại việc ban chấp hành đảng bộ, ban thường vụ cho ý kiến trước khi hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân quyết định thực hiện; những loại việc do ban chấp hành, ban thường vụ cho ý kiến định hướng, hội đồng nhân dân quyết định; những loại việc do hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân quyết định theo thẩm quyền. Sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng là định hướng và bảo đảm để hội đồng nhân dân quyết định các nhiệm vụ kinh tế - xã hội ở địa phương, tạo điều kiện cho uỷ ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước địa phương quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

Đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong việc xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động đúng định hướng chính trị, đúng pháp luật và có hiệu quả. Phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc kiện toàn tổ chức và đổi mới hoạt động của mình. Có cơ chế, chính sách lãnh đạo và quản lý phù hợp với từng loại hội. Tiếp tục luật hoá các hoạt động của các đoàn thể nhân dân và các hội.

Tiếp tục đổi mới phong cách, lề lối làm việc của Đảng theo hướng thực sự dân chủ, kỷ cương, thiết thực, sâu sát cơ sở, sâu sát quần chúng; làm việc có chương trình, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, nói đi đôi với làm. Đổi mới cách ra nghị quyết, văn kiện và báo cáo phải ngắn gọn, thiết thực, cụ thể; đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hội nghị. Cấp uỷ dành nhiều thời gian tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, tổng kết việc thực hiện nghị quyết; chỉ đạo hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Xây dựng và thực hiện quy chế báo cáo xin ý kiến. Đảng uỷ cơ sở định kỳ 6 tháng một lần phải báo cáo về hoạt động của mình trước hội nghị toàn thể đảng viên trong đảng bộ. Ban thường vụ cấp uỷ tỉnh, huyện và tương đương phải báo cáo, xin ý kiến ban chấp hành cùng cấp về hoạt động của mình giữa hai kỳ họp ban chấp hành. Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải báo cáo, xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương về hoạt động của mình giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ IX

BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ IX

Năm năm qua, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX lãnh đạo thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng trong tình hình đất nước đã trải qua 15 năm đổi mới và đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Bên cạnh những thuận lợi và cơ bản, chúng ta cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn của tình hình trong nước, khu vực và quốc tế, đặt ra yêu cầu mới đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Sau Đại hội IX, Ban Bí thư Trung ương Đảng được lập lại; tiếp đó Quốc hội và Chính phủ cũng được kiện toàn sau cuộc bầu cử Quốc hội khoá XI.

Trong bối cảnh đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã kiên định đường lối đổi mới, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua khó khăn, thử thách, giành được nhiều thành tựu rất quan trọng, đồng thời cũng còn một số mặt hạn chế, khuyết điểm như đã nêu trong Báo cáo chính trị và các văn kiện khác trình Đại hội X. Dưới đây, Ban Chấp hành Trung ương, bao gồm cả Bộ Chính trị, Ban Bí thư, xin kiểm điểm cụ thể sự lãnh đạo, chỉ đạo trong nhiệm kỳ khoá IX trước Đại hội như sau:

A- KIỂM ĐIỂM NỘI DUNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

I- BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Theo Chương trình công tác toàn khoá, Ban Chấp hành Trung ương khoá IX đã họp 15 hội nghị Trung ương để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và chuẩn bị Đại hội X của Đảng.

1. Ưu điểm

Ban Chấp hành Trung ương là một tập thể đoàn kết, thống nhất, kiên định đường lối đổi mới, giữ vững nguyên tắc, đề cao dân chủ, đã bám sát và sớm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội IX, giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề cơ bản, cấp bách của đất nước, coi trọng công tác kiểm tra, tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết Đại

hội, các nghị quyết của Trung ương, đưa sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong nhiệm kỳ qua đạt được những thành tựu rất quan trọng.

- Về cụ thể hoá và lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX

Nhằm phấn đấu đạt các mục tiêu của Đại hội về phát triển kinh tế - xã hội, ngay từ đầu nhiệm kỳ, các hội nghị Trung ương 3, 4, 5, 6 đã cụ thể hoá quan điểm phát triển kinh tế - xã hội của Nghị quyết Đại hội IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước; định hướng và chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển; đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn thời kỳ 2001 - 2010; đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai... Đồng thời, Ban Chấp hành Trung ương đã đánh giá sát diễn biến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đề ra các chủ trương, chính sách, giải pháp đúng đắn về phát huy nội lực, cải thiện môi trường đầu tư, hạn chế những tác động không thuận lợi của giá cả, thời tiết, dịch bệnh... Trước những khó khăn qua hơn hai năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội, Hội nghị Trung ương 9 quyết định không điều chỉnh hạ thấp chỉ tiêu phát triển, vẫn kiên trì quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của cả nhiệm kỳ. Nhờ những chủ trương đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, sự đổi mới hoạt động của Quốc hội, sự điều hành năng động và có hiệu quả của Chính phủ, sự nỗ lực chung của các cấp, các ngành và của toàn dân, về cơ bản các mục tiêu kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 theo Nghị quyết Đại hội IX đã được hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

Nhằm thực hiện chủ trương xem phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, Ban Chấp hành Trung ương đã tổng kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện các lĩnh vực này; trên cơ sở đó đề ra phương hướng và những giải pháp cụ thể về đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh đầu tư và thực hiện xã hội hoá, nhằm tạo điều kiện cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ phát triển, để đến năm 2010, một số mặt đạt trình độ tiên tiến so với các nước trong khu vực.

Ban Chấp hành Trung ương đã kiểm điểm sâu sắc việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về “xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển một số quan điểm và nhận thức mới về văn hoá, khẳng định phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội; làm rõ nội dung, yêu cầu văn hoá trong lãnh đạo, quản lý kinh tế... nhằm làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đẩy mạnh xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Về quốc phòng và an ninh, Ban Chấp hành Trung ương đã chủ động bàn và ra

ng nghị quyết chuyên đề về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”, thể hiện rõ tư duy mới của Đảng ta về bảo vệ Tổ quốc, xác định quan điểm đặt lợi ích cao nhất của đất nước là giữ vững độc lập chủ quyền và môi trường hoà bình, ổn định để phát triển, xác định đúng đắn đối tác, đối tượng trong quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, tạo sự thống nhất cao về đánh giá tình hình, quan điểm, nhiệm vụ, phương hướng giải quyết các vấn đề quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong giai đoạn mới, xử lý đúng đắn những vấn đề cụ thể nảy sinh trên từng địa bàn và trong từng lĩnh vực.

Để tăng cường lãnh đạo, tạo chuyển biến trong công tác dân vận của Đảng, Hội nghị Trung ương 7 đã bàn và ra ba nghị quyết quan trọng, làm sáng tỏ quan điểm, chính sách của Đảng về đại đoàn kết toàn dân, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo, tạo cơ sở để xử lý đúng đắn những vấn đề nhạy cảm về dân tộc và tôn giáo, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường sự đồng thuận của toàn xã hội trong giai đoạn mới.

Tiếp tục lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn tổ chức, cán bộ trong hệ thống chính trị, nhất là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước, Ban Chấp hành Trung ương đã lãnh đạo chặt chẽ việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp. Lần đầu tiên, Ban Chấp hành Trung ương bàn và ra nghị quyết về kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở; xác định chủ trương, giải pháp thiết thực để xây dựng hệ thống chính trị ở xã, phường, thị trấn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Ban chấp hành Trung ương đã chú trọng toàn diện hơn công tác xây dựng Đảng, có nhiều chủ trương, quyết sách lớn cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra. Trung ương đã thảo luận, đề ra nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng lý luận trong tình hình mới.

Có chủ trương để Bộ Chính trị chỉ đạo đấu tranh bác bỏ các quan điểm, tư tưởng sai trái trong Đảng và ngoài xã hội. Đã chỉ đạo chặt chẽ việc nghiên cứu có hệ thống các thông tin về xuất xứ và quá trình xử lý một số vụ việc xảy ra trong nội bộ Đảng từ các nhiệm kỳ trước. Trên cơ sở đó đã thống nhất cao không đặt vấn đề xem xét những vụ việc đã được xử lý nếu không có tình tiết mới làm thay đổi bản chất của sự việc; tạo cơ sở để giải đáp một số thắc mắc và ổn định tư tưởng trong nội bộ Đảng, tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị và chuẩn bị Đại Hội X của Đảng. Thông qua chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, Ban Chấp hành Trung ương đã thể hiện quyết tâm chính trị đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nghiêm khắc xem xét và thi hành kỷ luật cán bộ

do Trung ương quản lý về trách nhiệm đối với các vụ việc tiêu cực có liên quan (hai Ủy viên Trung ương và nhiều cán bộ cao cấp bị truy cứu trách nhiệm hình sự), đã có tác dụng nhất định răn đe, ngăn ngừa, kiểm chế tình trạng tha hoá, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên.

- Về lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ X của Đảng

Ban Chấp hành Trung ương, với tinh thần trách nhiệm cao, đã dành nhiều thời gian, công sức cho việc chuẩn bị Đại hội X của Đảng (kể từ Hội nghị Trung ương 10, tháng 7-2004). Việc chuẩn bị văn kiện và nhân sự cho Đại hội đã được chỉ đạo theo chương trình, kế hoạch chặt chẽ, thống nhất, nghiêm túc với tinh thần đổi mới. Các văn kiện trình Đại hội X được xây dựng trên cơ sở tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, kết quả Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới. Đây là cuộc tổng kết có quy mô lớn, quan trọng, nội dung phong phú; vừa đánh giá toàn diện chặng đường đổi mới đã qua, vừa từng bước hình thành cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến hầu hết các vấn đề về quan điểm, đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Các văn kiện đã được chuẩn bị công phu, tập hợp được ý kiến đóng góp rộng rãi của đại hội đảng bộ các cấp, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, đại biểu Quốc hội, cán bộ, đảng viên, nhân dân trong cả nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Qua nhiều lần bổ sung, sửa đổi, các văn kiện đã được hoàn chỉnh, là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân.

Công tác giới thiệu, chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá X được thực hiện đúng nguyên tắc, tiến hành chặt chẽ qua từng bước, có đổi mới, mở rộng dân chủ trong Đảng, đề cao tinh thần trách nhiệm của tập thể Ban Chấp hành Trung ương, từng đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp uỷ và đảng viên; tạo sự nhất trí cao, bảo đảm đoàn kết, thống nhất trong Đảng.

2. Khuyết điểm

Ban Chấp hành Trung ương chậm bàn hoặc bàn chưa triệt để một số vấn đề quan trọng đã nêu ra từ nhiều nhiệm kỳ Đại hội. Do vậy, trên một số lĩnh vực chưa thực sự có bước tiến quan trọng mới về nhận thức và hành động thực tiễn so với trước Đại hội IX, như các vấn đề về xây dựng giai cấp công nhân, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong giai đoạn mới, về cải cách hành chính, về sở hữu và thành phần kinh tế, về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng..., làm hạn chế việc phát huy các nguồn lực của đất nước để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới và hoàn thiện thể chế chính trị.

Nghị quyết của Trung ương nhiều, nhưng việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, tổng

kết chưa kịp thời và phù hợp. Một số chủ trương lớn còn chưa thật rõ, thật sát với cuộc sống (như về phát triển kinh tế tập thể; về công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; về đổi mới cơ chế quản lý và cung ứng dịch vụ công cộng; về chủ trương công chức hoá một số chức danh cán bộ cơ sở...). Vì vậy, các chủ trương này, khó đi vào cuộc sống, nhiều việc triển khai chậm, hoặc không triển khai được, hiệu quả thấp, chưa thực sự tạo ra được những chuyển biến tích cực trong thực tiễn.

Lãnh đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa đạt được yêu cầu, đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới và của xã hội; chủ trương, biện pháp đề ra, nhất là những quyết sách để lãnh đạo, đôn đốc, kiểm tra còn chưa đủ mạnh, đồng bộ, kịp thời, chưa tạo được bước chuyển rõ rệt trong nhiệm vụ quan trọng này.

3. Đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Ưu điểm:

Nhìn chung, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khoá IX có lập trường tư tưởng vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, có tư duy đổi mới, sáng tạo, trình độ học vấn và chuyên môn, nghiệp vụ tương đối cao, có phẩm chất đạo đức tốt, tiêu biểu cho trí tuệ, phẩm chất đạo đức của toàn Đảng. Hầu hết các đồng chí, với cương vị là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các địa phương, các ngành, đã thể hiện được bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, có tinh thần đoàn kết, tự phê bình và phê bình; đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, chống lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Nhiều đồng chí có tư duy chiến lược, có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, kiên định về nguyên tắc, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tạo được sự phát triển của ngành, địa phương do mình phụ trách.

Nhiều đồng chí có phong cách làm việc khoa học, phát huy dân chủ, tôn trọng tập thể, bám sát thực tiễn, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng các chủ trương, quyết sách quan trọng của cấp uỷ đảng, chính quyền; chú trọng kiểm tra, giám sát, chống giáo điều, bảo thủ, trì trệ, hoặc chủ quan, nóng vội; coi trọng tổng kết thực tiễn, phát hiện, ủng hộ và nhân rộng những nhân tố mới.

Khuyết điểm:

Một số đồng chí Ủy viên Trung ương chưa thật sự chủ động trong việc thực

hiện chức trách, nhiệm vụ, nhất là tham gia vào sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương (ít đề xuất, kiến nghị những vấn đề quan trọng, bức xúc của đất nước trong quá trình đàm đương cương vị công tác được giao hoặc trong các kỳ họp Trung ương). Một số đồng chí chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm ở vị trí công tác, chưa thật sự tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc truyền đạt và lãnh đạo triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương. Nhiều đồng chí chưa định kỳ báo cáo kết quả công tác và những vấn đề nổi lên trong lãnh đạo, chỉ đạo thuộc lĩnh vực mình phụ trách để đề xuất với Bộ Chính trị.

Có đồng chí chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo ngành và địa phương mình phụ trách; còn để công việc trì trệ hoặc để xảy ra một số vụ việc tiêu cực nổi cộm, gây dư luận không tốt, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng. Có đồng chí thiếu gương mẫu về đạo đức lối sống, bản thân hoặc để vợ, con, cấp dưới lợi dụng chức quyền thu vén lợi ích cá nhân, thậm chí có trường hợp vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

II- BỘ CHÍNH TRỊ

1. Ưu điểm

Bộ Chính trị là một tập thể đoàn kết, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định đường lối đổi mới trên cơ sở Cương lĩnh và Nghị quyết Đại hội IX, đã chỉ đạo chuẩn bị tốt các đề án trình Trung ương, góp phần quan trọng để Ban Chấp hành Trung ương hoàn thành chương trình làm việc toàn khoá, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng, của đất nước. Bộ Chính trị luôn kiên định trên những vấn đề về nguyên tắc, bám sát thực tiễn, tìm tòi, sáng tạo, bàn và quyết định theo thẩm quyền nhiều vấn đề quan trọng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên mọi lĩnh vực; đồng thời, giải quyết linh hoạt, đúng đắn, kịp thời nhiều vấn đề cụ thể phức tạp nảy sinh. Nhìn chung, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị trong nhiệm kỳ qua trên các lĩnh vực là đúng đắn và có hiệu quả; cụ thể là:

Đã chủ động lựa chọn, chuẩn bị để Ban Chấp hành Trung ương cụ thể hoá sớm Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, từ đó tạo sự thống nhất cao về nhận thức, quan điểm, đường lối đổi mới làm cho nhiều nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Nhiều đề án đã được chỉ đạo chuẩn bị để trình Trung ương có chất lượng tốt, phản ánh đúng tình hình thực tiễn, cụ thể hoá, phát triển quan điểm Đại hội IX với những tư duy mới, góp phần tạo nên sự thống nhất cao trên một số vấn đề lâu nay còn có ý kiến khác nhau (sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả và cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; phát triển kinh tế tư nhân; cải cách tư pháp; kiện toàn hệ thống chính trị ở cơ sở; chính sách tôn giáo...)

Quán triệt việc lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, góp phần tạo nên kết quả quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm 2001 - 2005.

Đã coi trọng và tập trung chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển một số vùng, ngành và lĩnh vực quan trọng; xác định phương hướng, giải pháp để các vùng, ngành và địa bàn trọng điểm phát huy tiềm năng, thế mạnh trong chiến lược phát triển chung của đất nước.

Đã chú ý những vấn đề xã hội bức xúc, coi trọng hơn nhiệm vụ phát triển văn hoá. Trước những yếu kém, bất cập trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, sự gia tăng dân số trở lại, tình hình lây nhiễm HIV/AIDS và sự xuống cấp nhanh của môi trường tự nhiên, Bộ Chính trị đã dành thời gian bàn và ra nghị quyết về các vấn đề này. Đã lãnh đạo thực hiện đúng chủ trương của Trung ương về tăng mức đầu tư cho giáo dục; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chủ trương về xoá đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, khắc phục hậu quả thiên tai, tăng cường y tế cơ sở và phòng chống dịch bệnh, phát triển thể dục thể thao... Một số chủ trương đạt kết quả tốt, được quốc tế đánh giá cao.

Đã chỉ đạo chặt chẽ và thường xuyên nhiệm vụ quốc phòng - an ninh; bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với các lực lượng vũ trang nhân dân.

Chỉ đạo quán triệt, triển khai có kết quả bước đầu Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhất là chỉ đạo vận dụng đúng đắn chủ trương, quan điểm mới của Trung ương về đối tác, đối tượng quan hệ quốc tế nhằm giữ vững môi trường hoà bình, ổn định vì sự phát triển của đất nước.

Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và củng cố lực lượng Quân đội, Công an, như hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính uỷ, chính trị viên trong Quân đội; về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác công an; về tổ chức Bộ đội biên phòng và củng cố lực lượng tình báo chiến lược...

Kịp thời có chủ trương và giải pháp về bảo đảm an ninh - quốc phòng cho các vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Bắc; xử lý đúng nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh ở một số địa phương và địa bàn trọng điểm về an ninh quốc gia, về tôn giáo, dân tộc; khắc phục hậu quả cuộc bạo loạn tháng 2-2001 và làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch trong cuộc bạo loạn chính trị tháng 4-2004 ở Tây Nguyên, đưa địa bàn Tây Nguyên dần dần ổn định trở lại.

Kiên định chủ trương và nguyên tắc về việc giải quyết vụ “T4” và một số vụ việc liên quan đến nội bộ Đảng, trên cơ sở đó đã trình Trung ương ở ba Hội nghị 10, 11 và 12 khoá IX, được Ban Chấp hành Trung ương tán thành và thống nhất cao.

Đã lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác đối ngoại, mở rộng hoạt động đối ngoại Nhà nước, đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân, đạt được kết quả nổi bật.

Nắm vững đường lối độc lập, tự chủ, chính sách đa dạng hoá, đa phương hoá trong quan hệ quốc tế, Bộ Chính trị đã kịp thời đánh giá đúng đắn các sự kiện quốc tế phức tạp (vụ khủng bố 11-9-2001 ở Mỹ, chiến tranh Ápganixtan, chiến tranh Irắc...); đề ra những chủ trương, đối sách phù hợp. Đã chỉ đạo củng cố, giữ vững quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng, tăng cường quan hệ với ASEAN; phát triển quan hệ đối với một số nước lớn, với một số nước đối tác chiến lược và giải quyết những vấn đề cần thiết trong quan hệ song phương; đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Chỉ đạo tiếp tục ký kết và triển khai thực hiện những hiệp định quan trọng về biên giới với các nước láng giềng, đặt cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài; tham gia xây dựng quy tắc ứng xử trên Biển Đông; quyết định chủ trương, chủ động xử lý đúng đắn nhiều vấn đề nhạy cảm về đối ngoại (đàm phán gia nhập WTO, mở rộng ASEM, về thoả thuận với Trung Quốc và Philíppin thăm dò địa chấn trên Biển Đông...).

Đã coi trọng chỉ đạo để nước ta chủ động tham gia tích cực các tổ chức và diễn đàn quốc tế, khu vực; chỉ đạo tổ chức thành công nhiều hội nghị và diễn đàn quốc tế, khu vực, nhất là tổ chức thành công Hội nghị ASEM-5, tích cực chuẩn bị Hội nghị cấp cao APEC tổ chức tại Hà Nội.

Đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động quần chúng, tạo được những chuyển biến mới, quan trọng.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết, đánh giá việc tổ chức thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo; chỉ đạo đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; xác định rõ và hợp lý hơn chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và mối quan hệ phối hợp, giúp cho các tổ chức nói trên chủ động hơn trong việc tập hợp lực lượng, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tham gia góp ý kiến và công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội và công tác xây dựng Đảng.

Đã ra nghị quyết về công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài, làm cho kiều bào và cộng đồng thế giới hiểu rõ chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và

Nhà nước ta đối với người Việt Nam sống xa Tổ quốc, đồng viên, khuyến khích kiều bào tham gia, đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước; đồng thời coi trọng bảo vệ lợi ích chính đáng, tạo điều kiện để kiều bào yên tâm sinh sống, làm ăn ở các nước sở tại.

Lãnh đạo việc đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp theo hướng phân định rõ hơn về chức năng, nhiệm vụ, tăng cường trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Đã ra các nghị quyết về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”, về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, nhằm hoạch định hệ thống pháp luật đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, phù hợp với tình hình mới; cải cách tư pháp theo hướng đề cao dân chủ, công khai, khách quan, nghiêm minh, nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, khắc phục tình trạng oan, sai.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị đối với các cơ quan nhà nước vừa giữ vững nguyên tắc, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, vừa tạo sự chủ động hơn cho các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

Đã dành nhiều thời gian, công sức lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tạo được một số chuyển biến, tiến bộ nhất định.

Tập trung chỉ đạo có kết quả hơn một số mặt trong công tác tư tưởng, lý luận, nhất là việc tổng kết lý luận và thực tiễn 20 năm đổi mới, làm sáng tỏ hơn một số vấn đề cơ bản về đường lối đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Bàn và quyết định một số chủ trương về tăng cường công tác tư tưởng, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực báo chí, bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước trong thời gian tới; chỉ đạo đẩy mạnh nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước gắn với tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn trong hai năm 2004 - 2005... Qua đó, uốn nắn những quan điểm, nhận thức lệch lạc, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng trong xã hội.

Trong công tác cán bộ, Bộ Chính trị đã tăng cường chỉ đạo tương đối đồng bộ cả về quan điểm, chủ trương và giải pháp, có đổi mới, cải tiến về cách làm, bước đầu mang lại kết quả. Đã quyết định theo thẩm quyền nhiều trường hợp về sắp xếp, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ theo đúng quy chế, quy trình và về cơ bản phù hợp yêu cầu; chỉ đạo rà soát và ra quyết định bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các ban đảng ở Trung ương.

Tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII và Kết luận Hội nghị Trung ương 4 khoá IX, đưa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đi vào thường xuyên và chặt chẽ hơn. Đã chú trọng công tác kiểm tra, có định hướng, chương trình và kế hoạch đối với một số lĩnh vực trọng tâm (công tác cán bộ, đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý đất đai...). Thông qua cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và công tác kiểm tra đã phát hiện được nhiều vụ việc tiêu cực, tham nhũng; xử lý một số cá nhân và tập thể có vi phạm theo đúng thẩm quyền, thể hiện sự nghiêm minh trong công tác kỷ luật Đảng.

2. Khuyết điểm

Những thiếu sót, khuyết điểm của Ban Chấp hành Trung ương trong việc chậm bàn hoặc bàn chưa triệt để một số vấn đề quan trọng nêu ra từ nhiều nhiệm kỳ đại hội có trách nhiệm của Bộ Chính trị, với tư cách là cơ quan chủ trì chuẩn bị nội dung cho Ban Chấp hành Trung ương bàn và quyết định.

Trong lãnh đạo kinh tế, chưa tập trung chỉ đạo khắc phục có hiệu quả một số vấn đề yếu kém, nổi cộm, làm giảm lòng tin của nhân dân (vấn đề đầu tư dàn trải, tiến độ chậm, thất thoát, lãng phí và nợ đọng trong xây dựng cơ bản; lãng phí, tiêu cực trong quản lý đất đai, thu, chi ngân sách...). Việc chỉ đạo phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong điều kiện đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, tuy có cố gắng, nhưng cũng bộc lộ không ít thiếu sót, khuyết điểm, như có một thời gian, để chậm tiến trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; chậm định hướng và tạo điều kiện để các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh và tham gia hội nhập; chưa có giải pháp quyết liệt trong chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể... Thời kỳ đầu nhiệm kỳ, chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đồng bộ việc đàm phán gia nhập WTO.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị trên lĩnh vực văn hoá, xã hội, nhìn chung chưa đủ mức, nên nhìn toàn cục kinh tế có bước phát triển, nhưng một số lĩnh vực văn hoá, xã hội tiến bộ chậm và còn nhiều vấn đề tồn tại, bức xúc kéo dài, gây lo lắng, bất bình trong xã hội (tình trạng tham ô, lãng phí, những nhiễu dân của các cơ quan công quyền; yếu kém trong giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá; việc tăng dân số không bình thường; sự gia tăng tệ nạn ma tuý mại dâm và tai nạn giao thông trong những năm gần đây...), làm hạn chế ý nghĩa của những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới và ảnh hưởng đến tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo về quốc phòng - an ninh, đối ngoại, có lĩnh vực chậm xây dựng quy chế cụ thể về thẩm quyền và trách nhiệm, chưa nắm chắc tình hình, dẫn đến cố lúng, có việc còn bị động.

Việc giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng chưa được thường xuyên coi trọng. Công tác nắn và dự báo tình hình ở những địa bàn trọng điểm có lúc còn chưa nhanh nhạy và chưa sát. Vì vậy, còn dễ xảy ra tình trạng bị động trong việc bảo đảm an ninh quốc gia (nhất là dễ xảy ra cuộc bạo loạn chính trị lần thứ hai ở Tây Nguyên). Tuy đã tập trung đầu tư và bỏ ra nhiều công sức, nhưng nhìn chung, tình hình ở Tây Nguyên và một số vùng trọng điểm khác chưa tạo được những chuyển biến căn bản, vững chắc.

Chậm chỉ đạo khắc phục kịp thời những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng và công tác cán bộ của ngành Công an; đã dễ xảy ra một số trường hợp sai sót trong công tác đề bạt, bố trí cán bộ và tình trạng nhiều cán bộ vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm giảm uy tín đối với nhân dân. Chậm bổ sung, kiện toàn cán bộ lãnh đạo công tác đối ngoại.

Có lúc chưa phát hiện kịp thời và chủ động xử lý những vấn đề phát sinh trong quan hệ đối với các nước, nhất là với các nước lớn. Chưa chủ động chỉ đạo để có phương án tổng thể, biện pháp hữu hiệu chống lại các thế lực thù địch sử dụng chiêu bài “dân chủ, nhân quyền, tôn giáo” chống phá nước ta. Công tác tuyên truyền đối ngoại còn nhiều yếu kém.

Sự lãnh đạo cải cách tổ chức, đổi mới hoạt động của các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vẫn còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của tiến trình đổi mới. Cho đến nay, vẫn chưa cụ thể hoá thật rõ một số vấn đề trong thiết chế của hệ thống chính trị, như xây dựng Nhà nước pháp quyền trong điều kiện một đảng lãnh đạo, mở rộng dân chủ, hội nhập quốc tế, về thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trong một số lĩnh vực, về quyền hạn và trách nhiệm của tập thể và cá nhân người đứng đầu... Chưa quan tâm lãnh đạo đúng mức công tác cải cách hành chính. Hiệu quả cải cách hành chính còn hạn chế cả về thể chế, tổ chức bộ máy và chất lượng đội ngũ cán bộ. Tổ chức bộ máy, biên chế của nhiều cơ quan, ban, ngành có xu hướng tăng lên, nhưng chưa được phân tích, đánh giá, kết luận và chỉ đạo kiên quyết theo yêu cầu của Nghị quyết Trung ương 7 khoá VIII.

Một số vấn đề lý luận cơ bản trong quá trình đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta chưa được chỉ đạo nghiên cứu làm rõ. Do đó, còn có nhận thức khác nhau, làm ảnh hưởng nhất định đến sự thống nhất tư tưởng, hành động trong Đảng. Bộ Chính trị chưa thực hiện được chương trình nghe báo cáo, học tập, nghiên cứu các chuyên đề về lý luận và thực tiễn.

Tuy đã quan tâm hơn và có nhiều cố gắng, nhưng xét về tổng thể, Bộ Chính trị

chưa lãnh đạo, chỉ đạo cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đạt được những chuyển biến căn bản, đáp ứng được đòi hỏi bức xúc của tình hình.

Việc kiện toàn nhân sự chủ chốt và xử lý kỷ luật cán bộ ở một số địa phương và cơ quan Trung ương chưa kịp thời, thiếu kiên quyết, có ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt và việc chuẩn bị cho nhiệm kỳ tới.

Việc lãnh đạo cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực còn nhiều hạn chế, chưa có giải pháp tổng thể, mạnh mẽ, quyết liệt, phối hợp đồng bộ các mặt hoạt động, phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của cả xã hội để làm chuyển biến tình hình như mục tiêu đã đề ra.

III. BAN BÍ THƯ

1. Ưu điểm

Ban Bí thư đã bám sát chức năng, nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc, cùng với việc tham gia một số sinh hoạt của Bộ Chính trị, đã lãnh đạo, chỉ đạo và giải quyết kịp thời, đúng đắn công việc hằng ngày của Đảng theo thẩm quyền; chỉ đạo phối hợp các hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, xử lý và giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề phức tạp mới nảy sinh về đối ngoại, an ninh, quốc phòng và xây dựng Đảng.

Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Đảng, góp phần tạo được những chuyển biến, tiến bộ nhất định trong một số lĩnh vực của nhiệm vụ then chốt này.

Đã tiếp tục đổi mới cách quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng theo hướng thiết thực, hiệu quả. Tăng cường chỉ đạo quản lý báo chí, xuất bản, thực hiện có nền nếp công tác thông tin, thông báo tình hình trong nước, ngoài nước và công việc của Trung ương cho các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các cấp uỷ trực thuộc.

Đã xem xét và quyết định cơ bản chính xác, đúng quy định các trường hợp nhân sự thuộc thẩm quyền; chỉ đạo thực hiện nghiêm hơn chế độ nghỉ hưu đối với cán bộ lãnh đạo cao tuổi thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

Đã chỉ đạo xây dựng và ban hành nhiều quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở Đảng; ban hành đồng bộ các quy định của Đảng về một số vấn đề có tính đặc thù.

Chủ động định hướng hoạt động của công tác bảo vệ chính trị nội bộ phù hợp với tình hình mới, góp phần nâng cao chất lượng công tác cán bộ, đảm bảo an ninh nội bộ.

Hướng dẫn về nhiệm vụ và quan hệ công tác của bộ phận thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ, tạo điều kiện và góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tăng cường đoàn kết nội bộ của các cấp uỷ địa phương.

Coi trọng chỉ đạo thực hiện việc tự phê bình và phê bình hằng năm đối với các cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc, đưa công tác này trở thành thường xuyên, dần dần đi vào nền nếp; đồng thời, chỉ đạo các ban Trung ương Đảng chủ động nắm chắc tình hình để gợi ý kiểm điểm đối với một số cá nhân, tổ chức đảng trực thuộc.

Đã tăng cường chỉ đạo công tác kiểm tra, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, những lĩnh vực, địa bàn có vấn đề phức tạp. Qua kiểm tra, đã phát hiện và chỉ đạo xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với một số tổ chức đảng, một số cán bộ mắc sai phạm và kiến nghị với Chính phủ một số vấn đề cần thiết trong chỉ đạo, điều hành.

Đã chỉ đạo, tạo được một số chuyển biến tích cực trong công tác quần chúng, việc thực hiện dân chủ trong Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Chỉ đạo tổng kết thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về công tác quần chúng (Chỉ thị 37 về công tác cán bộ nữ, Chỉ thị 30 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chủ trương của Bộ Chính trị khoá VIII về công tác đối với đạo Tin Lành...). Chỉ đạo công tác dân vận ở Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc và một số tỉnh miền Trung có những diễn biến phức tạp mới nảy sinh về các vấn đề dân tộc, tôn giáo. Chỉ đạo thành công Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp khác.

Đã thường xuyên chỉ đạo giải quyết tình hình khiếu kiện đông người vượt cấp, góp phần tạo được chuyển biến bước đầu về vấn đề này, giải toả được nhiều “điểm nóng” kéo dài đã lâu.

Trên cơ sở chủ trương của Bộ Chính trị, đã chỉ đạo xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; đấu tranh, xử lý, ngăn chặn hoạt động lợi dụng các vấn đề tôn giáo, dân tộc để gây rối, tạo cơ chống chế độ, chống Đảng và Nhà nước ta.

Tăng cường chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại, chủ động hơn trong công tác thông tin để cộng đồng quốc tế, nhất là các nước láng giềng, các nước lớn, các tổ chức quốc tế hiểu đúng về tình hình đất nước ta cũng như các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

2. Khuyết điểm

Chỉ đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhiều lúc còn kém nhạy bén,

không kịp thời; còn thiếu những hình thức sinh động, có sức thuyết phục, có hiệu quả cao để giải đáp những băn khoăn, vướng mắc, mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình đổi mới, xây dựng và củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là đối với thanh niên.

Chậm chỉ đạo, định hướng nhận thức trước những diễn biến phức tạp của tình hình tư tưởng, cũng như trước những vụ việc lớn. Đấu tranh bác bỏ các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các phần tử cơ hội và các thế lực thù địch còn thiếu chủ động và sắc bén, nhất là ở cơ sở và trên mạng thông tin điện tử. Việc chỉ đạo bác bỏ những thông tin thất thiệt, có hại, phân tích, phản bác những ý kiến và quan điểm sai trái cũng như uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong hoạt động báo chí, xuất bản còn chậm; chưa có đối sách thích hợp để quản lý mạng Internet, trong khi các phần tử xấu đang lợi dụng phương tiện này để chống phá ta rất quyết liệt.

Chưa chỉ đạo nghiên cứu làm rõ mô hình và đề xuất bổ sung, sửa đổi chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ của các đảng đoàn, ban cán sự đảng trong hệ thống các cơ quan nhà nước, nhất là trong các cơ quan hành pháp. Chưa quan tâm đúng mức việc kiện toàn các ban Trung ương Đảng và đảng uỷ khối các cơ quan Trung ương về tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ tương xứng với vai trò, vị trí và yêu cầu nhiệm vụ của các cơ quan này trong tình hình mới.

Việc chỉ đạo thể chế hoá một số quan điểm, chủ trương của Đảng về các vấn đề dân tộc, tôn giáo thành pháp luật, chính sách của Nhà nước còn chậm so với đòi hỏi bức xúc của thực tiễn, dẫn đến việc thực thi ở địa phương, cơ sở còn nhiều vướng mắc. Nội dung và phương pháp vận động quần chúng, nắm tình hình nhân dân chưa tốt, nhất là trên một số địa bàn trọng yếu.

Chỉ đạo công tác kiểm tra chưa thật toàn diện, kiên quyết; chất lượng, hiệu quả chương trình kiểm tra hàng năm còn thấp; chỉ đạo xử lý những sai phạm được phát hiện qua kiểm tra vẫn chưa thật kịp thời, dứt khoát.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc chỉ đạo xem xét, giải quyết những vấn đề chính trị hiện nay của cán bộ; chậm bổ sung và sửa đổi một số điểm không còn phù hợp trong Quy định số 75-QĐ/TW về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Cơ chế về phân công và trách nhiệm giải quyết công việc giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước chưa đủ rõ dẫn đến có việc xử lý chậm. Chỉ đạo phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành trong khối đối ngoại và giữa khối đối ngoại với các khối an ninh, quốc phòng, kinh tế... trong xử lý một số trường hợp cụ thể chưa thật chặt chẽ, thống nhất.

Chỉ đạo triển khai hoặc kiểm tra việc thực hiện một số chủ trương lớn trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh còn chậm; có lĩnh vực, có việc nắm tình hình chưa sâu, chỉ đạo khắc phục, uốn nắn không kịp thời (vấn đề tổ chức đảng và cán bộ chính trị trong công an; tình trạng lộ bí mật, công khai tán phát tài liệu chống đối và gây rối nội bộ...).

B- KIỂM ĐIỂM VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO, PHONG CÁCH VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

I- BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

1. Ưu điểm

Ban Chấp hành Trung ương đã hoạt động theo đúng quy chế, làm việc theo chương trình toàn khoá. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX có kế thừa các khoá trước và có đổi mới, đã phân định rõ ràng hơn, cụ thể hơn nhiệm vụ, quyền hạn, lề lối làm việc của tổ chức và cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng. Chương trình làm việc toàn khoá thể hiện sự chỉ đạo toàn diện, nhưng có trọng tâm, trọng điểm; coi trọng hơn việc tổng kết và kiểm tra thực hiện; đồng thời đã được điều chỉnh và bổ sung kịp thời cho phù hợp với tình hình thực tế.

Hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ; các vấn đề đều được thảo luận và quyết định theo hướng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, nhưng không bao biện, làm thay, phát huy vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước, nhưng không làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng.

Việc ra nghị quyết bước đầu có sự đổi mới theo hướng ngắn gọn, cụ thể, thiết thực hơn.

Bước đầu đã có đổi mới trong việc huy động trí tuệ của các đồng chí Ủy viên Trung ương tham gia vào việc chuẩn bị các đề án cho hội nghị Trung ương, tổng kết lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới và chuẩn bị các văn kiện Đại hội X.

2. Khuyết điểm

Nhìn chung, Ban Chấp hành Trung ương chưa đổi mới được nhiều về phương thức lãnh đạo, phong cách và lề lối làm việc. Các hội nghị Trung ương chưa có nhiều cải tiến về tổ chức điều hành; một số phiên họp thảo luận, tranh luận chưa sôi nổi.

Vẫn còn một số nghị quyết, kết luận dài, nội dung trùng lặp với các văn bản

khác. Trung ương ban hành nhiều nghị quyết, nhưng việc chỉ đạo quán triệt chưa đồng bộ; có tình trạng làm lướt, hình thức. Việc chỉ đạo cụ thể hoá và tổ chức thực hiện chưa tương xứng, nên có nhiều nghị quyết có nội dung tốt, nhưng kết quả thực hiện còn hạn chế, chậm đi vào cuộc sống.

Ban Chấp hành Trung ương chưa có nhiều hình thức để phát huy trí tuệ, nâng cao trách nhiệm của các đồng chí Ủy viên Trung ương đóng góp vào các quyết định quan trọng của Đảng, của đất nước; chưa thực hiện được việc phê bình, chất vấn theo quy chế.

II. BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ

1. Ưu điểm

Về cơ bản, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoạt động đúng quy chế và chương trình làm việc đã đề ra; kịp thời có sự Điều chỉnh chương trình để đáp ứng yêu cầu của diễn biến tình hình trong và ngoài nước; những quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư là đúng thẩm quyền, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Nhìn chung, hoạt động của Bộ Chính trị đã tập trung vào những vấn đề mang tính chất định hướng ở tầm chiến lược về đường lối, chủ trương, chính sách lớn. Ngày càng phân định rõ hơn những vấn đề mà Bộ Chính trị cần ra quyết định và những vấn đề Nhà nước và các cơ quan chức năng chủ động giải quyết, xử lý. Việc phân công, phân cấp xử lý công việc giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng phụ trách từng lĩnh vực đã cụ thể hơn.

Phương pháp công tác, lề lối làm việc có cải tiến, có sự đổi mới. Sinh hoạt dân chủ, thẳng thắn, cởi mở, phát biểu ngắn gọn, tỏ rõ chính kiến. Đối với một số đề án, vấn đề quan trọng, phức tạp, Bộ Chính trị đã chỉ đạo lấy ý kiến được nhiều đối tượng trước khi thảo luận, quyết định. Các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư có bước cải tiến, thiết thực, ngắn gọn.

Việc lập lại Ban Bí thư đã giúp cho việc xử lý công việc hằng ngày của Đảng được kịp thời hơn, Bộ Chính trị và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt có điều kiện, thời gian đầu tư nhiều hơn cho những vấn đề chiến lược. Ban Bí thư đã tạo Điều kiện và phát huy tốt hơn vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành thời gian làm việc trực tiếp với nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc, kiểm tra và tìm hiểu thực tế ở cơ sở, bước đầu giảm bớt thủ tục, hình thức, tăng hiệu quả của các chuyến đi.

Việc phân định công việc giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách một số lĩnh vực đã cụ thể, rõ ràng hơn, phát huy tốt hơn vai trò lãnh đạo của Đảng, sự chủ động trong quản lý, điều hành của Nhà nước. Đối với một số vấn đề hệ trọng, trong quá trình chuẩn bị, đồng chí Tổng Bí thư đã tham khảo ý kiến của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, sau đó trình Bộ Chính trị thảo luận, quyết định theo đa số.

Bộ Chính trị đã thực hiện đúng quy định việc báo cáo Ban Chấp hành Trung ương những công việc đã giải quyết trong thời gian giữa hai kỳ họp Trung ương.

Thường trực Ban Bí thư thông qua hình thức định kỳ giao ban với các văn phòng, các ban đảng, với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để nắm tình hình và nhắc nhở, chỉ đạo phối hợp xử lý các vấn đề mới nảy sinh, là cách làm có tác dụng tốt.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư luôn đề cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công, cũng như việc đóng góp ý kiến vào các quyết định của tập thể; gương mẫu giữ gìn đạo đức cách mạng, tác phong giản dị, gần gũi cán bộ.

2. Khuyết điểm

Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa dành thời gian và đầu tư thoả đáng cho việc nghiên cứu, chỉ đạo đổi mới, cụ thể hoá phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện một đảng cầm quyền, lề lối làm việc trong các cơ quan đảng, trước hết là ở các cơ quan lãnh đạo cấp cao. Chưa khẩn trương chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trên các lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân. Chưa xây dựng được quy chế về mối quan hệ làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ.

Bộ Chính trị vẫn phải họp nhiều, một số ít phiên họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư chất lượng chưa cao. Một số vấn đề quan trọng đã xác định trong chương trình làm việc hằng năm, nhưng chưa thực hiện được hoặc thực hiện chậm.

Trong cơ chế làm việc và sinh hoạt, vai trò lãnh đạo tập thể được thể hiện tốt, nhưng trách nhiệm cá nhân trong một số lĩnh vực chưa đủ rõ, nên giải quyết một số công việc còn chậm. Nhiều đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải đảm nhiệm nhiều công việc khác nhau, mất thời gian vào việc họp hành, điều hành, xử lý cụ thể nên ít

có thời gian tự học tập, nghiên cứu, tự tổng kết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực phụ trách.

Chậm đổi mới quy trình giải quyết công việc của Đảng, nhất là việc xem xét, bổ nhiệm nhân sự và kỷ luật cán bộ còn phải qua nhiều khâu, nhiều công đoạn, mất nhiều thời gian; phần nào còn nặng về xem xét ý kiến thăm dò, chờ đợi sự đồng thuận của đương sự, thiếu sự chủ động, quyết đoán kịp thời của cơ quan lãnh đạo; chưa phát huy đúng mức trách nhiệm và quyền hạn của người phụ trách trong công tác cán bộ, để ảnh hưởng đến việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo của một số cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc. Một số vấn đề các cấp, các ngành xin ý kiến chỉ đạo của Ban Bí thư, nhưng trả lời còn chậm, để cấp dưới chờ đợi lâu.

Chỉ đạo việc điều phối hoạt động của bộ máy đảng chưa thành nền nếp, hiệu quả một số chuyển đi cơ sở của các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư chưa cao.

*

* *

Tóm lại, nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh tình hình quốc tế và trong nước diễn biến phức tạp, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới; sớm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội IX của Đảng; vừa bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, vừa tập trung hơn cho những ngành, lĩnh vực và địa bàn trọng tâm, trọng điểm; coi trọng hơn công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết của Trung ương; đã xử lý đúng đắn, kịp thời nhiều vấn đề nhạy cảm, phức tạp; đẩy mạnh được đà phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, củng cố được quốc phòng, an ninh, tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao được vị thế và uy tín quốc tế của đất nước; chăm lo công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị, nhất là cơ sở; tiếp tục phát huy dân chủ trong Đảng và trong nhân dân, giữ gìn kỷ cương trong Đảng và trong xã hội. Nhìn chung, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá IX đã lãnh đạo hoàn thành cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội IX đề ra.

Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư còn một số khuyết điểm, hạn chế: việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng vẫn là khâu yếu; chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để khắc phục một số khuyết điểm, yếu kém kéo dài trong kinh tế - xã hội; lãnh đạo cải

cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, cải cách hành chính còn chậm, chưa đạt yêu cầu đề ra; lãnh đạo, chỉ đạo quốc phòng, an ninh, đối ngoại có lúc, có việc còn bị động, lúng túng; chưa tập trung đúng mức để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong xây dựng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng, đặc biệt là trong đấu tranh phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; còn ít đổi mới, cải tiến phương thức lãnh đạo và lề lối làm việc, v.v.. Những khuyết điểm, thiếu sót nói trên đã hạn chế hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo chung của Đảng, ảnh hưởng nhất định tới tình hình chung của đất nước.

Ban Chấp hành Trung ương, trước hết là Bộ Chính trị, Ban Bí thư xin nghiêm túc tự phê bình trước toàn Đảng, toàn dân về những khuyết điểm, thiếu sót nói trên.

Từ thực tiễn lãnh đạo chỉ đạo nhiệm kỳ vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương thấy rằng, để lãnh đạo thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong thời gian tới cần phải coi trọng và tập trung giải quyết tốt những vấn đề hết sức quan trọng sau đây:

Một là, trong bối cảnh tình hình chính trị, an ninh, kinh tế khu vực và thế giới luôn biến động hết sức nhanh chóng, phức tạp, tình hình trong nước đang đặt ra nhiều vấn đề mới, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng; tăng cường cảnh giác và nâng cao ý thức đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng; tăng cường đoàn kết trên cơ sở Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối, nguyên tắc hoạt động của Đảng; thật sự coi trọng hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, có kế hoạch tự học tập, nâng cao năng lực nhận thức để tiếp tục tìm tòi, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới, đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới, tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới toàn diện đồng bộ để giành được những thành tựu mới to lớn, vững chắc hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, việc đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong điều kiện một Đảng lãnh đạo, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, có vị trí đặc biệt quan trọng đòi hỏi Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải dành thời gian và tâm sức nhiều hơn nữa, thoả đáng hơn nữa cho những nhiệm vụ này; phải rất coi trọng việc xây dựng và thực hiện đúng quy chế làm việc, đề cao và phát huy dân chủ trong sinh hoạt đảng và trong đời sống xã hội đi đôi với tăng cường trách nhiệm, thực hiện nghiêm kỷ luật của Đảng và kỷ cương phép nước. Không ngừng đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, từng bước quy chế hoá

sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; đồng thời tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, đổi mới và kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước và cả hệ thống chính trị.

Ba là, để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, vấn đề có tính chất quyết định là xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, tiêu biểu về trí tuệ, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức cách mạng, có trách nhiệm, luôn gắn bó với nhân dân, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, của nhân dân. Muốn vậy, phải tiếp tục đổi mới công tác cán bộ cả về tư duy, nội dung và phương pháp; đổi mới đồng bộ hệ thống các quy chế cụ thể về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm để bố trí đúng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn tài năng ở tất cả các ngành, các cấp, các lĩnh vực. Phải giao nhiệm vụ rõ ràng và quyền hạn tương ứng cho từng chức danh; xây dựng cho được cơ chế cụ thể về trách nhiệm của cán bộ đối với công việc được giao, xử lý kịp thời việc biểu dương, khen thưởng, cũng như việc phê bình, kỷ luật, thay thế những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, để công việc trì trệ hoặc có sai phạm, khuyết điểm.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác cán bộ nói riêng, phải tiến hành thường xuyên và kiên trì cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi bằng được các tệ nạn này.

Bốn là, sau khi có đường lối đúng, sự nghiệp đổi mới có thành công hay không phụ thuộc một phần lớn vào năng lực tổ chức thực hiện của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, của các cấp, các ngành. Thời gian qua, tuy vấn đề này đã được coi trọng hơn trước, nhưng vẫn là khâu yếu, có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết đúng đắn của Đảng. Trong đó, đáng lưu ý nhất là tình trạng thiếu kiên quyết, nể nang, né tránh; kỷ luật không nghiêm; chưa phát huy đúng mức quyền hạn và trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Vì vậy, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá X và cấp uỷ các cấp cần đặc biệt coi trọng và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng và phát triển đường lối của Đảng thông qua tổng kết thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên đây là Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá IX. Xin kính trình Đại hội.

PHẦN THỨ HAI

**THÀNH TỰU 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRÊN CÁC LĨNH VỰC**

I. NHỮNG THÀNH TỰU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: ĐỔI MỚI, NHỮNG THÀNH TỰU LỚN

HÀ ĐĂNG

Đánh giá tổng quát 20 năm đổi mới, Báo cáo tổng kết khẳng định: “Công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử”.

Đánh giá công việc của năm năm, mười năm là không dễ. Đánh giá công cuộc đổi mới trong 20 năm lại càng khó hơn. “Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới” tự nó đã có sự giới hạn cần thiết: không phải tổng kết toàn bộ mà là tổng kết một số vấn đề... Dẫu sao để đánh giá và rút ra kết luận đúng đắn về một số vấn đề ấy, không thể không có cái nhìn tổng quát và toàn bộ.

Tổng kết bắt đầu từ những vấn đề cụ thể đi đến khái quát lý luận, từ việc xem xét từng lĩnh vực đổi mới như kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đi đến nhận định chung về toàn cục của đổi mới, cả những thành tựu và yếu kém, khuyết điểm, những bài học lớn rút ra được tổng kết sao cho không sa vào tình trạng thấy cây mà không thấy rừng, hoặc ngược lại, thấy tổng thể rừng mà không thấy được cái phong phú bên trong, tức là hệ sinh thái động, thực vật và cả những tài nguyên dưới lớp đất rừng. Đánh giá tổng quát 20 năm đổi mới, Báo cáo tổng kết khẳng định: “Công cuộc đổi mới trong 20 năm qua đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử”.

Vậy, đó là những thành tựu gì?

Một là, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế tăng trưởng khá nhanh, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu được xây dựng.

Khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta trong những năm cuối thập kỷ 1970 đầu thập kỷ 1980 biểu hiện khá nặng nề: kinh tế trì trệ, phân phối lưu thông ách tắc, cơ chế kế hoạch hóa vận hành trực trặc, ngân sách nhà nước thâm hụt lớn, lạm phát cao (phi mã), đời sống của nhân dân rất khó khăn và lòng tin giảm sút.

Tình trạng khủng hoảng đó, phải đến gần mười năm sau đổi mới, năm 1995, mới được coi là chấm dứt, khi kế hoạch 5 năm 1991 - 1995, kế hoạch 5 năm đầu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 1991 - 2000, được thực hiện vượt mức trên nhiều chỉ tiêu chủ yếu. Từ năm 1996, đất nước bước vào một thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm năm 1996 - 2000, kinh tế tiếp tục đạt được nhịp độ tăng trưởng cao. Nếu tính cả mười năm 1991 - 2000 thì nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân là 7,5%; so với năm 1990, GDP năm 2000 tăng hơn hai lần. Năm năm 2001 - 2005 của nhiệm kỳ Đại hội IX, tăng trưởng GDP bình quân cũng xấp xỉ 7,5%. Tuy chất lượng của sự tăng trưởng còn có mặt hạn chế, song như một số nhà phân tích trên thế giới nhận xét, một đất nước mà trong 15 năm liền đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân GDP trên 7% đó là một điều thần kỳ. Người ta nói đến một con rồng hay con hổ mới.

Bức tranh kinh tế của ta trong 20 năm qua không ngừng biến đổi qua từng năm. Những thành tựu của đổi mới không chỉ đẩy lùi về quá khứ hình ảnh của những năm tháng khủng hoảng kinh tế - xã hội mà còn tạo nên dáng vẻ một đất nước đang tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trên thực tế là hai dòng chảy cùng tác động vào nhau để chúng ta vừa phát triển lực lượng sản xuất, vừa xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp.

Khác với mấy chục năm trước, nước ta ngày nay không còn là nước phải nhập khẩu khoảng nửa triệu tấn lương thực mỗi năm mà trở thành một trong những nước xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới, với khoảng trên dưới 04 triệu tấn/năm. Từ một nước vốn có nền công nghiệp yếu kém, đất nước ta từng bước tiến lên xây dựng một nền công nghiệp theo hướng hiện đại, với hàng trăm khu công nghiệp và khu chế xuất được bố trí ở nhiều địa phương. Sản phẩm của công nghiệp cũng đa dạng từ than, thép, xi-măng, đến công nghiệp chế tác và cơ khí chế tạo, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Điện khí hóa được đẩy mạnh, năm 1995, đạt sản lượng gần 15 tỷ kw giờ điện, năm 2005 con số đó là 53,4 tỷ... Đến năm 2005, dầu khí đã khai thác tới gần 100 triệu. Cũng cần nói đến những công trình ghi đậm dấu ấn của thời kỳ mới, như: đường Hồ Chí Minh, cầu Mỹ Thuận, hầm Hải Vân, v.v... Các ngành dịch vụ từng bước phát triển cả về quy mô, tính hiệu quả và sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; riêng kim ngạch xuất khẩu trong những năm gần đây đã bằng hơn một nửa GDP toàn quốc.

Hai là, bộ mặt văn hóa, xã hội có sự thay đổi đáng kể.

Không phải trước đây, chúng ta không coi trọng các vấn đề văn hóa, xã hội,

con người. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân luôn luôn là mục tiêu hàng đầu của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã từng có những chương trình và kế hoạch nhằm giải quyết các yêu cầu về ăn, ở, đi lại, học hành và chữa bệnh của nhân dân.

Nhưng, cái khó bó cái khôn. Do những khó khăn về kinh tế, cũng do cơ chế quản lý không phù hợp mà trong các lĩnh vực văn hóa và xã hội thường xuyên nảy sinh những vấn đề bức xúc.

Hai mươi năm qua, cùng với tăng trưởng kinh tế ngày một khá, chúng ta đã có thể lần lượt giải quyết nhiều vấn đề xã hội tồn đọng từ lâu và cả những vấn đề mới phát sinh. Công tác giải quyết việc làm có nhiều tiến bộ, mỗi năm tạo việc làm từ 1,2 triệu đến 1,5 triệu người lao động. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả đầy ấn tượng ngay từ năm 2002, nước ta đã được Liên hợp quốc đánh giá là hoàn thành sớm so với kế hoạch toàn cầu: giảm 1/2 tỷ lệ nghèo vào năm 2015. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có thành tích đáng ghi nhận trong việc giảm tỷ lệ tử vong và suy dinh dưỡng ở trẻ em, khống chế dịch bệnh, tăng tuổi thọ trung bình của người dân (từ 63 tuổi năm 1990 lên 71,3 tuổi năm 2005), cải thiện đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI). Các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn”, chăm sóc thương binh và gia đình liệt sĩ, khen thưởng người có công, v.v... đã trở thành những nét đẹp trong đời sống văn hóa của dân tộc.

Việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã gặt hái được nhiều thành quả: bước đầu phát huy được tính chủ động, sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân, kế thừa và phát triển những giá trị đặc sắc văn hóa của 54 dân tộc anh em, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng; từng bước hình thành một số nét mới trong chuẩn mực văn hóa của con người Việt Nam, khuyến khích các tài năng văn hóa - nghệ thuật; giữ gìn và tôn tạo nhiều di sản văn hóa; mở rộng giao lưu và hợp tác văn hóa với nước ngoài.

Với vị trí quốc sách hàng đầu, nền giáo dục của nước ta đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Năm 2000, cả nước đã đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến nay, đã có tới 1/2 số tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ người lớn từ 15 tuổi trở lên biết chữ đã tăng từ 88% cuối năm 1980 lên 95% năm 2004.

Khoa học công nghệ và tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước có bước phát triển, nhiều thành tựu đã được đưa vào áp dụng trong thực tế, mang lại hiệu quả kinh tế, xã hội rõ rệt. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ (bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật) đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học

phục vụ hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; làm chủ và ứng dụng có hiệu quả công nghệ nhập từ nước ngoài.

Tuy còn không ít mặt yếu kém, nhưng những gì mà chúng ta đã tạo dựng được trên mặt trận văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ đã làm cho thế giới ngày càng hiểu thêm rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc văn hóa và văn hiến, một dân tộc hiếu học, ham hiểu biết và có khả năng vươn tới trình độ tri thức ngày càng cao.

Ba là, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường.

Cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” không chỉ được xác lập về mặt nhận thức mà còn vận hành ngày càng thông suốt hơn trong thực tiễn qua việc củng cố và tăng cường hệ thống chính trị. Đảng khẳng định rằng, thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Trên thực tế, đã thực hiện nhiều chủ trương và biện pháp đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa xã hội, cả dân chủ gián tiếp thông qua các cơ quan dân cử và dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân từng bước được củng cố và tăng cường thông qua việc đổi mới và nâng cao hiệu quả các hoạt động lập pháp và giám sát của Quốc hội, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng phát huy được vai trò của mình trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào cách mạng, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và nâng cao tính tự quản của các cộng đồng dân cư. Đảng thực hiện quyền lãnh đạo của mình thông qua việc tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ và phương thức lãnh đạo, củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân.

Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là đặc trưng cơ bản của nền chính trị nước ta. Việc củng cố và tăng cường hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng những thành quả trên lĩnh vực dân chủ hóa xã hội đã tạo động lực và thực sự và một động lực mạnh mẽ cho quá trình đổi mới toàn diện đất nước.

Bốn là, quốc phòng và an ninh được giữ vững.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới được hiểu không chỉ là bảo

vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với nhận thức đó, mấy chục năm qua, trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, chúng ta đặc biệt coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Đã xây dựng và từng bước phát triển tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng quân đội và công an theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đã xây dựng được thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế và các hoạt động đối ngoại. Nhờ đó, mà giữ vững nền quốc phòng và an ninh quốc gia, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị và ổn định xã hội, tăng thêm niềm tin của nhân dân vào khả năng tự bảo vệ của sự nghiệp cách mạng và đổi mới ở nước ta.

Năm là, mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Cùng với việc phá bỏ bao vây và cấm vận, chúng ta đã ra sức mở rộng quan hệ đối ngoại. Với chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập, hợp tác và phát triển, chúng ta không ngừng mở rộng và tăng cường mối quan hệ với các nước láng giềng và trong khu vực, các nước bạn bè truyền thống, các nước lớn và các quốc gia, phát triển, tham gia nhiều diễn đàn và tổ chức quốc gia và quốc tế khác, nhất là các tổ chức thuộc Liên hợp quốc.

Đến nay, nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước trong số hơn 200 nước trên thế giới, đặc biệt là lần đầu tiên trong lịch sử, có quan hệ với tất cả các nước lớn, kể cả Mỹ.

Chúng ta đã tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và giao lưu, hợp tác trên các lĩnh vực khác, tranh thủ nguồn vốn, khoa học - công nghệ tiên tiến, kỹ thuật quản lý của nước ngoài để phát triển đất nước.

Tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Rõ ràng là, những thành tựu nêu trên, về mặt thực tiễn, đã làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của đất nước ta. Còn về mặt lý luận, chúng ta không thể không đồng tình với kết luận của Báo cáo tổng kết: “Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là

phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Điều rất quan trọng là, sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn”.

Báo cáo còn khẳng định: “Cho đến nay, Đảng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội”. Nói gọn lại, đó là các quan điểm chung về mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội, về nền tảng tư tưởng của Đảng, về động lực của sự phát triển. Đó còn là các quan điểm cụ thể về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; về tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, về xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; về quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế.

Sẽ không khách quan và toàn diện nếu nói những thành tựu của đổi mới nêu trên là toàn thiện, toàn mỹ. Không. Trên thực tế, kinh tế phát triển còn chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu, sức cạnh tranh còn yếu và vẫn tồn tại nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nhiều vấn đề văn hóa và xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Nạn quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của không ít cán bộ, đảng viên vẫn nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội phát triển. Đời sống nhân dân, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Hoạt động của hệ thống chính trị, phương thức lãnh đạo của Đảng chậm được đổi mới; hiệu lực quản lý của Nhà nước chưa cao. Mỗi quan hệ giữa Đảng và nhân dân có mặt giám sát. Dân chủ trong Đảng và trong xã hội chưa được phát huy đầy đủ. Về mặt lý luận, không ít vấn đề về nhận thức còn chưa đủ rõ, nhất là trong việc nhận thức và giải quyết quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững; giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa đổi mới và ổn định; giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế...

Dẫu sao nếu so sánh giữa những thành tựu đạt được và những mặt yếu kém, khuyết điểm, giữa mảng sáng và mảng tối, mặt phải và mặt trái trong bức tranh đổi mới thì có thể thấy rõ thành tựu, mảng sáng và mặt phải là cơ bản. Tính chất to lớn

của những thành tựu đổi mới là không có gì để bàn cãi. Còn ý nghĩa lịch sử là ở chỗ nào? Không chỉ ở chỗ nó góp phần ngăn chặn sự đổ vỡ như Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Cũng không chỉ ở sự ngăn ngừa chệch hướng hoặc chệch mục tiêu của chủ nghĩa xã hội như đã từng xảy ra ở nơi này hay nơi khác trong quá trình đổi mới; ở sự phản bác lại những mưu toan và thủ đoạn ngăn cản và phá hoại đổi mới. Ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất là ở chỗ, trong những điều kiện vô cùng phức tạp trong tình hình thế giới và trong nước suốt mấy mươi năm qua, chúng ta không chỉ kế thừa những gì gặt hái được trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đó mà còn thông qua thực tiễn đổi mới mà tìm tòi và khám phá ra con đường đúng đắn nhất để từ một xã hội của sản xuất nhỏ và kém phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, con đường phù hợp với tiến trình lịch sử của loài người trong thời đại mới.

NĂM VỮNG BÀI HỌC CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI

GS, TS LÊ HỮU NGHĨA

Ủy viên Trung ương Đảng,

Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

Từ thực tiễn đổi mới 20 năm qua với tất cả những thành tựu cũng như cả hạn chế, yếu kém, chúng ta có thể rút ra một số bài học lớn có ý nghĩa tiếp tục chỉ đạo công cuộc đổi mới trong thời gian tới.

Sau 20 năm đổi mới, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng lên nhiều; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Song điều rất quan trọng là sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới; Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn.

Từ thực tiễn đổi mới 20 năm qua với tất cả những thành tựu cũng như cả hạn chế, yếu kém, chúng ta có thể rút ra một số bài học lớn có ý nghĩa tiếp tục chỉ đạo công cuộc đổi mới trong thời gian tới.

1- Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngay từ khi mới ra đời, trong những Cương lĩnh đầu tiên của mình, Đảng ta đã khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và trong suốt hơn 75 năm qua Đảng ta luôn kiên trì mục tiêu đó. Trong 20 năm đổi mới, tình hình thế giới biến động rất phức tạp.

Cuối những năm 80 đầu 90 thế kỷ XX, chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu bị sụp đổ, đặc biệt “trận động đất chính trị” xảy ra ở Liên Xô năm 1991 làm cho Liên Xô tan rã; chủ nghĩa xã hội hiện thực bị lâm vào thoái trào, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào cách mạng thế giới gặp những khó khăn to lớn chưa từng thấy. Tình hình đó đã tác động sâu sắc đến cách mạng nước ta.

Đứng trước tình thế “hiểm nghèo” đó, Đảng ta không hoang mang dao động.

Với bản lĩnh chính trị của một Đảng được tôi luyện dạn dày trong đấu tranh cách mạng, Đảng ta vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đã chọn. Vì đó là con đường hợp quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam để có một nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Đối với Đảng ta, đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức và xây dựng có hiệu quả hơn; đổi mới không phải là đổi màu; hội nhập nhưng không phải là hòa tan vào thế giới tư bản; đổi mới có nguyên tắc mà nguyên tắc hàng đầu là bảo đảm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đất nước. Vì vậy trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn kiên quyết đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái muốn từ bỏ hoặc phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa với những lập luận sai trái như “đi vào chủ nghĩa xã hội là vào ngõ cụt, vào vết xe đổ của Liên Xô” (!) “đi lên chủ nghĩa xã hội là không tương, viễn vông” (!), “kinh tế thị trường không dung hợp với chủ nghĩa xã hội” (!) đồng thời phê phán, khắc phục những biểu hiện lệch hướng xã hội chủ nghĩa trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

Đồng thời Đảng ta cũng khẳng định rằng đổi mới không phải xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết, tư tưởng đó, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng.

Để có đường lối đổi mới đúng đắn, cần nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình thực tế với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, lấy đó làm cơ sở xuất phát để hoạch định và hoàn thiện đường lối đổi mới.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã có sự nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đối với thực chất những tư tưởng của các nhà kinh điển mác-xít trên nhiều vấn đề. Đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta ngày càng xác định rõ những luận điểm gì trước đây đúng bây giờ vẫn đúng và lâu dài về sau vẫn đúng; những luận điểm gì trước đây đúng và bây giờ không còn phù hợp do thực tiễn đã thay đổi; những luận điểm gì vốn trước đây đã không phù hợp; những luận điểm gì vốn đúng nhưng ta nhận thức sai, làm sai; những luận điểm gì mới cần được bổ sung vào lý luận qua tổng kết thực tiễn mới.

Với tinh thần ấy, trong những năm đổi mới, Đảng ta đã bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên một loạt các vấn đề như vấn đề mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất, vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, v.v.. Nhờ đó, tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu sắc hơn, đồng thời có sự vận dụng, phát triển phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam, khắc phục bệnh giáo điều, bệnh chủ quan duy ý chí trong nhận thức và hành động.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta ngày càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn vai trò, vị trí và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Việc Cương lĩnh năm 1991 của Đảng đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền tảng tư tưởng của Đảng là một bước tiến mới trong tư duy lý luận của Đảng. Trong nền tảng tư tưởng của Đảng ta, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một thể thống nhất. Do đó, không được đối lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lê-nin vì làm như vậy tức là đã phủ nhận mối liên hệ nội tại cả về lịch sử và lô-gíc của tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Thực tiễn cách mạng nước ta từ khi có Đảng nhất là trong 20 năm đổi mới đã khẳng định, chứng minh giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thắng lợi của công cuộc đổi mới cũng là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Trung thành và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là những điều kiện bảo đảm cho thắng lợi sắp tới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới vô cùng phức tạp của tình hình thế giới.

2- Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

Thực tiễn cải cách, cải tổ ở các nước xã hội chủ nghĩa đã cho thấy nếu xác định đúng mục tiêu song không xác định đúng phương thức tiến hành, cách làm, lộ trình và bước đi phù hợp thì cũng không thể thành công.

Đối với Đảng ta, đổi mới là một sự nghiệp có tính chất cách mạng sâu sắc, toàn diện, tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đến mọi cấp, mọi ngành, mọi người, do đó phải đổi mới toàn diện từ nhận thức, tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, quan hệ đối ngoại đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động trong từng bộ phận của hệ thống chính trị; từ hoạt động của cấp Trung ương đến hoạt động của cấp địa phương và cơ sở.

Đổi mới toàn diện phải tiến hành đồng bộ trên tất cả các mặt, các bộ phận, các khâu của đời sống xã hội, để tạo điều kiện cho chúng phát huy vai trò nhân - quả của nhau, thúc đẩy nhau cùng đổi mới, làm cho toàn bộ cơ thể xã hội chuyển động.

Tuy nhiên, đổi mới toàn diện và đồng bộ không có nghĩa là làm đồng loạt, dàn đều, rải mảnh mảnh ra mà phải có trọng tâm, trọng điểm, có sự tính toán cẩn thận các bước đi, hình thức, cách làm phù hợp, phải nắm lấy khâu then chốt, nắm lấy “mắt xích” chủ yếu trong mỗi thời kỳ. Để xác định đúng bước đi và cách làm phù hợp, điều quan trọng là phải nắm vững các mối quan hệ biện chứng chủ yếu trong đời sống xã hội, đó là quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa kinh tế và chính trị, giữa kinh tế và văn hóa - xã hội, giữa kinh tế và quốc phòng - an ninh... trong đó xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị, giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Thất bại của công cuộc cải tổ ở Liên Xô có một phần nguyên nhân từ giải quyết không đúng mối quan hệ này. Không xác định đúng bước đi; nóng vội, hấp tấp sẽ gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; ngược lại quá chậm chạp trong việc đổi mới hệ thống chính trị sẽ cản trở sự phát triển kinh tế cũng như toàn bộ công cuộc đổi mới. Vì vậy, lúc đầu chúng ta tập trung vào đổi mới kinh tế và từng bước đổi mới hệ thống chính trị; tiếp theo phải tiến hành đồng thời đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị; đổi mới hệ thống chính trị song phải bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, đổi mới vì mục tiêu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải coi đổi mới là động lực; ổn định là điều kiện tiền đề; phát triển nhanh và bền vững là mục đích.

Trong những năm qua, cùng với đổi mới kinh tế và trên cơ sở đổi mới kinh tế, chúng ta đã từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị: đổi mới và chỉnh đốn Đảng, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, mở rộng dân chủ trong Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, cải cách các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp, đổi mới hệ thống chính quyền địa phương; đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; mở rộng và phát huy dân chủ trong xã hội, đẩy mạnh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí...

Trong quá trình đổi mới, chúng ta không phủ định sạch trơn thành tựu của quá khứ, mà trân trọng và kế thừa những kinh nghiệm dựng nước và giữ nước của cha ông, những thành tựu của cách mạng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những thành quả của văn minh nhân loại,

trong đó có mặt tích cực của kinh tế thị trường, những giá trị trong tư tưởng về Nhà nước pháp quyền - những thứ trước đây bị coi là riêng có của chủ nghĩa tư bản. Những thành tựu của đổi mới hệ thống chính trị trong 20 năm qua đã khẳng định rằng chúng ta không chỉ đổi mới kinh tế mà còn đổi mới cả chính trị, chứ không phải như luận điệu xuyên tạc của các phần tử phản động và cơ hội chính trị cho rằng “Việt Nam chỉ đổi mới kinh tế mà không đổi mới chính trị”.

Ngày nay để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, chúng ta phải bảo đảm tốt hơn sự gắn kết, đồng bộ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Cần đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ hơn với đổi mới kinh tế; gắn kết chặt chẽ kinh tế với văn hóa - xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và đối ngoại.

3- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của nhân dân, phù hợp thực tiễn, luôn luôn nhạy bén với cái mới

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo về bản chất mang tính nhân dân sâu sắc, thể hiện ở chỗ nó bắt nguồn từ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân và do nhân dân thực hiện. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là một nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng.

Dựa vào nhân dân, qua thực tiễn phong phú của nhân dân, tiến hành tổng kết, từng bước khái quát thành lý luận, xây dựng và hoàn thiện đường lối đổi mới - đó là bước đi hợp quy luật. Đến lượt mình, đường lối đổi mới đã đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng, nguyện vọng bức xúc của nhân dân, hợp quy luật, thuận lòng dân nên đã được nhân dân nhanh chóng hưởng ứng, tham gia tích cực, nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Đường lối đó đã giải phóng được lực lượng sản xuất - nhân tố quyết định cho sự phát triển xã hội, khơi dậy được tài dân và sức dân để đóng góp xây dựng Tổ quốc. Do đó, trong quá trình đổi mới, ý kiến, sáng kiến, cách làm sáng tạo của nhân dân các địa phương và cơ sở là cực kỳ quan trọng. Nếu chúng ta sâu sát với nhân dân, biết lắng nghe ý kiến nhân dân, chất lọc, tổng kết, khái quát kinh nghiệm của nhân dân, thì sẽ có quyết sách đúng, chủ trương phù hợp, nhất là vào những thời điểm khó khăn hoặc có tính bước ngoặt. Chính vào những thời điểm đó, nhân dân có thể đề xuất những giải pháp cực kỳ thông minh, sáng tạo, vượt ra ngoài mọi sách vở có sẵn mà người lãnh đạo nghĩ mãi không ra.

Hiện nay công cuộc đổi mới đang đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp cả về lý luận và thực tiễn, nhiều vấn đề chưa có câu trả lời rõ ràng và chuẩn xác. Để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, chúng ta phải giải quyết những vấn đề đó. Muốn vậy phải đẩy mạnh nghiên cứu lý luận và coi trọng tổng kết thực tiễn, coi trọng sáng kiến của nhân dân, phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, tìm ra những nhân tố mới để nhân rộng, qua đó phát hiện những điểm không phù hợp trong chủ trương, chính sách, kịp thời có sự điều chỉnh, bổ sung, phát triển.

Hiện nay, do tác động của mặt trái của cơ chế thị trường và mở cửa, cũng như do những thiếu sót, khuyết điểm chủ quan của chúng ta trong lãnh đạo và quản lý, tệ quan liêu, nạn tham nhũng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên đã làm cho quan hệ giữa Đảng với nhân dân có mặt bị giảm sút. Vì vậy phải củng cố và tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân. “Lợi ích chính đáng của nhân dân” phải là cơ sở để hoạch định chính sách và “thái độ ủng hộ của nhân dân” với Đảng, Nhà nước là một tiêu chuẩn để khẳng định tính đúng đắn của chính sách. Cán bộ, đảng viên phải thật sự gần dân, trọng dân, tin dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin. Có như vậy, những sáng kiến, kinh nghiệm của quần chúng, tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân mới có thể được chuyển thành những quyết sách chính trị trong quá trình đổi mới.

4- Phát huy cao độ nội lực, đồng thời khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta luôn coi trọng việc tạo ra và phát huy sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững, trong đó lấy phát huy nội lực là nhân tố quyết định, khai thác ngoại lực là nhân tố quan trọng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Công cuộc đổi mới diễn ra trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, kinh tế tri thức ngày càng phát triển. Vì vậy chúng ta phải chủ động sử dụng những thành tựu khoa học và công nghệ nhất là các công nghệ cao (công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano...) cùng với những thành tựu của kinh tế tri thức để phát triển kinh tế - xã hội, tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện “đi tắt đón đầu”, tạo môi trường thuận lợi trong nước để phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại tiên tiến của thế giới.

Ngày nay toàn cầu hóa kinh tế đã trở thành một xu thế khách quan, một hiện thực sống động, bao gồm cả mặt tích cực và tiêu cực, cả thời cơ và thách thức, tác động mạnh mẽ đến tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Sớm nhận thức được xu

thế này, Đảng ta đã đề ra chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ đi đôi với đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Cho đến nay nước ta đã xác lập được quan hệ ổn định với các nước lớn, đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, quan hệ thương mại với 221 nước và vùng lãnh thổ; chúng ta đã hội nhập kinh tế trên các cấp độ (song phương, khu vực và toàn cầu), đã gia nhập AFTA, ASEM, APEC và đang đàm phán để gia nhập WTO.

Thông qua việc mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, chúng ta đã thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư nước ngoài dưới hình thức vốn đầu tư trực tiếp (FDI) và vốn hỗ trợ phát triển (ODA), cũng đã thiết lập được quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, tranh thủ được số lượng đáng kể vốn vay ưu đãi của Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), đồng thời tranh thủ khoa học - công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài, mở rộng thị trường xuất nhập khẩu để phát triển đất nước. Mặt khác, thông qua mở rộng hợp tác quốc tế làm cho bạn bè quốc tế hiểu biết đất nước và con người Việt Nam hơn, tăng thêm tình cảm, sự ủng hộ, giúp đỡ đối với công cuộc đổi mới của Việt Nam và qua đó chúng ta góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân tiến bộ thế giới vì mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Có thể nói ngoại lực được khai thác đã làm nhân lên sức mạnh nội lực, còn nội lực được phát huy tạo cơ sở cho việc sử dụng ngoại lực có hiệu quả hơn. Cũng như vậy, sức mạnh thời đại được phát huy sẽ chuyển thành sức mạnh của dân tộc, trái lại, sức mạnh của dân tộc được phát huy thì mới sử dụng có hiệu quả cơ hội, thuận lợi do sức mạnh của thời đại tạo ra, vượt qua nguy cơ, khắc phục thách thức. Trong việc khai thác ngoại lực, sử dụng sức mạnh của thời đại chúng ta phải đứng vững trên các nguyên tắc như tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc.

5- Phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân

Thực tiễn 20 năm đổi mới đã khẳng định: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của đổi mới. Đảng là người khởi xướng và lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới. Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, ngày càng được hoàn thiện, vai trò lãnh đạo và năng lực cầm quyền của Đảng được tăng cường, nhờ

tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên nên đường lối đổi mới của Đảng được đông đảo nhân dân hưởng ứng, biến thành phong trào hành động sôi nổi, rộng khắp của quần chúng.

Vì vậy trong quá trình đổi mới, Đảng ta rất coi trọng công tác xây dựng Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, coi việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền, dân chủ hóa xã hội, mở cửa, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Phải bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng, kiên quyết không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Đảng khẳng định tự đổi mới, tự chỉnh đốn là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Phải giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng thật sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, có tầm trí tuệ cao, có phương thức lãnh đạo khoa học, luôn luôn gắn bó mật thiết với nhân dân. Đồng thời kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch muốn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đấu tranh với các biểu hiện giáo điều và cơ hội dưới mọi hình thức.

Trong quá trình đổi mới, Đảng ta rất coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bởi vì dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới. Dân chủ hóa đời sống xã hội sẽ làm cho mọi tiềm năng sáng tạo của con người được phát huy, tính tích cực, chủ động của nhân dân được tăng lên, sự tham gia của nhân dân vào các quá trình sáng tạo ra xã hội mới sẽ ngày càng có hiệu quả cao.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, phải đổi mới hệ thống chính trị, bởi vì như Đảng ta chỉ rõ, thực chất của công cuộc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Dân chủ được thể hiện và thực hiện chủ yếu và trực tiếp nhất qua Nhà nước, bằng Nhà nước. Vì vậy xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, bảo đảm quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân là yêu cầu bức thiết của dân chủ hóa xã hội. Nhà nước phải tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, kiểm tra, giám sát các cơ quan Nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước. Nhà nước bảo đảm quyền công dân, quyền con người,

nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

Để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa phải tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở lợi ích chung của đất nước, lấy việc giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” làm điểm tương đồng. Phải tạo điều kiện và cơ chế cho Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội đối với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Như vậy thông qua đổi mới từng tổ chức trong hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội) và đổi mới mối quan hệ giữa các tổ chức đó sẽ làm cho từng tổ chức và cả hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, ngày càng phát huy được quyền làm chủ của nhân dân, tạo động lực mạnh mẽ cho công cuộc đổi mới.

Trên đây là những bài học lớn được rút ra từ 20 năm đổi mới. Những bài học đó có ý nghĩa chỉ đạo tiếp tục cho công cuộc đổi mới thời gian tới. Vì vậy nắm vững và quán triệt chúng để đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới vì chủ nghĩa xã hội là yêu cầu quan trọng hiện nay và sắp tới.

THỂ VÀ LỰC CỦA NHÀ NƯỚC TA SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ THUỘC ĐƯỜNG LỐI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

HỒNG LONG

(ĐCSVN) – Hai mươi năm đổi mới là thời gian đất nước ta trải qua những năm tháng phấn đấu gian khổ và đầy sáng tạo thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là 5 năm (2001-2005) thực hiện Nghị quyết Đại hội IX đã tạo nên thể và lực mới cho đất nước. Thực tiễn đang đặt ra một số vấn đề lớn thuộc mục tiêu phấn đấu mới của toàn dân tộc trong quá trình hội nhập và toàn cầu hoá.

Một là, nhận rõ cái mạnh trong thể và lực mới từ mối quan hệ đúng đắn giữa chậm phát triển và sức vươn lên của toàn dân tộc.

Trong việc kiểm điểm về những công việc đã làm được từ những năm tháng đã qua, nhận rõ những điều làm được, chưa làm được, ưu điểm cũng như khuyết điểm là đúng và cần thiết đối với mỗi tổ chức cũng như mỗi con người. Song, trong việc này cũng có những nhược điểm, sai trái cản trở việc tiếp cận với nhận thức và hiểu biết đúng đắn vấn đề từ vị trí và chức năng lãnh đạo của đảng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là về đường lối đưa đất nước đi lên giàu mạnh của Đảng.

Sự việc nào, công việc gì cũng có ưu, có khuyết ở những thời điểm và không gian xác định. Song, trong hoạt động khoa học cũng như trong hoạt động chính trị - xã hội, nếu chỉ dừng lại từ nhận thức về ưu và khuyết, không nhìn nhận được sự vật, sự việc trong quá trình vận động và chiều hướng phát triển của nó, tránh rơi vào tình hình không phân biệt rõ đúng sai, kẻ lẽ thành tích hoặc lại bi quan, tiêu cực, không nhận rõ được thực chất cũng như bản chất của vấn đề, của sự vật, sự việc cùng với yêu cầu xác định rõ hành động đúng đắn cần thiết.

Nhận rõ trình độ yếu kém và chậm phát triển của nền kinh tế nước ta từ mặt bằng của kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ còn phải nhìn nhận rõ sự yếu kém ấy trong tổng thể lịch trình làm nhiệm vụ hậu phương cho cuộc chiến đấu 30 năm của toàn dân tộc nhằm thống nhất đất nước. Không thể đưa nền kinh tế đi lên từ “lòng tự hào dân tộc”

được, song cũng không phải vì thế mà bỏ qua hiện thực xây dựng và phát triển kinh tế của nhiều thế hệ trải qua giai đoạn chiến đấu quyết liệt đầy sáng tạo qua 30 năm ấy.

Hơn thế nữa, trong sự yếu kém và chậm phát triển của nền kinh tế nước ta, còn có những sai lầm của cả thời gian 10 năm duy trì những suy nghĩ cũ về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, không nhận thức được đúng đắn thời cơ mới từ sau thắng lợi lịch sử 30/4/1975 với những thay đổi lớn của thế giới, của đất nước tạo nên sức mạnh và vị thế mới của đất nước. Trong cuộc tranh luận kéo dài qua nhiều kỳ Đại hội đến nay về thời cơ và nguy cơ, về tụt hậu hay chênh hướng còn có những nhận thức không đúng đắn, đánh giá thấp vị thế của đất nước cũng như những thay đổi lớn của các thế hệ nối tiếp nhau, trước hết là lớp trẻ ngày nay, về lòng tự tôn dân tộc và ý chí bước tiếp cha anh vượt qua nghèo nàn, lạc hậu làm nên sự giàu mạnh của đất nước, không phải đi vào đổi mới mà rơi vào “tự ty dân tộc mới” trước sức mạnh không được hiểu biết đúng đắn về các cường quốc và các trình độ kinh tế phát triển, hoặc rơi vào “bảo thủ và trì trệ mới” nhân danh tự hào dân tộc.

Hai là, ngày nay, dân tộc ta, nhân dân ta, người lao động nước ta có phát huy được ý chí dân tộc hùng mạnh trong cuộc chiến đấu 30 năm, đi vào cuộc chiến đấu 30 năm, đi vào cuộc chiến đấu vượt qua chậm phát triển, nghèo nàn lạc hậu “sánh vai cùng các cường quốc năm châu bốn biển” được không? Câu trả lời thực tế và khách quan là có từ chính quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong cuộc chiến đấu gian khổ, đầy sáng tạo 30 năm, từ chính những đòi hỏi mới khi kết thúc chiến tranh đưa đất nước thống nhất vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, từ chính những điển hình xây dựng kinh tế, xoá đói giảm nghèo, vượt mọi khó khăn để làm nên những kỳ tích kinh tế văn hoá - xã hội...

Chính McNamara, Bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ, trong cuốn sách của ông *Nhìn lại quá khứ: Tấn thâm kích và những bài học về Việt Nam* xuất bản năm 1995, cũng phải thừa nhận bom đạn, sắt thép, tiền tài không thể khuất phục được ý chí một dân tộc đã nhất tề đứng lên vì nền độc lập của mình. Ý chí là phạm trù thuộc về tinh thần chủ quan, song nó lại là khách quan từ truyền thống của dân tộc qua những cuộc chiến lịch sử chống lại kẻ thù mạnh hơn mình gấp bội. Nó là khách quan từ sự tự giác tự nhiên, đơn giản mộc mạc của mỗi công dân “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”.

Điều đặc biệt, nó là khách quan và được nhân lên gấp bội từ bước biến chuyển mới của thời đại thức tỉnh người lao động và các dân tộc bị áp bức bị thống trị với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam của hành động.

Đáng tiếc là sức mạnh quý báu làm nên lịch sử và truyền thống dân tộc thần kỳ ấy

đã bị kìm hãm từ chính những sai lầm sinh ra từ lòng tự kiêu, tự mãn quá cao sau chiến thắng lịch sử 1975, từ việc không nhận thức được đúng đắn tình hình mới sau chiến thắng lịch sử 1975 trên thế giới cũng như trong nước, từ sự thoái hoá biến chất của bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên có chức, có quyền, có tiền trong chủ nghĩa quan liêu xa rời quần chúng.

Đổi mới gắn liền với việc nhận rõ những sai lầm đã qua, đồng thời từ đó cũng gắn liền với việc phát huy ý chí tự tôn dân tộc trong những điều kiện của mô hình nhà nước kiểu mới do nhân dân, do người lao động làm chủ với những yếu tố khách quan và chủ quan thuận lợi cho việc phát huy sức mạnh mới của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng cuộc sống mới dân giàu nước mạnh vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội.

Ba là, vấn đề hoàn toàn phụ thuộc vào việc Đảng ta đã thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như thế nào và thực hiện sự nghiệp đổi mới như thế nào.

Sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đã giành được những thành tựu quan trọng có ý nghĩa lịch sử, nhưng cũng rõ ràng còn nhiều hiểu biết và nhận thức chưa thật chính xác về vị trí và chức năng lãnh đạo của Đảng, vẫn còn những suy nghĩ và hành động khác nhau trong bộ máy tổ chức và hành động của Đảng và Nhà nước. Vẫn còn khoảng cách đáng kể giữa các văn bản của Đảng và Nhà nước với hiện thực của đời sống kinh tế, xã hội. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có vấn đề là sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta như thế nào?

Vị trí và chức năng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta được xác định từ năng lực trí tuệ phản ánh được con đường đi lên tất yếu của đất nước. Năng lực ấy không phải ngẫu nhiên mà có, mà được đúc kết từ chính quá trình phát triển của hiện thực vận động xã hội của đất nước cũng như trên thế giới qua bao nhiêu sự kiện đặc thù của thế kỷ XX. Đổi mới tư duy là bước phát triển mới về năng lực lý luận của Đảng.

Tư duy mới về chủ nghĩa xã hội, về xã hội xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta là xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng dân chủ, văn minh với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do người lao động làm chủ từ chính nền kinh tế nhiều thành phần vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Chế độ sở hữu của nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa là chế độ sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Trong vấn đề cơ bản và rộng lớn này của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, có những vấn đề đã được làm rõ nhưng chưa được chính thức thừa nhận cũng như còn những vấn

đề chưa rõ và cần phải làm rõ về đường lối và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong tiến trình hội nhập và phát triển.

Một là, về vị trí làm chủ đất nước của người lao động và chế độ sở hữu của người lao động trong các tổ chức kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước trước cách mạng tháng Tám, người lao động cũng như mọi người dân Việt Nam đều là người dân nô lệ sống dưới chế độ thực dân phong kiến. Cách Mạng tháng Tám đã đưa nhân dân Việt Nam, những người lao động Việt Nam thuộc mọi hình thức và tổ chức kinh tế trở thành người chủ của đất nước. Với hiểu biết và nhận thức sai lầm trước đây về chủ nghĩa xã hội, chỉ có xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mới được xem là xã hội chủ nghĩa còn mọi người lao động cá thể cũng như tiểu chủ đều là phi xã hội chủ nghĩa. Nhưng thực tế, từ những thay đổi của đất nước, ở bất kỳ vị trí kinh tế nào, mọi công dân Việt Nam đều là người chủ của đất nước kể cả trong kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Đi vào đổi mới, những nhận thức và hiểu biết sai lầm này đều phải sửa chữa và thay đổi.

Hai là, khác với các nền kinh tế phát triển đã chuyển sang nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, ở nước ta vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân trở thành vấn đề hàng đầu trong hoạt động kinh tế xã hội. Chủ nghĩa tư bản có vị trí lịch sử của nó trong đời sống kinh tế xã hội. Song không thể để đất nước đi theo con đường của chủ nghĩa tư bản hoặc tự phát tư bản chủ nghĩa mà tất yếu phải đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội như đã được khẳng định trong Cương lĩnh 1991 của Đảng. Đó là con đường phát huy tính năng động sáng tạo thường trực của người lao động thuộc các tổ chức và thành phần kinh tế khác nhau, phát huy vị trí và chức năng quản lý, tổ chức và xây dựng của Nhà nước do người lao động làm chủ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trước hết là cơ cấu cây trồng vật nuôi. Trước đây, trong xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, có sai lầm không tôn trọng tính tự nguyện tham gia hợp tác xã, không thừa nhận kinh tế hộ gia đình. Trong thời kỳ đổi mới, các trang trại với các hình thức tổ chức và phương thức hoạt động khác nhau ra đời tạo nên bước phát triển đặc biệt quan trọng của nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Nhiều thành phần kinh tế tham gia mô hình kinh tế trang trại, nhưng chủ yếu vẫn là nông dân: 91,31% chủ trang trại là nông dân, 5,03% là cán bộ công nhân viên chức, 3,68% là các thành phần khác (Báo Nhân dân, 21/2/2004). Song, con đường đặc thù đi lên chủ nghĩa xã hội ở đây là sự liên kết của những người lao động nông nghiệp, những người hoạt động và kinh doanh nông nghiệp từ kinh tế hộ gia đình và các hợp tác xã nông nghiệp, các nông trường đã có trước đây, ngày nay cần được nghiên cứu và đổi mới thành các tổ chức kinh tế tập thể do người lao động làm chủ từ vốn ban đầu cũng như từ vốn tích lũy được từ sức lao động tạo ra.

Ba là, tổ chức và sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh trước đây thành các doanh

ng nghiệp nhà nước với quyền làm chủ thật sự của người lao động công nghiệp. Thập kỷ cuối thế kỷ XX, cả nước có 12000 doanh nghiệp nhà nước phần lớn có quy mô rất nhỏ khoảng 5 đến 10 tỷ đồng tính theo giá hiện hành. Các doanh nghiệp đều cơ cấu, sắp xếp lại, thành lập các tổng công ty 90 thuộc địa phương và 91 thuộc trung ương thực hiện cổ phần hoá thí điểm 1-2 doanh nghiệp, rút tổng số doanh nghiệp nhà nước còn 5000. Những năm 2002, 2003, 2004 cổ phần hoá trên 1500 doanh nghiệp (Hà Nội có 208 doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương đã cổ phần hoá được 111). Các doanh nghiệp nhà nước đã đóng góp cho nền kinh tế quốc dân 63,8% GDP, 63% ngân sách, 72% kim ngạch xuất khẩu kể cả dầu khí. Trong khi đó 12000 doanh nghiệp ngoài quốc doanh kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ đóng góp 20% GDP, 15% nguồn thu ngân sách, 12,5% kim ngạch xuất khẩu. Qua khảo sát 500 doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hoá trên một năm, cho thấy vốn điều lệ tăng 50%, doanh thu tăng 60%, lợi nhuận trước thuế tăng 13,7%, nộp ngân sách tăng 45%, thu nhập của người lao động tăng 63%, cổ tức trung bình là 15,5%, số lao động tăng 23% (Báo Nhân dân, 25/8/2004). Cổ phần hoá là một biện pháp đổi mới nền kinh tế nhà nước nhằm chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành tổ chức kinh doanh trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ một chủ sở hữu duy nhất là nhà nước thành đa sở hữu trong đó có vị trí làm chủ chính là người lao động. Nhưng cổ phần hoá không phải là tư nhân hoá, xoá bỏ kinh tế quốc doanh, chuyển tài sản quốc gia tạo nên lớp tư sản mới. Đây là vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau cần được kết luận và khẳng định. Thực hiện đổi mới tư duy kinh tế, thay đổi những tư duy xơ cứng trước đây thành tư duy đổi mới về chủ nghĩa xã hội là đúng. Nhưng phải khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Bốn là, xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là bước đột phá quan trọng trong sự nghiệp đổi mới tư duy đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thay đổi những tư duy cũ về chủ nghĩa xã hội, mở rộng thị trường trong nước cũng như chủ động hội nhập với nền kinh tế thị trường thế giới toàn cầu hoá. Kinh tế thị trường không phải chỉ là phạm trù cổ hữu của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hoặc trong sự chi phối của chủ nghĩa tư bản và các công cụ kinh tế tư bản chủ nghĩa. Kinh tế thị trường vừa là vấn đề của lực lượng sản xuất vừa là vấn đề của quan hệ sản xuất và cả thượng tầng kiến trúc. Ở đây, có những vấn đề về lý luận cũng như về thực tiễn của quá trình đổi mới tư duy kinh tế trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong đó có vấn đề gây nhiều tranh cãi như vấn đề về con người cũng như tổ chức chủ sở hữu trong hoạt động kinh tế, về kinh tế tư nhân, cá thể, tiểu thủ công, tư bản, về việc có nên gộp cả các loại hình hoạt động kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản trong chung một

phạm trù là kinh tế tư nhân không, về việc có tư bản nhà nước không, về việc có nên xem hoạt động kinh tế có sự tham gia vốn nước ngoài dưới nhiều hình thức là kinh tế hỗn hợp chủ yếu của nước ta không, về người cộng sản có được làm kinh tế tư nhân tư bản chủ nghĩa không... Tất cả các loại hình kinh tế ấy không phải chỉ có tính khách quan, tự phát theo lợi nhuận mà còn có năng lực chủ quan và ý thức xác định về mặt kinh tế do người lao động làm chủ, vì lợi ích chân chính của nhân dân, của toàn dân tộc, vì đổi lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, vì chủ nghĩa xã hội... Bản thân quá trình vận động và phát triển của kinh tế, chính trị, văn hoá, quốc phòng và an ninh quốc gia đặt ra câu hỏi là quyết định chính trị hay chính trị quyết định kinh tế. Những nhận thức và khái niệm được hình thành và chi phối con người trong hoạt động kinh tế thị trường như: kinh tế là lạnh lùng tiền trao cháo múc, thị trường là chiến trường không tình không nghĩa, chẳng có ý thức hệ nào mà chỉ có thời cơ, thách thức, được ăn cả ngã về không... không những đòi hỏi phải được xác định, đổi mới mà còn phải được phân biệt giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội từ chính vị trí làm chủ của người lao động vì lợi ích và hạnh phúc chân chính của mỗi người đặt trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Năm là, từ một đất nước với hơn chục triệu người cuối thế kỷ XIX, đến nay, dân số nước ta đã có trên 80 triệu người. Chính biến động dân số này đặt ra một vấn đề là vị trí làm chủ của người lao động phải được xem xét và giải quyết một cách đúng đắn trên đường đi lên chủ nghĩa xã hội vì dân giàu, nước mạnh. Trước hết là vị trí của lớp trẻ làm chủ đất nước trong quá trình cơ cấu dân số đang chuyển dần sang lão hoá. (Theo dự báo tuổi trung bình sẽ tăng từ 23,2 năm 2000 lên 27,1 năm 2010, số người từ 15 đến 59 tuổi tăng từ 45,4 triệu năm 2000 lên 58,7 triệu năm 2010.) Đó là cơ cấu dân số “vàng” với số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ lớn nhất. Thứ hai là cải cách giáo dục trên trình độ và quy mô lớn phải được xem như quốc sách hàng đầu của nền kinh tế tri thức nhằm đưa con người lên trình độ mới của nền văn minh. Trong nền giáo dục này, việc toàn dân tham gia giáo dục là điều kiện khách quan để thực hiện mô hình xã hội học tập trong đó giáo dục phổ thông, trước hết là giáo dục tiểu học phải được chú trọng. Đồng thời, mở rộng tổ chức việc đào tạo trình độ trung học và cao đẳng khoa học kỹ thuật, xây dựng các trường công nhân kỹ thuật. Thứ ba là chăm lo đến đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ với những chính sách thiết thực, có hiệu quả khắc phục sự chênh lệch bất hợp lý trong đào tạo khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ, loại trừ những tiêu cực về bằng thật, học giả. Thứ tư, chú trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như kiến thức về chủ nghĩa xã

hội khoa học, về chủ nghĩa cộng sản và đảng cộng sản về cả nội dung, phương pháp, sách giáo khoa và trường lớp cũng như đội ngũ giáo viên và cán bộ giảng dạy.

Sáu là, xây dựng và phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, điều quan trọng trước hết và trên hết là phải có vốn bằng cách vừa tạo ra vốn, vừa phải vay vốn nước ngoài theo nhiều cách thức và qua nhiều con đường khác nhau trong thế giới toàn cầu hoá. Song cũng phải nhận rõ và xác định được nội dung đích thực về sự giống nhau cũng như khác nhau về vốn và tư bản, về con đường tạo vốn tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Trước hết là xác định hướng đầu tư tập trung cho nông nghiệp nông thôn từ chính đặc điểm mặt bằng kinh tế chính trị xã hội nước ta và vị trí cơ bản của kinh tế nông lâm ngư nghiệp với tiềm năng và sức mạnh làm giàu để đi vào cạnh tranh. Nông nghiệp từ lâu đã được xác định là mặt trận hàng đầu song cho đến nay vẫn chưa thực sự phát huy được hiệu quả do có nhiều vướng mắc về tư duy kinh tế. Những năm đổi mới đã có nhiều thành tựu và tiến bộ quan trọng như: vốn đầu tư cho kinh tế hộ nông dân tăng lên đáng kể (1999 là 20129 tỷ, 2000 - 28698, 2001 - 38070, 2002 - 50160, 2003 - 70130 (Thời báo kinh tế số 131-16/8/2004). Song, thực tế vốn đầu tư cho nông nghiệp vẫn thấp và không đúng hướng, đầu tư xây dựng cơ bản ngày càng thấp (năm 2003 chỉ bằng 70% năm 2002). Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng trước hết chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi và khẳng định vị trí đặc biệt của kinh tế vùng địa lý kinh tế và khí hậu, trên cơ sở an ninh lương thực bảo vệ môi trường sinh thái và an ninh quốc phòng mà triệt để khai thác các tiềm năng chìm nổi của nền kinh tế nông, lâm, ngư, nghiệp, tận dụng mọi thành tựu của cuộc cách mạng sinh học, xây dựng và phát triển công nghệ bảo vệ giống và chế tạo giống, gắn sản xuất với chế biến và lưu thông, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá nông thôn nông nghiệp. Việc hạ thấp tỷ trọng của nông nghiệp, nâng cao tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ không thể là tự phát và hạ thấp giá trị của sản xuất nông nghiệp mà là quá trình phát huy chức năng tổ chức, xây dựng và quản lý nhà nước thực hiện cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp, mặt bằng kinh tế của nước ta trong sự nghiệp phát triển chung của nền kinh tế nước ta đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Thứ ba, trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta, ngành dịch vụ có vị trí kinh tế đặc thù không phải chỉ vì sự hội nhập và đổi mới tư duy kinh tế, mà trước hết cũng từ đặc điểm và vị trí cụ thể của các ngành kinh tế cũng như các công cụ kinh tế thích hợp. Trong cơ cấu kinh tế, ngành dịch vụ, tài chính tín dụng có vị trí trung tâm và là đòn bẩy không những trong kinh doanh mà trước hết trong việc xây dựng, phát triển và hoàn thiện thị trường vốn từ chức năng tổ chức và quản lý của Nhà nước.

Nước ta đi vào đổi mới và thực hiện đổi mới triệt để và toàn diện từ vị trí và đặc

điểm của nền kinh tế phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội. Điều cơ bản được đổi mới là cơ cấu và cơ chế của nền kinh tế nhiều thành phần, mỗi thành phần kinh tế có vị trí độc lập và đặc thù, song lại thống nhất với nhau trong quá trình tổ chức và xây dựng nền kinh tế Nhà nước do người lao động làm chủ. Việc đi lên giàu mạnh không phải theo con đường tư bản chủ nghĩa mà là quá trình phát triển có ý thức và tự giác của mọi công dân, mọi người lao động ở mọi hình thức và tổ chức kinh tế.

Cương lĩnh 1991 được xây dựng từ Đại hội VII (1991) của Đảng, khẳng định sự nghiệp quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, khẳng định *định hướng xã hội chủ nghĩa* ở thời điểm gay gắt của lịch sử dân tộc và thế giới với sự đổ vỡ của Liên Xô và Đông Âu, có vị trí đặc biệt quan trọng trong bước đi lên của đất nước với sự trưởng thành của Đảng. Cương lĩnh vừa khẳng định những thành tựu về chủ nghĩa xã hội đã đạt được, vừa khẳng định những sai lầm, ấu trĩ, giáo điều và ảo tưởng về chủ nghĩa xã hội, vừa đặt ra những vấn đề cơ bản về xã hội xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta đòi hỏi sự phấn đấu, sáng tạo và tìm tòi của toàn Đảng, toàn dân trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sự phấn đấu gian khổ và sáng tạo đó đã tạo nên được những thành tựu, những chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt của đất nước. Song, cũng có bao nhiêu vấn đề về lý luận cũng như về thực tiễn được đặt ra và đòi hỏi được khẳng định từ trí tuệ lãnh đạo của Đảng.

Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương khoá IX trình Đại hội X được công bố để lấy ý kiến toàn dân. Chắc chắn có nhiều đóng góp chân thành vừa khẳng định vừa bổ sung và làm rõ những điều còn chưa rõ về đường lối kinh tế của Đảng để lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh, định hướng xã hội chủ nghĩa.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

HỒNG HÀ

Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận T.Ư

Bốn bài học lịch sử mà Đại hội VI của Đảng chỉ ra đã thấm đượm sâu sắc tinh thần đại đoàn kết dân tộc, trong đó nổi bật là hai bài học lớn: lấy dân làm gốc và kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, thực hiện đoàn kết quốc tế.

Công cuộc đổi mới 20 năm qua ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và cho chúng ta nhiều bài học quý báu. Tình hình mới và nhiệm vụ mới đòi hỏi Đảng và nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo phương hướng:

Đổi mới mạnh mẽ hơn, toàn diện và đồng bộ hơn

Thế và lực của nước ta qua 20 năm đổi mới đã được tăng cường. Thành tựu đổi mới gây niềm phấn khởi lớn trong nhân dân và được dư luận thế giới đánh giá cao. Đổi mới là quá trình cách mạng không thể đảo ngược. Nhưng chúng ta chưa thể tự thỏa mãn với những gì đã làm được. Bên cạnh thành tựu, còn những yếu kém và hạn chế, để tiếp tục tiến lên, Đảng và nhân dân ta cần đổi mới mạnh mẽ hơn, toàn diện và đồng bộ hơn. Chậm trễ, do dự thì bỏ lỡ cơ hội. Khẩn trương, tích cực thì mới phát triển nhanh, không bị tụt hậu.

Đổi mới toàn diện và đồng bộ là đổi mới từ tư duy, nhận thức đến hành động; từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại; từ hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội; từ hoạt động của cấp trung ương đến hoạt động của địa phương và cơ sở.

Trước hết, vẫn cần tiếp tục đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế. Đây là sự tiếp tục nhận thức đúng đắn hơn về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và về chủ nghĩa xã hội, bổ sung, phát triển, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn Việt Nam, phù hợp với truyền thống, văn hóa và cuộc sống của người Việt Nam; về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Tư duy của Đảng và nhân dân ta đã có sự đổi mới đầy ấn tượng trên nhiều vấn đề quan trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân và phù hợp xu thế thời đại. Tình hình thế giới và trong nước hiện nay có nhiều đặc điểm mới, với tính chất phức tạp ngày càng tăng, vì vậy, chúng ta cần có cách nhìn mới, cách nghĩ mới và cách làm mới, không bảo thủ, không giáo điều.

Đổi mới kinh tế đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới chính sách xã hội. Cần kết hợp chặt chẽ hơn, đồng bộ hơn, với tinh thần đổi mới hơn, nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với phát triển văn hóa-nền tảng tinh thần của xã hội; tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế cao, liên tục nhiều năm; tạo sự tiến bộ rõ rệt về nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của từng doanh nghiệp và cả nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quan tâm công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; phát triển con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và an ninh quốc gia; giữ vững môi trường hòa bình; đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị.

Đổi mới mạnh mẽ hơn, toàn diện và đồng bộ hơn là tất yếu đối với nước ta trong bước phát triển mới, nhằm sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Phát triển nhanh và bền vững hơn

Trong tiến trình đổi mới, chúng ta cần có nhận thức mới về vấn đề phát triển, bảo đảm chất lượng của phát triển, không chấp nhận phát triển bằng bất cứ giá nào. Phát triển nhanh và bền vững là yêu cầu vừa cấp bách vừa lâu dài, có ý nghĩa sống còn đối với nhân dân ta. Chủ nghĩa xã hội không tương dung với một nền kinh tế thấp kém, của cải xã hội ít ỏi, thị trường vắng vẻ, đời sống nhân dân nghèo nàn, trình độ văn hóa, khoa học, công nghệ lạc hậu. Nước ta vẫn còn là một nước nghèo. Để vươn lên, nền kinh tế nước ta phải có tốc độ tăng trưởng cao. Chỉ có phát triển nhanh và bền vững mới có điều kiện để thúc đẩy nền kinh tế phát triển có hiệu quả và có sức cạnh tranh, không chạy theo tốc độ và số lượng đơn thuần, nâng cao không ngừng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị-xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, nâng cao vị thế nước ta trên thế giới.

Phát triển nhanh và bền vững về kinh tế là mang lại hiệu quả kinh tế cao, sức

cạnh tranh mạnh, nền kinh tế vĩ mô ổn định, nền tài chính - tiền tệ vững vàng, giá cả không biến động lớn, kết cấu hạ tầng tương đối đầy đủ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý, an ninh lương thực và năng lượng được bảo đảm, dự trữ quốc gia dồi dào, dịch vụ, thương mại, xuất nhập khẩu tăng mạnh, vốn đầu tư xã hội liên tục tăng... Phát triển nhanh và bền vững về kinh tế còn là phát huy và khuyến khích mạnh mẽ mọi hình thức sở hữu, mọi thành phần kinh tế, mọi nguồn lực xã hội, không phân biệt đối xử, không kỳ thị bất cứ ai.

Phát triển nhanh và bền vững về xã hội là con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế-xã hội, mọi người đều có cơ hội phát huy tài năng, trí tuệ của mình, tham gia quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển, chất lượng cuộc sống không ngừng được nâng cao. Các chính sách xã hội được thực hiện theo tinh thần: Nhà nước tiếp tục tăng nguồn lực, đầu tư cho các mục tiêu, các chương trình quốc gia về giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm cho người nghèo, vùng nghèo được hưởng ngày càng nhiều các dịch vụ công cộng; đồng thời phát huy tiềm năng trí tuệ và các nguồn lực vật chất trong nhân dân, của toàn xã hội để cùng Nhà nước thực hiện các chính sách xã hội. Phát triển nhanh và bền vững còn là bảo vệ môi trường sinh thái: tăng tỷ lệ che phủ rừng, tăng diện tích trồng cây xanh ở các khu đô thị; nhân dân được sử dụng nước sạch; các cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ sạch, được trang bị các thiết bị làm giảm ô nhiễm; xử lý rác thải, nước thải.

Những năm sắp tới, nhân dân ta cần phấn đấu quyết liệt hơn để nước ta phát triển nhanh và bền vững hơn. Giải phóng mạnh mẽ hơn nữa mọi lực lượng sản xuất, mọi tiềm năng của con người.

Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân tiến hành, vì lợi ích của nhân dân. Để tiếp tục đổi mới, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, cần giải phóng mạnh mẽ hơn nữa mọi lực lượng sản xuất, mọi nguồn lực trong nước và ngoài nước, mọi tiềm năng của con người Việt Nam, mọi sức mạnh vật chất và tinh thần của toàn dân tộc Việt Nam, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Huy động mạnh mẽ hơn, hiệu quả hơn tiềm năng kinh tế của mọi công dân, mọi thành phần kinh tế, mọi vùng kinh tế, mọi ngành kinh tế, tháo gỡ mọi vướng mắc, dỡ bỏ mọi vật cản để khơi dậy mọi nguồn lực to lớn trong dân. Khuyến khích, cổ vũ mọi doanh nhân và mọi người dân làm giàu chính đáng cho mình và cho đất nước. Ở nước ta, hiện có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng lâu dài, là khu vực kinh tế hoạt động có hiệu quả và ít thất thoát nhất. Kinh tế cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến. Các thành phần kinh tế có “sân chơi” bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử. Nhà nước có thể có chính sách ưu đãi, không theo thành phần kinh tế mà dành cho một số sản phẩm, ngành kinh tế nào đó để thúc đẩy phát triển nhanh hơn theo định hướng chiến lược. Cần tạo môi trường thuận lợi, có cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nhân trong nước và doanh nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia phát triển kinh tế-xã hội. Các trí thức, nhà khoa học, chuyên gia, kỹ thuật viên cao cấp trong số kiều bào ta ở nước ngoài cũng có nhiều tiềm năng và có nguyện vọng tham gia xây dựng đất nước.

Trong tiến trình đổi mới, con người là nguồn lực của mọi nguồn lực, là động lực của mọi động lực, được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội chăm lo. Cần phấn đấu để chỉ số phát triển con người (HDI) ở nước ta tăng hằng năm, nâng cao trình độ học vấn bình quân đầu người, giảm mạnh tỷ lệ người nghèo, tăng tuổi thọ của dân, đáp ứng ngày càng tốt hơn những nhu cầu đa dạng của nhân dân. Cần có những chính sách đầu tư nhiều hơn cho con người trong xã hội ta được phát triển toàn diện về văn hóa, tri thức, thể lực, nghề nghiệp, đạo đức, thẩm mỹ; bồi dưỡng nhân lực, trọng dụng nhân tài...

Mở rộng dân chủ hơn nữa

20 năm đổi mới đã làm sống động tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Dân là gốc, dân là chủ, dân làm chủ, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Công sức và trí tuệ của nhân dân đóng góp vào thành công của đổi mới là hết sức to lớn, thể hiện năng lực làm chủ của nhân dân. Xã hội càng phát triển thì yêu cầu về dân chủ càng cao. Phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu và là động lực của công cuộc tiếp tục đổi mới.

Phát huy dân chủ làm cho nhân dân trở nên tích cực, năng động, sáng tạo, chủ động, cởi mở hơn trong việc tham gia đổi mới, xây dựng đất nước; làm cho các quan hệ xã hội được hài hòa, sự đồng thuận xã hội được tăng cường. Dân chủ ở cấp trung ương có tính quyết định, dân chủ ở cấp cơ sở là nền tảng. Dân chủ gắn với kỷ luật. Không thể có dân chủ mà lại không có kỷ luật. Cần khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời bác bỏ những lối dân chủ cực đoan,

quá khích, những mưu toan lợi dụng vấn đề “dân chủ” hòng xóa bỏ thành quả đổi mới và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Dân chủ trước hết và chủ yếu được thực hiện thông qua Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền dân chủ, quyền con người của mọi công dân; dựa vào nhân dân để xây dựng các chủ trương, chính sách, luật pháp. Bộ máy công quyền ở nơi nào hoạt động dân chủ thì ở đó nhân dân được phục vụ tốt. Cán bộ, công chức của Nhà nước phải thật sự là những người phục vụ đắc lực nhân dân. Những người kém phẩm chất và năng lực, tham nhũng, quan liêu, hách dịch không xứng đáng ở trong bộ máy nhà nước. Đổi mới hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, hoàn chỉnh hệ thống quy chế dân chủ, hệ thống pháp luật, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đẩy mạnh cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng đều nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Cần có những cơ chế bảo đảm người dân có quyền được nhận thông tin, được chất vấn và được giải đáp, được đưa những vụ khiếu nại, tố cáo chính đáng ra tòa xét xử nếu cơ quan hành chính không chịu giải quyết hoặc giải quyết sai.

Thực hiện tốt dân chủ trong Đảng có ý nghĩa quyết định đến thực hiện dân chủ trong xã hội. Đảng phải làm gương về dân chủ cho xã hội. Đảng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân theo hướng phát huy dân chủ mạnh mẽ. Đảng sinh hoạt theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là sức mạnh của Đảng. Tình trạng tập trung quan liêu, gia trưởng, độc đoán, không tôn trọng sự lãnh đạo tập thể, vô kỷ luật đều làm suy yếu Đảng. Đảng thực hiện dân chủ trong công tác tư tưởng, công tác tổ chức - cán bộ, công tác kiểm tra, giám sát, công tác lý luận thì phát huy được tính năng động, sáng tạo của đảng viên.

Mở rộng hơn nữa dân chủ làm cho công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội đạt nhiều thành tựu to lớn hơn.

Hội nhập kinh tế quốc tế chủ động và tích cực hơn

Qua 20 năm đổi mới, nước ta đã có bước tiến vượt bậc về quan hệ kinh tế đối ngoại, với nhận thức “nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng”. Từ chỗ bị bao vây, cấm vận về kinh tế, quan hệ kinh tế đối ngoại được thực hiện chủ yếu với một số nước xã hội chủ nghĩa, nay chúng ta đã mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, gắn kết kinh tế nước ta với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế ở cả ba cấp độ: song phương, khu vực và toàn cầu.

Tình hình mới, nhiệm vụ mới đòi hỏi các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp

thuộc mọi thành phần kinh tế, các địa phương và nhân dân ta chủ động và tích cực hơn nữa trong việc hội nhập kinh tế quốc tế.

Nước ta đang hội nhập ngày càng sâu rộng vào hệ thống kinh tế khu vực và toàn cầu. Chúng ta đang đẩy mạnh đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), hội nhập đầy đủ với Khu vực thương mại tự do Đông - Nam Á (AFTA), cùng với các quốc gia khác trong ASEAN đẩy mạnh đàm phán các Hiệp định thương mại tự do với nhiều nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Quan hệ kinh tế song phương, đặc biệt là giữa nước ta với một số nước lớn, đã được nâng lên một tầm cao mới và đang phát triển mạnh. Ngày càng có nhiều doanh nghiệp trong nước ta, thuộc mọi thành phần kinh tế, đầu tư ra nước ngoài sản xuất kinh doanh.

Đây là cơ hội lớn để nước ta mở rộng thêm thị trường, tranh thủ thêm nhiều vốn và công nghệ mới, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức lớn. Chúng ta đang đứng trước sự cạnh tranh kinh tế quốc tế rất gay gắt, trước chính sách bảo hộ của một số nước phát triển với các rào cản thương mại hiện đại đối với hàng hóa của ta.

Điều quan trọng lúc này là chúng ta cần tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, tư duy về toàn cầu hóa kinh tế, có sự nhất trí cao, sự đồng thuận xã hội, có ý chí và có quyết tâm hội nhập kinh tế quốc tế một cách tích cực hơn, mạnh mẽ hơn, không rụt rè, không chần chừ, do dự.

Nhà nước ta tiếp tục thực hiện chương trình, phương thức sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu đổi mới và phù hợp với quy định của các định chế và các đối tác kinh tế quốc tế. Cần nghiêm chỉnh thực hiện Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh đã được ban hành, tạo thuận lợi cho việc huy động mọi thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh ở trong nước cũng như ở nước ngoài, cạnh tranh bình đẳng, xóa bỏ đặc quyền, hạn chế độc quyền kinh doanh, chấm dứt những chính sách ưu đãi, bảo hộ về kinh tế không hợp lý.

Hơn lúc nào hết, cán bộ, công chức làm công tác kinh tế đối ngoại và các doanh nghiệp cần nâng cao hơn nữa kiến thức về luật pháp quốc tế, thông lệ quốc tế, biết cách ngăn ngừa và xử lý kịp thời các vụ tranh chấp, bất đồng trong quan hệ kinh tế quốc tế có xu hướng ngày càng tăng. Cần phát triển và nâng cao năng lực của các tổ chức tư vấn luật, thành lập những trung tâm trọng tài quốc tế để bảo vệ các doanh nghiệp Việt Nam.

Chủ động và tích cực hơn nữa trong hội nhập kinh tế quốc tế phải trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả kinh tế và uy tín kinh doanh, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, hai bên hoặc nhiều bên cùng có lợi và có lộ trình hội nhập quốc tế hợp lý.

Đổi mới, chỉnh đốn Đảng mạnh mẽ hơn

Đảng có năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu cao, là nhân tố quyết định thành công của đổi mới và phát triển ở nước ta. Đảng cần tự đổi mới, tự chỉnh đốn mạnh mẽ hơn, có nguyên tắc và thường xuyên hơn. Đảng tự đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Đảng chỉnh đốn tổ chức, bộ máy, lề lối làm việc... của mình. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng gắn với nhau.

Đảng tiếp tục nâng cao trình độ hiểu biết đất nước và thế giới, nâng cao năng lực tổ chức thực tiễn, nâng cao bản lĩnh lãnh đạo và tính kiên định cách mạng. Đảng làm phong phú thêm trí tuệ của mình bằng cách nâng cao không ngừng trình độ lý luận, vận dụng sáng tạo những luận điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa

Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tổng kết thực tiễn sinh động của công cuộc đổi mới. Đảng viên và tổ chức Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng đổi mới phương thức lãnh đạo đồng bộ với đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế. Khâu mấu chốt nhất là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước ở cấp trung ương và chính quyền ở cấp địa phương, hoàn thiện các quy chế, quy trình làm việc của các cấp ủy Đảng và tổ chức Đảng.

Đảng tiếp tục lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, chủ trương, các nghị quyết, quyết định về các vấn đề lớn, có ý nghĩa chính trị quan trọng; tôn trọng và phát huy vai trò chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của cơ quan Nhà nước; lãnh đạo xây dựng Nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực; lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ của Nhà nước, có phân công, phân cấp hợp lý. Đảng lãnh đạo nhưng không làm thay Nhà nước.

Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân bằng việc ban hành cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho các tổ chức nói trên hoạt động đúng hướng chính trị, đúng pháp luật và có hiệu quả; phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Nâng cao hơn nữa chất lượng đảng viên là yêu cầu cấp bách hiện nay. Đảng viên, dù ở cương vị công tác nào, phải tuyệt đối trung thành với nhân dân, với Tổ

quốc và Đảng, có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, được nhân dân tin yêu. Đảng cần đổi mới và hoàn thiện những chính sách, biện pháp giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý, giám sát đảng viên, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Đại hội X của Đảng sắp tới sẽ mở ra thời kỳ phát triển mới cho công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khát vọng cháy bỏng lúc này của nhân dân ta là tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển nhanh và bền vững hơn, thực hiện bằng được mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Dân tộc ta có đầy đủ năng lực, trí tuệ và ý chí để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang đó.

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI NHÌN LẠI ĐỂ TIẾP TỤC TIẾN LÊN

GS. TS. NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận T.Ư

Nhớ lại những năm cuối thập kỷ 70, đầu thập kỷ 80 của thế kỷ 20, sau khi giải phóng miền nam, thống nhất đất nước, bên cạnh thuận lợi cơ bản và những thành tựu bước đầu đã giành được, nước ta cũng đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới. Trên thế giới, trước tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, xu thế toàn cầu hóa, chạy đua kinh tế, cuộc đấu tranh giữa CNXH và CNTB có nhiều diễn biến phức tạp; hầu hết các nước XHCN lâm vào khủng hoảng về kinh tế - xã hội. Ở trong nước, tư tưởng chủ quan, say sưa với thắng lợi, nôn nóng muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn, dẫn đến việc bố trí sai cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cộng với những khuyết điểm của mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp bộc lộ ngày càng rõ, làm cho kinh tế - xã hội rơi vào trì trệ, khủng hoảng, đời sống nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Nước ta lại bị các thế lực thù địch bao vây, cấm vận; chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc xảy ra, hậu quả rất nặng nề.

Trước tình hình đó, Đảng và nhân dân ta thấy không còn sự lựa chọn nào khác là phải đổi mới, trước hết là đổi mới cách nghĩ, cách làm nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách có hiệu quả hơn. Sau những năm tháng tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh tư tưởng và tổng kết thực tiễn, đến Đại hội VI (tháng 12-1986), Đảng ta đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện, trên cơ sở đó lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đạt nhiều thành tựu to lớn và quan trọng.

Cho đến nay, ngoại trừ các phần tử thù địch và một số rất ít người không thiện chí, cố tình xuyên tạc, bóp méo sự thật, phủ nhận đường lối và kết quả đổi mới ở nước ta để phục vụ cho âm mưu đen tối của họ, còn tuyệt đại đa số nhân dân ở trong nước và bạn bè quốc tế đều thừa nhận những thành tựu to lớn của chúng ta trong công cuộc đổi mới, cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn. Không ít cá nhân và tổ chức quốc tế nhận xét rằng, trong thời gian qua Việt Nam có bước phát triển “ngoạn mục”, “đầy ấn tượng”.

Trên lĩnh vực kinh tế: Chúng ta đã có những đổi mới quan trọng trong nhận

thức về mô hình kinh tế của thời kỳ quá độ, về quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; về cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý; về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế,...

Trước đổi mới, do chưa thừa nhận sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường, chúng ta xem kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của kinh tế xã hội chủ nghĩa, coi thị trường chỉ là một công cụ thứ yếu bổ sung cho kế hoạch, muốn nhanh chóng xóa bỏ sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân; đến Đại hội VI, Đảng ta đã tuyên bố dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế phi hàng hóa, phi thị trường, mô hình kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước. Cương lĩnh (năm 1991) khẳng định: “Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước”. Đại hội VIII đưa ra quan niệm mới, rất quan trọng: “Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng”. Đến Đại hội IX, khái niệm “kinh tế thị trường” được chính thức nêu trong văn kiện Đại hội, khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta. Đó không phải là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa, và cũng chưa phải là kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận quan trọng cấu thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế cổ phần phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất và sở hữu, đặc biệt là xã hội hóa vốn của các nhà đầu tư. Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu.

Với tư duy và đường lối phát triển kinh tế nêu trên, chúng ta đã từng bước làm cho nền kinh tế sống động, sức sản xuất phát triển khá nhanh, cơ sở vật chất được

tăng cường, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 7,5% một năm. Cơ cấu kinh tế ngành, vùng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP năm 1988 chiếm 21,6%, đến năm 2005 tăng lên 41%; tỷ trọng nông nghiệp năm 1988 chiếm 46,3%, đến năm 2005 còn 20,5%; tỷ trọng dịch vụ năm 1988 chiếm 33,1%, đến năm 2005 tăng lên 38,5%. Các thành phần kinh tế cùng phát triển. Hiện nay kinh tế nhà nước đóng góp 39% GDP, 50% tổng ngân sách nhà nước; kinh tế tập thể đóng góp 8% GDP; kinh tế tư nhân: 37,7% GDP; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: 15,5% GDP. Rất nhiều khu công nghiệp mới, đô thị mới mọc lên. Hạ tầng cơ sở phát triển mạnh; bộ mặt nông thôn và đô thị thay đổi hằng ngày, hằng giờ. Hàng hóa rất phong phú, thị trường cả nước khá nhộn nhịp. Ít ai có thể nghĩ rằng, từ một nước nhiều năm trước đổi mới “làm không đủ ăn, thu không đủ chi, xuất không đủ nhập”, năm 1988 còn phải nhập khẩu hơn 60 vạn tấn lương thực, mà năm 1989 đã xuất khẩu được hơn một triệu tấn gạo và đến năm 2005 xuất khẩu 4,2 triệu tấn gạo; nhiều hàng nông sản xuất khẩu đứng thứ hai, thứ ba trên thế giới. Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ chỗ không có gì đến nay đã đạt hơn 30% GDP. Nhiều ngành kinh tế (như bưu chính viễn thông, điện tử, tin học, hàng không...) nước ta đã bắt kịp nhịp đi của thế giới. Và hiện nay Việt Nam đang trở thành một điểm đến tin cậy và hấp dẫn của khách du lịch quốc tế.

Về văn hóa, xã hội, con người: Chúng ta đã có sự nhận thức đúng hơn về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; coi phát triển giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển kinh tế - xã hội, là nền tảng tinh thần của xã hội; khẳng định con người là vốn quý nhất, sự phát triển con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội.

Từ chỗ đề cao một chiều lợi ích của tập thể, phân phối theo lao động nhưng thực tế là bình quân, cào bằng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất - kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách xã hội trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến chủ trương thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, và ngược lại, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế; tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc

giải quyết các vấn đề xã hội đã dần dần chuyển sang thiết lập cơ chế, chính sách để Nhà nước và nhân dân cùng làm, các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia. Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo. Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội “thuần nhất” chỉ có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm về việc xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

Trên thực tế, chúng ta đã giải quyết tương đối tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Thu nhập bình quân đầu người từ 200 USD năm 1990 tăng lên khoảng 600 USD năm 2005. Công tác giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt. Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước đã giảm từ 30% năm 1992 xuống còn 7% năm 2005, được Liên hợp quốc đánh giá là đã “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015”. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ có bước phát triển mới. Năm 2004 cả nước có 20 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở, tỷ lệ người lớn (từ 15 tuổi trở lên) biết chữ đạt 95%. Nước ta có quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ với 70 nước và tổ chức quốc tế. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên 71,5 tuổi vào năm 2005. Chỉ số phát triển con người (HDI) từ mức dưới trung bình (0,498) năm 1991 tăng lên mức trung bình (0,688) năm 2002. Đến năm 2005, Việt Nam được xếp thứ 108 trong tổng số 177 nước. Cơ cấu xã hội đang có những biến đổi theo hướng tiến bộ. Số công nhân và trí thức ngày càng tăng trong khi nông dân làm nông nghiệp thuần túy ngày càng giảm.

Về hệ thống chính trị: Từ Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, Đảng ta sử dụng khái niệm hệ thống chính trị (thay cho hệ thống chuyên chính vô sản). Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”. Hệ thống chính trị hoạt động theo nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Trong đó Đảng vừa là hạt nhân lãnh đạo, vừa là bộ phận của hệ thống ấy; Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân có chức năng thể chế hóa và tổ chức thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng và quản lý đất nước. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội là người đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, có vai trò quan trọng trong

việc thực hiện phản biện và giám sát xã hội, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Thực tế trong những năm qua, cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị nước ta đã có nhiều đổi mới theo hướng ngày càng dân chủ hơn, năng động hơn. Quốc hội có bước đổi mới quan trọng, từ khâu bầu cử đại biểu, hoàn thiện tổ chức bộ máy đến cải tiến phương thức hoạt động; làm tốt hơn chức năng lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước. Hoạt động của Quốc hội thường xuyên hơn, ngày càng dân chủ hơn; tranh luận, thảo luận một cách thẳng thắn, thiết thực; mở rộng chất vấn; tăng cường lắng nghe và tiếp xúc cử tri... Từ năm 1987 đến tháng 6-2005, đã ban hành 145 luật, bộ luật, trong đó có 6 bộ luật lớn, 4 quy chế hoạt động của Quốc hội và ủy ban Thường vụ Quốc hội; đã thông qua và ban hành 149 pháp lệnh. Số bộ luật, luật tăng gấp ba lần so với thời kỳ trước đổi mới, góp phần tạo khung khổ pháp lý để Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật.

Bộ máy Chính phủ và cơ quan chính quyền các địa phương từng bước được kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động. Đã sắp xếp các bộ và cơ quan ngang bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; tách dần chức năng quản lý nhà nước với quản lý sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng của cơ quan hành chính công quyền với các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công cộng. Bộ máy Chính phủ từ 76 đầu mối giảm xuống còn 39, trong đó có 17 bộ, 6 cơ quan ngang bộ, 13 cơ quan thuộc Chính phủ. Bộ máy UBND cấp tỉnh từ trên dưới 40 đầu mối nay còn trên dưới 20 đầu mối; cấp huyện từ trên dưới 20 nay còn trên dưới 10. Nhìn chung, sự quản lý, điều hành của Chính phủ và bộ máy chính quyền các cấp ngày càng nhanh nhạy, kịp thời, có hiệu lực, hiệu quả hơn.

Chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các cơ quan tư pháp cũng ngày càng được phân định rõ. Tòa án nhân dân tối cao và tòa án cấp tỉnh có một số điều chỉnh; lập mới các tòa án chuyên trách (như tòa kinh tế, tòa lao động, tòa hành chính). Viện kiểm sát nhân dân tối cao được điều chỉnh theo hướng tập trung thực hiện chức năng công tố, chức năng giám sát, giải quyết các vụ án hành chính, kinh tế, lao động và phá sản doanh nghiệp. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đã được ban hành. Trong xét xử, đã có quy trình khoa học hơn, nâng cao hiệu quả tranh tụng, coi trọng vai trò của luật sư.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ngày càng phát huy được vai trò của mình trong việc tập hợp, đoàn kết, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào cách mạng, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước và nâng cao tính tự quản của các cộng đồng dân cư. Đã giải quyết tương đối tốt mối quan hệ

công tác giữa tổ chức đảng với các bộ phận khác của hệ thống chính trị. Tình trạng “bao biện”, “làm thay” lẫn nhau đã giảm dần ở nhiều cấp; mối quan hệ tác động tương hỗ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội được cải tiến. Đã có chủ trương, biện pháp phát huy vai trò tích cực, chủ động của nhân dân, đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa xã hội. Việc ban hành và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần tích cực vào quá trình phát huy quyền làm chủ của nhân dân...

Về đối ngoại: Chúng ta đã có nhiều đổi mới nhận thức về nội dung, tính chất thời đại và về đường lối, chính sách đối ngoại. Cách tiếp cận vấn đề nội dung, tính chất thời đại có nhiều mặt sát hợp và rõ nét hơn, thấy đầy đủ hơn tính chất lâu dài, quanh co, phức tạp của xu thế phát triển cũng như các nội dung phong phú, đa diện, nhiều chiều của thế giới; làm rõ thêm một số đặc điểm mới của giai đoạn hiện nay, như: vai trò của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, của toàn cầu hóa kinh tế, của kinh tế tri thức... Kịp thời và tinh táo đánh giá những thành tựu mà chủ nghĩa xã hội hiện thực đã giành được, đồng thời vạch ra những nhược điểm, sai lầm chậm được phát hiện và khắc phục, dẫn đến trì trệ và khủng hoảng. Đã có sự đánh giá toàn diện hơn về chủ nghĩa tư bản, nhận thức sâu sắc hơn tính phức tạp và gay gắt của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp trong điều kiện mới, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Trên cơ sở đó đã coi mục đích, yêu cầu bao trùm nhất của công tác đối ngoại là góp phần tạo ra và củng cố môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong tư tưởng chỉ đạo đường lối, chính sách đối ngoại, Đảng ta nhấn mạnh phải kiên định nguyên tắc vì độc lập, dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đồng thời phải sáng tạo, linh hoạt về sách lược. Đã có sự đổi mới nhận thức trên vấn đề địch - ta, đối tượng - đối tác theo tinh thần “thêm bạn bớt thù”; “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Thực tế chúng ta đã phá được thế bị bao vây cấm vận; mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia; xác lập được quan hệ ổn định với tất cả các nước lớn. Giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển, hải đảo với các nước liên quan, giữ vững môi trường hòa bình. Tranh thủ ODA, thu hút FDI, mở rộng thị trường ngoài nước, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực; tranh thủ được nguồn vốn, tiến bộ khoa học - công nghệ và kinh nghiệm quản lý của nước ngoài để phát triển đất nước.

Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 167 nước trong tổng số hơn

200 nước trên thế giới; có quan hệ thương mại với 221 nước và vùng lãnh thổ; ký 90 hiệp định thương mại song phương, trong đó có Hiệp định thương mại Việt - Mỹ. Đã tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN). Đã tiến một bước dài trong việc hội nhập kinh tế quốc tế thông qua việc gia nhập AFTA, APEC và đang trong quá trình chuẩn bị gia nhập WTO. Cũng đã thiết lập được quan hệ tín dụng với các tổ chức tài chính - tiền tệ quốc tế, tranh thủ được số lượng đáng kể vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng phát triển châu á (ADB). Tính đến tháng 6-2004, có 4.575 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép và còn hiệu lực, với tổng số vốn đăng ký hơn 43 tỷ USD. Năm 2005, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp 17,1% tổng số vốn đầu tư xã hội, 23% kim ngạch xuất khẩu, 35% giá trị sản xuất công nghiệp, thu hút hơn nửa triệu lao động.

Về quốc phòng, an ninh: Chúng ta đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa kinh tế và quốc phòng - an ninh - đối ngoại; nhận thức toàn diện hơn về khái niệm “an ninh quốc gia” và “bảo vệ Tổ quốc”. An ninh quốc gia không chỉ là an ninh chính trị mà còn là an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội... Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển, mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ thành quả cách mạng; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên thực tế, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, sự lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Lực lượng vũ trang được xây dựng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thực hiện có hiệu quả bước điều chỉnh chiến lược về bố trí thế trận, tổ chức biên chế lực lượng vũ trang trong thời bình; gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Đã kịp thời ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, bạo loạn chính trị, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước lợi dụng các vấn đề tôn giáo, dân tộc, dân chủ, nhân quyền để gây mất ổn định; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Về xây dựng Đảng: Chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng cầm quyền trong điều kiện mới; nhấn mạnh phải nghiên cứu tìm tòi mô

hình và con đường, bước đi xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật khách quan và thực tiễn Việt Nam; lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Cùng với việc ngăn chặn, loại trừ nguy cơ quan liêu, tham nhũng, phải ngăn chặn cho được nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng bảo thủ, cố giữ những quan niệm cũ không còn phù hợp. Đảng lãnh đạo xây dựng chế độ mới do nhân dân làm chủ, thông qua Nhà nước, bằng Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước đồng thời hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đã luận chứng một cách sâu sắc, có sức thuyết phục sự cần thiết phải bảo đảm vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng ta; không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Đã bổ sung, phát triển và từng bước làm sáng tỏ lý luận về vai trò lãnh đạo của Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền, thực hiện dân chủ hóa xã hội, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Đã xác định vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh trong nền tảng tư tưởng của Đảng, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Bước đầu làm rõ những luận điểm nào của Mác, Ăng-ghe-n và Lê-nin trước kia đúng, bây giờ và về sau vẫn đúng; những luận điểm nào trước kia đúng, nhưng điều kiện lịch sử hiện nay đã thay đổi, không còn phù hợp, cần phải bổ sung, phát triển hoặc thay đổi; những luận điểm nào ngay lúc sinh thời các ông đã thấy là không đầy đủ hoặc thừa nhận là sai, nhưng chúng ta không thấy hết; những luận điểm nào chúng ta hiểu không đầy đủ, hoặc hiểu sai do nghiên cứu không thấu đáo hoặc tiếp thu rập khuôn theo nước ngoài.

Chúng ta cũng nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, hòa bình xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập quốc tế, tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Đảng ta khẳng định: xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đây là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Về nội dung công tác xây dựng Đảng, đã nhấn mạnh vấn đề giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, xây dựng Đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức, phương thức lãnh đạo và phong cách làm việc.

Trên thực tế, mặc dù bối cảnh thế giới và trong nước có những diễn biến phức

tạp, Đảng ta vẫn vững vàng, thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, bản chất cách mạng và khoa học, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới đạt nhiều thành tựu to lớn, quan trọng, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục đi lên. Công tác tư tưởng chính trị của Đảng có nhiều đổi mới, góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thống nhất tư tưởng trên những vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới; đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng, phê phán các quan điểm sai trái đòi “đa nguyên, đa đảng”, dân chủ cực đoan... Trong công tác tổ chức và cán bộ đã có những đổi mới đáng kể. Việc đánh giá cán bộ đã chú ý lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất và năng lực, lấy nhu cầu nhiệm vụ làm căn cứ để bố trí cán bộ. Đã hình thành Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng và xây dựng đội ngũ đảng viên có nhiều cố gắng. Phương thức lãnh đạo của Đảng có bước tiến bộ. Đã có đổi mới trong việc ra nghị quyết, tổ chức thực hiện Nghị quyết, coi trọng việc lãnh đạo cụ thể hóa, thể chế hóa Nghị quyết, lãnh đạo xây dựng luật và pháp lệnh để toàn dân thực hiện.

Nói tóm lại: Sau 20 năm đổi mới, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện; kinh tế đã ra khỏi khủng hoảng, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và có bước tăng trưởng khá nhanh; đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân do Đảng lãnh đạo được củng cố và tăng cường; sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên nhiều; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

Những thành tựu to lớn đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Điều rất quan trọng là, sau 20 năm lãnh đạo và chỉ đạo công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm; nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn. Đến nay, chúng ta đã bước đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho việc xác định đường lối của Đảng, góp phần bổ sung và phát triển quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về

chủ nghĩa xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà ngay từ Đại hội IX, Đảng ta đã khẳng định thành tựu của công cuộc đổi mới là một trong ba thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong thế kỷ 20.⁽¹⁾

Tuy vậy, chúng ta cũng còn nhiều yếu kém và khuyết điểm. Không ít vấn đề về nhận thức lý luận còn chưa đủ rõ, nhất là trong việc nhận thức và giải quyết những vấn đề cụ thể về mô hình, thể chế, cơ chế, chính sách để tiến hành CNH-HĐH, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN; giải quyết quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị, giữa đổi mới và ổn định; giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế... Kinh tế phát triển chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu; sức cạnh tranh còn yếu và vẫn tồn tại nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nhiều vấn đề văn hóa, xã hội bức xúc chậm được giải quyết. Nạn quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của không ít cán bộ, đảng viên vẫn nghiêm trọng. Tệ nạn xã hội phát triển. Đời sống nhân dân, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Hoạt động của hệ thống chính trị, phương thức lãnh đạo của Đảng chậm được đổi mới; hiệu lực quản lý của Nhà nước chưa cao. Mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân có mặt giảm sút. Dân chủ trong Đảng và trong xã hội chưa được phát huy đầy đủ.

Nhìn lại những thành tựu và hạn chế của công cuộc đổi mới trong 20 năm qua, chúng ta càng thấm thía rằng, đổi mới là một sự nghiệp to lớn, có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, cả từ trong tư duy, quan điểm đến việc tổ chức thực hiện. Đó thực sự là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của cả xã hội. Đổi mới là một cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới, nhiều khi nó diễn ra ngay trong từng tổ chức, trong mỗi con người, rất khó khăn, vất vả. Thành công của Đảng ta là ở chỗ, Đảng đã kiên quyết

¹. Ba thắng lợi đó là:

Một: thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa;

Hai: thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc;

Ba: thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

(Xem Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, trang 62-63).

đổi mới, dám nhìn thẳng vào sự thật, dám thừa nhận sai lầm, từ bỏ những cách nghĩ, cách làm không còn phù hợp; lắng nghe, tiếp thu những sáng kiến, cách làm sáng tạo của nhân dân; chất lọc, tổng kết thực tiễn kết hợp với vận dụng lý luận; kiên quyết khắc phục tư tưởng bảo thủ, giáo điều, đồng thời không cực đoan, nôn nóng, rơi vào duy ý chí mới. Đường lối đổi mới của Đảng là độc lập, tự chủ, sáng tạo; đường lối ấy hợp quy luật, thuận lòng người nên đã được toàn dân ủng hộ và nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Trong thời gian tới, tình hình thế giới và trong nước bên cạnh mặt thuận lợi cũng có những diễn biến phức tạp, khó lường. Sự nghiệp cách mạng của nước ta đứng trước những đòi hỏi cao hơn và có nhiều thách thức mới. Đảng ta đã xác định, nhiệm vụ cơ bản của chúng ta là phải tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đưa đất nước phát triển mạnh mẽ và vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới là động lực; ổn định là điều kiện tiên đề; phát triển nhanh và bền vững là mục đích.

Phương hướng chung đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở nước ta trong thời gian tới là: Nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy lùi nguy cơ, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, tạo ra những động lực mới, những đột phá mới, từ tư duy đến tổ chức và hành động thực tiễn, đề sớm đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Muốn thế, cần tiếp tục đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc và ổn định chính trị. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao và bền vững, tạo bước chuyển mạnh về chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo; phát triển con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.

NĂM BÀI HỌC LỚN TỪ THỰC TIỄN ĐỔI MỚI

PGS - TS TÔ HUY RÚA

Bí thư T.Ư Đảng,

Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.Ư

Trong chặng đường 20 năm đổi mới vừa qua, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và cũng còn không ít hạn chế, yếu kém, khó khăn. Theo ông TÔ HUY RÚA, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.Ư, thực tiễn ấy đem lại cho Đảng và nhân dân ta năm bài học lớn.

Công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI (1986) đến nay đã vừa tròn 20 năm. Nhìn lại 1/5 thế kỷ đổi mới, chúng ta ngày càng nhận thức sâu sắc rằng, đổi mới vừa là một thời cơ lớn cho phát triển, vừa có không ít những thách thức to lớn, thậm chí nghiêm ngặt trên con đường phát triển. Thực tiễn đã chứng tỏ tính đúng đắn và sáng tạo của đổi mới với tầm vóc và ý nghĩa là một quyết sách chiến lược của Đảng đối với phát triển đất nước và dân tộc. Đảng ta, với bản lĩnh chính trị của một Đảng cách mạng chân chính, Đảng do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện, với trọng trách lịch sử của một Đảng cầm quyền, đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân và dân tộc ta, đón kịp thời cơ, vượt qua thách thức trong đổi mới. Trong chặng đường 20 năm đổi mới vừa qua, chúng ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và cũng còn không ít hạn chế, yếu kém, khó khăn. Toàn bộ thực tiễn ấy đem lại cho Đảng và nhân dân ta các bài học lớn sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới, phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tình hình đất nước từ giữa thập kỷ 70 thế kỷ 20 với những khó khăn, khủng hoảng kéo dài và tình hình chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào suy thoái, khủng hoảng đã làm cho đổi mới, cải cách là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Quá trình này được triển khai thực hiện ở hàng loạt quốc gia xã hội chủ nghĩa, gần như trong cùng một thời kỳ, nhưng kết quả thì rất trái ngược nhau. Ở Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu, cải tổ đã mắc phải những sai lầm nghiêm trọng về chính trị và rơi vào tình trạng mất phương hướng. Cải tổ chẳng những không khắc phục được suy thoái và khủng hoảng, mà còn làm cho khủng hoảng trở nên trầm trọng hơn, xã hội mất ổn định và trở nên rối loạn, kết cục là làm tan rã

Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Cải tổ thất bại và cách mạng lâm vào thoái trào. Trong khi đó, ở Trung Quốc, Việt Nam cũng như ở Cuba và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, công cuộc đổi mới, cải cách đã từng bước tạo lập được ổn định, khắc phục được khủng hoảng, đem lại thế và lực mới cho chủ nghĩa xã hội. Thành thử, vấn đề hệ trọng đầu tiên là phải xác định đúng mục tiêu và nền tảng tư tưởng của công cuộc đổi mới, cải cách chủ nghĩa xã hội. Đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà là làm cho chủ nghĩa xã hội đi tới thắng lợi. Đổi mới không phải là xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết, tư tưởng đó, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Đổi mới không phải là phủ định sạch trơn những thành tựu và cách làm trước đây, mà là khẳng định những gì đã hiểu đúng, làm đúng, loại bỏ những gì hiểu sai, làm sai, hoặc những gì trước kia đúng, nhưng nay không còn phù hợp nữa, do tình hình và điều kiện đã thay đổi, vì vậy cần phải bổ sung nhận thức mới và cách làm mới, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh hiện nay là một sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp và lâu dài, nhưng đó là con đường đi hợp với quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử, hợp với trào lưu tiến hóa của thế giới nhân loại mà thời đại mới đã mở ra từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười. Trong thời đại ngày nay, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam. Độc lập dân tộc là tiền đề và điều kiện để đi tới chủ nghĩa xã hội, và chủ nghĩa xã hội là đảm bảo chắc chắn, đầy đủ, triệt để nhất cho độc lập dân tộc. Đây là sợi chỉ đỏ, là đường nét chủ đạo, xuyên suốt và nhất quán trong di sản tư tưởng lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hơn bảy thập kỷ qua, Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã kiên trì lý tưởng và mục tiêu đó. Thắng lợi của Cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử là minh chứng thực tiễn cho tính đúng đắn, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Là nhà Mác-xít sáng tạo lớn của Cách mạng Việt Nam trong thế kỷ 20, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khi giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tiếp thu ảnh hưởng sâu sắc của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917, của thời đại mới do chính cuộc cách mạng đó sinh thành, đã rút ra kết luận khoa học là: chỉ có Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Cộng sản mới giải phóng được cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động các dân tộc ra khỏi tình trạng bị áp bức, bóc lột, tiến tới độc lập, tự do và hạnh phúc.

Người cũng từng nhấn mạnh rằng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng khoa học và cách mạng, là kết tinh những tinh hoa trí tuệ, tư tưởng của nhân loại, là lý luận soi đường cho công cuộc giải phóng, phát triển của giai cấp công nhân và nhân

dân lao động, nhằm xóa bỏ ách thống trị của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Cộng sản.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng muốn thành công, trước hết phải có chính đảng cách mạng, và Đảng đó phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, phải trung thành đến cùng với lý tưởng, mục tiêu chủ nghĩa Cộng sản, do đó, bất luận trong hoàn cảnh nào cũng phải giữ chủ nghĩa cho vững ("Đường Cách mệnh", 1927). Thắng lợi của Cách mạng Việt Nam và thành tựu 20 năm đổi mới vừa qua, bắt nguồn từ sự đúng đắn của việc lựa chọn con đường phát triển của cách mạng. Đây là nhận thức khoa học và vận dụng sáng tạo quy luật khách quan vào hoạt động thực tiễn cách mạng của Đảng ta. Đây còn là tính kiên định về lập trường quan điểm chính trị dựa trên niềm tin khoa học và kinh nghiệm thực tiễn phong phú được tổng kết thành lý luận, bảo đảm cho Đảng ta giữ vững phương hướng chính trị, kể cả trong những thời điểm và hoàn cảnh khó khăn, phức tạp, đầy thử thách sóng gió.

Lê-nin đã từng chỉ rõ, với một Đảng Cách mạng, có sứ mệnh dẫn dắt giai cấp công nhân và dân tộc trong cuộc đấu tranh vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, nếu không có lập trường cách mạng kiên định, không giữ vững nguyên tắc và tỏ rõ bản lĩnh chính trị, nếu rơi vào sự tròng trành, dao động, mất phương hướng, nhất là ở những thời điểm bước ngoặt, thì có nghĩa là đưa chính trị tới chỗ tự sát.

Sự tổng kết ý nghĩa cảnh báo của Lê-nin trong luận điểm nêu trên cực kỳ sâu sắc và mãi mãi có tính thời sự. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh tương tự như thế và Người đúc kết thành một nguyên tắc, một phương châm ứng xử, hành động, đó là: "dĩ bất biến, ứng vạn biến".

Giữ vững độc lập dân tộc, kiên trì lý tưởng, mục tiêu chủ nghĩa xã hội, gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội để đổi mới luôn luôn đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là cái bất biến trong sự nghiệp đổi mới của Đảng, của dân tộc và nhân dân ta. Cách mạng là sáng tạo bởi chân lý là cụ thể. Trong bối cảnh phức tạp của thế giới ngày nay, thực tiễn biến đổi mau lẹ khôn lường, thời đại và thời cuộc lại đan xen lẫn nhau vô vàn thời cơ cùng với thách thức. Trên con đường đổi mới để phát triển, để tiến tới hiện đại hóa, trong một thế giới mà toàn cầu hóa đang là một xu hướng khách quan, phổ biến, các quốc gia - dân tộc cùng tồn tại trong thế phụ thuộc và tùy thuộc lẫn nhau, cùng cạnh tranh và hợp tác, Đảng và nhân dân ta hơn lúc nào hết phải nỗ lực vượt lên chính mình, độc lập tự chủ để tìm thấy câu trả lời đúng đắn cho các vấn đề đặt ra của đất nước. Đó là sự sáng tạo, linh hoạt, mềm dẻo, là ứng vạn biến để dĩ bất biến. Đó là giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội để làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đó chính là một trong những bài học nổi bật, sâu sắc, ở tầm chiến lược phát triển của Cách mạng Việt Nam, của đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà hiện nay, chúng ta cần tiếp tục giữ vững và phát huy. Có thể nói, kiên trì lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng đúng đắn và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là bảo đảm chính trị, tư tưởng và lý luận của Đảng Cộng sản với tư cách một đảng cầm quyền tiếp tục lãnh đạo công cuộc đổi mới đi tới mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, đi tới văn minh, hiện đại.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Biện chứng của cuộc sống đặt ra cho Đảng và nhân dân ta một thử thách to lớn về trí tuệ: đổi mới như thế nào cho hiệu quả và an toàn, nhất là trong đổi mới chính trị và hệ thống chính trị? Cơ đồ xã hội chủ nghĩa ở một số nơi bị sụp đổ cũng là do những người cộng sản và quần chúng cách mạng ở đó mắc sai lầm về phương pháp cải tổ, cải cách chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đã chỉ rõ phải đổi mới toàn diện: từ nhận thức tư tưởng đến hoạt động thực tiễn; từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, từ đối nội đến đối ngoại, nghĩa là đổi mới tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong chính trị, đổi mới và chỉnh đốn Đảng, gắn liền với đổi mới quản lý của Nhà nước, đồng thời phải đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của từng bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, của mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội. Phải đổi mới đồng bộ tất cả các mặt của đời sống xã hội, nhưng không có nghĩa là làm đồng loạt, dàn đều, mà phải có trọng tâm, trọng điểm, có những bước đi thích hợp. Lúc đầu, phải tập trung vào đổi mới kinh tế và từng bước đổi mới hệ thống chính trị. Tiếp theo, phải tiến hành đồng thời đổi mới kinh tế với đổi mới hệ thống chính trị; có sự tính toán cân nhắc, trù liệu cẩn thận các bước đi, hình thức, biện pháp thích hợp. Vội vã, hấp tấp sẽ gây mất ổn định, thậm chí rối loạn, tạo cơ hội cho các thế lực thù địch chống phá công cuộc đổi mới; ngược lại, quá chậm chạp trong đổi mới, trong đó có đổi mới hệ thống chính trị sẽ cản trở sự phát triển kinh tế cũng như toàn bộ công cuộc đổi mới. Phải đảm bảo sự gắn kết, đồng bộ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt với phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Nhận thức đúng mối quan hệ giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội, giữa các nội dung và nhiệm vụ mà công cuộc đổi mới đặt ra để từ đó xác định rõ các biện pháp, các bước đi hợp lý cần phải thực hiện có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất to lớn. Trong hệ vấn đề phức tạp này, nổi bật lên mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Việc tiến hành đổi mới hai lĩnh vực trọng yếu này là đòi hỏi Đảng và Nhà nước, những chủ thể lãnh đạo và quản lý xã hội chẳng những phải thẩm thấu quan điểm thực tiễn, thấu hiểu cuộc sống của nhân dân, đáp ứng những nhu cầu bức xúc, những

lợi ích thường nhật của người dân cùng với sự phát triển lâu dài, bền vững của dân tộc mà còn phải thể hiện được tầm nhìn văn hóa, nhãn quan văn hóa chính trị trong việc đề ra chủ trương và chính sách. Văn hóa, đó là kết quả sáng tạo tổng hợp từ tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ ra, văn hóa không ở bên ngoài mà ở trong kinh tế và chính trị. Hai mươi năm đổi mới vừa qua, giờ đây nhìn lại, cả những thành tựu và những hạn chế, khiếm khuyết, ta càng thấy rõ giá trị và ý nghĩa của những đột phá trong đổi mới kinh tế, từ những thử nghiệm ban đầu về khoán, về những điều chỉnh cơ chế quản lý đến việc chuyển sang cơ chế thị trường và định hình đường lối phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tập trung mọi nỗ lực vào đổi mới kinh tế để đạt được tốc độ và nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao, nhờ đó mới có thể chăm lo lợi ích cho người lao động, cải thiện điều kiện sống và mức sống của dân cư, tạo ra động lực phát triển xã hội. Với đổi mới kinh tế, gắn liền chính sách kinh tế với chính sách xã hội, kết hợp tăng trưởng kinh tế với từng bước thực hiện công bằng xã hội, Đảng và Nhà nước không chỉ chú trọng giải quyết các vấn đề thiết yếu trước mắt của cuộc sống dân cư, thực hiện công bằng trong phân phối lợi ích mà còn hướng tới điều căn bản, sâu xa hơn là công bằng về cơ hội phát triển cho tất cả mọi người dân. Đó là tâm vóc và ý nghĩa cách mạng của đổi mới, trước hết là đổi mới kinh tế, thể hiện ở tư tưởng lý luận và biện pháp thực hiện về giải phóng và phát triển nguồn lực con người. Đó cũng chính là dân chủ hóa kinh tế, đồng thời là dân chủ hóa chính trị để thực hiện quyền làm chủ và thụ hưởng lợi ích của những người lao động làm chủ xã hội. Đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị và đổi mới toàn diện xã hội đã đi đúng quy luật, thuận lòng dân, được nhân dân hết lòng ủng hộ và hăng hái nhập cuộc là vì thế. Một đường lối, chủ trương và chính sách đúng sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống và sớm phát huy tác dụng, bởi nó đáp ứng được lợi ích của nhân dân, phát triển được sức dân, đó là sức mạnh nền tảng của xã hội. Thành công của đổi mới kinh tế đã góp phần trực tiếp vào việc củng cố sự vững mạnh của chế độ chính trị, đồng thời đổi mới chính trị đúng đắn, thận trọng, có bước đi hợp lý lại thúc đẩy kinh tế phát triển và làm lành mạnh hóa xã hội. Trong vấn đề này, giữ vững ổn định chính trị tích cực có một tầm quan trọng đặc biệt. Nó là tiền đề, là điều kiện tiên quyết để đổi mới có kết quả, hiệu quả. Thành bại của mọi chương trình cải cách và đổi mới ở tất cả các nước, trong đó có nước ta, bắt đầu từ việc có giải quyết được vấn đề ổn định chính trị hay không. Hai mươi năm đổi mới vừa qua, nhìn một cách tổng thể, Đảng và nhân dân ta đã đạt được thành tựu căn bản về: chính trị ổn định, kinh tế tăng trưởng, dân tộc đoàn kết và xã hội đồng thuận. Đó là bài học kinh nghiệm quý báu từ việc đổi mới toàn diện, có biện pháp đúng và bước đi thích hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò

chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, luôn luôn nhạy bén với cái mới. Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Quy luật này đã từng được thể hiện đặc sắc trong các giai đoạn trước đây của cách mạng Việt Nam, nay lại được chứng minh rất sáng tỏ trong công cuộc đổi mới. Từ nhân dân, từ lợi ích, nhu cầu và tiềm năng sáng tạo của nhân dân, Đảng đã biết khơi nguồn và phát huy, phát triển động lực ngày càng mạnh mẽ cho quá trình đổi mới liên tục vận động và thành công. Lịch sử ghi lại rất rõ ràng rằng, chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân, từ miền quê trung du Vĩnh Phúc, đến miền ven biển Hải Phòng và vùng đất An Giang (Nam Bộ) cũng như nhiều địa phương khác nữa, là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, qua thực tiễn phong phú của đời sống và kinh nghiệm quý báu của nhân dân, Đảng đã chăm chú phân tích, tổng kết thực tiễn một cách khoa học và nâng lên thành lý luận, đề ra quyết sách đổi mới như một quyết sách chiến lược của phát triển; vận dụng tư duy lý luận để tiến hành tổng kết thực tiễn, nâng những cải tiến, sáng kiến của nhân dân, của các địa phương lên thành chủ trương, đường lối, chính sách chung, rồi chỉ đạo thực hiện, tổ chức thành các phong trào cách mạng của quần chúng để quần chúng phát huy tài năng sáng tạo của mình trong mọi lĩnh vực hoạt động. Đó chính là chìa khóa của thành công.

Cuộc sống đang tiếp tục vận động mau lẹ, phức tạp cả trên phạm vi quốc gia và quốc tế, đặt ra vô vàn vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách cần xử lý, giải đáp. Động lực nào thúc đẩy con thuyền cách mạng, con thuyền đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đi lên phía trước? Đó ắt hẳn là động lực của toàn dân, động lực của thực tiễn sáng tạo và kiên định. Để tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, Đảng và nhân dân ta phải không ngừng sáng tạo; song, để sự sáng tạo không chệch hướng, một mặt, phải nắm vững, vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước; mặt khác, phải luôn luôn xuất phát từ thực tiễn, thường xuyên tổng kết thực tiễn, tìm ra nhân tố mới để nhân rộng và phát hiện những điểm không phù hợp trong chủ trương chính sách, kịp thời có sự điều chỉnh, bổ sung và phát triển đường lối, chính sách.

Hai mươi năm đổi mới vừa qua, với những tiến bộ và trưởng thành mà Đảng và nhân dân ta đạt được, đã tỏ rõ sức mạnh sáng tạo của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực tiễn đổi mới cho chúng ta thêm vững tin vào tiềm năng to lớn của nhân dân và dân tộc ta, vào triển vọng tốt đẹp của cách mạng nước ta. Phát huy sức mạnh sáng tạo, sử dụng mọi nguồn lực của xã hội vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vì củng cố vững chắc nền độc lập dân tộc của Tổ quốc, tự do của dân tộc và hạnh phúc của đồng bào, thực

hiện hoài bão, khát vọng của Bác Hồ - đó là trọng trách lịch sử của Đảng khi khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới. Dựa vào dân, phát huy sức mạnh sáng tạo của nhân dân để phục vụ nhân dân thì phải ra sức gây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là một tư tưởng lớn, một đường lối chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà Đảng ta đang ra sức thực hiện. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc là một động lực to lớn, quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sức mạnh đại đoàn kết dân tộc được nuôi dưỡng và phát huy từ đâu? Từ thực hành dân chủ rộng rãi, từ việc bảo đảm thực hiện và phát huy quyền làm chủ thực chất của nhân dân lao động theo đúng những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: bao nhiêu lợi ích là của dân, bao nhiêu quyền lực cũng là của dân, mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, ở trong dân. Do đó, phải ra sức làm điều lợi cho dân, tránh điều hại cho dân. Đem tài dân, sức dân để phục vụ dân, mưu cầu lợi ích cho dân. Có dân thì có tất cả, mất dân thì mất tất cả. Đó là chân lý của lịch sử, là quy luật của muôn đời. Nguồn gốc sức mạnh của dân tộc, sức chiến đấu của Đảng và thắng lợi của cách mạng đều do chỗ biết dựa vào dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: làm cho dân hiểu biết, dân tin tưởng, dân ủng hộ, dân giúp đỡ và dân bảo vệ. Mấu chốt của thắng lợi và thành công là ở đó.

Bốn là, phải phát huy cao độ nội lực, đồng thời khai thác có hiệu quả ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Phát hiện, xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp là một trong những đóng góp lý luận và thực tiễn quý giá của Đảng và nhân dân ta đối với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của thế kỷ 20. Bài học kinh nghiệm mang tính quy luật ấy đã được tiếp nối bằng quan điểm, đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng: Phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển bền vững; đồng thời khai thác ngoại lực, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững. Tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để phát huy nội lực mạnh hơn, dựa trên các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc. Nội lực không chỉ bao gồm những nguồn lực vật chất, hữu hình mà còn là những nguồn lực tinh thần, tư tưởng, văn hóa, là đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng, là truyền thống tốt đẹp hàng nghìn năm của dân tộc, là ý chí, quyết tâm, tài năng của hàng chục triệu nhân dân... Ngoại lực cũng không chỉ là đầu tư nước ngoài, mà còn là những xu thế lớn của thời đại, những giá trị mới của xã hội loài người, là khả năng, tiềm năng sáng tạo, là những thành tựu vượt bậc của khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, là môi trường, cục diện, so sánh lực lượng trong đời sống quốc tế. Hiểu như vậy thì nội lực chính là sức mạnh quốc gia - dân tộc và ngoại lực là sức mạnh thời đại, hai nhân tố không thể

thiếu và cần được kết hợp có hiệu quả với nhau trong sự nghiệp đổi mới, trong toàn bộ tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

Kết hợp nội lực với ngoại lực, phát huy sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - đó là cách thức để Đảng ta và nhân dân ta có thể đón kịp, tận dụng thời cơ, vận hội của phát triển và vượt qua mọi thách thức, nguy cơ đặt ra trên con đường phát triển trong đổi mới, trong chủ động hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Năm là, phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Đảng ta là một đảng cầm quyền, tức là đảng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Vị trí cầm quyền của Đảng được xác lập bằng công sức chiến đấu hy sinh lâu dài và gian khổ trong đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới - chế độ xã hội chủ nghĩa vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của hàng triệu đảng viên và quần chúng cách mạng. Đảng Cộng sản cầm quyền lãnh đạo xã hội và nhà nước để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đó là sự thật lịch sử, là trọng trách của Đảng đối với nhân dân và dân tộc, được các tầng lớp nhân dân hết lòng ủng hộ. Công cuộc đổi mới 20 năm qua đạt được nhiều thành tựu: chính trị, xã hội ổn định; kinh tế tăng trưởng cao, liên tục; quan hệ quốc tế rộng mở; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Nhân tố quyết định đem lại thành công này chính là sự lãnh đạo của Đảng thông qua đường lối đúng quy luật, thuận lòng dân và hợp với xu thế thế giới; thông qua bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng và khối đoàn kết thống nhất chặt chẽ trong Đảng, thông qua mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với quần chúng. Mặt khác, trong quá trình lãnh đạo đổi mới, Đảng cũng bộc lộ một số mặt yếu kém và cả biểu hiện tiêu cực như một bộ phận không nhỏ đảng viên thoái hóa về tư tưởng, lập trường, tham nhũng, suy thoái về lối sống, đạo đức, tác phong. Bởi vậy, để tiếp tục lãnh đạo ngày càng có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng ta xác định xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là khâu then chốt. Đảng phải thật sự tiêu biểu cho trí tuệ, lương tâm và danh dự của dân tộc; tiêu biểu cho đạo đức và văn minh, đó là một Đảng chân chính cách mạng. Chỉ như vậy, Đảng mới có đủ năng lực đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời để định hướng cho hoạt động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội nói chung. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới.

Dân chủ được thể hiện và thực hiện chủ yếu và trực tiếp nhất qua Nhà nước, bằng Nhà nước. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là yêu cầu bức thiết của dân chủ hóa xã hội, của

đổi mới để phát triển ở nước ta, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Để đảm bảo dân chủ, Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người; kết hợp thực hiện các phương thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, chú trọng phát huy năng lực tự quản cộng đồng của dân cư ở cơ sở; lấy dân chủ trong nội bộ Đảng làm tấm gương và tiền đề thúc đẩy mạnh mẽ dân chủ trong xã hội; tích cực nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết những hình thức, biện pháp, giải pháp mới để thực hiện phát huy dân chủ rộng rãi, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ trong Đảng, nhà nước và các tổ chức chính trị của hệ thống chính trị...

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong việc tập hợp các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới. Trong điều kiện một đảng cầm quyền, cần tích cực đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhằm đóng góp được ngày càng nhiều trí tuệ cho Đảng trong việc hoạch định và lãnh đạo thực hiện đường lối, chính sách. Cần tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với hoạt động của các tổ chức đảng, đối với tư cách, đạo đức, tác phong của cán bộ, đảng viên, của đội ngũ công chức nhà nước trong hệ thống chính quyền các cấp. Xác lập những mối quan hệ hợp lý giữa Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc cùng các đoàn thể nhân dân thông qua hệ thống cơ chế thích hợp, làm cho tất cả các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị ngày càng mạnh lên, quyền làm chủ của nhân dân được thực hiện ngày một tốt hơn, từ đó tạo ra động lực vô cùng mạnh mẽ cho công cuộc đổi mới.

Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, cùng hướng tới mục tiêu phát triển dân chủ, phát huy quyền làm chủ thực chất của nhân dân. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ, Đảng, chính quyền, đoàn thể phải tạo ra được sức mạnh thực tế phòng, chống và đẩy lùi quan liêu, tham nhũng, làm cho thể chế vững mạnh, chế độ bền vững, đủ sức bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, không ngừng chăm lo phát triển sức dân, bồi dưỡng sức dân đi liền với tiết kiệm sức dân như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh. Gương mẫu và trách nhiệm của mỗi cán bộ đảng viên, đề cao kỷ luật, kỷ cương, thực hành văn hóa trọng dân, trọng pháp luật để làm cho dân tin và dân theo - vào lúc này đang là đòi hỏi vô cùng bức xúc đối với từng tổ chức đảng, từng cơ quan, từng đoàn thể và đối với từng cán bộ đảng viên để làm tròn trọng trách lãnh đạo dân và phục vụ dân. Đó là thước đo về lòng trung thành với lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; thước đo về năng lực, phẩm chất và nhân cách của cán bộ đảng viên, của văn hóa Đảng

trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Năm bài học lớn trên đây được đúc kết từ thực tiễn phong phú của 20 năm đổi mới đầy bản lĩnh, trí tuệ và sáng tạo của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những bài học có giá trị và ý nghĩa to lớn, tiếp tục soi đường cho chúng ta đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và vững bước đi tới tương lai dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

II. LĨNH VỰC LÝ LUẬN, TƯ TƯỞNG

HỆ THỐNG QUAN ĐIỂM LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

GS, TS LÊ HỮU NGHĨA

Ủy viên T.Ư Đảng,

Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản

Qua 20 năm đổi mới, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn, những nét cơ bản của hệ thống quan điểm lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng bước đầu được hình thành.

1- Về mục tiêu và bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Trong quá trình cách mạng, dù trong hoàn cảnh nào, Đảng ta luôn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, vì đó là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân ta; đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu khách quan, hợp quy luật của cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, Đảng ta cũng nhận thức rằng đây là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn, gian khổ bởi điểm xuất phát của nước ta rất thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, luôn bị các thế lực thù địch phá hoại. Đặc biệt sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, lại diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào khủng hoảng và thoái trào nên lại càng khó khăn.

Đây là quá trình vừa làm vừa học, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm, khái quát thành lý luận trên cơ sở lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn của chân lý. Chính trong quá trình đó, Đảng ta từng bước hình thành những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội ngày càng phù hợp hơn, từng bước khắc phục những quan niệm giáo điều, đơn giản, ấu trĩ về chủ nghĩa xã hội.

Chẳng hạn như trong nhận thức trước đây về chủ nghĩa xã hội, vì không hiểu đúng mối quan hệ biện chứng giữa chủ nghĩa tư bản với chủ nghĩa xã hội nên đã đối

lập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản theo tinh thần phù định hoàn toàn chủ nghĩa tư bản, hoặc hiểu không đúng khái niệm “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” nên từ đó không thấy được yêu cầu phải kế thừa những giá trị, những thành tựu mà nhân loại đạt được trong xã hội tư bản chủ nghĩa để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế, do coi kinh tế tập trung bao cấp là đặc trưng của kinh tế xã hội chủ nghĩa nên đã coi nhẹ hoặc phủ nhận sản xuất hàng hóa, quy luật giá trị, có thành kiến với kinh tế thị trường do đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản.

Đặc biệt trong nhận thức mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đã có nhiều vi phạm quy luật khách quan như cường điệu vai trò của chế độ công hữu “nhất đại nhì công”, đối lập sở hữu tư nhân với chủ nghĩa xã hội, muốn nhanh chóng xóa bỏ bóc lột, nhấn mạnh một chiều nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất mà coi nhẹ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất - nhân tố quyết định sự phát triển xã hội.

Trong lĩnh vực chính trị, do đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản nên đã không thừa nhận tính chất pháp quyền của nhà nước xã hội chủ nghĩa, không thấy đầy đủ yêu cầu, phát huy dân chủ trong xây dựng xã hội mới...

Trong những năm đổi mới, thể hiện tập trung nhận thức của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội là trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII của Đảng (năm 1991) thông qua. Cương lĩnh đó đã khái quát những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những đặc trưng đó vừa thể hiện tính phổ biến theo học thuyết Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện tính đặc thù dân tộc, có tính đến những đặc điểm của thời đại.

Từ đó đến nay, Đảng ta đã có sự bổ sung, phát triển một số điểm trong nhận thức về mục tiêu, bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội nước ta và chắc chắn chúng ta sẽ phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển hơn nữa nhận thức đó.

Điều đó cũng là đương nhiên, phản ánh quá trình phát triển của thực tiễn và nhận thức. Tuy nhiên cho đến nay, kế thừa Cương lĩnh năm 1991, qua tổng kết 20 năm đổi mới, có thể khẳng định rằng: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là xã hội do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, bền vững với một hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do hạnh phúc, được phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ,

có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới”⁽¹⁾.

2- Về nền tảng tư tưởng của Đảng

Từ khi Đảng ta ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng đã đề ra đường lối cách mạng đúng đắn”⁽²⁾.

Qua nghiên cứu lý luận và trải nghiệm thực tiễn ở nhiều nước trên thế giới, Người rút ra kết luận rằng ngày nay học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Từ chỗ coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là “cái cốt của Đảng”, “cái gốc của Đảng”, đến Đại hội II (năm 1951), Đảng ta xác định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng của Đảng.

Đến Đại hội III (năm 1960), Đảng khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Đặc biệt đến Đại hội VII (năm 1991) Đảng ta khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

Việc chính thức đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền tảng tư tưởng của Đảng đánh dấu một bước tiến mới, một bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng là nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta.

Việc xác định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng đòi hỏi phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, dùng lập trường (lập trường cách mạng triệt để), quan điểm (hệ quan điểm khoa học), và

1. Báo cáo Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006). Nxb CTQG, HN, 2005, tr.135.

2. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, HN, 2002, t.10, tr.9.

phương pháp (phương pháp biện chứng duy vật), của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết đúng đắn những vấn đề của cách mạng nước ta và thời đại đặt ra.

Ngày nay trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, chúng ta phải kiên định và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phản động của các thế lực cơ hội chính trị và thù địch muốn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin với “lý do” cho rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là “ngoại lai”, “ngoại nhập” đã lỗi thời vì nó chỉ thích hợp với nền văn minh cơ khí ở thế kỷ 19 chứ không thích hợp với nền văn minh tin học, với kinh tế tri thức ở thế kỷ 21, v.v... Đồng thời chúng còn xuyên tạc, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng thời phải kiên quyết khắc phục bệnh giáo điều (cả giáo điều cũ và giáo điều mới), đẩy mạnh việc nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp nghiên cứu, cách dạy và cách học chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh một cách thiết thực, có hiệu quả, gắn với thực tiễn, khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp.

Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi Đảng ta phải kiên trì và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giải đáp được những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra, tiếp tục làm sáng tỏ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong bối cảnh mới của thời đại.

3- Về động lực của sự phát triển

Những thành tựu to lớn đạt được trong những năm đổi mới là nhờ Đảng ta đã biết tạo lập và phát huy một hệ thống động lực phát triển xã hội. Nhờ đó lực lượng sản xuất và con người được giải phóng, các nguồn nội lực được huy động nhiều hơn, kinh tế tăng trưởng tương đối nhanh, xã hội trở nên năng động, linh hoạt hơn, đời sống xã hội trở nên sống động hơn. Trong hệ thống các động lực của đổi mới, trước hết phải kể đến ba động lực quan trọng sau.

- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Khi sinh thời, khái quát và tổng kết bài học trong lịch sử dân tộc và lịch sử cách mạng nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công”

Ý thức sâu sắc bài học trên đây, trong những năm đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai

cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo, xem đây là nguồn sức mạnh và động lực chủ yếu bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời kỳ quá độ, còn nhiều thành phần kinh tế nên còn nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội cũng như mối quan hệ giữa các dân tộc là quan hệ đoàn kết và hợp tác lâu dài trong nội bộ nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cơ sở khách quan của khối đại đoàn kết toàn dân tộc là sự thống nhất về lợi ích. Lợi ích của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích toàn dân tộc trong mục tiêu chung là: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong thời kỳ quá độ tất yếu còn đấu tranh giai cấp, song cuộc đấu tranh này diễn ra trong điều kiện mới với nội dung và hình thức mới mà “nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc”⁽¹⁾.

Với nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp được Đảng ta quan niệm như vậy thì không những không mâu thuẫn mà trái lại, hoàn toàn thống nhất với yêu cầu xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Yêu cầu này đòi hỏi các nhân tố cấu thành cộng đồng dân tộc (các giai cấp, tầng lớp, tộc người, các tập thể và cá nhân) ý thức rõ lợi ích chung của đất nước và hướng nỗ lực của mình vào thực hiện lợi ích chung; lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai; chấp nhận những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung.

- Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

1. Văn kiện Đại hội IX, Nxb CTQG, HN, 2001, tr.86.

Phát huy dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, của sự nghiệp đổi mới, bởi vì dân chủ thuộc bản chất của chủ nghĩa xã hội, không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội phải là chế độ dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản như V.I.Lê-nin đã chỉ ra.

Thấm nhuần tư tưởng mác-xít về dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm sâu sắc đến vấn đề dân chủ, vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Theo Người, dân chủ tức là “dân là chủ”, “dân làm chủ”. Người chỉ rõ “nước ta là nước dân chủ”, nghĩa là “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”⁽¹⁾.

Trong 20 năm đổi mới, bên cạnh những thành tựu to lớn trong đổi mới kinh tế - xã hội, chúng ta cũng đạt được những thành tựu quan trọng về phát huy dân chủ của nhân dân. Công cuộc dân chủ hóa xã hội đã phát huy tiềm năng sáng tạo của con người, phát huy các nguồn lực cho phát triển đất nước, tính tích cực, chủ động của nhân dân được tăng lên, sự tham gia của nhân dân vào các quá trình kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... ngày càng được mở rộng và tự giác; quyền dân chủ của nhân dân từng bước được thể chế hóa trong chính sách và pháp luật của Nhà nước. Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai tương đối rộng khắp. Dân chủ trong Đảng được phát huy.

Hoạt động của Nhà nước từng bước được đổi mới theo hướng ngày càng phản ánh được tiếng nói, nguyện vọng của nhân dân. Báo chí ngày càng phát triển đa dạng, phản ánh được công luận về các vấn đề xã hội bức xúc. Những thành tựu về phát huy dân chủ cho thấy Đảng ta có khả năng tổ chức, lãnh đạo được việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân để tạo thành động lực mạnh mẽ xây dựng xã hội mới.

Tuy nhiên trong điều kiện một đảng cầm quyền, nguy cơ quan liêu, xa dân, mất dân chủ, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân là rất lớn. Vì vậy Đảng và Nhà nước cần có những chính sách, biện pháp cụ thể, mạnh mẽ để khắc phục nguy cơ trên, đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội. Có như vậy mới huy động được nguồn lực vật chất và tinh thần trong nhân dân, phát huy hết tiềm lực vào sự nghiệp đổi mới. Cần phát huy vai trò động lực mạnh mẽ của dân chủ, coi trọng cả dân chủ ở cấp trung ương và dân chủ ở cơ sở, cả dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp và các hình thức tự quản trong các cộng đồng dân cư ở cơ sở, cả dân chủ trong Đảng và dân chủ trong xã hội. Không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, thường xuyên đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh thể hiện thực sự quyền làm chủ của nhân dân, phát huy vai trò tư vấn, giám sát

1. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, HN, 1995, t.5, tr.698.

và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời coi trọng vai trò của báo chí cách mạng phản ánh tiếng nói của nhân dân, cải tiến sự lãnh đạo và quản lý đối với báo chí. Bằng quyết tâm lớn với những giải pháp toàn diện, cụ thể chúng ta sẽ chứng minh đầy đủ cả trong lý luận và trong thực tiễn rằng một đảng cầm quyền vẫn hoàn toàn có thể bảo đảm được dân chủ cho nhân dân, để bác bỏ quan điểm sai trái cho rằng “một Đảng cầm quyền là mất dân chủ”, rằng “muốn dân chủ phải đa nguyên, đa đảng”.

- Kết hợp hài hòa lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân, quan tâm lợi ích thiết thân của con người.

C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n đã sớm nhận rõ vai trò động lực của lợi ích trong hoạt động của con người. Theo các ông, hoạt động của con người chẳng qua là quá trình theo đuổi lợi ích của mình, hoặc lý tưởng sẽ tự làm nhục mình nếu tách rời lợi ích. Một bài học của xây dựng chủ nghĩa xã hội mà đã được Lê-nin rút ra từ thời kỳ chính sách kinh tế mới (NEP) ở nước Nga là phải quan tâm đến lợi ích thiết thân của con người, làm cho mỗi người quan tâm đến lợi ích chính đáng của mình, lấy đó làm động lực trực tiếp và mạnh mẽ nhất thúc đẩy họ hành động, qua đó góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng xã hội mới.

Có thể nói thành công của đổi mới là do chúng ta đã quan tâm hơn đến vấn đề lợi ích thiết thân, cụ thể của người lao động, đã tìm ra được những hình thức tổ chức sản xuất và những hình thức phân phối tác động vào lợi ích - khâu nhạy cảm trong hoạt động con người, qua đó kích thích tính sáng tạo năng động, khuyến khích lòng nhiệt tình, hăng hái trong lao động sản xuất và công tác.

Tuy nhiên trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, mặt trái của nó dễ dẫn con người đến chủ nghĩa cá nhân, vụ lợi, ích kỷ, làm thiệt hại cho lợi ích chung của sự phát triển xã hội. Vì vậy phải kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích chung, giữa lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân. Cần kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, vị kỷ, coi trọng việc giáo dục đạo đức, giáo dục lý tưởng sống nhất là đối với thế hệ trẻ, bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước, lòng tự hào dân tộc, không cam chịu đói nghèo, tinh thần thi đua xã hội chủ nghĩa v.v...

4- Về CNH, HĐH và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Thực hiện CNH, HĐH và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là những con đường cơ bản, phương hướng chính yếu đi lên chủ nghĩa xã hội trong lĩnh vực kinh tế ở nước ta.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tất yếu chúng ta phải tiến hành CNH và kết hợp ngay từ đầu CNH với HĐH - nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ để phát triển mạnh mẽ và bền vững lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Phần đầu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Khác với CNH theo kiểu cũ, khép kín, hướng nội, thiên về phát triển công nghiệp nặng, chủ yếu dựa vào lợi thế về lao động, tài nguyên, đất đai và viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước, ngày nay CNH gắn với HĐH trong một nền kinh tế mở; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, gắn CNH, HĐH với từng bước phát triển kinh tế tri thức và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Kết hợp tốt các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra với các lợi thế của nước đi sau, để rút ngắn quá trình CNH, HĐH, thực hiện “đi tắt đón đầu”. Coi trọng cả tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển, cả phát triển nhanh và bền vững.

CNH, HĐH là sự nghiệp của toàn dân, toàn xã hội. Nhà nước có chính sách đề khơi dậy, phát huy các nguồn lực của nhân dân, của mọi thành phần kinh tế, đồng thời huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn ngoại lực để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Lấy thị trường làm cơ sở chủ yếu để phân bổ các nguồn lực kết hợp sự điều tiết của nhà nước; lấy tiêu chuẩn trước hết là hiệu quả kinh tế để đầu tư. Nhà nước có chính sách khuyến khích và ưu đãi cho một số ngành, lĩnh vực, địa bàn, doanh nghiệp vừa và nhỏ và một số mục tiêu (xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo...).

Hết sức coi trọng CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; phát triển công nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế vùng, kinh tế biển, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển; sử dụng hợp lý tài nguyên, chú trọng bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Từ Đại hội VI, Đảng ta dứt khoát từ bỏ mô hình kinh tế phi hàng hóa, phi thị trường, mô hình kinh tế tập trung bao cấp, chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Đến Đại hội VII, Đảng ta khẳng định “phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước”. Đến Đại hội IX, lần đầu Đảng ta khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và xem đó là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Quan niệm trên đây là một đột phá lý luận sáng tạo của Đảng ta trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Với quan niệm phát triển kinh tế

thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã chính thức thừa nhận kinh tế thị trường không phải là riêng có của chủ nghĩa tư bản, có thể và cần phải sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội, kinh tế thị trường là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, có thể kết hợp kinh tế thị trường với chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khác với kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa cả về mục đích, bản chất, chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đan xen, hỗn hợp trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân, kể cả kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển trong mọi ngành nghề mà luật pháp không cấm, kể cả tư nhân quy mô lớn. Các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Phải phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu quả quản lý, điều tiết nền kinh tế của nhà nước trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường; phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, mặt trái của kinh tế thị trường, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

5- Về xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân

Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân là mục tiêu và bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện mục tiêu đó, vấn đề trung tâm là phải xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu bằng nhà nước, thông qua nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta hết sức coi trọng việc cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đặc biệt tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) Đảng ta khẳng định chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. So với nhà nước pháp quyền tư sản, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khác về bản chất. Pháp quyền dưới chủ nghĩa tư bản về thực chất là công cụ thống trị của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chủ nghĩa xã hội là công cụ thực

hiện quyền làm chủ của nhân dân. Nhà nước bảo đảm quyền công dân, quyền con người, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân; thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối cao trong điều chỉnh các quan hệ của đời sống xã hội. Trong xã hội ta, hiến pháp và pháp luật là sự thể chế hóa cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, đồng thời là sự thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục đạo đức.

Trong hệ thống chính trị, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội giữ vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân. Vì vậy cần tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội nhằm tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân, phát huy tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội đối với đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, phải coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng một cách toàn diện và đồng bộ cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, về đạo đức, về phong cách và phương thức lãnh đạo. Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, coi đó là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Kiên quyết khắc phục các nguy cơ đối với một Đảng cầm quyền, nhất là nguy cơ quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất, đi đến mất phương hướng về chính trị. Đảng kiên định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng là tập trung dân chủ, phát huy dân chủ trong Đảng đi đôi với giữ vững kỷ cương, kỷ luật Đảng, kiên trì nguyên tắc một đảng lãnh đạo là Đảng Cộng sản, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

6- Về tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Kinh tế, văn hóa, xã hội là những lĩnh vực quan trọng có quan hệ chặt chẽ với nhau cần được phát triển một cách đồng bộ, hài hòa.

Trong khi coi trọng phát triển kinh tế nhanh và bền vững, chúng ta đồng thời cũng hết sức coi trọng phát triển văn hóa bởi vì văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của đổi mới, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là một nền văn hóa

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng. Phải làm cho văn hóa thực sự thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, xây dựng lối sống có văn hóa cho con người. Chiến lược kinh tế - xã hội phải đặt con người vào vị trí trung tâm, tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển, phát huy mọi năng lực của mình.

Kết hợp chặt chẽ các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong từng chính sách phát triển; kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay từ đầu, trong mỗi bước đi và trong cả quá trình. Không hy sinh mục tiêu xã hội cho tăng trưởng kinh tế, song cũng không vì mục tiêu xã hội mà làm hạn chế, triệt tiêu động lực tăng trưởng kinh tế.

Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người làm giàu hợp pháp và hợp đức đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, xử lý vấn đề phân hóa hai đầu trong chính sách kinh tế và chính sách xã hội; đổi mới các chính sách đối với y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, tạo việc làm, dân số, gia đình, trẻ em... Xây dựng hệ thống chính sách an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi xã hội, chính sách tiền lương, chính sách phân phối thu nhập công bằng, hợp lý.

7- Về xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Đây là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Trong điều kiện mới, chúng ta đã nhận thức sâu sắc, cụ thể hơn về mối quan hệ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa kinh tế với quốc phòng - an ninh - đối ngoại, giữa thế trận quốc phòng với thế trận an ninh trên phạm vi quốc gia cũng như trên từng địa bàn. Đã nhận thức toàn diện hơn khái niệm “an ninh quốc gia”: không chỉ an ninh chính trị mà còn an ninh kinh tế, an ninh văn hóa, an ninh tư tưởng, an ninh xã hội... Khái niệm “bảo vệ Tổ quốc” được xác định đầy đủ hơn: không chỉ là bảo vệ lãnh thổ, biên giới, hải đảo, vùng trời, vùng biển mà còn là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân; bảo vệ kinh tế, văn hóa dân tộc, sự nghiệp đổi mới... Chúng ta bước đầu xây dựng hệ quan điểm mới về chiến tranh nhân dân, về hậu phương trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao; làm sáng tỏ nội dung mới của chiến lược bảo vệ Tổ quốc, chiến lược quốc phòng toàn dân.

8- Về quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế

Trong những năm đổi mới, trên cơ sở ngày càng nhận thức sâu sắc hơn tình hình thế giới và khu vực, Đảng ta đã có sự đổi mới quan trọng về tư duy đối ngoại.

Đảng đã khẳng định Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, vì hòa bình, độc lập và phát triển; thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đi đôi với đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác trên các lĩnh vực khác; trong hoạch định chính sách đối ngoại, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên vị trí hàng đầu. Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trên đây là hệ thống quan điểm, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta mà bước đầu chúng ta đã xác định được. Tuy nhiên trong nội dung những quan điểm đó, còn nhiều vấn đề cụ thể chưa phải đã thật rõ. Hơn nữa bên cạnh đó, có nhiều vấn đề mới đặt ra. Chẳng hạn, các vấn đề quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển, giữa tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững; vấn đề quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội; vấn đề quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị, giữa đổi mới và ổn định; vấn đề quan hệ giữa độc lập tự chủ và chủ động hội nhập quốc tế, v.v.

THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI

GS. TS. MẠNH QUANG THẮNG

Nhận thức là một quá trình. Có thể nêu lên một số mốc lớn trong quá trình nhận thức của chúng ta về tư tưởng Hồ Chí Minh từ khi Đảng ra đời đến nay.

Đầu năm 1930, tại Hương Cảng, "với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương"¹ đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện của Hội nghị (do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo), tuy mới chỉ ở dạng vắn tắt, nhưng đều hội đủ những yếu tố cần thiết mang tính chất *cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng. Như vậy, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã được vũ trang bằng quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, mà sau này là tư tưởng Hồ Chí Minh.

Những quan điểm đúng đắn của Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam đã được khẳng định trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, nhưng rất tiếc, sau đó, do nhiều nguyên nhân, đã bị Quốc tế Cộng sản và một số đồng chí trong Đảng ta hiểu lầm. Dần dần, qua chuyển biến tiến bộ của tình hình quốc tế và trong nước, những quan điểm của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam đã được khẳng định lại.

Đến Đại hội II, Đảng khẳng định: "Đường lối chính trị, nền nếp làm việc và đạo đức cách mạng của Đảng ta hiện nay là đường lối, tác phong và đạo đức Hồ Chủ tịch"². Mặc dù Đại hội II chưa nêu những cụm từ "Tư tưởng Hồ Chí Minh", nhưng đã đánh giá cao vai trò của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Đảng xác định: cùng với việc học tập "tác phong", "đạo đức", còn phải học tập "đường lối chính trị" của Hồ Chí Minh nữa ("đường lối chính trị" Hồ Chí Minh ở đây chính là những quan điểm, tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam).

Trong *Điều văn* của Trung ương Đảng tại lễ truy điệu Hồ Chí Minh, có đoạn:

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.2, Nxb CTQG, HN., 2002, tr.19.

2. Sđd, t.12, Nxb CTQG, 2001, tr.9.

"Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta"¹. Như vậy là, lần đầu tiên trong một văn kiện của Trung ương Đảng có đánh giá Hồ Chí Minh là "anh hùng dân tộc vĩ đại". Đây là sự tôn vinh rất có ý nghĩa của Đảng và nhân dân Việt Nam về lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Khi tổng kết giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, trong văn kiện Đại hội IV họp tháng 12 - 1976, một lần nữa nhấn mạnh: "Hồ Chí Minh người anh hùng dân tộc vĩ đại"². Như vậy, cũng là đánh giá Hồ Chí Minh là "anh hùng dân tộc vĩ đại", nhưng năm 1969 sự đánh giá như vậy là của Trung ương Đảng, còn cuối năm 1976, sự đánh giá về Hồ Chí Minh là ở Đại hội đại biểu toàn quốc - cơ quan lãnh đạo cao cấp của Đảng.

Việt Nam đã gửi hồ sơ tới UNESCO để tổ chức này xét công nhận Hồ Chí Minh là một danh nhân văn hoá. Trong phiên họp toàn thể lần thứ 24 tại Pa-ri từ ngày 20 - 10 đến ngày 20 - 11 - 1987, UNESCO có một chương trình nghị sự thảo luận, xem xét và cuối cùng đã thông qua Nghị quyết về Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong đó nhấn mạnh và khẳng định: "Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc và là nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam".

Đến thời điểm diễn ra Đại hội VII (1991), Hồ Chí Minh đã qua đời 22 năm và sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đảng và nhân dân ta khởi xướng đã diễn ra được 5 năm. Thực tế của sự nghiệp cách mạng nước ta nói chung và của những năm đổi mới nói riêng đã chứng tỏ rằng, không những chủ nghĩa Mác - Lênin, mà còn là tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành yếu tố làm nên thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Chính vì thế, Đại hội VII của Đảng đã khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"³. Đại hội này còn nêu rõ: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng ta và của cả dân tộc"⁴.

Trên đây mới chỉ đơn thuần xét về mặt văn bản. Đã từ lâu, và ở nhiều thế hệ kế tiếp nhau, những người Việt Nam chân chính đều coi Hồ Chí Minh là bậc danh nhân, là anh hùng dân tộc vĩ đại. Và, giá trị tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh đã trở

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb CTQG, HN., 1996, tr.516.

2. ĐCSVN: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, t.37, Nxb CTQG, HN., 2004, tr.474.

3, 4. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb ST, HN., 1991, tr.127, tr.84.

thành một giá trị văn hoá dân tộc truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, như nguồn sữa mẹ nuôi dưỡng cuộc sống, tâm hồn của người Việt Nam yêu nước, như lớp lớp phù sa bồi đắp cho sự phì nhiêu của đời sống văn hoá dân tộc. Đây quyết không phải là kết quả của sự sùng bái cá nhân mà chính là sự tôn vinh từ tâm khảm một cách tự giác của những người Việt Nam chân chính. Đồng thời, giá trị nhân văn trong cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh mang tính đặc biệt tới mức là đã đi vào đời sống tâm linh của hàng triệu người Việt Nam.

Nhìn một cách tổng quát, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong 20 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu chủ yếu nhất sau đây:

Nghiên cứu một cách tương đối có hệ thống và toàn diện về Hồ Chí Minh, trong đó có nội dung tư tưởng của Người. Trước khi triển khai Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.02 (1991 - 1995), nhất là trước khi Hồ Chí Minh qua đời, ngày 2 - 9 - 1969, việc nghiên cứu về Hồ Chí Minh nói chung, trong đó có tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, còn tự phát, các nội dung nghiên cứu chưa có tính hệ thống, chưa đề cập một cách tương đối toàn diện. Một yêu cầu bức xúc do xã hội đặt ra từ lâu là phải nghiên cứu Hồ Chí Minh một cách toàn diện, có hệ thống, từ cuộc đời, sự nghiệp đến tư tưởng của Người. Trọng điểm nghiên cứu về Hồ Chí Minh ngày càng được các nhà khoa học xác định là nghiên cứu sâu sắc vị thế Anh hùng giải phóng dân tộc và là Nhà văn hoá kiệt xuất của Hồ Chí Minh. Nhưng, vì là lần đầu tiên mở ra một chương trình khoa học cấp nhà nước, cho nên, ở Việt Nam, các nhà khoa học đã cố gắng triển khai chủ yếu về chiều rộng chứ chưa thật sự đi vào nghiên cứu chiều sâu. Trong hệ thống các đề tài của Chương trình KX.02 giai đoạn 1991 - 1995, vẫn còn thiếu một số nội dung. Tuy vậy, với Chương trình này, lần đầu tiên ở nước ta, việc nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp cũng như nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã được mở rộng, có tổ chức chặt chẽ, có sự tập hợp, liên kết các nhà khoa học và hoạt động thực tiễn trong phạm vi cả nước. Hàng loạt sản phẩm của Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.02 giai đoạn 1991 - 1995 đã được xuất bản, công bố. Từ năm 1991 đến nay, việc nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đã được đẩy mạnh.

Đã tập trung được nguồn lực cho công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Do tác động mạnh mẽ, tích cực của Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và do có Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.02 giai đoạn 1991 - 1995, cho nên, ở nước ta, đã có sự tập trung nguồn lực đáng kể để đầu tư nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là điều mà từ trước đến lúc này chưa hề có. Nguồn lực đầu tiên và là nguồn lực quan trọng nhất là đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học. Các cơ quan khoa học xã hội hoặc là tập hợp lực lượng trong các chương trình, đề tài nghiên cứu tư

tưởng Hồ Chí Minh có quy mô tương đối lớn, hoặc tập hợp lực lượng nội bộ để tiến hành nghiên cứu những đề tài nhỏ hơn, đáp ứng yêu cầu công tác giáo dục - đào tạo cũng như những yêu cầu công tác khác của đơn vị mình. Đây chính là sự tập hợp lực lượng cán bộ nghiên cứu một cách có bài bản, có hệ thống, tương đối toàn diện về Hồ Chí Minh. Nguồn lực thứ hai là sự đầu tư ngày càng tăng kinh phí từ ngân sách của Nhà nước cho công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Chưa bao giờ giới nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta có điều kiện thuận lợi về kinh phí để tiến hành nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh như trong khoảng 20 năm đổi mới vừa qua. Với sự tập trung các nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi như vậy từ sự đầu tư của Nhà nước, chúng ta đã sưu tầm được thêm rất nhiều tài liệu, kể cả những tài liệu lưu trữ ở nước ngoài.

Kết quả tập trung nhất trong việc tập hợp lực lượng và đầu tư nguồn lực cho công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh một phần quan trọng được biểu đạt trong văn kiện của Đại hội IX của Đảng họp năm 2001. Văn kiện Đại hội đã nêu khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, những nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh và cho rằng: "Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta"¹

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần đắc lực vào mặt trận tư tưởng, lý luận phục vụ cho sự nghiệp đổi mới để phát triển. Hồ Chí Minh là người tiếp thu, truyền bá, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện của nước ta. Do vậy, nếu chỉ có yếu tố chủ nghĩa Mác - Lênin không thôi thì cách mạng Việt Nam không thể giành thắng lợi như trong các giai đoạn đã qua, kể cả trong 20 năm đất nước tiến hành đổi mới vừa rồi. Đồng thời, tư tưởng Hồ Chí Minh không thể thay thế chủ nghĩa Mác - Lênin, bởi vì chủ nghĩa Mác - Lênin là một học thuyết có hệ thống, học thuyết "khung" bền vững, năng động mà trên đó những người cộng sản bổ sung, phát triển. Bản thân tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong hệ tư tưởng Mác - Lênin, sáng tạo và phát triển trên cơ sở chủ yếu nhất là chủ nghĩa Mác - Lênin. Tuy nhiên, tư tưởng Hồ Chí Minh còn có nguồn gốc từ tinh hoa văn hoá của dân tộc Việt Nam và của nhân loại. Chính vì vậy, yếu tố làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam là bao gồm cả chủ nghĩa Mác - Lênin cộng với tư tưởng Hồ Chí Minh chứ không chỉ riêng một yếu tố nào.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb ST, HN., 1991, tr.127, tr.84.

Trong 20 năm qua, hoàn cảnh cực kỳ phức tạp trên thế giới đã đặt Đảng Cộng sản Việt Nam trước sự thử thách sống còn. Trong hoàn cảnh đó, chính tư tưởng Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn hành động của Đảng vượt qua sóng gió, hiểm nguy để đưa cách mạng tiến lên. Trong sự nghiệp đổi mới, Đảng đang hoạt động một cách có chủ định, có ý thức theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng và phát triển tư tưởng của Người vào hoàn cảnh mới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, nhìn một cách tổng quát, đang là yếu tố chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam. Thành quả nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong 20 năm qua đã góp phần rất quan trọng vào việc giáo dục tình cảm cách mạng cho các thế hệ người Việt Nam. Môn học tư tưởng Hồ Chí Minh, tuy ra đời muộn so với yêu cầu, nhưng đã được đưa vào giảng dạy và học tập ở các cấp, bậc học ở hệ thống trường cao đẳng, đại học và hệ thống Học viện CTQG Hồ Chí Minh cũng như hệ thống các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trong năm 2003 và trong dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn của cách mạng Việt Nam, nhất là dịp kỷ niệm vào các năm chẵn, thông qua nhiều hình thức, các tổ chức và tầng lớp nhân dân đã hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị đến dân thường, từ người già đến em nhỏ, từ người thành thị đến dân đồng bằng cũng như đồng bào miền núi, không phân biệt tôn giáo, tuy mức độ đậm nhạt, nông sâu khác nhau, đều nhận biết có một Hồ Chí Minh với tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng, hiến dâng cả cuộc đời mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc, vì ấm no, hạnh phúc của đồng bào, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác của các dân tộc trên thế giới; một con người thấm đượm chủ nghĩa nhân văn, luôn hướng ý nghĩ và hành động tới sự nghiệp cao cả là giải phóng nhân loại.

Nói "yếu tố chủ đạo" ở đây không có nghĩa là làm nghèo nàn đời sống tinh thần vốn rất phong phú của xã hội Việt Nam. Yếu tố chủ đạo này đã làm cho con người Việt Nam các thế hệ nối tiếp nhau sống có lý tưởng, có nhân sinh quan, thế giới quan đúng đắn, ý thức được hành động của bản thân mình, kế thừa và phát huy các thành quả cách mạng, xây dựng xã hội mới, tốt đẹp với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh không lỗi thời như một số người quan niệm, trái lại, đang là yếu tố sinh động nhất, một sức sống tinh thần mạnh mẽ nhất chi phối lành mạnh đến đời sống của toàn dân tộc Việt Nam trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Đây là một trong những thành quả quý giá, có ý nghĩa, đáng tự hào nhất của 20 năm qua trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về Hồ Chí Minh đã bước đầu học được xây dựng làm cơ sở vững chắc đẩy mạnh công tác nghiên cứu tư tưởng, lý luận trong những năm sau. Từ số lượng còn ít ỏi, với việc triển khai nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong 20 năm qua, ở nước ta đã bước đầu hình thành được đội ngũ cán bộ chuyên sâu nghiên cứu, giảng dạy, tuyên truyền về tư tưởng Hồ Chí Minh. Đây là vốn quý đáng được trân trọng, cần phát huy để triển khai nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh cả bề rộng lẫn bề sâu trong thời gian tới.

Thành quả nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã góp phần tăng cường tình hữu nghị, sự hợp tác giữa nước ta với các nước trên thế giới để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại trong sự nghiệp đổi mới. Hồ Chí Minh là sự hiện thân của tình đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung vì sự tiến bộ xã hội, vì đấu tranh giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức, bất công, vươn tới những giá trị tốt đẹp trong đời sống vật chất và tinh thần của loài người. Sự nghiệp đổi mới của Việt Nam hơn bao giờ hết được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với tình hình thế giới. Việt Nam đang chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế. Nội lực là quyết định. Nhưng, nó sẽ được phát huy và có sức mạnh thật sự khi được bồi bổ bằng sức mạnh của thời đại. Thành quả nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong những năm qua đã góp phần đặc lực vào việc xử lý các vấn đề quốc tế, xác định vị thế của Việt Nam trong một thế giới hiện đại đầy những biến cố hết sức phức tạp và khó lường. Những người tiến bộ trên thế giới dù thuộc nhiều xu hướng chính trị khác nhau, qua những quan điểm của Hồ Chí Minh được giới nghiên cứu lý luận nước ta làm sáng tỏ, đã hiểu Việt Nam hơn và có những hành động thiết thực ủng hộ sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta.

Thành tựu nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh trong 20 năm qua đã góp phần tích cực vào việc chống các luận điệu xuyên tạc Hồ Chí Minh, bảo vệ sự trong sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh. Mỗi người nhìn nhận Hồ Chí Minh với chính kiến khác nhau, với nhiều góc độ khác nhau. Trong 20 năm qua, giới nghiên cứu Hồ Chí Minh ở nước ta đã có những hoạt động tích cực để bảo vệ sự trong sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết bằng những công trình nghiên cứu có giá trị khoa học xác đáng được công bố rộng rãi. Những bộ sách *Hồ Chí Minh toàn tập*, *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử được tái bản và sắp tới đây sách* Tiểu sử Hồ Chí Minh được xuất bản, cùng với hàng loạt công trình khoa học được công bố chính là sự ghi nhận cố gắng của giới nghiên cứu Hồ Chí Minh học ở nước ta trong cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận để bảo vệ tính đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thời gian tới, cần tiếp tục nắm vững các quan điểm lý luận gắn với thực tiễn,

lịch sử - cụ thể, toàn diện - hệ thống, kế thừa - phát triển để đổi mới nội dung và phương pháp nghiên cứu, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tăng cường vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Như vậy, yêu cầu đặt ra đối với công tác này là chú trọng giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của cách mạng nước ta. Chính đây là yêu cầu bức bách của cuộc sống mà Đảng ta đã đề ra thể hiện trong những mệnh đề ghi trong văn kiện như "nền tảng tư tưởng", "kim chỉ nam cho hành động".

Phải đổi mới phương pháp nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp tục nghiên cứu về bề rộng và nhất là bề sâu, những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, đặt tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình vận động và phát triển để nghiên cứu, vận dụng và phát triển một cách sáng tạo. Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước ở các cấp đối với việc nghiên cứu, giáo dục, tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh. Tích cực xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu Hồ Chí Minh. Tiếp tục chú trọng việc đổi mới, đưa bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh vào hệ thống giáo dục quốc dân, trên cơ sở đó, đào tạo chuyên sâu bậc cử nhân và sau đại học. Tăng cường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác nghiên cứu Hồ Chí Minh phát triển lên bước mới, trong đó có việc tăng cường hợp tác quốc tế, nhất là hợp tác trong việc sưu tầm những tài liệu có liên quan đến Hồ Chí Minh đang ở các cơ sở lưu trữ trên thế giới.

ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀ THÀNH TỰU THỰC TIỄN, LÝ LUẬN QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

PGS. TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Vào cuối những năm bảy mươi của thế kỷ XX do những điều kiện khắc nghiệt của hoàn cảnh đất nước, nhất là hậu quả nặng nề của 30 năm kháng chiến giải phóng dân tộc, tiếp đó là chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới, và do những khuyết điểm chủ quan trong lãnh đạo, quản lý mà đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong bối cảnh đó Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã từng bước thử nghiệm, tìm tòi con đường đổi mới để đưa đất nước vượt qua khó khăn, từng bước phát triển.

Trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về CNXH và về thời kỳ quá độ lên CNXH, dựa vào những kết quả bước đầu của sự đổi mới từng phần, lắng nghe, tổng kết sáng kiến, kinh nghiệm của nhân dân, của các địa phương và cơ sở, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã hoạch định đường lối đổi mới. Trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra, nhiều Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và đặc biệt Đại hội VII (6-1991) với *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đại hội VIII (6-1996) và Đại hội IX (4-2001) đã không ngừng bổ sung, phát triển hoàn thiện đường lối đổi mới, làm rõ hơn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn của công cuộc đổi mới và xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Có thể thấy rõ những nội dung đổi mới quan trọng và chủ yếu cả về nhận thức, tư duy lý luận và cả về lãnh đạo, chỉ đạo thực tiễn suốt 20 năm qua.

Thứ nhất, đó là đổi mới tư duy lý luận mà thực chất là nắm vững và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, khắc phục căn bệnh nóng vội, chủ quan, duy ý chí. Ngay từ Đại hội VI, Đảng ta đã nhận thức rằng, từ CNTB lên CNXH phải trải qua một thời kỳ quá độ là một tất yếu khách quan và độ dài của thời kỳ đó phụ thuộc vào điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội của mỗi nước. "Thời kỳ quá độ ở nước ta, do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn"¹.

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, HN., 1987, tr.41.

Đại hội IX (4-2001) tổng kết 15 năm đổi mới, khẳng định: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ"¹. Trong hàng loạt các quy luật khách quan, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức rõ hơn quy luật về quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, sửa chữa sai lầm trước đó đã đưa quan hệ sản xuất đi quá nhanh, quá xa trong khi lực lượng sản xuất còn rất lạc hậu, tập trung phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất thông qua thực hiện cách mạng khoa học - công nghệ đẩy mạnh CNH, HĐH, từ đó điều chỉnh quan hệ sản xuất cho phù hợp. Các quy luật vận động trong thời kỳ quá độ lên CNXH, nhất là các quy luật kinh tế, đã từng bước được nhận thức và vận dụng đúng đắn và có hiệu quả hơn. Khi quyết định đường lối đổi mới, tại Đại hội VI Đảng ta đã nghiêm túc chỉ ra rằng, cuộc sống cho ta một bài học thấm thía là không thể nóng vội làm trái quy luật.

Thứ hai, từ nhận thức rõ hơn về thời kỳ quá độ, Đảng quyết định đổi mới cơ cấu kinh tế, coi nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ. Đại hội VI đã vận dụng đúng đắn quan điểm của Lê-nin về kinh tế nhiều thành phần. Chính Lê-nin cũng cho rằng tên nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa là để khẳng định hướng tiến lên chứ điều đó chưa có nghĩa là nền kinh tế ở đó đã hoàn toàn là kinh tế XHCN. Vì vậy, ở nước ta cần thiết phải có nhiều thành phần kinh tế phát triển bình đẳng trước pháp luật, đó là yêu cầu khách quan. Đại hội VI khẳng định nước ta có các thành phần: kinh tế XNCH bao gồm khu vực quốc doanh và khu vực tập thể; kinh tế tiểu sản xuất hàng hoá; kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế tự nhiên, tự túc tự cấp. Đại hội IX bổ sung thêm một thành phần nữa là kinh tế 100% vốn nước ngoài. Trong quá trình đổi mới, 20 năm qua, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Thực tiễn đổi mới cũng cho thấy nhiều thành phần kinh tế đương nhiên là có nhiều hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc.

Cùng với đổi mới cơ cấu kinh tế, Đảng chủ trương đổi mới cơ chế quản lý, dứt

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB CTQG, HN., 2001, tr.85

khoát bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCH. Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân. Phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý, phân phối.

Thứ ba, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và vai trò, chức năng quản lý điều hành của Nhà nước. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước theo hướng nhà nước pháp quyền XHCN. Cùng cố sức mạnh của hệ thống chính trị. Đại hội VI của Đảng đặt ra yêu cầu xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một Đảng cầm quyền, tăng cường sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo và năng lực tổ chức thực tiễn, đổi mới phong cách làm việc, đi sâu, đi sát thực tế, sát cơ sở, gần bó với nhân dân. Nâng cao trình độ trí tuệ, nắm bắt và vận dụng đúng đắn quy luật khách quan, hiểu biết sâu sắc những vấn đề kinh tế, xã hội. Từ Hội nghị lần thứ 3 BCH Trung ương khoá VII (6-1992) đặc biệt từ Hội nghị lần thứ 6 (lần 2) BCH Trung ương khoá VIII (1-1999), Đảng đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng chính đồn Đảng, học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội VI của Đảng đã xác định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của bộ máy nhà nước, nghĩa là, Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật và chính sách để điều hành, quản lý nền kinh tế - xã hội ở tầm vĩ mô. Từ sau Đại hội VII, đặc biệt là Hội nghị lần thứ 8 BCH Trung ương khoá VII (1 - 1995), Hội nghị lần thứ 3 BCH Trung ương khoá VIII (6 - 1997) tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân được đẩy mạnh. Quan điểm cơ bản là: quyền lực nhà nước là thống nhất, song có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ nhiệm kỳ Quốc hội khoá VIII (1987), khoá IX (1992), khoá X (1997) và khoá XI (2002), hoạt động của Quốc hội ngày càng đổi mới và thực hiện có hiệu quả các chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và quyền giám sát tối cao; từng bước đẩy mạnh công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước cả về chức năng, cơ chế vận hành, quản lý, tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức; bộ máy và hoạt động tư pháp được củng cố và tăng cường. Cùng với việc xây dựng, chính đồn Đảng, nhiệm vụ xây dựng hoàn thiện Nhà nước là những nội dung quan trọng về đổi

mới hệ thống chính trị và có ý nghĩa quyết định đến toàn bộ tiến trình của sự nghiệp đổi mới.

Thứ tư, thật sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", tăng cường và đổi mới công tác vận động quần chúng nhân dân và thực hiện nền dân chủ XHCN. Đại hội VI của Đảng đã rút ra bài học là, trong toàn bộ hoạt động, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Chính lợi ích, sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới... Một trong những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới là Hội nghị lần 6 BCH Trung ương khoá VI (3 - 1989) nêu ra là, phải thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa nhưng dân chủ luôn luôn gắn liền với tập trung, gắn liền với nghĩa vụ, trách nhiệm công dân, với kỷ cương, kỷ luật, pháp luật, dân chủ phải có lãnh đạo và lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ. Nghị quyết Trung ương 8B khoá VI (3 - 1990) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, đã nhấn mạnh các quan điểm: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân; động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hoà các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân; các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng; công tác vận động quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể. Đảng cũng chủ trương đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; cùng với Đảng, Nhà nước, tổ chức Mặt trận và các đoàn thể nhân dân như Tổng Liên đoàn lao động, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh hợp thành hệ thống chính trị; công tác vận động quần chúng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị ở tất cả các cấp.

Đảng chú trọng xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đổi mới; đoàn kết các giai cấp, các thành phần kinh tế, đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo, mọi tầng lớp, cá nhân yêu nước, đoàn kết người Việt Nam ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài nhằm phát huy nội lực của dân tộc Việt Nam.

Thứ năm, đổi mới chính sách đối ngoại, thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá, Việt Nam muốn là bạn và là đối tác tin cậy của các nước trên thế giới trên cơ sở giữ vững độc lập chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc phù hợp với tình hình mới. Tại Đại hội VI (12- 1986) Đảng ta đã nêu rõ chủ trương: khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức, nhất là

đối với các ngành và cơ sở đòi hỏi kỹ thuật cao. Đi đôi với công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh. Luật đầu tư nước ngoài là luật sớm nhất của thời kỳ đổi mới, được Quốc hội khoá VIII thông qua ngày 29 - 12 - 1987 và có hiệu lực từ 1 - 1 - 1988. Đại hội VII của Đảng tuyên bố chính sách đối ngoại mở rộng, Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh sự hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và các tổ chức quốc tế; tích cực đóng góp cho hoạt động ở các diễn đàn quốc tế, tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ. Đại hội IX của Đảng tiếp tục chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Đảng ta luôn luôn xác định, nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hoà bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Với những nội dung rất căn bản và chủ yếu trong đường lối đổi mới cùng với bản lĩnh chính trị vững vàng và trách nhiệm trước đất nước, giai cấp và dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức, kể cả tác động tiêu cực do sự sụp đổ của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu và Liên Xô đưa lại, không ngừng đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo con đường CNXH và qua 20 năm đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của đất nước, cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân, như các văn kiện trình Đại hội X của Đảng đã khẳng định.

Có thể thấy rõ thành tựu của 20 năm đổi mới cả về thực tiễn và nhận thức lý luận đề vững tin vào con đường đã lựa chọn và sự phát triển của đất nước.

Về thực tiễn, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội từ 1996, kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá nhanh (GDP tăng bình quân 1986 - 1990 là 3,9%/năm, 1991 - 1995 là 8,2%, 1996 - 2000 là 7% và 2001 - 2005 là 7,5%/năm), nền kinh tế thị trường định hướng XHCN bước đầu được xây dựng, CNH, HĐH được đẩy mạnh, cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH tăng lên đáng kể. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc mà nền tảng là liên minh nhân - nông dân - trí thức do Đảng lãnh đạo ngày càng được tăng cường và củng cố. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân

dân được giữ vững. Chính trị - xã hội ổn định. Quan hệ đối ngoại được mở rộng. Vì thế nước ta trên thế giới được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp từ nguồn lực của đất nước tăng lên nhiều. Nhân dân tin tưởng ở đường lối đổi mới và sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, tin tưởng ở tương lai phát triển của đất nước.

Về lý luận, nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam ngày càng rõ hơn, "hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã bước đầu hình thành trên những nét cơ bản" (Văn kiện trình Đại hội X trang 11). Nhận thức rõ hơn về mục tiêu, mô hình của xã hội XHCN ở Việt Nam, rõ hơn về chặng đường, bước đi khi đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, cho phép chuyển sang chặng đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, rõ hơn về những công cụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu phát triển đất nước, xây dựng CNXH, rõ hơn về những mối quan hệ đặt ra cần được giải quyết một cách đúng đắn trên con đường đổi mới vì mục tiêu CNXH mà trước hết làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

20 năm đổi mới đã có cơ sở để rút ra một số bài học lớn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Đó là các bài học: trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới; phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới; đổi mới và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Những bài học của 20 năm đổi mới vừa có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn trong thời kỳ tiếp theo vừa có ý nghĩa làm rõ nhận thức lý luận. Thành tựu về thực tiễn và lý luận 20 năm qua hoà quyện và thống nhất, thúc đẩy lẫn nhau. Từ thành tựu thực tiễn được tổng kết một cách có hệ thống với một thái độ và tư duy khoa học đã làm rõ hơn về nhận thức lý luận. Từ nhận thức rõ hơn về nhận thức lý luận và vững tin trong chỉ đạo, hoạt động thực tiễn bớt đi sự lúng túng mò mẫm, vấp vấp. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới Đảng ta đã rất coi trọng nhiệm vụ nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Những định hướng đó đã được đề ra từ Nghị quyết

01 - NQ/TW của Bộ chính trị khoá VII ngày 28 - 3 - 1992 về công tác lý luận trong tình hình mới.

Tiến tới Đại hội X của Đảng, Trung ương và Bộ Chính trị đã chủ trương tổng kết một số vấn đề thực tiễn và lý luận qua 20 năm đổi mới. Những kết quả tổng kết đó kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, của các cơ quan lý luận của Đảng mà Hội đồng lý luận Trung ương là cơ quan thường trực và đã được thể hiện trong báo cáo tổng kết tình hình Đại hội X của Đảng.

Trong lãnh đạo công cuộc đổi mới Đảng Cộng sản Việt Nam trên thực tế đã đặt ra và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ cơ bản.

- Quan hệ giữa đổi mới tư duy lý luận với đổi mới chủ trương, chính sách và hoạt động, chỉ đạo thực tiễn. Ngay từ khi tìm tòi con đường đổi mới Đảng đã đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế, làm cơ sở để đổi mới cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Đường lối đổi mới của Đại hội VI được hoạch định trên cơ sở tư duy lý luận khoa học về CNXH và về thời kỳ quá độ phù hợp với thực tiễn Việt Nam, khắc phục bệnh giáo điều và bệnh chủ quan duy ý chí. Trong quá trình lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới Đảng không ngừng làm rõ hơn về mục tiêu, mô hình của xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam gắn liền với bổ sung và phát triển đường lối đổi mới. Mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn luôn luôn đặt ra những yêu cầu mới trong lãnh đạo, chỉ đạo công cuộc đổi mới.

- Giải quyết mối quan hệ giữa sự kiên định các nguyên tắc với sự linh hoạt, sáng tạo, nhạy cảm và chủ động nắm bắt những vấn đề mới đặt ra, "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, đổi mới nhưng không xa rời con đường XHCN mà phải thực hiện mục tiêu XHCN tốt hơn bằng nhận thức mới và lựa chọn hình thức, bước đi và giải pháp thích hợp. Trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, luôn luôn lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Tăng cường sức mạnh, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Xây dựng và thực hiện ngày càng tốt hơn nền dân chủ XHCN, song dân chủ phải gắn liền với tập trung, với kỷ luật, pháp luật với trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, dân chủ phải có lãnh đạo và lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ. Kết hợp nội lực với ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Những nguyên tắc trên đây đã bảo đảm cho công cuộc đổi mới của Việt Nam vượt qua những khó khăn, thách thức ở trong nước và quốc tế, phát triển đúng định hướng và có hiệu quả. Sự

nhạy cảm nắm bắt cái mới, linh hoạt, khôn khéo về sách lược cùng với bản lĩnh chính trị vững vàng đã góp phần quan trọng vào thành công của công cuộc đổi mới.

- Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Cần nhấn mạnh rằng, về thực chất công cuộc đổi mới bắt đầu từ đổi mới tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và chính sách đối nội và đối ngoại. Không có sự đổi mới về tư duy chính trị, về đường lối thì không thể có mọi sự đổi mới khác. Trong quá trình chỉ đạo, Đảng và Nhà nước ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, thực hiện thành công những chương trình kinh tế lớn, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tạo tiền đề giữ vững ổn định chính trị. Trong đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, Đảng chủ trương đi những bước thận trọng và vững chắc, bắt đầu từ giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi, với nhận thức đây là việc rất cần thiết nhưng đặc biệt phức tạp, nhạy cảm, nếu vội vã dễ xảy ra sai lầm sẽ phải trả giá đắt, có khi không cứu vãn được. Với nhận thức và cách làm như thế, Đảng ta đã thành công trong đổi mới chính trị, xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống chính trị bao gồm xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, xây dựng Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện ngày càng tốt hơn dân chủ XHCN và quyền làm chủ của nhân dân. Đảng luôn luôn xác định xây dựng, phát triển kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực, hiệu quả điều hành của Nhà nước. Đó là mối quan hệ quyết định lẫn nhau giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

- Chú trọng mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội giữa kinh tế và văn hoá, kinh tế và môi trường, phát triển, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là chủ động phát huy yếu tố năng động, tích cực của nó đồng thời cũng phải phòng ngừa tác động tiêu cực. Đó là sự phân hoá giàu nghèo quá mức, là bất bình đẳng và nhiều biểu hiện tiêu cực khác. Vì vậy, phải chú trọng xây dựng hệ thống chính sách xã hội cần thiết và thích hợp để điều chỉnh thu nhập và các quan hệ xã hội, chú trọng phúc lợi xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, bảo vệ lợi ích người lao động, thực hiện xoá đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc có cuộc sống sung sướng,

môi trường xã hội lành mạnh. Đảng và Nhà nước ta vừa chú trọng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất của nhân dân đồng thời có chiến lược giáo dục - đào tạo nâng cao dân trí, phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng ta coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Đảng ta cũng sớm nhận thức rằng, khi đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế cũng đồng thời xuất hiện nguy cơ phá vỡ môi trường sinh thái. Vì vậy phải chủ động bảo vệ môi trường; thực hiện đồng bộ các mục tiêu về an ninh chính trị, an ninh lương thực và an ninh môi trường.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác kinh tế với các nước, các khu vực trên thế giới. Phát huy truyền thống của các thời kỳ trước, trong những năm đổi mới, Đảng luôn luôn nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường trong xây dựng, phát triển kinh tế; chú trọng phát huy mọi nguồn lực trong nước, đặc biệt là nguồn lực con người; luôn luôn coi nội lực có ý nghĩa quyết định, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mở rộng liên doanh, hợp tác kinh tế với các nước. Đảng cũng rất chú trọng ứng dụng có hiệu quả những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới, những kinh nghiệm tổ chức quản lý tiên tiến của các nước. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia vào quá trình toàn cầu hoá là quá trình khách quan và tất yếu. Do vậy càng đòi hỏi sự độc lập, tự chủ trong lựa chọn con đường, bước đi và giải pháp sao cho hội nhập mà không hoà tan, không tự đánh mất mình; chú trọng phát triển sức mạnh tổng hợp của cả nội lực và ngoại lực, sức mạnh của cả dân tộc và thời đại.

Nhiều mối quan hệ khác luôn luôn đặt ra đòi hỏi được nhận thức và giải quyết đúng đắn, đó là mối quan hệ trong hệ thống chính trị, giữa sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân, quan hệ giữa Đảng với Nhà nước, quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, quan hệ giữa cơ chế kinh tế thị trường với sự quản lý của Nhà nước, quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng củng cố quan hệ sản xuất v.v.. Đó là hàng loạt những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu, tổng kết và làm rõ hơn cả về thực tiễn và lý luận.

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN – THÀNH TỰU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN DUY QUÝ
GS,VS. Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

Từ năm 1986, Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. So với công cuộc cải tổ, cải cách và chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường ở các quốc gia khác, đổi mới ở nước ta có những nét đặc thù riêng. Đổi mới ở nước ta diễn ra từ hai chiều: "từ dưới lên", tức là ở các hợp tác xã, doanh nghiệp và "từ trên xuống", tức là các quyết định của Đảng và Nhà nước. Mỗi liên hệ hai chiều ấy đã làm cho công cuộc đổi mới ở nước ta diễn ra không có sự xung đột giữa "phía trên" và "phía dưới", cũng như không có các "cú sốc" được tạo ra bởi các chính sách và biện pháp điều chỉnh vĩ mô quá cứng rắn và duy ý chí của bộ máy lãnh đạo "phía trên" như ở một số nước khác. Đó là đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam. Nói một cách khái quát, đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam là, vừa có sự sáng tạo của nhân dân ở cơ sở, vừa có sự lãnh đạo từ trên xuống. Do vậy, đổi mới ở nước ta đã dẫn đến những thành công to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Khác với các nước Đông Âu và Liên Xô, ở Việt Nam, nhu cầu đổi mới các chính sách trước hết xuất phát từ chính lĩnh vực kinh tế, chứ không phải là hệ quả của những biến động chính trị. Đổi mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Ngay từ đầu, Đảng ta đã xác định, đổi mới không phải là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội mà chính là để có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử, xã hội nước ta trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

Đổi mới ở nước ta không phải là chuyển từ mô hình cũ sang một mô hình đã có sẵn lấy từ một nước nào đó, mà là quá trình xóa bỏ các yếu tố của mô hình cũ và thay thế bằng những yếu tố mới thích hợp hơn với điều kiện cụ thể của nước ta.

Quá trình đổi mới ở Việt Nam không phân chia thành các giai đoạn - giai đoạn chuẩn bị lý luận về đổi mới và giai đoạn áp dụng lý luận đó vào thực tế, mà là quá

trình vừa khái quát lý luận từ thực tiễn đổi mới, vừa áp dụng lý luận ấy vào cuộc sống.

Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi lớn lao, hầu như tất cả các nước đều có sự điều chỉnh chính sách của mình. Những kinh nghiệm cải tổ, cải cách của các nước cũng là sự gợi mở cho Việt Nam trong sự tìm tòi con đường đổi mới. Vì vậy, tư duy lý luận đổi mới của nước ta được hình thành không chỉ từ việc đúc kết kinh nghiệm của bản thân nước ta, mà còn được đúc kết từ những kinh nghiệm thành công và không thành công của các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đổi mới ở Việt Nam là một quá trình kết hợp biện chứng giữa đổi mới tư duy lý luận và chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Trong quá trình đó, cái mới và cái cũ xen kẽ nhau; cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần và có nơi, có lúc còn chiếm ưu thế so với cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới dần dần được khẳng định và đưa tới thành công. Điểm nổi bật của công cuộc đổi mới ở nước ta là luôn luôn lấy sự ổn định chính trị – xã hội làm tiền đề, làm điều kiện tiên quyết cho sự nghiệp đổi mới phát triển và chính sự phát triển lại tạo ra sự ổn định mới. Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình đổi mới: Ổn định để phát triển và có phát triển mới có ổn định vững chắc hơn.

Văn kiện Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh: "Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn... Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy"¹. Để đổi mới tư duy, Đại hội VI của Đảng nêu rõ: "Tính bảo thủ, sức ỳ của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học, tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý, hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình được tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v. Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy"².

1. Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 132 – 133.

2. *Sđd*, tr 134.

Như vậy, đổi mới tư duy lý luận có vai trò rất quan trọng, nếu không nói là hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn đi sâu làm rõ những thành tựu của đổi mới tư duy lý luận ở nước ta. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chúng ta đã chuyển từ tư duy dựa trên mô hình kinh tế hiện vật với sự tuyệt đối hóa sở hữu nhà nước và tập thể, với sự phát triển vượt trước của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất... sang tư duy mới xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự thống nhất biện chứng với tính đa dạng của các hình thức sở hữu và tính đa dạng của các hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế làm hình thức phân phối chủ yếu, kết hợp với phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Đây là bước đổi mới tư duy căn bản mà ý nghĩa sâu xa của nó là tôn trọng quy luật khách quan về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà từng bước thiết lập quan hệ sản xuất tương ứng. Nhờ đó, mọi tiềm năng xã hội cũng như sức sản xuất được giải phóng. Nhân tố quan trọng bậc nhất của lực lượng sản xuất là nhân tố con người - người lao động làm chủ, được thúc đẩy bởi quy luật lợi ích, trong đó lợi ích cá nhân của người lao động là động lực trực tiếp và là cơ sở để thực hiện và phát triển lợi ích của tập thể và của toàn xã hội.

Bước đổi mới tư duy này có ý nghĩa cách mạng, bởi nó đặt đúng vị trí và tầm vóc của cái tất yếu kinh tế trong sự phát triển tới chủ nghĩa xã hội của các nước phải đi con đường phát triển "rút ngắn" theo loại hình quá độ gián tiếp mà lịch sử đã quy định.

Thứ hai, chúng ta đã chuyển từ tư duy quản lý dựa trên mô hình một nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa tuyệt đối, với cơ chế bao cấp và bình quân sang tư duy quản lý mới thích ứng với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của kế hoạch ở tầm vĩ mô, thông qua quản lý, kiểm soát bằng pháp luật của Nhà nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã dẫn tới sự tác động, thâm nhập lẫn nhau giữa các thành phần kinh tế, tạo thành sự đan xen các hình thức sở hữu, các phương thức tổ chức quản lý, các phương thức phân phối lợi ích phù hợp với quan hệ sản xuất mới có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Theo đó, con người với tư cách vừa là chủ thể sản xuất - kinh doanh, vừa là chủ thể tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa được đặt vào những cơ hội như nhau để phát triển,

được bộc lộ tài năng, được thử thách về trình độ, năng lực, tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động kinh tế. Cơ chế thị trường đòi hỏi sự thừa nhận cạnh tranh, dẫn tới sự chênh lệch thu nhập, sự phân hóa giàu - nghèo. Đây là mặt trái của cơ chế thị trường. Vấn đề đặt ra là phải có chính sách đúng đắn để cho cơ chế thị trường không dẫn tới sự phân hóa giàu - nghèo vượt quá giới hạn cho phép, vi phạm mục tiêu công bằng xã hội là mục tiêu mà chúng ta phấn đấu trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây là một nét mới tiêu biểu cho tư duy kinh tế mới của Đảng ta.

Thứ ba, chúng ta đã tiến hành đổi mới tư duy về hệ thống chính trị - chuyển từ chế độ tập trung quan liêu với phương thức quản lý hành chính mệnh lệnh sang dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với tôn trọng pháp luật, pháp chế, kỷ cương xã hội, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Bước đổi mới tư duy này đã góp phần quan trọng vào việc tháo gỡ từng bước những lực cản đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội; sản sinh ra những nhân tố mới, động lực mới của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chính trị là vấn đề hết sức nhạy cảm. Bởi vậy, ngay từ đầu, khi đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta chủ trương phải giữ vững ổn định chính trị. Thực tiễn chứng minh chủ trương đó là hoàn toàn đúng đắn. Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Do đó, Đại hội IX của Đảng đề ra chủ trương xây dựng *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*. Chủ trương này là một thành tựu quan trọng của đổi mới tư duy lý luận về nhà nước ở nước ta, nhằm mục tiêu xây dựng Nhà nước ta thực sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đảng ta đã tiến hành bền bỉ cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, phát huy ảnh hưởng và uy tín của Đảng trong xã hội, thực hiện đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với mọi mặt của đời sống xã hội.

Thực tiễn đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta đã xác nhận tầm quan trọng của những nguyên tắc, biện pháp và bước đi mà Đảng ta đã hoạch định trong đường lối đổi mới nói chung và đổi mới tư duy lý luận nói riêng.

Thứ tư, đổi mới tư duy lý luận đã làm rõ hơn quan niệm về sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội ở một nước xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và điều kiện rất quan trọng nữa là từ chính những đặc điểm, điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước đó. Đây cũng chính là tính khách quan, là cơ sở thực tiễn quy định nhận thức và những tìm tòi, sáng tạo của chủ thể lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nó cũng đồng thời làm sáng tỏ một lần nữa quan điểm thực tiễn là tính thứ nhất (so với lý luận), là yếu tố chi phối sự hoạch định đường lối, chính sách. Phải phát huy tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo để tìm cách giải quyết phù hợp và có hiệu quả nhất những vấn đề do thực tiễn của nước mình đang đặt ra trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một tất yếu lịch sử của quá trình phát triển xã hội loài người, nên sớm muộn các dân tộc, các quốc gia trên thế giới sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội. Song, sẽ không có một mô hình duy nhất để giải quyết các vấn đề của chủ nghĩa xã hội giống hệt nhau ở mọi nước; cũng không có một hình mẫu duy nhất về chủ nghĩa xã hội được áp dụng cho tất cả các nước, mặc dù những nguyên tắc, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội – chỗ dựa của các Đảng Cộng sản - đều như nhau. Tất nhiên, không phải vì thế mà có thể chấp nhận lý luận "chủ nghĩa xã hội dân tộc". Đó là thứ lý luận của chủ trương khép kín, đóng kín sự phát triển xã hội chủ nghĩa trong phạm vi quốc gia dân tộc, tách khỏi sự giao lưu, hợp tác quốc tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa và giữa các nước xã hội chủ nghĩa với cộng đồng thế giới.

Vấn đề đặt ra là phải kết hợp dân tộc với quốc tế, truyền thống với hiện đại. Đó cũng là cơ sở của đường lối đối ngoại vừa hợp tác, vừa đấu tranh của nước ta. Nó mở ra khả năng để Việt Nam hội nhập vào thị trường kinh tế thế giới, vào đời sống chính trị quốc tế, vào sự giao lưu, hợp tác văn hóa. Tuy nhiên, để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta không chỉ phải khắc phục những ảnh hưởng của chủ nghĩa giáo điều, thứ chủ nghĩa tiếp nhận một cách máy móc và sao chép mô hình nước ngoài, mà còn phải đấu tranh chống lại âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ vững nguyên tắc, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược.

Thực tiễn 20 năm đổi mới của nước ta cho thấy, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa và quản lý xã hội thông qua hàng loạt những biện pháp thực tiễn, sáng tạo vừa phù hợp với đặc điểm trong nước, vừa thích ứng với xu thế của thời đại là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh, tích cực của sự nghiệp đổi mới của nước ta.

Thứ năm, đổi mới tư duy lý luận đã làm rõ những nhận thức mới về nhân tố con người – nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Khắc phục những hạn chế và khiếm khuyết của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội có liên quan đến vấn đề con người, tư duy lý luận mới đã làm sáng tỏ hơn tư tưởng nhân đạo, khoa học và cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề này. Trong khi phê phán và kiên quyết đấu tranh loại bỏ chủ nghĩa cá nhân, chúng ta thừa nhận và bảo vệ những lợi ích chính đáng của cá nhân, coi lợi ích cá nhân của người lao động là một trong những động lực

trực tiếp thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội, là cơ sở thực hiện lợi ích chung của tập thể và của toàn xã hội. Hơn nữa, lợi ích xã hội, lợi ích tập thể không phải là cái gì trừu tượng, mà là cái rất cụ thể, gắn bó thiết thực với lợi ích chính đáng của từng người trong tập thể và trong cộng đồng xã hội.

Theo tư duy lý luận mới, con người là nguồn lực của mọi nguồn lực, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của mọi chính sách kinh tế – xã hội. Sự phát triển của con người, thực chất là sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của nó. Do đó, đầu tư cho con người là đầu tư cho phát triển. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là đầu tư theo chiều sâu, đáp ứng đòi hỏi của phát triển và đón trước yêu cầu của phát triển trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*

* *

Bước vào thiên niên kỷ mới, thế giới có nhiều biến động phức tạp. Khoa học, công nghệ có những bước tiến kỳ diệu. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, bởi vậy nó chứa đựng những mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn.

Tình hình trên vừa tạo ra cơ hội, vừa tạo ra thách thức đối với công cuộc đổi mới ở nước ta. Không ít vấn đề của thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra mà tư duy lý luận mới chưa giải quyết một cách sáng tỏ, cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết. Chẳng hạn, các vấn đề về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế; về kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa; về biến động của các giai tầng xã hội trong điều kiện hiện nay; về phân hóa giàu – nghèo; về cơ chế phản biện và giám sát xã hội; về nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự; về tiêu chí nước Việt Nam công nghiệp theo hướng hiện đại; về dân chủ, văn hóa và phát huy nhân tố con người trong quá trình đổi mới; về quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong tình hình mới; và tổng quát là về thời đại, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, v.v..

Những vấn đề đó cần được tiếp tục nghiên cứu trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội. Đây là ba trụ cột quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

13. ĐỔI MỚI TƯ DUY CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG TRONG LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

PGS, TS. NGUYỄN TRỌNG PHÚC
Học viện CTTrQG Hồ Chí Minh

Toàn bộ tiến trình cách mạng nói chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội nói riêng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là sự nghiệp chính trị to lớn dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, toàn Đảng cùng toàn dân trải qua nhiều gian khổ, hy sinh và đã giành được thắng lợi vẻ vang, qua đó, có những cống hiến nổi bật cả về lý luận và thực tiễn. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự biến đổi cách mạng sâu sắc, triệt để, toàn diện với những khó khăn, thách thức mới và Đảng chưa có nhiều kinh nghiệm. Vì vậy, Đảng không ngừng khảo nghiệm thực tiễn, tự mình nâng cao trình độ nhận thức lý luận và khả năng tư duy sáng tạo, đề hoạch định đúng và tổ chức thành công đường lối cách mạng.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986) nhận thức rõ: "Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn"⁽¹⁾. Nhiều năm trước đó, nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông v.v... Đó là một trong những nguyên nhân làm cho đất nước phát triển chậm, thậm chí rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội ngay ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. Đại hội VI nêu rõ: "Muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh". Quan điểm của Đại hội VI là rất rõ ràng và có ý nghĩa chỉ đạo sâu sắc. "Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 125.

đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy"⁽¹⁾.

Đường lối đổi mới là sản phẩm của đổi mới tư duy, của sự khảo nghiệm từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều năm trước đó, là sự kế thừa và phát triển đường lối đã hình thành qua các thời kỳ và tổng kết thực tiễn một cách nghiêm khắc, sáng tạo. Vì thế, có thể khẳng định, đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng khởi xướng và sau này được các Đại hội Đảng, và Hội nghị Trung ương tiếp theo bổ sung, phát triển, là sự thể hiện tư duy chính trị không ngừng đổi mới.

Trong quá trình đổi mới, từ thực tế nền kinh tế nước ta ở điểm xuất phát thấp kém, lạc hậu, lại lâm vào khủng hoảng từ cuối thập niên bảy mươi, Đảng ta chủ trương lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, tạo ra bước phát triển có tính bứt phá để sớm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Sự đổi mới chính sách kinh tế được thực hiện một cách sâu rộng, nhất quán, từ cơ cấu kinh tế đến cơ chế quản lý, từ sự tạo ra bước phát triển nhảy vọt trong nông nghiệp với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (ngày 5-4-1988), đến sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; từ phát huy tối đa nội lực trên cơ sở giải phóng triệt để sức sản xuất đến mở rộng hợp tác tranh thủ thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; từ xóa đói giảm nghèo một cách thiết thực, vững chắc đến đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, xây dựng kinh tế tri thức. Với đường lối, chính sách đúng đắn đó, Đảng, Nhà nước ta đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội từ 1996 và đạt thành tựu to lớn về kinh tế qua 20 năm đổi mới.

Sẽ không thể có thành tựu to lớn về kinh tế nếu không bắt đầu từ đổi mới tư duy chính trị, hình thành và phát triển không ngừng đường lối đổi mới, khởi đầu từ Đại hội VI đến *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII (6-1991), được phát triển, hoàn chỉnh tại Đại hội VIII (6-1996) và Đại hội IX (4-2001). Nhìn một cách hệ thống và thấu đáo sự phát triển đường lối đổi mới suốt 20 năm qua, mới có thể thấy rõ tư duy chính trị sáng suốt của Đảng. Và có thể khẳng định rõ ràng rằng, xây dựng Đảng về chính trị, bảo đảm tính đúng đắn, khoa học, hiện thực của đường lối, là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Ý nghĩa của việc xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt chính là ở đó.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 125.

Cố nhiên, chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế. Song chính trị có vị trí của nó và có tác động to lớn tới kinh tế. V.I. Lê-nin đã từng chỉ ra rằng, không có một lập trường chính trị đúng, thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể giữ được sự thống trị của mình và do đó cũng không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất. Thấu triệt sâu sắc và xử lý thành công mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế trong công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. "Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác"⁽¹⁾.

Chính trị trong điều kiện Đảng Cộng sản cầm quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết là bảo đảm và nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đổi mới tư duy chính trị không chỉ nhận thức rõ hơn, đúng đắn hơn mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mà còn từ hiện thực khách quan, từ thực tiễn làm rõ hơn những vấn đề lý luận về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về vai trò, chức năng quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Tư duy chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới là hệ thống những quan điểm lý luận về giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng và phát huy vai trò, sức mạnh của hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Đảng và Nhà nước, và về vai trò làm chủ của nhân dân. Về chính trị, ngay từ đầu Đảng đã xác định là đổi mới có nguyên tắc.

Hội nghị Trung ương 6, khóa VI (3-1989), đã đề ra sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới. Những nguyên tắc đó có giá trị chỉ đạo đúng đắn cho toàn bộ sự nghiệp đổi mới từ đó đến nay. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu, là mục tiêu lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Vì vậy, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đó là nguyên tắc hàng đầu của sự nghiệp đổi mới của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam.

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 71.

Kiên định mục tiêu có tính nguyên tắc đó, nên mặc dù nền kinh tế chuyển dần sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, song Đảng ta không bao giờ xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được nhận thức ngày càng rõ hơn về các chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ. Đại hội VIII của Đảng khẳng định nước ta đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, cho phép chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2020. Đại hội đã khái quát rõ hơn về mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng với 6 đặc trưng mà Cương lĩnh Đại hội VII đã đề ra. Đại hội X của Đảng tổng kết 20 năm đổi mới đã khẳng định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Đại hội cũng đã chỉ ra rõ hơn về nội dung và khả năng bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội, về cách thức, giải pháp để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển nhận thức trên đây của Đảng là kết quả từ sự tổng kết quá trình đổi mới và là sản phẩm của tư duy chính trị mới.

Cần phải nhấn mạnh rằng, từ khi bắt đầu và trong suốt quá trình đổi mới, Đảng đặc biệt chú trọng tăng cường củng cố sự ổn định chính trị - xã hội, xây dựng và tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị. Từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (3-1989) khóa VI, Đảng chính thức dùng khái niệm hệ thống chính trị và nhấn mạnh: *làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu quả hơn.* Cương lĩnh (năm 1991) đã trình bày toàn diện về *hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng*. Cương lĩnh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng

lực, phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Cương lĩnh cũng xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền đó. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Nhằm đổi mới mạnh mẽ hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý, vận hành thông suốt của toàn bộ sự nghiệp đổi mới, Đảng không ngừng hoàn thiện tư duy về chính trị, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Về xây dựng Nhà nước, Hội nghị Trung ương 2, khóa VII chủ trương cải cách, đổi mới một bước tổ chức bộ máy nhà nước nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) khóa VII, chủ trương xây dựng *Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*. Hội nghị Trung ương 8, khóa VII, Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII, Đại hội IX của Đảng đã phát triển hoàn chỉnh quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: *Phát huy dân chủ, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*. Quan điểm cơ bản thống nhất và xuyên suốt của Đảng là: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp, định rõ cơ chế, cách thức bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội. Trong suốt 20 năm đổi mới, Quốc hội đã tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đây mạnh công cuộc cải cách hành chính cả về chức năng, nhiệm vụ, phương thức quản lý điều hành, hệ thống tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ công chức. Cải cách nền tư pháp, bộ máy và hoạt động tư pháp. Hoạt động thực tiễn đó của Nhà nước có vai trò to lớn trong công cuộc đổi mới đồng thời cũng phản ánh tư duy mới của Đảng về vai trò, hoạt động của Nhà nước.

Về xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đã được đề ra căn bản trong Cương lĩnh (1991), tiếp tục được nêu rõ trong Nghị quyết

07/NQTW của Bộ Chính trị, khóa VII, các Đại hội VIII và IX của Đảng. Từ hoạt động thực tiễn, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã góp phần quan trọng củng cố sức mạnh của hệ thống chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; phát triển và củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ thực tiễn của 20 năm đổi mới, Đại hội X của Đảng nhấn mạnh yêu cầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

Về xây dựng Đảng và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng. Đại hội VI của Đảng đã tổng kết các bài học lấy dân làm gốc, xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. "Phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa"⁽¹⁾. Cương lĩnh (1991) của Đảng khẳng định một bài học lớn là: *Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Cương lĩnh nhấn mạnh, Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị, năng lực tổ chức của mình để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra.

Quan điểm đúng đắn về Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới phải trên những quan điểm căn bản đó. Hội nghị Trung ương 3, khóa VII, Hội nghị Trung ương sáu (lần 2), khóa VIII, đã phát triển và cụ thể hóa những nội dung, yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng phù hợp với diễn biến và phát triển của công cuộc đổi mới. Từ Cương lĩnh (1991), Đảng đã nhận thức sự cần thiết, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Đảng.

Đại hội IX của Đảng nêu rõ yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đại hội chỉ ra rằng, những thành tựu, yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Đại hội X của Đảng chủ trương tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình mới là đòi hỏi có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta và chế độ ta. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với toàn

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 31.

bộ công cuộc đổi mới đã được thực tế khẳng định, được nhân dân thừa nhận, được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Thực tế đó không thể lực thù địch nào có thể phủ nhận hoặc xuyên tạc được.

Cùng với những thành tựu về xây dựng Đảng và những thành công của quá trình đổi mới, Đảng ta luôn luôn tự phê bình về những khuyết điểm, yếu kém trong lãnh đạo quản lý đất nước, xã hội. Tại Đại hội X, Đảng đã thẳng thắn thừa nhận cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, thực dụng, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra rất nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở. Công tác tư tưởng còn thiếu tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thiếu kiên quyết. Công tác tổ chức cán bộ trên một số mặt còn yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao. Những khuyết điểm đó chủ yếu và trước hết là do tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm được đổi mới. Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng đề ra chưa tốt. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; vừa thiếu tính tiên phong gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Đây là sự tự phê bình thẳng thắn, có trách nhiệm. Bản lĩnh chính trị của một Đảng lãnh đạo là thẳng thắn thừa nhận khuyết điểm, tìm rõ nguyên nhân của khuyết điểm để đề ra giải pháp sửa chữa có hiệu quả. Đó là biểu hiện của một Đảng chân chính cách mạng, chắc chắn và tiến bộ, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đòi hỏi. Thái độ đúng đắn, xây dựng phải là đánh giá đúng những ưu điểm để tiếp tục phát huy tốt hơn và nhận rõ những sai lầm, khuyết điểm để quyết tâm sửa chữa. Đảng ta luôn luôn hoan nghênh, trân trọng những ý kiến đóng góp và phê bình của nhân dân. Đợt lấy ý kiến toàn dân đóng góp vào dự thảo văn kiện trình Đại hội X của Đảng từ 3-2 đến 3-3-2006 đã có hàng vạn ý kiến đầy tâm huyết và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng, chế độ và đất nước. Nhưng cũng có một số người, lợi dụng sự phê bình, góp ý để đả kích sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận thành quả cách mạng và đổi mới, thậm chí hằn học, xuyên tạc lịch sử một cách trắng trợn, đòi Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ vai trò lãnh đạo, từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa... và đã bị chính công luận và nhân dân ta bác bỏ. Những thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX và thắng lợi của công cuộc đổi mới đang diễn ra trên đất

nước ta hiện nay minh chứng tính khoa học, cách mạng và hiện thực của con đường đó.

Trong lịch sử, Đảng không bao giờ thỏa mãn với những gì đã làm được, mà luôn luôn đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn. Những thành tựu đổi mới 20 năm qua là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Song, chặng đường sắp tới còn nhiều khó khăn, thách thức lớn. Làm sao đưa nước ta ra khỏi tình trạng một nước kém phát triển trước năm 2010, để trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Điều đó đòi hỏi nỗ lực của toàn dân tộc, nhưng trước hết là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng hiện nay, đòi hỏi phải nâng cao trình độ trí tuệ, tư duy và trình độ lý luận của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chú trọng tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận làm cơ sở để bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối gắn liền với nâng cao bản lĩnh chính trị, vững vàng vượt qua mọi khó khăn thách thức. Tăng cường sức mạnh tổ chức và kỷ luật của Đảng, nâng cao chất lượng hệ thống tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; thường xuyên sàng lọc đảng viên, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách. Phát huy tốt hơn nữa những giá trị truyền thống vẻ vang của Đảng, như truyền thống độc lập, tự chủ, sáng tạo; truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng; truyền thống kiên cường bất khuất của đảng viên cộng sản, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên; truyền thống gắn bó mật thiết với nhân dân và dân tộc, truyền thống chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Thành công của Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam mở ra một thời kỳ phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

14. KIẾN ĐỊNH VÀ VẬN DỤNG SÁNG TẠO CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

PGS, TS. ĐÀO DUY QUÁT
Phó Trưởng Ban Tư tưởng -
Văn hóa Trung ương

Một trong những bài học lớn Đảng ta đã rút ra từ thực tiễn 76 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam và 20 năm lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng XHCN đó là: Trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong điều kiện hiện nay khi chế độ XHCN bị tan rã ở Liên Xô và Đông Âu, khi các thế lực thù địch đang điên cuồng tấn công phủ định Chủ nghĩa Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, vì sao Đảng ta tiếp tục khẳng định phải kiên định và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đến Đại hội VII (1991), tư duy lý luận của Đảng ta đã có bước phát triển quan trọng, khi trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Đảng ta khẳng định: Chủ nghĩa Mác- Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Những căn cứ chủ yếu của sự khẳng định này là gì?

1- Xin được bắt đầu từ luận điểm nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Muốn có cách mạng phải có Đảng cách mạng. Đảng có vững, cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt. Trong Đảng ai cũng phải hiểu, phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có kim chỉ nam. Trong thời đại hiện nay chủ nghĩa nhiều, học thuyết lắm nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất là Chủ nghĩa Mác- Lênin.

Không phải ngẫu nhiên, ngay sau sự kiện CNXH ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ, tại cuộc Hội thảo khoa học về Mác tại Pari, các nhà tư tưởng lớn của thế giới vẫn khẳng định: Tư tưởng của Mác đã làm nên lịch sử thế kỷ 20, Tư tưởng của Mác vẫn

là tư tưởng của thế kỷ 21, nhân loại không có tương lai nếu không có tư tưởng của Mác.

Thực tiễn lịch sử trên 150 năm qua đã khẳng định Chủ nghĩa Mác - Lê nin là đỉnh cao trí tuệ của nhân loại. Chủ nghĩa Mác-Lênin đã cung cấp cho chúng ta một thế giới quan khoa học và cách mạng. Với thế giới quan khoa học và cách mạng này chúng ta đã khám phá ra những quy luật phổ biến về sự vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy con người; quan hệ và vị trí của con người trong thế giới đó. Chủ nghĩa Mác-Lênin là học thuyết duy nhất từ trước đến nay đã nêu rõ mục tiêu, chỉ rõ lực lượng, điều kiện và phương thức đấu tranh giải phóng triệt để giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc thoát khỏi mọi sự tha hóa, có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc và có điều kiện phát triển toàn diện, thực hiện được vai trò làm chủ tự nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của bản thân mình. Chỉ có trong Chủ nghĩa Mác-Lênin mới có sự thống nhất cao độ giữa lý tưởng chính trị cao cả với lý tưởng đạo đức, nhân văn và nhân đạo chân chính cùng khả năng thực hiện lý tưởng đó.

2- Trên 150 năm qua, lý tưởng của Chủ nghĩa Mác-Lênin đã thức tỉnh và lôi cuốn hàng triệu triệu người trên thế giới vào cuộc đấu tranh giải phóng triệt để giai cấp, xã hội và con người. Thắng lợi vĩ đại của Cách mạng tháng 10 Nga đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử nhân loại: thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Sự tồn tại và phát triển của Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong 70 năm của thế kỷ 20 đã có những cống hiến vĩ đại cho nhân loại. Đó là: giải phóng hơn 1 tỷ người thoát khỏi áp bức bóc lột bất công có cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc, đánh bại chủ nghĩa phát xít cứu nhân loại thoát khỏi bọn diệt chủng và đối mặt với những ưu việt của CNXH hiện thực, buộc chủ nghĩa tư bản phải có những điều chỉnh. Nếu một số quyền dân sinh, dân chủ nào đó có được ở các nước tư bản cũng chính là đóng góp của CNXH hiện thực.

Sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu không phải do Chủ nghĩa Mác - Lênin lỗi thời. Trên thế giới ngày nay có hàng chục vạn ngôi chùa, vậy vài ngàn ngôi chùa đổ đâu phải bởi tại Kinh hồng mà thực chất do đám sư phá giới ở đó đã đập phá chùa.

Nói cách khác nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô, Đông Âu chính là do những người cầm đầu các Đảng này đã đi theo con đường phản bội chủ nghĩa Mác - Lê nin, họ thực hiện chủ nghĩa cơ hội, giáo điều, bảo thủ và bị sự tấn công điên

cuồng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế thông qua chiến lược diễn biến hoà bình và bạo loạn lật đổ rất thâm độc và nguy hiểm.

Ngày nay trước sự thăng trầm của lịch sử hơn 100 năm qua, những người cộng sản chân chính, những nhà khoa học trung thực, những lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới vẫn khẳng định những giá trị bền vững của những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, vẫn coi Chủ nghĩa Mác - Lê nin là ngọn cờ tư tưởng của thế kỷ 21 và là tương lai của nhân loại.

3- Vai trò quan trọng đặc biệt của Chủ nghĩa Mác – Lênin đối với cách mạng Việt Nam.

Năm 1858 khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược và đặt ách nô dịch lên đất nước ta. Phát huy truyền thống quật cường dân tộc từ 1858 đến đầu những năm 30 của thế kỷ 20, các tầng lớp nhân dân liên tiếp vùng dậy đấu tranh chống Pháp cứu nước. Tất cả các phong trào cứu nước từ Cần Vương đến hàng trăm các cuộc khởi nghĩa, rồi phong trào Duy Tân, Đông Du... đều tràn đầy lòng yêu nước, đức hy sinh cao thượng, nhưng tất cả đều thất bại. Cách mạng Việt Nam thời kỳ này chìm trong cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước.

Năm 1911, Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, với lòng yêu nước nồng nàn, với thiên tài trí tuệ, thông qua khảo sát cuộc đấu tranh của nhiều dân tộc và nhất là trực tiếp thông qua hoạt động của nhiều tổ chức cách mạng quốc tế đã dẫn đến cuộc gặp gỡ kỳ diệu - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh gặp Lênin qua tác phẩm của Người: *Lược cương về vấn đề các dân tộc và thuộc địa*. Sau cuộc gặp gỡ kỳ diệu này, Bác Hồ đã tiếp nhận được bản chất cách mạng và khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Từ đây Bác đã tìm ra con đường duy nhất đúng đắn để cứu nước, cứu dân. Quá trình tiếp thu và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin để lãnh đạo cách mạng Việt Nam là quá trình chủ yếu, nguồn gốc chủ yếu hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh - đó là hệ thống các quan điểm chính trị sâu sắc, toàn diện về cách mạng Việt Nam.

Dưới ánh sáng soi đường của Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Cách mạng Việt Nam đã liên tiếp giành được những thắng lợi vĩ đại. Cách mạng tháng 8 thành công, tiến hành thắng lợi 2 cuộc kháng chiến vĩ đại đánh thắng 2 đế quốc to, giải phóng miền Nam thống nhất tổ quốc, đưa cả nước vào kỷ nguyên xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành thắng lợi sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 76 năm qua đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Bác Hồ và của Đảng ta. 76 năm qua, Bác Hồ và Đảng ta đã kiên định và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngày nay đất nước ta đã bước vào thời kỳ mới với những nhiệm vụ lịch sử nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, tiến hành đồng bộ sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa nước ta sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển và đến năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chỉ có kiên định và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh mới đảm bảo cho Đảng ta có lập trường vững chắc, có phương pháp cách mạng và khoa học để xử lý đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh, đưa ra đường lối, chiến lược và chính sách đúng đắn để lãnh đạo nhân dân ta nắm lấy thời cơ, vận hội, vượt qua thách thức tiến tới thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị lịch sử trong thời kỳ mới.

4. Trong điều kiện hiện nay, chỉ có kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh mới góp phần củng cố vững chắc sự thống nhất ý chí trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, mới có cơ sở và điều kiện chính trị vững chắc để đẩy lùi nguy cơ suy thoái về chính trị tư tưởng trong một bộ phận cán bộ đảng viên hiện nay.

5. Cần phải làm gì để kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Trước hết, phải thực hiện nghiêm túc có hiệu quả lời dạy của Bác: Ai cũng phải hiểu và làm theo Chủ nghĩa Mác-Lênin. Muốn mọi cán bộ đảng viên phải hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi phải tăng cường và đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị trong các trường chính trị, trong các trường đại học và cao đẳng cũng như đổi mới giáo dục công dân trong các trường phổ thông.

Trên cơ sở bộ giáo trình chuẩn (Triết học Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng) để biên soạn các bộ giáo trình phù hợp với từng đối tượng. Phải đổi mới và tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, đảm bảo đội ngũ này thực sự kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững bản chất cách mạng, khoa học, hiểu sâu sắc phương pháp luận Mác-Lênin, nắm vững sự vận dụng sáng tạo của Bác Hồ và Đảng ta vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, có tâm huyết, có nghệ thuật truyền đạt, giảng dạy Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh thực sự có hiệu quả.

Phải có quy định chặt chẽ tiêu chuẩn đảng viên, cán bộ các cấp về việc học tập Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải chỉ đạo để các phương tiện thông tin đại chúng có nhiều hình thức truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn xã hội.

- Cần xác định rõ tiêu chí của việc kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cán bộ, đảng viên đó là phải hiểu và nắm vững bản chất cách mạng, khoa học và nhân văn của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện tập trung ở những vấn đề cơ bản sau:

- Nhận thức rõ mục tiêu lý tưởng, con đường, lực lượng cách mạng, phương pháp cách mạng để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người.

- Nắm vững cả ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin là triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị học Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học và quan trọng nhất là thấu triệt phép biện chứng duy vật mà từ bản chất của nó là “có tính phê phán và cách mạng”. Phép biện chứng duy vật là linh hồn sống của Chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, là hạt nhân thế giới quan khoa học và cách mạng để từ đó có phương pháp đúng đắn khi xem xét giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Mỗi sự vật, hiện tượng phải được xem xét theo quan điểm toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển.

- Phải nắm chắc chủ nghĩa duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác-Lênin mà cốt lõi là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, đó là cơ sở khoa học để củng cố niềm tin vào quy luật diệt vong của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội. Từ đó kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Phải nắm chắc học thuyết kinh tế của Mác mà hạt nhân là học thuyết giá trị thặng dư để không mơ hồ, bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản dù hiện nay được biểu hiện tinh vi hơn và có vẻ “văn minh” hơn.

- Phải nắm chắc học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Không được mơ hồ dao động trước những quan điểm lý luận nhằm công kích bác bỏ vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản. Đồng thời tôn trọng và đề cao vai trò của trí thức nhưng không làm lẫn vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

- Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin là phải thấu hiểu khả năng tinh thần tự phê phán và tự điều chỉnh, bổ sung để phát triển. Do đó kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi phải gắn chặt với các điều kiện lịch sử mới để vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Nắm vững và kiên định Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi phải nắm vững và kiên định hệ thống nguyên lý lý luận cơ bản còn nguyên giá trị và phương pháp luận Mác-xít. Đây chính là sự thống nhất biện chứng giữa thế giới

quan và phương pháp luận Mác-Lênin. Không được phép coi Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ còn là phương pháp còn nguyên lý là lỗi thời.

- Khẳng định Tư tưởng Hồ Chí Minh phải nắm vững và kiên định cả ba nguồn gốc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là Chủ nghĩa Mác-Lênin, truyền thống tư tưởng tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa thế giới. Thấu triệt Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ nắm vững các tác phẩm của Người mà phải hiểu sâu sắc cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi, phong phú của Người.

- Nắm vững Tư tưởng Hồ Chí Minh phải nắm vững những nội dung cơ bản trong tư tưởng của Người, đó là tư tưởng của Người về mục tiêu lý tưởng của cách mạng Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong thời đại mới: Độc lập cho dân tộc, ấm no hạnh phúc cho nhân dân. Đó là con đường thực hiện mục tiêu lý tưởng: con đường độc lập dân tộc gắn chặt với chủ nghĩa xã hội. Đó là hệ thống các quan điểm Tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng Cách mạng như: Tư tưởng của Người về Đảng và xây dựng Đảng; về Nhà nước và xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, về Mặt trận dân tộc thống nhất và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Về lực lượng vũ trang nhân dân, về xây dựng tổ chức công đoàn, nông hội, phụ nữ, thanh niên, Tư tưởng của Người về phương pháp cách mạng và Tư tưởng của Người về đạo đức cách mạng.

Kiên định và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh đòi hỏi mọi cán bộ, đảng viên và nhân dân ta phải mài sắc cảnh giác cách mạng, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, xét lại, đấu tranh, bác bỏ mọi luận điệu của các thế lực thù địch trong chiến lược diễn biến hòa bình, bảo vệ nền tảng tư tưởng, bảo vệ cương lĩnh, đường lối, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa và Tổ quốc Việt Nam.

KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRÊN NỀN TẢNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI

LÊ HỮU NGHĨA

1. Trong 20 năm đổi mới, nhờ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và sự giúp đỡ, hợp tác của cộng đồng quốc tế, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó do nhiều nguyên nhân, trong đó một nguyên nhân quan trọng là Đảng luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới, coi đó là bài học đầu tiên, là nguyên tắc bất biến của sự nghiệp đổi mới.

Ngay từ khi mới ra đời, trong Cương lĩnh đầu tiên của mình, Đảng ta đã khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và trong suốt hơn 76 năm qua Đảng luôn kiên trì mục tiêu đó. Kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam. Đường lối đó không chỉ phù hợp trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ trước đây khi nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu, mà còn là đường lối chỉ đạo trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa khi nhiệm vụ đổi mới và kiến quốc nổi lên hàng đầu. Độc lập dân tộc là tiền đề, điều kiện của chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu, là điều kiện để củng cố và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định rằng "cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"⁽¹⁾, "có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"⁽²⁾.

Từ thực tiễn cách mạng thế giới và từ kinh nghiệm của bản thân cách mạng Việt

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.12, tr. 305.

2. Hồ Chí Minh: Sđd, t. 9, tr. 173.

Nam, Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng: chỉ có con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới được độc lập, tự do, nhân dân ta mới trở thành người làm chủ, tự quyết định con đường phát triển của mình. Trong bối cảnh thế giới phức tạp của những năm 80, 90 của thế kỷ XX, khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô bị sụp đổ, Đảng ta vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Vì đó là con đường hợp quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam để có được một nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đối với Đảng ta, đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức và xây dựng có hiệu quả hơn; đổi mới không phải là đổi màu; đổi mới có nguyên tắc mà nguyên tắc hàng đầu là bảo đảm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đất nước. Nếu Đảng ta không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa thì không thể có công cuộc đổi mới vừa giữ vững những thành quả cách mạng và mục tiêu cách mạng, vừa kiên quyết, dũng cảm từ bỏ những phương pháp và mô hình sai lầm, sáng tạo phương pháp và mô hình mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội có hiệu quả hơn. Sự nghiệp đổi mới không chỉ đem lại thành tựu mới mà còn đem lại phương pháp mới, cách làm mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Việc kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Đảng ta không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn phải có trí tuệ, dám đổi mới và biết đổi mới. Đây không phải là một công việc giản đơn, dễ dàng, có sẵn đáp án. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn, gian khổ bởi điểm xuất phát của nước ta rất thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, luôn bị các thế lực thù địch phá hoại. Đặc biệt sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, lại diễn ra trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào khủng hoảng và thoái trào nên lại càng khó khăn. Đây là quá trình vừa làm, vừa học, vừa làm, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm, khái quát thành lý luận trên cơ sở lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn của chân lý. Chính trong quá trình đó, Đảng ta từng bước hình thành những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội ngày càng phù hợp hơn, từng bước khắc phục những quan niệm giáo điều, đơn giản, ấu trĩ về chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm đổi mới, thể hiện tập trung nhận thức mới của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội là trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII của Đảng (năm 1991) thông qua. Cương lĩnh đó đã khái quát những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những đặc trưng đó vừa thể hiện tính phổ biến theo học thuyết Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện tính đặc thù dân tộc, có tính đến những đặc điểm của thời đại. Từ đó đến nay, qua tổng kết 20 năm đổi mới, Đảng ta đã có sự bổ sung, phát triển một số điểm trong nhận thức về mục tiêu,

bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội nước ta và chắc chắn chúng ta sẽ phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển hơn nữa nhận thức đó. Điều đó cũng là đương nhiên, phản ánh quá trình phát triển của thực tiễn và nhận thức.

Để có đường lối đổi mới đúng đắn, Đảng phải nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình thực tế, đề hoạch định và hoàn thiện đường lối đổi mới.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Qua nghiên cứu lý luận và trải nghiệm thực tiễn ở nhiều nước trên thế giới, Hồ Chí Minh rút ra kết luận rằng ngày nay học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Từ chỗ coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là "cái cốt của Đảng", "cái gốc của Đảng", đến Đại hội III (năm 1960), Đảng khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Đặc biệt, đến Đại hội VII (năm 1991) Đảng ta khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Việc chính thức đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền tảng tư tưởng của Đảng đánh dấu một bước tiến mới, một bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng ta.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã có sự nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đối với thực chất những tư tưởng của các nhà kinh điển mác-xít trên nhiều vấn đề quan trọng. Đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta ngày càng xác định rõ những luận điểm gì trước đây đúng, bây giờ vẫn đúng và lâu dài về sau vẫn đúng; những luận điểm gì trước đây đúng nhưng bây giờ không còn phù hợp do thực tiễn đã thay đổi; những luận điểm gì vốn trước đây đã không phù hợp; những luận điểm gì vốn đúng nhưng bị nhận thức sai, làm sai; những luận điểm gì mới cần được bổ sung vào lý luận qua tổng kết thực tiễn mới. Với tinh thần ấy, trong những năm đổi mới, Đảng ta đã bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên một loạt các vấn đề như vấn đề mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất, vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, v.v.. Nhờ đó, tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu sắc hơn, đồng thời có sự vận dụng, phát triển phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam, khắc phục bệnh giáo điều, bệnh chủ quan duy ý chí trong nhận thức và hành động.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta cũng ngày càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc

hơn vai trò, vị trí và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong nền tảng tư tưởng của Đảng ta, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một thể thống nhất, có mối liên hệ nội tại cả về lịch sử và lô-gíc.

Thực tiễn cách mạng nước ta từ khi có Đảng nhất là trong 20 năm đổi mới đã khẳng định, chứng minh giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thắng lợi của công cuộc đổi mới cũng là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Trung thành và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là những điều kiện bảo đảm cho thắng lợi sắp tới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới vô cùng phức tạp của tình hình thế giới.

2. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta đã kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực phản động và cơ hội chính trị, phê phán bệnh bảo thủ, giáo điều và những sai lầm tả khuynh và hữu khuynh. Gần đây, lợi dụng việc góp ý kiến dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng, một số ý kiến cực đoan với động cơ xấu đòi xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, đòi "đa nguyên, đa Đảng"... Một số ý kiến cố tình khai thác, khoét sâu vào những yếu kém, khuyết điểm của chúng ta để xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ Đảng và Nhà nước ta. Họ cố tình quy kết một cách sai trái những yếu kém, khuyết điểm đó là do chủ nghĩa Mác - Lê-nin, do Đảng Cộng sản, do định hướng xã hội chủ nghĩa gây ra.

Những ý kiến bác bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa thường cho rằng "đi vào chủ nghĩa xã hội là đi vào vết xe đổ của Liên Xô"; "đi lên chủ nghĩa xã hội là không tương, viển vông"; "chỉ có kinh tế thị trường chứ làm gì có kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"; "định hướng xã hội chủ nghĩa là cái gì đó còn mù mờ". Những ý kiến này thường đem đối lập "định hướng xã hội chủ nghĩa" với "đổi mới", với "phát triển", cho rằng giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là cản trở sự phát triển, làm cho đất nước ta "lạc điệu trong tiến trình phát triển của thế giới" v.v. và v.v...

Thực tiễn lịch sử Việt Nam trong hơn một thế kỷ qua đã cho thấy rằng con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu khách quan của dân tộc, là chân lý lớn, là động lực xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn của Đảng, Bác Hồ và cũng chính là sự lựa chọn của nhân dân, của lịch sử. Sự ra đời của Đảng ta năm 1930, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, thắng lợi của

cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975, thắng lợi của công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay là những mốc son chói lọi trên con đường đó, của sự lựa chọn lịch sử dân tộc.

Trong những năm đổi mới nhờ kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nên công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà thế giới phải khâm phục. Chúng ta vừa giữ vững ổn định chính trị – xã hội, vừa phát triển kinh tế – xã hội với tốc độ tương đối nhanh so với khu vực và thế giới; vừa giữ vững nền độc lập dân tộc vừa chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác, giao lưu quốc tế. Ngày nay Việt Nam đã là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Như vậy, không phải định hướng xã hội chủ nghĩa cản trở cho đổi mới, cho phát triển mà trái lại nó đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, đòi hỏi phát triển nhanh và bền vững hơn. Nhưng sự phát triển đó phải nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phát triển vì con người, hướng về con người - mục tiêu cao nhất của phát triển.

Còn có ý kiến nói rằng "định hướng xã hội chủ nghĩa là mù mờ", là không khách quan, cố tình nhắm mắt trước thực tế. So với cách đây 20 năm, nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã rõ hơn nhiều, ngày càng sáng tỏ hơn (tất nhiên, bên cạnh những điểm đã rõ, vẫn còn những điểm chưa rõ mà chúng ta phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nữa). Ngày nay, nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tức là hướng đến xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh", do nhân dân làm chủ; giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, thực hiện phát triển nhanh và bền vững; phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Định hướng xã hội chủ nghĩa cũng đòi hỏi phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xem văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hoàn thiện chế độ phân phối theo hướng lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là thực hiện chủ nghĩa bình quân mà phải khuyến khích làm giàu chính đáng đi đôi với đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, tạo bình

đảng về cơ hội phát triển cho mọi người, tạo điều kiện cho người nghèo nâng cao cuộc sống của mình, không chấp nhận làm giàu phi pháp, bất chính bằng tham nhũng, tiêu cực..., không chế phân hóa 2 đầu, coi trọng các chính sách xã hội, an sinh xã hội v.v..

Toàn bộ những thành tựu qua 20 năm đổi mới đất nước không thể có được và không thể giữ được nếu không có sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền nhà nước của nhân dân là tiền đề chính trị, là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì hiểu rõ điều đó nên các thế lực đế quốc, phản động và cơ hội chính trị luôn tập trung tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Việc chúng tuyên truyền quan điểm "đa nguyên, đa Đảng" chính là sự chuẩn bị về tư tưởng hòng nhằm thay đổi chế độ chính trị, xóa bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa theo "kịch bản" mà các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mong muốn. Bài học về "đa nguyên, đa Đảng" dẫn đến sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu vẫn còn nóng hổi, nhắc nhở chúng ta luôn cảnh giác.

Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng cần đẩy mạnh đổi mới và chỉnh đốn Đảng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, nâng cao tầm trí tuệ, bản lĩnh và sức chiến đấu của Đảng, kiên định và bảo vệ, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phản động muốn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin với lập luận cho rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là "ngoại lai", "ngoại nhập", "xa lạ với Việt Nam", đã lỗi thời vì chỉ thích hợp với nền văn minh cơ khí ở thế kỷ XIX chứ không thích hợp với nền văn minh tin học, với kinh tế tri thức trong thế kỷ XXI v.v..

Đồng thời phải kiên quyết khắc phục bệnh giáo điều (cả giáo điều cũ và giáo điều mới), nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp dạy và học chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh một cách thiết thực, hiệu quả, gắn với thực tiễn.

Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi Đảng ta phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giải đáp được những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra, tiếp tục làm sáng tỏ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta trong bối cảnh mới của thời đại ngày nay.

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: ĐỔI MỚI BẮT ĐẦU TỪ ĐÂU?

HÀ ĐĂNG

Câu hỏi đặt ra dường như rất đơn giản nhưng để trả lời lại không dễ chút nào. Hỏi đổi mới bắt đầu từ đâu là xem xét dưới góc độ nào? Thời gian đổi mới? Hành động và tư tưởng đổi mới? Cấp đổi mới? Hay lĩnh vực đổi mới?

Xét về thời gian, có người nói đổi mới bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng (1986). Cũng có người nói, đổi mới có từ trước đó, từ Hội nghị lần thứ 6 của Trung ương khóa IV (năm 1979). Lại có người đi xa hơn, rằng trong nông nghiệp đã có sự đổi mới từ chủ trương khoán hộ của Vĩnh Phúc ngay từ hồi còn chiến tranh.

Xét về hành động và tư tưởng đổi mới, có người cho rằng đổi mới bắt đầu từ việc làm, sau đó mới có đổi mới về tư tưởng, nói một cách khác: thực tế đổi mới có trước, lý luận đổi mới có sau. Liên quan đến cấp đổi mới, có ý kiến cho rằng, đổi mới bắt đầu từ nhân dân, cũng có nghĩa là từ cơ sở, sau đó mới có đổi mới ở cấp trên, cấp trên thừa nhận thực tiễn đổi mới ở cấp dưới, từ đó đã ra chủ trương đổi mới của chính mình. Về lĩnh vực đổi mới, có ý kiến cho rằng đổi mới bắt đầu từ kinh tế rồi mới đến chính trị và các lĩnh vực khác, lại có ý kiến ngược lại rằng đổi mới bắt đầu từ chính trị, cụ thể là việc đổi mới tư duy, nếu không có đổi mới tư duy mà trước hết là tư duy kinh tế thì cũng sẽ không có đổi mới kinh tế.

Để trả lời các ý kiến nêu trên, quyết không thể đi theo lối tư duy tư biện, sách vở mà trước hết phải xuất phát từ thực tế, nhìn lại một cách khách quan quá trình đổi mới ở nước ta từ trước đến nay. Đại thể như sau:

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước thống nhất, chúng ta có tư tưởng chủ quan, nóng vội muốn tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội trong một thời gian ngắn. Nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó về quản lý kinh tế, những khuyết điểm của mô hình kế hoạch hóa tập trung, bao cấp bộc lộ ngày càng gay gắt, dẫn tới đất nước dần dần lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trong hoàn cảnh ấy, vấn đề sống còn là đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng. Muốn vậy, trước hết phải thay đổi mạnh mẽ cách nghĩ, cách làm. Từ đó có những tìm tòi, thử nghiệm và cách làm ăn mới, đưa ra những lời giải đáp mới cho những vấn đề đặt ra.

Hội nghị Trung ương 6 khóa IV (8- 1979), với chủ trương bằng mọi cách “làm

cho sản xuất bung ra” là bước đột phá đầu tiên của quá trình tìm tòi và thử nghiệm đó. Hội nghị chủ trương ổn định nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phân dôi ra được bán cho Nhà nước hoặc trao đổi tự do; khuyến khích mọi người tận dụng ao hồ, ruộng đất hoang hóa, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc dưới mọi hình thức; sửa lại thuế lương thực và giá lương thực để khuyến khích sản xuất; sửa lại chế độ phân phối nội bộ hợp tác xã nông nghiệp, bỏ lối phân phối theo định suất, định lượng, v.v... Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 đã nhanh chóng được nhân dân cả nước đón nhận và biến thành hành động cụ thể trong thực tiễn kinh tế. Chỉ một thời gian ngắn, trong cả nước đã xuất hiện rất nhiều điển hình về cách làm ăn mới. Long An từ giữa năm 1980 đã thí điểm mô hình theo cơ chế “mua cao bán cao”, “bù giá vào lương” thay đổi cho cơ chế “mua cung, bán cấp”. Hải Phòng, Vĩnh Phú, Nghệ Tĩnh thí điểm hình thức khoán. Từ thực tế các thí điểm đó, Chỉ thị 100 CT/T.U (ngày 13/1/1981) của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp ra đời. Tiếp đó, trong công nghiệp, bước đầu xác định quyền tự chủ của cơ sở trong sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính của các xí nghiệp theo các Quyết định 25/CP và 26/CP của Hội đồng Chính phủ. Các Nghị quyết Trung ương 6, Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và các Quyết định 25/CP và 26/CP của Hội đồng Chính phủ cho thấy những ý tưởng ban đầu của đổi mới, tuy còn sơ khai, chưa cơ bản và toàn diện, nhưng đó là bước mở đầu có ý nghĩa, đặt những cơ sở đầu tiên cho quá trình đổi mới sau này.

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng (3-1982) phát triển thêm một bước, đánh giá một cách khách quan thành tựu và hạn chế trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã chỉ ra nguyên nhân chủ quan gây nên sự sa sút của nền kinh tế là những khuyết điểm, sai lầm về lãnh đạo và quản lý. Để góp phần khắc phục tư tưởng nóng vội, Đại hội đưa ra khái niệm về “chặng đường trước mắt” của thời kỳ quá độ và xác định trong chặng đường này, nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là “coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu hợp lý”. Đại hội cũng khẳng định sự tồn tại 5 thành phần kinh tế trong một thời gian nhất định ở miền Nam.

Tuy nhiên, sau đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa V (12 - 1983) lại cho rằng sự chậm chạp trong cải tạo xã hội chủ nghĩa là một trong những nguyên nhân của tình trạng khó khăn về kinh tế, xã hội, từ đó, chủ trương đề ổn định tình hình, phải đẩy mạnh hơn nữa sự cải tạo xã hội chủ nghĩa; Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, xóa bỏ thị trường tự do về lương thực và các nông, hải sản quan trọng, thống nhất quản lý giá, v.v...

Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6- 1985) lại là bước đột phá thứ hai với chủ trương dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện cơ chế một giá; xóa bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa... Tháng 9 năm 1985, cuộc tổng điều chỉnh giá lương - tiền được bắt đầu bằng việc đổi tiền, xóa bỏ hoàn toàn chế độ tem phiếu. Do tư tưởng nóng vội, cuộc tổng điều chỉnh này đã dẫn tới tình trạng giá cả thị trường có nhiều diễn biến phức tạp, lạm phát bị đẩy lên tốc độ phi mã. Đầu năm 1986, lại phải lùi một bước: Quay trở lại thực hiện chính sách hai giá...

Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8- 1986) là bước đột phá thứ ba với “Kết luận đổi với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Nội dung là:

(1) Trong bố trí cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu; phát triển công nghiệp nhẹ; phát triển có chọn lọc công nghiệp nặng.

(2) Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phải xác định cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là một đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

(3) Trong cơ chế quản lý kinh tế, lấy kế hoạch làm trung tâm, đồng thời phải sử dụng đúng quan hệ hàng hóa - tiền tệ, dứt khoát xóa bỏ cơ chế tập trung, bao cấp, chính sách giá phải vận dụng quy luật giá trị, tiến tới thực hiện cơ chế một giá.

Kết luận của Bộ Chính trị có ý nghĩa to lớn trong việc định hướng soạn thảo lại một cách căn bản Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VI của Đảng.

Đại hội VI của Đảng (12-1986) đánh dấu một bước ngoặt rất cơ bản trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa ở nước ta, với việc đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước - từ đổi mới tư duy đến đổi mới tổ chức, cán bộ và phong cách lãnh đạo; từ đổi mới kinh tế đến đổi mới hệ thống chính trị và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Trong đánh giá tình hình, Đại hội đưa ra phương châm “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, từ đó, không chỉ khẳng định những thành tựu đạt được mà còn thẳng thắn vạch ra sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, trong phân phối lưu thông, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và cả trong cơ chế quản lý nền kinh tế. Đại hội đã kết luận rằng “những sai lầm nói trên là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chi đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”. Và: “Những sai lầm đó bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân...”.

Tiếp tục tư tưởng về phân kỳ thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đại hội VI xác định chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, xem ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công

nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo là nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát những năm còn lại của chặng đường đầu tiên này. Sau Đại hội VI, Ban chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị tiếp tục bổ sung, phát triển, cụ thể hóa đường lối đổi mới của Đảng, làm cho Nghị quyết Đại hội VI đi dần vào cuộc sống.

Nét nổi bật nhất của tình hình là từ cuối năm 1988, công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu ngày càng chao đảo, việc thực hiện đa nguyên về chính trị, đa đảng đối lập đã dẫn đến sự phủ nhận sạch trơn quá khứ cách mạng, chĩa mũi nhọn công kích vào Đảng Cộng sản và chủ nghĩa Mác - Lênin, gieo rắc những tư tưởng hoài nghi, bi quan, dao động với chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989), cùng với việc tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới, đã nêu ra sáu nguyên tắc của đổi mới, trong đó vấn đề giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới chứ không “đổi màu” là nguyên tắc đầu tiên.

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) là một bước phát triển đặc biệt quan trọng của quá trình đổi mới, với việc thông qua “Chương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, đưa ra quan niệm tổng quát nhất về xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và những phương hướng cơ bản để xây dựng xã hội đó; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân; khẳng định xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là một phương hướng chiến lược lớn. Sự khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh (cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin) là nền tảng tư tưởng của Đảng có ý nghĩa to lớn về mặt lý luận và thực tiễn đối với toàn bộ quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Đại hội VIII của Đảng (8-1996) khẳng định nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tiếp tục làm rõ hơn quan niệm về chặng đường đầu tiên và chặng đường tiếp theo trong thời kỳ quá độ; chỉ rõ mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là phần đầu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020; xem đổi mới kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; làm rõ hơn định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; tiếp tục khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; tiếp tục coi phát triển giáo dục – đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Đại hội IX của Đảng (tháng 4 - 2001) là Đại hội mở đầu thế kỷ 21 ở Việt Nam, vừa đưa ra cái nhìn tổng quát về thế kỷ 20 với những thành tựu rực rỡ mà cách mạng

nước ta và dân tộc ta đã giành được trong thế kỷ này, vừa khẳng định triển vọng của thế kỷ 21, xác định mục tiêu chung của nước ta trong giai đoạn hiện nay là “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, hoạch định chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2001 - 2010, nhằm phấn đấu đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển vào năm kỷ niệm 1000 năm Thăng Long.

Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Đại hội nêu lên ba nội dung có tính chất đột phá:

(1) Đánh giá sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn vị trí, vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh, coi : “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam,...”, khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta”.

(2) Khẳng định nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

(3) Coi việc phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một nhân tố rất cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo đó, “động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế của toàn xã hội”.

Khi nói các Đại hội Đảng là những cột mốc của quá trình đổi mới ở nước ta, chúng ta đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của các Hội nghị Trung ương trong từng nhiệm kỳ, đặc biệt là Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, đã cụ thể hóa và phát triển nội dung các Nghị quyết của Đại hội VII và đưa các Nghị quyết ấy vào cuộc sống. Trong 5 năm gần đây, các Hội nghị Trung ương của nhiệm kỳ khóa IX đã có thêm nhiều cống hiến về mặt thực tiễn và phát triển lý luận trên các vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, v.v...

Cái nhìn tổng quát về quá trình đổi mới ở nước ta như trên cho phép chúng ta trả lời câu hỏi: “Đổi mới bắt đầu từ đâu?” dưới bốn góc độ được nêu ở phần đầu bài viết.

Về thời gian, đổi mới không phải chỉ mới bắt đầu từ Đại hội VI (1986) mà đã manh nha từ giữa nhiệm kỳ Đại hội IV, đánh dấu bằng Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa này (1979) và các Nghị quyết Trung ương tiếp theo, tiếp đó là Đại hội V mà thời

gian từ đó đến Đại hội VI là một quá trình đấu tranh gay gắt và phức tạp giữa những nhân tố đầu tiên của đổi mới với những tư tưởng muốn duy trì cơ chế quản lý cũ. Đối với bản hòa tấu đổi mới, thời kỳ này chưa hẳn đã là khúc nhạc dạo đầu nhưng cũng đã là những nốt nhạc rất sáng được liên kết lại. Tuy vậy, cũng phải thấy rằng, chỉ đến Đại hội VI thì đổi mới mới trở thành đường lối chính thức của Đảng ta - đường lối đổi mới toàn diện, cũng tức là bản hòa tấu đổi mới mới thật sự bắt đầu.

Tổng kết lại, chúng ta thấy rõ: Đường lối đổi mới không phải tự nhiên mà có. Đó là kết quả của một quá trình tìm tòi, thử nghiệm; thông qua những trăn trở, đấu tranh gian khổ về tư duy trên cơ sở tổng kết thực tiễn kết hợp với vận dụng lý luận, tạo ra những đột phá quan trọng. Đó là quá trình từng bước từ thấp đến cao, từ đổi mới bộ phận đến đổi mới căn bản, từ đổi mới từng mặt đến đổi mới toàn diện.

Về mối quan hệ giữa hành động và tư tưởng, có thể nói việc làm đổi mới là có trước, bởi nó xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn, yêu cầu của sự gỡ bí và tìm lối ra, bắt đầu từ những hành động riêng lẻ, thậm chí lúc đầu khoán cũng là “khoán chui”, phá bỏ ngăn sông cấm chợ cũng là “xé rào”, hành động gì lúc khởi đầu cũng đều mang tính tự phát. Tất nhiên, không ai có thể nói rằng những hành động tự phát ấy hoàn toàn không xuất phát từ một suy nghĩ bức xúc (tư tưởng) song phải đến khi thực tế được tổng kết, trở thành tư tưởng chỉ đạo thì mới có thể thực sự coi đó là “tư tưởng đổi mới”. Lý luận đẻ ra từ thực tiễn nhưng trở lại chỉ đạo thực tiễn là như vậy.

Về đổi mới bắt đầu từ ai, từ cấp nào, có lẽ, chúng ta không cần bàn cãi nhiều. Mỗi lần tổng kết về đổi mới, khi nêu lên các bài học, chúng ta đều khẳng định rằng một trong những bài học đó là: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn nhạy bén với cái mới. Khẳng định rằng: Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, qua thực tiễn phong phú của nhân dân, tiến hành tổng kết, từng bước đưa ra quy luật các mặt của cuộc sống để đi lên, đó là chìa khóa của thành công.

Sự thật là từ lâu, Đảng ta đã đặc biệt coi trọng cơ sở, coi cơ sở không chỉ là nơi thực hiện chủ trương, chính sách từ bên trên, mà còn là nơi thử nghiệm sự đúng sai của chính sách; phải xuất phát từ những yêu cầu thực tiễn từ cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở phát triển để xem xét; điều chỉnh và đổi mới chính sách từ bên trên.

Về lĩnh vực đổi mới bắt đầu từ kinh tế hay từ chính trị, Văn kiện Đại hội VIII của Đảng đã nêu lên bài học: “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị”.

Nội dung phân tích là: Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Song, Đảng ta đã đúng khi tập trung trước hết vào việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tinh thần để giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của xã hội.

Với việc xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Đại hội VIII đã thật sự xác định sự kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị và từ đó đến nay, Đảng ta không coi nhẹ đổi mới chính trị - không chỉ là đổi mới và chỉnh đốn Đảng mà còn là đổi mới và nâng cao hiệu lực của cả hệ thống chính trị, giải quyết tốt những vấn đề chính trị của đất nước.

Trả lời câu hỏi đổi mới bắt đầu từ đâu, phải chăng là như vậy?

III. LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ

XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

PGS, TS. TRẦN HẬU

Bốn bài học lịch sử mà Đại hội VI của Đảng chỉ ra đã thấm đượm sâu sắc tinh thần đại đoàn kết dân tộc, trong đó nổi bật là hai bài học lớn: lấy dân làm gốc và kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, thực hiện đoàn kết quốc tế.

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”.

Đó là chân lý mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết và khái quát truyền thống lịch sử dân tộc ta. Nhờ có đoàn kết mà 54 dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất không rộng lắm, người không đông lắm, trình độ phát triển về kinh tế còn thấp kém, nhưng đã vượt qua bao gian lao, thử thách, chống chọi được với thiên tai, địch họa, bảo vệ được giang sơn, bờ cõi, giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc, và đang chung sức, xây dựng đất nước.

Dân tộc nào cũng có truyền thống đoàn kết để sinh tồn và phát triển. Song, truyền thống đoàn kết của dân tộc ta là truyền thống của một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo, sống xen kẽ không phân biệt cương vực lãnh thổ. Đó là những cuộc chiến đấu liên miên không cân sức để chống chọi với thiên tai khắc nghiệt và đủ loại xâm lược hòng thôn tính lãnh thổ và nô dịch dân tộc ta. Đó còn là một giá trị văn hóa thuộc về bản sắc dân tộc Việt Nam, một dân tộc ngay từ khi hình thành đã mang tính cộng đồng cao. Nghiên cứu chiều sâu của đoàn kết dân tộc, mới thấy rõ ý nghĩa sâu sắc mà Cương lĩnh của Đảng đã tổng kết thành một trong năm bài học lớn của cách mạng nước ta. Đó là: “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”.

Để đi đến thắng lợi to lớn ngày nay, cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã phải trải qua những khó khăn, thử thách, những khúc quanh với những ấu trĩ, sai lầm, khuyết điểm. Hơn ai hết, dân tộc ta hiểu rõ giá trị của sự đoàn kết và quyết tâm làm tất cả

những gì có thể làm được để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kiên quyết chống lại những gì phá hoại hoặc làm xói mòn, làm suy yếu khối đại đoàn kết này, vì lịch sử đã cho chúng ta bài học quý giá: “Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết”.

Điều đó cốt nghĩa vì sao mọi thế lực thù địch muốn phá hoại sự nghiệp chính nghĩa của dân tộc ta, lại nhằm vào tiêu điểm là phủ nhận, xuyên tạc, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của nhân dân ta, vì đây chính là cội nguồn, là bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng nước ta, là một động lực chủ yếu cho sự phát triển của đất nước hôm nay và mai sau. Đấu tranh để bảo vệ sự vững chắc của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tức là đấu tranh làm thất bại về căn bản âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Truyền thống đoàn kết của dân tộc ta được nâng lên tầm cao mới trong thời đại Hồ Chí Minh, kết tinh thành tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực tiễn cách mạng nước ta ngót một thế kỷ qua đã chứng minh một cách hùng hồn sức sống mãnh liệt và sức mạnh vĩ đại không gì chiến thắng nổi của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, và Đảng ta đã quán triệt sâu sắc tư tưởng đó thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng qua mọi thời kỳ.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đó thật sự là một mốc quan trọng, tạo ra một bước chuyển biến căn bản trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, trong việc xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Bốn bài học lịch sử mà Đại hội VI của Đảng chỉ ra đã thấm đượm sâu sắc tinh thần đại đoàn kết dân tộc, trong đó nổi bật là hai bài học lớn: lấy dân làm gốc (với nội hàm: nền tảng của xã hội, của chế độ là lực lượng đoàn kết của nhân dân; động lực phát triển của đất nước là sức mạnh đoàn kết toàn dân; mục tiêu phấn đấu của Đảng và Nhà nước là phục vụ nhân dân, làm công bộc của dân) và kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, thực hiện đoàn kết quốc tế.

Đường lối đổi mới đã khởi đầu cho một thời kỳ mới xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là việc đổi mới tư duy kinh tế, đề ra chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, coi trọng lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, nhằm liên kết và khai thác mọi tiềm năng của mọi tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là việc quan tâm nhiều hơn đến “chính sách giai cấp (bao gồm chính sách đối với mỗi giai cấp và chính sách xử lý mối quan hệ giữa các lợi ích của các giai cấp) và chính sách dân tộc”⁽¹⁾, nhấn mạnh việc đặt con người vào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb ST, HN 1987. Tr 96.

vị trí trung tâm của chính sách kinh tế - xã hội, “có kế hoạch chủ động xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, cụ thể hóa và thực hiện đúng chính sách dân tộc và chính sách tự do tín ngưỡng”⁽¹⁾. Đó là việc quan tâm đẩy mạnh phát huy dân chủ trong xã hội, củng cố liên minh công nông và khối đại đoàn kết dân tộc.

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã được nâng lên một tầm cao mới tại Đại hội Đảng lần thứ VII (6-1991). Chúng ta đã chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết, trước hết là mở rộng nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc bao gồm công nhân, nông dân, trí thức. Văn kiện Đại hội và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tiếp theo trong nhiệm kỳ này đã thể hiện tinh thần phát huy cao sức mạnh của dân tộc, đặt lợi ích dân tộc và lợi ích của con người lên hàng đầu, coi đó là xuất phát điểm của các chính sách, là cơ sở để xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Đường lối đại đoàn kết dân tộc của Đại hội VI của Đảng đã thể hiện cụ thể trong Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII. Đây là một nghị quyết phản ánh tập trung nhất sự kế thừa và phát triển tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tiếp theo Nghị quyết 8B về tăng cường và đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, sự ra đời của nghị quyết này là mốc quan trọng trong đổi mới tư duy về đại đoàn kết dân tộc trong quá trình đổi mới đất nước.

Trên cơ sở khẳng định quan điểm đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nghị quyết đã phân tích quá trình lịch sử và bối cảnh tình hình đất nước hiện nay, đề ra chủ trương phải tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, đưa khối đại đoàn kết toàn dân lên tầm cao mới và chiều sâu mới.

Theo mục tiêu ấy, chúng ta chủ trương đoàn kết mọi người trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài, vì mục tiêu chung giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến lên dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó chính là điểm tương đồng để đoàn kết mọi người trong khối đại đoàn kết, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, xây dựng tinh thần tin cậy, cởi mở, cùng hướng về tương lai của dân tộc. Chương trình Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đại đoàn kết dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc còn nhấn mạnh thêm tinh thần đoàn kết không phân

1. Sdd: tr 86.

biệt quá khứ và ý thức hệ, chân thành đoàn kết, hòa hợp thành một khối thống nhất. Chủ trương đoàn kết đó phù hợp đặc điểm tình hình đất nước, thể hiện truyền thống bao dung, nhân ái của dân tộc và đường lối chính nghĩa của Đảng, Nhà nước ta. Đường lối đó đã đi vào lòng người, được các tầng lớp nhân dân cả nước đồng tình ủng hộ.

Chúng ta đã coi đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, là xuất phát điểm của mọi chủ trương, chính sách pháp luật trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng trong xã hội, gắn bó quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mỗi người với nghĩa vụ công nhân, lấy lợi ích dân tộc làm trọng, tạo mọi điều kiện và môi trường thuận lợi nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất xã hội, khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế, phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu hợp pháp, cần kiệm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Để tăng cường đoàn kết, chúng ta chủ trương thực hiện tốt các chính sách xã hội trong điều kiện đất nước vừa trải qua chiến tranh, như các chính sách: đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với nước, tham gia vào các việc công ích, các hoạt động nhân đạo từ thiện, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo phát huy truyền thống nhân nghĩa của cha ông.

Trong điều kiện đã có chính quyền, để thực hiện đại đoàn kết dân tộc, chúng ta đã chủ trương phải xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch vững mạnh, có hiệu lực cao, thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Chính quyền nhân dân phải làm mọi việc để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của dân, giữ vững trật tự, kỷ cương pháp nước, xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội bảo vệ và chấn hưng nền văn hóa dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, giữ vững an ninh quốc phòng, mở rộng đoàn kết quốc tế.

Không chỉ dừng ở việc đề ra những quan điểm, chủ trương về đại đoàn kết, chúng ta còn chủ trương mở rộng khối đại đoàn kết bằng các hình thức tập hợp đa dạng. Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp từng tầng lớp dân cư trong xã hội. Phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai tầng, các dân tộc, các tôn giáo, tổ chức vận động nhân dân tại các địa bàn dân cư xã, phường và hộ gia đình. Quan tâm củng cố nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân bao gồm công nhân, nông dân, trí thức.

Những phát triển mới trong quan điểm, chủ trương về đại đoàn kết dân tộc đã

tạo cơ sở để tăng cường đoàn kết quốc tế, đề ra những định hướng đúng đắn để phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy công cuộc đổi mới.

Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu, những quan điểm, chủ trương về đại đoàn kết dân tộc càng được phát triển. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã tiếp tục khẳng định những quan điểm trên, đồng thời đề ra các chính sách cụ thể đối với các giai tầng, các dân tộc trong nước, nhằm tạo ra những động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân, trong đó lần đầu tiên đề ra chủ trương bảo hộ sở hữu tài sản và vốn của các nhà doanh nghiệp tư nhân, khuyến khích đầu tư mở rộng sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh doanh, thực hiện tốt các nghĩa vụ mà luật pháp đã quy định. Trong tình hình mới, chúng ta cũng khẳng định chủ trương coi khiếu nại và tố cáo là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc, bảo hộ quyền lợi chính đáng của khiếu nại, giúp đỡ khiếu nại trong cuộc sống và tạo điều kiện cho khiếu nại giải quyết, đóng góp xây dựng quê hương.

Những chủ trương về đại đoàn kết dân tộc đã thúc đẩy công cuộc đổi mới, trở thành động lực chủ yếu để phát triển đất nước. Đây là một bước phát triển mới quan trọng trong tư duy lý luận về động lực cách mạng của Đảng ta trong thời kỳ mới. Điều đó đã được khẳng định tại Đại hội lần thứ IX của Đảng và trở thành chủ đề của đại hội này. Tiếp tục cụ thể hóa và nâng cao hơn tầm vóc của chủ trương đại đoàn kết, Đại hội IX của Đảng đã khẳng định chủ trương và mở rộng biên độ của đại đoàn kết toàn dân thành đại đoàn kết toàn dân tộc, bao gồm các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người về hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài. Sự đoàn kết sau nhiều năm đổi mới đã được nâng lên, gắn với việc phát huy dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, chẳng những chấp nhận, mà còn tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc và công tác tôn giáo đã cụ thể hóa tư tưởng của Đại hội. Việc đoàn kết với các dân tộc thiểu số được xác định trên nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển. Việc đoàn kết đồng bào theo đạo được khẳng định trên nguyên tắc coi tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nghiêm cấm sự phân biệt với công dân vì lý do tín ngưỡng tôn giáo, đồng thời cũng nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

Quá trình đổi mới đất nước 20 năm qua đã đem lại cho đất nước ta, nhân dân ta

những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Trong những thành tựu đó, phải kể đến sự đổi mới quan trọng trong tư duy và kết quả của việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Chủ trương đại đoàn kết toàn dân tiếp tục đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng và đạt nhiều kết quả. Khối đại đoàn kết toàn dân và Mặt trận Dân tộc Thống nhất không ngừng được mở rộng, đã quy tụ ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài; sự liên minh liên kết giữa công nhân, nông dân, trí thức, giữa công nghiệp với nông nghiệp và khoa học công nghệ, giữa lao động trí óc và lao động chân tay có những bước tiến và nội dung mới. Nhiều nhân tố mới tích cực trong sản xuất kinh doanh đã xuất hiện, tỏ rõ sự năng động, sáng tạo, thích nghi với cơ chế thị trường, làm giàu hợp pháp, cải thiện đời sống và đóng góp cho xã hội.

Những năm đổi mới, lợi ích của mỗi thành viên và cộng đồng xã hội - động lực của việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân - được quan tâm đáp ứng một bước. Nhiều chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý mới thông thoáng hơn đã được ban hành và đang không ngừng hoàn thiện, có tác dụng giải phóng lực lượng sản xuất và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới tương ứng. Chủ trương đa dạng hóa các thành phần kinh tế và các hình thức sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất đã khuyến khích và tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh. Các chính sách xã hội mới đã góp phần khắc phục những hậu quả chiến tranh. Những sự ngăn cách do chiến tranh để lại đã được dần dần khắc phục, làm cho các tầng lớp trong xã hội xích lại gần nhau hơn, nhất là đối với những người trước đây đã sống và làm việc trong chế độ Sài Gòn từ trước ngày 30-4-1975, những nhân sĩ, trí thức, các nhà doanh nghiệp tư nhân, đồng bào có đạo, kiều bào ở ngoài nước...

Những tiến bộ trong sinh hoạt dân chủ trong xã hội, nhất là những kết quả bước đầu của việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, cải tiến sinh hoạt dân chủ của hội đồng nhân dân các cấp và Quốc hội... là những tiến bộ cần được ghi nhận, đã có tác dụng tích cực nhất định đối với tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Trong thực tế cuộc sống ngày nay, chúng ta trân trọng những bước tiến dù còn khiêm tốn, nhưng rất cố gắng trong đời sống dân chủ ở nước ta. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã đề ra quan điểm mới: kết hợp việc thực hiện chế độ tập trung dân chủ trong Đảng với chế độ hiệp thương dân chủ trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc sẽ làm phong phú thêm sinh hoạt dân chủ của xã hội ta. Đây là một bước phát triển trong việc tăng cường dân chủ để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta trong thời kỳ đổi mới. Cần nghiên cứu một cơ chế cụ thể để thực hiện sự kết hợp giữa tập trung dân chủ trong Đảng với hiệp thương dân chủ trong hệ

thống Mặt trận để làm cho đời sống dân chủ của xã hội ta được tăng cường, qua đó mà củng cố đoàn kết dân tộc. Thực tiễn 20 năm đổi mới cho thấy: tăng cường được đoàn kết và phát huy được vai trò của Mặt trận Dân tộc Thống nhất thì trong xã hội phải có dân chủ và kỷ cương. Có kỷ cương mới bảo đảm được dân chủ. Có dân chủ mới bảo đảm được đoàn kết. Nhân dân ta có nhu cầu đời sống vật chất và đời sống tinh thần, trong đời sống tinh thần thì nổi lên là nhu cầu về dân chủ và tiến bộ, công bằng xã hội. Đáp ứng được hai yêu cầu ấy, sẽ tập hợp đoàn kết được toàn dân, không coi nhẹ mặt nào. Vì vậy quan tâm đời sống tinh thần là một cố gắng cần thiết.

Những đổi mới từng bước trong chính sách đối với công nhân, nông dân, trí thức, giới chủ doanh nghiệp, với các dân tộc thiểu số, với các tôn giáo, với kiều bào, những người từng làm việc trong chế độ cũ hoặc từng lầm đường lạc lối nhưng đã trở về với nhân dân... là những bước tiến so với trước đây. Việc đổi mới hoạt động của ủy ban các cấp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên theo hướng đi vào các hoạt động thiết thực, các cuộc vận động, các phong trào đến tận cơ sở... đã có tác dụng tích cực tập hợp ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân ở trong nước và ngoài nước, góp phần tích cực củng cố khối đoàn kết dân tộc.

Chính nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, phù hợp với lòng dân, đã tạo ra những chuyển động lớn lao trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, mà khối đại đoàn kết toàn dân đã ngày càng được củng cố, nhờ vậy mà tạo nên môi trường ổn định cho sự phát triển đất nước. Mỗi quan hệ biện chứng ấy là kết quả của sự tổng kết kinh nghiệm từ trong quá khứ, đi đến sự đổi mới tư duy, kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, khẳng định đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược của Đảng, chứ không phải là vấn đề sách lược.

Những thành tựu của 20 năm đổi mới là to lớn mang ý nghĩa lịch sử, là niềm tự hào chính đáng của nhân dân ta. Nó vừa là tiền đề, điều kiện, vừa là kết quả của việc tăng cường mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề làm cho các tầng lớp nhân dân băn khoăn, lo lắng. Đó là sự tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc và chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp do chưa có kế sách lâu dài để phát huy nội lực; hiệu lực quản lý của Nhà nước còn hạn chế; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt; tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng gay gắt; Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cuộc cải cách hành chính chưa đem lại kết quả như mong muốn; cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng kém kết quả... một số hạn chế trong việc thực hiện chính sách đối với các thành phần kinh tế, với

một số vấn đề xã hội... đều là những yếu tố tác động nhất định đến việc xây dựng và củng cố khối đoàn kết toàn dân.

Các tầng lớp nhân dân ta mong muốn Đảng, Nhà nước tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tốt hơn những quan điểm đổi mới về đại đoàn kết dân tộc, đồng thời có những giải pháp mạnh mẽ và đồng bộ khắc phục những hạn chế, yếu kém mà nhân dân ta đang băn khoăn, lo lắng. Chỉ có như vậy mới thực hiện được một cách nhất quán chủ trương, chính sách đại đoàn kết của Đảng và Nhà nước; nhất quán giữa các nghị quyết của Đảng với luật pháp, chính sách và cơ chế quản lý, điều hành của các ngành các cấp; nhất quán giữa lời nói và việc làm, giữa trung ương và địa phương.

Củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc chỉ thật sự có kết quả khi nó trở thành trách nhiệm trong toàn bộ hệ thống chính trị và của chính mỗi người dân, trong đó vai trò nòng cốt và hạt nhân lãnh đạo là tổ chức Đảng. Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng sẽ là một nhân tố bảo đảm cho xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, đẩy mạnh hơn nữa Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho Đảng trong sạch vững mạnh, đoàn kết nhất trí là vấn đề hết sức quan trọng để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc hiện nay. Tấm gương đoàn kết của từng đảng viên sẽ lan tỏa và thu hút toàn dân trong sự nghiệp đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong thời kỳ mới, đổi mới và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một giải pháp quan trọng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Muốn củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, không thể không tăng cường hoạt động của Mặt trận. Để làm tròn sứ mệnh lịch sử cao cả là tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần đổi mới mạnh mẽ hơn nữa trên nhiều phương diện, cả về lý luận và thực tiễn, đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Công tác Mặt trận giữ vai trò rất quan trọng, chẳng những trong cách mạng dân tộc dân chủ, mà cả trong cách mạng xã hội chủ nghĩa nữa. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận Dân tộc Thống nhất là những chỉ dẫn quan trọng cần được kế thừa và vận dụng trong hoàn cảnh hiện nay, làm cho Mặt trận thực sự trở thành một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức và các cá nhân tiêu biểu của các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và các tầng lớp nhân dân, thực hiện tốt chức năng đoàn kết, tập hợp toàn dân, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong thời kỳ mới.

BÀI HỌC KẾT HỢP SỨC MẠNH DÂN TỘC VÀ SỨC MẠNH THỜI ĐẠI QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI Ở NƯỚC TA

GS,VS. NGUYỄN DUY QUÝ

Ngày nay, mỗi quốc gia, dân tộc muốn tồn tại và phát triển đều phải mở rộng và củng cố các mối quan hệ quốc tế lành mạnh. Từ lâu Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ mối quan hệ gắn bó giữa quyền lợi dân tộc với quyền lợi quốc tế. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã tổng kết những kinh nghiệm quan trọng của cách mạng Việt Nam, trong đó, sự kết hợp giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế là một bài học nổi bật nhất.

Sự vận động và biến đổi của tình hình thế giới trong những năm gần đây cũng như những yêu cầu của sự phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới đã đòi hỏi chúng ta phải mở rộng nhiều mặt của quan hệ quốc tế trong bối cảnh diễn biến hết sức phức tạp.

Để xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện ấy, chúng ta không thể không tính đến những vấn đề liên quan đến nội dung của thời đại.

Mặc dù đã có biết bao biến cố lớn lao diễn ra trong hơn một thập kỷ qua, mà biến cố lớn nhất là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, song thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, mở đầu bằng cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Đó là thời đại đấu tranh cho thắng lợi của hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, gắn liền với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, tạo ra những tiền đề vật chất - kỹ thuật ngày càng đầy đủ cho việc chuyển lên chủ nghĩa xã hội.

Để đi tới mục tiêu ấy của thời đại, hơn bao giờ hết, trong giai đoạn hiện nay, nhân dân các nước càng phải ra sức cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống các thế lực thù địch của hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, càng phải tỉnh táo trước âm mưu và hành động “diễn biến hoà bình” của chúng hòng duy trì vĩnh viễn sự thống trị của chủ nghĩa tư bản trên hành tinh này.

Lịch sử Việt Nam 75 năm qua, với sự lựa chọn con đường giải phóng dân tộc

đi vào quỹ đạo cách mạng vô sản, đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, thắng lợi của hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc nhằm giải phóng và thống nhất Tổ quốc Việt Nam, đặc biệt thắng lợi của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước là thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Cách mạng nước ta vừa thể hiện, vừa góp phần thúc đẩy trào lưu chính của thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Khúc quanh hiện nay của lịch sử, cách mạng thế giới dù có làm cho sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới bị kéo dài thêm, song không thể đảo ngược được xu thế ấy của thời đại. Con đường của thời đại, con đường mà nhân loại đang đi tới chính là con đường thắng lợi của hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Nhận thức đúng nội dung, tính chất của thời đại ngày nay là cơ sở quan trọng để chúng ta hoạch định đúng đắn đường lối và sách lược của chúng ta, vì như V.I Lênin đã khẳng định: “chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết của nước này hay nước nọ”.

Bài học kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại của cách mạng nước ta trong thời kỳ đổi mới càng thể hiện ý nghĩa to lớn và sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn.

Chúng ta không phủ nhận rằng, từ sau Chiến tranh lạnh, tính chất của sự giúp đỡ quốc tế có nhiều thay đổi. Bối cảnh thế giới và khu vực hiện nay dưới tác động của toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra một giai đoạn mới rất phức tạp đối với những quan hệ quốc tế. Tuy nhiên có thể nói, Đảng ta đã sớm nắm bắt và xử lý tốt các quan hệ của nước ta với thế giới có lợi cho sự phát triển của đất nước. Đây chính là một nguyên nhân đã tạo nên những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Điều cần lưu ý là ở chỗ, lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, thì ở nước ta, cũng như ở các nước khác đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần phải nghiên cứu làm sáng tỏ hơn một số vấn đề trên cơ sở tổng kết thực tiễn đang diễn ra hết sức phong phú, song thắng lợi gần 20 năm đổi mới của nước ta đã đem lại cho nhân dân ta nhiều kinh nghiệm quý báu để kiên định con đường đã lựa chọn.

Để xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nước ta ngày càng có quan hệ ngoại giao với nhiều nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì mục tiêu hoà bình, độc lập và phát triển. Chúng ta nhận

thức rằng, thông qua sự hợp tác quốc tế đa phương và đa dạng, chúng ta sẽ tiếp thu tinh hoa của văn hoá nhân loại, công nghệ và kinh nghiệm của thế giới, góp phần tìm ra được những phương thức mới để phát triển sản xuất, nâng cao các tiềm năng sáng tạo vốn dồi dào của dân tộc ta.

Tuy nhiên, giữa các nước trên thế giới ngày nay có những lợi ích dân tộc khác nhau và những con đường phát triển không giống nhau. Sự thống nhất trong đa dạng của cộng đồng thế giới là một thực tế khách quan. Vì thế, cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội là nhiệm vụ trọng yếu của nhân dân ta.

Hiện nay, trên thế giới đang diễn ra một quá trình quốc tế hoá sản xuất, trao đổi và thông tin với một nhịp độ rất nhanh. Tình hình ấy về khách quan làm cho các quốc gia dân tộc xích lại gần nhau hơn. Tuy nhiên, cũng trong quá trình này đang nảy sinh nguy cơ đồng nhất hoá các hệ thống giá trị và tiêu chuẩn của nhiều nền văn hoá các dân tộc đã tích lũy được trong nhiều nghìn năm, đe dọa làm suy kiệt khả năng sáng tạo và sức sống của mỗi dân tộc, nhất là các dân tộc bị lệ thuộc vào các nước lớn. Trước tình hình như vậy, để phát huy sức mạnh dân tộc, Đảng ta chủ trương mở rộng các quan hệ quốc tế, nhưng phải giữ gìn cho được bản sắc dân tộc của văn hoá. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã nhấn mạnh: “chúng ta phải tiếp tục nâng cao ý chí tự lực, tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc, đồng thời mở rộng quan hệ quốc tế, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội”.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có nhiều đặc trưng, trong đó phải kể đến đặc trưng có nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Khi chúng ta nói đến sức mạnh của dân tộc dĩ nhiên bao gồm nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng..., không được coi nhẹ lĩnh vực nào. Tuy nhiên, cần lưu ý đến bản sắc dân tộc của văn hoá, nhất là trong điều kiện toàn cầu hoá hiện nay.

Theo Văn kiện Hội nghị lần thứ Bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII thì “ngày nay, văn hoá được coi là một yếu tố nội sinh, không phải chỉ là kết quả mà còn là nguyên nhân của sự phát triển. Phát triển kinh tế-xã hội phải đặt trên nền tảng văn hoá mang bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu các giá trị tinh hoa của loài người. Văn hoá phải kết tinh thành trí tuệ của cả dân tộc, được kế thừa, phát triển qua nhiều thế hệ, tạo ra sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn của toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Chúng ta phải quan tâm và có kế hoạch nhằm chống lại sự du nhập ngày càng tăng của văn hoá độc hại từ bên ngoài và phải đấu tranh chống lại văn hoá đồi trụy, phản động, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Để văn hoá trở thành nền tảng của sự phát triển thì bản thân văn hoá cũng phải được phát triển. Nếu văn hoá không phát triển thì chúng ta không thể tiếp kiến các thành tựu khoa học, công nghệ, thông tin của thế giới được. Phát triển văn hoá là sự phát triển tổng thể. Phải tăng trưởng nguồn lực con người, hướng về cái đúng, cái tốt và cái đẹp. Để có thể mở rộng được quan hệ quốc tế, sử dụng được sức mạnh của thời đại, cần phải huy động đông đảo nhân dân tham gia vào các hoạt động sáng tạo. Quá trình này làm cho truyền thống gắn với hiện đại, con người gắn với cộng đồng dân tộc, gắn với quốc tế.

Văn hoá là một cơ chế tạo cho người trở thành chính mình trong dân tộc của mình. Gìn giữ bản sắc dân tộc của văn hoá trong hợp tác và giao lưu quốc tế là gìn giữ nội lực phát triển, gìn giữ chất men sinh sôi nảy nở của một cơ thể sống - dân tộc. Nó làm cho mỗi dân tộc không thể trở thành chiếc bóng mờ của người khác. Vì thế, từ lâu chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: văn hoá của các dân tộc khác cần phải nghiên cứu toàn diện. Chỉ có trong trường hợp đó mới có thể tiếp thu nhiều hơn cho văn hoá chính mình, đồng thời tránh nguy cơ trở thành những kẻ bắt chước.

Để xây dựng và bảo vệ đất nước, Đảng ta chủ trương phát huy sức mạnh toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: “con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Phát huy những lợi thế của đất nước, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn ở mức độ cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu mới về khoa học và công nghệ, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam, coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá”.

Sức mạnh của thời đại, thành tựu khoa học hiện đại của thế giới hợp tác đầu tư của các nước là những yếu tố quan trọng, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của nước ta, nhưng chúng chỉ có thể phát huy được tác dụng tốt, khi những yếu tố ngoại sinh đó chuyển hoá thành những yếu tố nội sinh của đất nước ta. Sự chuyển hoá đó phụ thuộc phần lớn vào khả năng của chủ thể tiếp nhận, tức là khả năng tự chủ, độc lập của nước ta. Nhờ chúng ta nhận thức và thực hiện đúng mối quan hệ trên, nên

chúng ta đã từng bước tận dụng được thời cơ có lợi cho sự nghiệp phát triển đất nước và vượt qua được thách thức, giữ vững ổn định về chính trị - xã hội, tạo tiền đề vững chắc cho sự nghiệp đổi mới trong bối cảnh quốc tế đầy biến động và phức tạp.

Từ đó chúng ta thấy, muốn kết hợp hiệu quả sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại thì cần lưu ý tới vấn đề sau:

Một là, phải phát triển nhanh, toàn diện một cách vững chắc nội lực của đất nước, đảm bảo sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN.

Hai là, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền và an ninh quốc gia.

Ba là, tận dụng các lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, khoa học công nghệ, giáo dục - đào tạo, quốc phòng - an ninh.

Tại Đại hội lần thứ IX, Đảng ta đã tổng kết bốn bài học kinh nghiệm chủ yếu của sự nghiệp đổi mới, trong đó có bài học “đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại”.

Đây là một bài học có ý nghĩa quan trọng và sâu sắc không chỉ đối với gần 20 năm đổi mới vừa qua mà còn có ý nghĩa đối với thời gian tới.

Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, nhân dân ta sẽ giành được nhiều thắng lợi lớn hơn nữa trên con đường xây dựng và bảo vệ đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐÓN ĐẢNG

PGS, TS. ĐỖ NGỌC NINH

Bên cạnh một số thành tựu thì công tác xây dựng Đảng vẫn còn những hạn chế như: công tác giáo dục tư tưởng, chính trị chưa đạt được tính thuyết phục và tính chiến đấu cao; tự phê bình và phê bình vẫn là khâu yếu; chưa ngăn chặn và đẩy lùi được những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng hơn 20 năm qua đã khẳng định những thành tựu và yếu kém trong công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng.

Tại Đại hội IX, Đảng ta chỉ rõ, thực hiện 10 nhiệm vụ của Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng cần tập trung vào bốn công tác quan trọng: Giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; tiếp tục đổi mới công tác cán bộ; xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Quá trình thực hiện bốn công tác đó, có những ưu điểm, tiến bộ.

Nhìn một cách tổng quát, trong thời gian qua, công tác này đã góp phần nâng cao nhận thức, sự nhất trí trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội về mục tiêu, lý tưởng, về đường lối, chính sách đổi mới, quan điểm đối ngoại, về vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao lòng tin của nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng.

Công tác cán bộ đã có chuyển biến tích cực về nội dung và cách tiến hành, mang lại kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý đã đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, được các địa phương, ngành thực hiện nghiêm túc; góp phần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong diện quy hoạch một cách toàn diện, nhất là đào tạo, bồi dưỡng trong thực tiễn. Để xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, các cấp ủy đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, tích cực lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở

cơ sở, xây dựng quy chế làm việc, tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng, chăm lo, cải thiện đời sống nhân dân; tập trung chỉ đạo cùng cố cơ sở yếu kém; cải tiến việc đánh giá, phân tích chất lượng đảng viên; số đảng viên mới kết nạp ngày càng tăng, đảng viên trẻ ngày càng nhiều.

Phương thức lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng đã có đổi mới, thể hiện ở việc cụ thể hóa nghị quyết; xây dựng và làm việc theo chương trình, kế hoạch; chú ý lãnh đạo toàn diện, đồng thời tập trung vào những vấn đề trọng tâm; coi trọng tổ chức thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; coi trọng việc cụ thể hóa và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, dân chủ khi thảo luận và ra quyết định.

Tuy vậy, trong công tác xây dựng Đảng cũng có những hạn chế, khuyết điểm. Một số cấp ủy và tổ chức đảng triển khai các nghị quyết của Trung ương chưa sâu sát, chưa có chương trình, kế hoạch thực hiện, việc học tập tư tưởng Hồ Chí Minh ở nhiều nơi chưa gắn với liên hệ thực tiễn ở ngành, địa phương, đơn vị. Công tác giáo dục tư tưởng, chính trị vẫn chậm đổi mới; tính thuyết phục, tính chiến đấu và hiệu quả chưa cao. Công tác lý luận chưa giải đáp những yêu cầu của cuộc sống và những băn khoăn, trăn trở trên một số vấn đề kinh tế - xã hội và xây dựng Đảng. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống chưa thường xuyên liên tục, có mặt bị buông lỏng, xem nhẹ. Tự phê bình và phê bình vẫn là khâu yếu. Chưa ngăn chặn và đẩy lùi được những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Việc đánh giá và quản lý cán bộ vẫn là khâu yếu chậm được khắc phục. Chất lượng công tác quy hoạch cán bộ ở một số nơi không cao; nhiều ban, bộ, ngành ở Trung ương triển khai công tác này còn chậm. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ ở một số nơi chưa kịp thời. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có lúc, có nơi còn nặng về bằng cấp, chất lượng không cao. Chậm xây dựng cơ chế, chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài. Chưa xây dựng được hệ thống các biện pháp khuyến khích, động viên cán bộ và nhân dân tham gia giám sát công tác cán bộ. Còn có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, một số nơi còn tiềm ẩn nguy cơ mất đoàn kết, cạnh đó là tình trạng đoàn kết xuôi chiều...

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở nhiều nơi còn yếu, chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh từ cơ sở. Chất lượng sinh hoạt chi bộ thấp, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên còn nhiều mặt hạn chế. Việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở chưa nghiêm. Không ít nơi tổ chức đảng và chính quyền ở xã, phường, thị trấn còn quan liêu, chủ quan, xa dân, chưa

giải quyết kịp thời những quyền lợi chính đáng, hợp pháp của nhân dân, thậm chí còn hách dịch, gây phiền hà cho dân. Công tác đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên thực hiện chưa nghiêm, chưa thật chính xác, nhiều nơi còn hình thức, chạy theo thành tích.

Tổ chức, bộ máy của nhiều cơ quan nhà nước, cơ quan đảng, đoàn thể còn chồng chéo, biên chế tăng, chức năng, nhiệm vụ của không ít tổ chức còn chồng chéo. Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng chưa mạnh, chưa thành hệ thống, chưa có trọng tâm, trọng điểm, chưa kịp thời giải quyết những vấn đề mới đặt ra trong việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Ở không ít nơi, dân chủ nội bộ chưa được phát huy đầy đủ, nói chưa đi đôi với làm. Bệnh thành tích, hình thức, phô trương, lãng phí còn khá phổ biến ở các cấp, các ngành. Chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra chưa cao.

Để tiếp tục thực hiện tốt Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiến tới Đại hội X của Đảng, cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong điều kiện hiện nay, để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001-2010) do Đại hội IX đề ra, vấn đề tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra cấp bách với đòi hỏi mới, có những thuận lợi nhưng cũng gặp không ít khó khăn, thách thức. Đây là thử thách mới, rất quyết liệt đối với Đảng ta. Hơn lúc nào hết, từng tổ chức Đảng, từng cán bộ, đảng viên cần nhận thức rõ và tìm cách thực hiện tốt nhiệm vụ này, tập trung vào những vấn đề: tăng cường hơn nữa việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, nhằm tạo nên sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, sự nhất trí cao, lòng tin vững chắc của từng đảng viên đối với đường lối, nghị quyết của Đảng. Coi trọng hơn nữa cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - lý luận, củng cố và tăng cường trận địa tư tưởng của Đảng. Đặc biệt, phải đề phòng nguy cơ “tự diễn biến” trong mỗi đảng viên, cán bộ trước những tác động nhiều chiều của kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế. Lên án mạnh mẽ và uốn nắn kịp thời những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, tỏ ý hoài nghi mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, nhân dân ta đã chọn.

Hai là: Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và tình trạng kỷ cương, phép nước không được giữ nghiêm.

Đây là những vấn đề lớn làm nhân dân bất bình, lo lắng và giảm niềm tin, là nhân tố tiêu cực lớn đang hạn chế, kìm hãm bước tiến của công cuộc đổi mới. Mục tiêu chủ yếu mà Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải tập trung giải quyết là những vấn đề đó.

Tình trạng suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó, chủ yếu ở những đảng viên là cán bộ, trở thành vấn đề nhức nhối làm tổn hại uy tín, thanh danh của Đảng. Không ít trường hợp, từ sự suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống dẫn đến suy thoái về chính trị. Cạnh đó là tình trạng kỷ cương phép nước không nghiêm gây thiệt hại không nhỏ, gây khó khăn cho sự lãnh đạo tập trung thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở. Không một văn kiện, nghị quyết nào của Đảng không đề cập đến vấn đề này, song tình trạng nêu trên chưa được ngăn chặn, lại có xu hướng gia tăng. Chúng ta chưa có nhiều biện pháp đủ mạnh để loại bỏ tình trạng đó. Trong thời gian tới, để tạo chuyển biến về giải quyết vấn đề này, ngoài việc tuyên truyền, giáo dục, cần xử lý nghiêm minh, kịp thời những cán bộ, đảng viên suy thoái về phẩm chất đạo đức, lối sống coi thường kỷ cương phép nước, cần có cơ chế để dân giám sát, phát hiện những tiêu cực đó và phải có biện pháp hữu hiệu bảo vệ những người tích cực, thẳng thắn đấu tranh với các tiêu cực.

Ba là: Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí.

Để chống tham nhũng, lãng phí có hiệu quả cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp: hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, quy chế, quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, tài chính, quản lý tài sản công, xóa bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà trong giải quyết công việc, nhất là cơ chế xin - cho; nâng cao chất lượng hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan thanh tra các cấp, lực lượng công an, viện kiểm sát, tòa án; đề cao trách nhiệm, động viên nhân dân tích cực đấu tranh, chống tham nhũng và phải có biện pháp bảo vệ tốt người đấu tranh chống tham nhũng; xử lý kịp thời, nghiêm minh những kẻ tham nhũng, cảnh giác với những người lợi dụng cuộc đấu tranh chống tham nhũng để vu khống, bôi đen cán bộ, đảng viên, gây phức tạp nội bộ.

Quan liêu là một bệnh rất nguy hiểm, nó xuất hiện không chỉ ở một số cán bộ lãnh đạo cấp trên, mà còn có nhiều cán bộ cơ sở, gây tác hại nhiều mặt, từ đề ra chủ trương, giải pháp không đúng, đến đánh giá, sắp xếp, bố trí không đúng cán bộ... làm cho Đảng xa dân. Đó là nguy cơ lớn của Đảng cầm quyền. Để ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn này, cần giáo dục cho cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với dân là vấn đề sống còn của Đảng; giáo dục nâng cao

trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên; sắp xếp kiện toàn hệ thống tổ chức, bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng nhiều tầng nấc trung gian, chức năng, nhiệm vụ không rõ ràng; đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao trình độ dân trí, mở rộng dân chủ để nhân dân tham gia có hiệu quả vào việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, công chức; nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thanh tra, kiểm sát, ủy ban kiểm tra Đảng; xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, đảng viên quan liêu gây thiệt hại cho cơ quan, địa phương, đơn vị.

Bốn là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nhất là chi bộ.

Đây thật sự là vấn đề bức xúc. Hiện nay còn nhiều tổ chức cơ sở đảng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu rất yếu, vai trò lãnh đạo mờ nhạt, đứng ngoài các quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động ở cơ sở. Trong thời gian qua, chúng ta đã coi trọng xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, song nhiều nơi lại chưa chú ý thỏa đáng đến các chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, dẫn đến các chi bộ rất yếu không làm chủ và giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp có thể xảy ra từ khi nó mới xuất hiện. Nhấn mạnh vai trò của chi bộ và sự cần thiết phải xây dựng củng cố chi bộ, tại Đại hội IX, Đảng ta khẳng định: “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, nhất là chi bộ”. Đó là sự khẳng định đúng đắn, đòi hỏi chúng ta phải tập trung thực hiện tốt công tác này.

Năm là: Tạo bước chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ.

Suy đến cùng thì những vấn đề đặt ra nêu trên được giải quyết tốt hay không phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ. Bởi vậy, phải đặt trọng tâm vào việc tạo nên bước chuyển biến cơ bản trong công tác cán bộ. Thực tiễn đã khẳng định, để tạo ra bước chuyển biến đó phải thực hiện tốt và đồng bộ các khâu: đánh giá; quy hoạch; luân chuyển; đào tạo, bồi dưỡng; bố trí, sử dụng cán bộ.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, bởi vì cách mạng nước ta luôn luôn vận động, phát triển, đặt ra yêu cầu và đòi hỏi ngày càng cao về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng. Để đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi đó, Đảng phải thường xuyên được xây dựng và chỉnh đốn. Những thành quả và những kinh nghiệm bổ ích trong Cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng trong thời gian qua là rất quan trọng để Đảng tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong thời gian tới.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG DƯỚI ÁNH SÁNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X

PGS, TS. LẠI NGỌC HẢI

Dưới chủ đề “Trí tuệ, đổi mới đoàn kết và phát triển bền vững”, Đại hội X của Đảng đã thành công tốt đẹp. Quyết tâm đó không chỉ là ý chí của Đại hội, của toàn Đảng, mà còn là ý nguyện của toàn thể dân tộc Việt Nam. Vấn đề đặt ra là, phải làm gì để biến quyết tâm của Đảng thành những thắng lợi trong thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những vấn đề đặt ra cần có lời giải đáp

Bám sát những động thái của quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội, đồng thời đặt trong bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay, có thể thấy, vấn đề trọng điểm và then chốt mà Đảng ta phải tập trung mọi nỗ lực để thực hiện tốt là phải xây dựng Đảng vững mạnh trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, ở cả hai khâu xây dựng tổ chức đảng (đặc biệt là tổ chức cơ sở) và rèn luyện đội ngũ đảng viên. Song, đây là công việc có nhiều nội dung với hàng loạt các vấn đề cần giải quyết. Vậy phải bắt đầu từ đâu? Vấn đề nào là khâu đột phá, có tác động làm chuyển biến toàn bộ sợi dây chuyền của công tác xây dựng Đảng hiện nay?

Xuất phát từ những yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới, bám sát những nội dung của công tác xây dựng Đảng, trên cơ sở những yếu kém của công tác này đã được Đại hội X kết luận, vấn đề có ý nghĩa cơ bản và cấp thiết hiện nay là phải tập trung nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của chính công tác xây dựng Đảng. Đặt vấn đề như vậy là xuất phát từ các lý do sau:

Thứ nhất, về mặt lý luận, những nguyên lý về xây dựng đảng kiểu mới của V.I.Lênin và quan điểm của Đảng ta đều khẳng định rằng, sứ mệnh của chính đảng vô sản là lãnh đạo quần chúng tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội vĩ đại nhất, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử nhân loại. Để làm tròn sứ mệnh vẻ vang đó, Đảng phải được xây dựng vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ. Đảng chỉ mạnh khi các mặt về chính trị, tư tưởng và tổ chức, các khâu về xây dựng tổ chức đảng và rèn luyện đội ngũ đảng viên đều được thực hiện tốt. Thế nhưng việc xây dựng đó như thế nào đối

với một đảng ra đời ở một quốc gia phương Đông, với đặc điểm nổi bật là nền kinh tế tiểu nông, và thành phần đội ngũ đảng viên đa số không phải xuất thân từ giai cấp công nhân, chủ yếu là nông dân. Công tác xây dựng Đảng lại đặt trong bối cảnh phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đang trong bước thoái trào và điều kiện trong nước là nền kinh tế đang vận hành theo cơ chế thị trường. Đây là vấn đề hết sức hệ trọng. Đảng ta đã dành nhiều công sức cho công việc này, song thực tiễn cho thấy còn phải tiến hành nhiều việc nữa.

Thứ hai, về tình hình thực tiễn, những năm qua cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai khá bài bản, chỉ đạo hết sức chặt chẽ, nhưng kết quả đạt được chưa đáp ứng yêu cầu đề ra. Cuộc đấu tranh chống tham nhũng quan liêu, lãng phí trong Đảng được triển khai rầm rộ, mạnh mẽ nhưng tại sao kết quả thu được lại thấp? Những gì diễn ra ở Bộ Giao thông - Vận tải, trực tiếp là tại PMU 18 tuy chưa phải là tất cả, nhưng đã nói lên rất nhiều điều đòi hỏi Đảng phải có quyết tâm hơn nữa, biện pháp quyết liệt hơn nữa trong công tác xây dựng Đảng hiện nay.

Tại Đại hội X, nói về chất lượng của công tác xây dựng Đảng ở khâu tổ chức cán bộ, nhiều đại biểu nói đến nạn “chạy”, với những dạng, loại khác nhau, nhưng suy đến cùng đều nhằm đến quyền và tiền, hai biểu hiện đặc trưng của hai lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, trong đó có những yếu kém từ chính ngay công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng. Nếu không tại sao “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, giáo điều, bảo thủ, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức còn diễn ra nghiêm trọng”? Tại sao: “Nhiều tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt, thiếu sức chiến đấu...”? Tương tự như vậy, vì sao cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng tuy được triển khai tích cực và mạnh mẽ, thậm chí quyết liệt nhưng kết quả đạt được lại không tương xứng với công sức bỏ ra! Trong khi mục đích của cuộc vận động đã quá rõ ràng, song thực tế lại “chưa đạt yêu cầu đề ra”. Vậy nguyên nhân của mọi nguyên nhân là gì? Câu trả lời không gì khác hơn là sự yếu, kém của công tác xây dựng Đảng. Mọi thành công của cách mạng Việt Nam đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng. Khi “Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm được đổi mới”, “Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới”, thì sự yếu kém của công tác xây dựng Đảng là điều khó tránh và đúng như Báo cáo cáo Chính trị đã xác định “Những khuyết điểm yếu kém trước hết thuộc về Ban Chấp hành trung ương...”. Để lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, Đảng phải được xây dựng vững mạnh ngang tầm nhiệm vụ, muốn

vậy, phải bắt đầu từ công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, coi đây là khâu đột phá, biện pháp trọng yếu trong công tác xây dựng Đảng hiện nay bởi ý nghĩa tiên quyết của nó. Thực tiễn cho thấy công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn của Đảng ta “còn thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao, chưa tạo được nhận thức thống nhất cao, và thông suốt đối với một số vấn đề trong đường lối, chủ trương của Đảng”. Do đó, nếu không nâng cao được chất lượng nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về công tác xây dựng Đảng sẽ khó có cơ sở để tiến hành xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, việc xây dựng tổ chức đảng và rèn luyện đội ngũ đảng viên khó có bước chuyển biến tích cực trước đòi hỏi ngày càng cao của thực tiễn.

Lời giải cho vấn đề tiên quyết.

Để nâng cao chất lượng công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới cần đổi mới chính công tác nghiên cứu lý luận về xây dựng Đảng. Theo đó, nội dung về công tác xây dựng Đảng cần bao gồm cả những vấn đề chung và những vấn đề cụ thể. Có những vấn đề tưởng như đã cũ, đã rõ nhưng thực tiễn cho thấy vẫn cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu làm rõ.

Về những vấn đề chung của công tác xây dựng Đảng, cần tập trung nghiên cứu làm rõ tính đặc thù và những vấn đề mang tính quy luật của công tác xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản trong điều kiện một quốc gia phương Đông, với những nét văn hoá đặc thù. C. Mác đã từng chỉ rõ vấn đề này khi ông nghiên cứu về khả năng nổ ra cách mạng vô sản ở các nước phương Đông – nơi tàn dư của cái gọi là “chế độ chuyên chế phương đông”, và “chế độ công xã nông thôn” còn tồn tại khá dai dẳng trong đời sống xã hội với những tập tục “phép vua, lệ làng”, với cách nghĩ cách làm của người tiểu nông “co mình trong cái vỏ bọc công xã” và lễ thói làm ăn tùy tiện, phân tán manh mún, lối suy nghĩ thiên cận và đồ kỵ... Xây dựng một chính đảng vô sản kiểu mới ở một đất nước với những tàn dư như vậy lại trong điều kiện nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường, chắc chắn có sự khác biệt nhiều so với những gì chúng ta hoặc các đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã tiến hành.

Từ những đặc trưng đó, làm xuất hiện một vấn đề khác cần nghiên cứu làm rõ, đó là với một đảng cộng sản mà thành phần đội ngũ đảng viên đại bộ phận không phải là giai cấp công nhân, chủ yếu là nông dân (hơn nữa đó lại là nông dân ở một nước có nền văn hoá mang tính đặc thù của một quốc gia phương Đông) thì khâu then chốt trong công tác giáo dục và rèn luyện đảng viên phải giải quyết những vấn đề gì?

Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, những người xuất thân không phải từ giai

cấp công nhân, khi xin gia nhập Đảng, chính họ đã tự nguyện từ bỏ lập trường giai cấp cũ của mình, rèn luyện theo lập trường giai cấp của Đảng. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, hiện trong đội ngũ đảng viên, vẫn tồn tại một khuynh hướng có những người miệng nói từ bỏ lập trường giai cấp cũ nhưng cách nghĩ, cách làm lại hiện nguyên hình là lối tư duy thiển cận của người sản xuất nhỏ, tôn thờ chủ nghĩa cá nhân thay vì phải hành xử theo những chuẩn mực của chủ nghĩa tập thể. Những kẻ như Bùi Tiến Dũng, Nguyễn Việt Tiến và những kẻ còn ẩn danh, chưa lộ diện không phải là “thứ hiểm hoi” trong đội ngũ đảng viên của Đảng. Hiện tượng đó nói lên rằng, các biện pháp giáo dục và rèn luyện đảng viên hiện có chưa đủ để làm cho những đảng viên nói chung, những người xuất thân không phải từ giai cấp công nhân nói riêng, luôn giữ vững tính giai cấp và tính tiền phong của Đảng trong điều kiện hiện nay.

Xung quanh vấn đề tổng kết thực tiễn, cần tập trung vào hai vấn đề hiện đang là đòi hỏi bức thiết của cuộc sống.

Một là, cần có câu trả lời đúng đắn và chính xác vì sao cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng không đạt yêu cầu đề ra, đâu là trở ngại chính. Có phải trong đội ngũ đảng viên của Đảng hiện nay có nhiều người chỉ còn là đảng viên trên danh nghĩa nhưng lại nắm giữ nhiều cương vị quan trọng trong bộ máy Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị, như kiểu ở đảng bộ PMU 18, nên họ đã tìm cách vô hiệu hoá ý nghĩa của cuộc vận động, mặc dù về hình thức, cũng triển khai đủ các nội dung, các bước theo quy trình? Thế thì có cần một cuộc vận động bổ sung làm trong sạch đội ngũ của Đảng không? Hay tổ chức triển khai lại việc thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khoá VIII) lần hai?

Hai là, làm thế nào để chống lại sự suy thoái đạo đức của đội ngũ đảng viên hiện có nguy cơ ngày càng gia tăng và làm gì, làm như thế nào để đội ngũ đảng viên là cán bộ, công chức không vướng vào tham nhũng. Đây là hai câu hỏi nhưng thực chất chỉ là hai mặt của một vấn đề phản ánh chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng trong điều kiện nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Muốn nâng cao chất lượng của đội ngũ thì không thể nào khác hơn là phải có lời giải đồng bộ cho cả hai câu hỏi đó. Để trả lời câu hỏi này lại phải trở lại trả lời câu hỏi vì sao và từ lý do gì cán bộ, đảng viên của Đảng suy thoái đạo đức và vướng vào tham nhũng? Phải chăng yếu kém của một số tổ chức, cá nhân trong bộ máy của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị, không nhận được sự phản biện từ xã hội, từ nhân dân vì những yếu kém đó không được công khai. Khi nói về các loại “bệnh” của đảng viên và tổ chức Đảng, chính Bác Hồ đã phê phán hiện tượng tổ chức và cá nhân đảng viên vì sợ mất

uy tín, thể diện của mình mà không dám tự phê bình, song lại được nguy biện là “nếu phê bình khuyết điểm của mình, của đồng chí mình, của Đảng và Chính phủ, thì địch sẽ lợi dụng mà công kích ta”. Người khẳng định nói như vậy là hết sức sai lầm. Theo Hồ Chí Minh: “một đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một đảng hỏng”. Để có thể nhận được sự phản biện từ xã hội về uy tín của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, cần có sự công khai trước tổ chức đảng và nhân dân về những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên. Có tham nhũng không, có lãng phí không, có chạy chức, chạy quyền, chạy tội không? Có kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo chống suy thoái đạo đức, chống tham nhũng không?... Công khai những khuyết điểm cần phải sửa chữa, những ưu khuyết điểm của những người dự định bổ nhiệm vào các chức vụ chủ chốt trong bộ máy của Đảng, của Nhà nước. Dân cần được biết, để được kiểm tra giám sát, giúp cho Đảng chọn được đúng người đủ đức, đủ tài vào các cương vị đó.

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN

NGUYỄN VĂN YÊU
Ủy viên T.Ư Đảng,
Phó Chủ tịch Quốc hội

Trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã khẳng định nhiệm vụ “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Đó chính là sự tiếp tục phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền trong điều kiện mới.

Ngay từ buổi đầu được thành lập và trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Nhà nước ta đã mang những yếu tố của một nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, gắn bó chặt chẽ và phục vụ lợi ích của nhân dân, của dân tộc. Nhà nước đã từng bước thực hiện việc quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế XHCN.

Thực tiễn đổi mới trong những năm qua đã khẳng định yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng như một xu thế khách quan, mang tính quy luật của quá trình đi lên CNXH trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, mở rộng giao lưu và hợp tác với tất cả các nước trên thế giới trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam chính là xây dựng một nhà nước thật sự của dân dưới sự lãnh đạo của Đảng với lý tưởng dân chủ, nhân đạo, công bằng, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân; Nhà nước được tổ chức và vận hành một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn đất nước, tổ chức, hoạt động của nhà nước phải bằng pháp luật, chịu sự điều chỉnh của pháp luật; nhà nước quản lý xã hội bằng một hệ thống pháp luật vì con người; quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất quyền lực, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, có cơ chế an toàn và hiệu quả ngăn chặn mọi sự lạm quyền, vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

I- Các nội dung đặc trưng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Trong quá trình xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cho đến nay Nhà nước ta đã ban hành bốn bản Hiến pháp dân chủ, tiến bộ, đó là Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992, trong đó quy định về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng; quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; quy định về tổ chức bộ máy nhà nước phù hợp thực tiễn các giai đoạn phát triển của cách mạng nước ta.

Từ thực tiễn nêu trên, các nội dung đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân ngày càng được định hình, có thể nêu lên một số đặc trưng sau đây:

Một là: Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Nội dung này luôn được khẳng định là một trong những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo việc xây dựng nhà nước. Hiến pháp 1946, bản hiến pháp đầu tiên đã quy định tại Điều 1: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Nguyên tắc đó được tiếp tục khẳng định trong các hiến pháp tiếp theo và đến Hiến pháp 1992 được thể hiện toàn diện hơn, sâu sắc hơn: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức” (Điều 2).

Khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân không chỉ là nguyên tắc cơ bản được ghi nhận trong các Hiến pháp nước ta mà còn gắn với việc thiết lập cơ chế bảo đảm thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân, là tư tưởng chỉ đạo bao quát toàn bộ nội dung của các hiến pháp, được thể hiện cụ thể trong các quy định về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương; của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hai là: Xác định quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công rành mạch và sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đây vừa là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta, vừa là quan điểm chỉ đạo quá trình tiếp tục thực hiện việc cải cách bộ máy nhà nước.

“Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Đó là hai mặt của một vấn đề trong tổ chức, xây dựng nhà nước. Quán triệt quan điểm quyền lực nhà nước thống nhất sẽ tác động trực tiếp đến việc tăng cường trách nhiệm và sự phối hợp của các cơ cấu thực hiện quyền lực của bộ máy nhà nước, bảo đảm cho bộ máy nhà nước vận hành đồng bộ, thống nhất và có hiệu lực, hiệu quả. Mặt khác, tăng cường việc phân công, phân nhiệm rành mạch, hợp lý, rõ ràng và chú trọng phối hợp chặt chẽ trên tinh thần “vì dân, do dân” giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp chính là điều kiện để phát huy tốt hiệu lực của quyền lực nhà nước thống nhất.

Xuyên suốt các bản hiến pháp của nước ta đều thể hiện rõ quan điểm nêu trên trong việc xây dựng nhà nước. Quốc hội luôn được xác định là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, quyết định những vấn đề cơ bản, quan trọng của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao. Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính phủ thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Nhà nước.

Vị trí, vai trò của cơ quan tư pháp nước ta mà trung tâm là hệ thống các Tòa án luôn được đề cao. Các nguyên tắc: “khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật”; “Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số”; “Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm” luôn phải được tôn trọng trong hoạt động tư pháp.

Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương được thể hiện qua các hiến pháp với việc hình thành HĐND mà các vị đại biểu HĐND do nhân dân địa phương trực tiếp bầu ra và việc HĐND bầu các thành viên của UBND.

Thực tiễn chứng minh rằng, việc phân công và phối hợp trong thực hiện quyền lực nhà nước ở Việt Nam mấy chục năm qua đã tạo điều kiện để bộ máy nhà nước vận hành thông suốt; đồng thời bảo đảm tăng cường ngày càng có chất lượng hơn cơ chế kiểm tra và tự kiểm tra, thanh tra của hệ thống cơ quan hành chính nhà nước, cơ chế kiểm sát đối với các hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát, cơ chế giám sát của Quốc hội, HĐND các cấp đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế giám sát thường xuyên của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước và cán bộ, công chức nhà nước.

Ba là: Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí cao nhất trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Pháp luật phải thể hiện đúng đắn ý chí của nhân dân, phù hợp với hiện thực khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Pháp luật phải được chính Nhà nước, cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước và mọi người, mọi tổ chức trong xã hội tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành. Trong các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước ta, đặc biệt Hiến pháp - đạo luật cơ bản đã xác định: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật” (Điều 12 Hiến pháp 1992). Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật không loại trừ đối với bất cứ ai. Ngay Đảng Cộng sản Việt Nam, được toàn thể nhân dân Việt Nam thừa nhận vị trí, vai trò lãnh đạo đất nước và Hiến pháp xác định: Đảng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thì cũng tại Điều 4 của Hiến pháp 1992 khẳng định: Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Bốn là: Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

Đây là một đặc trưng mà kể từ khi thành lập nước Việt Nam DCCH cho đến nay, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Trong các văn bản pháp luật, các nội dung về quyền con người đều được quy định đầy đủ. Hiến pháp 1992 đã dành trọn một chương (Chương V) với 34 điều quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Sinh thời, Bác Hồ đã viết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹⁾.

Như vậy, nguyện vọng thiết tha và mục tiêu cao cả của Đảng ta và Bác Hồ về giá trị con người đã được chú trọng đề cao trong thực tế, được thể chế hóa thành pháp luật và Nhà nước luôn quan tâm phấn đấu thực hiện.

Năm là: Nhà nước tôn trọng và thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trong gần 20 năm đổi mới, Việt Nam đã ký kết nhiều điều ước quốc tế song

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.161.

phương, trong đó chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực thương mại, thuế, viện trợ phát triển, ngân hàng... Việt Nam cũng đã là thành viên của nhiều điều ước quốc tế đa phương. Trong việc ký kết các điều ước quốc tế, Việt Nam không chỉ dừng lại ở việc ký với các nước XHCN trước đây, các nước láng giềng như trước thời kỳ đổi mới mà ngày càng mở rộng, đặc biệt phải kể đến việc Việt Nam là thành viên của nhiều tổ chức tài chính lớn trên thế giới như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Việt Nam tham gia Hiệp hội các nước Đông- Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), v.v. Việc “tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO...”⁽¹⁾ là một trong những chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

Sáu là: Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước pháp quyền XHCN, sự giám sát của nhân dân và sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước từ thời kỳ đầu của cách mạng Việt Nam cho đến nay đã có một thời kỳ ở nước ta tồn tại nhiều đảng chính trị hoạt động trong đời sống xã hội; tuy nhiên, qua thử thách của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc mấy chục năm vô cùng ác liệt và công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đầy gay go quyết liệt, nhân dân Việt Nam đã thừa nhận vị trí, vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội. Sự lãnh đạo của Đảng được chính thức ghi nhận trong Hiến pháp, đó là sự khẳng định thành quả đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Hiến pháp 1992 khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội; đồng thời cũng quy định rõ các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Tuy chúng ta có một Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, nhưng chúng ta có Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận hoạt động tích cực để đoàn kết rộng rãi và đại diện cho lợi ích hợp pháp của tất cả các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội.

Qua những nội dung trình bày trên đây có thể thấy rằng, trong quá trình xây

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.199.

dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã tiếp thu được những tinh hoa của văn minh nhân loại - các chế định pháp lý được thừa nhận chung của cộng đồng quốc tế như: tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, sự tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do của con người như là những giá trị xã hội cao quý nhất, sự ngự trị của pháp luật trong các lĩnh vực sinh hoạt của xã hội, tính tối cao của pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động của nhà nước và trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, trong việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước, chúng ta không chấp nhận “Tam quyền phân lập” gắn với chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập như ở các nước tư sản. Trái lại, ở nước ta, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp dưới sự lãnh đạo của một chính Đảng duy nhất - Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là nét đặc trưng khác biệt giữa Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam với nhà nước pháp quyền tư sản; đồng thời cũng là kinh nghiệm vô cùng quý giá mà nhân dân ta đã đúc kết được trong quá trình lịch sử cách mạng Việt Nam.

II- Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trong thời kỳ CNH, HĐH

Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, việc tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân cần tập trung vào một số việc sau đây:

1- Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế, Nhà nước phải luôn luôn chú trọng kết hợp thực hiện tốt các chức năng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và chính sách đó; phải luôn luôn gắn bó chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2- Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam phải dựa vào lực lượng nhân dân, phát huy dân chủ XHCN; phải xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích của nhân dân và dựa trên nguyên tắc tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân.

3- Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam được tổ chức và phân công quyền lực Nhà nước thật sự khoa học, phát huy mạnh mẽ hiệu lực, hiệu quả quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nhà nước thực hiện ba quyền thống nhất có sự phân công rành mạch, trong đó, đề cao trách nhiệm, tính chủ động và sự phối hợp hoạt động của các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; thực hiện sự phân cấp hợp lý quyền lực nhà nước giữa chính quyền trung ương

và chính quyền địa phương; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, bảo đảm thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Để xây dựng Nhà nước vững mạnh, cần tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp; xác định rõ tính chất, vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức của HĐND và UBND các cấp; tiếp tục nghiên cứu làm rõ mô hình tổ chức các cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra) cho phù hợp yêu cầu mới; tăng cường vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế. Các cơ quan hành chính nhà nước tiếp tục đổi mới việc quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, bảo đảm sự bình đẳng và phát huy tính năng động, sáng tạo của tất cả các thành phần kinh tế. Theo đó:

- Quốc hội phải thật sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất; thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội cần được tiếp tục nghiên cứu đổi mới theo hướng tăng cường chất lượng và vị thế của đại biểu Quốc hội, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội; tăng cường số đại biểu Quốc hội chuyên trách đến tỷ lệ hợp lý (khoảng 40% hoặc 50% tổng số đại biểu Quốc hội); tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng luật, đổi mới phương thức giám sát, đổi mới việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước trước tiên là cách thức quyết định ngân sách nhà nước.

- Cần tiếp tục nâng cao hiệu lực hoạt động của Chính phủ, thật sự là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xác định rõ hơn trách nhiệm chung của Chính phủ trong quản lý đất nước và của từng bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc quản lý ngành, lĩnh vực phụ trách; cải tiến việc phân định, phân cấp trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp chính quyền theo hướng phân cấp mạnh hơn nữa cho địa phương, kết hợp tốt việc quản lý theo ngành và theo lãnh thổ. Chính phủ khẩn trương hoàn thiện hợp lý cơ cấu tổ chức bộ máy của mình theo hướng Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực; từng bước sắp xếp, tổ chức lại các bộ, ngành ở trung ương, bảo đảm tinh gọn, hợp lý và được hiện đại hóa.

Tiếp tục quán triệt chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước một

cách sâu rộng, toàn diện, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Chú trọng cải cách thể chế hành chính; cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa các thủ tục trong các lĩnh vực có tác động trực tiếp tới đời sống và sản xuất kinh doanh của nhân dân; loại bỏ những khâu xin phép, xét duyệt không cần thiết; công khai các quy định, thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng giải quyết các khiếu kiện của nhân dân; chấn chỉnh bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu chuyên nghiệp hóa, nâng cao chất lượng cả về phẩm chất và năng lực, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện quan liêu, tham nhũng, thoái hóa, biến chất và các tiêu cực khác trong hệ thống hành chính. Có những giải pháp đồng bộ để khắc phục cho được hiện tượng thiếu trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức.

- Xác định HĐND và UBND trong một thể thống nhất của chính quyền địa phương. HĐND là cơ quan đại biểu đại diện cho nhân dân địa phương, hoạt động mang tính tự quản, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. UBND là cơ quan thường trực của HĐND và là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động tư pháp để xây dựng một nền tư pháp Việt Nam vững mạnh, minh bạch, bảo đảm công lý, công bằng, dân chủ, tận tụy phục vụ nhân dân; phải lấy việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án làm trung tâm của cải cách tư pháp.

Thực hiện việc tổ chức tòa án theo cấp xét xử (sơ thẩm và phúc thẩm); không tổ chức tòa án gắn với đơn vị hành chính; xây dựng hệ thống Tòa án theo hướng: Tòa án sơ thẩm khu vực được tổ chức ở một hoặc một số đơn vị hành chính cấp huyện; Tòa án cấp tỉnh chủ yếu xét xử phúc thẩm, Tòa thượng thẩm được tổ chức theo khu vực (nhiều tỉnh, thành phố) để xét xử phúc thẩm các vụ án mà Tòa án cấp tỉnh đã xét xử sơ thẩm mà có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ xét xử các vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và làm nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các tòa án áp dụng thống nhất pháp luật và ban hành án lệ.

Viện kiểm sát thực hiện chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp cần được tổ chức phù hợp hệ thống tổ chức của Tòa án. Nghiên cứu thành lập Viện Công tố thuộc Chính phủ và tiến tới thực hiện cơ chế: cơ quan công tố chỉ đạo, chỉ huy điều tra.

Tiếp tục tăng cường về chất lượng và số lượng đội ngũ điều tra viên; nghiên cứu tổ chức lại cơ quan điều tra theo hướng thu gọn đầu mối, có thể thành hệ thống

cơ quan độc lập thuộc Chính phủ hoặc thuộc hệ thống cơ quan công tố. Đổi mới công tác thi hành án theo hướng tập trung thống nhất quản lý vào một đầu mối.

Xây dựng cơ chế bảo hiến hữu hiệu. Nghiên cứu có thể thành lập Tòa án Hiến pháp (hoặc ủy ban bảo hiến) với chức năng bảo vệ Hiến pháp bằng thẩm quyền xét xử đề ra phán quyết về sự vi phạm Hiến pháp của các văn bản quy phạm pháp luật, xét xử các quyết định, hành vi vi hiến của cơ quan và cá nhân có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước và làm nhiệm vụ giải thích Hiến pháp, luật (trong điều kiện còn ban hành pháp lệnh thì giải thích pháp lệnh).

4- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng việc Đảng định hướng về tổ chức bộ máy nhà nước; lựa chọn, giới thiệu cán bộ để giữ các vị trí chủ chốt trong bộ máy nhà nước; lãnh đạo cơ quan nhà nước thể chế hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng thành pháp luật; tăng cường quản lý và kiểm tra tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên hoạt động trong bộ máy nhà nước, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy được tính chủ động, năng động và tự chịu trách nhiệm của những người được giao nhiệm vụ trong các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Qua trình bày ở trên, có thể thấy rằng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ta theo hướng Nhà nước pháp quyền XHCN là một quá trình tương đối lâu dài với những bước đi vững chắc gắn liền với quá trình đổi mới kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, phát triển nền dân chủ XHCN và tiếp tục đổi mới hệ thống chính trị. Chúng ta tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự nỗ lực phấn đấu bền bỉ của Nhà nước và nhân dân ta, Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân sẽ được tiếp tục xây dựng và trở thành hiện thực ở Việt Nam.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TS. THANG VĂN PHÚC

Thứ trưởng Bộ Nội vụ

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là hệ thống các phương pháp, các hình thức, các biện pháp mà Đảng tác động vào Nhà nước để hiện thực hóa ý chí và mục tiêu của Đảng. Về nguyên tắc, mục tiêu cao nhất của Đảng lãnh đạo Nhà nước là tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân bằng Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước trong quá trình xây dựng xã hội mới, nhằm làm cho mục tiêu của toàn bộ sự nghiệp cách mạng nói chung, của từng thời kỳ nói riêng được thực hiện có hiệu quả cao. Theo đó, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bị quy định bởi đặc tính khách quan và chức năng cơ bản của hệ thống tổ chức nhà nước và tính chất lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phản ánh mối quan hệ giữa mục tiêu và phương tiện, điều kiện đạt mục tiêu, hay nói rộng ra, đó là mối quan hệ giữa chức năng của hệ thống và cơ chế thực hiện.

Kinh nghiệm chỉ rõ rằng, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước và toàn xã hội là một trong những phương diện quan trọng của mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước nói chung.

Ở nước ta, yêu cầu giải quyết mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước được đặt ra ngay từ khi Đảng ta giành được chính quyền và trở thành Đảng cầm quyền. Về vấn đề này, từ năm 1922, V.I. Lê-nin đã phát hiện "những quan hệ không đúng" giữa Đảng và các cơ quan Xô-viết và thừa nhận "sửa chữa được hiện tượng đó là việc rất khó vì ở nước ta chỉ có một đảng cầm quyền duy nhất đang lãnh đạo". Người đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng "cần phân định một cách rõ ràng hơn nữa những nhiệm vụ của Đảng (và của Ban Chấp hành Trung ương của nó) với nhiệm vụ của chính quyền Xô-viết; tăng thêm trách nhiệm và tính chủ động cho các cán bộ Xô-viết và các cơ quan Xô-viết;... còn về đảng thì dành quyền lãnh đạo chung công

tác của tất cả các cơ quan nhà nước gộp chung lại, mà không can thiệp một cách quá thường xuyên, không chính quy và thường là nhỏ nhặt, như hiện nay"⁽¹⁾.

I - QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG HỆ THỐNG TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Từ khi cầm quyền, đặc biệt là trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng chăm lo, xây dựng, củng cố và hoàn thiện bộ máy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, và thực tế đã đạt được những thành tựu quan trọng. Thành tựu đó thể hiện sự phát triển, trưởng thành của Nhà nước ta trong hoạt động quản lý và tổ chức thực tiễn, đồng thời cũng đánh dấu sự phát triển của tiến trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã quyết định đường lối đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có nội dung quan trọng là đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Đó là các nhiệm vụ: Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể; xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý hành chính - xã hội và hành chính - kinh tế; điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội trong toàn xã hội theo kế hoạch, giữ vững pháp luật, kỷ cương nhà nước và trật tự xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, phát hiện những mất cân đối và đề ra những biện pháp để khắc phục; thực hiện quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao; xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó nêu rõ quan điểm cần thiết sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước. "Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương". "Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và

1. Lê-nin: Toàn tập, Nxb. Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr. 75

tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó". Đại hội VII cũng đã chủ trương cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ, coi trọng bản bạc tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của người đứng đầu Chính phủ, đứng đầu bộ, ngành trong quản lý và điều hành. Tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Tòa án nhân dân các cấp.

Theo đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (12-1991), khóa VII, nhấn mạnh: "Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện quan trọng nhất để tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho sự lãnh đạo của Đảng có chất lượng và có hiệu quả hơn, đồng thời làm cho sự quản lý và điều hành của nhà nước có hiệu quả, pháp luật được tôn trọng, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy". Đảng lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước. Cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo đó, ngày 15-4-1992, Quốc hội khóa VIII đã thông qua Hiến pháp sửa đổi, quy định những vấn đề cơ bản nhất về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (1-1995), khóa VII, chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính. "Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa"

Nghị quyết Trung ương 3 (6-1997), khóa VIII, đã khẳng định những thành tựu quan trọng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, để vừa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, trước thực tế là tổ chức bộ máy nhà nước còn nặng nề và chưa thật sự trong sạch, vững mạnh; sự lãnh đạo của Đảng chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước, Nghị quyết đã đề ra yêu cầu là cần nắm vững và thực hiện tốt ba nội dung trọng yếu về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là:

- Lãnh đạo các cơ quan nhà nước kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật.

- Tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

- Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (năm 1999), khóa VIII, chủ trương tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước trong tổng thể bộ máy của hệ thống chính trị. Coi cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.

Kết quả là, đã giảm dần sự can thiệp trực tiếp của các cơ quan đảng đối với Nhà nước; khắc phục phong cách hoạt động theo kiểu quan liêu, nặng về mệnh lệnh hành chính, xem nhẹ sự thuyết phục, giáo dục, nêu gương, kiểm tra của tổ chức đảng; cán bộ đảng bị công chức hóa...; từng bước quy chế hóa mối quan hệ lãnh đạo của các cơ quan đảng đối với các cơ quan nhà nước tương ứng; từng bước dân chủ hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bằng việc đưa ra cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược, chủ trương và chính sách lớn về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... Chú trọng việc kiện toàn các tổ chức đảng và giáo dục, rèn luyện đảng viên trong các cơ quan nhà nước, tăng cường đào tạo cán bộ nhà nước...

Đồng thời về phía Nhà nước cũng đã hạn chế dần, đi tới khắc phục tình trạng quản lý xơ cứng, giảm tính thụ động, ý lại vào cơ quan lãnh đạo của Đảng. Các tổ chức trong hệ thống bộ máy nhà nước đã được kiện toàn, củng cố và từng bước thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đại hội IX của Đảng đã tiếp tục khẳng định nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: "Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước...".

Việc khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng (Văn kiện Đại hội IX của Đảng và Điều 2, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung) đã thể hiện bước phát triển mới về quan điểm chính trị của Đảng ta; đồng thời cũng là sự đổi mới có tính nguyên tắc trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước nói chung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nói riêng. Nó đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn chỉnh cả về phía Đảng và cả phía Nhà nước.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu rõ: "Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước". Đó chính là sự đổi mới nhằm phát triển và tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

II - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

1 - Tiếp tục nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, tiếp tục đổi mới, nhận thức về Đảng và Nhà nước.

Đảng ta là đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội, nhưng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước; quyền lực của Đảng khác với quyền lực nhà nước.

Sự khác nhau đó quy định những điểm khác biệt về chức năng, nhiệm vụ, phương thức và phương pháp hoạt động giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội khác. Nếu không phân biệt rõ ràng, thấu đáo những khác biệt đó và đặc biệt là không kiên quyết, mạnh dạn chuyển biến từ đổi mới nhận thức sang đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng và cả Nhà nước thì không tránh khỏi tình trạng đã xảy ra là "Nhà nước hóa Đảng" và "hình thức hóa Nhà nước" làm cho Đảng trở nên hành chính hóa, quan liêu hóa kiểu nhà nước và Nhà nước thì không có thực quyền, vừa thụ động vừa trì trệ, xơ cứng trong quản lý. Thước đo hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện ở sức mạnh, hiệu lực thực tế của Nhà nước. Để quản lý, Nhà nước buộc phải dùng đến sức mạnh của tổ chức và hành chính cũng như sức mạnh cưỡng chế của luật pháp.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, nghị quyết, bằng công tác tổ chức cán bộ và kiểm tra việc Nhà nước thực hiện chấp hành đường lối, nghị quyết như thế nào, thông qua tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và thông qua các cơ quan chuyên trách của hệ thống đảng. Là lực lượng lãnh đạo chính trị, Đảng quyết định những vấn đề chính trị thuộc về chiến lược phát triển, về đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước nhưng Nhà nước lại tổ chức quyền lực, thực thi vai trò, chức năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội

bằng pháp luật. Do đó, Đảng không can thiệp sâu vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước có tính chất đặc thù của khoa học quản lý. Đảng cũng không thể lấn sân, bao biện, làm thay những công việc của chính quyền các cấp trong hệ thống quản lý hành chính... Điều đó chẳng những không hạ thấp và làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, mà trái lại, còn làm tăng thêm sức mạnh bảo vệ và tự bảo vệ của Đảng, tránh cho Đảng rơi vào tình trạng độc đoán, lạm quyền, vi phạm pháp luật và vi phạm dân chủ.

Hai là, phân định rõ mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và mục tiêu hoạt động của Nhà nước.

Mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thể chế hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả những quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Mục tiêu quản lý của Nhà nước là biến toàn bộ quan điểm chỉ đạo của Đảng trên các phương diện tương ứng nói trên trở thành hiện thực.

Mục tiêu lãnh đạo của Đảng và mục tiêu quản lý của Nhà nước có nội dung tương tự như nhau, nhưng nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và nội dung quản lý của Nhà nước nhằm đạt mục tiêu đó lại có nhiều điểm khác nhau. Điều đó được bộc lộ ở sự khác biệt giữa nhiệm vụ của Đảng với nhiệm vụ của Nhà nước. Với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, quan điểm có tính chiến lược và lãnh đạo việc tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện; mặt khác, Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước thể chế hóa, tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương, quan điểm, chính sách đó. Đảng không trực tiếp giải quyết các công việc của Nhà nước

Nhà nước bằng quyền lực của mình có nhiệm vụ "bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện".

Ba là, hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng khác với hệ thống tổ chức bộ máy của Nhà nước.

Hiện nay, cả hai hệ thống này đều đang đứng trước yêu cầu bức xúc phải đổi mới theo yêu cầu dân chủ - pháp quyền, trong sạch, vững mạnh, chống quan liêu tham nhũng có hiệu quả. Đảng đổi mới cơ chế lãnh đạo của mình đối với Nhà nước trên cơ sở tự chỉnh đốn Đảng, thực hiện dân chủ trong Đảng, "phải kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở" theo hướng tinh gọn và

tinh nhuệ, thể hiện thật rõ tính đặc thù của lãnh đạo chính trị. Sử dụng các chuyên gia giỏi vào công việc được chuyên môn hóa là một trong những cách tốt nhất để khắc phục tình trạng "thừa" bộ máy mà "thiếu" hoạt động, như tình hình đã xảy ra.

Đòi hỏi bức xúc hiện nay đối với Nhà nước trên con đường tiến tới Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tạo lập một hệ thống pháp luật đồng bộ, cải cách bộ máy hành chính nhà nước bảo đảm trong sạch, vững mạnh, hiệu lực và hiệu quả với đội ngũ công chức được đào tạo cơ bản, tinh thông chuyên môn nghiệp vụ, tận tụy mẫn cán, am hiểu pháp luật và tôn trọng pháp luật, có chế độ công vụ, kỷ luật và đạo đức công chức được đề cao.

Bốn là, phương pháp lãnh đạo của Đảng khác với phương pháp quản lý của Nhà nước; đào tạo, huấn luyện và bố trí, sử dụng cán bộ đảng khác với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ, công chức nhà nước.

Để bảo đảm thực hiện có hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng cần đổi mới tổ chức bộ máy đảng và nhà nước cùng đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao mặt bằng dân trí, nhất là tri thức pháp luật; nâng cao vai trò của các cơ quan có chức năng thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, tổ chức thực hiện pháp luật; nâng cao chất lượng của các ban đảng có chức năng tư vấn trong việc chỉ đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước tương ứng.

Năm là, đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ đảng viên.

Tiếp tục xây dựng Đảng trong tình hình mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, chất lượng và hiệu quả thực tế của các nghị quyết, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là đội ngũ tiên phong trong sự nghiệp mới, mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là hạt nhân lãnh đạo, là tấm gương có sức lôi cuốn, tập hợp nhân dân trong tiến trình thực hiện các mục tiêu của đổi mới kinh tế, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong cải cách tư pháp, trong thực hiện huy động sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Phát huy truyền thống người đảng viên cộng sản đã đi đầu, hy sinh trong sự nghiệp cách mạng giành độc lập dân tộc trước đây, cũng vẫn và mãi mãi là người đi đầu trong mọi lĩnh vực của sự nghiệp đổi mới, xây dựng phát triển đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Lãnh đạo chính trị của Đảng là lãnh đạo toàn diện ở tầm quan điểm, đường lối, nguyên tắc, phương hướng, chủ trương lớn, những vấn đề nhạy cảm, do đó, nó đòi hỏi trình độ khoa học, tư tưởng, trí tuệ cao, nhạy bén, sâu sắc, luôn vươn kịp tới trình độ hiện đại của thời đại.

2 - Yêu cầu thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và việc xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, những quan hệ cơ bản, nhất là quan hệ lãnh đạo và quản lý, phải được thể chế hóa - cả về quyền hạn lẫn trách nhiệm. Đảng vừa là một bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, vừa là người lãnh đạo hệ thống đó. Đảng là người lãnh đạo xây dựng Hiến pháp và pháp luật, nhưng Đảng cũng là một tổ chức chính trị, một bộ phận hữu cơ của xã hội; do đó, trong tổ chức và hoạt động của mình, Đảng phải tuân thủ đúng pháp luật, đảng viên và các tổ chức đảng không được đứng trên, đứng ngoài pháp luật. Hơn nữa, sự hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên không phải chỉ chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước mà còn chịu sự kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân và các tổ chức xã hội.

Mặt khác, trên phương diện pháp lý, có thể nói, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, mọi nghị quyết của Đảng chỉ có giá trị bắt buộc đối với đảng viên và tổ chức đảng tương ứng. Muốn những nghị quyết đó được thực hiện bằng sức mạnh của toàn dân, của toàn bộ quần chúng trong phạm vi lãnh đạo của cơ quan đảng tương ứng, chúng phải được thể chế hóa thành pháp luật, hay quy chế, quy định, chính sách... của cơ quan nhà nước. Nói cách khác, trong quản lý xã hội, pháp luật cần được xem là tối thượng, việc quản lý Nhà nước đơn thuần bằng nghị quyết cần được khắc phục triệt để.

Nhu cầu thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói chung và hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nói riêng xuất phát từ đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường, xã hội công dân ngày càng phát triển, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ngày càng trở nên chuyên nghiệp, hiện đại, nhu cầu dân chủ hóa đời sống xã hội ngày càng cao... Thể chế hóa vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng còn có ý nghĩa đề cao trách nhiệm của Đảng bằng pháp luật trước nhân dân.

Nhưng hiện nay, trong Hiến pháp chỉ mới ghi nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội nói chung (Điều 4). Do đó, các quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng về tổ chức bộ máy, nội dung và mục tiêu căn bản trong hoạt động của Nhà nước cần phải được thể chế hóa, công khai hóa và triển khai thực hiện bằng Nhà nước theo hệ chuẩn pháp luật đã xác định. Hệ thống quy phạm đó phải xác định rõ thẩm quyền, phạm vi và trách nhiệm... lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ của Nhà nước trong quan hệ với chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng.

Thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cần được cụ thể hóa cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của từng loại cơ quan

trong bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp, thích hợp với từng lĩnh vực và từng cấp hành chính. Ở đây, trước hết từ các nguyên tắc hiến pháp, hiến định, cần xác định rõ vai trò và phương thức lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đối với Quốc hội trong công tác tổ chức bộ máy nhà nước và việc thực hiện các chức năng lập hiến, lập pháp; giám sát tối cao; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; đồng thời, cần tính đến khả năng ban hành đạo luật quy định chi tiết về vai trò và phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đối với chính quyền các cấp.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là vấn đề hệ trọng, lớn và khó. Việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình cải cách, đổi mới để bổ sung, hoàn thiện hơn nữa cả nhận thức lý luận lẫn tổ chức thực hiện những quan điểm đó chắc chắn sẽ mang lại cho Đảng và Nhà nước ta những năng lực mới đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CÀM QUYỀN

GS. ĐẶNG XUÂN KỲ

(ĐCSVN)- Từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trải qua trên 3/4 thế kỷ đấu tranh đầy thử thách, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, từng bước trưởng thành và ngày càng lớn mạnh. Đảng đã bước lên vũ đài chính trị với tư cách người chiến sĩ tiên phong lãnh đạo cả dân tộc đi đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và 2 cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên CNXH.

Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được nhân dân Việt Nam thừa nhận hoàn toàn không phải ngẫu nhiên bởi mấy lẽ sau đây:

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời sau khi đã được Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị chu đáo về lý luận và về cán bộ để đưa phong trào công nhân và phong trào yêu nước từ tự phát đi đến tự giác, thiết lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

Hai là, ngay sau khi ra đời Đảng đã sớm xác định được đường lối cách mạng đúng đắn, phản ánh được nguyện vọng trước mắt và lâu dài của nhân dân. Đường lối cách mạng của Đảng được thể hiện trong Chính cương, Sách lược vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, được Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930 thông qua và không ngừng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển về sau này.

Ba là, Đảng đã xây dựng được một hệ thống tổ chức chặt chẽ từ trên xuống dưới và chuẩn bị một đội ngũ cán bộ, Đảng viên đến với các tầng lớp nhân dân để tuyên truyền, giáo dục, tổ chức nhân dân thực hiện mọi đường lối, chủ trương của Đảng; đồng thời cũng thu hút ngày càng nhiều những người ưu tú trong mọi giai tầng xã hội gia nhập Đảng, làm cho lực lượng của Đảng ngày càng lớn mạnh.

Bốn là, thông qua phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, Đảng không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, sẵn sàng hy sinh, xả thân vì sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, giữ được uy tín với nhân dân, được nhân dân tin cậy và thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng. Có thể thấy rõ là ở Việt Nam không có một Đảng phái yêu nước nào đã được xây dựng như Đảng Cộng sản Việt Nam. Vì vậy vai trò lãnh đạo của Đảng đã được khẳng định như

một tất yếu lịch sử: Nhân dân tìm thấy ở Đảng người dẫn đường trong đấu tranh cách mạng; Đảng tìm thấy ở nhân dân chỗ dựa vững chắc trong 2 cuộc cách mạng nối tiếp nhau, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng XHCN trong cả nước.

Đảng ta đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua 2 thời kỳ: từ năm 1930 đến năm 1945 là thời kỳ chưa giành được chính quyền; từ năm 1945 đến nay là thời kỳ Đảng lãnh đạo nhân dân xóa bỏ được chính quyền thực dân phong kiến để xây dựng chính quyền nhân dân, từ đó trở thành Đảng cầm quyền.

Lãnh đạo là "đề ra chủ trương, đường lối và tổ chức nhân dân thực hiện", còn cầm quyền có nghĩa là "nắm giữ chính quyền". Khái niệm Đảng lãnh đạo là để chỉ vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong toàn bộ tiến trình cách mạng Việt Nam; còn khái niệm Đảng cầm quyền là để chỉ vai trò của Đảng khi đã giành được chính quyền, cũng có nghĩa là Đảng lãnh đạo khi đã có chính quyền, lãnh đạo toàn xã hội bằng chính quyền, thông qua chính quyền và các đoàn thể nhân dân.

Khái niệm Đảng cầm quyền đã được Lênin nêu ra. Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh đã sử dụng các khái niệm như "Đảng giành được chính quyền", "Đảng nắm chính quyền", "Đảng cầm quyền". Những khái niệm này cũng đã được ghi trong các văn kiện của Đảng ta khi đề cập đến vai trò của Đảng đối với xã hội từ sau khi có chính quyền cách mạng. Ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc lại dùng khái niệm "Đảng chấp chính" để chỉ Đảng Cộng sản cầm quyền, còn các Đảng phái dân chủ khác là Đảng "tham chính", có nghĩa là "tham gia chính quyền ở một cương vị nào đó".

Ở nước ta, trong suốt 60 năm qua không phải chỉ có một Đảng Cộng sản là Đảng duy nhất có mặt trên chính trường Việt Nam. Trong năm đầu tiên của chính quyền cách mạng, từ tháng 9/1945 đến giữa năm 1946 đã có thêm 4 đảng phái khác tham gia chính quyền, trong đó có 2 đảng phái dân chủ là Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam ủng hộ Đảng Cộng sản và 2 đảng phản động là Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (gọi tắt và "Việt Quốc", "Việt cách") chống Đảng Cộng sản. Từ giữa năm 1946 đến năm 1988, ngoài Đảng Cộng sản lãnh đạo chính quyền chỉ còn 2 đảng phái dân chủ tiếp tục tham gia chính quyền - Đảng Dân chủ Việt Nam là đảng của giới công chức cũ và tư sản dân tộc và Đảng Xã hội Việt Nam là đảng của giới trí thức cũ đi theo cách mạng. Trong những năm tồn tại của mình cả 2 Đảng này đều thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và đã góp phần quan trọng vào việc củng cố và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, vào thắng lợi của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, kháng chiến

chống ngoại xâm và bước đầu của cách mạng XHCN trên phạm vi cả nước. Từ tháng 11 năm 1988 đến nay, trên chính trường Việt Nam chỉ còn lại một đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việc tồn tại một đảng hay nhiều đảng ở một nước là do những điều kiện lịch sử cụ thể quy định, không có một khuôn mẫu chung cho tất cả các nước, cũng như chung cho mọi giai đoạn, mọi thời kỳ trong phạm vi một nước. Nếu ở Việt Nam, Cu Ba hiện nay chỉ có một Đảng Cộng sản duy nhất có mặt trên chính trường, thì ở Trung Quốc, ngoài Đảng Cộng sản là đảng chấp chính còn có 8 đảng phái dân chủ khác tham chính, ủng hộ Đảng Cộng sản.

Sự lãnh đạo của Đảng khi đã có chính quyền khác rất nhiều so với khi chưa có chính quyền. Trước khi có chính quyền, Đảng không có bất cứ quyền lực nào đối với dân, đối với toàn xã hội. Trong điều kiện hoạt động bất hợp pháp, mọi đường lối, chủ trương của Đảng có đến được với dân hay không, chủ yếu là do các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên trực tiếp tuyên truyền, phổ biến đến các hội, đoàn thể nhân dân, đến các quần chúng "cốt cán" của Đảng, thậm chí đến từng người dân, từ đó tổ chức nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Cán bộ, đảng viên phải là những tấm gương sáng trong đấu tranh cách mạng và trong cuộc sống, có như vậy Đảng mới được dân tin, dân yêu, dân nuôi, dân bảo vệ. Mọi sự xa rời nhân dân đều có thể dẫn đến tổn thất cho cách mạng, trước hết cho ngay sinh mệnh của người cán bộ, đảng viên.

Khi Đảng đã giành được chính quyền thì chính quyền là công cụ mạnh mẽ để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc sống. Trước kia, muốn đưa một chủ trương của Đảng đến với quần chúng nhân dân đòi hỏi không biết bao nhiêu thời gian, công sức, thậm chí cả xương máu của không ít cán bộ, đảng viên. Khi đã có chính quyền thì việc đó lại được thực hiện hết sức thuận lợi, nhanh hơn và hiệu quả hơn rất nhiều.

Nói đến chính quyền là nói đến Nhà nước, đến pháp luật và quyền lực. Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước do Đảng Cộng sản lãnh đạo là Nhà nước kiểu mới, khác về bản chất so với Nhà nước của các giai cấp bóc lột. Đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhân dân mới là người chủ thực sự của Nhà nước. Đó là Nhà nước pháp quyền, thực hiện việc quản lý xã hội trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật. Mọi quyền lực của Nhà nước là quyền lực của dân, thuộc về dân. Hệ thống Nhà nước từ trên xuống dưới đều do nhân dân cử ra. Như Hồ Chí Minh đã nói, nếu Chính phủ làm hại đến lợi ích của dân, thì dân có quyền đuổi Chính phủ. Đảng cầm quyền là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội; Nhưng Đảng không phải là ông chủ mà lại là đầy

tớ của nhân dân, không phải đứng trên Nhà nước và pháp luật, mà phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Quyền của Đảng là ở chỗ xác định cho được đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn, lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và tổ chức nhân dân thực hiện. Đồng thời Đảng phải chịu trách nhiệm trước nhân dân về những đúng sai của mọi đường lối, chủ trương, chính sách đã đề ra. Quyền càng lớn, trách nhiệm lại càng nặng.

Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Hồ Chí Minh đã cùng với Đảng bắt tay ngay vào việc xây dựng Nhà nước kiểu mới ở nước ta, với một hệ thống chính quyền từ Trung ương đến tận cơ sở. Đó là Nhà nước dân chủ nhân dân, đại biểu cho mọi giai tầng xã hội, trước hết là công nhân, nông dân, những người lao động chân tay và trí óc là những giai tầng chiếm tuyệt đại đa số trong dân tộc. Nhà nước đó còn thu hút khá nhiều nhân sĩ, trí thức yêu nước, những quan lại cũ và đại biểu của các đảng phái ngoài Đảng Cộng sản tham gia Quốc hội, Chính phủ. Một cuộc tổng tuyển cử toàn quốc đã được tổ chức khi chính quyền cách mạng mới có 4 tháng tuổi và chưa đầy một năm sau đó, bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta đã được Quốc hội nhất trí thông qua. Khi đất nước đang trong tình trạng "ngàn cân treo sợi tóc", chính quyền còn rất non trẻ, phải có tầm nhìn xa trông rộng và quyết đoán chính xác của người đứng đầu, bản lĩnh vững vàng và sách lược mềm dẻo của Đảng lãnh đạo, sự đồng tâm quyết chí và quyết tâm lớn của đông đảo quần chúng nhân dân, mới có thể thiết lập được những cơ sở vững chắc như vậy cho chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta. Từ đó về sau hàng loạt sắc lệnh và luật được ban hành ngày càng nhiều để bảo đảm tính pháp quyền của Nhà nước.

Cùng với việc xây dựng bộ máy Nhà nước kiểu mới và ban hành Hiến pháp, pháp luật, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn quan tâm đến việc xây dựng cách lãnh đạo mới của Đảng và cách làm việc mới của cán bộ, đảng viên trong điều kiện Đảng cầm quyền. Những chỉ dẫn của Người về cách lãnh đạo, cách làm việc đã được nêu rõ trong tác phẩm "Sửa đổi lối làm việc" và nhiều bài viết về sau. Cách lãnh đạo, cách làm việc trong thời kỳ Đảng hoạt động bí mật không thể áp dụng khi đã có bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật mới hơn nữa còn phải thay đổi cho phù hợp với tình hình đất nước trong từng giai đoạn, từng thời kỳ nhất định - khi có nhiều Đảng phái tham chính khác với khi chỉ có Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền, cầm quyền trong điều kiện đất nước có chiến tranh khác với cầm quyền trong xây dựng hòa bình.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã sớm phát hiện thấy nhiều thứ tệ nạn xuất hiện trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ngay trong năm đầu tiên của chính quyền cách

mạng. Về sau Người đã tổng hợp lại và vạch rõ tham ô, lãng phí, quan liêu bắt nguồn từ chủ nghĩa cá nhân là ba thứ giặc nội xâm có thể biến một người có công thành kẻ có tội, thậm chí làm đổ vỡ cả sự nghiệp của Đảng. Đặc biệt cần phải quan tâm chinh đôn Đảng trước những bước ngoặt của cách mạng hoặc khi tình hình trong nước và thế giới có những biến động lớn. Điều này cũng giống như Lênin ngay sau Cách mạng Tháng Mười đã chỉ ra 3 thứ tệ nạn của Đảng Cộng sản cầm quyền là quan liêu, đốt nát, kiêu ngạo cộng sản, thành quả của Cách mạng Tháng Mười có giữ vững được hay không, nước Nga Xô Viết có xây dựng được CNXH hay không cũng tùy thuộc và cuộc đấu tranh của Đảng Cộng sản Nga chống lại 3 thứ tệ nạn đó.

Nhưng vấn đề bao trùm nhất mà Hồ Chí Minh đặt ra khi Đảng ta đã trở thành đảng cầm quyền là phải xác định cho được đường lối đúng đắn để phục hưng và phát triển đất nước, xây dựng thành công CNXH với nội dung là: hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, như về sau Người đã viết trong Di chúc. Để có được đường lối đúng đắn, Đảng phải nâng cao trình độ lý luận, trình độ hiểu biết thực tiễn, trình độ vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin để tìm ra quy luật phát triển của cách mạng nước ta, không giáo điều, rập khuôn, không bảo thủ trì trệ, không chủ quan, duy ý chí, không say sưa với thắng lợi đã giành được. Đặc biệt, Người đã chỉ rõ trong xây dựng CNXH phải căn cứ vào thực tiễn Việt Nam để vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm giải quyết những vấn đề mà thực tiễn Việt Nam đang đặt ra. Vì vậy, nếu chúng ta có làm khác Liên Xô, Trung Quốc nhưng đem lại lợi ích cho dân cho nước thì như vậy cũng là mác xít. Đó là những chỉ dẫn hết sức quan trọng định hướng cho tư duy lãnh đạo của Đảng trong mọi giai đoạn, mọi thời kỳ cách mạng.

Những quan điểm trên đây rất rõ ràng, dễ hiểu, nhưng thực hiện cho được lại hoàn toàn không dễ dàng, đơn giản. Thực tiễn ở nước ta cũng như ở tất cả các nước XHCN khác đã chứng tỏ việc xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền không phải chỉ có thuận lợi mà còn không ít thách thức và nguy cơ không thể coi thường. Thách thức là những vấn đề mới đòi hỏi Đảng phải chấp nhận, phải giải quyết hay vượt qua. Nguy cơ là những gì có thể đe dọa vận mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ XHCN, đòi hỏi Đảng phải đề phòng, ngăn chặn hoặc đẩy lùi. Đối với một Đảng Cộng sản cầm quyền thì nguyên nguy cơ lớn nhất là nguy cơ từ bên trong do mặt trái của quyền lực gây ra. Nếu quyền lực có sức mạnh to lớn trong việc cải tạo hiện thực, xây dựng xã hội mới, thì cũng có mặt trái có thể làm tha hóa con người, thậm chí làm tha hóa cả một đảng cầm quyền. Mặt trái ấy như một ma lực cuốn hút con người vào vòng xoáy của quyền lực, làm cho con người khi đã nắm quyền lực trong tay rất

để biến quyền lực của nhân dân thành quyền lực của mình, biến mình từ chỗ là người được giao quyền lực điều hành quyền lực thành người sở hữu quyền lực. Những kẻ nắm quyền lực như vậy sẽ nhanh chóng rơi vào các tệ nạn như lợi dụng quyền lực để tham nhũng, vợ vét của dân, tiêu xài sa hoa lãng phí, ăn chơi xa đọa còn hơn cả các giai cấp bóc lột; lạm quyền, lộng quyền để ức hiếp nhân dân, chèn ép cấp dưới; dựa vào quyền lực, chạy theo quyền lực, tranh giành quyền lực để gây bè cánh, từ đó phá hoại sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Thời kỳ Khai sáng thế kỷ XVIII ở Pháp, Montesquieu đã nêu rõ một kinh nghiệm của muôn đời là tất cả những người có quyền lực đều dễ lạm dụng quyền lực; Đến cuối thế kỷ XIX, Lord Acton - nhà sử học đồng thời là nhà triết học người Anh cũng đã đi đến một kết luận là quyền lực rất dễ dẫn đến hư hỏng, quyền lực tuyệt đối dẫn đến hư hỏng tuyệt đối. Những luận điểm ấy hoàn toàn có lý khi xem xét mặt trái của quyền lực trong các chế độ xã hội khác nhau. Phải thấy rõ điều đó không phải để chịu bất lực trước mặt trái của quyền lực, mà để tìm cách phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi nó như Lênin, Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn cho Đảng Cộng sản khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền.

Khi sinh thời, Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng Đảng ta trở thành đảng cầm quyền đứng ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Những tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí tuy có xảy ra nhưng không nhiều. Sở dĩ được như vậy là do Hồ Chí Minh đã sớm dự báo tình hình, phát hiện kịp thời và đòi hỏi Đảng không được che giấu, mà phải kiên quyết đấu tranh chống những tệ nạn khi chúng mới xảy ra ở một số ít cán bộ, đảng viên. Và điều quan trọng là cùng với việc tự mình nêu một tấm gương mẫu mực cho toàn Đảng, toàn dân, Người đã tập trung vào khâu quyết định nhất là xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng thực sự có đức, có tài, thực sự tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và thời đại. Người đứng đầu và những người lãnh đạo chủ chốt có trong sạch, vững mạnh mới có thể lãnh đạo xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh. Đây là một trong những bài học lớn mà Hồ Chí Minh đã để lại cho Đảng ta, mãi mãi có ý nghĩa chỉ đạo việc xây dựng Đảng để Đảng xứng đáng là Đảng cầm quyền chân chính, đội tiên phong lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc đi tới thắng lợi cuối cùng của độc lập dân tộc và CNXH.

Thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước năm 1975, từ đó đưa

nước ta bước vào một thời kỳ mới - thời kỳ cả nước quá độ lên CNXH. Thời kỳ mới có những điều kiện mới, những thời cơ, thách thức, nguy cơ mới do những biến đổi của tình hình trong nước và thế giới đặt ra. Việc cầm quyền của Đảng trong thời kỳ mới cũng phải thay đổi, không thể giống như trước kia khi có chiến tranh. Tuy nhiên, do chủ quan duy ý chí và có phần say sưa với những thắng lợi lớn đã giành được, do giáo điều rập khuôn về xây dựng CNXH, do có những sai lầm về chỉ đạo chiến lược và về những chủ trương, chính sách lớn, hơn nữa còn do không chú ý đầy đủ đến những di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cầm quyền, Đảng ta đã bỏ lỡ thời cơ thuận lợi sau khi giải phóng miền Nam để khôi phục và phát triển đất nước và đã để đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội từ cuối những năm 70 thế kỷ XX. Phải đến Đại hội VI năm 1986, Đảng ta mới vạch ra được đường lối đổi mới toàn diện, đưa nước ta bước vào một thời kỳ phát triển mới.

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới và vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cầm quyền, Đảng ta đã chủ trương đổi mới Đảng về tư duy, về tổ chức, về đội ngũ cán bộ, về phương thức lãnh đạo và phong cách công tác, coi thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Chính vì vậy, qua 20 năm đổi mới, Đảng và nhân dân ta đã thu được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường đi lên của đất nước, tạo tiền đề và điều kiện cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng XHCN hiện nay.

Nếu việc khẳng định những thành tựu đã đạt được là cần thiết, thì việc đánh giá cho đúng những hạn chế, yếu kém, nhất là những hạn chế, yếu kém trong việc xây dựng Đảng cầm quyền lại càng cần thiết hơn. Như Đảng ta đã khẳng định, Đảng cần phải tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ hơn nhiều vấn đề lý luận về CNXH và về con đường đi lên CNXH ở nước ta, tiếp tục hoàn chỉnh thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và cả hệ thống chính trị, phong cách công tác của cán bộ, đảng viên, xây dựng và tổ chức một đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ.

Từ thực tiễn đổi mới của đất nước và sự lãnh đạo của Đảng, có thể thấy trong những năm gần đây cho đến Đại hội X của Đảng vừa qua, nhiều vấn đề về xây dựng Đảng cầm quyền chưa ngang tầm với nhiệm vụ mới; Đặc biệt là vấn đề chống suy thoái về tư tưởng chính trị và về đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên mà tập trung nhất là vấn đề chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu những vấn nạn đang trở

thành bức xúc nhất, gây nên những bất ổn xã hội và làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Vì vậy, để thực hiện những nhiệm vụ mà Đại hội X của Đảng đã đặt ra cho thời gian tới, việc vận dụng và phát triển những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cầm quyền thực sự là yêu cầu chính trị quan trọng. Trong Đảng ta, nếu việc làm theo Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng nhiều như chúng ta vẫn thường nói về tư Tưởng Hồ Chí Minh, chắc chắn những tệ nạn đối với một Đảng cầm quyền là hoàn toàn có thể ngăn chặn và đẩy lùi được; Đảng ta sẽ mãi mãi là Đảng của Hồ Chí Minh xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân trên con đường phục hưng và phát triển đất nước.

MÁY BÀI HỌC VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ CỦA 20 NĂM ĐỔI MỚI

XUÂN HẢI

(ĐCSVN) - Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, công tác cán bộ có nhiều đổi mới, có nhiều tiến bộ, góp phần xây dựng được một đội ngũ cán bộ hùng mạnh, phục vụ kịp thời, có hiệu quả cho công cuộc đổi mới và đáp ứng cho sự nghiệp phát triển tương lai. Phân tích đặc điểm, tình hình công tác cán bộ từ Đại hội VI đến nay, bước đầu có thể rút ra một số bài học bổ ích sau đây:

1. Công tác cán bộ phục vụ nhiệm vụ chính trị, chịu sự chỉ đạo của đường lối chính trị, do vậy, song song với việc chuẩn bị đường lối chính trị phải chăm lo ngay tới công tác cán bộ

Chúng ta biết rằng đường lối chính trị thế nào, thì đòi hỏi cán bộ phải có trình độ, năng lực đáp ứng và phục vụ thế ấy. Đường lối chính trị đúng là cơ sở cho công tác cán bộ đúng hướng. Ngược lại, đường lối chính trị sai lầm thì đường lối cán bộ và công tác cán bộ sẽ sai lầm. Từ đó, cho thấy muốn có đường lối đúng phải có cán bộ tốt, muốn có cán bộ tốt thì phải coi trọng công tác cán bộ, đặt toàn bộ công tác cán bộ trong nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Việc đầu tiên cần chú ý khi chăm lo tới công tác cán bộ là phải có một đường lối tổ chức nhất quán với những nguyên tắc cơ bản chịu sự quy định của đường lối chính trị. Đường lối tổ chức là sự thể hiện vai trò chủ động tích cực trên cơ sở dự báo đúng đòi hỏi của sự phát triển tình hình và nhiệm vụ. Đường lối tổ chức phải mang tính toàn diện thể hiện rõ các quan điểm về hệ thống tổ chức bộ máy, cơ chế vận hành của bộ máy, các chính sách cơ bản về đào tạo, sử dụng và đãi ngộ...

Xuất phát từ đường lối tổ chức, Đảng ta đã xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ cách mạng mới. Chiến lược cán bộ là thể hiện cụ thể của đường lối cán bộ trên phương diện cán bộ. Chiến lược cán bộ bao gồm nhiều nội dung quan trọng, khẳng định rõ ràng mục tiêu, yêu cầu và tiêu chuẩn của cán bộ thời kỳ mới, khẳng định rõ các nhiệm vụ và chính sách, chủ trương quan trọng về công tác cán bộ như: đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, quy hoạch, sử dụng, luân chuyển và quản lý cán bộ. Chiến lược cần vạch rõ việc xây dựng một hệ thống cán bộ từ cơ sở đến Trung ương là một nhiệm vụ cấp bách, trong đó nhấn mạnh cần quan tâm hàng đầu tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược. Kinh nghiệm của những năm đổi mới vừa qua cho hay, trong thời điểm quyết định, hoặc có tính chất bước ngoặt, vận nước đặt

trong tay cán bộ cấp chiến lược. Xây dựng sai, bố trí sai đội ngũ cán bộ chiến lược sẽ dẫn tới nguy cơ tan rã chế độ, mất chính quyền, mất nước.

2. Công tác cán bộ phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và thống nhất của Đảng

Đảng lãnh đạo công tác cán bộ là một vấn đề có tính nguyên tắc. Đây là một trong những bài học mang tính quan điểm, cơ bản sâu sắc của Đảng ta từ khi thành lập đến nay. Trong những năm đổi mới vừa qua, bài học này rất bổ ích, nó luôn luôn là nhân tố quyết định sự thành công của công tác cán bộ.

Công tác cán bộ đặt trực tiếp dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng tức là Đảng định ra đường lối, chính sách cán bộ và trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ trong Đảng và cả hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, vai trò lãnh đạo trực tiếp và thống nhất của Đảng đối với công tác cán bộ còn được thông qua các đảng viên và các tổ chức của Đảng trong các cơ quan Nhà nước, trong các tổ chức đoàn thể quần chúng. Đảng quyết định sự phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp uỷ, các ban cán sự đảng, đảng đoàn trong ngành và các địa phương.

Sự lãnh đạo của các cấp uỷ là nhân tố quyết định tạo ra sự thành công của công tác cán bộ. Ở đâu cấp uỷ và bí thư cấp uỷ nắm vững đường lối, quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ, thật sự đổi mới, thật sự dân chủ khách quan và quan tâm chỉ đạo trực tiếp tới công tác cán bộ thì ở đó chắc chắn có được một đội ngũ cán bộ tốt, chắc chắn công tác cán bộ, công tác xây dựng Đảng được tiến hành tốt.

Cấp uỷ là nhân tố quyết định nhưng bên cạnh đó phải có các cơ quan tham mưu và đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ tốt. Do đó, xây dựng bộ máy làm công tác cán bộ chuyên sâu có tinh thần trách nhiệm, có bản lĩnh vững vàng, có đạo đức cách mạng trong sáng, biết hy sinh, có trình độ nghiệp vụ là hết sức cần thiết.

3. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ

Tập trung dân chủ là nguyên tắc hoạt động cơ bản của Đảng ta và cũng là nguyên tắc chỉ đạo toàn bộ công tác cán bộ. Đây là một trong những bài học sâu sắc của công tác cán bộ trong những năm đổi mới vừa qua.

Chỉ có tập trung vào sự lãnh đạo của Đảng, mà cụ thể là cấp uỷ, chỉ có thực hiện tốt dân chủ thì công tác cán bộ mới đạt được mục tiêu đã đề ra.

Tập trung và dân chủ kết hợp biện chứng với nhau, tạo ra sức mạnh của công tác cán bộ. Tập trung và dân chủ được thực hiện tốt sẽ bảo đảm cho công tác cán bộ luôn luôn khách quan, công bằng.

Bảo đảm tập trung dân chủ là bảo đảm vai trò lãnh đạo của tập thể cấp uỷ và đề cao vai trò của người đứng đầu, bí thư cấp uỷ. Toàn bộ các quyết định quan trọng về

công tác cán bộ nhất thiết phải do tập thể cấp uỷ có thẩm quyền quyết định. Cá nhân có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của tập thể.

Bảo đảm tập trung dân chủ trong công tác cán bộ còn là bảo đảm tốt việc mở rộng dân chủ trong tất cả các lĩnh vực của công tác cán bộ. Dân chủ trong đánh giá, bố trí, sử dụng, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đãi ngộ. Bảo đảm tốt dân chủ sẽ khắc phục được tình trạng tùy tiện, áp đặt, gia trưởng, chủ quan trong công tác cán bộ.

Để bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ, trong 20 năm qua, Đảng ta đã cụ thể hoá các nội dung công tác cán bộ thành các quy định cụ thể. Các quy định đó phải được thực hiện thống nhất, đồng bộ trong tất cả các cấp các ngành. Sau khi ban hành chiến lược cán bộ, Đảng và Nhà nước ta đã khẩn trương xây dựng hàng loạt các quy chế về đánh giá, sử dụng, luân chuyển, quản lý cán bộ, quy chế tuyển chọn, quy chế khen thưởng, quy chế bầu cử... Đi kèm theo các quy chế đó là vạch ra các quy trình thực hiện cụ thể của từng công việc.

4. Muốn có đội ngũ cán bộ tốt phải luôn luôn có chính sách đại đoàn kết, trọng dụng nhân tài của đất nước, tập hợp rộng rãi đội ngũ cán bộ

Đoàn kết, tập hợp rộng rãi đội ngũ cán bộ, trọng dụng nhân tài của đất nước không kể họ là ai, ở trong Đảng, ngoài Đảng, dân tộc, tôn giáo, trong nước hay Việt kiều ở nước ngoài. Cũng không mặc cảm, định kiến với những người có quá khứ sai lầm nay đã sửa chữa tiến bộ. Ai có tài năng, ai có nhiệt huyết phụng sự tổ quốc, đất nước, nhân dân đều được trọng dụng.

Trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần hiện nay, trong điều kiện thực thi nền kinh tế thị trường, trong điều kiện tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, việc trọng dụng nhân tài là hết sức quan trọng. Lúc này đây, chúng ta cần rất nhiều người đủ đức, đủ tài để đảm đương công việc, do vậy, biết sử dụng người tài là một đòi hỏi cấp thiết. Như vậy, muốn trọng dụng người tài tốt phải nắm vững và quán triệt đầy đủ, sâu sắc quan điểm giai cấp công nhân của Đảng về công tác cán bộ. Để đoàn kết và tập hợp tận dụng được nhân tài chúng ta cần khắc phục lối làm việc tùy tiện, lúc nhấn mạnh coi trọng thành phần giai cấp, lúc nhấn mạnh, coi trọng bằng cấp, học vị hoặc coi trọng nhấn mạnh quá trình cống hiến.

Muốn trọng dụng tốt người tài, tập hợp và đoàn kết rộng rãi đội ngũ cán bộ chúng ta phải xây dựng được tiêu chuẩn của người cán bộ trong giai đoạn mới. Chúng ta hiểu rằng mỗi giai đoạn cách mạng, ứng với nhiệm vụ chính trị, đòi hỏi phải có người cán bộ thích hợp.

Trong giai đoạn thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá xây dựng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh hiện nay, người cán bộ nói chung cần phải đạt các tiêu chuẩn là:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định phấn đấu vì chủ nghĩa xã hội, quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối cách mạng của Đảng.

- Có đạo đức cách mạng trong sáng, thẳng thắn, trung thực, đấu tranh bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, có ý thức tổ chức kỷ luật, cần kiệm liêm chính chí công vô tư, gắn bó với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, gìn giữ sự đoàn kết trong Đảng.

Những tiêu chuẩn trên quan hệ chặt chẽ với nhau, không thể coi nhẹ một mặt nào. Nó tạo nên hai mặt đức và tài của người cán bộ.

Muốn trọng dụng tốt người tài, tập hợp và đoàn kết rộng rãi đội ngũ cán bộ chúng ta cần phải thật sự công bằng trong việc thực hiện chính sách đãi ngộ đối với cán bộ.

5. Muốn có đội ngũ cán bộ tốt phải thực hiện tốt quản lý, giám sát và bảo vệ cán bộ

Quản lý cán bộ là quản lý con người, chủ thể quản lý ở đây là thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tập thể cấp uỷ... Đối tượng quản lý ở đây là cán bộ, nhân viên dưới quyền. Quản lý cán bộ là chủ thể quản lý nắm và quản lý toàn bộ thông tin về cán bộ để từ đó chủ thể quản lý có những quyết định quan trọng về công tác cán bộ. Quản lý cán bộ là một quan hệ phức tạp, một quan hệ tổng hợp nhiều mặt về kinh tế, tổ chức, hành chính, pháp lý, tâm lý, xã hội... Quan hệ có chủ đích, chủ thể quản lý xây dựng các nguyên tắc, hình thức và phương pháp quản lý.

Giám sát cán bộ là chủ thể quản lý theo dõi, kiểm tra cán bộ theo một quy trình kín nhằm giúp chủ thể quản lý nắm chắc cán bộ, sử dụng cán bộ phục vụ tốt chủ đích của mình, giúp cho chủ thể quản lý luôn luôn chủ động trong mọi quan hệ với đối tượng quản lý. Giám sát là công việc thường xuyên, kéo dài, có chủ đích, và chủ động của chủ thể quản lý.

Bảo vệ cán bộ là hành vi của chủ thể quản lý và người bị quản lý nhằm chống lại sự tác động, xâm phạm nhằm giữ gìn phẩm chất và uy tín cán bộ.

Nội dung quản lý, giám sát và bảo vệ cán bộ bao gồm toàn bộ các hoạt động của cán bộ, đạo đức và uy tín cán bộ theo mục tiêu, định hướng của chủ thể quản lý đặt ra. Như vậy, nội dung chủ yếu của quản lý, giám sát và bảo vệ cán bộ chính là toàn bộ đời sống chính trị của cán bộ.

Phạm vi quản lý, giám sát và bảo vệ là toàn diện, chủ động, tích cực, thường trực. Phương pháp quản lý, giám sát và bảo vệ chủ yếu bằng các quy chế tổ chức, hành chính, pháp lý, đôi khi có cả các biện pháp tâm lý, xã hội...

6. Có chính sách cán bộ thống nhất và công bằng

Chặng đường đổi mới 20 năm, công tác cán bộ còn cho chúng ta một bài học

rất bỏ ích về chính sách cán bộ. Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc, vấn đề chính sách cán bộ chưa tác động nhiều đến tâm tư, tình cảm cán bộ, bởi vì tất cả tình cảm, ý chí của mọi người đều dồn cho chiến đấu bảo vệ tổ quốc, tất cả cho chiến thắng. Lúc đó người ta ít nghĩ tới lợi ích cá nhân, so bì thiệt hơn. Nhưng tới giai đoạn này tình hình đã khác, trong hoàn cảnh hoà bình, phát triển kinh tế thị trường, vấn đề lợi ích cá nhân lại là vấn đề lớn bởi vậy có thể khẳng định rằng, chính sách cán bộ là một công cụ quan trọng tạo ra động lực để xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ.

Chính sách cán bộ được hiểu ở đây với phạm trù rộng rãi, toàn diện bao gồm cả chính sách về tinh thần, vật chất thúc đẩy sự phát triển, phấn đấu của cả đội ngũ cán bộ. Nó bao gồm các chính sách về đào tạo, bồi dưỡng sử dụng và đãi ngộ về vật chất như tiền lương, nhà ở, phương tiện đi lại, chữa bệnh lúc ốm đau và nghỉ ngơi khi đến tuổi về hưu...

Chính sách cán bộ cần phải được thực hiện thống nhất và công bằng: thống nhất từ trên xuống dưới, thống nhất trong các bộ ngành, thống nhất trong bộ máy nhà nước cũng như bộ máy Đảng. Công bằng nhưng không cào bằng. Công bằng ở đây phải được hiểu là tạo điều kiện cho những người có công, những người làm việc ở vùng khó khăn, các con em vùng dân tộc thiểu số. Công bằng ở đây là thể hiện sự chăm lo tới những người ưu tú, người có đức có tài, là sử dụng, bồi dưỡng, đào tạo đúng người, đúng việc, đúng tiêu chuẩn. Công bằng giữa nghĩa vụ cống hiến và quyền lợi.

7. Xây dựng tốt bộ máy và đội ngũ những người làm công tác cán bộ

Xây dựng tốt bộ máy và đội ngũ những người làm công tác cán bộ là một trong những bài học không kém phần quan trọng rút ra từ công tác cán bộ của gần 20 năm đổi mới.

Thực tiễn cho hay rằng, tập thể cấp uỷ, người đứng đầu cấp uỷ chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác cán bộ, nhưng nếu không có bộ máy giúp việc chuyên trách thạo việc thì các quyết sách về công tác cán bộ sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Ở đâu có bộ máy giúp việc về công tác cán bộ tốt, có đội ngũ những người làm công tác cán bộ thạo việc, trung thành, trung thực, khách quan công bằng thì ở đó công tác cán bộ luôn luôn thuận lợi và có được một tập thể đội ngũ cán bộ đoàn kết, thống nhất, hăng hái quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Ở đâu bộ máy giúp việc và người giúp việc về công tác cán bộ lỏng lẻo, ý thức kém, không thạo việc thì ở đó công tác cán bộ luôn luôn lỏng lẻo, vi phạm các nguyên tắc của công tác cán bộ.

NĂM BẮT THỜI CƠ, VƯỢT QUA THÁCH THỨC, THỰC HIỆN THẮNG LỢI ĐƯỜNG LỐI ĐỔI NGOẠI ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN DUY NIÊN

*** Bộ trưởng Bộ Ngoại giao**

Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ X (4-2006), sự kiện chính trị trọng đại của đất nước đã thành công tốt đẹp, đánh dấu mốc son mới trên con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân đưa đất nước phát triển lên một tầm cao mới trước những vận hội to lớn đang mở ra cho dân tộc Việt Nam.

Diễn ra vào thời điểm đất nước ta đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, Đại hội X của Đảng đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và 20 năm tiến hành công cuộc Đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, trên cơ sở đó xác định mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước cho giai đoạn tiếp theo 2006 - 2010. Đại hội đánh giá cao những thành tựu đất nước ta đã đạt được qua 20 năm đổi mới, đồng thời xác định rõ thời gian tới tuy còn nhiều khó khăn nhưng đất nước ta có nhiều cơ hội để tiến lên; toàn dân tộc ta phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn với mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Để góp phần thực hiện thành công mục tiêu đó, công tác đối ngoại có vai trò rất quan trọng. Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã xác định rõ nhiệm vụ của công tác đối ngoại trong giai đoạn tới là "giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội". Trong môi trường đối ngoại hiện nay và trước những yêu cầu ngày càng khắt khe của sự nghiệp đổi mới toàn diện, việc tạo dựng, gìn giữ một môi trường quốc tế hòa bình đồng thời tranh thủ tối đa các

nguồn lực bên ngoài cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi công tác đối ngoại phải luôn được thực hiện trên tinh thần đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và mang lại hiệu quả lớn hơn.

I - Những thuận lợi và thách thức trong công tác đối ngoại 5 năm tới

Sau 20 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, thế và lực của đất nước ta ngày càng được tăng cường. Đây là *thuận lợi trước hết và cơ bản nhất* trong bối cảnh tình hình nước ta hiện nay. Với nền kinh tế tăng trưởng nhanh và môi trường chính trị - xã hội luôn ổn định, Việt Nam ngày càng tỏ rõ sức hút mạnh mẽ đối với các đối tác kinh tế, thương mại và đầu tư nước ngoài. Sự nghiệp đổi mới của chúng ta luôn được thế giới đánh giá cao, coi đây là một trong những công cuộc cải cách thành công nhất. Trong bối cảnh đó, việc Đại hội X khẳng định Việt Nam sẽ tiếp bước mạnh mẽ trên con đường đổi mới đã được cộng đồng quốc tế nhiệt liệt hoan nghênh. Không khí dân chủ, nghiêm túc, nhìn thẳng vào sự thật của Đại hội và quyết tâm nâng cao năng lực của Đảng nhằm lãnh đạo đất nước vươn tới phồn vinh đã tạo nên hình ảnh đầy sức thuyết phục về một Việt Nam đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế.

Thuận lợi cơ bản thứ hai là cùng với sự lớn mạnh của đất nước, vị thế của Việt Nam trong những năm qua ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đánh giá về thành tựu của công tác đối ngoại trong những năm đổi mới, Nghị quyết Đại hội X đã nêu rõ "trong tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, quan hệ đối ngoại đã có bước phát triển mới, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và tích cực, vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao", góp phần quan trọng vào việc gia tăng sức mạnh tổng hợp của đất nước. Trong những năm qua, công tác đối ngoại đã trở thành mặt trận quan trọng trong thời bình, góp phần giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, tạo những điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, chúng ta đã tạo dựng được khuôn khổ quan hệ hợp tác hữu nghị, ổn định lâu dài và ngày càng đi vào chiều sâu với các nước láng giềng, khu vực. Đồng thời, từ việc bình thường hóa quan hệ, chúng ta từng bước nâng cấp, xác lập khuôn khổ quan hệ hữu nghị hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, các trung tâm kinh tế - chính trị lớn, các nước công nghiệp phát triển, tạo bước đột phá trong quan hệ quốc tế của Việt Nam. Bên cạnh các mối quan hệ đó, chúng ta chủ động củng cố, phát triển quan hệ hợp tác với các nước bạn bè truyền thống, các nước đang phát triển trên thế giới. Sự trưởng thành đáng tự hào của Ngoại giao Việt Nam còn được thể hiện ở hoạt động ngoại giao đa phương với việc chúng ta tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn;

ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế cũng như công tác về người Việt Nam ở nước ngoài có những bước phát triển mới góp phần tạo ra nguồn lực quan trọng từ bên ngoài phục vụ công cuộc phát triển đất nước. Có thể nói, hiện nay chúng ta đang tạo được một môi trường quan hệ và hợp tác quốc tế thuận lợi hơn bao giờ hết, những thành tựu đạt được có ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở thuận lợi cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới.

Thuận lợi thứ ba là mặc dù tình hình thế giới và khu vực trong 5 năm tới vẫn có thể diễn biến phức tạp nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn và chủ đạo. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng gia tăng vai trò của mình trong các mối quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế quốc tế nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam thúc đẩy quan hệ với tất cả các đối tác, các nước trên cơ sở vừa tranh thủ vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế của Việt Nam, vừa phát huy những tiềm năng, thế mạnh riêng của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản đó, chúng ta cũng đang đứng trước những thách thức không thể coi nhẹ. Về chủ quan, đó là nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Quá trình hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và triển vọng gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đòi hỏi chúng ta phải gia tăng sức cạnh tranh trong toàn nền kinh tế, từng ngành, nghề, lĩnh vực. Các vấn đề quan liêu, tham nhũng, lãng phí nếu không được giải quyết tích cực sẽ làm suy giảm nội lực và tác động không thuận đến hình ảnh và vị thế của Việt Nam trước quốc tế.

Về khách quan, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới tiếp tục tác động nhiều chiều tới an ninh và sự phát triển của Việt Nam: kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường; toàn cầu hóa tạo ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Bên cạnh những vấn đề an ninh truyền thống như chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ... tiếp tục diễn biến phức tạp, các vấn đề an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, khí hậu liên tục nổi lên. Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông - Nam Á, quá trình tập hợp lực lượng giữa các nước lớn đã và đang tác động phức tạp tới các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, chúng ta phải cảnh giác trước những âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn, những hành động ầm núp dưới các chiêu bài khác nhau hòng gây mất ổn định chính trị trong nước.

II - Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới

Những thuận lợi và khó khăn đặt ra trên con đường phát triển đất nước đòi hỏi chúng ta phải kiên trì nguyên tắc, song linh hoạt về sách lược, có những lựa chọn đúng đắn, phù hợp về đường lối, tranh thủ mọi cơ hội, đẩy lùi và giảm thiểu các nguy cơ, thách thức nhằm bút phá, tạo thế và lực mới cho đất nước.

Về đường lối chung, Nghị quyết Đại hội Đảng X đã khẳng định rõ chúng ta tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế với phương châm Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Đây là đường lối đã được phát triển và ngày càng được hoàn thiện trong 20 năm đổi mới cũng như trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của nước ta trên trường quốc tế.

Trên cơ sở những kinh nghiệm đúc kết được qua thực tiễn đối ngoại phong phú và sôi động những năm qua, trong việc triển khai thực hiện đường lối và phương châm đối ngoại của Đại hội X, chúng ta cần quán triệt những tinh thần chỉ đạo sau:

Thứ nhất, cần luôn phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường; luôn đặt lợi ích của quốc gia, của dân tộc lên hàng đầu. Đây là tinh thần chỉ đạo quan trọng nhất trong việc hoạch định cũng như triển khai thực hiện chính sách đối ngoại. Hiện nay, có thể nói lợi ích quốc gia tối cao của chúng ta là bảo đảm môi trường quốc tế hòa bình, ổn định nhằm phát triển đất nước, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong việc triển khai chính sách đối ngoại, chúng ta vừa nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, vừa giương cao ngọn cờ hòa bình, hợp tác để phát triển. Chúng ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở phù hợp với chiến lược phát triển của đất nước, đồng thời coi trọng giữ gìn bản sắc dân tộc; kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, tiến bộ xã hội và phát triển.

Thứ hai, phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong tình hình mới. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thực sự là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam nói chung và công tác đối ngoại nói riêng qua mọi thời kỳ; là nguyên lý cơ bản của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Vận dụng vào hoàn cảnh thực tiễn hiện nay, bên cạnh phát huy nội lực và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, chúng ta cần tận dụng xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới và

trong khu vực; tận dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ cùng những mặt tích cực của quá trình toàn cầu hóa. Nội lực luôn là yếu tố quyết định, nhưng chúng ta cũng cần hết sức tranh thủ các nguồn ngoại lực thông qua việc hội nhập và hợp tác quốc tế nhằm phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, cần thường xuyên đổi mới về tư duy đối ngoại, tư duy lý luận và tư duy nhận thức. Điều này thể hiện qua cách nhìn nhận, đánh giá khách quan tình hình thế giới, về mối quan hệ đối tác - đối tượng, hợp tác - đấu tranh trong quan hệ quốc tế; tác động qua lại mật thiết giữa các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài; những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong một thế giới luôn vận động và biến đổi không ngừng. Đổi mới về tư duy đòi hỏi chúng ta vận dụng linh hoạt tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh mà nổi bật là nguyên tắc "*dĩ bất biến, ứng vạn biến*", "*thêm bạn bớt thù*", kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

Thứ tư, cần tạo sức mạnh tổng hợp trong các lực lượng tham gia quan hệ đối ngoại trên mọi lĩnh vực và dưới nhiều hình thức khác nhau, kết hợp ngoại giao Nhà nước, ngoại giao Đảng, ngoại giao nhân dân, ngoại giao Quốc hội, ngoại giao an ninh - quốc phòng... Sức mạnh quốc gia ngày nay là tổng hợp tất cả các yếu tố, từ chính trị, quân sự, an ninh đến kinh tế, văn hóa. Các yếu tố này luôn đan xen, tác động và bổ sung lẫn nhau trong sự phát triển của đất nước.

III - Phương hướng đối ngoại trong 5 năm tới

Quán triệt nhiệm vụ, đường lối và tinh thần chỉ đạo đó, hoạt động đối ngoại của chúng ta trong thời gian tới cần được triển khai một cách toàn diện trong đó tập trung vào các hướng chính sau:

Một là, tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các đối tác, các nước, đồng thời triển khai có trọng tâm, trọng điểm, củng cố và hoàn thiện khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với các nước nhất là láng giềng khu vực, các nước lớn và các đối tác quan trọng; tạo bước chuyển biến mới trong quan hệ hợp tác theo hướng đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, tạo sự tin cậy lẫn nhau.

Hai là, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và toàn diện hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương trên cơ sở lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất và là nguyên tắc chủ đạo, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo phù hợp với thông lệ quốc tế; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư, mở cửa thị trường; chuẩn bị tốt các điều kiện ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương, đặc biệt là với các nước lớn; ký các hiệp định hợp tác kinh tế đa phương và khu vực; thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện có hiệu quả

với các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Ba là, tăng cường hơn nữa vai trò của hoạt động kinh tế đối ngoại, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI), các khoản viện trợ không hoàn lại (ODA); kết hợp tốt và hài hòa giữa chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, góp phần tạo thêm nguồn lực từ bên ngoài, phục vụ tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bốn là, xây dựng và củng cố đường biên giới hòa bình, hợp tác phát triển với các nước láng giềng, đặc biệt hoàn thành việc phân giới, cắm mốc với Trung Quốc và Cam-pu-chia như mục tiêu đã đề ra; kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh, góp phần tạo môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực về những vấn đề cùng quan tâm, trong đó có vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo để họ hiểu rõ đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta; không chấp nhận bất cứ hành động nào lợi dụng các vấn đề này để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Năm là, cùng với các hoạt động ngoại giao song phương, cần tăng cường hơn nữa hoạt động trên các diễn đàn đa phương ở khu vực và trên thế giới; mở rộng sự hợp tác nhiều mặt với các tổ chức khu vực và quốc tế; chủ động tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; tiếp tục củng cố, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong các định chế quốc tế. Đặc biệt, trong thời gian trước mắt, mục tiêu chính của chúng ta là tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC 14 vào cuối năm 2006 tại Hà Nội; tích cực hướng tới mục tiêu ứng cử trở thành ủy viên không thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc khóa 2008 - 2009; nâng cao hơn nữa vai trò của Việt Nam trong ASEAN; đẩy mạnh sự tham gia và đóng góp của chúng ta vào Phong trào không liên kết và xa hơn là xem xét, nghiên cứu bước đầu tham gia có chọn lọc vào một số hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc...

Sáu là, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ ổn định cuộc sống; bảo vệ quyền lợi chính đáng, có các chính sách để người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước. Đại hội X tiếp tục khẳng định đồng bào Việt Nam định cư ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần

tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước.

Bảy là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền và văn hóa đối ngoại, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, hợp tác hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân trên thế giới, góp phần làm cho bạn bè quốc tế hiểu rõ và biết nhiều hơn về công cuộc Đổi mới, về đất nước và con người Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển, ủng hộ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của chúng ta.

Tám là, phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Đảng, của Quốc hội, ngoại giao Nhà nước với ngoại giao nhân dân, đối ngoại quốc phòng - an ninh, chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, thực hiện tốt việc thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại để phát huy sức mạnh tổng hợp, hoàn thành tốt nhiệm vụ đối ngoại chung của đất nước.

Chín là, xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đối ngoại ngang tầm với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Đội ngũ cán bộ này phải có những hiểu biết sâu rộng, thành thạo ngoại ngữ, giỏi về nghiệp vụ và kỹ năng đối ngoại; có lập trường chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng và Tổ quốc; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao; trở thành cán bộ đối ngoại "vừa hồng, vừa chuyên". Với đội ngũ cán bộ đó cùng với việc quán triệt sâu sắc đường lối đối ngoại do Đại hội X của Đảng đề ra, chúng ta sẽ hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao phó và góp phần vào việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu chung của đất nước; đưa nước ta tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện thành công mục tiêu cao đẹp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

20 NĂM ĐỔI MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐỐI NGOẠI

Phó Thủ tướng VŨ KHOAN

20 năm qua, Việt Nam đã đạt được những thành tựu nổi bật về đối ngoại, đưa đất nước ra khỏi tình trạng bị bao vây cô lập, mở rộng hơn bao giờ hết quan hệ quốc tế cả về chính trị lẫn kinh tế, không ngừng nâng cao vị thế ở khu vực và trên thế giới, tạo ra môi trường thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về chiến tranh và hòa bình

Bên cạnh việc đánh giá thời đại và những mâu thuẫn của thời đại, việc đánh giá khả năng chiến tranh và hòa bình luôn luôn có tầm quan trọng đặc biệt đối với vận mệnh của các dân tộc cũng như đối với việc hoạch định chính sách.

Nếu như Nghị quyết Trung ương 9 (khóa III) còn nêu: “Nhân dân các nước đứng trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới mới”, thậm chí Đại hội VI vẫn đánh giá rằng, chưa bao giờ nguy cơ chiến tranh hạt nhân lại lớn như hiện nay thì Đại hội VIII đã nêu nhận định “Nguy cơ chiến tranh thế giới hủy diệt bị đẩy lùi” và đến Đại hội IX, Đảng ta nói rõ thêm: “Trong vài thập kỷ tới ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới”. Cách tiếp cận mới về mặt này bắt nguồn từ sự đánh giá rằng: “Hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của các dân tộc và quốc gia trên thế giới” (Đại hội VIII) được khẳng định lại tại Đại hội IX: “Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, phản ánh đòi hỏi bức xúc của các quốc gia, dân tộc”.

Và lại hai cuộc chiến tranh thế giới diễn ra trong thế kỷ 20 đều bắt nguồn từ sự giành giật quyết liệt giữa các nước đế quốc; ngày nay mâu thuẫn giữa họ với nhau không hề thuyên giảm, song trong tương quan giữa họ vừa có một siêu cường vượt trội có điều kiện áp đặt ý muốn của mình bằng nhiều phương cách, vừa có một sự “cân bằng” nào đó giữa các trung tâm chủ yếu, tính tùy thuộc lẫn nhau rất lớn và đã hình thành những cơ chế cần thiết để dung hòa lợi ích. Hơn nữa, một cuộc chiến tranh thế giới trong điều kiện ngày nay khó tránh khỏi trở thành chiến tranh hạt nhân hủy diệt, mọi nước tham chiến đều sẽ gánh chịu những hậu quả không thể lường được.

Mặt khác, Đảng ta không hề nuôi ảo tưởng về một thế giới êm đềm, sóng yên biển lặng. Trái lại, Đại hội VIII đã nhấn mạnh, “xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi”. Mỗi hiện tượng trên đều bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau, nhiều trường hợp có nguồn gốc từ sự bất công đưa tới tình trạng bần cùng của nhiều quốc gia, nhiều tầng lớp dân cư, từ chủ nghĩa cường quyền, dưới chiêu bài này hay chiêu bài khác, nhiều khi rất mỹ miều, áp đặt ý muốn, mô hình phát triển mà thực chất là quyền thống trị của mình đối với các quốc gia, dân tộc khác. Bất luận thế nào thì lời kêu gọi thuờ nào của chiến sĩ chống phát-xít nổi tiếng người Tiệp Khắc Iu-li-út Phu-xích: “Loài người hãy cảnh giác” trong cuốn Viêt dưới giá treo cổ vẫn còn nguyên giá trị!

Về cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa

Đi đôi với việc phân tích các khía cạnh chính trị - xã hội của thế giới ngày nay, Đảng ta đã dành mối quan tâm lớn tới sự đánh giá các chiều hướng phát triển của lực lượng sản xuất mà nổi lên là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trên thế giới, ảnh hưởng trực tiếp sự phát triển của nước ta.

Thật ra, Đảng ta đã đề cập rất sớm sự phát triển của khoa học - công nghệ trên thế giới. Ngay tại Đại hội lần thứ II của Đảng họp trong rừng Việt Bắc, Báo cáo chính trị đã đánh giá rằng, “Năm mươi năm vừa qua có những biến đổi mau chóng hơn và quan trọng hơn nhiều thế kỷ trước cộng lại. Trong 50 năm đó, đã có những phát minh như chiếu bóng, vô tuyến điện, vô tuyến truyền hình (television) cho đến sức nguyên tử. Nghĩa là loài người đã tiến một bước dài trong việc điều khiển thiên nhiên”.

Tới Đại hội IV (1976), cách mạng khoa học - kỹ thuật đã được coi là “then chốt” trong ba cuộc cách mạng (bên cạnh cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng về tư tưởng và văn hóa).

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đại hội VI nhấn mạnh, “Một đặc điểm nổi bật là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra mạnh mẽ, tạo thành bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất và đẩy nhanh quá trình quốc tế hóa các lực lượng sản xuất”.

Và trong Cương lĩnh được thông qua tại Đại hội VII đã nhận định rằng, “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.

Cuộc cạnh tranh khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra một cách mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hóa sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là những nước lạc hậu về kinh tế”.

Các Đại hội VIII và IX của Đảng đều khẳng định những nhận định nêu trên, đặc biệt trong văn kiện Đại hội IX có hai nét mới là: Đã đánh giá “kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất; thay vì nêu khái niệm “quốc tế hóa” đã nhấn mạnh một khái niệm rộng hơn về phạm vi và sâu hơn về nội dung là: “toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh”.

Ngoài những vấn đề trên, Đại hội VIII và Đại hội IX còn chỉ ra những xu thế chủ yếu về hòa bình, ổn định và hợp tác, về sự liên kết kinh tế; về ý thức độc lập, tự chủ của các dân tộc; các nước XHCN, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ kiên trì đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình...

Những nhận thức trên không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, ảnh hưởng trực tiếp việc hoạch định đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Đương nhiên, bức tranh toàn cảnh của thế giới ngày nay và nhất là của cả thời đại quá độ còn rộng lớn, đa dạng hơn nhiều và biến đổi không ngừng, các văn kiện của Đảng ta không thể bao quát hết; dư địa cho sự nghiên cứu sâu sắc hơn, toàn diện hơn còn rất lớn, đòi hỏi phải huy động trí tuệ sáng tạo của toàn Đảng, toàn dân để có những đánh giá, dự báo đầy đủ hơn, chuẩn xác hơn.

Những sự đổi mới trong đường lối, chính sách đối ngoại

Xuất phát từ những nhận thức mới về thời đại và những xu thế chủ yếu trong thế giới ngày nay, từ yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã có những sự đổi mới rất sâu sắc về đường lối và chính sách đối ngoại.

Điều có tầm quan trọng hàng đầu là xác định chuẩn xác mục tiêu của đường lối, chính sách đối ngoại. Đối với nước nào cũng vậy, hoạt động đối ngoại không theo đuổi những mục đích tự thân mà là sự nối tiếp của chính sách đối nội, phục vụ

ba yêu cầu gắn bó mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau là “an ninh”, “phát triển” và “vị thế quốc tế” của đất nước. Đối với nước ta sau ngày thống nhất đất nước, mục tiêu của đường lối đối ngoại luôn luôn được xác định là phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nói một cách khác, mục tiêu của đường lối đối ngoại bao gồm hai vế: nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế.

Cái mới là khi bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta coi việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Điều đó cũng dễ hiểu vì một khi đất nước đã giành được độc lập, thống nhất đồng thời lại đứng trước nguy cơ tụt hậu về trình độ phát triển kinh tế so với nhiều nước khác thì nhiệm vụ trung tâm của nước ta là phát triển kinh tế - xã hội. Chính sách đối ngoại tất yếu phải phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm này.

Ở đây cần nhấn mạnh rằng, hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc luôn luôn gắn bó mật thiết với nhau; nước không mạnh thì khó bề củng cố lực lượng vũ trang về mặt trang bị kỹ thuật để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, nhất là trong hoàn cảnh ngày nay không thể trông mong vào sự tài trợ vật chất từ bên ngoài cho sự nghiệp này, mặt khác không bảo vệ được an ninh cho Tổ quốc thì cũng không thể có điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển kinh tế. Đồng thời cũng cần nói rõ rằng, cách đặt vấn đề như trên hoàn toàn không có nghĩa là Đảng ta rơi vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chỉ khư khư chăm lo cho lợi ích của nước mình; trên thực tế chúng ta luôn luôn cố gắng đóng góp vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ của nhân dân thế giới dưới những hình thức thích hợp.

Để đạt được mục tiêu chủ yếu trong đường lối đối ngoại, điều có ý nghĩa rất quan trọng và xác định chuẩn xác tư tưởng chỉ đạo. Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) đã nhấn mạnh tư tưởng “giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt phù hợp với vị trí và hoàn cảnh của nước ta cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với từng đối tượng ta có thể quan hệ”.

Cách đặt vấn đề như vậy vừa phản ánh một đặc điểm nổi bật của “trường phái ngoại giao Việt Nam” từ ngàn xưa theo tinh thần “lạt mềm buộc chặt” được phát triển lên thành nghệ thuật trong thời đại Hồ Chí Minh với phương châm “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, vừa phản ánh thực tế rất đa dạng, đầy biến động trong thế giới ngày nay. Thực tiễn mấy chục năm qua chứng tỏ rõ rệt rằng, ngoại giao Việt Nam chỉ

giành thắng lợi một khi quán triệt hai mặt gắn quyện chặt chẽ với nhau: giữ vững nguyên tắc đi đôi với vận dụng sách lược linh hoạt.

Phù hợp với cách đề cập trên, tiếp nối tư tưởng “thêm bạn bớt thù”, tính đến thực tế khách quan hết sức đa dạng trong thế giới ngày nay, Đảng ta đã xác định một phương châm nay trở nên rất quen thuộc là “đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế”. Đa dạng hóa, đa phương hóa ở đây được hiểu là trên cả ba mặt: đối tượng, hình thức quan hệ và chủ thể tham gia.

Về đối tượng quan hệ, Đại hội VII đã đưa ra khẩu hiệu “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển” và Đại hội IX bổ sung thêm ý Việt Nam không chỉ sẵn sàng là bạn mà còn sẵn sàng là “đối tác tin cậy” của các nước trong cộng đồng quốc tế. Tiếp đó, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) đã đưa ra một khái niệm rất mới về đối tượng và đối tác, phân tích một cách biện chứng rằng, trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác vẫn có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta. Trên tinh thần đó chúng ta đã ra sức thiết lập và phát triển quan hệ với mọi quốc gia có chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau. Cũng với tinh thần ấy về đường Đảng và đoàn thể quần chúng, chúng ta đã thiết lập quan hệ ở mức độ khác nhau với nhiều đảng phái, tổ chức, lực lượng khác nhau.

Đi đôi với cách tiếp cận trên chúng ta theo đuổi một phương châm khác là: Trong quan hệ quốc tế luôn luôn có hai mặt hợp tác và đấu tranh. Về phần mình chúng ta luôn luôn mong muốn và ra sức thúc đẩy mặt hợp tác bình đẳng cùng có lợi song cũng không chấp nhận và kiên quyết đấu tranh với những hành vi xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích của nước ta. Chúng ta tiến hành cuộc đấu tranh này không để phá vỡ sự hợp tác mà nhằm làm cho sự hợp tác lành mạnh hơn.

Điều đó không có nghĩa là chúng ta theo chủ nghĩa trung dung, thái độ ba phải, không phân biệt trắng đen. Chúng ta vẫn phải lấy thước đo giai cấp và dân tộc để phân biệt phải trái, song trong hành xử thì tình hình thực tế và lợi ích của đất nước đòi hỏi phải có cách tiếp cận hết sức biện chứng và linh hoạt, lấy lợi ích cao nhất của dân tộc làm thước đo.

Về hình thức quan hệ, ngoại giao ngày nay không chỉ tập trung vào quan hệ chính trị mà các nội dung kinh tế, văn hóa và quốc phòng - an ninh chiếm vị trí ngày càng quan trọng. Các mối quan hệ này gắn quyện với nhau, tác động qua lại lẫn

nhau, trong đó quan hệ chính trị (bao gồm cả quốc phòng - an ninh) là tiền đề, quan hệ kinh tế, là cơ sở, quan hệ văn hóa là nhân tố góp phần gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.

Cái mới nữa là trong xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa, bên cạnh quan hệ song phương, quan hệ đa phương thể hiện trong sự giao lưu trên các diễn đàn, tổ chức đa phương có vai trò rất lớn. Không phải ngẫu nhiên mà trong thời gian qua Nhà nước ta đã gia nhập và tích cực hoạt động trong hàng loạt tổ chức khu vực và quốc tế, đóng góp phần mình vào việc bảo vệ hòa bình, chủ quyền của các dân tộc, thiết lập trật tự chính trị và kinh tế quốc tế dân chủ và bình đẳng, đẩy mạnh hợp tác vì sự phát triển.

Một hướng mới rất quan trọng nữa là các Đại hội VIII và IX đã đặt cao nhiệm vụ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế do nhu cầu nội tại của nền kinh tế nước ta cần mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn và công nghệ phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH cũng như từ nhận thức về xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ.

Về các chủ thể tham gia thì nước ta vốn có truyền thống huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị cùng tham gia các hoạt động đối ngoại. Ngày nay truyền thống ấy vẫn được phát huy với nét mới là: Bên cạnh các hoạt động của Đảng, Chính phủ và các đoàn thể chính trị - xã hội, Quốc hội, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan quốc phòng - an ninh, các địa phương, các doanh nghiệp cũng rầm rộ “vào trận”.

Trong thời kỳ đổi mới, với nhận thức “họ hàng xa không bằng láng giềng gần” chúng ta luôn dành ưu tiên cao cho việc xây dựng và củng cố quan hệ láng giềng hữu nghị với các nước láng giềng trên cả ba tầng nấc: Các nước có chung biên giới, các nước trong khu vực Đông - Nam Á và các nước châu Á - Thái Bình Dương. Nói một cách khác, ưu tiên hàng đầu của chúng ta là tạo ra môi trường quốc tế liên quan trực tiếp nhất tới sự ổn định và sự phồn vinh của nước ta.

Mặc dù trước sau như một chúng ta luôn phấn đấu cho sự bình đẳng giữa các quốc gia song có một thực tế là các nước và các trung tâm lớn vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong thế giới ngày nay, kể cả đối với an ninh và sự phát triển của nước ta, do đó chúng ta không thể không dành mối quan tâm thỏa đáng tới quan hệ với họ.

Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta xem nhẹ mối quan hệ với các nước, các lực lượng cách mạng và tiến bộ, những người yêu chuộng hòa bình và công lý vốn có quan hệ truyền thống với nước ta, đã từng hết lòng ủng hộ, giúp đỡ nhân dân ta trong cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, thống nhất đất nước. Với nhận thức như vậy

chúng ta không những không lãng quên bạn bè mà còn làm mọi việc có thể để không ngừng củng cố quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước và các lực lượng này.

Trên đây là một số sự đổi mới trong nhận thức về thế giới đương đại cũng như trong đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong thời kỳ đổi mới; do khuôn khổ bài viết có hạn nên chỉ có thể đề cập dưới dạng giản lược. Hơn nữa tình hình thế giới còn diễn biến hết sức phức tạp, cho nên không thể nghĩ rằng mọi việc đều đã an bài, những nhận thức và chủ trương có được đã là chân lý cuối cùng. Trái lại cuộc sống đòi hỏi phải luôn luôn bám sát thực tế, vận dụng sáng tạo phương pháp luận khoa học để đánh giá ngày càng sâu sắc và chuẩn xác hơn cục diện thế giới, đề ra đường lối, chính sách hoàn chỉnh hơn, phục vụ đắc lực hơn hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công cuộc CNH, HĐH, vươn tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA ĐẢNG QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN CHI

LTS: Vừa qua, đồng chí Nguyễn Văn Chi, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Trung ương có bài: "Công tác kiểm tra của Đảng qua 20 năm đổi mới" đăng trên Tạp chí Cộng sản số 23 (12 - 2005). Để đáp ứng nhu cầu thông tin của bạn đọc, Tạp chí Kiểm tra xin trân trọng giới thiệu bài viết này.

Sau hai mươi năm đổi mới, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi bộ mặt và vị thế của đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Những kết quả đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng và kết quả xây dựng, chỉnh đốn Đảng, trong đó có công tác kiểm tra của Đảng.

Từ nhiệm kỳ Đại hội VI đến Đại hội IX, công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật được bổ sung, sửa đổi trong Điều lệ Đảng về nhiệm vụ, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp; quy định cụ thể nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác kiểm tra, nhằm đáp ứng yêu cầu của sự phát triển công tác xây dựng Đảng, thúc đẩy thực hiện nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn của thời kỳ đổi mới. Công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng gần hai mươi năm qua đã có những đổi mới quan trọng cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm, đề ra phương hướng, mục tiêu, giải pháp tăng cường công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng.

Nhận thức về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác kiểm tra và nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, vị trí của công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng đã có những chuyển biến tích cực.

Từ trước Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, công tác kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng chưa trở thành chế độ; Điều lệ Đảng giao cho ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ kiểm tra chấp hành đối với đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới; chỉ khi nào có vấn đề phức tạp, nổi cộm, cấp ủy mới tổ chức kiểm tra. Các ban của cấp ủy các cấp hầu như không tiến hành công tác kiểm tra.

Từ Đại hội VIII đến nay, để khắc phục những bất cập trên, Điều 30, Điều lệ Đảng quy định cụ thể nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác kiểm tra:

1- Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra. Tổ chức đảng và đảng viên phải chịu sự kiểm tra của Đảng.

2- Các cấp uỷ lãnh đạo công tác kiểm tra và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng"

Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng đã xây dựng được phương hướng, nhiệm vụ và lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra của cấp uỷ; định kỳ nghe uỷ ban kiểm tra, tổ chức đảng báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về công tác kiểm tra. Cấp uỷ các cấp, trước hết là các cấp uỷ trực thuộc Trung ương ban hành một số nghị quyết, chỉ thị, quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật phù hợp với địa phương, đơn vị mình, như: quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra cùng cấp; quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm tra; quy định tự phê bình và phê bình; quy định xử lý đảng viên vi phạm trong một số lĩnh vực và nghị quyết, chỉ thị chuyên đề về công tác kiểm tra.

Cấp uỷ và tổ chức đảng các cấp đã tiến hành hàng trăm ngàn cuộc kiểm tra. Riêng Bộ Chính trị, Ban Bí thư khoá VIII và IX đã tiến hành và chỉ đạo các cấp uỷ tiến hành 8 cuộc kiểm tra, có tác dụng tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và thực hiện công tác kiểm tra trong toàn Đảng. Nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng đã ra nghị quyết về công tác kiểm tra, chỉ đạo thực hiện và tổng kết việc thực hiện nghị quyết. Chú trọng tiến hành nhiều cuộc kiểm tra theo chuyên đề, hoặc toàn diện ở các lĩnh vực, tạo sự chuyển biến trong đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; đã giải quyết được những vấn đề tồn đọng, nổi cộm ở cơ sở, thu hồi vật chất bị tham ô, chiếm dụng và xử lý vi phạm.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp uỷ các cấp đã luôn phát huy vai trò của các cơ quan tham mưu, nhất là uỷ ban kiểm tra trong việc giúp cấp uỷ thực hiện công tác kiểm tra.

Uỷ ban kiểm tra các cấp luôn chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, nhằm góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong từng giai đoạn của thời kỳ đổi mới.

Trong 20 năm qua, phạm vi, nội dung kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên được bổ sung, sửa đổi, song uỷ ban kiểm tra các cấp vẫn xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và tập trung thực hiện có kết quả.

Trong giai đoạn 1986 - 1996 (nhiệm kỳ VI và VII), uỷ ban kiểm tra các cấp tập trung thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, bao gồm cả

hai mặt "xây và chống". Đã kiểm tra 81 nghìn tổ chức đảng và hơn 4 triệu lượt đảng viên. Ở những nơi làm tốt đã có tác dụng phát huy dân chủ, tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật cho cán bộ, đảng viên. Tuy nhiên, nhiều nơi có khuynh hướng kiểm tra tràn lan, nội dung giản đơn, không tập trung vào những nơi đang có vấn đề nổi cộm, né tránh những vấn đề phức tạp. Kiểm tra tuy nhiều, nhưng số đảng viên phát hiện có vi phạm phải xử lý kỷ luật so với số được kiểm tra rất thấp, từ 4% - 5% so với số được kiểm tra, hạn chế chất lượng, hiệu quả kiểm tra.

Giai đoạn 1996 - 2005, để khắc phục những thiếu sót trên, theo quy định của Điều lệ Đảng khoá VIII và IX, UBKT các cấp đã xác định kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm là nhiệm vụ trọng tâm. Đã kiểm tra hơn 263 nghìn đảng viên, cấp uỷ viên các cấp; kiểm tra gần 36 nghìn tổ chức đảng. Qua kiểm tra, kết luận có 48,96% số đảng viên và 39,16% tổ chức đảng được kiểm tra có vi phạm. Hầu hết UBKT các cấp đã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm với tinh thần chủ động, kiên quyết, thể hiện bản lĩnh, tính chiến đấu cao. Do đó, các cuộc kiểm tra đều kết luận được khuyết điểm, vi phạm; tỷ lệ có vi phạm được phát hiện nhiều hơn so với kiểm tra chấp hành của các nhiệm kỳ trước. Thực tế cho thấy, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm là cách phòng ngừa tốt nhất trong giai đoạn hiện nay. Kết quả kiểm tra có tác dụng giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng Đảng, làm trong sạch và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên.

Từ đầu nhiệm kỳ khoá VI đến tháng 6/2005, uỷ ban kiểm tra các cấp đã nhận 168 nghìn trường hợp tố cáo đảng viên, đã giải quyết được 81%; nhận hơn 2 nghìn đơn thư tố cáo tổ chức đảng các cấp, đã giải quyết được 91%. Từ nhiệm kỳ Đại hội VIII và Đại hội IX, nội dung tố cáo đảng viên nổi lên là cố ý làm trái nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; thiếu trách nhiệm trong thực hiện chức trách nhiệm vụ, buông lỏng lãnh đạo, để địa phương, đơn vị xảy ra tiêu cực, tham nhũng và các vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống. Qua giải quyết tố cáo đảng viên cho thấy, tổ đúng và đúng một phần tỷ lệ bình quân trong gần bốn nhiệm kỳ đại hội là trên 70%. So với hai nhiệm kỳ VI và VII, thì nhiệm kỳ VIII và IX, số tổ chức đảng bị tố cáo tăng nhiều, gấp gần 6 lần, tập trung nhiều nhất là ở cấp huyện, quận và cấp cơ sở. Từ Đại hội IX, Trung ương quy định không giải quyết thư tố cáo giấu tên, mạo tên, nhằm đề cao tính tự phê bình và phê bình trong Đảng; khắc phục tình trạng lợi dụng tố cáo giấu tên, mạo tên để vu cáo hoặc phục vụ ý đồ cá nhân, phe cánh, bè phái, gây tình hình phức tạp trong nội bộ. Nhìn chung số lượng

đơn thư tố cáo giảm dần, nhưng tố cáo có nội dung vi phạm nghiêm trọng và đối tượng tố cáo là cán bộ chủ chốt đều tăng qua các nhiệm kỳ đại hội. Tính chất tố cáo ngày một gay gắt, một số nơi đã hình thành tổ chức, huy động nhiều người kéo đến các cơ quan của Đảng, nhà nước ở các cấp để tố cáo, phản ánh và yêu cầu giải quyết.

Song song với thực hiện các nhiệm vụ trên, uỷ ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và các cơ quan tài chính cấp uỷ cùng cấp. Kết quả kiểm tra ở các địa phương, đơn vị cho thấy nổi lên vấn đề sử dụng trái quy định ngân sách đảng, có nơi lập quỹ trái phép, sử dụng chứng từ khống hoặc có chứng từ phải xuất toán hàng tỷ đồng. Qua kiểm tra đã giúp các cấp uỷ, tổ chức đảng quản lý, sử dụng ngân sách đảng, đảng phí đúng chế độ quy định; đề xuất, kiến nghị để bổ sung, sửa đổi để đưa công tác tài chính đảng đi vào nền nếp.

Cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã kịp thời xem xét, kết luận, xử lý kỷ luật đảng viên và tổ chức đảng ngày càng bảo đảm phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và công khai, dân chủ hơn sau mỗi kỳ đại hội Đảng.

Trong 4 nhiệm kỳ qua, cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật trên 422 nghìn đảng viên, trong đó đã khai trừ ra khỏi đảng hơn 78 nghìn đảng viên. Ngoài ra còn đưa ra khỏi đảng bằng các hình thức khác hơn 215 nghìn trường hợp. Đảng viên đã bị xử lý bằng pháp luật gần 8 nghìn trường hợp. Có hơn 2 nghìn tổ chức đảng vi phạm phải thi hành kỷ luật.

Những vi phạm của đảng viên nổi lên là: vi phạm nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thiếu trách nhiệm; vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống; tham nhũng; mất đoàn kết nội bộ. Những vi phạm của tổ chức đảng nổi lên là: vi phạm nghị quyết, chỉ thị, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ; mất đoàn kết nội bộ.

Số lượng đảng viên vi phạm bị xử lý giảm nhanh qua các nhiệm kỳ, nhưng số cấp uỷ viên các cấp và cán bộ do cấp uỷ quản lý, kể cả cán bộ trung, cao cấp bị xử lý chiếm tỷ lệ ngày càng cao hơn. Riêng Uỷ ban kiểm tra Trung ương đã xử lý và giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban bí thư xử lý trên 400 trường hợp. Nội dung vi phạm bị xử lý ngày một phức tạp và nghiêm trọng hơn.

Cùng với việc thi hành kỷ luật, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã nhận hơn 22 nghìn lượt đơn thư khiếu nại kỷ luật đảng. Qua giải quyết, đã thay đổi và xoá bỏ hình thức kỷ luật 19,49%

Nguyên nhân chủ yếu của những kết quả trên là do: Có sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp uỷ các cấp đối với hoạt động công tác kiểm tra của

Đảng và của uỷ ban kiểm tra các cấp. Các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ngày càng đồng bộ, hoàn thiện, làm chuẩn mực cho việc xem xét, kết luận khi kiểm tra. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi kiểm tra của cấp uỷ, tổ chức đảng được sửa đổi, bổ sung tương đối phù hợp. Tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra các cấp ngày càng được củng cố và tăng cường; trình độ, phẩm chất và năng lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra từng bước được nâng lên. Nhận thức của cán bộ, đảng viên đối với công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của Đảng đã có chuyển biến tích cực; có thái độ cộng tác tốt khi được kiểm tra, chủ động khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm hoặc vi phạm sau kiểm tra.

Tuy nhiên, công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng còn có những hạn chế sau:

Một số cấp uỷ, tổ chức đảng ở các cấp vẫn còn nhận thức chưa đầy đủ và chưa có quyết tâm chính trị cao trong chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; chưa tiến hành kiểm tra hoặc tuy kiểm tra nhưng chưa tập trung vào trọng tâm, trọng điểm; chưa gắn vai trò lãnh đạo với trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của mình, vẫn còn "phó thác" công tác kiểm tra cho uỷ ban kiểm tra. Các ban của cấp uỷ, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cấp hầu hết chưa đích thân tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Việc tham mưu, giúp cấp uỷ của uỷ ban kiểm tra các cấp nhìn chung vẫn chưa đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ; chưa chủ động đề xuất những vấn đề cơ bản, cấp bách, nổi cộm để cấp uỷ các cấp tập trung chỉ đạo, giải quyết.

Một số cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về kỷ luật đảng; còn tình trạng thiếu tính chiến đấu, hữu khuynh, né tránh, bao che, giấu giếm vi phạm, vì sợ ảnh hưởng đến thành tích của đơn vị, sợ mất cán bộ. Một số trường hợp bị tố cáo thiếu tự giác tự phê bình, thiếu thành khẩn, còn tìm cách đối phó, phản ứng. Một số đối tượng được kiểm tra còn mặc cảm, định kiến, thiếu cộng tác, còn phản ứng khi được kiểm tra. Một bộ phận cán bộ kiểm tra và uỷ ban kiểm tra còn nể nang, né tránh kiểm tra người đứng đầu, cán bộ chủ chốt, cấp uỷ viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm. Do vậy, việc phát hiện, xem xét, xử lý kỷ luật chưa tương xứng với thực tế vi phạm. Nhiều vụ việc vi phạm nghiêm trọng xảy ra từ 5 - 10 năm trước mới được phát hiện, xem xét, xử lý, nên không có tính giáo dục, phòng ngừa. Một số trường hợp xử lý không công bằng giữa đảng viên có chức vụ, quyền hạn và các đảng viên khác, hoặc xử lý không đúng mức độ vi phạm; chưa khắc phục được tình trạng "nhẹ trên, nặng dưới" trong thi hành kỷ luật. Việc thi hành kỷ luật chưa thống nhất ở các đơn vị, địa phương; cùng một nội dung vi phạm với tính chất, mức độ, tác

hại như nhau, nhưng áp dụng hình thức kỷ luật khác nhau, tạo sự không công bằng, bình đẳng trong thi hành kỷ luật Đảng.

Một số ít tổ chức đảng, đảng viên thiếu cộng tác với tổ chức đảng có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Có biểu hiện bảo thủ, định kiến với người khiếu nại kỷ luật, làm cho người khiếu nại chưa đồng tình và tái khiếu.

Công tác kiểm tra tài chính chưa đi sâu vào các lĩnh vực nhạy cảm, dễ vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, thất thoát như quản lý và sử dụng ngân sách, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp làm kinh tế đảng.

Một số uỷ ban kiểm tra thực hiện chưa toàn diện, có hiệu quả các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định; thực hiện nhiệm vụ trọng tâm đạt kết quả chưa cao, có nơi chưa thực hiện nhiệm vụ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Công tác kiểm tra nhìn chung chưa phát hiện và kiểm tra được các vụ vi phạm nghiêm trọng trong Đảng.

Nguyên tắc chủ yếu của những hạn chế trên là do: Một số cấp uỷ nhận thức chưa đầy đủ, coi nhẹ, buông lỏng sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác kiểm tra. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra và đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp tuy đã được đổi mới, củng cố và tăng cường qua các nhiệm kỳ đại hội, nhưng nhìn chung chưa triệt để, toàn diện, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng. Tính tự giác, tự phê bình và phê bình, sức chiến đấu trong Đảng ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Việc phối hợp giữa uỷ ban kiểm tra cấp trên với cấp dưới và các ngành có liên quan trong công tác kiểm tra chưa trở thành chế độ, nền nếp.

Từ những kết quả cũng như hạn chế sau gần hai mươi năm đổi mới công tác kiểm tra của Đảng, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây:

Một là, không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cấp uỷ, tổ chức đảng, uỷ ban kiểm tra các cấp và cán bộ, đảng viên về vị trí, vai trò, ý nghĩa, tác dụng của công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác kiểm tra của Đảng trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Ba là, công tác kiểm tra phải xuất phát và phục vụ thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Bốn là, uỷ ban kiểm tra các cấp phải chủ động, năng động, sáng tạo, nâng cao ý

thức, trách nhiệm và bản lĩnh trong thực hiện công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng. Tăng cường sự phối hợp với các ngành có liên quan để thực hiện hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra. Thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp, quy trình công tác kiểm tra phù hợp với tình hình thực tế.

Năm là, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của uỷ ban kiểm tra các cấp bảo đảm ngang tầm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn cách mạng mới là vấn đề có tính chất quyết định.

Sáu là, nêu cao vai trò, trách nhiệm của nhân dân và của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác giám sát, kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

*

* *

Trong giai đoạn mới của cách mạng, đất nước ta đứng trước thời cơ lớn, đồng thời phải đối mặt với những thách thức gay gắt, công tác xây dựng Đảng càng nổi rõ là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn, bảo đảm sự phát triển của đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở phương hướng đổi mới và chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay, phương hướng, mục tiêu và những giải pháp tăng cường công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau đây:

Công tác kiểm tra trong thời gian tới phải góp phần giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ nghiêm kỷ luật và sự thống nhất trong Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh mạnh mẽ, ngăn chặn, đẩy lùi tệ quan liêu, sách nhiễu dân, thoái hoá, biến chất, tham nhũng. Hoàn thiện cơ chế và quy chế bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của đảng viên, cấp uỷ, tổ chức đảng và sự tham gia của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vào công tác kiểm tra, giám sát. Kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước thông qua pháp luật và giám sát của nhân dân thông qua quy chế dân chủ; phát huy vai trò giám sát của dư luận xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Công tác kiểm tra phải đạt được yêu cầu: là một chức năng lãnh đạo của Đảng; một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng; là nhiệm vụ trực tiếp, thường xuyên của tổ chức đảng các cấp. Tạo sự chuyển biến về nhận thức đối với công tác kiểm tra trong toàn Đảng.

Phải nâng cao nhận thức cho toàn Đảng về vị trí, vai trò, mục đích, ý nghĩa, tác

dụng của công tác kiểm tra, kỷ luật đảng. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong Đảng để nâng cao nhận thức và thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra.

Cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung, đối tượng, phạm vi kiểm tra, giám sát của các cấp uỷ, tổ chức đảng và uỷ ban kiểm tra các cấp bằng những quy chế, quy định cụ thể của mỗi cấp để thực hiện đúng.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp uỷ các cấp, nhằm tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác kiểm tra, kỷ luật đảng. Các cấp uỷ, tổ chức đảng phải trực tiếp và thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra.

Công tác kiểm tra của uỷ ban kiểm tra các cấp phải đi vào trọng tâm, trọng điểm. Đầu tư và đẩy mạnh công tác nghiên cứu, vận dụng có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn xảy ra vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên trong điều kiện có sự tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường.

Kiện toàn tổ chức bộ máy uỷ ban kiểm tra các cấp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, bảo đảm thực hiện có chất lượng và hiệu quả nhiệm vụ được giao. Tăng cường đội ngũ cán bộ kiểm tra ở các cấp bảo đảm số lượng và chất lượng. Có chính sách, chế độ hợp lý đối với cán bộ làm công tác kiểm tra, nhất là cán bộ kiểm tra cơ sở.

IV. LĨNH VỰC KINH TẾ

MÔ HÌNH KINH TẾ TỔNG QUÁT TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

PGS, TSKH. NGUYỄN VĂN ĐẶNG

**Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương,
Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương**

Đại hội IX (4 - 2001) chính thức đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, khẳng định chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là đường lối chiến lược nhất quán. Bài viết sau phân tích những đặc trưng chủ yếu của mô hình kinh tế này.

Trong thời gian dài trước đổi mới, cũng như nhiều nước khác, chúng ta đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu xô-viết, với những đặc trưng chủ yếu là: xây dựng nền kinh tế khép kín về lực lượng sản xuất; không thừa nhận sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ, thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, coi kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mô hình này đã thu được những kết quả quan trọng, nhất là đáp ứng được yêu cầu của đất nước thời kỳ có chiến tranh, nhưng sau đó bộc lộ rõ những khuyết điểm, tình hình kinh tế - xã hội đất nước ngày càng khó khăn.

Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, khẳng định những mặt làm được; phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Về kinh tế, Đại hội khẳng định phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Trung ương 6 (Khóa VI) đã phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi

lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, bảo đảm cho mọi người tự do làm ăn theo pháp luật; các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất vốn có bản chất riêng nhưng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không ngăn cách nhau mà có nhiều loại hình hỗn hợp, đan kết với nhau; kinh tế quốc doanh cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường, song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề, những ngành nghề, loại hoạt động nào mà kinh tế hợp tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế thì nên tạo điều kiện cho các loại hình kinh tế ấy phát triển.

Phát huy những kết quả đổi mới đã đạt được, sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết lý luận - thực tiễn, Đại hội IX (4 - 2001) chính thức đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, khẳng định chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là đường lối chiến lược nhất quán. Đại hội chỉ rõ đường lối kinh tế của Đảng ta là: Đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Đây là bước phát triển mới rất quan trọng về tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng.

Từ thực tiễn đổi mới gần hai mươi năm qua, nhất là qua những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chúng ta dần thấy rõ hơn những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường, phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam; là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc bản chất của chủ nghĩa xã hội, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Theo mô hình kinh tế này, động lực chung để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời coi trọng khuyến khích cả

vật chất và tinh thần, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, những yếu tố, phương tiện và công cụ của kinh tế thị trường được sử dụng, phát triển để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế ngày càng được hình thành rõ nét hơn trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đây là nền kinh tế thị trường có tổ chức, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, được nhân dân đồng tình và là chủ thể xây dựng; không phải là sự gán ghép khiên cưỡng, chủ quan giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội, mà là sự nắm bắt và tự giác vận dụng sáng tạo xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay, tiếp thu có chọn lọc thành tựu của nền văn minh nhân loại, sử dụng và phát huy cao độ vai trò tích cực của kinh tế thị trường, đồng thời hạn chế tối đa những khuyết tật của tính tự phát trong kinh tế thị trường, nhằm thực hiện có kết quả mục tiêu từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để Việt Nam có thể hội nhập thế giới, rút ngắn quá trình CNH, HĐH, sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đây cũng là thể hiện sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ sản xuất không ngừng được đổi mới và hoàn thiện, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm giải phóng triệt để và thúc đẩy phát triển mạnh lực lượng sản xuất, cải thiện nhanh đời sống của nhân dân, tạo ra sự đồng thuận ngày càng cao trong xã hội, tạo động lực thu hút mạnh mọi nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển, và giữ vững ổn định chính trị - xã hội; lấy phát triển lực lượng sản xuất làm động lực để không ngừng hoàn thiện và đổi mới quan hệ sản xuất.

Thực hiện xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, cùng phát triển lâu dài; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững

chắc của nền kinh tế quốc dân; phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa; nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài được thu hút mạnh; kinh tế cổ phần ngày càng phát triển, trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất và đầu tư.

Thực hiện phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội; thực hiện công bằng trong phân phối để tạo động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân, của toàn xã hội; trong đó việc hình thành và phát triển một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao, có uy tín lớn là một nhiệm vụ chiến lược.

Mọi công dân có quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm; có quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu hợp pháp; có quyền bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội, các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin.

Nhà nước định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường, phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Trên cơ sở hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự hình thành, phát triển của các thị trường (hàng hóa và dịch vụ, tài chính và tiền tệ, bất động sản, lao động, khoa học và công nghệ,...), Nhà nước tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi để phát huy các nguồn lực cho phát triển theo cơ chế thị trường, các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai và minh bạch, có trật tự, kỷ cương, các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của kinh tế thị trường; hỗ trợ phát triển, chăm lo xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng; bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng hệ thống pháp luật; tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế, sử dụng một số biện pháp để hỗ trợ thị trường trong nước khi cần thiết, không trái với các cam kết hội nhập.

Nhà nước thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển, không phân biệt hình thức

sở hữu, đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm, đối với một số mục tiêu (như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, khắc phục những rủi ro), một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhà nước quan tâm bồi dưỡng, đào tạo và biểu dương các doanh nhân có tài, có đức và thành đạt.

Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, hình thành một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên chế độ cổ phần. Doanh nghiệp nhà nước không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả; chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần nhiều chủ sở hữu; phát huy vai trò nòng cốt, tập trung vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, một số lĩnh vực công ích; làm nòng cốt trong các tập đoàn kinh tế lớn có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Các loại hình kinh tế tập thể, nhất là các hợp tác xã được đổi mới và phát triển mạnh. Kinh tế tư nhân được khuyến khích và phát triển mạnh không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm. Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành nghề, các lĩnh vực kinh doanh quan trọng.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa gắn kết chặt chẽ, hài hòa. Các mục tiêu kinh tế và các mục tiêu xã hội được kết hợp chặt chẽ trên bình diện cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân làm giàu chính đáng, đồng thời giúp đỡ người khác thoát nghèo, từng bước khá giả hơn; thực hiện chính sách ưu đãi xã hội đối với những người có công với nước; thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cuộc sống cho mọi thành viên trong cộng đồng, hỗ trợ những vùng bị thiên tai, những người gặp khó khăn cơ nhỡ. Càng đi vào kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân; càng phải đề cao vai trò của Nhà nước và toàn xã hội, phát huy các nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực xã hội, thực hiện yêu cầu gắn kết hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

Phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với sự phát triển kinh tế, xã hội. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải thật sự trở thành nền tảng tinh

thần của xã hội. Không ngừng xây dựng và hoàn thiện giá trị của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, đặc biệt là lý tưởng sống, năng lực trí tuệ, đạo đức cao đẹp và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới thành nguồn lực tổng hợp để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững; trong đó nội lực là nhân tố quyết định đối với sự phát triển, các nguồn lực bên ngoài có vai trò rất quan trọng giúp cho phát huy nội lực mạnh hơn. Nền kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh, có sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập và hợp tác quốc tế dựa trên các nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất và là nguyên tắc chủ đạo, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp thông lệ quốc tế. Phát huy vai trò chủ thể của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế; khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài. Tận dụng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, đổi mới công nghệ và trình độ quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm và dịch vụ Việt Nam tại thị trường trong nước và trên thế giới.

Sự hình thành mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là kết quả của nhiều năm tìm tòi, đổi mới, tổng kết lý luận - thực tiễn, đồng thời là sự khẳng định con đường và mô hình phát triển trong thực tiễn mang tính cách mạng, sáng tạo của Đảng và nhân dân ta. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới gần hai thập kỷ qua khẳng định xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp quy luật phát triển của thời đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Từ thực tiễn những thay đổi to lớn trong đời sống kinh tế, xã hội, nhân dân tin tưởng ở đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa

xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn, hệ thống quan điểm lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước được hình thành trên những nét rất cơ bản. Nhưng, đây là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn, phức tạp, vì rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, còn nhiều vấn đề chưa rõ về cả lý luận và thực tiễn, phải vừa tiếp tục tìm tòi, đổi mới, vừa coi trọng tổng kết lý luận - thực tiễn để làm sáng tỏ dần, trên cơ sở đó có những quyết sách phù hợp, đột phá, để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

ĐỖ HOÀI NAM

Ủy viên T.Ư Đảng,

Chủ tịch Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam từ cách đây 20 năm, đã tạo ra những bước chuyển lớn trong phát triển kinh tế đất nước nhưng đồng thời cũng đang chứa đựng nhiều vấn đề chưa được giải quyết, trong đó có những vấn đề thật sự nghiêm trọng.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) ở Việt Nam là nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Quá trình thực hiện nhiệm vụ này kể từ năm 1986 đến nay gắn liền và là kết quả đổi mới tư duy của Đảng, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế.

Nhìn lại chặng đường 20 năm đổi mới vừa qua, có thể khái quát những bước chuyển lớn, mang tính đột phá trong phát triển tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta về công nghiệp hóa như sau:

1. Đã chuyển từ quan niệm CNH trong khuôn khổ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang quan niệm CNH trên những nguyên tắc của thị trường và kinh tế thị trường

Nội dung cốt lõi của sự đổi mới tư duy này, xét thực chất là thay đổi cơ chế phân bổ, điều tiết các nguồn lực cho CNH, thừa nhận vai trò phân bổ, điều tiết của thị trường và cho phép thị trường tham gia phân bổ các nguồn lực, kết hợp tốt vai trò của thị trường và của Nhà nước trong việc phân bổ, điều tiết các nguồn lực cho CNH, thông qua đó tạo điều kiện giải phóng tối đa sức sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước để đẩy mạnh CNH.

Từ Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986), Đảng ta xác định tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết để đẩy mạnh CNH và từ Đại hội Đảng lần thứ VIII (năm 2001), đất nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn đẩy mạnh phát triển CNH, HĐH.

Theo đó, chúng ta đã từng bước gắn liền CNH, HĐH với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với nội dung cơ bản là phát triển đồng bộ các loại thị trường (thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường vốn, thị trường bất động sản, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ); kết hợp hài hòa giữa thể chế thị trường và thể chế nhà nước, sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo và Nhà nước có vai trò định hướng, tạo môi trường, hỗ trợ phát triển, kiểm soát và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

2. Gắn liền CNH với HĐH, đẩy mạnh CNH, HĐH để đến năm 2020, về cơ bản Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 2001), Đảng ta đã nhấn mạnh phải thực hiện “CNH đất nước theo hướng hiện đại” và coi đây là một nhiệm vụ trung tâm, phương hướng cơ bản của quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Việc chuyển từ quan niệm “công nghiệp hóa” sang quan niệm “công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại” (Đại hội VII) và “công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đại hội Đảng lần thứ VIII và Đại hội Đảng lần thứ IX), là một sự phát triển quan trọng trong tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta về CNH, HĐH đất nước.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII, Đảng ta đã khẳng định, “CNH, HĐH là con đường thoát khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước chung quanh, giữ được ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ được độc lập, chủ quyền và định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa”.

Cũng bắt đầu từ đây, một quan niệm mới về CNH ngày càng được định hình rõ nét, CNH không chỉ đơn giản là phát triển công nghiệp, xây dựng nhà máy. Đó là quá trình cải biến căn bản, toàn diện để tạo nền tảng của một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế tiên tiến, quan hệ sản xuất phù hợp sự phát triển đất nước theo định hướng XHCN, tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và chính sách phát triển vì mục tiêu phát triển con người Việt Nam. Đó cũng là quá trình tăng cường nguồn lực con người, năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, thân thiện và bảo vệ môi trường theo quan điểm phát triển bền vững.

3. Thực hiện chiến lược CNH, hướng mạnh vào xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu ở những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, phát huy lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng lĩnh vực, từng sản phẩm

Trong 20 năm đổi mới vừa qua, Việt Nam đã từ bỏ mô hình công nghiệp hóa khép kín, thay thế nhập khẩu, từng bước xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập thế giới và khu vực, thực hiện chiến lược CNH trên cơ sở phát huy lợi thế, hướng mạnh vào xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm sản xuất trong nước có hiệu quả. Đây là bước đột phá rất quan trọng trong đổi mới tư duy của Đảng về CNH. Nó đã mở ra một không gian phát triển mới, không giới hạn cho việc đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

4. Định hình ngày càng rõ hơn quan điểm rút ngắn thời gian thực hiện CNH, HĐH; đẩy mạnh CNH, HĐH, gắn với phát triển kinh tế tri thức và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế

Tiếp tục phát triển tư duy lý luận và thực tiễn về CNH, HĐH, đến Đại hội Đảng lần thứ IX, lần đầu tiên trong văn kiện của mình, Đảng ta chính thức khẳng định quan điểm rút ngắn thời gian thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. “Con đường CNH, HĐH của nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX).

Trong thực tế, quá trình CNH ở từng quốc gia, tuy vẫn phải tuân theo những lô-gích tổng quát, nhưng lại rất khác nhau trong việc lựa chọn mô hình, nội dung chiến lược, bước đi và giải pháp CNH cụ thể. Các nước đi sau đều có khả năng rút ngắn quá trình thực hiện CNH so với các nước đi trước. Việc rút ngắn này được thực hiện bằng cách:

- Đẩy nhanh tốc độ thực hiện các bước chuyển tuần tự từ nền kinh tế nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế công nghiệp hiện đại.
- Rút ngắn các bước đi, thực hiện những bước nhảy vọt về cơ cấu.

Sự kết hợp hai xu hướng này đòi hỏi quá trình CNH ở Việt Nam phải đồng thời thực hiện hai nội dung của một quá trình phát triển rút ngắn theo hướng hiện đại là vừa xây dựng nền kinh tế công nghiệp hiện đại, vừa từng bước phát triển kinh tế tri thức trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế dưới tác động của toàn cầu hóa kinh tế. Đây là tư duy phát triển hiện đại mà Đảng ta đã nắm bắt và trở thành một trong những tư tưởng chủ đạo của việc đẩy mạnh, đẩy nhanh CNH, HĐH ở nước ta, nhằm

nhanh chóng thoát khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, rút ngắn khoảng cách tụt hậu phát triển so với các nước trong khu vực.

Trên cơ sở kết hợp tốt cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra, với những tiềm năng và lợi thế của đất nước, nhất là tiềm năng và lợi thế của con người Việt Nam và do con người Việt Nam tạo ra, chúng ta có đủ điều kiện thực tế để rút ngắn quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Để hiện thực hóa khả năng rút ngắn, có nhiều việc phải làm, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ thật sự là nền tảng và động lực của CNH, HĐH đất nước.

Trên cơ sở đổi mới, phát triển tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng ta về CNH, HĐH đất nước, một hệ thống các quan điểm chỉ đạo về đẩy mạnh CNH, HĐH đã hình thành. Đó là:

a) Coi trọng việc đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn với những nội dung chủ yếu như: chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn hướng tới một nền nông nghiệp hàng hóa đa dạng, có sức cạnh tranh cao và tạo giá trị gia tăng ngày càng lớn gắn với công nghiệp chế biến hiện đại; phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ nông thôn, làng nghề, khu công nghiệp nhỏ, điểm công nghiệp, khu nông nghiệp công nghiệp cao. Đồng thời, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ sạch; phát triển mạnh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho nông nghiệp, nông thôn, nhất là thủy lợi, giao thông, điện, thông tin, trường học, trạm y tế; đầu tư nhiều hơn cho xóa đói, giảm nghèo và giáo dục văn hóa, nâng cao trình độ dân trí ở các vùng nông thôn, nhất là các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số.

Đảng ta coi trọng việc đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với các nội dung trên, thực chất là tạo những cơ sở kinh tế - xã hội để giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn - một nội dung cốt lõi mà cách mạng Việt Nam phải giải quyết, một trong những tiền đề tiên quyết để rút ngắn thành công quá trình CNH, HĐH đất nước.

b) Đa dạng hóa các chủ thể thực hiện CNH, HĐH; công nghiệp hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo.

Trước đây, trong mô hình công nghiệp hóa kiểu cũ, Nhà nước là chủ thể duy

nhất thực hiện công nghiệp hóa. Ngày nay, ngoài Nhà nước và kinh tế nhà nước còn có các chủ thể khác là tư nhân và kinh tế tư nhân, các nhà đầu tư nước ngoài và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Một chủ thể thực hiện CNH, HĐH đặc biệt quan trọng là người dân trong xã hội trên cương vị công tác, làm việc của mình. Đó là công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân; là công chức, viên chức, công an, quân đội... Trên cơ sở này, mọi nguồn lực của xã hội đều có khả năng được huy động cho quá trình CNH rút ngắn theo hướng hiện đại ở nước ta.

Đảng ta khẳng định, trong các thành phần kinh tế thực hiện CNH, HĐH đất nước, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Nhưng, quan niệm về vai trò chủ đạo đã có đổi mới căn bản về nội dung. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước thể hiện ở sự định hướng, tạo môi trường, hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển và là lực lượng vật chất cần thiết để Nhà nước điều tiết sự phát triển của nền kinh tế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH.

c) Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, kết hợp tốt nội lực và ngoại lực trở thành nguồn lực tổng hợp của quốc gia để đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Giữ vững độc lập tự chủ trong phát triển đất nước nói chung và trong phát triển kinh tế nói riêng là một vấn đề có tính nguyên tắc, kiên định trong đường lối, chính sách của Đảng ta có liên quan trực tiếp đến sự tồn vong và phát triển của đất nước. Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả là để tạo những điều kiện cần thiết cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Đây là mối quan hệ biện chứng. Giải quyết tốt mối quan hệ này thì chúng có tác động hỗ trợ, thúc đẩy tích cực. Nếu giải quyết không tốt, thì có tác động ngược lại.

Quan niệm về nền kinh tế độc lập tự chủ cũng có nhiều đổi mới và phát triển. Đó không phải là nền kinh tế khép kín, thay thế nhập khẩu, tự sản xuất mọi thứ mà đất nước cần với bất cứ giá nào, không cần tính đến lợi thế và hiệu quả. Đảng ta quan niệm độc lập tự chủ trong phát triển kinh tế đất nước, “trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh: có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường...” (Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX).

Như vậy, để giữ vững độc lập tự chủ trong phát triển kinh tế thì ngoài độc lập tự chủ về đường lối và chính sách, Đảng ta luôn luôn chăm lo đến việc bảo đảm tiềm lực nội sinh của đất nước nói chung và nền kinh tế nói riêng đủ mạnh, đủ sức làm cơ sở cho sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Tiềm lực nội sinh của đất nước, của nền kinh tế sẽ không được bảo đảm và từng bước nâng cao, nếu chúng ta không phát triển được một số ngành công nghiệp nặng then chốt, có ý nghĩa tạo nền tảng như khai thác dầu khí, lọc dầu và hóa dầu, luyện kim cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với những bước đi hợp lý, bảo đảm công nghệ hiện đại, có sức cạnh tranh cao, phát huy tốt hiệu quả trên cơ sở thu hút vốn đầu tư của trong nước và ngoài nước, nhất là của các tập đoàn hàng đầu trên thế giới.

d) Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh.

Trong 20 năm qua, quan điểm về sự kết hợp này ngày càng được thể hiện đậm nét trong quy hoạch và kế hoạch phát triển đất nước, từng vùng, ngành, địa phương và trong nhiều dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng, đã góp phần quyết định vào việc giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Hai mươi năm đổi mới cũng chính là 20 năm tiếp tục thực hiện CNH đất nước trên nền tảng của sự đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế. Thành tựu của 20 năm này là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội, ổn định và phát triển, tạo lập được những tiền đề cần thiết để bắt đầu từ năm 2001, đất nước chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, giai đoạn thực hiện chiến lược đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước theo định hướng XHCN với mục tiêu đến năm 2020, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nền kinh tế đã có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã tăng gần bốn lần. Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực theo hướng CNH, HĐH; một số ngành công nghiệp nền tảng bước đầu được xây dựng; năng lực nội sinh của khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường. Theo đó, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ta được cải thiện rõ rệt; chỉ số phát triển con người (HDI) được liên tục nâng cao và thành tựu về phát triển con người của Việt Nam được Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đánh giá là tốt nhất khu vực

Đông - Nam Á. Những thành tựu này làm tăng thêm thể và lực mới của đất nước, tạo thêm điều kiện để đẩy mạnh hơn nữa CNH, HĐH.

Tuy nhiên, quá trình CNH, HĐH trong 20 năm qua cũng đang chứa đựng nhiều vấn đề chưa được giải quyết, trong đó có những vấn đề thật sự nghiêm trọng. Đó là tình trạng nền kinh tế phát triển chưa tương xứng tiềm năng; chất lượng tăng trưởng chậm được cải thiện; CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn còn nhiều lúng túng, tình trạng trùng lặp về cơ cấu giữa các vùng, các địa phương chậm được khắc phục; khoa học và công nghệ chưa thật sự là nền tảng và động lực của CNH, HĐH; môi trường ngày càng xuống cấp, tham nhũng, lãng phí ngày càng có xu hướng nghiêm trọng... Việc giải quyết một số mối quan hệ, như: quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng, quan hệ giữa thể chế nhà nước và thể chế thị trường, quan hệ giữa độc lập tự chủ về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đang gặp những vướng mắc trong thực tiễn cũng đang đòi hỏi có sự trả lời thỏa đáng về mặt lý luận.

Trước thềm Đại hội Đảng lần thứ X, những vấn đề lý luận và thực tiễn của việc rút ngắn quá trình CNH, HĐH theo định hướng XHCN trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của đất nước do con người Việt Nam tạo ra, được thực hiện trong môi trường chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế tri thức, phát huy tối đa nội lực, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn ngoại lực, sẽ được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thảo luận làm rõ; để có thêm xung lực mới đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GẮN VỚI THỰC HIỆN TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG

Ủy viên T.Ư Đảng,

Trưởng ban Khoa giáo Trung ương

Sau gần 20 năm đổi mới, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta đã được giải quyết một cách khá hiệu quả. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm liền. Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Làm thế nào để có thể giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chiến lược, giới khoa học xã hội nói chung và các nhà kinh tế nói riêng ở hầu hết các nước trên thế giới. Nhờ sự tiến bộ vượt bậc của khoa học - công nghệ và cùng với sự quyết tâm, điều chỉnh, đổi mới các yếu tố thể chế vận hành, cơ chế tác động, nền kinh tế thế giới nói chung trong thế kỷ 20 đã đạt được tốc độ tăng trưởng to lớn, tạo ra một khối lượng sản phẩm khổng lồ cho nhân loại.

Với sự tác động tích cực của quá trình toàn cầu hóa, của làn sóng cải cách theo xu hướng mở rộng tối đa không gian tự do cho kinh tế thị trường và nhất là kinh tế tri thức mà đi liền với nó là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học với hàng loạt công nghệ mới đã và sẽ xuất hiện, thì khả năng tăng trưởng mạnh của kinh tế thế giới thế kỷ 21 chắc chắn vẫn là xu thế nổi trội. Thế nhưng, hiện nay cả loài người đang đứng trước một vấn đề hết sức nan giải, đó là mâu thuẫn giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế ngày càng nhanh với hồ ngấn cách và sự phân hóa giàu nghèo có xu hướng ngày càng lớn giữa các khu vực, các dân tộc và giữa các tầng lớp xã hội trong mỗi nước. Liệu loài người có thể có giải pháp chung để tiến tới toàn cầu hóa sự công bằng và tiến bộ chung hay không?

Phải khẳng định rằng, không có tăng trưởng kinh tế thì không thể có tiến bộ xã hội và công bằng xã hội, nhưng phải chăng, nghèo đói và bất bình đẳng là hệ quả tất yếu của tăng trưởng kinh tế?

Mỗi dân tộc, mỗi quốc gia đã và đang cố gắng tìm cho mình con đường riêng để giải quyết mâu thuẫn trên. Các giải pháp đưa ra ở các nước trong thế kỷ 20 rất đa dạng, song tựu trung lại thì hoặc là ưu tiên tăng trưởng kinh tế trước, giải quyết công bằng xã hội sau; hoặc là đặt các mục tiêu xã hội lên trước các mục tiêu kinh tế. Kinh nghiệm cho thấy cả hai cách làm đó đều có những hạn chế mà hệ quả của nó đều gây ra sự chống đối và sự khủng hoảng trong đời sống xã hội.

Với tư cách là một Đảng, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng, và trong sự hiện diện của mình luôn là đại biểu trung thành cho lợi ích của nhân dân lao động, Đảng Cộng sản Việt Nam cho rằng: giữa việc tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, làm điều kiện và tiền đề cho nhau cùng phát triển. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở, tiền đề để thực hiện công bằng xã hội. Ngược lại, thực hiện công bằng xã hội là nhân tố, điều kiện quan trọng thúc đẩy và bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao và bền vững. Thực tiễn qua 20 năm đổi mới đất nước đã và đang minh chứng rõ điều này.

Những kết quả đã đạt được

Về nhận thức, chủ trương và quan điểm với những nỗ lực vượt qua bao khó khăn chông chát ở giai đoạn khủng hoảng kinh tế - xã hội, thực hiện đường lối đổi mới, Việt Nam đã giành được những thành tựu mà cả thế giới đều công khai ghi nhận: từ tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng vào những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ 20, nền kinh tế đã duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân cao so với khu vực châu Á liên tục từ đầu thập kỷ 90 cho đến nay; thu nhập bình quân đầu người, mức sống và trình độ dân trí đều được nâng cao so với giai đoạn trước đổi mới; chỉ số phát triển con người (HDI) đã có những bước cải thiện đáng kể; chương trình xóa đói, giảm nghèo được chú trọng và đã đem lại nhiều kết quả đáng khích lệ; từ chỗ thiếu đói triền miên, Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới...

Trước đổi mới, do nhiều nguyên nhân mà chủ yếu là do những sai lầm chủ quan, duy ý chí trong nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo XHCN và xây dựng CNXH theo mô hình cũ, đất nước ta đã lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trong điều kiện đó, nhiều mục tiêu về phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đã không thể thực hiện được như mong muốn.

Từ Đại hội VI (12-1986) đến nay, quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng, thể hiện thông qua hệ

thống các chủ trương và quan điểm cơ bản. Theo đó, đã hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Đại hội IX khái quát là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa), có tác động khơi dậy và nhân lên tính năng động, chủ động và tính tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư, tạo nên luồng sinh khí mới làm xoay chuyển tình hình mọi mặt đất nước. Đồng thời, từng bước khẳng định ngày càng rõ hơn việc thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Mặt khác, đã thiết lập cơ chế, chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm cho mình và cho người khác, xem mọi hoạt động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận là việc làm; khẳng định chủ trương khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo, coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Chúng ta khẳng định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Xem phát triển giáo dục, khoa học, y tế là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo. Đề xuất quan điểm tổng quát văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; Có quan niệm mới các tầng lớp xã hội mà Cương lĩnh 1991 đã nêu lên quan niệm về việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh. Đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao; khẳng định mạnh mẽ chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, tạo điều kiện cho mọi người với tư cách từng cá nhân và cả cộng đồng đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

Từ hệ thống những chủ trương, quan điểm trên và từ thực tiễn của quá trình thực hiện tăng trưởng kinh tế phải đi đôi và gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội trong 20 năm qua đã cho chúng ta bài học tổng quan trong vấn đề này là: Phải có sự thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền

với bảo đảm tiên bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Về kết quả thực tế, kết quả phát triển kinh tế trong những năm qua là cơ sở thuận lợi để Nhà nước ta có thể huy động các nguồn lực tăng cường đầu tư cho phát triển xã hội trên nguyên tắc tiên bộ và công bằng. Với những nền tảng đó, hệ thống chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa... đã có nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai, củng cố và hoàn thiện trong thực tế.

Theo tinh thần các chủ trương và quan điểm trên của Đảng, Chính phủ đã lần lượt thể chế hóa thành hệ thống pháp luật, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể để đưa vào cuộc sống. Nhờ vậy, thực tiễn đổi mới ở nước ta thời gian qua đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ về phát triển văn hóa, xã hội trong sự gắn bó với phát triển kinh tế.

- Nhìn chung, sau gần 20 năm đổi mới, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiên bộ và công bằng xã hội ở nước ta đã được giải quyết một cách khá hiệu quả. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng cao trong nhiều năm liền. Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt.

- Từ năm 1991 đến nay, trung bình hằng năm cả nước đã giải quyết cho khoảng một đến 1,2 triệu người lao động có việc làm. Công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống 11% năm 2003. Còn theo chuẩn quốc tế, thì tỷ lệ nghèo chung đã giảm từ 58% năm 1993, xuống 28,9% năm 2002. Như vậy, Việt Nam đã hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015 mà Liên hợp quốc đã đề ra.

- Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến cuối năm 2003, 19 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ người từ 15 tuổi trở lên biết chữ đã tăng từ 88% cuối những năm 1980 lên 94% hiện nay.

- Tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà có bước phát triển nhất định. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; tiếp thu, làm chủ và ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập từ nước ngoài, nhất là trong các lĩnh vực thông tin - truyền thông, lai tạo một số giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, thâm dò

và khai thác dầu khí, phát triển thủy điện, xây dựng cầu, đóng tàu biển, sản xuất vắc-xin phòng dịch...

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ, góp phần hạ thấp đáng kể tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi, cơ bản thanh toán một số dịch bệnh phổ biến trước đây, khống chế thành công bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS). Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên 69 tuổi hiện nay.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) từ mức dưới trung bình: 0,498 năm 1991 tăng lên mức trung bình: 0,688 năm 2002.

Nếu so với thứ bậc xếp hạng GDP bình quân đầu người thì thứ bậc xếp hạng HDI của Việt Nam năm 2002 vượt lên 19 bậc. Điều đó chứng tỏ sự phát triển kinh tế của Việt Nam có xu hướng phục vụ sự phát triển con người, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội tốt hơn so với một số nước đang phát triển có GDP bình quân đầu người cao hơn nước ta.

- Về văn hóa, việc triển khai thực hiện 10 nhiệm vụ do Nghị quyết Hội nghị T.Ư 5 khóa VIII đề ra đã góp phần củng cố sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội đối với đường lối đổi mới toàn diện của đất nước. Tính chủ động, sáng tạo của nhân dân được phát huy. Các tài năng văn hóa - nghệ thuật được khuyến khích. Nhiều di sản văn hóa, cả vật thể và phi vật thể, được giữ gìn tôn tạo. Những giá trị và sắc thái văn hóa của 54 dân tộc anh em được kế thừa và phát triển, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Giao lưu, hợp tác văn hóa với nước ngoài được mở rộng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu rất đáng tự hào, quá trình đổi mới kinh tế - xã hội của nước ta thời gian qua còn nhiều mặt yếu kém cần được tiếp tục giải quyết trong thời gian tới.

Trên lĩnh vực phát triển kinh tế, nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa tuy đã hình thành, song chậm được thể chế hóa đồng bộ.

Trên lĩnh vực phát triển xã hội, nhiều chính sách đã ban hành chưa được thực hiện tốt, một số chính sách còn thiếu hoặc có những điểm bất cập so với sự biến chuyển của tình hình thực tế. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số miền núi còn nhiều khó khăn.

Mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn cũng tăng từ 1,95 lần năm 1992 lên 2,01 lần năm 1995 và 2,27 lần năm 2002, đến

2004 là khoảng bốn lần. Nếu so sánh về mức sống của dân cư ở miền xuôi và dân cư miền núi, nhất là ở các xã vùng cao, thì độ chênh lệch còn lớn hơn nữa.

Mặc dù tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị đã giảm từ 8 đến 9% vào đầu những năm 1990 xuống còn khoảng 6% năm 2004, nhưng vẫn còn ở mức khá cao, vượt khỏi giới hạn an toàn của tỷ lệ thất nghiệp trong một quốc gia (thường là 2 đến 3%).

Hiện tượng làm giàu phi pháp do tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo, đầu cơ chưa được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả.

Ngoài ra, trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân (nhất là khám, chữa bệnh cho người nghèo), điều tra và xét xử các vụ án, v.v. cũng còn nhiều việc phải chấn chỉnh, cải cách, cải tiến, để thật sự bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển con người, đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

Vấn đề đặt ra và giải pháp để tiếp tục thực hiện

Qua thực tiễn 20 năm đổi mới đã đặt ra một số vấn đề buộc chúng ta phải tính đến và cụ thể hóa hơn, giải quyết triệt để hơn, nếu như muốn bảo đảm việc tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội đem lại kết quả khả quan và bền vững.

Một là, sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội phải được thực hiện ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Muốn vậy, mỗi chính sách phát triển kinh tế phải đồng thời hướng tới thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội; mỗi chính sách phát triển văn hóa, phát triển xã hội phải “mở” và tạo điều kiện thúc đẩy cao nhất cho phát triển kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài.

Hai là, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho mọi công dân, - kể cả những người yếu thế và dễ bị tổn thương đều có cơ hội tiếp cận công bằng các nguồn lực phát triển và các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, việc làm, thông tin; tư vấn pháp luật... để họ có thể tự lo liệu và dần dần cải thiện cuộc sống của bản thân, gia đình, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chung.

Ba là, thách thức đặt ra cho Việt Nam hiện nay rất phức tạp và nan giải: Tỷ lệ nghèo đói so với chuẩn thế giới còn lớn; những mặt trái của cơ chế thị trường đang làm nảy sinh những vấn đề xã hội bức xúc: đó là sự phân hóa giàu nghèo; sự cách biệt về tốc độ phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng miền; sự gia tăng các tệ nạn ma túy, mại dâm, tội phạm hình sự, sự suy thoái về lối sống và đạo đức; tham nhũng đã thật sự trở thành quốc nạn; chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh

của nền kinh tế còn thấp so với các nước trong cùng khu vực và rất thấp so với các nước phát triển.

Những vấn đề này nếu không được giải quyết thỏa đáng và kiên quyết, thì khó có thể đạt được phát triển bền vững, càng không thể có công bằng xã hội thật sự, và chắc chắn sẽ gây những cản trở không nhỏ trong quá trình tiếp tục đổi mới để đạt tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Để giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ công bằng xã hội, cần phải tập trung vào những định hướng chính sách sau:

Một là, đẩy mạnh việc thể chế hóa đồng bộ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải tiến các chính sách quản lý vĩ mô, nhằm tạo ra các điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp trong xã hội đều có cơ hội tiếp cận một cách công bằng đối với các yếu tố “đầu vào” của sản xuất, kinh doanh.

Hai là, đối với thành quả của quá trình sản xuất, kinh doanh, cần tiếp tục thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào quá trình trên.

Ba là, ngoài việc phân phối lần đầu cho những người trực tiếp tham gia quá trình sản xuất, kinh doanh như trên đã nói, Nhà nước cần phải thi hành chính sách phân phối lại thông qua các sắc thuế (như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập...) để điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, tăng thêm nguồn thu nhập cho ngân sách và phân bổ một cách công bằng, hợp lý các khoản chi từ ngân sách này cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

Riêng trong lĩnh vực đầu tư cho phát triển các vùng lãnh thổ, một mặt cần tập trung đầu tư ở mức hợp lý cho các vùng kinh tế động lực, nhằm tạo ra những đầu tàu tăng trưởng để kéo toàn bộ đoàn tàu kinh tế Việt Nam đi lên nhanh hơn. Song, mặt khác, cũng cần chú trọng đầu tư cho các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, nhằm giảm dần khoảng cách, trình độ phát triển giữa các vùng miền, từng bước khắc phục tình trạng “bất công tự nhiên” và “bất công do lịch sử để lại”; giữ vững ổn định chính trị - xã hội bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh đó, cũng có thể áp dụng cơ chế riêng đối với những vùng có lợi thế về kinh tế để hỗ trợ những vùng yếu thế hơn.

Bốn là, tiếp tục khuyến khích không hạn chế mọi người làm giàu hợp pháp, trước hết là những công nhân lành nghề, những nông dân sản xuất giỏi, những nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao, những nhà kinh doanh có tài.

Năm là, đi đôi với việc khuyến khích làm giàu hợp pháp, cần đẩy mạnh hơn nữa công cuộc xóa đói, giảm nghèo, tập trung phần lớn ở những vùng nghèo, xã nghèo, nhất là xã đặc biệt khó khăn.

Sáu là, cần mở rộng chính sách phúc lợi xã hội thành hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc, xem đây là một trong những chỉ báo quan trọng của một xã hội công bằng và văn minh.

Hệ thống chính sách an sinh xã hội này bao gồm: 1) Chính sách ưu đãi xã hội, nhằm bảo đảm mức sống ít nhất trên trung bình cho những người có công trong quá trình cách mạng và kháng chiến trước đây; 2) Chính sách bảo hiểm xã hội nhằm huy động sự tích góp một phần thu nhập của những người lao động lúc bình thường để dành chi tiêu cho lúc gặp khó khăn (thất nghiệp, bệnh tật tuổi già...); 3) Chính sách trợ cấp xã hội để hỗ trợ giúp những người yếu thế và dễ bị tổn thương như người tàn tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ...; 4) Chính sách cứu tế xã hội để cứu mang những người bị thiệt hại nặng do dịch họa, thiên tai hoặc rủi ro trong cuộc sống; 5) Chính sách tương trợ xã hội, như phát huy truyền thống tương thân, tương ái “lá lành đùm lá rách” trong cộng đồng để giúp nhau vượt qua khó khăn, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống.

Bảy là, hoàn thiện hệ thống pháp luật, loại bỏ những kẽ hở trong cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện để ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả những hiện tượng làm giàu phi pháp.

CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP KINH TẾ, NHỮNG THÀNH TỰU QUAN TRỌNG

LƯƠNG VĂN TỰ

**Thứ trưởng Thương mại, Tổng Thư ký
Ủy ban quốc gia - Hợp tác kinh tế quốc tế**

Kể từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, chủ trương chủ động hội nhập kinh tế ngày càng được xây dựng, phát triển và hoàn thiện hơn. Chủ trương này góp phần tích cực phá thế bao vây cấm vận của một số thế lực thù địch, mở rộng quan hệ kinh tế thương mại với các nước ở khắp các châu lục trên thế giới, từ đó góp phần đắc lực vào việc phát triển thị trường xuất nhập khẩu.

Ngày nay, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế (HNKTQT) đã trở thành một chủ trương được toàn Đảng, toàn dân nhất trí. Có thể nói, qua mỗi kỳ Đại hội Đảng, chủ trương chủ động hội nhập kinh tế lại càng được xây dựng, phát triển và hoàn thiện hơn.

Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, đường lối đổi mới đã mở ra sự phát triển toàn diện và sâu sắc trên mọi lĩnh vực, trong đó chúng ta chú trọng phát triển đường lối đối ngoại độc lập tự chủ và rộng mở. Tại Đại hội VII, Đảng ta đã xác định rõ đường lối độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại với phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”. Đại hội IX đã phát triển phương châm “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước...” thành “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

Chúng ta đã trải qua giai đoạn thực hiện các cam kết ban đầu, đến nay quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đang ngày càng đi vào chiều sâu, việc thực hiện các cam kết trong giai đoạn mới chắc chắn sẽ có những ảnh hưởng sâu sắc tới nền kinh tế quốc dân. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay của Việt Nam, Nghị quyết 07-NQ/TU được Bộ Chính trị ban hành ngày 27-11-2001 chính là sự kế thừa, cụ thể hóa và triển khai các đường lối của Đảng đề ra từ trước tới nay, đồng thời đáp ứng kịp thời

những đòi hỏi khách quan của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong giai đoạn mới. Đây là một văn kiện hết sức quan trọng đối với tiến trình HNKTQT của Việt Nam hiện nay và trong tương lai.

Tất nhiên, không chỉ nhờ vào HNKTQT song có thể nói, hiện nay, Việt Nam có uy tín lớn trên trường quốc tế thì thành tích đáng kể chính là nhờ chủ trương và chính sách đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta về HNKTQT. Quá trình HNKTQT đã góp phần tích cực phá thế bao vây cấm vận của một số thế lực thù địch, mở rộng quan hệ kinh tế thương mại với các quốc gia ở khắp các châu lục trên thế giới, từ đó góp phần đắc lực vào việc phát triển thị trường xuất nhập khẩu. Tính đến nay, chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 167 nước, đã tham gia vào các tổ chức lớn như ASEAN, APEC, ASEM và đang đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Chúng ta đẩy mạnh quan hệ buôn bán từ chỗ chỉ dựa vào các nước Đông Âu đã mở rộng ra quan hệ buôn bán với 224/255 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ⁽¹⁾, ký 87 Hiệp định thương mại song phương (cả ký mới và ký lại). Việt Nam cũng đã ký hơn 350 Hiệp định hợp tác phát triển với các nhà tài trợ, 48 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 42 Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và 37 Hiệp định hợp tác về văn hóa song phương với các nước và các tổ chức quốc tế.

Quan hệ kinh tế - thương mại của Việt Nam được mở rộng trong suốt quá trình HNKTQT vừa qua đã tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập rộng khắp thế giới, nhiều hàng hóa Việt Nam đã có chỗ đứng và khả năng cạnh tranh trên nhiều thị trường khó tính như EU, Nhật Bản, Hoa Kỳ... Hoạt động hợp tác kinh tế quốc tế của Việt Nam được triển khai một cách toàn diện trên nhiều lĩnh vực đã tạo ra nhiều thuận lợi cho hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam. Thông qua việc khai thông thị trường mới, mở rộng quan hệ buôn bán trao đổi, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nhận được các ưu đãi thuế quan và phi thuế quan của các nước, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam từ 2,4 tỷ USD năm 1990 lên 26,5 tỷ USD năm 2004 và dự kiến sẽ đạt 31,5 tỷ USD năm 2005. Như vậy, với mức tăng trưởng xuất khẩu năm 2005, thì triển vọng có thể thực hiện được kế hoạch xuất khẩu năm năm 2001 - 2005.

Việc gia tăng quan hệ kinh tế thương mại, gia tăng kim ngạch xuất khẩu đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Từ một nước có mức tăng trưởng kinh tế

1 . Số liệu của Bộ Thương mại năm 2004.

thấp kém, tới nay, Việt Nam liên tục đạt mức tăng trưởng hơn 7%, nhiều năm chỉ đứng thứ hai sau mức tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, kim ngạch xuất khẩu đã đạt gần 50% GDP năm 2004.

Từ HNKQT, chúng ta đã chẳng những mở rộng quan hệ, mở thêm nhiều thị trường mà còn thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư, công nghệ và kỹ năng quản lý. Thu hút đầu tư nước ngoài là chủ trương quan trọng của Việt Nam trong những năm qua, góp phần khai thác các nguồn lực trong nước, mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, tạo nên sức mạnh tổng hợp phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH. Đầu tư nước ngoài đã trở thành một trong những nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển; có tác dụng thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng CNH, HĐH; mở ra nhiều nghề, sản phẩm mới; nâng cao năng lực quản lý và trình độ công nghệ, mở rộng thị trường xuất khẩu; tạo thêm nhiều việc làm mới, góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế thế giới. Tính từ năm 1988 đến hết tháng 5-2005, cả nước đã cấp giấy phép đầu tư cho hơn 6.400 dự án ĐTNN với tổng vốn đăng ký kể cả tăng vốn 60,5 tỷ USD, trong đó có 5.412 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký là 48,49 tỷ USD, vốn thực hiện đạt hơn 26 tỷ USD. Cho tới nay, đã có doanh nghiệp của hơn 70 nước và vùng lãnh thổ có mặt ở Việt Nam, trong đó có nhiều công ty và tập đoàn lớn có tiềm lực kinh tế - công nghệ, góp phần làm thay đổi trình độ sản xuất của Việt Nam. Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh từ năm 1988 đến nay vừa đáp ứng nhu cầu sản xuất - tiêu dùng của thị trường nội địa rộng lớn với sức mua tăng lên nhanh chóng vừa tận dụng và phát huy những lợi thế xuất khẩu mà Việt Nam đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong những năm qua, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thật sự trở thành một trong những động lực tăng trưởng sản xuất công nghiệp Việt Nam. Đặc biệt, đầu tư nước ngoài đã tác động mạnh mẽ tới tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu Việt Nam: năm 1990, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực này trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước chỉ chiếm 19,5%, năm 2004 con số này đã đạt 54% (kể cả xuất khẩu dầu thô). Nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò quan trọng trong nền kinh tế nước ta: chiếm gần 30% vốn đầu tư xã hội, 35% giá trị sản xuất công nghiệp, giải quyết việc làm cho hơn 40 vạn lao động và hàng chục vạn lao động gián tiếp. Thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và những hợp đồng chuyển giao công nghệ theo các dự án hoặc thông qua chương trình hợp tác quốc tế, Việt Nam đã tiếp thu được nhiều công nghệ hiện đại và phương pháp quản lý tiên tiến trong nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau, góp phần thúc đẩy tăng năng suất lao động và khả năng cạnh tranh của sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Nhìn chung công nghệ của các doanh nghiệp nước

ngoài và doanh nghiệp liên doanh đều cao hơn công nghệ đang sử dụng ở Việt Nam và ở mức trung bình của khu vực. Một số dự án đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực dầu khí, viễn thông, sản xuất ô-tô, xi-măng, sắt thép, điện tử,... thuộc loại tiên tiến. Sự xuất hiện của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng đã có các tác động dây chuyền tích cực, như tăng mức độ cạnh tranh trên thị trường, giúp các doanh nghiệp và các nhà quản lý doanh nghiệp trong nước học hỏi thêm về cách thức bố trí sản xuất, quản lý, tiếp thu công nghệ, kiểu dáng sản phẩm và cách thức tiếp thị, phục vụ khách hàng... Những thành công trong việc tiếp thu khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến mà quá trình HNKTQT mang lại đã tạo nên bộ mặt mới cho nền công nghiệp và xã hội Việt Nam ngày càng hiện đại, văn minh. Bên cạnh việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam còn tranh thủ được nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) ngày càng lớn. Vốn ODA của các nhà tài trợ cam kết cho Việt Nam, từ năm 1993 đến 2004 đã lên tới 28,78 tỷ USD. Tính đến ngày 20-12-2004, giá trị các hiệp định đã ký kết đạt 20,593 tỷ USD. Năm 2005, Việt Nam huy động được ODA ở mức kỷ lục là 3,4 tỷ USD, tăng 600 triệu USD so với năm 2004. Đây là nguồn vốn quan trọng đầu tư vào hạ tầng cơ sở như đường sá, cầu cống và phục vụ chương trình xóa đói, giảm nghèo.

Một thành tựu quan trọng nữa do HNKTQT đem lại đó là do việc mở cửa thị trường đã buộc các doanh nghiệp Việt Nam phải chuyển sang cách làm ăn mới. Sự hội nhập kinh tế đã thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển, tạo khả năng cạnh tranh. Có thể nói, chỉ trong thời gian hơn 10 năm mà đội ngũ doanh nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển lớn mạnh cả về lượng và chất. Từ chỗ chỉ có hơn 10.000 doanh nghiệp, đến nay đã có khoảng 160 nghìn doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Chỉ tính riêng đội ngũ doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất khẩu tới năm 2005 đã là 35.714 doanh nghiệp, tăng gấp 965 lần so với năm 1986 (37 công ty), trong đó doanh nghiệp quốc doanh là 4.296 và 31.418 doanh nghiệp thuộc các loại hình khác như Công ty TNHH, cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp FDI. Đội ngũ các doanh nghiệp hùng hậu hơn, đội ngũ cán bộ cũng qua hội nhập kinh tế mà trưởng thành hơn, vững vàng hơn.

Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta đã đáp ứng được yêu cầu hội nhập kinh tế, bởi so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, chúng ta còn ở mức thấp (Theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), xét về chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia, so sánh với 11 quốc gia trong khu vực, Việt Nam xếp ở vị trí thấp nhất 11/11; so với toàn cầu, năm 2003, Việt Nam xếp ở vị trí thứ 60 trên tổng số 80 được đánh giá xếp hạng, nhưng năm 2004 chúng ta đã tụt 17 bậc). Kim

ngạch xuất khẩu của nước ta mới bằng một phần ba kim ngạch xuất khẩu của Thái-lan và hai phần ba kim ngạch xuất khẩu của Phi-li-pin. Trong khi dân số của ta lại đông hơn dân số của Thái-lan và Phi-li-pin. Như vậy, rõ ràng, chúng ta phải cố gắng nhiều, nhiều hơn nữa thì mới không tụt hậu, mới có thể vững vàng cạnh tranh và phát triển trong hội nhập.

Trong bối cảnh hiện nay, cả thế giới đang trong xu thế toàn cầu hóa và không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. Thế giới đang hình thành ba trung tâm khu vực mậu dịch tự do và liên minh kinh tế lớn. Đó là khu vực mậu dịch tự do châu Mỹ, gồm 33 nước tham gia, với hơn 900 triệu dân và tổng sản phẩm của cả khối khoảng 11 nghìn tỷ USD. Liên minh châu Âu đã mở rộng 25 nước và đang tiếp tục đàm phán mở rộng về phía đông có số dân hơn 450 triệu người, 12 nước đã tham gia đồng ơ-rô, có tổng thu nhập khoảng 9.000 tỷ USD. Khu vực thứ ba là ASEAN mở rộng gồm ASEAN + Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân. Đây là khu vực mậu dịch tự do có số dân đông nhất thế giới. ASEAN đã kết thúc đàm phán về hàng hóa với Trung Quốc và đang tiến hành đàm phán với các nước còn lại. Dự kiến lộ trình tự do hóa thương mại từ năm 2014 đến 2020, mức thuế sẽ giảm xuống trung bình dưới 10%. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy một quốc gia đóng cửa hoặc bị bao vây cấm vận thì kinh tế không phát triển được, nhưng một quốc gia mở cửa hoàn toàn phụ thuộc bên ngoài cũng sẽ bị chao đảo như một số nước Mỹ la-tinh khi thị trường thế giới biến động lớn hoặc sức ép chính trị của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế. Do đó, độc lập tự chủ kinh tế trong bối cảnh hiện nay là tập trung cao vào phát huy thế mạnh của đất nước tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để đạt mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Độc lập tự chủ về kinh tế sẽ tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả; xây dựng một nền kinh tế độc lập tự chủ chính là tiền đề bảo đảm để HNKQT thành công. Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng XHCN; đẩy mạnh CNH, HĐH, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh, có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; giữ vững ổn định chính trị và xã hội; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế. Và tất yếu, khi HNKQT thành công sẽ nâng cao hiệu quả của nền kinh tế độc lập tự chủ.

Chúng ta đang bước vào giai đoạn hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới và khu vực. Theo Hiệp định CEPT-AFTA, từ 1-1-2006, thuế hầu hết các mặt hàng nhập

khẩu từ ASEAN (trừ nhóm nhạy cảm và nhóm loại trừ hoàn toàn) giảm xuống 0% đến 5%. Chúng ta đang trong giai đoạn cuối cùng của tiến trình mười năm đàm phán gia nhập WTO. Để có thị trường toàn cầu của 148 thành viên WTO và thu hút vốn đầu tư, công nghệ của họ, thì chúng ta phải mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ cho họ. Quá trình này tạo cho ta nhiều cơ hội và những thách thức gay gắt, song thể và lực của ta ngày nay đã khác xa so với thời kỳ mới mở cửa. Chúng ta tin tưởng rằng, đất nước ta sẽ vượt qua các thách thức đưa nền kinh tế phát triển tới đỉnh cao mới.

VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

GS. ĐỖ QUỐC SAM

Kết quả thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) theo các Nghị quyết Đại hội VIII và IX của Đảng đã đem lại những thay đổi quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của đất nước trong hơn 10 năm qua. Tuy nhiên, nếu so với mục tiêu chiến lược của CNH, HĐH thì vẫn có biểu hiện chậm trễ và thiếu đồng bộ. Trong việc cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng và tổ chức thực hiện, chúng ta chưa xác định rõ những bước đi thích hợp, một lộ trình cụ thể cho một chiến lược hoàn chỉnh về CNH, HĐH. Có nhiều nguyên nhân, nhưng đáng chú ý là vẫn còn có những vấn đề lý luận về CNH, HĐH cần được tiếp tục làm rõ.

1 - Khái niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Theo nghĩa hẹp, CNH được hiểu là quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế trong đó nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo sang nền kinh tế công nghiệp là chủ đạo. Theo nghĩa rộng, CNH là quá trình chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) sang kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp. Người ta cũng phân biệt "CNH cổ điển" theo kiểu nước Anh và châu Âu hai thế kỷ trước với "CNH kiểu mới" có kết hợp với tin học hóa, toàn cầu hóa kinh tế và kinh tế tri thức.

Theo cách hiểu phổ biến hiện nay, HĐH là quá trình chuyển biến từ tính chất truyền thống cũ sang trình độ tiên tiến, hiện đại. Về ý nghĩa kinh tế, HĐH được giải thích là quá trình chuyển dịch căn bản từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, bắt đầu từ thế kỷ XVII đến nay và vẫn còn chưa kết thúc. Có người chia quá trình HĐH thành hai giai đoạn: Hiện đại hóa lần thứ nhất tương ứng với thời kỳ CNH cổ điển, và HĐH lần thứ hai tương ứng với thời kỳ tri thức hóa.

Ở nước ta, hiện nay thường dùng cụm từ CNH, HĐH với cách hiểu là "công nghiệp hóa và hiện đại hóa gắn kết với nhau trong cùng một quá trình, ngay từ đầu và suốt trong các giai đoạn phát triển". Ở đây, CNH được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ giới hạn ở khía cạnh kinh tế, mà còn cả về mặt xã hội, văn hóa. Hiện đại hóa hiểu theo nghĩa thông dụng, thời gian chỉ là thứ nguyên so sánh. Nói cách khác, chúng ta đang trong giai đoạn công nghiệp hóa, song không hoàn toàn như công

nghiệp hóa kiểu cổ điển, chỉ chú ý phát triển công nghiệp để tăng cao tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội, mà đồng thời phát triển công nghệ, thực hiện tin học hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức, nghĩa là thực hiện "công nghiệp hóa kiểu mới" hay nói như văn kiện Đại hội IX *công nghiệp hóa theo hướng hiện đại*.

Căn cứ vào các văn kiện của Đảng và Nhà nước, CNH ở nước ta có những đặc điểm là CNH gắn kết với HĐH trong suốt các giai đoạn phát triển, vừa mang tính chất công nghiệp hóa về kinh tế - xã hội, vừa có tính chất hiện đại hóa về công nghệ ở mức tương ứng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực hiện theo cách rút ngắn thời gian để sớm có thể đuổi kịp các nước trong vùng và trên thế giới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công bằng xã hội, cân đối giữa phát triển kinh tế và xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng phát triển bền vững, ngoài chính sách xã hội còn quan tâm bảo vệ và cải thiện môi trường. Trong thực hiện CNH, HĐH coi giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là nền tảng và động lực của sự phát triển; coi trọng CNH, HĐH trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển.

Dựa vào định hướng và các tính chất trên, có thể xây dựng một mô hình CNH phù hợp và xác định các tiêu chí định lượng để đánh giá trình độ CNH và so sánh với các nước khác.

2 - Về tiêu chí công nghiệp hóa

Nghị quyết Đại hội IX đặt ra mục tiêu: *đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*, song ngoài một số mục tiêu mang tính định tính, không nêu rõ những tiêu chí để xác định thế nào là một nước công nghiệp, thế nào là một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và thế nào là cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Hiện nay, trên thế giới các nhà nghiên cứu sử dụng hàng trăm tiêu chí khác nhau để nhận biết và đánh giá các dạng, loại và trình độ phát triển, mỗi tiêu chí đều thể hiện một tính chất được lượng hóa và một mức độ phải đạt. Ở mỗi nước và mỗi giai đoạn phát triển thường sử dụng một hệ thống các tiêu chí khác nhau. Trong điều kiện Việt Nam, khi chọn hệ thống tiêu chí CNH theo hướng hiện đại (CNH kiểu mới) cần tôn trọng một số nguyên tắc sau: Phải thể hiện rõ định hướng và các đặc trưng CNH của nước ta; Tương hợp với các tiêu chí đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới để tiện so sánh, đánh giá; Các dữ liệu thống kê của Việt Nam và quốc tế có đủ để tính toán các chỉ tiêu định lượng; Đơn giản, thuận tiện, định nghĩa rõ ràng không thể nhầm lẫn.

Tiêu chí đánh giá không thể, hoặc rất khó, quy về một chỉ số đơn nhất vì các

yếu tố đặc trưng có thể khác nhau khá lớn về bản chất, song số lượng tiêu chí cũng không nên quá lớn để dễ phân tích và tìm kiếm số liệu. Để thuận tiện cho việc so sánh, có thể sắp xếp các tiêu chí vào các nhóm, mỗi nhóm đại diện cho một khía cạnh của sự phát triển. Ứng với yêu cầu CNH ở nước ta, có thể có các nhóm về kinh tế, khoa học - công nghệ, chính sách xã hội, cải thiện môi trường, chất lượng cuộc sống...

Từ các tiêu chí phản ánh các đặc trưng CNH trên, có thể tính toán hoặc suy diễn ra các chỉ tiêu định lượng và lựa chọn mức độ của mỗi chỉ tiêu tương ứng với trình độ hoàn thành CNH. Theo kinh nghiệm nước ngoài, trình độ hoàn thành CNH có thể lấy tương đương với mức bình quân của 18 nước phát triển nhất (theo xếp hạng của Ngân hàng thế giới WB) vào những năm 60 của thế kỷ XX. Nếu có đủ cơ sở, cũng có thể tham chiếu một số ít chỉ tiêu liên quan hiện đại hóa vào khoảng 1-2 thập niên sau. Qua nghiên cứu, bước đầu có thể nêu ra một danh mục tiêu chí và chỉ tiêu sau:

- Chi tiêu kinh tế: GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương PPP; tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong GDP; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động; năng suất lao động bình quân; tiêu hao năng lượng đầu người; tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu trên GDP; chỉ số cạnh tranh quốc tế.

- Chi tiêu xã hội và chất lượng cuộc sống: chỉ số phát triển con người (HDI); tỷ lệ đô thị hóa; khoảng cách đô thị và nông thôn; chỉ số GINI.¹

- Chi tiêu môi trường: tỷ lệ sử dụng nước sạch; chi phí bảo vệ và cải thiện môi trường trong GDP; tỷ lệ chất thải được xử lý; tỷ lệ phủ xanh đất nước.

- Chi tiêu tin học hóa và kinh tế tri thức: tỷ lệ hộ gia đình có máy tính và internet; tỷ lệ kinh phí cho nghiên cứu và triển khai R&D chiếm trong GDP; số chứng chỉ về phát minh - sáng chế trên 10.000 dân; tỷ trọng sản phẩm công nghệ mới, công nghệ cao trong sản lượng công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội được lựa chọn có cơ sở khoa học sẽ cho phép thấy rõ chúng ta đang đứng ở vị trí nào trên con đường CNH, HĐH, còn cách xa đích bao nhiêu, và cần tập trung năng lực vào những lĩnh vực nào để sớm đứng vào hàng ngũ những nước công nghiệp hoặc "cơ bản" có thể coi là một nước công nghiệp.

1 . Hệ số GINI dùng để đánh giá sự bất bình đẳng về phân phối thu nhập.

3 - Về công nghiệp hóa rút ngắn và vấn đề đuổi kịp các nước

Có nhiều lý do để tin tưởng rằng CNH của nước ta có nhiều khả năng để rút ngắn thời gian so với các nước CNH cổ điển châu Âu trước đây. Một mặt, việc gắn kết cả yêu cầu CNH và HDH vào cùng trong một quá trình sẽ cho phép tránh được trùng lặp trong nhiều bước có tính chuyên tiếp và một số khâu cơ cấu lại hai ba lần. Mặt khác, tiến trình CNH của chúng ta không phải là một quá trình tự phát, tự điều chỉnh, mà là một tiến trình có điều khiển, chỉ đạo theo một đường lối và một chiến lược nhất quán với những bước đi có chọn lọc, có tính toán hợp lý. Ngoài ra, chúng ta cũng thừa hưởng được nhiều kinh nghiệm cả thành công và thất bại của các nước đi trước.

Với đà phát triển khá nhanh của nước ta như hiện nay, đến năm 2020 GDP bình quân đầu người cũng mới đạt trên dưới 2.000 USD. Với mức thu nhập ấy, các chỉ tiêu phát triển khác cũng khó có khả năng đạt mức cao, chất lượng của sự phát triển khó bảo đảm vững chắc. Bởi vậy, con đường an toàn cho việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và rút ngắn thời gian có thể dựa trên hai yếu tố. *Một là*, nhanh chóng phát triển công nghệ mới, công nghệ cao để nâng cao và duy trì tốc độ phát triển. *Hai là*, chuẩn bị tốt nhất các điều kiện tiền đề cho CNH, HDH (giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, kết cấu hạ tầng, thể chế quản lý...) để nắm bắt và lợi dụng tối đa thời cơ thuận lợi khi nó xuất hiện để tạo ra những bước phát triển có tính nhảy vọt với tốc độ đột biến cao hơn. Nội dung đó cũng đã được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đây đồng thời cũng là sự đúc rút từ kinh nghiệm của một số nước công nghiệp mới.

Vấn đề đuổi kịp các nước đi trước có thể thực hiện được trong một khoảng thời gian hợp lý hay không cũng là một vấn đề cần được làm rõ. Nếu so sánh với một vài nước khu vực, thì thời gian đuổi kịp còn khá dài. Ví dụ, thu nhập bình quân đầu người hiện nay của Thái Lan, Trung Quốc cao gấp 3- 4 lần so với Việt Nam, nhưng tốc độ tăng thu nhập cũng xấp xỉ hoặc cao hơn ta. Trong khi đó, nếu tốc độ phát triển của Việt Nam được giữ liên tục như hiện nay thì sau 30 năm nữa cũng vẫn chưa thể đuổi kịp họ về thu nhập. Như vậy, bài toán đuổi kịp tính với hai nước trên hầu như không khả thi trong trung hạn.

Tuy nhiên, nếu tính so sánh với bình quân của các nhóm nước, mà chúng ta cần đặt mục tiêu đuổi kịp, như nhóm các nước đang phát triển, nhóm nước châu Á, hay mức bình quân toàn cầu v.v., thì kết cục bài toán lại hoàn toàn khác. Ví dụ, so với nhóm các nước đang phát triển, thì sẽ cần 20 năm để đuổi kịp và bắt đầu vượt lên trước. So với bình quân toàn cầu sẽ cần khoảng 30 năm, và thậm chí so với mức

khởi đầu của các nước đã phát triển, mà tốc độ tăng trưởng liên tục thường rất thấp, chúng ta cũng sẽ thấy rõ khả năng đuổi kịp là hiện thực.

Hơn nữa, những ước tính trên đây mới chỉ xét đến một yếu tố tăng trưởng về kinh tế - thu nhập bình quân đầu người, chưa tính đến ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đang có lợi cho chỉ số tăng trưởng của những nước như Việt Nam và cũng chưa kể đến khả năng có thể có bước phát triển đột biến khi có cơ hội như dự kiến của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Các nhà nghiên cứu nước ngoài ước tính Trung Quốc đã đi được 73% trên con đường công nghiệp hóa, và cũng theo ước tính trên, Việt Nam cũng đã đạt được 61%. Như vậy, mục tiêu năm 2020 "cơ bản trở thành một nước công nghiệp" không phải là không có cơ sở để thực hiện.

4 - Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

a) Cần tạo trong nông nghiệp, nông thôn môi trường ban đầu thích hợp để có thể tiếp nhận những chính sách và giải pháp cụ thể của quá trình CNH, HĐH. Có ba việc cần làm trước:

- Sớm hoàn thành chương trình xóa đói, giảm nghèo ở các vùng nông thôn, tạo mặt bằng kinh tế - xã hội tương đối đồng đều. Quan tâm vấn đề áp dụng những tiêu chuẩn nghèo đối sát với tiêu chuẩn quốc tế để dễ đánh giá và so sánh, đồng thời chú trọng đến yêu cầu bền vững, không để xảy ra hiện tượng đói nghèo trở lại và làm biến dạng môi trường nông thôn.

- Sớm xây dựng một nền kinh tế hàng hóa ở nông thôn, phá vỡ thế độc canh, tự cấp tự túc còn rớt lại. Muốn vậy, chỉ giúp nông thôn xây dựng kết cấu hạ tầng tối thiểu (điện, đường, trường, trạm, chợ) và cho vay vốn ban đầu vẫn chưa đủ. Còn cần sớm hình thành một mạng lưới công ty, xí nghiệp vừa và nhỏ (kể cả cực nhỏ) trên cơ sở huy động sự tham gia của các doanh nghiệp từ các vùng công nghiệp, các lực lượng quân đội tại chỗ làm kinh tế và nguồn vốn của Nhà nước.

- Xây dựng quy hoạch về an toàn lương thực và bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn, vừa sử dụng hợp lý đất đai, mặt nước, vừa chủ động phòng chống thiên tai.

b) Việc áp dụng các phương pháp công nghiệp và tổ chức tiên tiến vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, tạo năng suất cao và chất lượng hàng hóa nông sản đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước, sẽ bảo đảm cho thu nhập của người nông dân được nâng lên xấp xỉ với mặt bằng thu nhập chung của xã hội. Muốn đạt được yêu cầu trên, trước hết cần đầu tư vào các biện pháp kỹ thuật: thủy lợi hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa và điện khí hóa. Bên cạnh đó, các giải pháp về tổ chức sản

xuất đang đặt ra những vấn đề bức xúc. Không thể công nghiệp hóa nông nghiệp trên cơ sở những mảnh ruộng quá manh mún, những tổ chức sản xuất quá nhỏ bé, luôn bị động về tiêu thụ sản phẩm và khó khăn về áp dụng các biện pháp công nghệ mới. Các hình thức hợp tác xã sản xuất ở đồng bằng và các kiểu trang trại ở vùng trung du, miền núi và ven biển phải đóng góp vào việc mở rộng quy mô khai thác, nhờ đó các biện pháp kỹ thuật mới phát huy được hiệu quả. Mặt khác, muốn đưa nông nghiệp lên trình độ hiện đại thì đã đến lúc cần tạo điều kiện để áp dụng một cách phổ biến các công nghệ mới vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng những khu nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới kỹ thuật và tổ chức sản xuất, kể cả tổ chức lại cuộc sống ở các vùng nông thôn.

c) Một nhân tố quan trọng trong CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là vấn đề phát triển công nghiệp ở các vùng nông thôn hay là vấn đề cơ cấu lại kinh tế và lao động nông thôn. Theo số liệu thống kê, lao động nông nghiệp hiện đang đóng góp khoảng 20% GDP toàn quốc, tỷ lệ đó sẽ giảm dần (tuy giá trị tuyệt đối vẫn tăng), dự báo có thể xuống dưới 10% sau năm 2020. Như vậy, muốn tăng thu nhập của nông dân lên gần với mức chung của cả nước thì tỷ lệ lao động trong nông nghiệp còn cần giảm nhiều, diện tích đất canh tác cho mỗi lao động phải tăng lên... Do đó số lao động dôi dư ở vùng nông thôn sẽ rất lớn. Tạo việc làm mới sẽ là vấn đề cấp bách và kéo dài trong suốt thời kỳ CNH, HĐH.

Đương nhiên là khu vực công nghiệp và dịch vụ (sẽ chiếm đến 80% - 90% nền kinh tế) phải có nhiệm vụ thu hút số lao động dôi dư đó. Song nếu chuyển tất cả về mấy thành phố lớn và các khu công nghiệp sẽ không thể là phương án tối ưu. Tuy có thể tăng nhanh tỷ lệ đô thị hóa, nhưng những nhu cầu về đất đai, kết cấu hạ tầng và rủi ro về môi trường là rất khó giải quyết, chưa kể nhu cầu về vốn đầu tư để tạo ra việc làm trong công nghiệp hiện đại. Giải pháp thích hợp sẽ là tích cực phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các vùng nông thôn, hình thành một mạng lưới công - thương vừa, nhỏ và siêu nhỏ vừa nằm gần các vùng nguyên liệu và hộ tiêu thụ, vừa tạo nhiều việc làm và có thể xử lý tốt vấn đề môi trường và đô thị hóa.

Ngoài những khu công nghiệp tập trung lớn hàng trăm héc-ta, trong quy hoạch phát triển cần sắp xếp một mạng lưới "tiểu khu công nghiệp" hay cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở khắp các tỉnh (trong đó có các cụm làng nghề) để cho công nghiệp cũng như đô thị không bị quá tải bởi tình trạng tập trung vào một số cực, mà điều kiện thực tế không đủ sức chịu đựng về mọi phương diện xã hội, môi trường và cung ứng...

d) Một vấn đề bao trùm về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là việc xây

dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới. Giai đoạn đầu cần quan tâm đến đường sá và điện nước. Vấn đề đòi hỏi nhiều thời gian hơn là việc sắp xếp lại dân cư cho phù hợp với phân bố lại lao động và cải thiện môi trường sống vùng nông thôn để vẫn giữ nguyên được khung cảnh thiên nhiên đặc trưng làng quê, nhưng lại có được những tiện nghi đời sống hiện đại như ở các đô thị.

Thực hiện những yêu cầu trên, cách tốt nhất là sắp xếp và hình thành nhiều thị trấn nhỏ làm nơi tập trung công nghiệp và dịch vụ, nơi ươm tạo và phát triển kỹ thuật, công nghệ phục vụ nông thôn, và biến những nơi này thành điểm văn hóa nông thôn mới. Một mạng lưới những thị trấn như vậy, phân bố rộng trên tất cả các vùng lãnh thổ, nối liền với những trung tâm công nghiệp mới và những đô thị đã có sẵn bằng một hệ thống giao thông thuận lợi, một mạng thông tin và các hạ tầng kỹ thuật... có thể bảo đảm cho sự phát triển hài hòa của toàn bộ đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước.

Song song với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật đó, cần thực hiện chương trình nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài ở vùng nông thôn ngang tầm nhiệm vụ mới.

5 - Về phát triển khoa học, công nghệ

Vấn đề làm thế nào để khoa học, công nghệ (kể cả giáo dục và đào tạo) thực sự trở thành nền tảng và động lực của CNH, HĐH đã được làm rõ dần với chủ trương của Chính phủ về "xã hội hóa", đổi mới quản lý công tác khoa học, công nghệ và đổi mới quản lý giáo dục đại học.

Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ những năm qua thường không nối kết trực tiếp người nghiên cứu với người sử dụng kết quả nghiên cứu. Giữa 2 khâu cung và cầu đó thường phải qua khâu trung gian là Nhà nước, kinh phí nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ chủ yếu là từ ngân sách nhà nước. Trong khi đó, doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhà nước) không bị ràng buộc (đúng ra là chưa có động lực) phải tìm đến tiến bộ khoa học. Các cơ quan khoa học, công nghệ lớn phần nhiều là thuộc sở hữu nhà nước, tình trạng bao cấp làm cho lao động của các nhà khoa học chưa được đánh giá đúng mức do hoạt động khoa học, công nghệ còn tập trung quá nhiều vào Nhà nước, phụ thuộc vào cơ chế hành chính *quan liêu*, phần lớn được ngân sách nhà nước *bao cấp*.

Để khắc phục những nhược điểm trên, Nhà nước nên tập trung chủ yếu vào việc ban hành các chính sách quản lý và khuyến khích hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, xác định các hướng ưu tiên cho từng thời kỳ tương ứng với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Về nhu cầu nghiên cứu, Nhà nước đặt

hàng bằng phương thức giao thầu hoặc đấu thầu các đề tài về quản lý nhà nước và khoa học cơ bản, đồng thời lập các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và quỹ "mạo hiểm" để hỗ trợ một phần cho các đề tài về sản xuất, kinh doanh phục vụ các hướng ưu tiên quốc gia và bù đắp cho phần rủi ro trong nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Có cơ chế khuyến khích và ràng buộc để các doanh nghiệp trực tiếp đặt hàng với các tổ chức nghiên cứu, được nhận sự hỗ trợ của các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, được ưu đãi trong việc lập quỹ khoa học, công nghệ và trong khai thác, sử dụng các kết quả nghiên cứu công nghệ trong nước. Các tổ chức khoa học, công nghệ áp dụng cơ chế sự nghiệp mới, có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch hoạt động, về tổ chức nhân sự và thu chi tài chính, không phân biệt thuộc trung ương hay địa phương, công lập hay dân lập, chỉ còn sự khác nhau về trình độ, năng lực chuyên môn, khoa học, nghĩa là năng lực cạnh tranh. Thu nhập của cán bộ khoa học phải dựa vào kết quả của lao động khoa học bỏ ra, có thể rất cao nếu đem ứng dụng vào thực tế có hiệu quả, nhưng cũng có thể chỉ đạt mức bình thường nếu chưa được ứng dụng, hoặc chưa có kết quả. Ngoài ra, cần có chế tài cụ thể trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ.

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ QUỐC DÂN TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2005)

PGS, TS. Nguyễn Sinh Cúc

(ĐCSVN) - Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII và IX của Đảng đã quyết định đường lối, mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH - HĐH) đất nước và coi đó là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở Việt Nam. Đó là định hướng và mục tiêu tăng trưởng kinh tế phải gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế (CDCCKT) chung cũng như của từng ngành và lĩnh vực theo hướng CNH-HĐH.

Mục tiêu chung đến năm 2020 về cơ bản nước ta trở thành nước công nghiệp. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra về CDCCKT chung đến năm 2005 là: cơ cấu GDP theo 3 khu vực sẽ là: Nông nghiệp (nghĩa rộng), từ 20-22%; Công nghiệp và xây dựng 38-39% và dịch vụ 41-42%. Tỷ trọng của lao động nông nghiệp còn khoảng 50%. Đến nay, kế hoạch 5 năm 2001-2005 sắp kết thúc, sự nghiệp đổi mới đã gần 20 năm, các mục tiêu đề ra về CDCCKT đã thực hiện đến đâu và triển vọng sắp tới như thế nào?

Dưới đây và kết quả đạt được và những vấn đề đặt ra trong 20 năm qua theo các nội dung chủ yếu.

1. Những kết quả đã đạt được

1.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân (CDCCKT) nói chung

Kết quả nổi bật về CDCCKT quốc dân theo ngành trong gần 20 năm qua là xu hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, ổn định tỷ trọng khu vực dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong GDP nhưng giá trị tuyệt đối của từng ngành đều tăng năm sau cao hơn năm trước.

Biểu 1 : Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP)

Phân theo 3 khu vực từ 1986-2004 . Đơn vị tính: %

	1986	1990	1995	2000	2003	2004
Chung nền kinh tế	100	100	100	100	100	100
Khu vực I Nông lâm thủy sản	30,06	38,74	27,18	24,53	22,54	21,76
Khu vực II Công nghiệp, XD	28,88	22,67	28,76	36,73	39,47	40,09
Khu vực III Dịch vụ	33,06	38,59	44,06	38,74	37,99	38,165

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2005, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân theo GDP về cơ bản vẫn như 4 năm trước đó. Tỷ trọng nông nghiệp (nghĩa rộng) chiếm 22, 11%, công nghiệp và xây dựng chiếm 39,79% và dịch vụ chiếm 38, 10% GDP. Dự báo cả năm, 3 chỉ tiêu tương ứng sẽ là nông nghiệp 21,60%; công nghiệp và xây dựng 40,01% và dịch vụ chiếm 38,39% GDP. Như vậy, về cơ cấu kinh tế chỉ có 2 chỉ tiêu đạt được là nông nghiệp, công nghiệp và xây dựng theo nghĩa rộng, còn dịch vụ không đạt được.

Trong 20 năm qua, cơ cấu kinh tế quốc dân theo ngành kinh tế nói chung đã có bước chuyển biến theo hướng tích cực. Tỷ trọng khu vực I (nông, lâm nghiệp và thủy sản) đã giảm gần 17%, từ 38,06% năm 1986 xuống còn 21,76% năm 2004 và 21,6% năm 2005, trung bình mỗi năm giảm 0,90%. Tương tự như vậy khu vực II, công nghiệp và xây dựng tăng gần 12%, từ 28,88% lên trên 40%, bình quân mỗi năm tăng 0,60%, và khu vực III dịch vụ tăng 5% từ 33% lên trên 38%, bình quân mỗi năm tăng 0,27%. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế những năm qua tuy còn chậm so với yêu cầu song xu hướng chung thời kỳ sau nhanh hơn thời kỳ trước đó.

Thời kỳ 1986-1990, cơ cấu kinh tế chưa có chuyển dịch theo hướng tích cực, ngược lại, tỷ trọng khu vực I lại tăng 0,68%, tỷ trọng khu vực II lại giảm 0,58% và tỷ trọng khu vực III tăng 5,53%. Bước sang thời kỳ 1991- 1995, thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 10 năm 1991-2000 theo đường lối CNH - HĐH, cơ cấu kinh tế quốc dân đã có bước chuyển dịch nhanh hơn hẳn thời kỳ trước đó. Năm 1995/1991, tỷ trọng khu vực I giảm 6,2/%, khu vực II tăng 4,79% và khu vực III tăng 8,34%. Bước sang thời kỳ 1996-2000, tỷ trọng khu vực I: giảm 4,33% tỷ trọng khu vực II: tăng 7,20% và khu vực III: giảm 3,61%.

Sang thế kỷ XXI, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng về đẩy nhanh CNH-HĐH, thời kỳ 2001-2005 cơ cấu kinh tế quốc dân chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực nhưng tốc độ đã chậm hơn thời kỳ trước đó. Năm 2004/2001, tỷ trọng khu vực I giảm 1,49%, khu vực II tăng 2% và khu vực III gần như không thay đổi. Với kết quả đó, chúng ta yên tâm vì 2/3 mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành do Đại hội IX đề ra cho năm 2005 đã đạt và vượt. Do tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ nên đóng góp của từng ngành trong GDP cũng đã thay đổi, rõ nhất trong những năm gần đây.

Biểu 02: Tỷ lệ đóng góp của từng khu vực vào tốc độ tăng GDP cả nước (%)

Khu vực kinh tế	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Tổng GDP	4,80	6,79	6,89	7,04	7,26	7,60
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	1,20	1,10	0,69	0,91	0,72	0,80
Công nghiệp và xây dựng	2,60	3,46	3,68	3,45	3,86	3,90
Riêng công nghiệp	2,90	2,72	2,81	3,00	3,21	3,20
Dịch vụ	1,00	2,23	2,52	2,68	2,68	3,00

Sáu tháng đầu năm 2005, GDP tăng 7,63%, trong đó nông nghiệp đóng góp 0,88%, công nghiệp đóng góp 3,68% và dịch vụ đóng góp 3,07%. Dự báo cả năm 2005, độ tăng trưởng GDP cả nước sẽ đạt trên 8,5%, tỷ lệ đóng góp của mỗi khu vực trong tốc độ tăng trưởng GDP sẽ cao hơn 6 tháng đầu năm, trong đó mức độ đóng góp của công nghiệp, xây dựng khoảng 4%, của dịch vụ khoảng 3,5% và nông nghiệp khoảng 1%.

Cơ cấu kinh tế quốc dân theo thành phần có nhiều khởi sắc. Trong những năm qua, thực hiện đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước, cơ cấu kinh tế quốc dân đã có bước phát triển theo hướng đa thành phần và khu vực kinh tế. Trong cơ cấu kinh tế quốc dân những năm đổi mới, bên cạnh kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong GDP (38-39%, đã và đang phát triển mạnh các thành phần kinh tế ngoài nhà nước; kinh tế tư nhân, cá thể, tập thể, hỗn hợp, đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Biểu 03: Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) theo giá thực tế (%)

Thành phần kinh tế	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Tổng số	100	100	100	100	100	100
- Kinh tế nhà nước	38,74	38,53	38,40	38,31	38,2	39,22
- Kinh tế ngoài QD	49,06	48,19	47,84	47,78	47,67	45,61
+ Kinh tế tập thể	8,8	8,58	8,06	7,98	7,49	7,11
+ Kinh tế tư nhân	7,1	7,31	7,95	8,3	8,23	8,39
+ Kinh tế cá thể	33,90	32,31	31,84	31,42	31,22	31,5
- Kinh tế có vốn FDI	12,20	13,28	13,75	13,76	14,47	15,17

Dự báo năm 2005, cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế sẽ là: kinh tế nhà nước 38,5%; kinh tế ngoài quốc doanh 47,0% và FDI là 15,5%.

Đáng quan tâm là, trong cơ cấu GDP theo thành phần và khu vực kinh tế, tỷ trọng khu vực kinh tế nhà nước, tập thể và cá thể giảm dần, khu vực kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng dần theo thời gian. Và đến năm 2004, tỷ trọng kinh tế nhà nước vẫn chiếm 39,22% GDP so với 45,61% của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh và 15,17% của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Các yếu tố trực tiếp tác động đến xu hướng đó là Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư nước ngoài, Luật Hợp tác xã... trong đó mạnh nhất là luật doanh nghiệp.

Cơ cấu kinh tế quốc dân theo vùng cũng bước đầu có bước chuyển dịch tích cực. Sự hình thành và phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam với phạm vi ngày càng mở rộng, ngành nghề đa dạng, thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước... đã trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế cả nước theo hướng chuyên môn hóa, hợp tác và liên kết kinh tế. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã trở thành vùng kinh tế động lực của cả nước, tỷ trọng GDP, kim ngạch xuất khẩu của vùng trong tổng GDP và tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước vốn đã lớn lại không ngừng tăng nhanh. Tỷ trọng GDP của vùng từ 25% trước năm 1999 tăng lên trên 50% năm 2003; tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu từ 30% lên gần 60% trong thời gian tương ứng. Hai vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và miền Trung tuy phát triển chậm hơn song đã có nhiều chuyển biến tích cực.

Các vùng chuyên canh, các khu công nghiệp tập trung phát triển mạnh và hoạt động ngày càng có hiệu quả cả về kinh tế và xã hội sau 15 năm phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX) 1991-2005, cả nước có 125 KCN, KCX, thu hút 2319 dự án đầu tư của 40 nước và vùng lãnh thổ và hàng nghìn dự án đầu tư trong nước. Tại các KCN, KCX đã có 69 dự án đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, các KCN với số vốn hơn 500 triệu USD và 4500 tỷ đồng. Các KCN, KCX đã giải quyết việc làm cho 400 nghìn lao động, trong đó các KCN ở Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút hơn 300 nghìn lao động. Những năm đầu thế kỷ XXI, các KCN, KCX phát triển mạnh tại các vùng nông thôn thuộc các tỉnh nông nghiệp như Long An, Tây Ninh, Quảng Nam, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình... ngoại vi Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định, Cần Thơ, góp phần đưa công nghiệp về nông thôn và tác động trực tiếp đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Bộ mặt các vùng kinh tế của cả nước, kể cả các vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng xa, vùng sâu... ngày càng đổi mới theo hướng văn minh và tiên bộ. Cơ cấu lao động và nghề nghiệp ở các vùng nông thôn thuần nông trước đây đã có bước chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Thu nhập và đời sống các tầng lớp dân cư được cải thiện đáng kể. Tiêu biểu cho xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ trong đó có vai trò của các KCN, KCX là tỉnh Bình Dương.

Vốn là tỉnh nông nghiệp trong những năm trước đây, trong cơ cấu GDP, của tỉnh Sông Bé cũ, nông nghiệp chiếm hơn 60%, công nghiệp và dịch vụ chỉ chưa đến 40%. Vào thời điểm tái lập tỉnh Bình Dương (1996), cơ cấu kinh tế chung của tỉnh tuy đã có chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, nhưng cơ cấu GDP của tỉnh lúc đó vẫn là: nông nghiệp 26,2%; công nghiệp có tăng lên nhưng cũng chỉ có 45,5% và dịch vụ 28,3%. Vậy mà năm 2004, cơ cấu GDP của tỉnh đã thay đổi đột biến: Tỷ trọng công nghiệp lên tới 62%, tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống còn 12% và dịch vụ 26%. Năm 2005, xu hướng đó vẫn tiếp tục vì tốc độ tăng trưởng của công nghiệp vẫn đạt 34,4%, thu hút vốn FDI trên 165 triệu USD, thuộc loại nhiều của cả nước. Như vậy, trung bình một năm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm 2%, tỷ trọng công nghiệp tăng 2,42%. Đó là tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH nhanh nhất và vững chắc nhất so với các địa phương khác trong cả nước cũng như vùng Đông Nam Bộ.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản)

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực I trong những năm qua là chuyển dần từ nền sản xuất mang nặng tính tự cấp, tự túc, thuần nông năng suất và hiệu quả thấp sang nền sản xuất hàng hoá đa ngành, đa canh, đa sản phẩm có năng

suất và hiệu quả cao trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, nguồn nước và kinh nghiệm sản xuất của từng vùng, từng địa phương. Đó là xu hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản trong tổng giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm của toàn khu vực.

Biểu 04- Cơ cấu giá trị sản xuất và giá trị tăng thêm trong khu vực I thời kỳ 1999-2004 (theo giá thực tế, tổng số là 100).

Năm	Giá trị sản xuất			Giá trị tăng thêm		
	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản	Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản
1999	81,5	4,6	13,9	82,0	5,6	12,4
2000	80,2	4,5	15,3	80,8	5,5	13,7
2001	77,4	4,7	18,9	80,1	5,3	14,6
2002	76,9	4,3	18,8	78,2	5,3	15,5
2003	75,3	4,1	20,6	76,5	5,3	18,2
2004	75,0	3,9	21,1	76,0	5,1	18,9

Sáu tháng đầu năm 2005, cơ cấu giá trị sản xuất khu vực I về cơ bản vẫn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thủy sản và giảm tỷ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp do tốc độ tăng trưởng của thủy sản là 8,2% còn nông nghiệp là 4,5% và lâm nghiệp chỉ có 0,6% so với cùng kỳ năm 2004. Triển vọng cả năm không có thay đổi lớn về cơ cấu sản xuất trong khu vực này so với năm 2004.

Nội dung của quá trình CDCCKT nông, lâm nghiệp và thủy sản trong những năm qua thực chất là chuyển nền sản xuất nông nghiệp theo nghĩa rộng từ phương thức độc canh lúa, tự cấp tự túc lương thực, phân tán quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế thấp sang nền nông nghiệp đa canh, hướng sản xuất hàng hoá, tập trung, quy mô lớn, hiệu quả kinh tế, xã hội cao, môi trường sinh thái bền vững, trên phạm vi cả nước, từng vùng, từng địa phương. Xu hướng này ngày càng thể hiện tính ưu việt so với các mô hình cũ trước đó lấy sản xuất lương thực làm mục tiêu, tự túc lương thực bằng mọi giá, lấy tăng năng suất và tăng sản lượng lúa làm mục tiêu phấn đấu của cả

nước cũng như từng địa phương và cơ sở. Nguyên nhân của những khởi sắc đó bắt đầu từ chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước về CDCKKT nông nghiệp, nông thôn thể hiện trong Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị (khoá VIII) và được cụ thể hoá trong Nghị quyết 09/NQ-CP của Chính phủ (ngày 15-9-2000) về CDCKKT nông nghiệp, nông thôn và tiêu thụ nông sản hàng hoá.

Cơ cấu kinh tế trong nội bộ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong những năm qua đã có bước chuyển từ nông nghiệp sang thủy sản với tốc độ chậm nhưng khá rõ nét. Tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GDP giảm từ 20,8% năm 1999 xuống còn 16,69% năm 2003, bình quân mỗi năm giảm 1%, trong khi đó giá trị tuyệt đối GDP vẫn tăng bình quân trên 2%/năm. Tỷ trọng lâm nghiệp trong GDP vừa bé lại có xu hướng giảm dần từ 1,4% đến năm 2003 chỉ còn 1,1%, nhưng giá trị tuyệt đối vẫn tăng nhẹ, dưới 1%. Tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu sản xuất nhanh nhất là ngành thủy sản. Tỷ trọng thủy sản trong tổng GDP cả nước từ 3,2% năm 1999 lên 4,01% năm 2003 và tốc độ tăng trưởng GDP đạt bình quân trên 7%/năm. Đó là nét nổi bật đáng ghi nhận nhất trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực I.

1.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực II (công nghiệp và xây dựng)

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực II những năm qua diễn ra theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và giảm dần tỷ trọng xây dựng trong GDP và trong giá trị sản xuất khu vực.

Dưới đây là tình hình cụ thể của xu hướng này trong những năm gần đây.

Biểu 5: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo GDP giá thực tế trong khu vực II, thời kỳ 1999-2004

Ngành kinh tế	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Chung CN + XD	100	100	100	100	100	100
Công nghiệp	84,2	85,0	84,6	84,7	85,3	84,4
Xây dựng	15,8	15,0	15,4	15,3	14,7	15,6

Dự báo năm 2005, cơ cấu giá trị sản xuất khu vực công nghiệp và xây dựng sẽ là: công nghiệp 85% và dịch vụ 15%.

Tỷ trọng GDP của ngành công nghiệp trong tổng GDP của khu vực II tăng từ 84,2% năm 1999 lên trên 85,% các năm 2003-2005, trong khi đó tỷ trọng GDP của

ngành xây dựng giảm từ 15,8% xuống còn 15% trong các năm tương ứng, là xu hướng tích cực. Nguyên nhân trực tiếp của tiến bộ này là, trong giai đoạn đẩy mạnh CNH-HĐH cả 2 ngành công nghiệp và xây dựng đều tăng trưởng nhanh nhưng tốc độ tăng trưởng của công nghiệp bình quân/năm của thời kỳ 1999-2005 là 16% so với tốc độ tăng 10% của xây dựng.

Trong nội bộ ngành công nghiệp, xu hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất giữa các nhóm ngành và ngành sản phẩm cũng diễn ra khá rõ nét, theo hướng tiến bộ. Ngành công nghiệp chế biến chiếm tỷ trọng lớn (80,3%), ngành công nghiệp khai thác chiếm 15,1% và ngành sản xuất điện, nước chiếm 4,6%(2004).

Những năm qua ngành công nghiệp chế biến có tốc độ tăng trưởng cao và liên tục, giữ cho tỷ trọng công nghiệp chế biến ổn định và tăng so với năm 2000 (năm 2000 chiếm 78,7%, năm 2004 là 80,3% và năm 2005 ước 80,7%). Sở dĩ ngành công nghiệp chế biến giữ được tỷ trọng cao là do một số ngành sản phẩm mới có điều kiện tăng trưởng sản xuất cao như: sản xuất ô tô năm 2000 tỷ trọng bằng 1,75%, năm 2004 chiếm 3,2% gấp gần 2 lần, sản xuất xe máy và các phương tiện vận tải khác từ 3,98% lên 4,05%, sản xuất thiết bị điện, điện tử từ 2,29% lên 2,76%. Một số ngành có nhu cầu tăng, đồng thời điều kiện sản xuất trong nước thuận lợi cũng đã gia tăng sản xuất và ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, điển hình là sản xuất kim loại năm 2000 chiếm 2,72%, năm 2003 là 3,53%, năm 2004 là 3,87%, sản xuất các sản phẩm khác từ kim loại (trừ máy móc thiết bị) từ 3,0% tăng lên 4,2%, máy móc từ 3,42% lên 4,14%.

Ngành công nghiệp khai thác mỏ chiếm tỷ trọng nhỏ, nhưng tỷ trọng giảm từ 15,78% năm 2000 xuống còn 15,06% năm 2004, nguyên nhân chủ yếu là ngành khai thác dầu khí chiếm trên 80% giá trị sản xuất của ngành khai thác, thì tỷ trọng giảm dần từ 13,5 1% (năm 2000) xuống còn 12,44% (năm 2004), do sản xuất tăng chậm tỷ trọng giảm dần của ngành dầu khí, nên mặc dù các ngành khai thác khác như: khai thác than, khai thác đá, cát, sỏi và các mỏ khác có tăng lên cũng không có tác động đến toàn ngành khai thác.

1.4. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong khu vực III (Dịch vụ)

Trong giai đoạn 1991-1995, cơ cấu ngành dịch vụ có những thay đổi đáng kể. Ngành thương mại có tốc độ tăng trưởng cao: từ 4,8% năm 1991 tăng lên 1,2% năm 1995 và tỷ trọng của chúng trong GDP nền kinh tế đã tăng từ 12,7% năm 1991 lên 13,2%. Nếu xét trong toàn bộ khu vực dịch vụ, tỷ trọng của ngành thương mại có xu hướng giảm dần, từ 31% năm 1991 xuống còn 29,5% năm 1995. Sang giai đoạn 1996-2003, cơ cấu khu vực dịch vụ đã có những bước chuyển biến tích cực.

Biểu 6: Cơ cấu GDP nội bộ khu vực dịch vụ giai đoạn 1996 -2003 theo giá thực tế (%)

Ngành	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Toàn khu vực dịch vụ	100	100	100	100	100	100	100	100
Thương mại	37,30	37,00	37,00	37,00	36,73	36,34	36,67	35,66
Du lịch, khách sạn	8,45	8,55	8,23	8,37	8,38	8,46	8,32	8,0
Vận tải, bưu điện	8,98	9,39	9,30	9,70	10,10	10,4	10,23	11,0
Tài chính, tín dụng	4,45	4,10	4,10	4,67	4,76	4,74	4,73	4,8
Hoạt động KH-CN	1,40	1,30	1,30	1,20	1,37	1,40	1,46	1,45
Tư vấn & KD bất động sản	11,67	11,60	11,70	11,40	11,20	11,55	11,86	11,4
Quản lý NN	8,10	7,90	7,80	7,90	7,05	6,76	6,71	7,0
GD-ĐT	8,50	8,50	8,80	8,70	8,67	8,80	8,80	8,45
Dịch vụ khác	11,15	11,66	11,67	11,66	11,74	11,50	11,22	11,54

Trong 2 năm 2004 và 2005, tỷ trọng của khu vực dịch vụ trong GDP có tăng so với các năm trước với tốc độ chậm. Thương mại trên 36%, vận tải, bưu điện trên 12%, tài chính tín dụng 12%. Trong nội bộ khu vực dịch vụ, cơ cấu kinh tế cũng có chuyển dịch theo hướng đa dạng hoá các ngành dịch vụ, tăng tỷ trọng một số ngành dịch vụ: vận tải, bưu chính viễn thông, du lịch, xuất nhập khẩu, ngân hàng, tư vấn và kinh doanh bất động sản.

Ngành có tỷ trọng tăng dần là thương mại, cơ cấu doanh thu dịch vụ đã có chuyển dịch tích cực. Tỷ trọng thương mại xuất nhập khẩu tăng nhanh, tỷ trọng nội thương giảm dần nhưng giá trị tuyệt đối về tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ vẫn tăng trung bình 18% trong những năm gần đây (1999-2005), nếu trừ tốc độ tăng giá, vẫn còn tăng khoảng 8-9%/năm. Trong 20 năm đổi mới, quy mô và tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và hoạt động dịch vụ nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng CNH- HĐH.

2. Những tồn tại và hạn chế

Đánh giá chung, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân nói chung theo GDP và cơ cấu kinh tế ba khu vực: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ theo giá trị sản xuất nói riêng vẫn còn chậm và không đều giữa các ngành, các vùng và các địa phương. Kết quả là đến năm 2005, chỉ có 2/3 chỉ tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế đạt kế hoạch đề ra. Chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch là tỷ trọng dịch vụ còn thấp và có xu hướng giảm dần, không ổn định, dù tiềm năng còn rất lớn. Tuy cơ cấu nội bộ ngành dịch vụ đã có biến đổi theo hướng đa ngành, đa sản phẩm, nhưng còn nặng về phát triển các ngành truyền thống như: y tế, giáo dục, quản lý nhà nước, du lịch khách sạn, nhà hàng... Sự phát triển một số ngành dịch vụ chất lượng cao của nền kinh tế, như: tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, khoa học công nghệ; tư vấn và các dịch vụ sử dụng trí tuệ, chất xám... còn chậm. Tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu sản xuất các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp... còn rất bé và tăng chậm. Dịch vụ khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hóa.

Đó là vấn đề tồn tại lớn nhất không chỉ trong cơ cấu GDP của nền kinh tế mà là của từng ngành, từng khu vực sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng. Cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng ngành sản xuất và hoạt động dịch vụ tuy có chuyển dịch theo hướng CNH- HĐH nhưng quy mô và tốc độ còn rất chậm so với yêu cầu đề ra, nhất là trong nông nghiệp. Tác động của CDCCKT đối với tăng hiệu quả kinh tế - xã hội, sản xuất và dịch vụ còn chưa rõ nét. Tính tự phát, manh mún và tự cấp tự túc không theo quy hoạch và kế hoạch còn phổ biến ở các ngành, các vùng và các địa phương. Nguyên nhân có nhiều, một phần do khó khăn khách quan, sự biến động bất lợi của thị trường, giá cả thế giới, nhất là giá xăng dầu, sắt thép, dịch SARS, cúm gia cầm, hạn hán, cơ sở hạ tầng thấp kém, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Vai trò điều tiết và định hướng của Nhà nước bằng các chính sách kinh tế - tài chính còn mờ nhạt. Các giải pháp kinh tế - tài chính đã ban hành chưa có tác động tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và kinh tế công nghiệp, nông, lâm nghiệp, thủy sản và dịch vụ nói riêng. Đầu tư dàn trải, tỷ lệ thất thoát còn lớn, cơ cấu chưa hợp lý, trong đó đầu tư cho dịch vụ chưa được quan tâm đúng mức. Chiến lược và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa rõ ràng nên các ngành, các địa phương còn lúng túng, dẫn đến tự phát, rõ nhất là chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp, thủy sản và kinh doanh dịch vụ.

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: MÔ HÌNH KINH TẾ TỔNG QUÁT TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

PGS, TSKH. NGUYỄN VĂN ĐẶNG

Trong thời gian dài trước đổi mới, cũng như nhiều nước khác, chúng ta đã áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Xô viết, với những đặc trưng chủ yếu là: xây dựng nền kinh tế khép kín về lực lượng sản xuất, không thừa nhận sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ, thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, coi kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Mô hình này đã thu được những kết quả quan trọng, nhất là đáp ứng được yêu cầu của đất nước thời kỳ có chiến tranh nhưng sau đó bộc lộ rõ những khuyết điểm, tình hình kinh tế - xã hội đất nước ngày càng khó khăn.

Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm sự lãnh đạo của mình, khẳng định những mặt làm được; phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, mở ra một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Về kinh tế, Đại hội khẳng định phải đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển mạnh các đơn vị kinh tế sang hạch toán kinh doanh theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hội nghị Trung ương 6 (Khóa VI) đã phát triển thêm một bước, đưa ra quan điểm phát triển nền kinh tế có kế hoạch gồm nhiều thành phần kinh tế đi lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội và thể hiện tinh thần dân chủ về kinh tế, bảo đảm cho mọi người tự do làm ăn theo pháp luật; các hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất vốn có bản chất riêng nhưng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh không ngăn cách nhau mà có nhiều loại hình hỗn hợp, đan kết với nhau; kinh tế quốc doanh cần có lực lượng đủ sức chi phối thị trường, song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành nghề, những ngành nghề, loại hoạt động nào mà kinh tế hợp tác xã, kinh tế gia đình, kinh tế tư nhân có thể làm tốt, có lợi cho nền kinh tế thì nên tạo điều kiện cho các loại hình kinh tế ấy phát triển.

Phát huy những kết quả đổi mới đã đạt được, sau nhiều năm nghiên cứu, tìm tòi, tổng kết lý luận, thực tiễn, Đại hội IX (4/2001) chính thức đưa ra khái niệm “kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, khẳng định chủ trương xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là đường lối chiến lược nhất quán. Đại hội chỉ rõ đường lối kinh tế của Đảng ta là: đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất, phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Đây là bước phát triển mới rất quan trọng về tư duy lý luận và thực tiễn của Đảng.

Từ thực tiễn đổi mới gần hai mươi năm qua, nhất là qua những năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, chúng ta dần thấy rõ hơn những đặc trưng chủ yếu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một kiểu kinh tế thị trường mới trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện và đặc điểm cụ thể của Việt Nam; là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc bản chất của chủ nghĩa xã hội, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Theo mô hình kinh tế này, động lực chung để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời coi trọng khuyến khích cả vật chất và tinh thần, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta, những yếu tố, phương tiện và công cụ của kinh tế thị trường được sử dụng, phát triển để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tính chất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế ngày càng được hình thành rõ nét hơn trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đây là nền kinh tế thị trường có tổ chức, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, được nhân dân đồng tình và là chủ thể xây dựng; không phải là sự gán ghép khiên cưỡng, chủ quan giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội, mà là sự nắm bắt và tự giác vận dụng sáng tạo xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay, tiếp thu có chọn lọc thành tựu của nền văn minh nhân loại, sử dụng và phát huy cao độ vai trò tích cực của kinh tế

thị trường, đồng thời hạn chế tối đa những khuyết tật của tính tự phát trong kinh tế thị trường, nhằm thực hiện có kết quả mục tiêu từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để Việt Nam có thể hội nhập thế giới, rút ngắn quá trình CNH, HĐH, sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan hệ sản xuất không ngừng được đổi mới và hoàn thiện, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhằm giải phóng triệt để và thúc đẩy phát triển mạnh lực lượng sản xuất, cải thiện nhanh đời sống của nhân dân, tạo ra sự đồng thuận ngày càng cao trong xã hội, tạo động lực thu hút mạnh mọi nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển, và giữ vững ổn định chính trị - xã hội; lấy phát triển lực lượng sản xuất làm động lực để không ngừng hoàn thiện và đổi mới quan hệ sản xuất.

Thực hiện xóa bỏ mọi sự phân biệt - đối xử theo hình thức sở hữu. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, cùng phát triển lâu dài; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Thực hiện phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội thực hiện công bằng trong phân phối để tạo động lực mạnh mẽ phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân, của toàn xã hội; trong đó việc hình thành và phát triển một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh, có sức cạnh tranh cao, có uy tín lớn là một nhiệm vụ chiến lược.

Mọi công dân có quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm; có quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu hợp pháp; có quyền bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội, các nguồn lực phát triển, trong cung cấp và tiếp nhận thông tin.

Nhà nước định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường, phù hợp yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. Nhà nước tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi để phát huy các nguồn lực cho phát triển theo cơ chế thị trường các chủ thể hoạt động kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, công khai và minh bạch, có trật tự, kỷ cương, các giao dịch thị trường diễn ra phù hợp với các nguyên tắc của kinh tế thị trường; hỗ trợ phát triển, chăm lo xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội quan trọng; bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị

trường. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng hệ thống pháp luật; tác động đến thị trường chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách và các công cụ kinh tế, sử dụng một số biện pháp để hỗ trợ thị trường trong nước khi cần thiết, không trái với các cam kết hội nhập. Nhà nước thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển, không phân biệt hình thức sở hữu, đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm, đối với một số mục tiêu (như xuất khẩu, tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo, khắc phục những rủi ro), một số địa bàn các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhà nước quan tâm bồi dưỡng, đào tạo và biểu dương các doanh nhân có tâm, có đức và thành đạt.

Nhà nước định hướng, tạo môi trường để phát triển có hiệu quả các doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, hình thành một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam nhiều về số lượng, có sức cạnh tranh cao, có thương hiệu uy tín, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế lớn dựa trên chế độ cổ phần. Doanh nghiệp nhà nước không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả; chủ yếu dưới hình thức công ty cổ phần nhiều chủ sở hữu; phát huy vai trò nòng cốt, tập trung vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, một số lĩnh vực công ích; làm nòng cốt trong các tập đoàn kinh tế lớn có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Các loại hình kinh tế tập thể, nhất là các hợp tác xã được đổi mới và phát triển mạnh. Kinh tế tư nhân được khuyến khích và phát triển mạnh không hạn chế quy mô trong mọi ngành nghề, lĩnh vực, kể cả các lĩnh vực kinh doanh quan trọng của nền kinh tế mà pháp luật không cấm. Thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành nghề, các lĩnh vực kinh doanh quan trọng.

- Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa gắn kết chặt chẽ, hài hòa. Các mục tiêu kinh tế và các mục tiêu xã hội được kết hợp chặt chẽ trên bình diện cả nước cũng như ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân làm giàu chính đáng, đồng thời giúp đỡ người khác thoát nghèo, từng bước khá giả hơn; thực hiện chính sách ưu đãi xã hội đối với những người có công với nước; thực hiện các chính sách xã hội bảo đảm an toàn cuộc sống cho mọi thành viên trong cộng đồng, hỗ trợ những vùng bị thiên tai, những người gặp khó khăn cơ nhỡ. Càng đi vào kinh tế thị trường, càng phải chăm lo tốt hơn phúc lợi xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, phát triển giáo dục, văn hóa, chăm sóc sức khỏe nhân dân; càng phải đề cao vai trò của nhà nước và toàn xã hội, phát huy các nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực xã hội, thực hiện yêu cầu gắn kết hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

Phát triển văn hóa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với sự phát triển kinh tế, xã hội. Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc phải thật sự trở thành nền tảng tinh thần của xã hội. Không ngừng xây dựng và hoàn thiện giá trị của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế bồi dưỡng các giá trị văn hóa trong thanh niên, đặc biệt là lý tưởng sống, năng lực trí tuệ, đạo đức cao đẹp và bản lĩnh văn hóa con người Việt Nam.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, kết hợp nội lực với ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới thành nguồn lực tổng hợp để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển đất nước nhanh và bền vững; trong đó nội lực là nhân tố quyết định đối với sự phát triển, các nguồn lực bên ngoài có vai trò rất quan trọng giúp cho phát huy nội lực mạnh hơn. Nền kinh tế độc lập tự chủ trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh, có sức cạnh tranh trong hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập và hợp tác quốc tế dựa trên các nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; giữ vững độc lập dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và phát triển nền văn hóa dân tộc. Trong hội nhập kinh tế quốc tế, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất và là nguyên tắc chủ đạo, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp thông lệ quốc tế. Phát huy vai trò chủ thể của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế; khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam hợp tác liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài. Tận dụng điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế để chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, đổi mới công nghệ và trình độ quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, của sản phẩm và dịch vụ Việt Nam tại thị trường trong nước và trên thế giới.

Sự hình thành mô hình nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là kết quả của nhiều năm tìm tòi, đổi mới, tổng kết lý luận - thực tiễn, đồng thời là sự khẳng định con đường và mô hình phát triển trong thực tiễn mang tính cách mạng, sáng tạo của Đảng và nhân dân ta. Những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới gần hai thập kỷ qua khẳng định xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp quy luật phát triển của thời đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Từ thực tiễn những thay đổi to lớn trong đời sống kinh tế xã hội, nhân dân tin tưởng đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta ngày càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn, hệ thống

quan điểm lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã từng bước được hình thành trên những nét rất cơ bản. Nhưng, đây là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn phức tạp, vì rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, còn nhiều vấn đề chưa rõ về cả lý luận và thực tiễn, phải vừa tiếp tục tìm tòi, đổi mới, vừa coi trọng tổng kết lý luận và thực tiễn để làm sáng tỏ dần, trên cơ sở đó có những quyết sách phù hợp, đột phá, để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

TỔNG QUÁT THÀNH TỰU KINH TẾ Ở VIỆT NAM, SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI

**Ban Chuyên đề Website
Đảng Cộng sản Việt Nam**

Từ nền kinh tế bao cấp, trì trệ bị bao vây cấm vận, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, đến hôm nay, sau 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền kinh tế nước ta đã có những bước tiến vững vàng, tạo đà cho thế kỷ phát triển mới của đất nước.

Chúng ta có thể tự hào khẳng định, kinh tế Việt Nam 20 năm qua đạt được nhiều thành tựu to lớn:

Một là, đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, kinh tế tăng trưởng nhanh, cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường, đời sống của các tầng lớp nhân dân không ngừng được cải thiện.

Từ năm 1986 đến năm 1989, công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Nhưng vào đầu thập kỷ 90, khi bước vào thực hiện chiến lược 10 năm 1991 - 2000, đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhờ triển khai mạnh mẽ đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, đến năm 1995, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1991-1995 được hoàn thành vượt mức; đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đã tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Từ năm 1996 đến năm 2000 đất nước đã đạt được nhịp độ tăng trưởng cao. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của 10 năm (1990-2000) đạt 7,5%; năm 2000 so với năm 1990, GDP tăng hơn 2 lần. Trong 5 năm (2001-2005) của nhiệm kỳ Đại hội IX, GDP bình quân tăng gần 7,5%; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể, nguồn lực phát triển trong các thành phần kinh tế đã được huy động khá hơn; nhiều lợi thế so sánh trong từng ngành, từng vùng đã được phát huy. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện.

Hai là, thực hiện có kết quả chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần.

Để nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, Đảng đã quan tâm lãnh đạo đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước. Luật Doanh nghiệp nhà

nước năm 2003 tạo khung pháp lý, có tác dụng giải phóng lực lượng sản xuất, phục vụ cho việc sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước được đổi mới một bước quan trọng theo hướng xoá bao cấp, thực hiện chế độ công ty, phát huy quyền tự chủ và trách nhiệm của doanh nghiệp trong kinh doanh, giảm thiểu sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; đã tập trung chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Qua sắp xếp, đổi mới và cổ phần hoá, số doanh nghiệp nhà nước giảm đi (năm 1990 là 12.084, đến tháng 6 năm 2005 còn 2.980 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước), ngoài ra còn có 670 công ty cổ phần do Nhà nước chi phối trên 51% vốn điều lệ. Nhờ đổi mới như vậy mà các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn. Năm 2005 các doanh nghiệp đã đóng góp 39% GDP, 50% tổng ngân sách nhà nước.

Kinh tế tập thể, mà nòng cốt là hợp tác xã, đã được đổi mới từng bước theo Luật Hợp tác xã và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Các hợp tác xã đã chứng tỏ được rõ hơn vai trò, vị trí đối với kinh tế hộ trong sản xuất hàng hóa, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đóng góp vào tổng sản phẩm trong nước của khu vực hợp tác xã giảm nhanh, nhưng bắt đầu có chiều hướng phục hồi. Số lượng hợp tác xã tuy giảm nhiều so với trước (mặc dù hằng năm đã xuất hiện nhiều hợp tác xã mới), nhưng nhờ đổi mới cơ chế quản lý trong hợp tác xã, nên đã bảo đảm được nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hợp tác xã tốt hơn, chất lượng và hiệu quả hoạt động khá hơn, mang lại hiệu quả cao hơn trước. Năm 2005, kinh tế tập thể đóng góp 8% GDP.

Kinh tế tư nhân phát huy ngày càng tốt hơn các nguồn lực và tiềm năng trong nhân dân, nhất là từ sau khi có Luật Doanh nghiệp năm 2000. Sau gần 5 năm, cả nước có gần 108.300 doanh nghiệp mới đăng ký, đưa tổng số doanh nghiệp đăng ký lên khoảng 150.000, tăng gấp gần 2 lần so với 9 năm trước đây (1991-1999); tổng số vốn đăng ký đạt hơn 302.250 tỷ đồng (tương đương 18 tỷ USD, cao hơn số vốn đầu tư nước ngoài đăng ký trong cùng thời kỳ).

Đóng góp lớn nhất và quan trọng nhất của kinh tế tư nhân là tạo việc làm và góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội. Năm 2004, số lao động làm việc trực tiếp trong các doanh nghiệp tư nhân đã gần bằng tổng số lao động trong các doanh nghiệp nhà nước, giải quyết khoảng 1,6 đến 2 triệu việc làm. Riêng số doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm 96% tổng số doanh nghiệp ngoài nhà nước) đã thu hút 49% việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn, khoảng 25-26% lực lượng lao động cả nước. Các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp đã sử dụng khoảng 16% lực

lượng lao động xã hội (khoảng hơn 6 triệu người). Năm 2005, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp 37,7% GDP của cả nước.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cũng có bước phát triển quan trọng. Tính đến tháng 6 -2004, có 4.575 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp giấy phép và còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đạt trên 43 tỷ USD. Năm 2005, khu vực này đóng góp 15,5% GDP, trên 7,5% tổng thu ngân sách, trên 17,1% tổng vốn đầu tư xã hội, trên 23% kim ngạch xuất khẩu (không kể dầu khí), đạt trên 35% giá trị sản xuất công nghiệp; thu hút hơn nửa triệu lao động.

Ba là, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dần được hình thành.

Nền kinh tế nhiều thành phần theo chủ trương của Đảng và được quy định trong Hiến pháp 1992 đã được cụ thể hoá bằng các luật, pháp lệnh. Với Luật Doanh nghiệp, quyền tự do kinh doanh được Hiến pháp 1992 quy định đã thực sự đi vào cuộc sống. Pháp lệnh về hợp đồng kinh tế, Bộ Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Đầu tư nước ngoài, Luật Khuyến khích đầu tư trong nước đã tạo khung pháp lý ban đầu cho các yếu tố thị trường hình thành và vận hành từng bước. Đồng thời, Nhà nước đã thể chế hoá thành cơ chế, chính sách về đất đai, tín dụng, ưu đãi thuế,... Nhờ đó, đã góp phần tích cực cho quá trình phát triển kinh tế thị trường trong suốt gần 20 năm qua.

Nhà nước đã từng bước tách chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của các cơ quan nhà nước, chức năng chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước của Nhà nước và chức năng kinh doanh của doanh nghiệp chuyển từ quản lý cụ thể các hoạt động của nền kinh tế sang quản lý tổng thể nền kinh tế quốc dân; chuyển từ can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế sang can thiệp gián tiếp thông qua hệ thống pháp luật, kế hoạch, cơ chế, chính sách và các công cụ điều tiết vĩ mô khác.

Bốn là, cơ cấu kinh tế ngành, vùng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Về cơ cấu ngành kinh tế: từ năm 1988 đến nay, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng nhanh và liên tục (năm 1988 là 21,6% GDP, năm 1995 là 28,8%, năm 2003 là 40%, dự kiến năm 2005 chiếm 41% GDP). Từ chỗ chưa khai thác dầu, đến nay đã có sản lượng (quy ra dầu) gần 20 triệu tấn/năm; ngành công nghiệp chế tác chiếm 80% giá trị sản lượng công nghiệp; công nghiệp xây dựng phát triển khá mạnh; sản phẩm công nghiệp xuất khẩu ngày càng tăng. Tỷ trọng nông

nghiệp trong GDP năm 1988 là 46,3%, năm 2003 còn 21,8%; năm 2005 là 20,5%. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, cơ cấu cây trồng và vật nuôi đã chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, các sản phẩm có giá trị xuất khẩu. Giá trị tạo ra trên một đơn vị diện tích tăng lên. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GDP đã tăng từ 33,1% năm 1988 lên 38,2% năm 2003, 38,5% năm 2005. Các ngành dịch vụ đã phát triển đa dạng hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của sản xuất và đời sống. Ngành bưu chính - viễn thông và du lịch phát triển nhanh. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, tư vấn pháp lý... có bước phát triển khá.

Về cơ cấu các vùng kinh tế: có sự chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế so sánh và quan tâm hỗ trợ các vùng còn có nhiều khó khăn. Ba vùng kinh tế trọng điểm đã phát triển với tốc độ cao hơn mức bình quân của cả nước, hiện chiếm hơn 60% GDP của cả nước, dần phát huy lợi thế so sánh, bước đầu có vai trò thúc đẩy các vùng khác phát triển. Các vùng kinh tế còn khó khăn đang từng bước vươn lên, có chuyển biến tốt về đời sống kinh tế - xã hội. Tốc độ đô thị hoá tương đối nhanh. Các vùng ngoại thành, ven đô thị được chú trọng phát triển.

Về cơ cấu lao động: có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ lệ lao động trong sản xuất thuần nông, tăng tỷ lệ lao động trong công nghiệp và dịch vụ. Năm 1990, lao động nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 73,02% tổng số lao động xã hội, năm 2004 còn 58%, năm 2001 còn 57%; năm 2005 lao động trong công nghiệp và xây dựng là gần 18%, trong dịch vụ là 25%.

Việc chuyển dịch cơ cấu đầu tư có nhiều tiến bộ. Tỷ lệ tiết kiệm trong nước so với GDP tăng khá nhanh; nguồn vốn tích lũy trong nước đã được khai thác tốt hơn, chiếm trên 60% tổng vốn đầu tư. Mặt khác, cũng huy động được nhiều vốn bên ngoài cho đầu tư phát triển. Đã hướng mạnh hơn đầu tư vào các mục tiêu chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn; bổ sung thiết bị và hiện đại hoá một số ngành công nghiệp; xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất; xây dựng kết cấu hạ tầng; đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xoá đói, giảm nghèo - nhất là ở vùng núi, vùng khó khăn.

Năm là, đạt được những kết quả tích cực trong hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Vượt ra khỏi chính sách bao vây cấm vận của Mỹ và các lực lượng thù địch nước ngoài, Việt Nam đã tham gia hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế trên các cấp độ và trong các lĩnh vực kinh tế then chốt (như thương mại dịch vụ, lao động, đầu tư,

khoa học và công nghệ ...). Đặc biệt là, nước ta đã tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày 28-7-1995, đã không ngừng mở rộng các quan hệ kinh tế song phương, tiểu vùng, vùng, liên vùng và tiến tới tham gia liên kết kinh tế toàn cầu. Đến năm 2005, nước ta đã có quan hệ thương mại với 221 nước và vùng lãnh thổ, ký 90 hiệp định thương mại song phương, trong đó, nổi bật là Hiệp định Thương mại với Mỹ, tạo điều kiện mở rộng giao lưu hàng hoá với nước ngoài và sẵn sàng ra nhập tổ chức thương mại quốc tế.

NHỮNG CÔNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI (1986 - 2006)

**Ban Chuyên đề Website
Đảng Cộng sản Việt Nam**

(ĐCSVN)- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định “Công cuộc đổi mới 20 năm qua đã đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử làm thay đổi bộ mặt đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”. Nhiều công trình kinh tế - xã hội quan trọng đã và đang được xây dựng trong 20 năm qua góp phần to lớn vào sự phát triển của đất nước.

1. Nhà máy Thủy điện Hòa Bình

Nhà máy Thủy điện Hoà Bình, thuộc tỉnh Hòa Bình vào thời điểm này là công trình thủy điện lớn nhất nước ta và Đông Nam Á, do Liên Xô (trước đây) giúp đỡ. Công trình khởi công xây dựng ngày 6/11/1979, khánh thành ngày 20/12/1994. Công suất lắp máy theo thiết kế: 1.920 MW, gồm 8 tổ máy, mỗi tổ máy có công suất 240.000 KW. Sản lượng điện hàng năm là 8,16 tỷ KWh.

2. Dầu khí Việt Nam phát triển mạnh

Năm 1981, liên doanh dầu khí quốc tế đầu tiên - Vietsovpetro ra đời và đã phát hiện thấy dòng dầu đầu tiên ở mỏ Bạch Hổ. Trong quá trình phát triển, Dầu khí Việt Nam đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Doanh thu từ xuất khẩu dầu thô giai đoạn 1991 - 2000 đạt trên 11,6 tỷ USD. Năm 2005 ngành dầu khí đã khai thác 18,6 triệu tấn dầu thô, và 6,6 tỷ m³ khí; toàn ngành đạt kim ngạch xuất khẩu trên 7 tỷ USD, tăng hơn mức kỷ lục đã đạt năm 2004 gần 1,33 tỷ USD.

3. Đường dây 500 KV Bắc - Nam

Tháng 4/1992, công trình hệ thống truyền tải điện 500 kV Bắc - Nam được khởi công xây dựng. Đường dây 500 kV Bắc - Nam, công trình truyền tải điện, có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhờ đó mà lưới điện Việt Nam đã được nối kết thành một hệ thống thống nhất Bắc - Trung - Nam, tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau giữa 3 miền trong mọi điều kiện. Trong 12 năm qua công trình này đã phát huy hiệu quả to lớn trên mọi lĩnh vực.

4. Thủy điện Yaly

Được xây dựng trên sông Sê San, một con sông lớn ở Tây Nguyên, một công trình trọng điểm quốc gia, lớn thứ hai sau thủy điện Hòa Bình, với công suất 720 MW và sản lượng điện trung bình 3,7 tỷ KW/năm. Ngày 4/11/1993, khởi công xây dựng, là công trình thủy điện đầu tiên do Việt Nam tự thiết kế và thi công, với tổng số vốn 9.300 tỷ đồng (tương đương 700 triệu USD), huy động trên 10.000 kỹ sư, công nhân Việt Nam và trên 80 chuyên gia nước ngoài.

5. Khu công nghệ cao Hòa Lạc

Ngày 12/10/1998, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định về việc thành lập Khu Công nghệ cao Hoà Lạc; phê duyệt quy hoạch tổng thể và dự án đầu tư bước 1, giai đoạn 1 Khu công nghệ cao Hoà Lạc với 9 khu chức năng: Khu nghiên cứu - triển khai công nghệ, Trung tâm phần mềm quốc gia, Khu công nghiệp Công nghệ cao, Trung tâm hành chính, Trung tâm đào tạo, huấn luyện tay nghề, Khu đô thị thương mại, Khu nhà ở cao cấp, Khu phố mới và khu giải trí.

Các lĩnh vực công nghệ ưu tiên đưa vào Khu Công nghệ cao Hoà Lạc: Công nghệ tin học, đặc biệt là phát triển phần mềm tin học, điện tử, cơ điện tử, công nghệ sinh học, vật liệu mới, công nghệ môi trường (kể cả năng lượng mới); tổng số vốn đầu tư khoảng 826 triệu USD và được chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn 1 (đến năm 2005, rộng 800 ha), giai đoạn 2 (đến năm 2010), giai đoạn 3 (đến năm 2020, rộng 1.600 ha): Phát triển và sáng tạo Công nghệ cao. Khu Công nghệ cao Hoà Lạc phần đầu sẽ trở thành một trung tâm Công nghệ cao trong khu vực ASEAN.

6. Cầu Mỹ Thuận, cầu dây văng đầu tiên của Việt Nam

Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền, nằm trên trục quốc lộ 1A, tuyến đường huyết mạch từ các tỉnh miền Tây lên thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại. Tổng vốn đầu tư là 96 triệu đô la Ôxtrâylia (tương đương 787,2 tỷ đồng).

Cầu Mỹ Thuận khởi công xây dựng ngày 6/7/1997; ngày 21/5/2000, hai Chính phủ Việt Nam và Ôxtrâylia làm lễ khánh thành, chính thức đưa cầu vào sử dụng. Đây là cầu dây văng hiện đại nhất hiện nay ở Việt Nam và vùng Đông Nam Á, do công nhân, cán bộ kỹ thuật Việt Nam đảm nhiệm thi công, dưới sự giám sát kỹ thuật của các chuyên gia Ôxtrâylia.

7. Khu công nghiệp cảng biển Vũng Áng

Khu công nghiệp cảng biển Vũng Áng là một đầu mối giao thông liên vùng và quốc tế gắn với hệ thống giao thông xuyên Á và tuyến kinh tế hành lang Đông - Tây của ASEAN được khởi công xây dựng ngày 30/11/1998.

Khu công nghiệp - cảng thương mại tổng hợp Vũng Áng ở phía Tây mũi Ròn (thuộc thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh) thuận lợi cho các

loại tàu trọng tải từ 15.000 tấn đến 50.000 tấn ra vào. Cầu cảng Vũng Áng số 1 hiện nay với kinh phí 135,5 tỷ đồng được lắp đặt 3 cần cầu hiện đại có khả năng bốc xếp mỗi năm 460.000 tấn hàng hóa. Ngày 7/2/2001, khu công nghiệp cảng biển Vũng Áng giai đoạn 1 được khánh thành và đưa vào khai thác sử dụng. Khu công nghiệp này gồm hai cụm cảng: Cụm cảng Vũng Áng và Vũng Sơn Dương.

Cả 2 cụm Vũng Áng và Vũng Sơn Dương có mặt bằng xây dựng được 6 khu cảng với tổng số 56 bến, trải trên một vùng đất rộng 650 ha. Tổng lượng hàng thông qua các cảng này trong tương lai sẽ khoảng 48 triệu tấn/năm.

Cụm Cảng Vũng Áng giai đoạn 2 khi hoàn thành đảm bảo năng lực nhận tàu chở hàng tải trọng đến 45.000 DWT, đạt công suất 860.000 tấn/năm.

8. Cảng Cái Lân

Năm 1996, Chính phủ phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cảng Cái Lân. Theo thiết kế, 7 bến của cảng (kể cả bến hiện có) có tổng chiều dài 1.461m với lượng hàng hoá thông qua 2,8 triệu tấn/năm và cho phép tiếp nhận tàu có công suất từ 3 vạn đến 4 vạn tấn. Dự án có tổng mức đầu tư là 1.409 tỉ đồng.

Ngày 26/9/2000, cảng Cái Lân được khởi công xây dựng, bắt đầu bằng gói thầu 1 do nhà thầu Penta Ocean Construction đảm nhận với tổng giá trị 4.454.501.956 yên (Nhật Bản). Ngày 13/12/2003, cảng biển nước sâu Cái Lân (Quảng Ninh) đi vào hoạt động. Đây là cảng nước sâu đầu tiên, duy nhất của khu vực phía Bắc tiếp nhận các loại tàu trọng tải từ 2 đến 5 vạn DWT.

9. Xi măng Nghi Sơn (Thanh Hoá) - Nhà máy xi măng lớn nhất Việt Nam có công suất 4,3 triệu tấn/năm đã khánh thành ngày 13/11/2000, với tổng vốn đầu tư 373 triệu USD.

Cuối năm 2005, Công ty xi măng Nghi Sơn khởi công dây chuyền 2 có công suất 2,15 triệu tấn/năm, tổng mức đầu tư 249 triệu USD, bao gồm cả trạm phân phối xi măng đặt tại Ninh Thủy (Khánh Hoà) công suất 0,5 triệu tấn/năm và 2 tàu chuyên dụng (tàu chở xi măng rời) có tổng công suất 30.000 tấn. Sau khi khánh thành dây chuyền 2, công suất cả Nhà máy xi măng Nghi Sơn sẽ là 4,3 triệu tấn/năm - lớn nhất Việt Nam.

10. Đường Hồ Chí Minh

Được khởi công xây dựng đầu năm 2000, đường Hồ Chí Minh kéo dài từ tỉnh Cao Bằng (biên giới phía Bắc), đến tỉnh Cà Mau (cực Nam Tổ quốc) chạy dọc theo phía Tây song song với quốc lộ 1. Công trình đường Hồ Chí Minh đi qua 29 tỉnh, thành phố suốt Bắc – Trung - Nam. Tổng chiều dài của công trình đường Hồ Chí Minh theo quy hoạch xấp xỉ 3.129 km. Các giai đoạn đầu tư xây dựng toàn tuyến đường như sau: Giai đoạn 1 (2000 - 2005): nối thông toàn tuyến từ Hoà Lạc đến ngã

tư Bình Phước, với quy mô hai làn xe. Giai đoạn 2 (2006 - 2010): xây dựng hoàn chỉnh đường ô tô 2 làn xe theo quy hoạch, từ Pác Bó (tỉnh Cao Bằng) đến Đất Mũi (tỉnh Cà Mau). Đồng thời, mở rộng mặt cắt ngang một số đoạn cục bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Giai đoạn 3 (sau 2010): tùy thuộc vào yêu cầu và khả năng cân đối nguồn tài chính, để tiếp tục mở rộng đường theo quy mô quy hoạch.

11. Hầm đường bộ qua đèo Hải Vân - hầm đường bộ dài nhất Việt Nam và Đông Nam Á

Được khởi công xây dựng ngày 1/10/2000.

Hầm xây dựng xuyên qua núi Hải Vân dài khoảng 12,047 km kể cả đường dẫn so với tuyến đường đèo hiện nay là 21 km. Tổng mức đầu tư 251,042 triệu USD. Đoạn đường đèo Hải Vân hiện nay là một phần của quốc lộ 1A, có vai trò quan trọng trên tuyến đường bộ chạy suốt từ Bắc vào Nam. Đây là công trình được thiết kế vĩnh cửu với tải trọng thiết kế: H30 - XB80; tốc độ thiết kế: 2 làn xe, tốc độ thiết kế 80 km/h; tiêu chuẩn thiết kế: Việt Nam, Mỹ, Nhật Bản và một số tiêu chuẩn quốc tế chuyên ngành.

12. Sân vận động quốc gia Mỹ Đình - Sân vận động lớn nhất Việt Nam

Ngày 25/11/2000, khởi công xây dựng Khu Liên hợp thể thao quốc gia phục vụ Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 22 (SEA Games 22) tại xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm - Hà Nội. Khu Liên hợp thể thao có tổng diện tích 247 ha, nằm ở phía Tây Hà Nội, thuộc địa phận hai xã Mỹ Trì và Mỹ Đình, gồm 28 hạng mục, trong đó có công trình Sân vận động quốc gia Mỹ Đình, với tổng số vốn đầu tư 966 tỷ đồng, phù hợp với các tiêu chuẩn của thể thao quốc tế.

Ngày 2/9/2003, khánh thành Sân vận động quốc gia Mỹ Đình.

13. Nhà máy đạm Phú Mỹ - công trình hóa dầu lớn nhất của Việt Nam, khởi công xây dựng ngày 12/3/2001 và khánh thành ngày 15/12/2004, tại khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành (Bà Rịa - Vũng Tàu). Sự kiện này đánh dấu một mốc son mới trong chặng đường phát triển của ngành công nghiệp phân bón Việt Nam. Đây là công trình hoá dầu lớn nhất của Việt Nam được xây dựng trên diện tích 63 ha, với tổng vốn đầu tư 445 triệu USD, có khả năng cung ứng khoảng 1/3 lượng phân bón cần thiết cho ngành nông nghiệp.

14. Đường ống dẫn khí đốt Nam Côn Sơn

Ngày 31/5/2001, khởi công xây dựng đường ống dẫn khí đốt Nam Côn Sơn dài 399 km, gồm 362 km đường ống ngầm dưới biển và 37 km trên đất liền đưa khí từ các mỏ Lan Tây, Lan Đỏ về Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Dự án đường ống có vốn đầu tư là 365 triệu USD trong tổng số vốn đầu tư của

toàn bộ Dự án khí Nam Côn Sơn là 1,5 tỷ USD. Đường ống có công suất vận chuyển 7 tỷ m³ khí/năm. Từ khi đi vào hoạt động đến nay đã cung cấp hơn 4 tỷ m³ khí.

15. Cảng Tiên Sa - Đà Nẵng

Ngày 20/10/2001, khởi công Dự án nâng cấp và mở rộng Cảng Tiên Sa (Đà Nẵng), với tổng vốn đầu tư 1.393 tỷ đồng. Mục đích của dự án là nâng cao khả năng khai thác của Cảng Tiên Sa từ 1,2 triệu tấn/năm lên 4 triệu tấn/năm vào năm 2005. Dự án nâng cấp và mở rộng Cảng Tiên Sa - Đà Nẵng có một số gói thầu chính như: Đường nối Cảng Tiên Sa với quốc lộ 1A và nút giao thông Hòa Cầm, xây dựng cầu Tuyên Sơn và đường dẫn hai đầu cầu, các gói thầu nâng cấp cơ sở vật chất khác cho cảng Tiên Sa...

Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng Tiên Sa góp phần quan trọng trong việc nâng cao vị thế của thành phố Đà Nẵng – trung tâm kinh tế xã hội ở miền Trung cũng như tiến trình hợp tác phát triển kinh tế đối ngoại trong khu vực.

16. Nhà máy Xi măng sông Gianh

Ngày 13/1/2002, khởi công xây dựng Nhà máy Xi măng sông Gianh (hiện nay đổi tên là Công ty Xi măng Cosevco sông Gianh) tại xã Tiên Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Nhà máy có công suất 1,4 triệu tấn/năm, với tổng vốn đầu tư 2.877 tỷ đồng; được xây lắp theo công nghệ Đức - là công nghệ sản xuất xi măng tiên tiến, hiện đại hàng đầu của thế giới. Sản phẩm chính của Nhà máy là các loại xi măng PCB - 30, PCB - 40, PC50 được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Đầu năm 2006, Nhà máy Xi măng sông Gianh đã sản xuất mẻ clinker đầu tiên (hơn 1 vạn tấn) đạt yêu cầu về chất lượng và màu sắc theo tiêu chuẩn Việt Nam 7024:2002. Nhà máy cũng đã xuất bán 400 tấn sản phẩm clinker đầu tiên. Dự kiến năm 2006, Nhà máy sẽ sản xuất khoảng 1,2 triệu tấn xi măng.

17. Cầu Rạch Miễu

Cầu Rạch Miễu được khởi công xây dựng ngày 30/4/2002 tại tỉnh Bến Tre. Đây là cây cầu dây văng lớn và hiện đại đầu tiên do Việt Nam thiết kế xây dựng và là cây cầu dài nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long, có tổng chiều dài 8.331,5 m. Tổng vốn đầu tư cho công trình là 599,9 tỷ đồng.

18. Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí

Ngày 26/5/2002, tại Quảng Ninh, khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí mở rộng, có công suất lắp đặt 300 MW. Nhà máy có tổng vốn đầu tư hơn 4.271 tỷ đồng (305,8 triệu USD). Đây là dự án thực hiện theo phương thức tổng thầu (EPC) nhằm phát huy nội lực các doanh nghiệp trong nước. Khi Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí đi vào vận hành sẽ cho sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 1,8 tỷ

KWh, góp phần làm ổn định lưới điện quốc gia và trước mắt giải quyết tình trạng thiếu điện vào mùa hè.

19. Tổ hợp khí - điện - đạm Cà Mau

Ngày 10/3/2002, công trình này được khởi công xây dựng tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Tổ hợp có tổng số vốn đầu tư giai đoạn 1 là 17.000 tỷ đồng. Ba công trình chính của Tổ hợp khí - điện - đạm Cà Mau gồm: Đường ống dẫn khí dài 332 km (sản lượng khí 1,25 tỉ m³/năm) từ lô PM3 - CAA và mỏ Cái Nước thuộc vùng biển Tây Nam Việt Nam vào Cà Mau; nhà máy điện tuabin khí công suất 720 MW và nhà máy sản xuất phân đạm công suất 800.000 tấn/năm.

Tổ hợp khí-điện-đạm Cà Mau sẽ tác động trực tiếp đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực đồng bằng sông Cửu Long theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

20. Công trình thủy điện Sê San 3

Khởi công xây dựng ngày 15/6/2002 tại xã Ia Mơnông, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Đây là công trình thủy điện đầu tiên ở Việt Nam được giao cho Tổng Công ty sông Đà làm tổng thầu EPEC (tư vấn thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công xây lắp).

Công trình nằm ở bậc thang dưới của Nhà máy Thủy điện Yaly và bậc trên của Nhà máy Thủy điện Sê San 3A và Sê San 4 trên dòng sông Sê San. Công trình gồm 2 tổ máy, công suất lắp đặt 260 MW, công suất đảm bảo 108 MW, sản lượng điện trung bình hàng năm gần 1,2 tỉ KWh.

Công trình có tổng kinh phí gần 4.100 tỉ đồng. Việc xây dựng Thủy điện Sê San 3 ngay sau khi hoàn thành thủy điện Yaly thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước về đầu tư phát triển kinh tế xã hội và cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

21. Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn

Ngày 5/8/2002, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 647/QĐ-TTg phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa, có công suất chế biến 7 triệu tấn dầu thô/năm, trên diện tích 325 ha và sẽ hoạt động vào năm 2011, với tổng vốn đầu tư 2,488 tỷ USD, riêng giai đoạn 1 khoảng 1,7 - 1,8 tỷ USD.

22. Đường dây 500 KV Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm

Ngày 16/8/2002, tại Khu công nghiệp Tân Tạo, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và liên doanh Công ty Xây lắp điện 1, 2 khởi công xây dựng đường dây 500 KV nối Trung tâm Điện lực Phú Mỹ với trạm Nhà Bè và đường dây 500 KV tại trạm Phú Lâm.

Đường dây 500 KV Phú Mỹ – Nhà Bè - Phú Lâm có vai trò quan trọng trong

việc tải điện từ Trung tâm Điện lực Phú Mỹ lên hệ thống điện toàn quốc tạo thành mối liên hệ vững chắc giữa nguồn điện (cụm nhiệt điện Phú Mỹ - Bà Rịa) và thành phố Hồ Chí Minh.

23. Cầu Thanh Trì - cầu đường bộ lớn nhất Việt Nam

Khởi công xây dựng ngày 30/11/2002. Cầu dài 12,4 km, cầu chính dài 3.084 m, rộng 33,1 m cho 6 làn xe cao tốc. Tốc độ thiết kế 100 km/giờ. Đây là cây cầu thứ 4 vượt sông Hồng và là cầu đường bộ lớn nhất Việt Nam, là mắt xích quan trọng trong Dự án đường Nam vành đai 3 của Hà Nội. Khi cầu Thanh Trì hoàn thành, cũng là khi hoàn thiện vành đai 3, mở đường cho các phương tiện giao thông từ miền Trung ra miền Bắc hoặc ngược lại, đồng thời giảm lưu lượng giao thông cho thành phố, vừa giảm chiều dài lộ trình của đoàn xe. Tổng vốn đầu tư là 410 triệu USD (khoảng 6.700 tỷ đồng). Đến ngày 27/1/2006, gói thầu chính vượt sông của Dự án cầu Thanh Trì đã hoàn thành được 80% khối lượng công trình, dự kiến thông xe cầu Thanh Trì vào tháng 11/2006.

24. Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang

Khởi công ngày 22/12/2002, tại thị trấn Na Hang. Nhà máy có công suất lắp đặt 342 MW, sản lượng điện hàng năm 1,295 tỷ KWh, với tổng mức đầu tư 7.522 tỷ đồng. Tổng diện tích của công trình chính là hơn 600 ha. Công trình được thi công bằng những thiết bị hiện đại của nước ngoài như: Mỹ, Italia, Nhật Bản và Đức

Dự kiến, tổ máy số 1 Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang sẽ phát điện vào cuối năm 2006 và hoàn thành toàn bộ vào năm 2007, mỗi năm cung cấp khoảng 1,3 tỉ KWh điện. Công trình thủy điện Tuyên Quang mang lợi ích tổng hợp với dung tích phòng lũ khoảng 1 tỉ m³, cung cấp nước cho vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội và cắt lũ hầu như hoàn toàn cho thị xã Tuyên Quang.

25. Nhà máy Giấy và bột giấy Thanh Hóa được khởi công xây dựng 9/2/2003, tại xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, trên diện tích 86 ha. Nhà máy sẽ thu hút trực tiếp 1.000 lao động và tạo việc làm cho hơn 200.000 lao động trồng rừng ở các huyện miền núi của tỉnh. Đây là nhà máy giấy đầu tiên do Việt Nam đầu tư và xây dựng, với trên 50% giá trị thiết bị được sản xuất trong nước. Tổng số vốn đầu tư 1.582,826 tỷ đồng.

Theo thiết kế, Nhà máy Giấy và bột giấy Thanh Hóa có công suất giai đoạn I (từ 2003 đến hết 2009) là 50.000 tấn bột giấy và 60.000 tấn giấy/năm; giai đoạn II (từ 2010 trở đi) là 150.000 tấn bột giấy và 150.000 tấn giấy/năm.

26. Công trình thủy điện Đại Ninh

Ngày 10/5/2003, khởi công xây dựng công trình thủy điện Đại Ninh, thuộc địa

phận 2 tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận. Công suất lắp máy 300 MW. Công trình có tổng vốn đầu tư là 440 triệu USD.

Với công suất 300 MW và sản lượng điện hàng năm gần 1,2 tỷ KWh, Thủy điện Đại Ninh là dự án thủy điện có công suất lắp đặt lớn thứ 2 trong hệ thống bậc thang khai thác thủy điện sông Đồng Nai, sau Thủy điện Trị An công suất 400 MW. Thủy điện Đại Ninh dự kiến phát điện năm 2007, hoàn thành năm 2008.

27. Cầu Bãi Cháy - "lối vào" cho du lịch Quảng Ninh

Ngày 18/5/2003 khởi công xây dựng cầu Bãi Cháy bắc qua eo biển Cửa Lục (Hạ Long - Quảng Ninh). Đây là cầu dây văng bê tông thép dự ứng lực một mặt phẳng lớn, dài 903 m, trong đó chiều dài nhịp chính là 435 m, rộng 25,3 m, gồm 4 làn xe chạy, 2 làn cho xe thô sơ và người đi bộ. Tĩnh không thông thuyền của cầu là 50m, chiều cao 130m, đảm bảo cho tàu 5 vạn tấn qua lại thuận tiện.

Điểm đặc biệt, cầu Bãi Cháy được thiết kế hệ thống thang máy chạy dọc hai tháp chính, tạo điều kiện lý tưởng cho khách du lịch ngắm nhìn toàn cảnh vịnh Hạ Long. Cầu có tổng số vốn đầu tư 1.514 tỷ đồng.

Theo báo cáo của các đơn vị thi công, đến nay tổng khối lượng thi công cầu Bãi Cháy đã đạt khoảng 80%. Nhà thầu đang triển khai đúc hẫng cân bằng 128 khối đầm tại 4 mũi thi công; xây dựng 48 đốt tháp tại hai trụ cầu chính; lắp dựng và điều chỉnh 112 bộ cáp dây văng...

Cầu Bãi Cháy dự kiến hoàn thành vào năm 2007, công trình sẽ nối liền khu nghỉ mát Bãi Cháy với trung tâm thành phố du lịch Hạ Long.

28. Quốc lộ 10 và Cầu Kiền - Cầu dây văng dài nhất ở miền Bắc

Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của vùng Đông Bắc Việt Nam, Chính phủ đã quyết định đầu tư dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 10. Toàn bộ dự án được chia thành 11 gói thầu xây dựng. Cầu Kiền là hạng mục cuối cùng của tổng số 11 gói thầu thuộc dự án cải tạo nâng cấp QL 10. Đây là cầu dây văng lớn nhất, hiện đại nhất khu vực miền Bắc.

Ngày 28/9/2003, tại Hải Phòng, Bộ Giao thông Vận tải tổ chức thông xe cầu Kiền và QL 10.

Quốc lộ 10 có tổng chiều dài 162 km, bắt đầu từ Bí Chợ (Quảng Ninh) đến thị xã Ninh Bình, là đường chiến lược nối mạng với QL 1, QL 5, QL 18, đi qua các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình. Triển khai dự án cải tạo và nâng cấp quốc lộ 10, đã hoàn thành xây dựng 5 cầu lớn; Cầu Đá Bạc (Hải Phòng – thông xe tháng 3/2002), Quý Cao (Hải Phòng – thông xe tháng 4/2002), Tân Đệ (Thái Bình – thông xe tháng 2/2002), Non Nước (Ninh Bình – thông xe tháng 5/2002), Cầu Kiền (Hải Phòng – thông xe 28/9/2003). Ngoài

ra còn có hơn 30 cầu nhỏ, cầu trung, trong đó có 3 cầu vượt đường sắt tại Quán Toan (Hải Phòng), Nam Định, Ninh Bình và 162 km đường tiêu chuẩn 2 làn xe.

Cầu Kiên là cây cầu cuối cùng bắc qua sông Cẩm, trên QL 10. Cầu có chiều dài 1.186 m, rộng 16,7 m, 3 nhịp chính có kết cấu dây văng. Cầu dẫn hai bờ gồm 24 nhịp, mỗi nhịp dài 34 m. Đường dẫn hai đầu cầu dài 434 m. Nhịp chính được thi công theo phương pháp "Dầm hộp đúc sẵn lắp hẫng cân bằng". Công nghệ đúc sẵn 110 khối bê tông dầm hộp cỡ lớn, nặng từ 98 đến 128 tấn, sau đó được cẩu lên lắp hẫng, ghép từng đốt cân bằng ở độ cao 50 m và treo bằng 36 đôi cáp, tạo nên nhịp thông thuyền dài 200 m. Đây là biện pháp thi công được áp dụng lần đầu tiên tại Việt Nam. Dự án cầu Kiên trị giá trên 316 tỷ đồng.

29. Thủy điện Sơn La – dự án thủy điện lớn nhất ở nước ta

Ngày 16/12/2003, kỳ họp thứ 2, Quốc hội khoá XI thông qua Nghị quyết về phương án xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La (TĐSL). Đây là một dự án thuộc các công trình quan trọng quốc gia và sẽ là công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á (trước đó Nhà máy Thủy điện Hòa Bình là công trình thủy điện lớn nhất Đông Nam Á). Thủy điện Sơn La được xây dựng ở xã Ít Ong, huyện Mường Tè, Sơn La. Công trình có công suất khoảng 2400 MW. Sau khi hoàn thành sẽ cho thêm một lượng điện là 9,2 tỷ KWh, cung cấp cho nhu cầu phụ tải của hệ thống điện Việt Nam sau năm 2010.

Ngày 15/1/2004, Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt đầu tư dự án Thủy điện Sơn La với tổng mức đầu tư là 36.933 tỷ đồng. Dự án có 3 mục tiêu chính là: Cung cấp điện năng (9,2 tỷ KWh/năm); phòng lũ cho hạ du khoảng 7 tỷ m³ nước (bao gồm Sơn La 4 tỷ m³ và Hòa Bình 3 tỷ m³), góp phần chống lũ và cung cấp nước về mùa hạn cho đồng bằng Bắc Bộ (với dung tích điều tiết 5,97 tỷ m³) và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc.

30. Nhà máy Thủy điện Ba Hạ

Ngày 18/4/2004, khởi công xây dựng công trình thủy điện Ba Hạ, tỉnh Phú Yên. Nhà máy Thủy điện Ba Hạ nằm trên sông Ba, được quy hoạch trên địa bàn 15 xã miền núi thuộc hai huyện Sông Hinh, Sơn Hòa (tỉnh Phú Yên) và huyện Krông Ba (tỉnh Gia Lai) với tổng mức đầu tư của công trình hơn 3.850 tỷ đồng. Đến đầu năm 2006, khối lượng công việc xây dựng Nhà máy Thủy điện Ba Hạ được tích cực triển khai. Dự kiến, Nhà máy sẽ hoàn thành vào năm 2008, tạo nguồn phát điện 825 triệu KWh/năm cho lưới điện quốc gia; góp phần làm giảm thiệt hại do lũ gây ra và tăng nguồn nước tưới vào mùa khô, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực.

31. Cầu Cần Thơ - cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất khu vực Đông Nam Á

Ngày 25/9/2004, khởi công xây dựng cầu Cần Thơ. Đây là cây cầu dây văng có nhịp chính dài nhất ở khu vực Đông Nam Á hiện nay; đồng thời cũng là cây cầu cuối cùng đánh dấu sự hoàn tất hệ thống cầu đường trên tuyến quốc lộ 1- trục giao thông huyết mạch và quan trọng nhất của Việt Nam.

Cầu Cần Thơ bắc qua sông Hậu, nối tỉnh Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ, tổng chiều dài của toàn tuyến là 15,85 km, trong đó phần cầu chính (bao gồm cầu treo dây văng và các cầu dẫn hai bên) có chiều dài 2,75 km, rộng 23,1 m với 4 làn xe cơ giới (rộng 4x3,5 m) và 2 làn bộ hành (rộng 2x2,75 m). Phần đường dẫn vào cầu dài 13,1 km với 13 cầu, trong đó 4 cầu trên đất Vĩnh Long và 9 cầu trên địa phận thành phố Cần Thơ). Công trình có tổng vốn đầu tư 295 triệu USD (tương đương 4.832 tỉ đồng). Dự kiến, cầu Cần Thơ sẽ thông xe vào cuối năm 2008.

32. Hầm Thủ Thiêm qua sông Sài Gòn – công trình đường hầm lớn nhất khu vực Đông Nam Á

Dự án đại lộ Đông – Tây Sài Gòn có chiều dài toàn tuyến 21,89 km, đi qua địa bàn các quận 1, 2, 4, 5, 6, 8, Bình Tân và huyện Bình Chánh, trong đó có 1,49 km đường hầm vượt sông Sài Gòn sang Thủ Thiêm. Trong toàn bộ dự án đại lộ Đông - Tây, hầm Thủ Thiêm là hạng mục công trình có công nghệ xây dựng hiện đại và phức tạp nhất. Sau khi hoàn thành, hầm Thủ Thiêm vượt sông Sài Gòn sẽ là hầm vượt sông lớn nhất Đông Nam Á.

Hầm vượt sông Sài Gòn sẽ được thực hiện theo phương án hầm chìm vì phương pháp này tiết kiệm chi phí và thời gian thi công, bảo đảm an toàn lưu thông trong hầm. Hầm chìm dài 1.490 m (trong đó 371 m nằm dưới lòng sông), rộng 33 m, cao 9 m, có sáu làn xe, mỗi bên ba làn cho cả ô tô và xe máy, chưa kể hai làn thoát hiểm. Ngoài hầm chìm, ở 2 bên bờ là những đoạn hầm kín và hở với phương pháp thi công ít phức tạp hơn. Vỏ hầm có kết cấu bê tông cốt thép, dày 1,2 m, đảm bảo chịu lực, chống thấm tốt và được kiểm tra kỹ khi còn ở trên bề đúc. Riêng ở khu vực Đông Nam Á thì hầm Thủ Thiêm là hầm chìm đầu tiên.

Gói thầu xây dựng hầm vượt sông Sài Gòn và đường mới Thủ Thiêm có tổng vốn đầu tư là 2.083 tỉ đồng (trong tổng số vốn dự án đại lộ Đông – Tây Sài Gòn 9.864 tỷ đồng), gồm các hạng mục chính như hầm vượt sông Sài Gòn dài trên 2,2 km.

33. Cầu Vĩnh Tuy

Ngày 3/2/2005, khởi công xây dựng cầu Vĩnh Tuy, bắc qua sông Hồng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cầu Vĩnh Tuy là một trong những dự án trọng điểm, trước

mất góp phần giảm tải cho cầu Chương Dương và cầu Long Biên. Về lâu dài, cầu Vĩnh Tuy là một nút giao thông quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thủ đô Hà Nội.

Cầu Vĩnh Tuy có tổng chiều dài toàn tuyến là 5.830 m; phần cầu chính vượt sông dài 3.778 m được kết cấu bằng bê tông cốt thép dự ứng lực gồm 77 nhịp, đặt trên 2 móng và 76 trụ, trong đó có 6 nhịp thông thuyền giữa sông, mỗi nhịp dài 135 m, chuỗi dầm bê tông dự ứng lực dài 990 m. Quy mô mặt cắt ngang rộng 19,25 m cho hai làn xe cơ giới và 2 làn xe tổng hợp (giai đoạn II với 1 cây cầu có quy mô, hình dáng như cầu của giai đoạn I, liền kề sẽ nâng chiều rộng mặt cầu lên 38,5 m)... Để thi công cầu này, nhà thầu phải sử dụng khoảng 110.000 m³ bê tông, 3.624 tấn thép dự ứng lực và 24.000 tấn thép thường... Tổng mức đầu tư xây dựng khoảng 4.631 tỷ đồng, trong đó giai đoạn I là 3.597 tỷ đồng, riêng phần xây lắp là 1.829 tỷ đồng.

Sau khi hoàn thành, cầu Vĩnh Tuy sẽ bảo đảm lưu lượng vận tải khoảng 34.000 lượt xe/ngày đêm vào năm 2010 và 72.000 lượt xe/ngày đêm vào năm 2020.

34. Đường Láng - Hòa Lạc: Tuyến đường cao tốc quy mô lớn, hiện đại nhất ở nước ta

Ngày 20/3/2005, khởi công xây dựng dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc, nhằm đưa tuyến đường này trở thành đường cao tốc có quy mô lớn, hiện đại nhất ở nước ta.

Mặt cắt ngang đường gồm 2 thành phần: đường cao tốc đi giữa và đường gom hai bên. Phần đường cao tốc: Xây dựng theo quy mô 6 làn xe cấp 120, chiều rộng dải phân cách giữa bằng 20 m. Tổng chiều rộng nền đường cao tốc bằng 52,5 m. Phần đường gom: Mỗi bên xây dựng theo quy mô đường ô tô 2 làn xe cấp 60, vỉa hè quy hoạch rộng từ 3 m đến 10 m. Tổng chiều rộng nền đường gom mỗi bên bằng 24 m. Tổng chiều rộng chỉ giới xây dựng của đường Láng - Hòa Lạc (bao gồm cả phần lưu không giữa đường cao tốc và đường gom) là 140 m. Tổng vốn đầu tư dự án là 5.379 tỷ đồng. Khi hoàn thành dự án mở rộng và hoàn thiện đường cao tốc Láng - Hòa Lạc, con đường trở thành điểm tựa cho chuỗi đô thị Đông Xuân - Miếu Môn, khu công nghệ cao Hòa Lạc, khu công nghiệp Phú Cát, làng Đại học Quốc gia, làng Văn hóa Quốc gia; kết nối với cầu Trung Hà.

35. Trung tâm Điện lực Phú Mỹ

Ngày 10/4/2005, tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, khánh thành 5 nhà máy thuộc Trung tâm Điện lực Phú Mỹ là: Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2.1, Phú Mỹ 2.1 mở rộng, đuôi hơi Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 4. Đây là tổ hợp các nhà máy điện có quy mô lớn nhất và hiện đại nhất Việt Nam.

36. Nhà máy Xi măng Cẩm Phả - nhà máy xi măng lò quay đầu tiên do Việt Nam tự xây dựng

Ngày 18/6/2005, khởi công xây dựng Nhà máy Xi măng Cẩm Phả (Quảng Ninh). Nhà máy Xi măng Cẩm Phả có công suất thiết kế của dự án là 2,3 triệu tấn xi măng/năm. Nhà máy có tổng số vốn đầu tư hơn 4.740 tỷ đồng. Nhà máy Xi măng Cẩm Phả chuyên sản xuất xi măng PCB40 bằng lò quay theo phương pháp khô, sử dụng công nghệ tiên tiến và tự động hóa ở mức cao. Nhà máy có tổng mức đầu tư là 4.739,242 tỷ đồng.

Nhà máy Xi măng Cẩm Phả gồm hai hạng mục: Nhà máy Xi măng Cẩm Phả, được xây dựng trên diện tích 75 ha tại phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả (Quảng Ninh), công suất 1,89 triệu tấn clinker/năm, cho 820.000 tấn xi măng và Trạm nghiền Xi măng Cẩm Phả được xây dựng trên 20 ha tại KCN Mỹ Xuân, huyện Tân Thành (Bà Rịa - Vũng Tàu), sẽ tiếp nhận và nghiền 1,2 triệu tấn clinker từ nhà máy chính để sản xuất 1,48 triệu tấn xi măng/năm.

Nhà máy có thể sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nguyên liệu từ các mỏ đá Quang Hanh, mỏ sét Hà Chanh, than Quảng Ninh; đồng thời, nhà máy còn nằm cạnh cảng nước sâu có thể tiếp nhận tàu trọng tải 15.000 tấn - nơi trung chuyển thuận lợi sản phẩm đầu ra cho nhà máy.

37. Đường dây 500 KV Bắc - Nam mạch 2

Ngày 23/10/2005, Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN) chính thức đưa vào vận hành toàn bộ mạch 2 đường dây 500 KV Bắc - Nam. Đường dây 500 KV Bắc - Nam mạch 2 trở thành nhân tố quan trọng nhất của hệ thống điện quốc gia với việc hợp nhất lưới điện bền vững ba miền Bắc - Trung - Nam.

Khác với hệ thống đường dây 500 KV Bắc - Nam mạch 1 trước đây được xây dựng thành một dự án, đường dây mạch 2 được chia thành 4 dự án độc lập bao gồm: đường dây 500 KV Pleiku - Phú Lâm và 2 ngăn lộ 500 KV tại các trạm biến áp 500 KV Pleiku và Phú Lâm; đường dây 500 KV Pleiku - Dốc Sỏi - Đà Nẵng và 2 ngăn lộ 500 KV tại các trạm biến áp 500 KV Pleiku và Đà Nẵng; đường dây 500 KV Đà Nẵng - Hà Tĩnh và 2 ngăn lộ 500 KV tại các trạm biến áp 500 KV Đà Nẵng và Hà Tĩnh; đường dây 500 KV Hà Tĩnh - Nho Quan và trạm biến áp 500 KV Nho Quan, đường dây 500 KV Nho Quan - Thường Tín và trạm biến áp 500 KV Thường Tín.

Khối lượng chủ yếu của đường dây 500 KV Bắc - Nam mạch 2: Tổng vốn đầu tư 7.510 tỷ đồng. Tổng chiều dài 1.606,37 km, đi qua 21 tỉnh, thành phố.

Đường dây 500 KV Bắc - Nam mạch 2 đưa vào vận hành cung cấp điện kịp thời cho các tỉnh miền Bắc trong giai đoạn 2004 - 2010 và làm nhiệm vụ trao đổi điện năng giữa các miền, đảm bảo vận hành ổn định, an toàn kể cả trong trường hợp

một trong hai mạch bị sự cố ngừng cung cấp điện; đồng thời là nền tảng để kết nối lưới điện 500 KV với các nước tiểu vùng và khu vực Đông Nam Á.

38. Nhà máy lọc dầu Dung Quất

Ngày 28/11/2005, khởi công xây dựng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Dự án này được thực hiện theo hình thức Việt Nam tự đầu tư, xây dựng tại hai xã Bình Trị và Bình Thuận trong Khu kinh tế Dung Quất, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Diện tích chiếm đất và mặt biển của Nhà máy là 816,03 ha. Chúng loại sản phẩm của Nhà máy gồm: propylen, khí hóa lỏng (LPG), xăng ô tô không pha chì (xăng A-90/92/95 RON), nhiên liệu phản lực/dầu hỏa dân dụng, nhiên liệu diesel ô tô (DO) và dầu nhiên liệu (FO). Chất lượng sản phẩm: Đối với các sản phẩm tiêu thụ trong nước tuân theo các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của Việt Nam. Đối với các sản phẩm xuất khẩu phải đáp ứng các yêu cầu chất lượng xuất khẩu.

Tổng mức đầu tư Nhà máy lọc dầu Dung Quất 2,501 tỷ USD (chưa bao gồm phí tài chính trong thời gian xây dựng). Tiến độ thực hiện: hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành năm 2009.

39. Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I - công trình nhiệt điện lớn nhất đồng bằng sông Cửu Long

Sáng 26/2/2006, khởi công xây dựng công trình Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I, tại Cần Thơ. Đây là dự án đầu tiên thuộc Trung tâm nhiệt điện Ô Môn, có công suất 2x330 MW (tổ máy 1 và 2), sản lượng điện trung bình hàng năm khoảng 3,6 tỉ KWh. Dự án có tổng vốn đầu tư hơn 6.666 tỉ đồng (tương đương khoảng 555 triệu USD).

Dự kiến, cuối năm 2008, tổ máy 1 sẽ đi vào vận hành và đến năm 2010 vận hành tổ máy số 2. Trung tâm nhiệt điện Ô Môn được quy hoạch với tổng công suất 2.800 MW, tổng vốn đầu tư các dự án khoảng 2 tỉ USD. Ngoài dự án Ô Môn I công suất 660 MW sẽ còn có 3 dự án nữa, đó là Ô Môn II (720 MW), Ô Môn III (700 MW), Ô Môn IV (720 MW). Mỗi năm Trung tâm nhiệt điện Ô Môn tiêu thụ khoảng 4 tỉ m³ khí, trong đó Nhà máy nhiệt điện Ô Môn I chiếm gần 1/4.

40. Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh

Ngày 2/4/2006, khởi công Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh giai đoạn 1 (600 MW), tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long (Quảng Ninh). Nhà máy được thiết kế với 4 tổ máy, tổng công suất 1.200 MW.

Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh được xây dựng trong 2 giai đoạn, giai đoạn 1 có 2 tổ máy, công suất 600 MW và một số công trình dùng chung tính đến quy mô công suất cuối cùng là 1.200 MW; giai đoạn 2 cũng có 2 tổ máy, công suất 600 MW. Với tổng mức đầu tư là 9.165,2 tỷ đồng (tương đương 593,2 triệu USD).

Với sản lượng điện bình quân 3,6 tỷ KWh/năm, Nhà máy nhiệt điện Quảng

Ninh có nhiệm vụ bù đắp công suất thiếu hụt của lưới điện miền Bắc từ năm 2008, tăng cường cấp điện cho khu vực tam giác kinh tế Hải Phòng - Hà Nội - Quảng Ninh và giảm vốn đầu tư xây dựng lưới điện 110/220 KV tại khu vực. Dự kiến, tổ máy 1 sẽ đưa vào vận hành vào tháng 12/2008 và tổ máy 2 vào tháng 7/2009.

Và còn nhiều công trình lớn như hệ thống giao thông đường bộ, đường hàng không, các khu đô thị mới hiện đại ở các thành phố lớn cùng nhiều công trình văn hoá, xã hội sẽ tiếp tục được xây dựng trong sự nghiệp công nghiệp hoá-hiện đại hoá đất nước hôm nay.

41. Xi măng Nghi Sơn (Thanh Hoá) - Nhà máy xi măng lớn nhất Việt Nam có công suất 4,3 triệu tấn/năm đã khánh thành ngày 13/11/2000, với tổng vốn đầu tư 373 triệu USD.

Cuối năm 2005, Công ty xi măng Nghi Sơn khởi công dây chuyền 2 có công suất 2,15 triệu tấn/năm, tổng mức đầu tư 249 triệu USD, bao gồm cả trạm phân phối xi măng đặt tại Ninh Thủy (Khánh Hoà) công suất 0,5 triệu tấn/năm và 2 tàu chuyên dụng (tàu chở xi măng rời) có tổng công suất 30.000 tấn. Sau khi khánh thành dây chuyền 2, công suất cả Nhà máy xi măng Nghi Sơn sẽ là 4,3 triệu tấn/năm - lớn nhất Việt Nam.

(...)

V. LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

TỔNG QUAN NHỮNG THÀNH TỰU VỀ XÂY DỰNG VĂN HÓA, XÃ HỘI, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG 20 NĂM ĐỔI MỚI

**Ban Chuyên đề Website
Đảng Cộng sản Việt Nam**

(ĐCSVN)- Song song với việc phát triển và tăng trưởng kinh tế, 20 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng; việc xây dựng nền văn hoá mới và giải quyết các vấn đề xã hội, con người luôn luôn được quan tâm. Tăng trưởng kinh tế gắn chặt với phát triển văn hoá, xã hội và con người. Nhiều học giả nước ngoài đã khẳng định rằng: Việt Nam là tấm gương sáng trong việc phát triển kinh tế thị trường kết hợp và giải quyết thành công nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực văn hoá, xã hội và con người.

Hôm nay đây, nhìn lại chúng ta có thể khẳng định những nét tổng quan nhất về thành tựu văn hoá, xã hội và con người ở Việt Nam sau 20 năm qua là:

1. Những thành công lớn có ý nghĩa lịch sử trong giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo.

Trước đổi mới, đời sống của mọi tầng lớp dân cư gặp muôn vàn khó khăn. Việc làm khan hiếm, số người không có việc làm ngày càng tăng. Sự phân hóa giàu nghèo diễn ra nhanh chóng. Đói và nghèo diễn ra ở mọi vùng đất nước và thâm nhập ở mọi tầng lớp dân cư. Lấy phát triển kinh tế làm hàng đầu, kết hợp với sức mạnh tổng hợp trong nước và quốc tế, bằng trí tuệ và tinh thần chủ động, đoàn kết, Đảng đã thật sự lãnh đạo thành công trong việc giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, tạo ra sự chuyển biến, cải thiện rõ rệt đời sống của đại bộ phận nhân dân.

Đến năm 2005 chúng ta đã tạo được việc làm cho 7,5 triệu lao động. Công cuộc xoá đói, giảm nghèo được đẩy mạnh và đạt kết quả đầy ấn tượng. Theo tiêu chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ đói giảm từ 30% năm 1992 xuống 7% năm 2005. Còn theo tiêu chuẩn quốc tế (tính theo chuẩn 1 đôla/ngày/người), thì tỷ lệ nghèo chung đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 28,9% năm 2002; nếu tính theo chuẩn mới (2 đôla/ngày/người) thì hộ nghèo ở Việt Nam năm 2004 là 27,5%. Ngay từ năm 2002,

Việt Nam đã được Liên hợp quốc đánh giá là “hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015”.

2. Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học.

Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến giữa năm 2004, 20 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Tỷ lệ người lớn (từ 15 tuổi trở lên) biết chữ đã tăng từ 88% cuối năm 1980 lên 95% năm 2004.

Hầu hết xã, phường đã có trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở. Các huyện và khu vực đã có trường phổ thông trung học. Các trường đại học được mở thêm nhiều, các trường dạy nghề được khôi phục và ngày càng phát triển. Phong trào khuyến học, khuyến tài được phát động rộng khắp, phong trào xã hội hoá giáo dục ngày càng toả rộng và được toàn dân tích cực hưởng ứng. Nhờ những cố gắng đó mà nguồn nhân lực xã hội được nâng cao về chất lượng. Tính đến giữa năm 2004, 22,5% số người lao động đã được đào tạo, trong đó số đào tạo nghề là 13,3%.

3. Khoa học - công nghệ và tiềm lực khoa học – công nghệ có bước phát triển nhất định.

Nhiều thành tựu khoa học và công nghệ đã được đưa vào áp dụng trong thực tế, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt đặc biệt là trong các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, bưu chính viễn thông... Kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ được tăng lên. Nước ta đã có quan hệ hợp tác về khoa học và công nghệ với trên 70 nước, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ (bao gồm Khoa học Xã hội, Khoa học Tự nhiên và Khoa học Kỹ thuật) đã góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định đường lối, chủ trương chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng các chương trình, dự án phát triển kinh tế-xã hội; tiếp thu, làm chủ và ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập từ nước ngoài.

4. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, góp phần hạ thấp đáng kể tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi, cơ bản thanh toán một số dịch bệnh phổ biến trước đây, khống chế thành công bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS). Tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 tuổi năm 1990 tăng lên 71,3 tuổi năm 2005. Chỉ số phát triển con người (HDI) từ mức dưới trung bình (0,498 năm 1991) tăng lên mức trung bình (0,688 năm 2002). Năm 2004, với chỉ số 0,691, nước ta xếp thứ 112 trên tổng số 177 nước được điều tra. Năm 2005, Việt Nam được lên 4 bậc, xếp thứ 108 trong tổng số 177 nước được điều tra. Điều đáng chú ý là, nếu so với thứ bậc xếp hạng GDP bình quân đầu người thì thứ

bậc xếp hạng HDI của Việt Nam luôn cao hơn. Chẳng hạn, năm 2002 vượt lên 19 bậc: GDP bình quân đầu người xếp thứ 128 trên tổng số 173 nước được thống kê, còn HDI xếp thứ 109/173. Điều đó chứng tỏ sự phát triển kinh tế của Việt Nam có xu hướng phục vụ sự phát triển con người, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội tốt hơn so với một số nước đang phát triển có GDP bình quân đầu người cao hơn nước ta.

5. Sự nghiệp văn hoá có nhiều tiến bộ.

Những giá trị và đặc sắc văn hóa của 54 dân tộc anh em được kế thừa và phát triển, góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Giao lưu, hợp tác văn hóa với nước ngoài được mở rộng. Một số nét mới trong chuẩn mực văn hóa của con người Việt Nam từng bước hình thành. Các tài năng văn hóa - nghệ thuật được khuyến khích. Nhiều di sản văn hóa - cả vật thể và phi vật thể - được giữ gìn, tôn tạo. Việc phân phối các sản phẩm văn hoá đã nhanh và đều khắp hơn. Hệ thống các sản phẩm văn hoá góp phần trực tiếp vào sự phát triển, tăng trưởng của ngành du lịch, của nền kinh tế quốc dân. Hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hoá thực sự khởi sắc, góp phần làm cho vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; văn hoá, con người và cuộc sống Việt Nam được bạn bè hiểu biết rõ hơn. Dân trí được nâng lên, cùng với văn hoá phát triển đã góp phần khơi dậy tính chủ động sáng tạo của nhân dân và nâng cao tính đồng thuận xã hội, tạo ra bầu không khí dân chủ, niềm tin của nhân dân được nâng lên không ngừng.

6. Cơ cấu xã hội nước ta có những biến đổi theo hướng tiến bộ.

Giai cấp công nhân có những biến đổi cả về số lượng, chất lượng cũng như về cơ cấu. Đến năm 2001, công nhân trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh là 4,53 triệu người. Đầu năm 2004, công nhân trực tiếp làm việc trong các cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế là 7,39 triệu người, chiếm 17,49% lao động xã hội. Trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp, nhìn chung, đã được nâng lên, thể hiện rõ nhất là ở một số ngành như bưu chính viễn thông, dầu khí, xây dựng cơ bản, cơ khí đóng tàu...

Nông dân là lực lượng đang có sự biến đổi mạnh mẽ. Nông dân thuần nông ngày càng giảm. Đã hình thành những chủ trang trại, những hộ sản xuất cá thể, những xã viên kiểu mới của các hợp tác xã kiểu mới có khả năng thích ứng với cơ chế kinh tế thị trường, tham gia tích cực vào công cuộc phát triển đất nước theo đường lối đổi mới. Đã hình thành các quan hệ hộ - hợp tác xã, hộ - doanh nghiệp tư nhân, hộ - doanh nghiệp nhà nước, hộ - trang trại.

Đội ngũ trí thức nước ta hiện nay có 1,8 triệu người với trình độ từ cao đẳng,

đại học trở lên, trong đó có 16 nghìn thạc sĩ, 14 nghìn tiến sĩ và tiến sĩ khoa học. Đây là một lực lượng có vai trò quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Những thành tựu trên có được là do Đảng ta đã nhận thức đúng mối quan hệ khăng khít giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Trong quá trình phát triển luôn luôn coi con người với tư cách vừa là động lực của phát triển kinh tế xã hội, vừa là nền tảng tinh thần của xã hội vừa là chủ thể của sự nghiệp xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI: VĂN HÓA - NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

**Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng,
Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.Ư**

Khác với quá trình đổi mới trong một số lĩnh vực kinh tế - xã hội, đổi mới văn hóa luôn mang tính chủ động, có khả năng đi trước, vừa là nhân tố khởi xướng đổi mới, vừa tiếp nhận thành quả đổi mới. Bởi vì đổi mới văn hóa chính là đổi mới con người - chủ thể của đổi mới, và đổi mới môi trường tinh thần "sàn diễn" của những biến đổi của lịch sử.

Quá trình đổi mới văn hóa đã được những người "ưu thời mẫn thế" quan tâm trong suốt cả thế kỷ 20, nhưng tới những năm cuối thế kỷ, thì đòi hỏi đổi mới văn hóa, đổi mới tư duy và lối sống của con người trở thành sự thúc bách gay gắt.

Nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao trách nhiệm của mình trong định hướng đổi mới đất nước, đổi mới văn hóa dân tộc.

Bản thân đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo chính là văn hóa. Đồng chí Phạm Văn Đồng từng nói: Đổi mới là văn hóa, văn hóa là đổi mới. Không có khoảng cách giữa đổi mới tồn tại xã hội và đổi mới ý thức xã hội; mặt này là tiền đề và điều kiện của mặt kia và ngược lại.

Chính vì vậy đổi mới trong văn hóa có một ý nghĩa đặc biệt, liên quan toàn bộ sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đảng đã có nhiều văn kiện định hướng đổi mới sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó quan trọng nhất là Nghị quyết Trung ương 5 về "Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" (1998) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 về công tác văn hóa (2003). Cùng với hai văn kiện trên, việc Nhà nước ta chấp nhận tham gia Chương trình Thập kỷ phát triển văn hóa của Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) trong những năm cuối thế kỷ 20 đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới văn hóa theo kịp bước phát triển của đất nước và thời đại.

Đại hội VI của Đảng (1986) - Đại hội đổi mới đất nước - đã đặt lên hàng đầu đổi

mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, mà cụ thể là đổi mới cung cách làm ăn, xây dựng cuộc sống, một nội dung cơ bản, lâu đời của văn hóa Việt Nam. Bắt đầu từ Đại hội VI, trong quan niệm của người cộng sản Việt Nam, văn hóa không tách rời với đổi mới kinh tế, đã trở thành mục tiêu và động lực của đổi mới đất nước.

Hiểu văn hóa không chỉ là nhân tố di dưỡng đạo đức, tinh thần xã hội mà còn là sức mạnh thúc đẩy kinh tế - xã hội, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội là một bước phát triển mới trong tư duy của Đảng, Nhà nước ta về vai trò, vị trí của văn hóa.

Giáo sư Nguyễn Hồng Phong qua nghiên cứu lịch sử dân tộc, khẳng định: nguồn gốc của sự nghèo khổ của dân tộc nằm trong văn hóa. Nhiều nhà văn hóa, nhà trí thức khoa học yêu cầu đặt lại vai trò của văn hóa, vai trò của con người trong sự nghiệp phát triển.

Lần đầu tiên, các văn bản của Đảng, Nhà nước nói nhiều đến "nhân tố con người". Nhân tố con người, gắn liền thế giới văn hóa tinh thần của nó, được coi là nhân tố chủ đạo của sự phát triển. Đề cao nhân tố con người, đề cao văn hóa dân tộc đó là một thành công của tư duy đổi mới những năm qua.

Không dừng lại ở việc nhấn mạnh tầm quan trọng và vai trò to lớn của văn hóa đối với quá trình đổi mới đất nước, Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 về công tác văn hóa (2003) còn xác lập vị trí của công tác văn hóa, hình thành một kết cấu chặt chẽ và đồng bộ giữa nhiệm vụ kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với xây dựng văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo thế chân vạc vững chắc cho quá trình phát triển đất nước.

Gắn liền với nhận thức mới về vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là quan niệm ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn về phương hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện đại. Nói vắn tắt, đó là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong nền văn hóa đó, hai yếu tố cơ bản là tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc đã phản ánh mối liên hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của văn hóa trong quá trình vận động, phát triển đã được thể hiện đầy đủ.

Đề đáp ứng đòi hỏi chân - thiện - mỹ của dân tộc và yêu cầu của thời đại, nền văn hóa đó nhất thiết phải mang bản chất tiên tiến trong cả nội dung và hình thức, hiện thân của chủ nghĩa yêu nước và tiến bộ xã hội, phải thể hiện lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phải kết hợp được những giá trị lâu đời của dân tộc và tinh hoa của thời đại.

Mặt khác đó phải là nền văn hóa "đậm đà bản sắc dân tộc", để có thể hội nhập, giao lưu với thế giới hiện đại mà không rời xa những giá trị bền vững của dân tộc đã

hun đúc qua lịch sử làm nên cốt cách, vóc dáng tốt đẹp của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam.

Cả hai yếu tố "tiên tiến" và "đậm đà bản sắc dân tộc" là hai mặt của một chỉnh thể, bổ sung cho nhau, làm điều kiện để thúc đẩy nhau cùng phát triển, làm cho văn hóa Việt Nam không ngừng đơm hoa, kết trái trong đời sống xã hội hiện đại.

Thực tế đổi mới 20 năm qua cho thấy phương hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được thừa nhận trong chính cuộc sống, được sự nhất trí của nhân dân và đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa.

Ngày nay đứng trước quá trình toàn cầu hóa và bùng nổ thông tin, mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu sắc, phương hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc càng tỏ rõ sức sống vững vàng của nó, mở đường cho nhân dân ta vượt qua thách thức, vươn tới những đỉnh cao của văn minh và tiến bộ.

Hướng tới một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng chính là hướng đến một nền văn hóa của nhân dân, của các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc, thống nhất mà đa dạng, không ngừng dân chủ hóa và xã hội hóa phương thức hoạt động, bảo đảm quá trình sáng tạo đến tay mỗi người, thành quả sáng tạo đối với mỗi người, làm cho xã hội nước ta đạt tới một đời sống văn hóa cao, dân trí phát triển, lối sống lành mạnh.

Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động văn hóa là một thành tựu rõ nét của quá trình xây dựng văn hóa 20 năm qua. Từ chỗ quan niệm văn hóa có quan hệ chặt chẽ với lĩnh vực chính trị, tư tưởng do Nhà nước tổ chức để phục vụ nhân dân, chúng ta đã xây dựng các hoạt động văn hóa thông tin, khoa học, giáo dục,... thành sự nghiệp của toàn xã hội, đáp ứng nhu cầu lợi ích chính đáng của mọi người dân, đã thu hút tài năng, sáng kiến, công sức của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng văn hóa. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", hoạt động văn hóa trong mỗi khu dân cư, trong các làng bản văn hóa, gia đình văn hóa..., đã trở thành cuộc vận động văn hóa rộng rãi, đi dần vào nền nếp.

Cho đến cuối năm 2004, cả nước đã có 13.162 làng văn hóa, 9,9 triệu gia đình văn hóa, 19.150 cơ quan văn hóa đã được công nhận; 5.126 nhà văn hóa, 6.750 điểm bưu điện - văn hóa được xây dựng; hơn 51 nghìn bản hương ước, quy ước văn hóa thôn xóm được phê duyệt; 2.792 di tích văn hóa được xếp hạng quốc gia. Đã có sáu di sản văn hóa và thiên nhiên nước ta được đưa vào danh mục di sản thế giới. Nhiều di tích văn hóa lịch sử đặc biệt quan trọng của nước ta đã được phát hiện và trùng tu tôn tạo như Hoàng thành Thăng Long, Cung điện Huế, Đền Hùng, các đền tháp Chăm Pa...

Những thành tựu mới về văn hóa, về tuổi thọ đã góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta. Năm 2005, chỉ số phát triển con người của Việt Nam được xếp vị trí 108 trong 177 nước, nâng lên bốn bậc so với năm trước. Tuổi thọ của con người Việt Nam từ 63 tuổi (năm 1990) lên 71,3 tuổi (năm 2005). Điều đó cho thấy, trong khi thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn thấp (630 USD/người) thì những tiến bộ về văn hóa, lối sống cũng đã đưa chỉ số phát triển con người của Việt Nam cao hơn những nước có mức thu nhập tương đương.

Trong văn hóa, hoạt động thông tin và văn học nghệ thuật luôn luôn là nhân tố năng động, có tác động thường xuyên đến nhận thức và tình cảm con người. Với sự tham gia của 15 nghìn nhà báo và 17 nghìn văn nghệ sĩ hoạt động trong 10 hội văn học nghệ thuật Trung ương, các hoạt động báo chí, xuất bản, văn học nghệ thuật nước ta đã trở nên sôi nổi, phong phú, lôi cuốn ngày càng rộng rãi sự hưởng ứng của toàn xã hội. Hệ thống phát thanh đã đáp ứng hơn 90% và truyền hình hơn 85% nhu cầu thông tin của nhân dân cả nước; hệ thống in-tơ-nét mở rộng nhanh chóng với gần 10% dân số truy cập; hệ thống xuất bản đã cung cấp được hơn 3,5 bản sách/đầu người.

Chúng ta đã có những cuộc thi tìm hiểu truyền thống cách mạng, thu hút hơn một chục triệu người tham gia, những tập nhật ký của Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc in trên 200 nghìn bản; những lễ hội dân tộc hàng vạn người tham dự, những chương trình âm nhạc qua sóng truyền hình có hàng vạn người theo dõi, những nghệ sĩ trẻ được xã hội chào đón từ những tác phẩm đầu tiên...

Quyết tâm và lòng tin vào sự nghiệp đổi mới văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, văn hóa thông tin ngày càng đậm nét trong tâm trí nhân dân và đội ngũ trí thức sáng tạo. Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của giới trí thức, văn nghệ sĩ, báo chí đang mở rộng sức tập hợp và nâng cao chất lượng hoạt động. Tinh thần tự do sáng tạo và sự giúp đỡ vật chất của Nhà nước và xã hội cho hoạt động văn học nghệ thuật, báo chí, xuất bản ngày càng thiết thực, có hiệu quả. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng và các hình thức, sáng kiến xây dựng văn hóa trong nhân dân phong phú, sinh động hơn trước.

Trong thành tựu chung, những chuyển biến trong xây dựng văn hóa các dân tộc thiểu số là rất đáng kể. Ý thức về bình đẳng dân tộc, mối quan tâm về những giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số và quyết tâm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc anh em là những chuyển biến có ý nghĩa.

Nhà nước đã có nhiều chính sách để đưa sản phẩm văn hóa, thông tin đến vùng sâu, vùng xa, vùng các dân tộc thiểu số. Công tác sưu tập, bảo tồn văn hóa dân tộc được đẩy mạnh. Các chương trình phát thanh, truyền hình quốc gia và địa phương đã phát

sống hàng chục ngôn ngữ dân tộc. Các lễ hội văn hóa dân tộc được tổ chức. Con em các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện đến trường. Nếp sống văn minh được hình thành trong nhiều thôn bản.

Nếu nói một chính sách văn hóa đúng là khi chính sách đó được cộng đồng yêu thích nhất tiếp nhận và tham gia, thì sự phát triển văn hóa, tinh thần trong đồng bào dân tộc thiểu số vừa qua đã chứng minh thắng lợi của đường lối, chính sách đổi mới trong sự nghiệp văn hóa Việt Nam.

Những tiến bộ đạt được không tách rời quá trình đổi mới tư duy quản lý văn hóa của nước ta. Cùng với nhiều ngành quản lý khác, quản lý văn hóa đặt trọng tâm vào ban hành, hướng dẫn và thực thi luật pháp.

Trong 20 năm qua, các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành hàng trăm văn bản luật pháp liên quan đến sự nghiệp văn hóa, trong đó đáng chú ý là các văn bản luật pháp trực tiếp quy định công tác báo chí, xuất bản, bản quyền, di sản văn hóa, thư viện, điện ảnh, quảng cáo, biểu diễn nghệ thuật...

Những quy định luật pháp đã mở đường cho sự tham gia của xã hội vào các hoạt động văn hóa, giữ vững định hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời đẩy lùi những tiêu cực, sai trái trong hoạt động văn hóa. Bên cạnh luật pháp, nhiều chính sách phát triển văn hóa được ban hành, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được tăng cường. Nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa trong Đảng gắn liền với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao phẩm chất đảng viên được đặt ra, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới văn hóa nói riêng.

20 năm đổi mới không phải là dài đối với đời sống văn hóa dân tộc và sự phát triển tinh thần của con người. Nhưng sự chuyển mình của văn hóa Việt Nam và thành tựu bước đầu của văn hóa dân tộc đã cho thấy đường lối đổi mới văn hóa của Đảng là đúng đắn, quy tụ được năng lực sáng tạo và tâm hồn nhân dân, xây dựng lòng tin, mở ra hướng phát triển tích cực và lành mạnh trong những thập kỷ đầu của thiên niên kỷ mới.

Tuy nhiên, những vấn nạn của một nước kém phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế còn in dấu ấn không nhỏ lên đời sống văn hóa. Để khắc phục khó khăn và thách thức, quá trình đổi mới văn hóa trong chặng đường sắp tới cần quan tâm giải quyết những vấn đề sau:

Một là, sự hình thành bước đầu thị trường văn hóa và mở rộng xã hội hóa hoạt động văn hóa đang đặt chúng ta trước những trách nhiệm nặng nề và thách thức không nhỏ đối với năng lực quản lý và trình độ tổ chức hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hóa.

Bên cạnh những thành tựu không thể tranh cãi đạt được trong điều kiện cơ chế

mới, hoạt động văn hóa hiện nay còn bộc lộ những xu hướng không lành mạnh, có mặt khá nghiêm trọng. Đó là xu hướng "thương mại hóa" - nói thẳng ra là xu hướng chạy theo lợi nhuận, coi thường chất lượng văn hóa đã lan tràn trong nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Hiện tượng "đạo văn, đạo nhạc", vi phạm bản quyền, làm dối, làm ẩu, lén lút lưu hành văn nghệ đồi trụy, độc hại, kể cả mãi dâm, ma túy..., đang làm văn đục môi trường văn hóa một số thành phố lớn. Trong khi đó, công tác quản lý văn hóa không theo kịp tình hình, tỏ ra lúng túng, bị động.

Một số nơi, nhận thức không đúng tính đặc thù của thị trường văn hóa, đánh đồng sản phẩm, dịch vụ văn hóa với các hàng hóa thông thường khác, có xu hướng buông lỏng quản lý chất lượng tư tưởng, không chăm sóc, đầu tư nâng cao chất lượng văn hóa. Rõ ràng yêu cầu đổi mới và nâng cao trình độ quản lý văn hóa là yêu cầu cực kỳ quan trọng nhằm đảm bảo trong điều kiện mới, văn hóa nước ta phát triển lành mạnh, đúng hướng.

Hai là, nhìn chung chất lượng báo chí, xuất bản, các hoạt động văn học nghệ thuật của ta chưa cao, chúng ta còn thiếu những tác phẩm có tính tư tưởng cao, hình thức nghệ thuật hấp dẫn, có sức cổ vũ rộng rãi công chúng. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ và những người cầm bút, yêu cầu tăng cường công tác phê bình lý luận văn học - nghệ thuật và văn hóa, đồng thời phải có chính sách giúp đỡ cụ thể của nhà nước và xã hội đối với văn hóa, nhất là đối với các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, những loại hình văn hóa nghệ thuật thể nghiệm, những chính sách hỗ trợ tài năng... Đổi mới hoạt động của các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm nâng cao chất lượng sáng tác cũng là một đòi hỏi cấp thiết.

Ba là, toàn cầu hóa về kinh tế và quá trình hội nhập quốc tế đang tạo ra cơ hội và thách thức không nhỏ đối với văn hóa nước ta. Tác động của văn hóa nước ngoài vào nước ta khá thường xuyên, với nhiều con đường, nhất là trên mạng in-tơ-nét, với cả mặt tích cực lẫn tiêu cực, tuy nhiên ứng phó của ta còn thiếu chủ động, thiếu một chiến lược vững chắc.

Ngày nay không thể chủ trương đóng cửa về văn hóa, nhưng tiếp nhận văn hóa nước ngoài như thế nào, giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài ra sao, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá văn hóa - tư tưởng trong kịch bản "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch như thế nào, là những vấn đề cần xử lý ở phạm vi quốc gia, cả trong từng địa phương, cơ sở, trong một chiến lược cụ thể.

Bốn là, lý luận xây dựng nền văn hóa mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề cần được bổ sung, hoàn chỉnh.

Là người vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại di sản tư tưởng - văn hóa rất sâu sắc, độc đáo. Một phần cơ bản nội dung tư tưởng của Người đã được vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và đổi mới văn hóa vừa qua.

Tuy nhiên việc nghiên cứu có hệ thống, soi sáng các luận điểm cơ bản của Người dưới ánh sáng của thời đại để phát triển toàn diện văn hóa nước nhà, nâng cao nhân tố con người Việt Nam, xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội Việt Nam hiện đại còn là nhiệm vụ to lớn đặt ra ở phía trước. Tin chắc rằng quá trình nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng của Người trên lĩnh vực văn hóa sẽ mở ra những tiềm năng phát triển mới cho văn hóa nước nhà.

Cách đây 60 năm, trong ngày đầu của chính quyền mới - nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi "văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi". Đó là một câu nói bất hủ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đổi mới đất nước, chấn hưng văn hóa.

Trong hành trình mới của dân tộc, chúng ta cần phải tiếp tục nâng cao hơn nữa ngọn đuốc sáng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà linh hồn của nó là tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại, mở ra bước phát triển ngày càng cao hơn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

THÀNH TỰU CHĂM LO PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CON NGƯỜI

PHẠM MẠNH HÙNG

Phó Trưởng ban Khoa giáo T.Ư

Nhìn lại chặng đường 20 năm đổi mới đã qua chúng ta có thể rút ra một số bài học về y tế Việt Nam, nổi bật là kiên trì đường lối phát triển y tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp với đổi mới một số nhận thức và quan điểm cho phù hợp với tình hình mới.

Điểm xuyên suốt và nhất quán trong các quan điểm về chăm sóc sức khỏe của Đảng ta là xác định đúng vai trò quan trọng của sức khỏe và công tác chăm sóc sức khỏe. Xuất phát từ quan niệm con người là vốn quý quan trọng nhất trong sự nghiệp CNH, HĐH chúng ta luôn nhấn mạnh sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và toàn xã hội. Nhấn mạnh quan điểm này là để các cấp lãnh đạo của đảng và chính quyền luôn coi trọng chăm sóc sức khỏe trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của cả đất nước và của mỗi địa phương.

Khi nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn đầu của thời kỳ đổi mới là tập trung cho tăng trưởng kinh tế, rất dễ xuất hiện tư tưởng coi nhẹ vai trò của sức khỏe, coi sức khỏe là “của trời cho”, chỉ biết sử dụng sức khỏe để làm kinh tế mà quên mất đầu tư cho việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Điều này cần được nhận thức đầy đủ không chỉ ở các nhà lãnh đạo các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Chính vì vậy chúng ta khẳng định đầu tư chăm sóc sức khỏe là đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động y tế là một trong những chính sách được ưu tiên hàng đầu và thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ XHCN.

Điểm nổi bật thứ hai về quan điểm là khi bước vào đổi mới, sự phân hóa giàu nghèo bắt đầu xuất hiện, Đảng sớm khẳng định tính chất công bằng trong chăm sóc sức khỏe. Điều này thể hiện rõ nhất ở chỗ chúng ta phấn đấu xây dựng một nền y tế cho mọi người dân, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt dân tộc đa số hay thiểu số; không phân biệt sống ở nông thôn hay thành thị, miền xuôi hay miền núi; đều được chăm sóc sức khỏe, kể cả phòng bệnh lẫn thuốc men chữa bệnh và phục hồi chức năng.

Mặc dù khi chúng ta thực hiện quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường, xã hội có

sự phân hóa giàu nghèo do mặt trái của cơ chế thị trường mang lại, nhưng nền y tế Việt Nam vẫn phải kiên trì theo đuổi định hướng này. Chúng ta luôn khẳng định tính chất nhân đạo của chăm sóc sức khỏe. Đề cao tính chất nhân đạo của y tế, đồng nghĩa với việc không bao giờ gắn y tế với mục đích thương mại như những ngành kinh tế hoặc một số ngành khác. Nghị quyết 46/NQ-T.Ư của Bộ Chính trị ngày 23-2-2005 đã chỉ rõ: “Đổi mới hệ thống y tế theo hướng: công bằng hiệu quả và phát triển nhằm tạo cơ hội thuận lợi cho mọi người dân được bảo vệ và nâng cao sức khỏe với chất lượng ngày càng cao, phù hợp với sự phát triển kinh tế của đất nước. Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, nhằm từng bước đạt tới công bằng trong chăm sóc sức khỏe, thực hiện sự chia sẻ giữa người khỏe với người ốm, người giàu với người nghèo, người trong độ tuổi lao động với trẻ em, người già, công bằng trong đãi ngộ với cán bộ y tế”.

Điểm đổi mới thứ ba về quan điểm là vấn đề xã hội hóa và đa dạng hóa ngành y tế Việt Nam. Năm 1993 Nghị quyết 04/NQ-T.Ư đã đề ra chủ trương “xã hội hóa y tế” và chỉ rõ: “Sự nghiệp chăm sóc sức khỏe là trách nhiệm của cộng đồng và mỗi người dân, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng và chính quyền, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt”.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, trong những năm qua chúng ta thấy đã có những thành tích nổi bật:

Ngoài y tế công lập tiếp tục được bổ sung và tăng cường, chúng ta đã có nhiều cơ sở y tế tư nhân xuất hiện với các hình thức khác nhau.

Tuy vậy, việc xã hội hóa y tế vẫn còn nhiều bất cập. Đứng trước nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày một tăng mà khả năng đáp ứng có hạn. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa là một yêu cầu khách quan. Nghị quyết 46/NQ-T.Ư của Bộ Chính trị “về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới” đã nêu rõ quan điểm “Xã hội hóa các hoạt động chăm sóc sức khỏe gắn với tăng cường đầu tư của nhà nước, thực hiện tốt việc trợ giúp cho các đối tượng chính sách và người nghèo trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn và kỹ thuật. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe”.

Thông qua hoạt động thực hiện chủ trương xã hội hóa, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Cần phải xác định và hiểu đúng chủ trương xã hội hóa, không được hiểu khái niệm này một cách phiến diện hay cực đoan. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể, một mặt, phát huy sự năng động và tích cực của mọi thành viên trong xã hội vào sự nghiệp chăm sóc sức khỏe, mặt khác mới tránh được những khuynh hướng sai lầm trong việc “thương mại hóa” nền y tế.

- Cần nắm vững mục tiêu ưu tiên của xã hội hóa y tế: Trong giai đoạn hiện nay xã hội hóa y tế phải nhằm vào mục tiêu chính là phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, người có công với nước, người thuộc diện chính sách và người thuộc diện khó khăn về mặt sức khỏe.

Bên cạnh việc vạch ra những quan điểm khẳng định bản chất chính trị của nền y tế của nhân dân, chúng ta cũng tiếp tục khẳng định những quan điểm mang tính học thuật chủ yếu của y học và y tế Việt Nam. Đó là: coi trọng công tác phòng bệnh, kết hợp chặt chẽ giữa phòng bệnh một cách tích cực và chủ động với điều trị một cách chất lượng và toàn diện. Để khắc phục những mặt trái do cơ chế thị trường và đề phòng khuynh hướng đơn thuần chạy theo lợi nhuận do khám, chữa bệnh mang lại, dẫn đến coi nhẹ y tế dự phòng, công tác y tế dự phòng lại càng phải được nhấn mạnh và coi trọng. Nghị quyết 37/NQ-CP đã chỉ rõ: “Dự phòng tích cực và chủ động là quan điểm xuyên suốt quá trình xây dựng và phát triển nền y tế Việt Nam”. Gần đây Nghị quyết 46/NQ-T.Ư đã nhấn mạnh việc “thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn diện, tức là gắn chặt phòng bệnh với chữa bệnh, phục hồi chức năng và tập luyện thể dục thể thao”. Ngoài ra, việc gắn kết hợp Đông y và Tây y đã được tiếp tục phát triển trên tất cả các mặt: thừa kế, nghiên cứu lý luận, ứng dụng và nuôi trồng dược liệu nhằm mục đích xây dựng một nền y học Việt Nam theo phương châm “khoa học, dân tộc và đại chúng”.

Tiếp tục coi trọng y tế cơ sở đồng thời từng bước hoàn thiện mạng lưới y tế. Mặt trận y tế nông thôn ngày nay luôn được coi là xương sống của y tế. Tuy chưa phân định rõ rệt về cơ cấu y tế cơ sở, nhưng theo tinh thần Chỉ thị 06/CT-T.Ư của Ban Bí thư T.Ư Đảng khóa IX, chúng ta hiểu y tế cơ sở gồm y tế tuyến thôn ấp, tuyến xã và tuyến huyện. Trong những năm đầu tiên của sự nghiệp đổi mới, y tế nông thôn rơi vào khủng hoảng do các hợp tác xã nông nghiệp - chỗ dựa chính của các trạm y tế xã - bị tan rã. Nhưng chúng ta đã kịp thời đưa ra chủ trương phục hồi y tế cơ sở. Quyết định số 58/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 3-2-1994 đã quy định “Một số vấn đề về tổ chức và chế độ chính sách đối với y tế cơ sở” đã được nhiều người ví như “một trận mưa rào cho vùng nắng hạn lâu ngày”. Chỉ thị 06/CT-T.Ư của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VIII ban hành ngày 20-1-2002 đã

chi rõ: “Mạng lưới y tế cơ sở (gồm y tế thôn bản, xã, phường, quận, huyện) là tuyến y tế trực tiếp gần dân nhất, đảm bảo cho mọi người dân được chăm sóc sức khỏe cơ bản với chi phí thấp, góp phần thực hiện công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hóa, trật tự an toàn xã hội, tạo niềm tin của nhân dân với chế độ xã hội chủ nghĩa”. Nhờ những quyết sách kịp thời này, trong những năm qua những tuyến y tế cơ sở trong cả nước đều được tăng cường cán bộ, cơ sở hạ tầng cả về số lượng lẫn chất lượng. Với sự có mặt của bác sĩ tại hơn 60% số xã trong toàn quốc, ngành y tế là ngành đầu tiên đã đưa cán bộ có trình độ đại học về nông thôn, mở đầu cho bước chuyển biến mới về chất của cán bộ ở các xã ở nông thôn. Việc phát triển mạnh mẽ y tế xã và y tế thôn bản kết hợp với việc hình thành mô hình Trung tâm y tế huyện ra đời trong những năm cuối của thập kỷ 80 và triển khai rộng rãi trong toàn quốc theo Nghị định 01/NĐ-CP (ban hành ngày 1-1- 1998) trong thập kỷ 90 và những năm đầu của thập kỷ đầu tiên thế kỷ 21 là một thể hiện sinh động về thực hiện chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu hay y tế phổ cập. Hiện nay phong trào “xây dựng y tế xã đạt chuẩn quốc gia” đã trở thành một phong trào sâu rộng trong y tế cơ sở của cả nước. Chúng ta cần tiến hành sơ kết và tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động này thành một hoạt động quan trọng và thường xuyên của tuyến y tế cơ sở như Chỉ thị 06/CT-T.Ư của Ban Bí thư T.Ư khóa IX đã chỉ ra. Bên cạnh y tế cơ sở, chúng ta đã chú trọng phát triển hệ thống y tế chuyên sâu từ tuyến tỉnh trở lên. Tất cả các tỉnh đều đã có bệnh viện đa khoa trung tâm, trung tâm y tế dự phòng, trung tâm phòng chống các bệnh xã hội, trung tâm chăm sóc bà mẹ trẻ em, trung tâm giáo dục truyền thông, trung tâm phòng chống sốt rét (ở những tỉnh mà 40% nhân dân sống trong vùng sốt rét lưu hành)... Với cơ sở và trang thiết bị ngày một tốt hơn. Một số tỉnh còn có các bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện đông y, bệnh viện khu vực góp phần tạo ra một mạng lưới y tế đồng bộ tại tất cả các địa phương trong cả nước.

Đẩy mạnh đào tạo nhân lực y tế, đề cao khoa học và công nghệ: Để phát triển hệ thống y tế đáp ứng với nhu cầu chăm sóc sức khỏe trong giai đoạn mới, ngay từ ngày đầu của thời kỳ đổi mới chúng ta đã quan tâm đến phát triển nhân lực y tế thông qua đào tạo đồng bộ các loại hình cán bộ y tế. Trước hết là phát triển hệ thống nhà trường: bao gồm mỗi tỉnh có một trường trung học y tế (hiện nay một số trường này đã trở thành cao đẳng y tế), các trường đại học y và dược. Hệ thống chức danh y tế cũng được hoàn thiện theo xu thế mới của y tế thế giới nhưng cũng phù hợp từng vùng và miền của nước ta (chỉ tiếp tục đào tạo y sĩ cho các tỉnh miền núi; mở thêm đào tạo bác sĩ cơ sở cho tuyến xã; phát triển hệ dài hạn và thu hẹp dần hệ chuyên tu, hàm thụ; mở rộng hệ thống đào tạo bác sĩ cử tuyển cho vùng đồng bào dân tộc thiểu

số, đào tạo điều dưỡng, nữ hộ sinh trung học, y tá thôn bản...). Chủ trương đưa bác sĩ về công tác ở tuyến xã đã làm chuyển hướng mạnh mẽ việc đào tạo bác sĩ theo hướng cộng đồng. Chính nhờ sự đổi mới chính sách đào tạo mà ngày nay chúng ta có thể cung cấp tương đối đủ nhân lực y tế cho tất cả các tuyến, đặc biệt là tuyến huyện và tuyến xã. Vào thời kỳ những năm 80 của thế kỷ 20, mỗi huyện chỉ có hai, ba bác sĩ, nhiều huyện miền núi không có bác sĩ thì nay đa số các huyện đều có 10 bác sĩ trở lên (một số huyện có cả bác sĩ đã tốt nghiệp sau đại học), hơn 60% số xã đã có bác sĩ, hơn 80% số xã đã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh trung học, hơn 80% số thôn, bản có nhân viên hoặc y tá được đào tạo. Việc đào tạo sau đại học đã được đẩy mạnh với tất cả các loại hình đào tạo. Việc đưa các lớp chuyên khoa cấp I về địa phương có đủ điều kiện đào tạo đã vừa giúp cho học viên tại địa phương có điều kiện theo học để nâng tỷ lệ bác sĩ được đào tạo chuyên khoa của tuyến tỉnh, vừa tạo điều kiện chấn chỉnh các sai phạm về kỹ thuật của tuyến dưới thông qua hình thức “cầm tay chỉ việc” của đội ngũ giáo viên do các trường đại học cử về. Đội ngũ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ ngày càng tăng về số lượng và chất lượng so với những năm trước đổi mới. Trong 20 năm đổi mới, khoảng cách giữa nền y học nước ta với các nước tiên tiến trong khu vực đã dần dần được thu hẹp: Ba trung tâm y tế chuyên sâu ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và Huế đã trở thành những chỗ dựa về kỹ thuật và đào tạo cán bộ chuyên khoa cho các tuyến dưới. Những kỹ thuật mổ tim hở, nong mạch vành, ghép thận, mổ u não bằng “dao gamma”... đã không còn xa lạ đối với việc khám chữa bệnh. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học có giá trị đã được đưa vào thực tiễn hoạt động của ngành, đạt kết quả cao và đã được Nhà nước trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc giải thưởng Nhà nước như “cụm công trình chiết xuất artemesinin từ thanh hao hoa vàng để chữa sốt rét”, “cụm công trình nghiên cứu ghép tạng để áp dụng vào Việt Nam”... Thành công của việc khống chế dịch SARS đầu năm 2003 đã làm tăng uy tín của nền y học nước nhà trên trường quốc tế.

Đổi mới cơ chế đầu tư cho y tế: Bên cạnh việc Nhà nước tăng đầu tư cho y tế qua ngân sách từng năm, bảo hiểm y tế đã hình thành và từng bước được mở rộng diện bao phủ; giải pháp viện phí tuy là một “giải pháp tình thế” nhưng đã kịp thời tháo gỡ nhiều khó khăn cho việc chi tiêu phục vụ các dịch vụ y tế, nhất là hoạt động khám chữa bệnh tại các bệnh viện. Công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo sớm được quan tâm cụ thể thông qua tạo nguồn kinh phí cho hoạt động này. Thu phí phải đi kèm miễn phí (tức là thu viện phí ở người có khả năng chi trả cho việc khám chữa

bệnh theo yêu cầu để có thêm điều kiện hỗ trợ khám chữa bệnh cho người nghèo). Nhiều loại quỹ dành cho việc khám, chữa bệnh của người nghèo, các hoạt động nhân đạo từ thiện hình thành và phát triển cùng với nhiều chủ trương chính sách cụ thể của Nhà nước đã thể hiện tinh thần “tương thân tương ái” trong việc chia sẻ của cộng đồng đối với những người bệnh thuộc diện khó khăn về kinh tế, người bệnh ở vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống... Bên cạnh đó, chúng ta đã chủ động vay vốn của các quỹ tiền tệ quốc tế (Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á...) và một số chính phủ các nước, kết hợp với vận động viện trợ của chính phủ các nước và các tổ chức NGO quốc tế, số lượng ngân sách dành cho y tế ngày một tăng. Trong phân bổ ngân sách bên cạnh việc tính ngân sách theo đầu dân, Nhà nước đã đặt ra hệ số ưu tiên cho đồng bào sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Bên cạnh việc phân bổ tài chính theo lãnh thổ, Nhà nước còn đề ra các chương trình mục tiêu quốc gia do Bộ Y tế trực tiếp quản lý (như chương trình phòng chống sốt rét, phòng chống lao, phòng chống phong, phòng chống bướu cổ, phòng chống suy dinh dưỡng...) để tập trung nguồn lực cho một số công tác trọng điểm và vùng trọng điểm. Nhờ đổi mới trong đầu tư cho y tế, các cơ sở y tế đã dần dần được trang bị tốt hơn cả về cơ sở hạ tầng lẫn trang thiết bị và đào tạo cán bộ. Nhiều công nghệ cao đã được thực hiện chẳng những ở các thành phố lớn mà bước đầu ngay tại một số bệnh viện đa khoa trung tâm của một số tỉnh như chẩn đoán hình ảnh, sinh hóa - huyết học tự động, mổ nội soi, mổ sọ não...

Đẩy mạnh sản xuất, phân phối cung cấp thuốc. Trước khi bước vào đổi mới, nước ta trong tình cảnh khan hiếm thuốc nghiêm trọng. Thuốc giả và thuốc kém chất lượng tràn lan. Khi đổi mới, một chủ trương quan trọng của Đảng và Nhà nước là ban hành chính sách quốc gia về thuốc với hai mục tiêu: Bảo đảm cung ứng thường xuyên và đủ thuốc có chất lượng đến người dân.

Bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, có hiệu quả...

Với chủ trương này dần dần ngành công nghiệp dược trong nước và một mạng lưới lưu thông phân phối thuốc đã được hình thành và phát triển. Những chính sách mới trong sản xuất và kinh doanh thuốc lần lượt ra đời theo chủ trương này đã vừa làm cho thị trường thuốc dần dần ổn định và phát triển, vừa làm cho chất lượng thuốc ngày càng cao. Nhà nước có chính sách thuế khuyến khích sản xuất thuốc trong nước. Ngày nay chúng ta có 30% số xí nghiệp thuốc trong cả nước đạt tiêu chuẩn “thực hành sản xuất thuốc tốt” (GMP) của ASEAN và Tổ chức Y tế thế giới,

sản xuất thuốc trong nước đã đủ cung cấp cho 40% nhu cầu thuốc thiết yếu và bước đầu có một số mặt hàng thuốc xuất khẩu. Công nghiệp dược luôn luôn đạt tỷ trọng phát triển cao so với các ngành công nghiệp khác. Đã hình thành một mạng lưới phân phối thuốc, kể cả đến tận vùng sâu, vùng xa. Ngành y tế có trách nhiệm xây dựng và ban hành danh mục thuốc thiết yếu và Nhà nước có chính sách hỗ trợ giá thuốc để mọi người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa, miền núi đều được cung cấp đủ thuốc thiết yếu cho phòng bệnh và chữa bệnh. Công tác thanh tra và kiểm tra chất lượng thuốc được coi trọng và thường xuyên tiến hành trên mọi địa bàn, vì vậy đã góp phần ngăn chặn nạn thuốc giả và thuốc kém chất lượng. Gần đây chủ trương cổ phần hóa các xí nghiệp hóa - dược phẩm đã tạo ra sự chuyển biến tích cực mới trong sản xuất và lưu thông phân phối thuốc. Bên cạnh thuốc, việc sản xuất vắc-xin phòng bệnh cũng được quan tâm: năm trong sáu loại vắc-xin của chương trình tiêm chủng mở rộng đã được sản xuất trong nước, hiện nay chúng ta đã sản xuất thêm được nhiều loại vắc-xin mới đạt chất lượng cao (vắc-xin tả uống, vắc-xin viêm não Nhật Bản B, viêm gan B...). Coi trọng việc sản xuất trong nước, tự lực trong phân phối và lưu thông thuốc, vắc-xin và luôn đề cao chất lượng thuốc, vắc-xin là những bài học quý giá trong thời kỳ mở cửa và phát triển cơ chế thị trường của nền y tế nước nhà.

Chính nhờ những đổi mới như trên, phần lớn các chỉ tiêu tổng quát về sức khỏe của nhân dân ta đều vượt các nước có cùng mức thu nhập bình quân đầu người. Ngày nay tuổi thọ bình quân của nước ta đã đạt 71,3 tuổi, tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 50% (năm 1990) xuống còn 34% (năm 2000) và 24% (năm 2005), tỷ lệ chết của trẻ em dưới 5 tuổi trong 1.000 trẻ được đẻ ra từ 81 phần nghìn (năm 1990) xuống còn 41 phần nghìn (năm 2000). Những thành tựu này đã góp một phần quan trọng trong việc nâng chỉ số HDI của nước ta từ mức dưới trung bình (0,498 năm 1991) lên mức trung bình (0,688 năm 2002) và xếp thứ 109/173 nước, trong khi GDP bình quân đầu người của Việt Nam chỉ xếp thứ 128/173 nước. Năm 2004 với chỉ số 0,691, nước ta xếp thứ 112/177 nước được điều tra. Năm 2005, Việt Nam được lên 4 bậc, xếp thứ 108/177 nước được điều tra.

Nếu nhìn lại những năm khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới, chúng ta mới thấy hết những cố gắng to lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong việc vượt qua những thử thách để vừa giữ vững bản chất nhân đạo của một nền y tế, vừa khắc phục những khó khăn bất cập về chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế và tạo nguồn đầu tư cho y tế.

Trước mắt, nền y tế Việt Nam vẫn còn nhiều thử thách và cam go một khi sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, tệ nạn xã hội và tư tưởng chạy theo lợi nhuận có xu hướng gia tăng. Nhưng với sự quyết tâm của toàn Đảng và toàn dân trong việc xây dựng một xã hội “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”, chúng ta tin tưởng rằng nền y tế Việt Nam sẽ giữ vững bản chất nhân đạo và góp phần một cách xứng đáng trong việc trực tiếp tạo ra nguồn nhân lực cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Ở NƯỚC TA, DÂN CHỦ LÀ MỤC TIÊU, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

PGS, TS. TÔ HUY RÚA

Ủy viên T.Ư Đảng, Giám đốc

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay, các cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, mọi người dân được phép tự do kinh doanh theo pháp luật. Trong sinh hoạt tư tưởng, người dân được tự do thảo luận nhiều vấn đề và tham gia trực tiếp vào những vấn đề trọng đại của đất nước.

Trong lịch sử loài người, dân chủ vừa là chế độ xã hội, một vấn đề chính trị mang bản chất giai cấp; vừa là một trong những giá trị xã hội mang tính phổ biến, tính nhân loại to lớn. Chính nội hàm đa nghĩa, đa chiều này đã làm dân chủ trở thành vấn đề thời sự thu hút mối quan tâm to lớn cả về phương diện lý luận và thực tiễn. Quá trình phát triển của lịch sử chính trị nhân loại theo xu hướng tiến bộ cũng chính là quá trình phát triển của các nền dân chủ. Xã hội càng phát triển thì các nhu cầu về dân chủ và quyền con người càng trở thành đòi hỏi bức xúc. Nhìn từ phương diện đó, việc mở rộng và phát huy dân chủ ở nước ta hiện nay vừa là mục tiêu, nhưng cũng là động lực, là tiền đề, điều kiện quan trọng, góp phần giải quyết hàng loạt những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước.

Dân chủ, trước hết được xem xét với tư cách là một hình thức tổ chức nhà nước, là khái niệm dùng để chỉ tính chất của mối quan hệ giữa cộng đồng dân cư với nhà nước, theo đó cộng đồng là chủ thể gốc và có quyền năng áp đặt ý chí lên nhà nước. Khác với các hình thức khác của thiết chế nhà nước, trong thiết chế dân chủ, quyền của đa số, quyền bình đẳng của mọi công dân, tính tối cao của pháp luật được chính thức thừa nhận; những cơ quan quyền lực của nhà nước do dân bầu cử mà ra. Dân chủ được thực hiện thông qua hai hình thức cơ bản: dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp.

Dân chủ còn được hiểu là một giá trị xã hội. Các cuộc đấu tranh giành dân chủ đều dẫn đến khả năng giải phóng con người, nâng cao vị trí con người trong lịch sử,

hình thành và phát triển ở con người ý thức và năng lực làm chủ xã hội. Dân chủ với ý nghĩa đó được xác định như một lý tưởng nhân đạo, một giá trị nhân văn.

Dân chủ còn được xét với ý nghĩa là điều kiện để hình thành và phát triển một nhân cách toàn diện của các chủ thể chính trị. Đó là sự hình thành thái độ, tính tích cực chính trị, sự chủ động, nhu cầu và sự tự giác tham gia vào các quá trình chính trị thực tiễn. Đó là tinh thần trách nhiệm của cá nhân công dân trong cuộc đấu tranh nhằm loại bỏ những gì phản dân chủ đang tồn tại trong đời sống cộng đồng. Do vậy, dân chủ không chỉ là phạm trù chính trị mà còn là phạm trù đạo đức.

Khẳng định dân chủ là xu hướng khách quan của tiến bộ xã hội như thế cũng đồng thời đã khẳng định tính tất yếu của công cuộc xây dựng CNXH, vì mục tiêu của CNXH không gì khác hơn là giành dân chủ cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động, khẳng định quyền lực chính trị thuộc về nhân dân. Tiến lên CNXH là tiến tới một xã hội “nhân đạo hoàn bị”, một xã hội không còn tha hóa, áp bức, bóc lột, một cộng đồng người lao động tự do và sáng tạo. Do đó, việc “phải trình bày và nhấn mạnh những nhiệm vụ dân chủ chung trước toàn thể nhân dân và không lúc nào giấu giếm những niềm tin xã hội chủ nghĩa...; phải là người trước tiên đề cập, nêu bật và giải quyết mọi vấn đề dân chủ chung” được V.I.Lê-nin coi là một dấu hiệu quan trọng xem xét người ấy có phải là người cộng sản hay không.

Tư tưởng Hồ Chí Minh khẳng định mạnh mẽ chỉ có CNXH mới đem lại quyền làm chủ cho nhân dân lao động, đem lại sự giải phóng thực sự và hoàn toàn cho nhân dân, mới bảo đảm cho dân tộc thật sự có độc lập, tự do và con người hạnh phúc: “Mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì? Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động”.

Nhân dân Việt Nam chỉ thật sự làm chủ và phát huy quyền làm chủ của mình khi được tổ chức, tập hợp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, người đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Được Đảng lãnh đạo, được toàn thể nhân dân xây dựng và ủng hộ, Nhà nước ta đã không ngừng lớn mạnh và đang gánh vác sứ mệnh của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện rõ rệt bản chất tốt đẹp và tiến bộ của chế độ xã hội mới. Đó thật sự là một nhà nước dân chủ, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, bảo vệ và phục vụ lợi ích của nhân dân.

Trong quá trình đổi mới từ năm 1986 đến nay các cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, mọi người dân được phép tự do kinh doanh theo pháp luật. Trong sinh hoạt

tư tưởng, người dân được tự do thảo luận nhiều vấn đề; sự thảo luận và đối thoại trong Quốc hội thẳng thắn, công khai; nhân dân được tham gia trực tiếp vào những vấn đề trọng đại của đất nước. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật quan trọng đã được nhân dân tham gia góp ý kiến trước khi quyết định. Nhiều văn bản pháp quy được ban hành nhằm từng bước thực hiện dân chủ hóa kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa góp phần phát huy tính tích cực, chủ động của nhân dân trên cơ sở môi trường - tâm lý xã hội ngày càng dân chủ. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị được đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan dân cử, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp.

Kinh nghiệm cũng được rút ra là, trong quá trình mở rộng dân chủ phải luôn luôn đề phòng và chủ động ngăn chặn dân chủ hình thức, cũng như dân chủ cực đoan, xác định rõ dân chủ phải đi liền với tập trung, với kỷ luật, pháp luật, với ý thức trách nhiệm công dân. Một mặt phát huy dân chủ, mặt khác cần có sự lãnh đạo đúng đắn, lãnh đạo để ổn định chính trị - xã hội và phát huy dân chủ tốt hơn.

Hiện nay, các thế lực chống đối chủ nghĩa xã hội trong và ngoài nước đang lợi dụng vấn đề dân chủ như một diễn đàn trọng yếu trong chiến lược thay đổi chế độ chính trị ở nước ta, nhằm đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Các thế lực đó đem đối lập Đảng Cộng sản với dân chủ nhằm bài bác vai trò lãnh đạo của Đảng, nhân tố quyết định việc thực hiện quá trình dân chủ hóa. Có thể khẳng định rằng, đó là điều đi ngược lại quy luật vận động của lịch sử và nguyện vọng chính đáng của đông đảo quần chúng nhân dân lao động về quyền làm chủ của mình. Không phải cứ đa nguyên thì dân chủ, còn một đảng thì mất dân chủ. Vấn đề là ở chỗ đảng cầm quyền có thực sự cách mạng, có thực sự vì quyền lợi của nhân dân hay không.

Lê-nin đã từng vạch rõ, ngay ở giai đoạn phát triển nhất của dân chủ tư sản trong chế độ cộng hòa dân chủ, thì chế độ dân chủ ấy bao giờ cũng bị giới hạn trong khuôn khổ chật hẹp của sự bóc lột tư sản, và do đó, thực ra nó luôn chỉ là chế độ dân chủ đối với thiểu số mà thôi. Ngày nay, ở những nước tư bản phát triển nhất, hiện thực xã hội của nó vẫn đang tiếp tục phơi bày đầy rẫy những sự việc bất công và phi dân chủ. Từ Giáo hoàng Jean Paul II cho đến nhiều học giả tư sản đã công khai bày tỏ rằng, chủ nghĩa tư bản là không thể chấp nhận được dưới góc độ đạo đức và càng không thể là tương lai của nhân loại. Thực tế xã hội cho thấy, giữa quyền dân chủ tư sản được quy định bằng văn bản pháp luật và việc thực hiện trên thực tế luôn có khoảng cách rất xa. Gần đây nhất ở Mỹ, cơn bão Katrina đi qua khiến cho người dân

Mỹ kinh hoàng và giận dữ không phải vì độ tàn phá khủng khiếp của nó, họ đã thật sự khủng hoảng niềm tin khi mà những người da đen, những người nhập cư, những người lao động nghèo khổ đã bị chính quyền bỏ rơi trong thời khắc tuyệt vọng.

Với sự thẳng thắn và ý thức tự phê bình nghiêm túc, chúng ta thấy rằng việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay cũng có những khó khăn, hạn chế, thiếu sót. Chúng có những nguyên nhân cơ bản như:

- Một số tổ chức và cấp ủy đảng còn có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, quan liêu, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức, không chấp hành nghiêm nghị quyết, không thực hiện tốt việc phê bình và tự phê bình trong Đảng.

- Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước còn công kênh, nặng nề; hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và đồng bộ; thực hiện cải cách hành chính còn chậm trễ gây nhiều phiền hà cho nhân dân. Chưa quy định rõ ràng hợp lý chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của tổ chức bộ máy dẫn đến tình trạng vừa chồng chéo, vừa sơ hở, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau; một số bộ, ngành không thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được giao phó.

- Tổ chức các đoàn thể nhân dân nhìn chung khắc phục chưa tốt tình trạng hành chính hóa trong hoạt động dẫn đến không nắm chắc được tâm tư, nguyện vọng và vướng mắc của quần chúng để kịp thời giải quyết hoặc báo cáo với tổ chức đảng, chính quyền phối hợp giải quyết.

- Một bộ phận không nhỏ trong đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể còn bộc lộ nhiều bất cập, yếu kém so với yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới. Trong điều kiện kinh tế thị trường, một bộ phận không nhỏ cán bộ sa sút về phẩm chất chính trị, về đạo đức lối sống, lợi dụng chức quyền dẫn đến quan liêu, tham nhũng, sa vào chủ nghĩa cá nhân.

- Trình độ dân trí, năng lực nhận thức và thực hành dân chủ của quần chúng nhân dân trong những năm đổi mới, tuy đã được nâng lên một bước, nhưng vẫn còn nhiều biểu hiện non yếu. Sự hiểu biết về các quy định của pháp luật, về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm công dân, nhìn chung còn chưa đầy đủ, còn cảm tính, xuôi chiều. Tình trạng coi thường pháp luật, kỷ cương, kỷ luật, quy tắc sinh hoạt xã hội vẫn còn tiếp tục diễn ra.

Đứng trước tình hình đó, việc mở rộng và phát huy dân chủ XHCN, phát huy cao độ vai trò nhân tố con người trong sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta hiện nay đang là một nhiệm vụ to lớn đặt ra cho tất cả các cấp, các ngành. Trước mắt, để làm tốt được nhiệm vụ đó, theo chúng tôi cần phải nắm vững một số vấn đề có tính giải pháp sau đây:

Thứ nhất, phải luôn luôn quán triệt quan điểm dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển xã hội. Quyền lực chính trị của nhân dân không được bảo đảm sẽ dẫn tới tình trạng người dân thờ ơ, lãnh đạm đối với xã hội, suy giảm tính tích cực chính trị - đó chính là đầu mối làm suy giảm và đánh mất tiềm năng sáng tạo, mất động lực để phát triển. Khi dân chủ được bảo đảm, con người và các quan hệ xã hội sẽ trở nên cởi mở và năng động hơn. Nguồn lực của mọi nguồn lực, động lực của mọi động lực, động lực sâu xa cho mọi sự phát triển chính là nhân tố con người.

Thứ hai, phải thực hiện dân chủ trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và các đoàn thể xã hội; đồng thời không ngừng nâng cao hiệu quả vận hành của cả hệ thống chính trị.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ, chịu sự giám sát của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng đảng, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Người đảng viên cộng sản là người có tôn chỉ mục đích trung thành và hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy, trong quá trình dân chủ hóa, trước hết phải tiến hành dân chủ hóa trong Đảng, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, phê bình và tự phê bình. Các tổ chức Đảng, cũng như từng đảng viên, đều phải hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Nếu trong nội bộ đảng không có dân chủ thì không thể nói đến dân chủ ngoài xã hội. Phải thực hiện dân chủ hóa và xóa bỏ bệnh hình thức ngay từ khâu bầu cử các cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể xã hội.

Trong hệ thống chính trị, Đảng là lực lượng duy nhất lãnh đạo. Muốn tránh nguy cơ độc đoán chuyên quyền - những biểu hiện thường thấy của mất dân chủ - thì đảng phải luôn đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị, mà trong đó cơ bản nhất là đối với nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, thật sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, hoạt động theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng, thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo của Đảng tạo điều kiện phối hợp và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, giúp Nhà nước hoàn thành thuận lợi mọi nhiệm vụ của mình.

Mặt trận và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng có vai trò to lớn khi các quan hệ xã hội dân sự ngày càng phát triển. Do vậy, Đảng phải lãnh đạo để định hướng Mặt trận và các đoàn thể thực hiện các mục tiêu xã hội chủ nghĩa, gắn

bó với quyền lợi của dân tộc, giai cấp và các hội viên, đoàn viên; đồng thời tôn trọng và khuyến khích tính năng động và tự chủ của các đoàn thể và tổ chức xã hội.

Hoạt động của các thành viên trong hệ thống chính trị có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng cùng nhau tạo ra một sức mạnh tổng hợp để nhằm đạt mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, khẳng định trên thực tế quyền lực chính trị thật sự thuộc về nhân dân lao động.

Thứ ba, phải bảo đảm các thể chế dân chủ được chế định bằng nguyên tắc, luật pháp và các chuẩn mực văn hóa đạo đức. Đối với xã hội, một mặt, pháp luật ghi nhận và thể chế hóa quyền con người, quyền công dân và bảo đảm về mặt pháp lý cho các quyền đó được thực hiện; mặt khác, pháp luật trở thành phương tiện để các thành viên của xã hội có điều kiện bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình...

Việc thực hiện dân chủ điều quan trọng là phải hoàn thiện các chế định dân chủ để buộc các chủ thể cầm quyền dù muốn hay không cũng phải tuân theo. Nếu không có thể chế để qua đó nhân dân kiểm soát được quyền lực thì tất yếu sẽ dẫn đến xu hướng lạm quyền. Về dân chủ trực tiếp việc ban hành Quy chế dân chủ ở các loại hình cơ sở theo Chỉ thị số 30/CT-TW ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị và Nghị định số 29/1998/NĐ-CP ngày 11-5-1998 của Chính phủ vừa qua là một hướng đi đúng đắn và đã đạt được những thành tựu nhất định. Về dân chủ đại diện thì phải thông qua các chủ thể quyền lực trong hệ thống chính trị, thông qua cấp ủy đảng, đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, thông qua những người lãnh đạo các đoàn thể nhân dân, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng... Các quan hệ dân chủ ấy cần được định chế bằng luật pháp và chuẩn mực xã hội. Pháp luật không thể quy định trách nhiệm chung chung và người dân thì không biết đại diện của mình là ai. Phải xây dựng các thể chế để bảo đảm năng lực của sự đại diện, hiệu quả của sự đại diện, từ khâu tổ chức hoạt động của các cơ quan đại diện đến vị trí, vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của những người đại diện. Phải làm cho chế định bầu cử thật sự tự do, công khai, dân lựa chọn, dân biết đầy đủ quá trình bầu cử, dân kiểm tra kết quả bỏ phiếu... Và như vậy việc thực hiện dân chủ còn có quan hệ trực tiếp với việc đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, vì nó được thực hiện bằng hệ thống chính trị.

Thứ tư, phải bảo đảm tính toàn diện trong quá trình mở rộng và phát huy dân chủ. Quá trình dân chủ hóa phải được triển khai trên tất cả các lĩnh vực của đời sống từ kinh tế, chính trị, văn hóa tinh thần liên quan đến đời sống của mỗi cá nhân, đời sống của cộng đồng; từ tư tưởng hành động của con người đến các thiết chế xã hội.

Về kinh tế, cái cốt lõi là bảo đảm lợi ích kinh tế của người lao động. Những lợi

ích đó phải được thể chế hóa trong các quyền công dân: sở hữu, quản lý, phân phối làm cho người lao động làm chủ thực sự về tư liệu sản xuất, tạo động lực phát triển sản xuất kinh doanh là cơ sở để thực hiện lợi ích và tiến bộ xã hội.

Về chính trị, phải bảo đảm cho nhân dân có quyền tham gia vào các hoạt động quản lý điều hành của nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội một cách trực tiếp và thông qua các đại diện ưu tú do mình lựa chọn. Phải bảo đảm quyền dân chủ trong ứng cử, bầu cử, trong thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng các dự án luật; trong sinh hoạt dân chủ ở các cơ quan dân cử, các đoàn thể xã hội...

Về văn hóa, tinh thần, phải tạo cho các tầng lớp nhân dân có quyền tự do hưởng thụ thành tựu văn hóa tiến bộ và tự do tư tưởng. Nhà nước bảo đảm cho công dân quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng, tự do sáng tạo, quyền thảo luận và biểu quyết những vấn đề quan trọng trong việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần xã hội...

Thứ năm, phải đẩy mạnh dân chủ ở cơ sở. Việc bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở và từ cơ sở là vấn đề rất quan trọng. Cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, là nơi sinh sống, lao động sản xuất, công tác, nơi diễn ra tiếp xúc và mối quan hệ nhiều mặt giữa các tầng lớp nhân dân với đảng bộ chính quyền, công chức điều hành xử lý công việc thường ngày... Do vậy, cần phải xây dựng chế độ dân chủ bắt đầu từ cơ sở, từ nền tảng của hành chính với sự tham gia thật sự của quần chúng vào tất cả đời sống của nhà nước.

Qua một thời gian thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chúng ta đã thấy rõ được những hiệu quả thiết thực. Quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm trên thực tế ở những lĩnh vực cần thiết. Nhiều vụ việc ở cơ sở được nhân dân đấu tranh làm sáng rõ; cán bộ, đảng viên được theo dõi, nhắc nhở, do đó đã hạn chế đáng kể các hành vi tiêu cực. Hệ thống chính trị ở cơ sở nhiều nơi được củng cố; nhân dân phấn khởi, kinh tế - xã hội phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, quốc phòng an ninh được giữ vững. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng, đòi hỏi phải thường xuyên nghiên cứu và tổng kết các mô hình thực tiễn để đổi mới và vận dụng sáng tạo các hình thức, biện pháp tổ chức thực hiện nhằm đưa Quy chế dân chủ ở cơ sở đi vào cuộc sống một cách vững chắc.

Thứ sáu, phải không ngừng nâng văn hóa chính trị, văn hóa dân chủ và năng lực thực hành dân chủ của quần chúng nhân dân lao động.

Mọi quyền lực thuộc về nhân dân, phải do nhân dân tự tay mình thực hiện, đó là nguyên lý và nội dung của nền dân chủ XHCN. Nền dân chủ đó vì vậy, sẽ phụ thuộc vào nền tảng xã hội sâu, ý thức chính trị của nhân dân và khả năng của nhân

dân tham gia vào đời sống chính trị của đất nước. Các yếu tố bảo đảm đó chỉ có thể trở thành hiện thực khi mà trình độ văn hóa chính trị của nhân dân đạt được ở những mức độ nhất định và ngày càng được nâng cao.

Thực tế là, chỉ khi nào người dân tự giác nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình, tự giác tham gia công việc nhà nước, công việc xã hội, hoạt động với tư cách là người chủ lúc đó mới có điều kiện thực hiện dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra một nguyên tắc hoạt động chính trị: “Phải đưa chính trị vào giữa dân gian”. Không có tri thức người dân sẽ không bảo vệ được lợi ích của mình, sẽ hành động một cách tự phát và sẽ bị mất phương hướng trong đời sống chính trị, lúc đó dân chủ chỉ còn là một thứ dân chủ hình thức.

Thứ bảy, trong xã hội hiện đại cần phát huy vai trò là cầu nối thông tin giữa dân với Đảng của truyền thông đại chúng để làm cơ sở cho các cuộc tranh luận, thảo luận, trưng cầu ý kiến qua đó nâng cao văn hóa dân chủ trong xã hội. Đây là một kênh quan trọng để hình thành dư luận xã hội nhằm thực hiện chức năng góp phần mở rộng dân chủ XHCN. Truyền thông đại chúng cũng là diễn đàn, nơi dân chúng diễn đạt ý kiến của mình, nơi nhân dân gửi đơn thư, khiếu nại trước khi các cơ quan chức năng vào cuộc.

Tóm lại, ở nước ta trong giai đoạn hiện nay việc mở rộng và phát huy dân chủ là mục tiêu và động lực phát triển. Hơn lúc nào hết chúng ta phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, phải “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình”. Do vậy, “thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn”.

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

GS. VŨ ĐÌNH CỰ

Trong quá trình đổi mới gần 20 năm qua (1986 - 2005), nền kinh tế nước ta tăng trưởng liên tục ở mức khá cao. Đó là do đường lối và các chính sách đúng đắn của Đảng lãnh đạo với sự nỗ lực phấn đấu sáng tạo của toàn thể nhân dân, trong đó có đội ngũ khoa học, công nghệ.

Dưới đây, trong phạm vi một bài viết, trình bày một số nét chủ yếu của sự phát triển khoa học, công nghệ (KH-CN) (bao gồm khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ), một bộ phận quan trọng của lực lượng sản xuất, góp phần phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng XHCN. Sự phát triển các ngành khoa học xã hội và nhân văn... trong đổi mới được đề cập đầy đủ và sâu sắc trong các bài viết khác.

Chính sách phát triển KH-CN trong thời kỳ CNH, HĐH

Mở đầu thời kỳ đổi mới, nhận thức rằng “những bước tiến kỳ diệu và những thành tựu to lớn của khoa học và công nghệ tác động sâu sắc đến sự phát triển của xã hội loài người” (26-NQ/T.Ư), năm 1991, Đảng ta đã có Nghị quyết số 26- NQ/T.Ư của Bộ Chính trị về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới. Trong nghị quyết này đã nêu rõ: những mặt tích cực và các yếu kém của KH-CN nước ta; những nhiệm vụ quan trọng của KH-CN nước ta trong sự nghiệp đổi mới; những biện pháp chủ yếu để đẩy mạnh phát triển KH-CN; đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cải tiến sự quản lý của Nhà nước đối với KH-CN.

Đến kỳ họp thứ hai của Trung ương Đảng khóa VIII (tháng 12-1996), sau khi đã rõ hơn nhiều vấn đề của quá trình đổi mới và nhất là những kinh nghiệm thực tiễn về kết quả thực hiện Nghị quyết 26-NQ/T.Ư trong đổi mới, đã ra Nghị quyết về “Định hướng chiến lược phát triển khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000” (sau này viết tắt là NQT.Ư 2).

NQT.Ư 2 có ý nghĩa to lớn cho sự phát triển KH-CN nước ta trong giai đoạn lịch sử đặc biệt của đổi mới; phù hợp tính chất của thời đại. Trong nghị quyết nêu rõ phải sớm có luật pháp về khoa học và công nghệ để kịp thể chế hóa mọi mặt hoạt động KH-CN, phải nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý KH-CN phù hợp cơ chế thị

trường định hướng XHCN, phải đầu tư thỏa đáng, bước đầu tối thiểu 2% chi ngân sách, cho KHCN, v.v...

Đến Hội nghị Trung ương VI (khóa IX), trong báo cáo kiểm điểm việc thực hiện NQT.Ư 2, đã đánh giá tương đối toàn diện các thành tựu và khuyết điểm thực hiện nghị quyết này, và nêu ra những nhiệm vụ cho giai đoạn tới của KHCN.

Có thể thấy trong suốt quá trình CNH, HĐH các đồng chí lãnh đạo T.Ư Đảng có mối quan tâm đặc biệt đối với KHCN để phát triển kinh tế, xã hội. Đội ngũ KHCN đã nhận thức ngày càng rõ về vai trò, vị trí và nhiệm vụ của mình.

Những đổi mới bước đầu

Để thực hiện các chính sách đổi mới cho KHCN, việc đầu tiên phải là chuyển đổi công tác quản lý KHCN từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng XHCN.

Nền khoa học nước ta vốn được xây dựng theo cơ chế kế hoạch hóa và bao cấp, theo kiểu như của Liên Xô (trước đây). Cụ thể là chỉ có các tổ chức KHCN của Nhà nước, được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí hằng năm theo kế hoạch. Những nhiệm vụ nghiên cứu cũng được ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao. Những kết quả nghiên cứu có giá trị về lý thuyết thì được công bố trên các tạp chí khoa học, các thành tựu công nghệ được chuyển cho cơ quan kế hoạch xem xét để đưa vào sản xuất. Tóm lại là giữa nghiên cứu và sản xuất không có mối quan hệ trực tiếp, mà phải thông qua cơ quan kế hoạch.

Như vậy, việc đầu tiên của đổi mới là phải xây dựng mối quan hệ trực tiếp giữa tổ chức KHCN và doanh nghiệp. Tuy nhiên cả ba “nhà” đều rất lúng túng; “nhà” khoa học, công nghệ không biết “tiếp thị” kết quả nghiên cứu của mình; “nhà” sản xuất không biết mua công nghệ và thiết bị trực tiếp từ các nhà khoa học như thế nào, thuê và thanh quyết toán ra sao; các “nhà” quản lý không có quy chế làm việc về sự môi giới.

Sau một thời gian ngắn, Nhà nước ta với sự đồng thuận của đội ngũ KHCN đã đi đến hình thức quản lý phù hợp thực tế, đa dạng và có hiệu quả hơn.

Chính phủ sử dụng một hội đồng tư vấn quốc gia, thành lập trong kế hoạch năm năm khoảng mười chương trình trọng điểm cấp nhà nước, bao gồm các nhiệm vụ KHCN rất cần thiết cho kinh tế - xã hội trước mắt và trong thời gian gần. Các nhiệm vụ này được thực hiện bằng các đề tài và được ngân sách cấp một phần hay toàn bộ kinh phí qua một hợp đồng tuyển chọn (hình thức đấu thầu theo Luật Khoa học và Công nghệ). Các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản cũng được ngân sách cấp kinh phí sau một sự thẩm định chặt chẽ.

Các bộ, ngành và địa phương (tỉnh, thành phố) cũng có ngân sách để đặt hàng nghiên cứu cho các nhà khoa học về các nhiệm vụ cần thiết cho sản xuất ở đơn vị mình.

Ngoài đơn đặt hàng của Nhà nước, các tổ chức KHCN còn ký hợp đồng nghiên cứu với các doanh nghiệp và hình thức này ngày càng phát triển.

Nhà nước còn khuyến khích các nhà khoa học thành lập các tổ chức KHCN hoạt động tự chủ không phụ thuộc bao cấp của Nhà nước. Từ khi bắt đầu đổi mới, chỉ có khoảng 100 tổ chức KHCN của Nhà nước. Đến cuối năm 2004, cả nước có 1.220 tổ chức KHCN, trong đó 684 thuộc khu vực Nhà nước và 536 thuộc tập thể và tư nhân. Đây là một xu thế rất hợp lý và rất đúng hướng của cơ chế kinh tế.

NQT.Ư 2 cũng khuyến khích hội nhập quốc tế với các hình thức hợp tác quốc tế đa dạng. Qua đây, chúng ta có điều kiện tốt để học hỏi các công nghệ mới và đào tạo cán bộ.

Các điểm trình bày trên đây chưa kể được hết những hình thức rất năng động của đội ngũ KHCN. Vì khó khăn, nên có một số ít chuyên nghề, nhưng đại đa số trong đội ngũ khoa học, công nghệ nước ta đều rất tự hào và say mê với nhiệm vụ.

Với các chính sách đổi mới cụ thể trên đây nền KHCN nước ta đã nhanh chóng vượt qua trì trệ, tiếp tục phát triển và có những đóng góp xứng đáng phục vụ thắng lợi quá trình đổi mới. Một số thành tựu quan trọng sẽ trình bày dưới đây.

Tiếp thụ và làm chủ công nghệ tiên tiến

a) Khi bắt đầu quá trình đổi mới, nền kinh tế nước ta còn lạc hậu, trình độ công nghệ còn khá thấp. Bởi vậy, tiến hành CNH, HĐH trong điều kiện đó phải: “Lấy ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính. Tạo được khả năng lựa chọn, thích nghi và làm chủ các công nghệ nhập; đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến nhất, trước hết ở những ngành, những lĩnh vực có tác động chi phối nền kinh tế quốc dân, những ngành có giá trị gia tăng cao...” (NQT.Ư 2). Lúc đó chúng ta ở trong tình thế là lĩnh vực nào cũng cần phát triển nhanh, nhưng ai cũng thấy rằng lương thực là quan trọng hàng đầu. Khoán 10 đã mở đầu cho sự giải phóng sức sản xuất trong nông nghiệp và tiếp theo là các bước tiếp tục đổi mới công nghệ. Các nhà khoa học nông nghiệp (bao gồm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi) kết hợp chặt chẽ với nông dân, đã đạt những thành tựu xuất sắc trong việc ứng dụng và phát triển công nghệ các giống cây trồng, vật nuôi với năng suất và chất lượng cao, kỹ thuật canh tác tiên tiến với hệ thống thủy lợi khá phát triển, công nghệ sau thu hoạch và chế biến có bước tiến rõ rệt... Một số công nghệ rất hiện đại của sinh học phân tử,

như công nghệ tế bào, công nghệ tái tổ hợp gen, v.v... cũng đã bắt đầu được nghiên cứu ứng dụng. Đến nay nhìn lại, kết quả thật là to lớn. Từ một nước phải nhập lương thực, chúng ta trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới (năm 2005 này có thể xuất khẩu hơn 4,5 triệu tấn gạo) với năng suất khá cao, hiện nay đạt trung bình 4,86 tấn/ha. Năm 2004 đã đạt 39,3 triệu tấn lương thực gần với ngưỡng an ninh lương thực (500 kg/người/năm). Trong báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội vừa qua, đã nhấn mạnh: ứng dụng khoa học, công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp có đóng góp rất rõ vào tăng trưởng (báo Nhân Dân ngày 15-10). Đó cũng là lời khen ngợi tính sáng tạo của nông dân nước ta và đặc biệt là sự đánh giá cao 15 công trình được Giải thưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực nông nghiệp được xét trong ba đợt vừa qua (1996, 2000, 2005), những công trình khoa học, công nghệ đã góp phần mang lại niềm tự hào của đất nước đã chiến thắng giặc đói.

b). Cùng với vấn đề lương thực việc phục hồi và phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, bao gồm năng lượng, xây dựng và giao thông, thông tin liên lạc, cũng là nhiệm vụ hàng đầu. Khoa học, công nghệ phải ra sức tiếp thụ và phát triển hàng loạt công nghệ tiên tiến mà chúng ta đã bị tụt hậu nhiều thập kỷ.

Năng lượng điện, than, dầu khí đều có bước tiến vọt về công nghệ trong 20 năm qua. Thủy điện, nhiệt điện than và nhiệt điện khí đã phát triển mạnh, từ mức lúc bắt đầu CNH, HĐH chỉ khoảng 100 kwh/người/năm, đến nay đã đạt 600 kwh/người/năm với tổng sản lượng điện hơn 46 tỷ kwh trong năm 2004. Công nghệ tiên tiến tua-bin khí chu trình hỗn hợp ở các nhà máy điện Phú Mỹ, công nghệ đập bê-tông trọng lực cho thủy điện Sơn La sắp tới, cùng với mạng hệ thống điện toàn quốc, v.v. là những bước tiến công nghệ khó hình dung nổi trước đây. Ngành khai thác than nhảy vọt từ 5,7 triệu tấn (1994) đến 26,3 triệu tấn (2004) nhờ đổi mới quản lý và ứng dụng hàng loạt công nghệ tiên tiến; tỷ lệ cơ giới hóa trong khai thác hầm lò, trong vòng sáu năm gần đây đã tăng nhanh từ 10% lên 80%. Ngành dầu khí nước ta ra đời cùng với CNH, HĐH, nên có điều kiện ứng dụng ngay các công nghệ tiên tiến trong tìm kiếm, thăm dò, phân tích và tổng hợp số liệu địa chất - địa vật lý, công nghệ khoan ngang, bơm ép nước duy trì áp suất vỉa... làm cho sản lượng dầu khí liên tục tăng: năm 2004 đạt 26,7 triệu tấn (trong đó dầu thô đạt 20,1 triệu tấn). Với sản lượng như trên và còn tiếp tục tăng nữa, người ta bàn đến việc xếp nước ta là một nước dầu khí. Để vượt qua thách thức năng lượng toàn cầu trong thời gian tới, chúng ta cũng đang nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm một số loại năng lượng tái tạo có triển vọng và tính toán cả việc làm nhà máy điện hạt nhân.

c) Ngành xây dựng và giao thông đã tiếp thụ và phát triển hàng loạt công nghệ

tiên tiến phục vụ việc nhanh chóng xây dựng lại đất nước đang hoàng, to đẹp hơn, với hệ thống cầu, đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và sự tăng trưởng nhanh của nền kinh tế.

Trong xây dựng, những công nghệ tiên tiến như: Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp (gạch ceramic, granit...), công nghệ thiết kế và thi công nhà cao tầng, cấu kiện bê-tông ứng suất trước trong các dàn không gian có nhịp lớn, kết cấu kim loại khẩu độ lớn, công nghệ khoan đường hầm lớn (đèo Hải Vân), v.v. đã đạt trình độ hiện đại quốc tế và đưa vào ứng dụng rộng rãi. Trong giao thông vận tải, những công nghệ tiên tiến như: Công nghệ thiết kế và thi công cầu dây văng nhịp lớn, công nghệ đúc hẫng cầu bê-tông, công nghệ thiết kế và thi công mặt đường ô-tô cao cấp và đường băng sân bay ít mối nối, công nghệ chống sụt trượt đường miền núi, hệ thống công nghệ thiết kế tự động và đóng tàu biển các loại (tàu chở dầu thô, tàu công-ten-nơ, tàu trọng tải lớn tới 53.000 DWT...), công nghệ thông tin mạng toàn cầu bảo đảm cho toàn ngành hàng không dân dụng điều hành, kiểm tra và thực hiện mọi loại dịch vụ hàng không, v.v. đã sớm được tiếp thụ, phát triển và ứng dụng có hiệu quả.

Để phục vụ xây dựng và giao thông việc sản xuất những vật liệu cơ bản như sắt - thép, xi-măng, gạch... dựa trên công nghệ tiên tiến đã phát triển mạnh. Năm 2004, đã sản xuất 25,3 triệu tấn xi-măng và 2,9 triệu tấn thép cán...

d) Trong quá trình CNH, HĐH trước kia chúng ta thường phải nhập khẩu thiết bị toàn bộ cho một công trình (thí dụ một nhà máy nhiệt điện khí) hoặc nhiều thiết bị lẻ để lắp thành dây chuyền, v.v. Đó là những sản phẩm của ngành chế tạo máy (bao gồm cả máy cái), cơ - điện tử và cơ khí - tự động hóa...

Để giảm nhập siêu, chúng ta phải từng bước tự chế tạo lấy thiết bị dùng trong nước và xuất khẩu. Song, để chế tạo được các loại thiết bị này, ngoài công nghệ cơ khí thông thường chúng ta phải làm chủ được công nghệ thông tin áp dụng cho lĩnh vực điều khiển tự động các cơ cấu hoạt động phức tạp. Những chuyên gia KHCN nước ta trong lĩnh vực chế tạo máy đã nhanh chóng tiếp thụ công nghệ thiết kế nhờ máy tính điện tử (CAD), công nghệ chế tác tự động nhờ máy tính điện tử (CAM), công nghệ điều khiển số bằng máy tính điện tử (CNC). Kết quả là ở nước ta đã hình thành các ngành chế tạo máy cơ - điện tử, cơ khí - tự động hóa... sản xuất các thiết bị tự động hoặc nhà máy tự động hóa toàn phần với chất lượng tương đương hàng nhập khẩu mà giá thành thường thấp hơn 30%, việc bảo hành rất thuận lợi. Vừa qua, đã có

hai công trình trong lĩnh vực chế tạo thiết bị được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh (2005), với sự đánh giá cao ý nghĩa tạo ra các ngành sản xuất hiện đại có giá trị gia tăng lớn.

e) Kết cấu hạ tầng thông tin liên lạc ngày nay đều được các quốc gia coi là có tầm quan trọng bậc nhất vì nó quyết định sự phát triển của xã hội và tạo ra của cải nhiều nhất cho nền kinh tế. Ngành công nghệ chủ yếu của hạ tầng thông tin liên lạc được gọi chung là công nghệ thông tin - truyền thông (CNTT-TT hoặc viết tắt tiếng Anh là ICT) và đây là ngành công nghệ cao dẫn đầu của KHCN ngày nay. ICT bao gồm công nghệ cả phần cứng và phần mềm của hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ, truyền tải thông tin trên cơ sở các thiết bị điện tử và vi điện tử, mà chủ yếu là máy tính điện tử, nối mạng bằng sóng vô tuyến hoặc tia la-de cáp quang hoặc qua vệ tinh trong một phạm vi xác định của không gian hoặc mở rộng toàn cầu. Bắt đầu quá trình CNH, HDH, những chuyên gia ngành ICT của nước ta đã lựa chọn phương án đi thẳng vào công nghệ cao, tức là công nghệ số hóa - la-de - cáp quang - vệ tinh cho truyền tải thông tin và công nghệ mạng máy tính (điện tử), in-tơ-nét cho các ứng dụng vào các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác.

Việc phát triển mạnh ICT kết hợp việc nhanh chóng đào tạo hàng nghìn chuyên gia trẻ cho lĩnh vực này đã làm cho nước ta bước đầu tiếp cận với xã hội thông tin, số hóa của nền kinh tế tri thức. Nhân dân ta đang sử dụng trên ba triệu máy vi tính cho sản xuất và các hoạt động xã hội khác. Nước ta đạt tỷ lệ 17 máy điện thoại/100 dân vào năm 2005 này (trước đổi mới, chỉ có 0,1 máy điện thoại/100 dân, tức là tăng 170 lần); tám triệu dân đang dùng in-tơ-nét (khoảng 10% số dân); đã bước sang giai đoạn máy thu hình số hóa và hàng chục báo điện tử; Nhà nước đang tích cực xây dựng nền hành chính điện tử...

Thành tựu và hiệu quả

Những thành tựu ứng dụng công nghệ tiên tiến, trình bày trên đây, chỉ là những nét chấm phá của bức tranh toàn cảnh KHCN nước ta phát triển trong 20 năm qua.

Đó là cố gắng chung của đội ngũ KHCN và của công nhân, nông dân với nhiều sáng kiến có giá trị, làm cho lực lượng sản xuất phát triển mạnh, góp phần tăng trưởng nhanh và liên tục của nền kinh tế nước ta.

Đồng thời, chúng ta cũng thấy rõ rằng KHCN nước ta vẫn còn nhiều yếu kém, chưa tiếp cận được với nhiều công nghệ cao nên sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Cũng có ý kiến phê phán rằng: Đề tài được nghiệm thu xuất sắc rồi cất đi, không đưa được vào sản xuất. Đúng là có tình trạng đó, nhưng không phải là tất cả.

Đầu tư cho KHCN là một loại đầu tư rủi ro cao. Khi đã thành công và được đưa ngay vào sản xuất thì hiệu quả cực lớn. Thí dụ, cách đây khoảng mười năm sản xuất hạt điều sa sút nghiêm trọng vì giống kém và kỹ thuật canh tác sai. KHCN vào cuộc, giải quyết vấn đề giống và kỹ thuật canh tác thành công, đã dẫn tới kết quả là sản xuất hạt điều nước ta, hai ba năm gần đây đứng đầu thế giới về sản lượng điều và kim ngạch xuất khẩu năm 2004 là 415 triệu USD. Đề tài nghiên cứu tự động hóa thiết kế tàu thủy và cắt, hàn tấm lớn tự động điều khiển nhờ máy tính thành công, đã mở ra hẳn một ngành chế tạo tàu biển cỡ lớn. Có những đề tài đã thành công khi nghiệm thu, nhưng triển khai và hoàn thiện công nghệ thì gặp khó khăn và chưa thành công ngay được.

Theo kinh nghiệm các nước công nghiệp phát triển, chỉ cần khoảng 1/3 số đề tài nghiên cứu thành công và đưa được vào sản xuất thì đã quá tốt đẹp.

Chúng ta có các đề tài nghiên cứu phần lớn đều không phải bắt đầu từ đầu, nên phải phấn đấu đạt tỷ lệ thành công và được đưa vào sản xuất ngày càng cao hơn.

Hiệu quả hoạt động KHCN luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước rất quan tâm và đội ngũ KHCN trần trối. Hiệu quả KHCN chưa cao phần lớn là do quản lý chưa đúng. Vì vậy, trong những năm qua đã có nhiều chính sách mới về quản lý KHCN được đưa vào thực hiện: Xây dựng thị trường khoa học và công nghệ; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KHCN nhà nước; hình thức doanh nghiệp KHCN; chợ công nghệ và thiết bị, v.v. Những chính sách này được đội ngũ KHCN hoan nghênh và chắc chắn rằng đã và sẽ nâng cao hơn hiệu quả hoạt động KHCN.

Trong báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội vừa qua, đã có nhận định: “Đóng góp vào tăng trưởng gồm các yếu tố về vốn, lao động và tiến bộ khoa học công nghệ, trong đó đóng góp của khoa học công nghệ vào tăng trưởng trong thời gian qua là rất rõ...” (báo Nhân Dân ngày 15-10).

Có cơ sở để tin tưởng rằng hiệu quả của KHCN trong thời gian tới sẽ càng rõ hơn nữa. Trong công cuộc đổi mới đất nước KHCN nước ta đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, và có bước phát triển lớn mạnh để đáp ứng tốt hơn sự nghiệp đẩy mạnh CNH, HĐH.

CHĂM LO CHO CON NGƯỜI LÀ MỤC ĐÍCH CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

GS, VS. PHẠM MINH HẠC

Đại hội VI của Đảng (1986) là đại hội đầu tiên đặt ra nhiệm vụ khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH, và định ra luận điểm hết sức coi trọng “yếu tố con người”; gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, lấy sự tôn trọng con người, quan tâm đến con người là tiêu chuẩn đạo đức thiết yếu, chú ý đến các đối tượng chính sách thiệt thòi.

Xuất phát từ thực trạng đất nước, trên cơ sở suy ngẫm nghiên cứu lý luận nói chung, trong đó có lý luận về con người và vai trò của nhân tố con người nói riêng, Đảng và Nhà nước ta đã đổi mới một cách sâu sắc quan niệm về CNXH, về con đường xây dựng CNXH, về sự phát triển xã hội và về con người. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh “công việc đầu tiên là công việc với con người”, Đại hội VI của Đảng (1986) là đại hội đầu tiên đặt ra nhiệm vụ khắc phục thái độ coi nhẹ chính sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH, và định ra luận điểm có ý nghĩa to lớn đối với vận mệnh của đất nước và nhân dân ta là hết sức coi trọng “yếu tố con người”, phát huy yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; gắn phát triển kinh tế với phát triển xã hội, lấy việc chăm lo con người làm mục đích của CNXH, lấy sự tôn trọng con người, quan tâm đến con người là tiêu chuẩn đạo đức thiết yếu, chú ý đến các đối tượng chính sách thiệt thòi.

Cương lĩnh mới của Đảng thông qua tại Đại hội VII (1991) đã khẳng định trong xã hội XHCN, con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Trên đường phấn đấu tiến tới xã hội đó, trong 20 năm đổi mới, chúng ta coi đầu tư vào con người là đầu tư phát triển cho hiện tại và cho tương lai, thực hiện lòng mong ước của Bác Hồ và cũng là mong ước của nhân dân: “Ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nhân lực, con người ngày càng được hưởng nhiều hơn

những quyền cơ bản, nhất là quyền sống tự do và hạnh phúc. Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 khẳng định: Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người; lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội, coi nguồn lực con người là điều kiện quan trọng bậc nhất để công nghiệp hóa theo hướng hiện đại. Đây cũng là quan điểm tiên bộ của loài người ở thời đại ngày nay. Đại hội VIII (1996) tiếp tục đường lối đổi mới bắt đầu từ Đại hội VI, triển khai nhận thức lý luận về con người vào các chính sách cụ thể, nhất là chính sách giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ như là quốc sách hàng đầu.

Đại hội IX của Đảng (2001) đã khẳng định tinh thần phải phát huy mạnh nhân tố con người, và xác định rõ thêm sự phát triển nguồn nhân lực, phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là những khâu đột phá trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực tiễn 20 năm đổi mới là một bước phát triển lớn, một lần nữa khẳng định quan niệm của Đảng ta về con người không phải là con người chung chung, phi giai cấp, phi dân tộc, mà là những người lao động, là quần chúng nhân dân, là chủ thể cụ thể của lịch sử. “Chữ người, nghĩa hẹp là gia đình, anh em, họ hàng, bầu bạn. Nghĩa rộng là đồng bào cả nước. Rộng nữa là cả loài người”⁽¹⁾. Đảng ta đặt sứ mệnh giải phóng con người trong sứ mệnh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, trong đó giải phóng con người là mục tiêu cao nhất. Vấn đề dân tộc, giai cấp và vấn đề con người ở đây gắn bó hữu cơ với nhau. Con người chỉ được giải phóng khi dân tộc, giai cấp được giải phóng. Không có độc lập dân tộc thì giai cấp không có tự do, con người vẫn ở kiếp nô lệ. Đối với những người Cộng sản Việt Nam, giải phóng con người là phần đầu xây dựng xã hội công bằng, mọi người được sử dụng lao động và tiềm năng của mình để mưu cầu hạnh phúc cá nhân gắn liền với phục vụ lợi ích xã hội, mọi người được sống một cuộc sống đầy đủ, hạnh phúc và được tạo điều kiện để phát triển toàn diện cá nhân, được giải phóng khỏi mọi sự nô dịch, được tự do phát triển về cá nhân, cá tính và nhân cách, được làm chủ bản thân và làm chủ xã hội: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”⁽²⁾. Theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, chúng ta tiếp

1. *Hồ Chí Minh*: Toàn tập. t.5. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.644.

2. Sdd: t4, tr.56.

tục chăm sóc tốt con người và phát huy mọi tiềm năng và giá trị của con người, đưa đất nước thành một nước phát triển. Phát triển con người là yếu tố quan trọng nhất trong phát triển bền vững đất nước.

Nói tổng quát, Cách mạng Tháng Tám đã đòi đời con người Việt Nam, chấm dứt kiếp nô lệ. Từ đó mới nói đến quyền con người, quyền công dân (nghĩa vụ và quyền), mới nói đến dân chủ, tự do, bình đẳng, hạnh phúc là những giá trị nổi bật trong sự phát triển con người. Sau khi giành lại được độc lập trên toàn lãnh thổ, thống nhất Tổ quốc, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước cùng nhân dân tập trung hơn vào đầu tư, chăm sóc sự phát triển con người: từ 5% số dân tăng lên 95% số dân biết chữ, trình độ học vấn bình quân trên đầu người tăng lên rõ rệt, thường xuyên 30% số dân đi học, xóa được nạn đói, tỷ lệ người nghèo giảm hẳn, sức khỏe tốt hơn, tuổi thọ tăng lên hàng chục lần. Cơ chế mới, tình hình mới đã tạo nên những biến đổi trong sự phát triển con người, trong đó có biểu hiện tập trung ở sự chuyển động thang giá trị, định hướng giá trị khuyến khích con người tích cực, năng động, sáng tạo, dám cạnh tranh vượt qua thách thức, không chờ đợi bao cấp mà tự tạo cho mình có cuộc sống tốt hơn, đồng thời đóng góp cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

Ở Việt Nam, phát triển con người cũng đã được biết tới từ lâu như là một khái niệm rất cơ bản trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” (1848) nổi tiếng. Ở đây trình bày thành tựu phát triển con người theo nội hàm và cách lượng hóa chung của thế giới: Của cải đích thực của một quốc gia là con người của quốc gia đó. Và mục đích của phát triển là tạo ra một môi trường thuận lợi cho phép con người được hưởng cuộc sống dài lâu, khỏe mạnh và sáng tạo. Vào thập niên 80 của thế kỷ 20, Chương trình phát triển LHQ (UNDP) đã đưa khái niệm này làm tiêu chí phát triển của từng nước hay vùng lãnh thổ, và quan trọng hơn là đã xác định cụ thể hệ tiêu chí và đưa ra cách tính toán rất chính xác từng tiêu chí, để đánh giá và xếp hạng trình độ phát triển của các nước trong LHQ theo hệ tiêu chí phát triển con người (tiếng Anh viết tắt là HDI) gồm một tiêu chí về thu nhập quốc dân đầu người (GDP/đầu người) và 2 tiêu chí về năng lực con người (giáo dục và sức khỏe), nhấn mạnh ý tưởng coi con người là nguồn lực vô tận, là nhân tố quyết định, là mục tiêu của sự phát triển, phê phán những quan điểm phiến diện, như chú trọng phát triển, nhưng vô tình hoặc cố ý “bỏ quên” con người, nhìn con người chỉ như là công cụ, là phương tiện của sự phát triển, v.v.

Từ năm 1990 đến nay, UNDP hằng năm công bố báo cáo phát triển con người. Báo cáo của Việt Nam được xuất bản năm 2001, với chủ đề Đổi mới vì sự nghiệp

phát triển con người, đã được đánh giá cao, được UNDP bình chọn tặng thưởng vào năm 2006.

Từ đó HDI đã trở thành công cụ xác định chiến lược phát triển của các quốc gia, thước đo đánh giá trình độ phát triển hàng năm trên thế giới - đây thật sự là một thành quả cực kỳ to lớn của chủ nghĩa nhân văn trong thời đại mới. Đại hội IX (2001) Đảng ta đã đưa HDI thành chỉ tiêu quốc gia. Các chỉ số HDI cơ bản được mang giá trị từ 0 đến 1; chỉ số giáo dục được coi là có giá trị bằng 1, khi 100% số người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết; bằng 0, khi 0% số người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết. Chỉ số tuổi thọ được coi là có giá trị bằng 1, khi tuổi thọ bình quân là 85 tuổi; bằng 0, khi tuổi thọ bình quân chỉ đạt 25 tuổi. Chỉ số kinh tế được coi là có giá trị bằng 1, khi GDP bình quân đầu người đạt 40.000 USD (tính theo PPP - giá trị sức mua của đồng tiền); bằng 0, khi GDP bình quân đầu người chỉ đạt 100 USD (tính theo PPP).

Trong 15 năm qua, HDI của Việt Nam đã đạt được những tiến bộ đáng kể, nói lên thành tựu to lớn và quan trọng của đường lối đổi mới (xem bảng 1)

Bảng 1: HDI của Việt Nam

Năm	Chỉ số HDI	Thứ bậc so với các nước tham gia xếp hạng	Chỉ số giáo dục
1990	0,608	74/130 nước	
1995	0,539	120/174 nước	0,78
2000	0,671	108/174 nước	0,83
2004	0,691	112/177 nước	0,82
2005	0,704	108/177 nước	0,82

Nguồn: Báo cáo phát triển của UNDP công bố hằng năm

Điều đáng lưu ý là nhiều nước có thu nhập quốc dân đầu người cao hơn Việt Nam, như In-đô-nê-xi-a (PPP, 2001: 2.940 USD/PPP Việt Nam, 2001: 2.070 USD), Ai Cập (PPP, 2001: 3.520 USD), Goa-tê-ma-la (PPP, 2001: 4.400 USD), Na-mi-bi-a (PPP, 2001: 7.120 USD), Ga-bông (PPP, 2001: 5.990 USD), thậm chí GDP trên đầu người rất cao như Nam Phi (PPP, 2001: 11.290 USD)... song do các chỉ số về tuổi thọ và giáo dục đều thấp, nên đã bị xếp ở thứ hạng thấp hơn Việt Nam về phát triển

con người. Năm 2005, Việt Nam đứng thứ 108/117 nước: GDP/đầu người từ 200 USD (1990) lên khoảng hơn 600 USD, tuổi thọ tăng từ 63 tuổi (1990) lên 71,5 tuổi (2005), trình độ học vấn tính theo số lớp trên đầu người tăng từ 3 - 4 lớp (trước 1990) lên 7 - 8 lớp.

Để làm rõ thêm những khía cạnh xã hội của sự phát triển, từ năm 1997, chỉ số nghèo khả năng phát triển con người (viết tắt tiếng Anh - HPI) đã được sử dụng trong Báo cáo phát triển con người của UNDP, HPI còn được gọi là chỉ số nghèo khổ tổng hợp. Nghĩa là, trong khi chỉ số HDI đo thành tựu cộng đồng về phát triển con người, chỉ số HPI đo sự thiệt thòi và những rào cản đối với phát triển con người. Theo quan điểm phát triển con người, nghèo khả năng phát triển được hiểu là sự thiếu hụt các cơ hội và thiếu khả năng lựa chọn để có một cuộc sống có thu nhập tốt, trường thọ và có giáo dục.

Từ năm 1997 đến nay, chỉ số HPI của Việt Nam và vị trí xếp hạng của Việt Nam trong số các nước đang phát triển được tính theo HPI-1 đã có những thay đổi tích cực: năm 1999, Việt Nam xếp thứ 51 trong số 92 nước đang phát triển được tính HPI-1; năm 2000, Việt Nam xếp thứ 47/85; năm 2001, Việt Nam xếp thứ 45/90. Trong Báo cáo Phát triển con người của UNDP năm 2003, Việt Nam đứng thứ 39/94 trong bảng xếp hạng HPI-1, năm 2005 - đứng thứ 47/103 nước. Trong thành phần chỉ số HPI-1, tỷ lệ dân không được sử dụng các nguồn nước sạch ở Việt Nam đã giảm từ 57% năm 1997 xuống còn 44% năm 2001, và 23% năm 2003. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cũng giảm từ 45% năm 1997 xuống còn 41% năm 1999; 41% năm 2000, 39% năm 2001 và 33% năm 2003.

Các số liệu vừa dẫn ra đã cho thấy rõ sự cố gắng to lớn của Nhà nước cũng như nhân dân ta trong việc chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của người dân, ngày càng quan tâm hơn tới lợi ích thiết thực của con người. Trước mắt cần có kế hoạch thật cụ thể thực hiện tốt tám Mục tiêu Thiên niên kỷ: 1- Xóa hết nghèo, đói; 2- Phổ cập trung học cơ sở và phổ cập trung học phổ thông; 3- Tăng cường bình đẳng giới và tăng cường khả năng của phụ nữ; 4- Giảm tỷ lệ trẻ em chết yểu; 5- Cải thiện sức khỏe bà mẹ; 6- Chống HIV/AIDS, bệnh sốt rét và các bệnh khác; 7- Bảo đảm môi trường bền vững; 8- Phát triển đối tác toàn cầu vì phát triển.

Chúng ta tiếp tục kiên định triển khai tư tưởng đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình. Trong các chỉ số HDI, chúng ta cũng tự thấy còn nhiều hạn chế, mức thu nhập trung bình đầu người còn thấp, mức sống nói chung còn nhiều điều chưa đạt yêu cầu, nhất là chất lượng sống còn nhiều đòi hỏi

chưa được thỏa mãn; giáo dục còn biết bao vấn đề ngổn ngang; y tế (sức khỏe) cũng vậy, cả mạng lưới khám chữa bệnh lẫn trung tâm y tế chất lượng cao, đều rất xa so với yêu cầu của cuộc sống, môi trường sống có nhiều vấn đề chưa thể an tâm. Trong nhiều mặt, nhân cách con người nói chung có một số biểu hiện tiêu cực: xu thế chuyển từ “con người xã hội” sang “con người kinh tế” ở nhiều nơi ngày càng chiếm ưu thế, ảnh hưởng tiêu cực đến đạo đức từng người và đạo đức xã hội; “con người thực dụng” lấn át con người sống có lý tưởng, con người cá nhân chủ nghĩa trong nhiều trường hợp dễ được chấp nhận: chỉ có lợi ích cá nhân, sao nhãng lợi ích cộng đồng và xã hội, tác phong nông nghiệp còn phổ biến, tư duy còn nặng về cảm tính, cảm tình...

Hiện trạng phát triển con người, dưới góc độ giá trị tinh thần lẫn giá trị vật chất, giá trị nhân cách đặt ra cho chúng ta nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp bách là phải trên cơ sở kế thừa, phát triển, làm sao xây dựng cho được hệ giá trị Việt Nam làm cơ sở cho chiến lược chung về phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực, cần có đủ chính sách cụ thể về giáo dục và y tế, về sử dụng người, nhất là chính sách dùng người tài - đầu tàu của nguồn nhân lực. Chỉ số phát triển trí tuệ (IQ) của chúng ta không thua kém các nước phát triển, vấn đề là sử dụng, trọng thị, chăm sóc sao có lợi nhất cho đất nước.

Để thực hiện mục tiêu nâng vị thế của nước nhà trên thế giới theo tiêu chí HDI lên mức trung bình trên thế giới, như Đại hội IX Đảng ta đã quyết định, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, Đảng và Nhà nước cùng toàn thể xã hội phải đầu tư vào phát triển con người nhiều hơn nữa, nhằm phát triển toàn diện (đức, trí, thể, mỹ, nghệ) theo định hướng giá trị đúng, có lý tưởng độc lập dân tộc và XHCN, phát huy mọi tiềm năng và tài năng của con người, ai ai cũng được lao động tự do sáng tạo, coi trọng vai trò của từng cá nhân trong sự phát triển của cộng đồng và xã hội, động viên tính tích cực của từng người, làm cho mọi người đều năng động, phát huy sáng kiến, kết hợp hài hòa tính tích cực cá nhân và tính tích cực xã hội, dân trí ngày càng cao, nhân tài nảy nở, dân khí đồng tâm, phấn chấn, vượt qua tình trạng kém phát triển, sánh vai với bạn bè năm châu bốn biển.

VĂN HÓA - NỀN TẢNG TINH THẦN CỦA XÃ HỘI

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

**Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư T.Ư Đảng,
Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa T.Ư**

Khác với quá trình đổi mới trong một số lĩnh vực kinh tế - xã hội, đổi mới văn hóa luôn mang tính chủ động, có khả năng đi trước, vừa là nhân tố khởi xướng đổi mới, vừa tiếp nhận thành quả đổi mới. Bởi vì đổi mới văn hóa chính là đổi mới con người - chủ thể của đổi mới, và đổi mới môi trường tinh thần “sàn diễn” của những biến đổi của lịch sử.

Quá trình đổi mới văn hóa đã được những người “ưu thời mẫn thế” quan tâm trong suốt cả thế kỷ 20, nhưng tới những năm cuối thế kỷ, thì đòi hỏi đổi mới văn hóa, đổi mới tư duy và lối sống của con người trở thành sự thúc bách gay gắt.

Nhận lãnh trách nhiệm trước lịch sử, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao trách nhiệm của mình trong định hướng đổi mới đất nước, đổi mới văn hóa dân tộc.

Bản thân đổi mới đất nước do Đảng lãnh đạo chính là văn hóa. Đồng chí Phạm Văn Đồng từng nói: Đổi mới là văn hóa, văn hóa là đổi mới. Không có khoảng cách giữa đổi mới tồn tại xã hội và đổi mới ý thức xã hội; mặt này là tiền đề và điều kiện của mặt kia và ngược lại.

Chính vì vậy đổi mới trong văn hóa có một ý nghĩa đặc biệt, liên quan toàn bộ sự nghiệp đổi mới đất nước.

Đảng đã có nhiều văn kiện định hướng đổi mới sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó quan trọng nhất là Nghị quyết Trung ương 5 về “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” (1998) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 về công tác văn hóa (2003). Cùng với hai văn kiện trên, việc Nhà nước ta chấp nhận tham gia Chương trình Thập kỷ phát triển văn hóa của Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) trong những năm cuối thế kỷ 20 đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới văn hóa theo kịp bước phát triển của đất nước và thời đại.

Đại hội VI của Đảng (1986) - Đại hội đổi mới đất nước - đã đặt lên hàng đầu đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, mà cụ thể là đổi mới cung cách làm ăn,

xây dựng cuộc sống, một nội dung cơ bản, lâu đời của văn hóa Việt Nam. Bắt đầu từ Đại hội VI, trong quan niệm của người cộng sản Việt Nam, văn hóa không tách rời với đổi mới kinh tế, đã trở thành mục tiêu và động lực của đổi mới đất nước.

Hiểu văn hóa không chỉ là nhân tố di dưỡng đạo đức, tinh thần xã hội mà còn là sức mạnh thúc đẩy kinh tế - xã hội, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội là một bước phát triển mới trong tư duy của Đảng, Nhà nước ta về vai trò, vị trí của văn hóa.

Giáo sư Nguyễn Hồng Phong qua nghiên cứu lịch sử dân tộc, khẳng định: nguồn gốc của sự nghèo khổ của dân tộc nằm trong văn hóa. Nhiều nhà văn hóa, nhà trí thức khoa học yêu cầu đặt lại vai trò của văn hóa, vai trò của con người trong sự nghiệp phát triển.

Lần đầu tiên, các văn bản của Đảng, Nhà nước nói nhiều đến “nhân tố con người”. Nhân tố con người, gắn liền thế giới văn hóa tinh thần của nó, được coi là nhân tố chủ đạo của sự phát triển. Đề cao nhân tố con người, đề cao văn hóa dân tộc đó là một thành công của tư duy đổi mới những năm qua.

Không dừng lại ở việc nhấn mạnh tầm quan trọng và vai trò to lớn của văn hóa đối với quá trình đổi mới đất nước, Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 về công tác văn hóa (2003) còn xác lập vị trí của công tác văn hóa, hình thành một kết cấu chặt chẽ và đồng bộ giữa nhiệm vụ kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với xây dựng văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo thế chân vạc vững chắc cho quá trình phát triển đất nước.

Gắn liền với nhận thức mới về vai trò, vị trí của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là quan niệm ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn về phương hướng xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện đại. Nói vắn tắt, đó là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong nền văn hóa đó, hai yếu tố cơ bản là tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc đã phản ánh mối liên hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của văn hóa trong quá trình vận động, phát triển đã được thể hiện đầy đủ.

Để đáp ứng đòi hỏi chân - thiện - mỹ của dân tộc và yêu cầu của thời đại, nền văn hóa đó nhất thiết phải mang bản chất tiên tiến trong cả nội dung và hình thức, hiện thân của chủ nghĩa yêu nước và tiến bộ xã hội, phải thể hiện lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phải kết hợp được những giá trị lâu đời của dân tộc và tinh hoa của thời đại.

Mặt khác đó phải là nền văn hóa “đậm đà bản sắc dân tộc”, để có thể hội nhập, giao lưu với thế giới hiện đại mà không rời xa những giá trị bền vững của dân tộc đã

hun đúc qua lịch sử làm nên cốt cách, vóc dáng tốt đẹp của văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam.

Cả hai yếu tố “tiên tiến” và “đậm đà bản sắc dân tộc” là hai mặt của một chỉnh thể, bổ sung cho nhau, làm điều kiện để thúc đẩy nhau cùng phát triển, làm cho văn hóa Việt Nam không ngừng đơm hoa, kết trái trong đời sống xã hội hiện đại.

Thực tế đời mới 20 năm qua cho thấy phương hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được thừa nhận trong chính cuộc sống, được sự nhất trí của nhân dân và đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, những người hoạt động văn hóa.

Ngày nay đứng trước quá trình toàn cầu hóa và bùng nổ thông tin, mở rộng giao lưu và hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu sắc, phương hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc càng tỏ rõ sức sống vững vàng của nó, mở đường cho nhân dân ta vượt qua thách thức, vươn tới những đỉnh cao của văn minh và tiến bộ.

Hướng tới một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng chính là hướng đến một nền văn hóa của nhân dân, của các dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc, thống nhất mà đa dạng, không ngừng dân chủ hóa và xã hội hóa phương thức hoạt động, bảo đảm quá trình sáng tạo đến tay mỗi người, thành quả sáng tạo đối với mỗi người, làm cho xã hội nước ta đạt tới một đời sống văn hóa cao, dân trí phát triển, lối sống lành mạnh.

Đời mới nội dung và phương thức hoạt động văn hóa là một thành tựu rõ nét của quá trình xây dựng văn hóa 20 năm qua. Từ chỗ quan niệm văn hóa có quan hệ chặt chẽ với lĩnh vực chính trị, tư tưởng do Nhà nước tổ chức để phục vụ nhân dân, chúng ta đã xây dựng các hoạt động văn hóa thông tin, khoa học, giáo dục,... thành sự nghiệp của toàn xã hội, đáp ứng nhu cầu lợi ích chính đáng của mọi người dân, đã thu hút tài năng, sáng kiến, công sức của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng văn hóa. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, hoạt động văn hóa trong mỗi khu dân cư, trong các làng bản văn hóa, gia đình văn hóa... đã trở thành cuộc vận động văn hóa rộng rãi, đi dần vào nền nếp.

Cho đến cuối năm 2004, cả nước đã có 13.162 làng văn hóa, 9 triệu 9 gia đình văn hóa, 19.150 cơ quan văn hóa đã được công nhận; 5.126 nhà văn hóa, 6.750 điểm bưu điện - văn hóa được xây dựng; hơn 51 nghìn bản hương ước, quy ước văn hóa thôn xóm được phê duyệt; 2.792 di tích văn hóa được xếp hạng quốc gia. Đã có sáu di sản văn hóa và thiên nhiên nước ta được đưa vào danh mục di sản thế giới. Nhiều di tích văn hóa lịch sử đặc biệt quan trọng của nước ta đã được phát hiện và trùng tu

tôn tạo như Hoàng thành Thăng Long, Cung điện Huế, Đền Hùng, các đền tháp Chăm Pa...

Những thành tựu mới về văn hóa, về tuổi thọ đã góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta. Năm 2005, chỉ số phát triển con người của Việt Nam được xếp vị trí 108 trong 177 nước, nâng lên bốn bậc so với năm trước. Tuổi thọ của con người Việt Nam từ 63 tuổi (năm 1990) lên 71,3 tuổi (năm 2005). Điều đó cho thấy, trong khi thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam còn thấp (630 USD/người) thì những tiến bộ về văn hóa, lối sống cũng đã đưa chỉ số phát triển con người của Việt Nam cao hơn những nước có mức thu nhập tương đương.

Trong văn hóa, hoạt động thông tin và văn học nghệ thuật luôn luôn là nhân tố năng động, có tác động thường xuyên lên nhận thức và tình cảm con người. Với sự tham gia của 15 nghìn nhà báo và 17 nghìn văn nghệ sĩ hoạt động trong 10 hội văn học nghệ thuật Trung ương, các hoạt động báo chí, xuất bản, văn học nghệ thuật nước ta đã trở nên sôi nổi, phong phú, lôi cuốn ngày càng rộng rãi sự hưởng ứng của toàn xã hội. Hệ thống phát thanh đã đáp ứng hơn 90% và truyền hình hơn 85% nhu cầu thông tin của nhân dân cả nước; hệ thống in-tơ-nét mở rộng nhanh chóng với gần 10% dân số truy cập; hệ thống xuất bản đã cung cấp được hơn 3,5 bản sách/đầu người.

Chúng ta đã có những cuộc thi tìm hiểu truyền thống cách mạng, thu hút hơn một chục triệu người tham gia, những tập nhật ký của Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc in trên 200 nghìn bản; những lễ hội dân tộc hàng vạn người tham dự, những chương trình âm nhạc qua sóng truyền hình có hàng vạn người theo dõi, những nghệ sĩ trẻ được xã hội chào đón từ những tác phẩm đầu tiên...

Quyết tâm và lòng tin vào sự nghiệp đổi mới văn học nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, văn hóa thông tin ngày càng đậm nét trong tâm trí nhân dân và đội ngũ trí thức sáng tạo. Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của giới trí thức, văn nghệ sĩ, báo chí đang mở rộng sức tập hợp và nâng cao chất lượng hoạt động. Tinh thần tự do sáng tạo và sự giúp đỡ vật chất của Nhà nước và xã hội cho hoạt động văn học nghệ thuật, báo chí, xuất bản ngày càng thiết thực, có hiệu quả. Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng và các hình thức, sáng kiến xây dựng văn hóa trong nhân dân phong phú, sinh động hơn trước.

Trong thành tựu chung, những chuyển biến trong xây dựng văn hóa các dân tộc thiểu số là rất đáng kể. Ý thức về bình đẳng dân tộc, mối quan tâm về những giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số và quyết tâm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân các dân tộc anh em là những chuyển biến có ý nghĩa.

Nhà nước đã có nhiều chính sách để đưa sản phẩm văn hóa, thông tin đến vùng sâu, vùng xa, vùng các dân tộc thiểu số. Công tác sưu tập, bảo tồn văn hóa dân tộc được đẩy mạnh. Các chương trình phát thanh, truyền hình quốc gia và địa phương đã phát sóng hàng chục ngôn ngữ dân tộc. Các lễ hội văn hóa dân tộc được tổ chức. Con em các dân tộc thiểu số được tạo điều kiện đến trường. Nếp sống văn minh được hình thành trong nhiều thôn bản.

Nếu nói một chính sách văn hóa đúng là khi chính sách đó được cộng đồng yêu thích nhất tiếp nhận và tham gia, thì sự phát triển văn hóa, tinh thần trong đồng bào dân tộc thiểu số vừa qua đã chứng minh thắng lợi của đường lối, chính sách đổi mới trong sự nghiệp văn hóa Việt Nam.

Những tiến bộ đạt được không tách rời quá trình đổi mới tư duy quản lý văn hóa của nước ta. Cùng với nhiều ngành quản lý khác, quản lý văn hóa đặt trọng tâm vào ban hành, hướng dẫn và thực thi luật pháp.

Trong 20 năm qua, các cơ quan quản lý nhà nước đã ban hành hàng trăm văn bản luật pháp liên quan sự nghiệp văn hóa, trong đó đáng chú ý là các văn bản luật pháp trực tiếp quy định công tác báo chí, xuất bản, bản quyền, di sản văn hóa, thư viện, điện ảnh, quảng cáo, biểu diễn nghệ thuật...

Những quy định luật pháp đã mở đường cho sự tham gia của xã hội vào các hoạt động văn hóa, giữ vững định hướng xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời đẩy lùi những tiêu cực, sai trái trong hoạt động văn hóa. Bên cạnh luật pháp, nhiều chính sách phát triển văn hóa được ban hành, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được tăng cường. Nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa trong Đảng gắn liền với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao phẩm chất đảng viên được đặt ra, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới nói chung và đổi mới văn hóa nói riêng.

20 năm đổi mới không phải là dài đối với đời sống văn hóa dân tộc và sự phát triển tinh thần của con người. Nhưng sự chuyển mình của văn hóa Việt Nam và thành tựu bước đầu của văn hóa dân tộc đã cho thấy đường lối đổi mới văn hóa của Đảng là đúng đắn, quy tụ được năng lực sáng tạo và tâm hồn nhân dân, xây dựng lòng tin, mở ra hướng phát triển tích cực và lành mạnh trong những thập kỷ đầu của thiên niên kỷ mới.

Tuy nhiên, những vấn nạn của một nước kém phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế còn in dấu ấn không nhỏ lên đời sống văn hóa. Để khắc phục khó khăn và thách thức, quá trình đổi mới văn hóa trong chặng đường sắp tới cần quan tâm giải quyết những vấn đề sau:

Một là, sự hình thành bước đầu thị trường văn hóa và mở rộng xã hội hóa hoạt động văn hóa đang đặt chúng ta trước những trách nhiệm nặng nề và thách thức không nhỏ đối với năng lực quản lý và trình độ tổ chức hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hóa.

Bên cạnh những thành tựu không thể tranh cãi đạt được trong điều kiện cơ chế mới, hoạt động văn hóa hiện nay còn bộc lộ những xu hướng không lành mạnh, có mặt khá nghiêm trọng. Đó là xu hướng “thương mại hóa” - nói thẳng ra là xu hướng chạy theo lợi nhuận, coi thường chất lượng văn hóa đã lan tràn trong nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa.

Hiện tượng “đạo văn, đạo nhạc”, vi phạm bản quyền, làm dối, làm ầu, lén lút lưu hành văn nghệ đồi trụy, độc hại, kể cả mãi dâm, ma túy... đang làm vẩn đục môi trường văn hóa một số thành phố lớn. Trong khi đó, công tác quản lý văn hóa không theo kịp tình hình, tỏ ra lúng túng, bị động.

Một số nơi, nhận thức không đúng tính đặc thù của thị trường văn hóa, đánh đồng sản phẩm, dịch vụ văn hóa với các hàng hóa thông thường khác, có xu hướng buông lỏng quản lý chất lượng tư tưởng, không chăm sóc, đầu tư nâng cao chất lượng văn hóa. Rõ ràng yêu cầu đổi mới và nâng cao trình độ quản lý văn hóa là yêu cầu cực kỳ quan trọng nhằm đảm bảo trong điều kiện mới, văn hóa nước ta phát triển lành mạnh, đúng hướng.

Hai là, nhìn chung chất lượng báo chí, xuất bản, các hoạt động văn học nghệ thuật của ta chưa cao, chúng ta còn thiếu những tác phẩm có tính tư tưởng cao, hình thức nghệ thuật hấp dẫn, có sức cổ vũ rộng rãi công chúng. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ và những người cầm bút, yêu cầu tăng cường công tác phê bình lý luận văn học - nghệ thuật và văn hóa, đồng thời phải có chính sách giúp đỡ cụ thể của nhà nước và xã hội đối với văn hóa, nhất là đối với các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, những loại hình văn hóa nghệ thuật thử nghiệm, những chính sách hỗ trợ tài năng... Đổi mới hoạt động của các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm nâng cao chất lượng sáng tác cũng là một đòi hỏi cấp thiết.

Ba là, toàn cầu hóa về kinh tế và quá trình hội nhập quốc tế đang tạo ra cơ hội và thách thức không nhỏ đối với văn hóa nước ta. Tác động của văn hóa nước ngoài vào nước ta khá thường xuyên, với nhiều con đường, nhất là trên mạng in- tơ-nét, với cả mặt tích cực lẫn tiêu cực, tuy nhiên ứng phó của ta còn thiếu chủ động, thiếu một chiến lược vững chắc.

Ngày nay không thể chủ trương đóng cửa về văn hóa, nhưng tiếp nhận văn hóa

nước ngoài như thế nào, giới thiệu văn hóa Việt Nam ra nước ngoài ra sao, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá văn hóa - tư tưởng trong kịch bản “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch như thế nào, là những vấn đề cần xử lý ở phạm vi quốc gia, cả trong từng địa phương, cơ sở, trong một chiến lược cụ thể.

Bốn là, lý luận xây dựng nền văn hóa mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh là vấn đề cần được bổ sung, hoàn chỉnh.

Là người vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại di sản tư tưởng - văn hóa rất sâu sắc, độc đáo. Một phần cơ bản nội dung tư tưởng của Người đã được vận dụng trong sự nghiệp xây dựng và đổi mới văn hóa vừa qua.

Tuy nhiên việc nghiên cứu có hệ thống, soi sáng các luận điểm cơ bản của Người dưới ánh sáng của thời đại để phát triển toàn diện văn hóa nước nhà, nâng cao nhân tố con người Việt Nam, xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội Việt Nam hiện đại còn là nhiệm vụ to lớn đặt ra ở phía trước. Tin chắc rằng quá trình nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng của Người trên lĩnh vực văn hóa sẽ mở ra những tiềm năng phát triển mới cho văn hóa nước nhà.

Cách đây 60 năm, trong ngày đầu của chính quyền mới - nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi “văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”. Đó là một câu nói bất hủ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, đổi mới đất nước, chấn hưng văn hóa.

Trong hành trình mới của dân tộc, chúng ta cần phải tiếp tục nâng cao hơn nữa ngọn đuốc sáng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc mà linh hồn của nó là tư tưởng Hồ Chí Minh vĩ đại, mở ra bước phát triển ngày càng cao hơn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

CẦN TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIỀN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

TS. ĐÀO DUY QUÁT
Phó Trưởng ban Tư tưởng -
Văn hoá Trung ương

Quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong 5 năm qua, càng khẳng định tính đúng đắn và tầm quan trọng của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Đây là Cương lĩnh, chiến lược văn hóa của Đảng ta trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cũng chính là bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình phát triển đất nước. Nó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thế giới ngày nay, do đó toàn Đảng cần tăng cường lãnh đạo, tạo sự chuyển biến cơ bản và bước phát triển mạnh mẽ trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, là nhân tố quan trọng hàng đầu đảm bảo định hướng đúng đắn trong quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam ở giai đoạn mới. Đồng thời, đây cũng chính là điều kiện để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết TW5 (khóa VIII). Nhìn lại thực tiễn 5 năm qua có thể thấy, những thành tựu quan trọng đạt được trên lĩnh vực này, thể hiện rõ vai trò lãnh đạo đúng đắn của Đảng, đó là:

- Đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân về tầm quan trọng và vai trò to lớn của văn hóa trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nền tảng chính trị, tinh thần của xã hội tiếp tục được củng cố trên cơ sở Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua việc xác lập các quan điểm và thực hiện 10 nhiệm vụ văn hóa được nêu ra ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII).

- Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đã động viên các tầng lớp nhân dân tham gia sự nghiệp văn hóa, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong đời sống văn hóa xã hội.

- Xã hội hóa các hoạt động văn hóa đã được thực hiện rộng khắp, tạo ra nhiều sản phẩm, hình thức văn hóa cộng đồng...

Tuy nhiên, bên cạnh các thành tựu đã đạt được, thực tiễn quá trình xây dựng nền văn hóa mới những năm vừa qua cũng bộc lộ một số yếu kém, hạn chế:

- Chưa xây dựng được nền tảng văn hóa vững chắc cho thời kỳ phát triển mới của đất nước, nội dung tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chưa định hình rõ nét trong lối sống, nếp sống văn hóa.

- Chưa tạo được những công trình văn hóa, văn học nghệ thuật có chất lượng cao, thỏa mãn nhu cầu thưởng thức và sáng tạo của xã hội.

- Chưa tạo được sự chuyển biến cơ bản trong việc thực hiện sự gắn kết kinh tế với văn hóa và văn hóa với kinh tế.

- Việc phát huy nhân tố tiên tiến trong phong trào văn hóa, bồi dưỡng những tài năng văn hóa chưa thường xuyên.

Trên cơ sở thành tựu đạt được và yếu kém cần khắc phục trong quá trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc những năm vừa qua, từ nay đến năm 2010 cần tập trung làm tốt những nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hướng mạnh vào việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục, bồi dưỡng con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, tạo sự chuyển biến rõ rệt về bản lĩnh chính trị, đạo đức lối sống, năng lực trí tuệ của con người Việt Nam đủ sức thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đây là nhiệm vụ trọng yếu nhất của sự nghiệp văn hóa. Do đó mọi lĩnh vực của hoạt động văn hóa từ giáo dục- đào tạo, khoa học- công nghệ, văn hóa nghệ thuật, thông tin đại chúng, di sản văn hóa, giao lưu văn hóa, thể chế, thiết chế văn hóa, môi trường văn hóa... đều phải hướng vào thực hiện tốt nhiệm vụ này. Coi trọng việc giáo dục lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; động viên mọi người hết lòng phấn đấu cho độc lập dân tộc, thống nhất tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Phải bám sát 5 đức tính con người Việt Nam trong thời kỳ mới, đề cụ thể hóa thành chuẩn mực xây dựng con người cụ thể của từng ngành, địa phương, đơn vị, từng đoàn thể. Cần phải lấy việc hình thành phát triển 5 đức tính này để đánh giá hiệu quả của các hoạt động văn hóa, hiệu quả của từng lĩnh vực văn hóa. Các tác phẩm văn học nghệ thuật phải góp phần

giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao các phẩm chất tốt đẹp của con người. Phải lấy tác phẩm tốt để giáo dục, cổ vũ, hướng dẫn con người vươn tới chân-thiện-mỹ.

2. Tập trung lãnh đạo, tạo bước phát triển mạnh mẽ, sâu rộng của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Nâng cao tính tự quản và chất lượng của cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, làng bản, khu phố văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa. Phần đầu từ nay đến Đại hội X: 80% gia đình, 50% làng, bản, thôn, ấp, khu phố, cơ quan, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hóa. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa hướng chủ yếu về cơ sở, để xây dựng và làm chuyển biến rõ rệt môi trường văn hóa, đời sống văn hóa lành mạnh, tốt đẹp ở các cơ sở xã, phường, khu dân cư, cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp. Tăng cường giáo dục và công tác quản lý của Nhà nước, nâng cao tính tự quản của các tổ chức quần chúng để làm chuyển biến rõ rệt về việc tổ chức cưới, tang, lễ hội văn minh, tiết kiệm, nhất là ở thành phố, trong đối tượng cán bộ, đảng viên.

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, phát huy tài năng nghệ thuật, tạo những điều kiện thuận lợi nhất về vật chất và tinh thần nhằm động viên mạnh mẽ mọi tiềm năng sáng tạo của các thế hệ văn nghệ sỹ, phần đầu từ nay đến năm 2010 trên các lĩnh vực văn học nghệ thuật đều có các tác phẩm có chất lượng cao phản ánh chân thực, sinh động và sâu sắc sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp kháng chiến, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa vĩ đại của đất nước.

4. Hoàn chỉnh chiến lược thông tin quốc gia đáp ứng yêu cầu của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phù hợp với đặc điểm, thực tiễn của đất nước và xu thế phát triển của thông tin quốc tế. Kiên quyết sắp xếp lại mạng lưới báo chí, hiện đại hóa các loại báo viết, truyền hình, phát thanh, Internet, in, xuất bản. Hoàn thiện hệ thống chỉ đạo, quản lý báo chí để báo chí phát triển mạnh mẽ báo chí xuất bản, đồng thời khắc phục kiên quyết những biểu hiện chệch tôn chỉ mục đích, "thương mại hóa" và nhất là tình trạng tư nhân chi phối, thậm chí lấy danh nghĩa cơ quan báo chí, xuất bản để phát hành các xuất bản phẩm gây tác dụng xấu.

5. Hoàn thiện chương trình quốc gia bảo tồn phát huy các di sản văn hóa dân tộc, đầu tư tập trung có hiệu quả để bảo tồn tôn tạo những di sản văn hóa lớn như Thành Thăng Long, Thành Cổ Loa... Đẩy mạnh việc sưu tầm, lưu giữ, phát huy di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; kiên trì phát huy các ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, xây dựng và sử dụng chữ viết của một số dân tộc thiểu số trong sinh hoạt cộng đồng, trong hoạt động văn hóa, văn nghệ; có kế hoạch tổng thể khai thác phát huy các giá trị tốt đẹp trong sinh hoạt văn hóa của các tôn giáo.

6. Thực hiện chương trình quốc gia xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở xã, phường, bản làng, khu phố, khu công nghiệp, cơ quan, trường học, bệnh viện, đơn vị lực lượng vũ trang, doanh nghiệp. Tăng cường đầu tư của nhà nước, thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, xã hội hóa các hoạt động văn hóa để phấn đấu đến năm 2010 phần lớn xã phường, bản làng, khu phố, đều có hệ thống thiết chế cơ bản: Nhà văn hóa, sân vận động, nhà truyền thống, thư viện, tủ sách, đội thể thao, văn nghệ, hệ thống đài, loa truyền thanh, truyền hình, báo in. Tạo bước chuyển biến căn bản đời sống văn hóa ở cơ sở, nhất là ở các khu công nhân công nghiệp, nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Rút ngắn khoảng cách đời sống văn hóa giữa các vùng, các miền.

7. Hoàn chỉnh chiến lược văn hóa thông tin đối ngoại, phát triển nhanh tiềm lực văn hóa dân tộc để chủ động tham gia hội nhập và giao lưu văn hóa quốc tế. Mở rộng địa bàn hợp tác và giao lưu văn hóa, tranh thủ mọi nguồn lực tài trợ của các tổ chức quốc tế và các nước để tăng đầu tư cho văn hóa, từng bước xây dựng Việt Nam thành một địa chỉ giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế. Mở rộng và tăng cường công tác thông tin đối ngoại theo hướng tăng cường lực lượng, hiện đại hóa các phương tiện, phối hợp chặt chẽ các cơ quan, đơn vị để nâng cao hiệu quả thông tin đối ngoại. Tạo nhiều kênh cho việc giao lưu tiếp nhận và chọn lọc các giá trị văn hóa tiên tiến, có cơ chế, chính sách để vừa làm giàu vừa bảo vệ, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Sớm hình thành một tờ báo đối ngoại quốc gia có chất lượng.

8. Tiến hành kiên quyết, kiên trì cuộc đấu tranh đánh bại chiến lược diễn biến hòa bình trên lĩnh vực tư tưởng- văn hóa gắn liền với cuộc đấu tranh ngăn chặn đẩy lùi các hủ tục, các tiêu cực xã hội, tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh tốt đẹp.

9. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và năng lực lãnh đạo, quản lý văn hóa cho cán bộ chủ chốt các cấp, cho toàn bộ hệ thống chính trị. Thực hiện quy hoạch, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư tưởng- văn hóa cho các cơ quan tư tưởng- văn hóa các cấp, nhất là kiện toàn Ban Tuyên giáo và cán bộ Tuyên giáo các cơ sở xã, phường.

Để làm tốt những nhiệm vụ nêu trên, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tiến hành cuộc vận động chính trị - văn hóa sâu rộng trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân về học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, lối sống. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị quan trọng này làm chuyển biến mạnh mẽ công tác giáo dục, rèn luyện và quản lý đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân,

nhất là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp và thanh niên. Tăng cường vai trò của nhân dân, của các tổ chức cơ sở Đảng, tổ chức bảo vệ pháp luật và báo chí trong giám sát đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, tạo được chuyển biến căn bản trong cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Hai là, gắn chặt nhiệm vụ xây dựng văn hóa với nhiệm vụ xây dựng kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt; đảm bảo công tác văn hóa được tiến hành đồng bộ với công tác kinh tế, hình thành nền tảng tinh thần vững chắc cho xã hội. Trong bố trí kế hoạch xây dựng văn hóa gắn chặt với phát triển kinh tế- xã hội, gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị. Trong mỗi nhiệm vụ, mỗi công trình kinh tế đều phải cân nhắc đầy đủ yếu tố văn hóa, đảm bảo kinh phí cho hoạt động văn hóa trong đầu tư công trình.

Ba là, xây dựng, ban hành các chính sách tạo bước đột phá trong thực hiện các chính sách kinh tế trong văn hóa để thực sự gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác các tiềm năng kinh tế hỗ trợ phát triển văn hóa, đồng thời đảm bảo yêu cầu chính trị tư tưởng của hoạt động văn hóa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tạo cơ chế, chính sách để mở rộng các hoạt động kinh doanh văn hóa du lịch, thể dục, thể thao; sớm hoàn thiện chế độ đặc thù cho các doanh nghiệp ngành văn hóa- thông tin (hãng phim, rạp chiếu bóng, nhà xuất bản, hiệu sách, khu triển lãm, khu vui chơi giải trí, khu di tích và kinh tế báo chí... sớm ban hành chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa cộng đồng, nhất là ở vùng dân tộc, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Sớm ban hành và thực hiện các chính sách văn hóa trong kinh tế đảm bảo các cấp, các ngành, các doanh nghiệp phải xây dựng các mục tiêu giải pháp văn hóa gắn chặt thúc đẩy thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh, thực sự chăm lo bồi dưỡng người lao động xây dựng đạo đức nghề nghiệp, xây dựng văn hóa lao động, văn hóa doanh nghiệp.

Bốn là, tăng mức đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa từ 1,5 đến 1,8% tổng chi thường xuyên cho giai đoạn từ nay đến 2010. Trên cơ sở những nhiệm vụ trọng tâm cần được xây dựng thành các chương trình, dự án quốc gia có mục tiêu, chú trọng xây dựng chương trình, xây dựng hệ thống các công trình văn hóa của Trung ương, của các ngành, các địa phương, đơn vị, nhất là các công trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long, 80 năm ngày thành lập Đảng, 65 năm nước Cộng hòa XHCN Việt Nam...

Kết hợp đầu tư của nhà nước với nhiều nguồn vốn khác để có thể xây dựng một số khu công nghiệp văn hóa, một số khu công nghiệp văn hóa sản xuất điện ảnh, một số khu vui chơi giải trí hiện đại.

Năm là, sớm xây dựng và thực hiện chiến lược tuyển chọn đào tạo, phát triển các tài năng văn hóa và phát triển văn hóa đỉnh cao của dân tộc trong thời kỳ mới.

Đẩy mạnh cải cách giáo dục, nâng cao một bước chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng dạy chữ, dạy nghề, dạy làm người, bồi dưỡng tâm hồn, đạo đức dân tộc, ngôn ngữ tiếng Việt, bản lĩnh, cốt cách dân tộc cho học sinh; xây dựng các trường, các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu; đầu tư ngân sách để mời chuyên gia nước ngoài và gửi học sinh năng khiếu một số loại hình nghệ thuật đi tu nghiệp ở nước ngoài. Phấn đấu từ nay đến 2020 chúng ta có đội ngũ người hoạt động văn hóa, văn nghệ nhiều tài năng.

Tăng cường và đổi mới chính sách đầu tư, đặt hàng, tài trợ cho sáng tạo văn học nghệ thuật theo hướng tập trung cho sáng tạo và phổ biến các công trình, tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật. Chăm lo bồi dưỡng chính trị, tư tưởng, thông tin tình hình đất nước tạo điều kiện cho văn nghệ sỹ được đi thực tế dài ngày, được sống ở mũi nhọn của sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tổ chức lại lực lượng, nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận phê bình văn học nghệ thuật, đổi mới chính sách nhuận bút, thực hiện nghiêm Luật bảo vệ bản quyền tác giả nhằm động viên mạnh mẽ hoạt động sáng tạo và biểu diễn, hướng tới việc xây dựng các tác phẩm văn học nghệ thuật có giá trị.

Sáu là, tăng cường lãnh đạo, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với văn hóa. Trước hết làm chuyển biến cơ bản về nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, các đoàn thể đối với thực hiện nhiệm vụ văn hóa.

Các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị thực hiện nghiêm chế độ định kỳ nghe báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ văn hóa, chỉ đạo, xử lý các tình huống văn hóa. Tôn trọng những tìm tòi, sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật. Biểu dương, khen thưởng thích đáng những tác phẩm, tác giả có cống hiến xuất sắc; uốn nắn kịp thời những xu hướng không lành mạnh trong lĩnh vực văn học nghệ thuật thông qua hình thức phê bình, thảo luận là chủ yếu. Tăng cường kiểm tra thực hiện nhiệm vụ văn hóa và đưa công tác thanh tra văn hóa vào nền nếp, lập lại trật tự, kỷ cương trong hoạt động sáng tác, biểu diễn, in, xuất bản, phát hành, các hoạt động văn hóa công cộng.

Tất cả các tổ chức Đảng từ Trung ương tới cơ sở đều thực hiện tốt việc xây dựng văn hóa trong Đảng, góp phần thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); mỗi cán bộ, đảng viên phải là tấm gương cho quần chúng noi theo.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VÀ LĨNH VỰC XÃ HỘI THEO TINH THẦN VĂN KIẾN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

PGS, TS. NGUYỄN THANH TUẤN
Viện phó Viện Kinh điển Mác – Lê nin

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta là một quá trình biến đổi có tính lịch sử trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, để thực hiện mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh, nhằm từng bước tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Tất cả những biến đổi có tính lịch sử đó rốt cuộc đều được thể hiện và thông qua các quan hệ xã hội của con người. Chính vì vậy, lĩnh vực xã hội luôn thể hiện sống động ở tất cả những biến đổi kinh tế, chính trị, văn hóa... trong đời sống xã hội, mà theo tinh thần Đại hội X của Đảng – chìa khoá nhận thức và thực hiện sự biến đổi này không gì khác hơn là nguồn lực con người.

Những vấn đề phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội hiện nay Từ giữa thập niên 1990, khi đất nước đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội và bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế, cùng với các lĩnh vực kinh tế và chính trị, thì lĩnh vực xã hội – văn hoá ngày càng có tầm quan trọng hàng đầu đối với sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước.

Thực tiễn đất nước hiện nay đang được thể hiện sống động ở các quan hệ xã hội. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế trong 20 năm qua đã xoá đói giảm nghèo cho đại bộ phận dân cư; trong đó nhiều hộ gia đình đã có cuộc sống khá giả. Quá trình khuyến khích làm giàu kết hợp với xoá đói giảm nghèo cho những người yếu thế trong cạnh tranh thị trường và cho những người thuộc diện chính sách là phù hợp với tâm lý, nhận thức tự nhiên trong toàn xã hội; kết quả là đã giải phóng, phát triển đa dạng được nhiều nguồn lực con người.

Sự khác biệt về nguồn lực (tài chính, năng lực, quan hệ xã hội...) ở mỗi người, mỗi nhóm xã hội, đã dẫn đến sự khác biệt về thu nhập. Đến lượt nó, sự khác biệt về thu nhập đã dẫn đến phân hoá giàu nghèo, phân hoá nghề nghiệp, phân hoá các thành phần kinh tế, phân hoá tư tưởng, đạo đức, lối sống trong các giai tầng xã hội.

Như vậy, quá trình giải phóng, phát triển đa dạng các nguồn lực con người cũng là quá trình phân hóa và đa dạng các quan hệ xã hội, kể cả quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất và quan hệ lợi ích kinh tế – chính trị. Sự biến đổi của các quan hệ xã hội, một mặt, đã hình thành những nguồn động lực tạo ra tăng trưởng kinh tế và chủ động giải quyết các vấn đề xã hội. Mặt khác, sự biến đổi của chúng cũng đồng thời làm xuất hiện những vấn đề xã hội, mà thực chất là những yêu cầu hoặc mâu thuẫn xã hội, ảnh hưởng hoặc đe dọa đến quá trình biến đổi, phát triển lành mạnh của đời sống xã hội.

Tính hai mặt của quá trình biến đổi các quan hệ xã hội, nhất là các quan hệ về tư liệu sản xuất, đã và sẽ đòi hỏi phải xem xét, xử lý đồng thời hai phương diện sau:

- Đầu tư phát triển con người, để sử dụng và phát huy những nguồn nhân lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ trong nền kinh tế – xã hội.

- Giải quyết những vấn đề xã hội, nhất là những vấn đề xã hội bức xúc như giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, kiềm chế và giảm các tệ nạn xã hội... là để thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội phù hợp với quy luật khách quan, nhằm đạt được sự tiến bộ xã hội.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ trong nền kinh tế – xã hội không tự động trực tiếp giải quyết được tất cả các vấn đề xã hội. Trong quá trình phát triển đó, ở mức độ khác nhau, đã có sự lồng ghép giải quyết nhiều vấn đề xã hội, như việc làm, đói nghèo, tệ nạn xã hội; nhưng do tác động của quy luật phát triển không đồng đều trong điều kiện cạnh tranh thị trường, nên không thể bao quát và không thể giải quyết đồng đều được tất cả các vấn đề xã hội đối với mỗi tầng lớp dân cư, mỗi vùng lãnh thổ... Do đó, phải có các chính sách riêng để giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là những vấn đề xã hội bức xúc và những vấn đề xã hội lớn ở tầm vĩ mô, mở đường cho sự phát triển có tính đột phá trong nền kinh tế – xã hội. Mục tiêu của các chính sách xã hội do Đảng ta đề ra đều nhằm phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong xoá đói giảm nghèo và làm giàu hợp pháp. Chính sách xã hội và các chính sách khác, nhất là chính sách kinh tế đều góp phần thực hiện quan điểm của Đảng là: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Thông qua đó bồi dưỡng, phát huy các nguồn lực con người và phát triển kinh tế – xã hội vì con người.

Qua 20 năm đổi mới và thực hiện chính sách xã hội, theo tinh thần các dự thảo văn kiện Đại hội X của Đảng đang nổi lên 3 nhóm vấn đề xã hội cần phải ưu tiên giải quyết:

Một là, tăng cường phát huy nội lực bằng cách đầu tư phát triển những nguồn nhân lực chủ yếu cho giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Đó là:

- Đội ngũ các nhà doanh nghiệp tài giỏi, năng động, có khả năng cạnh tranh và hợp tác hiệu quả trong nền kinh tế thị trường trong nước, khu vực và quốc tế. Họ không những có thể xây dựng và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, mà còn có năng lực xây dựng các tập đoàn kinh tế lớn, xuyên quốc gia, để làm rạng rỡ nền kinh tế và đất nước.

- Đội ngũ các nhà kỹ thuật, công nghệ và khoa học có tài năng và trung thực, nhất là các chuyên gia đầu đàn trong lĩnh vực công nghệ cao, có khả năng “đi tắt”, “đón đầu” những tri thức khoa học, công nghệ tiên tiến; và có khả năng nghiên cứu “nội hoá”, hoàn thiện, nâng cao công nghệ nhập; toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp phát triển đất nước.

- Đội ngũ lao động có tay nghề cao, có lương tâm nghề nghiệp (công nhân, nông dân, thợ thủ công...); họ được đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, tạo việc làm để sản xuất, kinh doanh với hiệu quả kinh tế – xã hội cao.

- Đội ngũ viên chức, nhất là viên chức Nhà nước, có năng lực và liêm khiết, thực sự sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, có khả năng hoàn thành tốt công tác chuyên môn và công vụ, gần dân và tận tình phục vụ nhân dân.

- Đội ngũ các nhà quản lý kinh tế, xã hội, văn hoá giỏi, có đầu óc sáng suốt, có tầm nhìn chiến lược và linh hoạt trong sách lược, biết sử dụng và phát huy mọi tiềm năng của con người.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng mạng lưới dịch vụ xã hội, để thực hiện các bảo đảm xã hội rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cụ thể:

- Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, nhất là loại hình bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, kế hoạch hoá gia đình, chống suy dinh dưỡng, cấp nước sinh hoạt), đặc biệt cho nhóm người nghèo, nhóm yếu thế dễ bị tổn thương.

- Tăng cường trợ giúp xã hội cho nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương (người già

không nơi nương tựa, người tàn tật, trẻ mồ côi...) bằng các chính sách, chương trình giúp họ tự kiếm sống, tự vươn lên hoà nhập cộng đồng.

- Xây dựng chính sách, chương trình, nhằm chủ động phòng ngừa thiên tai, cứu hộ cứu nạn.

Ba là, tập trung giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc nhất, như xoá đói giảm nghèo ở những vùng đặc biệt khó khăn (các vùng sâu, vùng xa, một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số), chăm lo điều kiện chữa bệnh, học tập của người nghèo, nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy lùi một bước tệ nạn xã hội, tình trạng phạm tội, việc khiếu kiện đông người, giảm mạnh tai nạn giao thông. Trong ba nhóm vấn đề trên thì nhóm đầu tạo nguồn động lực mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và giải quyết các vấn đề xã hội một cách bền vững; nhóm hai góp phần hình thành mạng lưới an sinh xã hội, nhằm phát triển kinh tế thị trường vì con người, tức là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nhóm ba góp phần củng cố và bảo đảm sự lành mạnh, ổn định các quan hệ xã hội.

Nhìn chung cả ba nhóm đó đều tập trung vào phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội.

Phương hướng giải quyết các vấn đề phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội

Một là, tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết hiệu quả việc phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội. Các chương trình mục tiêu quốc gia cho phép cụ thể hoá một cách rõ ràng quá trình hoạch định, triển khai thực hiện đường lối, luật pháp, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về một hay vài vấn đề cụ thể có liên quan với nhau trong phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội. Bởi lẽ, nó cho phép tập hợp được nguồn lực, sự chỉ đạo và thi hành các chính sách, biện pháp với cơ chế riêng, để giải quyết các vấn đề xã hội bức bách, nổi cộm trong một thời gian nhất định. Các chương trình này có tính hệ thống: từ nhận thức chung, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng tác động của chương trình cho đến các nguồn lực cần phải huy động, thời gian, địa điểm tiến hành và kết thúc chương trình... Vì thế dễ dàng cho công tác quản lý, điều hành, thực hiện và kiểm tra. Việc xây dựng, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là từ vài năm gần đây, đã góp phần giảm không ít công việc sự vụ. Các chương trình này có thể mở ra khả năng huy động nguồn nhân lực trong dân và thúc đẩy hợp tác quốc tế. Vì mục tiêu là tập trung giải quyết những vấn đề xã hội đang nổi cộm ở quy mô quốc gia hay địa phương, cho nên các chương trình cũng đòi hỏi các cấp chính quyền và cộng đồng phải quan tâm và cùng nhau thực hiện đúng mục tiêu đề ra. Sự tham gia rộng rãi của nhân dân và sự hợp tác hỗ trợ của các đối tác nước ngoài trong

các chương trình có mục tiêu như xoá đói giảm nghèo, dạy nghề, chương trình việc làm... đã và sẽ thúc đẩy quá trình xã hội hoá các công tác xã hội.

Hai là, tăng cường lượng hoá việc thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội, theo hướng từng bước hội nhập với tiêu chí chung của thế giới

Các tiêu chí về mức nghèo khổ, mức sống, tuổi thọ bình quân và chăm sóc sức khoẻ, giáo dục, phát triển con người... trong những năm gần đây đã được lượng hoá và ngày càng tiếp cận hơn các tiêu chí quốc tế. Trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay, các khái niệm, tiêu chí và phương pháp tính toán các chỉ tiêu phát triển xã hội (và kinh tế) theo tiêu chuẩn quốc tế là cần thiết, để so sánh trình độ phát triển các lĩnh vực xã hội với khu vực và quốc tế. Thực tế cho thấy, việc lượng hoá kết quả về phát triển dân số, kế hoạch hoá gia đình, xoá đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục tiểu học, phòng chống bệnh tật... theo chuẩn quốc tế, đã cho phép cộng đồng quốc tế thừa nhận thành tựu của Việt Nam. Việc lượng hoá các chỉ tiêu thực hiện chính sách xã hội theo hướng từng bước hội nhập với tiêu chí chung của thế giới là điều kiện cần thiết và thuận lợi cho việc thực hiện các chương trình có mục tiêu. Cách đây hơn một thế kỷ, C.Mác (1818 – 1883) đã yêu cầu phải lượng hoá tất cả những gì có thể lượng hoá được. Ngày nay, trong điều kiện bùng nổ thông tin, việc lượng hoá các chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội vốn rất khó lượng hoá, sẽ tạo cơ sở khoa học cho việc đổi mới nhận thức và phương pháp hoạch định, triển khai, thực hiện chính sách xã hội với những tiêu chí có thể hạch toán được trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Ba là, thể chế hoá các chính sách phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội thành các văn bản pháp quy để quản lý, phát triển các lĩnh vực xã hội bằng luật pháp

Thể chế hoá các chính sách này bao gồm nhiều cấp độ: quy chế, quy định, chính sách, nghị định, pháp lệnh, luật pháp... Ngày nay, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đã có nhiều lĩnh vực xã hội được thể chế hoá thành pháp lệnh, điều lệnh, bộ luật. Thực tế đó chứng tỏ chúng ta ngày càng nắm vững hơn quy trình hoạch định, quản lý, điều tiết các vấn đề xã hội bằng văn bản pháp quy. Nó cũng chứng tỏ công tác quản lý, điều tiết và quá trình thực hiện các chính sách xã hội ngày càng ổn định hơn, nề nếp hơn. Phương hướng là đẩy mạnh việc quản lý, điều tiết quá trình phát triển nguồn nhân lực và lĩnh vực xã hội bằng các văn bản pháp quy ổn định - đó là điều luật hay bộ luật.

VI. LĨNH VỰC TRẬT TỰ, AN NINH - QUỐC PHÒNG

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN

Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, trong 20 năm qua, chúng ta đã đạt được thành tựu cơ bản là giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm môi trường ổn định, hòa bình và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Thực tiễn của 20 năm đổi mới cho thấy, không thể có thắng lợi to lớn của công cuộc đổi mới đất nước nếu không kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược ấy quan hệ chặt chẽ với nhau, trong mối quan hệ biện chứng. Bảo vệ độc lập dân tộc, an ninh quốc gia gắn liền với bảo vệ con đường xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội chủ nghĩa và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải kiên định mục tiêu, con đường đã chọn; kiên định chủ nghĩa Marxism - Leninism và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là quan điểm, là vấn đề có tính nguyên tắc quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, chúng ta kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội, bảo vệ và phát triển lý luận của chủ nghĩa Marxism - Leninism. Bảo vệ Đảng và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Đó là những thành công nổi bật của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong sự nghiệp đổi mới. Xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh có ý nghĩa quyết định giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới giành thắng lợi.

Khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, các thế lực thù địch lợi dụng tình hình đó để phá hoại cách mạng và công cuộc đổi mới của nhân dân ta, Đảng ta đã nắm bắt kịp thời và phân tích đúng đắn tình hình đất nước và thế

giới, đặc biệt là những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực để có những chủ trương, quyết sách thích hợp. Đảng đã đề ra những nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (khóa VI), tháng 3-1989, nhằm bảo đảm cho công cuộc đổi mới phát triển đúng định hướng, vượt qua những khó khăn, thách thức mới, làm thất bại âm mưu, hành động chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, nâng cao cảnh giác cách mạng, chủ động phòng ngừa, đẩy lùi các nguy cơ, trong đó có nguy cơ “diễn biến hòa bình”, đó là một thành công trong lãnh đạo, chỉ đạo quốc phòng của Đảng ta trong những năm đổi mới vừa qua. Hội nghị Trung ương lần thứ 9 (khóa VI), tháng 3 năm 1990, Đảng đã nhận định: “Các thế lực đế quốc và phản động đang triệt để khai thác những khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa để tăng cường can thiệp, phá hoại, thực hiện diễn biến hòa bình nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa”, “cuộc đấu tranh để bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội đang diễn ra quyết liệt”.

Từ nhận định, đánh giá một cách khoa học, đúng đắn tình hình trong nước và thế giới, Đảng ta đã chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, thực hiện có kết quả việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng, an ninh.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Đảng ta đã khẳng định chủ trương: “Củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trong thế trận quốc phòng toàn dân, có khả năng ngăn chặn, đập tan các âm mưu và hành động phản cách mạng tại địa phương và tích cực chiến đấu bảo vệ địa phương trong mọi tình huống. Xây dựng các công trình quốc phòng trọng điểm cần thiết. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước và trên từng địa phương; xây dựng, củng cố vững chắc các khu căn cứ hậu phương chiến lược”⁽¹⁾. “Giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm khác; giữ gìn trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc thành quả

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.291.

cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁽¹⁾. Phát triển quan điểm chỉ đạo về quốc phòng, an ninh; Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nêu rõ: “Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đã không một chút lơ là lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ”⁽²⁾.

Nắm vững quan điểm chỉ đạo của Đảng, lực lượng vũ trang, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành phối hợp triển khai thực hiện có kết quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, góp phần trực tiếp vào thắng lợi của công cuộc đổi mới trong 20 năm qua. Sự nghiệp quốc phòng đã có những đổi mới và đạt được những thành tựu quan trọng. Thành tựu nổi bật nhất là Đảng ta đã đề ra và không ngừng bổ sung, phát triển đường lối xây dựng nền quốc phòng toàn dân độc lập tự chủ, sáng tạo, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính; khơi dậy và phát huy được tiềm năng và sức mạnh của toàn dân tộc, đưa nước ta từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, vững bước đi lên; luôn vững vàng, tinh táo, nhạy bén trước biến động của tình hình; luôn nắm vững quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước; vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Marxism - Leninism, tư tưởng Hồ Chí Minh về quốc phòng, về chiến tranh nhân dân vào điều kiện cụ thể của cách mạng nước ta; phân tích đánh giá đúng tình hình, kịp thời đổi mới tư duy về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc; xác lập đúng đắn các quan hệ, đường lối, chủ trương, chính sách và đề ra nhiều giải pháp phù hợp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng trong điều kiện mới. Do vậy, đã từng bước huy động được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các cấp, các địa phương, của cả hệ thống chính trị và toàn dân vào nhiệm vụ xây dựng tiềm lực quốc phòng; chỉ đạo có hiệu quả kết hợp quốc phòng với an ninh, quốc phòng với kinh tế, văn hóa, xã hội và đối ngoại.

Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong 20 năm qua, chúng ta đã đạt được những thành tựu cơ bản sau đây:

Một là, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm môi trường ổn định, hòa bình và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù

1. Sdd, tr.292-293.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.39.

địch, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đây là thành tựu to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta trong hai mươi năm đổi mới. Tại Đại hội IX, Đảng ta đã đánh giá thành tựu toàn diện của nhân dân ta trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc: “Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nhất là trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo được phát huy”⁽¹⁾. Quốc phòng và an ninh được tăng cường đã góp phần làm cho sức mạnh mọi mặt của đất nước tăng hơn nhiều so với hai mươi năm trước. Tháng 7-2003, tại Hội nghị Trung ương 8, khóa IX, Đảng ta đã khẳng định thành tựu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Đó là, “giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh phát triển kinh tế; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; củng cố lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới; tạo lập được môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng quan hệ đối ngoại; tăng cường thế và lực của đất nước”⁽²⁾.

Hai là, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường, tăng thêm khả năng ngăn chặn và loại trừ nguy cơ chiến tranh và khả năng đối phó thắng lợi các tình huống chiến tranh và các tình huống xâm phạm an ninh quốc gia, nếu xảy ra.

Thực tiễn hai mươi năm qua chứng tỏ rằng, các thế lực thù địch chưa bao giờ từ bỏ dã tâm chống phá cách mạng Việt Nam, thù tiêu chế độ xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Song, sức mạnh tổng hợp quốc gia, sức mạnh của đất nước đã được tăng cường một cách toàn diện, có khả năng đối phó thắng lợi với mọi tình huống chiến tranh, nếu xảy ra, cả chiến tranh thông thường, cũng như chiến tranh có sử dụng vũ khí công nghệ cao với mọi quy mô.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường không chỉ bằng sức mạnh quân sự đơn thuần, sức mạnh của riêng các lực lượng vũ trang, của Quân đội nhân dân, mà còn bởi sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân gắn với sức mạnh của nền an ninh

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, sách đã dẫn tr.70-71.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.30-31.

nhân dân, được tạo điều kiện và hợp lực bởi sức mạnh của nền kinh tế, văn hóa, xã hội, của tất cả các lực lượng và tiềm lực trên tất cả các lĩnh vực.

Ba là, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc của toàn xã hội và sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

Đây là thành tựu cơ bản phản ánh sâu sắc tính toàn dân, toàn diện và sức mạnh tổng hợp của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong hai mươi năm đổi mới đất nước.

Tính chất toàn dân, toàn diện biểu hiện cụ thể và sâu sắc ở chỗ, mọi người dân, dù hoạt động trong lĩnh vực, trên mọi địa bàn đều có ý thức rõ ràng, hoạt động của mình và của ngành mình cũng là góp phần bảo vệ Tổ quốc; từ đó đề cao trách nhiệm công dân trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở cơ sở, địa bàn hoạt động. Đây là cơ sở quan trọng làm cho sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân trong sự gắn bó với nền an ninh nhân dân cả về thể trận và lực lượng được củng cố, tăng cường, nhất là trên các hướng, các địa bàn chiến lược trọng yếu, nơi biên giới, biển đảo. Nhờ đó, đã phát triển mạnh mẽ các phong trào toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; toàn dân giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Bốn là, hình thành thể chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới. Thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc được triển khai rộng khắp, chặt chẽ và liên hoàn; thể trận lòng dân được củng cố.

Thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được triển khai rộng rãi, chặt chẽ và thống nhất, tạo ra sự vững chắc cho thể trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Củng cố “thể trận lòng dân” vững chắc, đây là nội dung cơ bản, là vấn đề “mấu chốt” của thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc của nước ta. Điều đó biểu hiện trước hết ở lòng tin ngày càng cao và vững chắc của mọi tầng lớp nhân dân đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, đối với Đảng và Nhà nước, đối với sự nghiệp đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mối quan hệ quân dân được tăng cường trên cơ sở sự nhất trí về chính trị - tinh thần, sự thống nhất về mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự vững chắc của “thể trận lòng dân” là bức “thành đồng” chắc chắn, bảo đảm thắng lợi của công cuộc đổi mới trong suốt hai mươi năm qua.

Năm là, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, phát huy được vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Sức mạnh của lực lượng vũ trang biểu hiện cụ thể ở việc hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong từng giai đoạn của cách mạng. Trong quá trình đổi mới, sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang đã được nâng lên một bước, đã kịp thời ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, bạo loạn chính trị, vô hiệu hóa hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Vai trò của lực lượng vũ trang được biểu hiện không chỉ trong việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng; mà còn trực tiếp tham gia có hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước.

Thành tựu về giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng gắn liền với việc Đảng và Nhà nước chăm lo xây dựng Quân đội nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu chiến đấu trong mọi tình huống, tuyệt đối trung thành với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa và nhân dân. Trong xây dựng Quân đội nhân dân đã chú trọng nâng cao chất lượng tổng hợp của Quân đội, trước hết là chất lượng về mặt chính trị, coi trọng xây dựng về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, chăm lo công tác Đảng, công tác chính trị trong Quân đội; chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nâng cao vai trò và hiệu quả lãnh đạo của Đảng ủy quân sự Trung ương; bảo đảm Quân đội vững vàng trước tình hình phức tạp ở trong nước và trên thế giới, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ được giao. Cùng với xây dựng quân thường trực vững mạnh, đã chú ý xây dựng lực lượng dự bị động viên và nâng cao chất lượng của dân quân tự vệ. Đảng và Nhà nước đã quan tâm bảo đảm đời sống chính sách đối với bộ đội và hậu phương Quân đội. Chất lượng và sức chiến đấu của Quân đội, của lực lượng vũ trang nói chung được nâng lên. Các nhu cầu củng cố quốc phòng được đáp ứng tốt hơn.

Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia. Trong bối cảnh tình hình có nhiều diễn biến mau lẹ, phức tạp, lực lượng vũ trang đã luôn kiên định mục tiêu chiến đấu, xác định rõ đối tượng, thường xuyên cảnh giác, theo dõi nắm chắc diễn biến trên các hướng chiến lược, các khu vực trọng điểm, tập trung triển khai tốt nhiệm vụ và kế hoạch phòng, chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, duy trì thường xuyên chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, chủ động phối hợp các lực lượng và nhân dân kịp thời đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại nhiều âm mưu và hoạt động chống đối, phá hoại bằng các biện pháp vũ trang và phi vũ trang, cả trong điều kiện thường xuyên

cũng như trong các thời điểm, các đợt tập trung lực lượng đông của địch. Kịp thời nghiên cứu, đề xuất với Đảng và Nhà nước những chủ trương, biện pháp chiến lược nhằm chủ động ngăn chặn và ứng phó thắng lợi với các tình huống phức tạp xảy ra, không để bị bất ngờ về chiến lược. Các lực lượng vũ trang đã quản lý chặt chẽ các tuyến biên giới, vùng biển đảo, vùng trời và giữ vững an ninh nội địa, đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các hoạt động vi phạm quy chế biên giới, xâm phạm chủ quyền và lợi ích quốc gia, tham gia xử lý đúng đắn các vụ việc về an ninh ở cơ sở, giữ vững ổn định chính trị của đất nước. Gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh tạo nên thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân.

Các lực lượng vũ trang, đặc biệt là các đơn vị trong Quân đội đã tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội trên các địa bàn nhất là ở các vùng sâu, biên giới hải đảo, vùng dân tộc ít người; thực hiện tốt chương trình quân - dân y kết hợp; giữ vai trò nòng cốt trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu hộ, cứu nạn. Những khu kinh tế - quốc phòng đứng chân trên các địa bàn chiến lược đã góp phần tạo mô hình phát triển những điểm dân cư - xã hội dọc biên giới, vùng sâu, vùng xa làm nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ biên giới và khẳng định chủ quyền vùng biển, góp phần xây dựng cơ sở chính trị - xã hội, giải quyết chính sách, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội và nhân dân, đóng góp vào sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

Những thành tích và tiến bộ đạt được trong 20 năm đổi mới nhất là trong những năm gần đây đã khẳng định, trong giai đoạn mới Quân đội ta vẫn tiếp tục giữ vững bản chất cách mạng, phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, luôn đi đầu giải quyết có hiệu quả nhiều nhiệm vụ khó khăn phức tạp, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Trận địa chính trị - tư tưởng được củng cố và ngày càng vững chắc, tích cực đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”, chống những quan điểm sai trái và các luận điểm xuyên tạc phá hoại của địch; Quân đội ta luôn tỏ rõ lòng trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân.

Tuy nhiên, trước yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, sự nghiệp củng cố quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân còn bộc lộ những hạn chế, khuyết điểm cần được khẩn trương khắc phục. Đó là, chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang còn có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân tuy được củng cố nhưng chưa toàn diện và có mặt chưa thật vững chắc. Nhận thức về một số nội dung quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa thống nhất cao. Một bộ phận không nhỏ cán bộ,

đảng viên chưa thấy hết âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, còn có những biểu hiện mơ hồ, chủ quan, mất cảnh giác...

Những thành quả của 20 năm đổi mới nói chung và thành tựu trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân nói riêng đã làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều. Tuy nhiên, đất nước ta đang phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn. Chúng ta phải hết sức đề cao cảnh giác cách mạng, bởi lẽ, các thế lực đó không ngừng và luôn tìm trăm phương ngàn kế từ trắng trợn ngạo mạn đến thâm độc, xảo quyệt, tinh vi để phá hoại sự nghiệp cách mạng, công cuộc đổi mới của Đảng và nhân dân ta. Mơ hồ, chủ quan, mất cảnh giác là một tội ác đối với cách mạng. Cùng với sự chống phá của các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước, tình hình tham nhũng và sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống gắn liền với tệ quan liêu, lãng phí rất nghiêm trọng của một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng.

Trước âm mưu, thủ đoạn mới của các thế lực thù địch và trước những nguy cơ mới của đất nước, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải quan tâm hơn nữa việc củng cố quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh kết hợp chặt chẽ với nền an ninh nhân dân, xây dựng thành thể trận vững chắc. Hai thể trận ấy kết hợp chặt chẽ mới bảo đảm ổn định và hòa bình lâu dài cho đất nước.

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân. Tiềm lực quốc phòng dựa trên nền tảng của tiềm lực chính trị - tinh thần, tiềm lực quân sự, tiềm lực kinh tế, tiềm lực khoa học kỹ thuật và công nghệ mà tiềm lực quân sự là tiêu biểu và là kết quả tổng hợp của các tiềm lực đó; được xây dựng, tổ chức quản lý vì lợi ích phòng thủ quốc gia. Do đó, phải xây dựng đất nước vững mạnh về mọi mặt mới có cơ sở để tạo nên tiềm lực quốc phòng. Trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn hạn chế, trình độ khoa học - kỹ thuật - công nghệ còn thấp so với trình độ tiên tiến của thế giới; và, cho dù trong thời gian tới, tiềm lực mọi mặt được tăng cường, thì trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chúng ta vẫn phải lấy ít địch nhiều, lấy yếu chống mạnh. Do đó, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc của chúng ta vẫn phải là sức mạnh tổng hợp của quốc gia, của dân tộc lấy sức mạnh quân sự làm nòng cốt. Sức mạnh đó được thể hiện ở tính ưu việt và sự vững bền của chế độ, khả năng đứng vững và phát triển của nền kinh tế, của xã hội trước mọi thử thách và khả năng ứng phó có hiệu quả với mọi tình huống phức tạp có thể xảy ra trong điều kiện mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác và cạnh tranh với các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Cơ sở của sức mạnh quốc phòng ngày nay trước hết và quan trọng nhất là sức mạnh chính trị - tinh thần, là lòng dân, là sức mạnh của khối đại đoàn kết

toàn dân tộc, là mối quan hệ máu thịt Đảng - dân, quân - dân, là sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt và sự đoàn kết thống nhất của Đảng. Bởi thế, phải thường xuyên chăm lo đến lợi ích vật chất và tinh thần của quần chúng nhân dân, thực hiện dân chủ, công bằng xã hội; ngăn chặn những hiện tượng tiêu cực trong bộ máy Đảng và Nhà nước; tăng cường công tác tư tưởng, giáo dục chính trị, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng nhận rõ âm mưu, bản chất phản động của các thế lực thù địch; kịp thời đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, những biểu hiện dao động, suy thoái lòng tin vào sự nghiệp đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chủ nghĩa xã hội, mơ hồ về bản chất của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Trên cơ sở đó mà khôi phục và củng cố lòng tin của nhân dân với chế độ, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và quần chúng, giữa quân và dân, sự đoàn kết giữa các dân tộc và các tầng lớp nhân dân.

Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân phải kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân vững chắc trên phạm vi cả nước cũng như trên từng địa phương. Cần đặc biệt chú trọng các vùng biên giới đất liền, ven biển, hải đảo, vùng rừng núi và các đô thị lớn, các địa bàn chiến lược trọng yếu. Trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, trước hết phải xây dựng “thể trận lòng dân” vững chắc. Sao cho sự nghiệp quốc phòng phải thật sự vì dân, do dân thực hiện. Điều quan trọng nhất trong việc giữ nước là làm cho “trong ấm, ngoài êm”; lấy việc yên dân, giữ vững chế độ, xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm kế sách giữ nước bền lâu. Phải coi trọng xây dựng và giữ vững bên trong, đó là yếu tố quyết định trong sự nghiệp giữ nước. Đảng trong sạch, vững mạnh, dân yên, quân mạnh, thể Đảng, lòng dân vững vàng trong mọi tình huống thì không một thế lực thù địch nào có thể phá hoại được sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Phải dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân. Ngày nay, quốc phòng và an ninh còn phải kết hợp chặt chẽ với xây dựng, phát triển kinh tế và đấu tranh ngoại giao. Đa phương, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, giữ vững và tăng cường quan hệ hữu nghị với nhân dân các nước, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển kinh tế. Trong xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, phải xây dựng thể trận phòng thủ của cả nước, khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), huyện (quận, thị) thành thể trận, khu vực phòng thủ vững chắc, liên hoàn đến làng, xã chiến đấu, bảo đảm phát huy sức mạnh tại chỗ, tự lực bảo vệ địa phương mình và góp phần bảo vệ quân khu và cả nước. Xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh cả về quốc phòng và an ninh. Xây dựng Quân đội nhân dân, xây dựng ba thứ quân vững mạnh làm nòng cốt.

Khu vực phòng thủ vững chắc và binh đoàn chủ lực cơ động mạnh là nền tảng của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Phải coi trọng công tác phòng thủ dân sự, có cơ chế lãnh đạo, điều hành tập trung thống nhất. Coi trọng công tác giáo dục quốc phòng cho toàn dân, đặc biệt cho cán bộ chủ chốt của các bộ, ngành, cho cán bộ các cấp của Đảng và Nhà nước, cho học sinh, sinh viên và thế hệ trẻ nói chung. Động viên và tổ chức cho toàn dân tham gia cùng cố quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang.

Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân phải quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực chủ động, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; phải chuẩn bị đối phó thắng lợi với tất cả các tình huống có thể xảy ra; nhưng tập trung chống “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ là yêu cầu hàng đầu. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân còn phải góp phần giữ vững và tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phải phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường; đồng thời cũng phải tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực Đông-Nam Á và các nước láng giềng để xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị; xây dựng toàn diện trên các mặt: quân sự, chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội... Nhưng phải xây dựng lực lượng vũ trang có chất lượng chính trị và sức mạnh tổng hợp cao, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại làm nòng cốt. Xây dựng cân đối cả ba thứ quân của lực lượng vũ trang nhân dân, giải quyết đúng đắn các vấn đề về tổ chức, biên chế, trang bị, huấn luyện, cơ chế lãnh đạo, chỉ huy; nghiên cứu khoa học nghệ thuật quân sự của Quân đội nhân dân, của cả ba thứ quân phù hợp điều kiện thực tế của đất nước và hoàn cảnh thời bình; đồng thời phải sẵn sàng và đủ sức bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống, kể cả khi có chiến tranh xâm lược quy mô lớn có sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch.

Nền quốc phòng toàn dân vững mạnh đòi hỏi phải có một nền công nghiệp quốc phòng mạnh. Phải đặc biệt coi trọng phát triển khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng đáp ứng nhu cầu của công cuộc bảo vệ Tổ quốc, giữ vững hòa bình và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược có sử dụng vũ khí công nghệ cao với mọi quy mô của các thế lực thù địch. Trong phát triển khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng phải quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

Quan điểm quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới phải được cụ thể hóa thành mục tiêu, nhiệm vụ và các hướng ưu tiên

trong nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật cho các lực lượng chủ lực cũng như cho toàn dân tham gia đánh giặc. Đặc biệt, trong thời kỳ mới, khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng phải góp phần phát triển các phương tiện tác chiến của chiến tranh nhân dân chống lại vũ khí công nghệ cao của địch. Phải quán triệt quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp: sức mạnh của tiềm lực khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự công nghiệp quốc phòng phải là sức mạnh tổng hợp; kế thừa truyền thống lịch sử của dân tộc, dựa trên sự đúng đắn và chính nghĩa của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; của đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân; của chiến lược và nghệ thuật quân sự Việt Nam dựa trên nền tảng nội lực của toàn bộ tiềm lực kinh tế - xã hội, công nghiệp và khoa học công nghệ của đất nước. Xây dựng và phát triển khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và nền kinh tế quốc dân. Xây dựng và phát triển khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng phải được đặt trong tổng thể quy hoạch chung của nền công nghiệp và khoa học công nghệ quốc gia và dựa trên cơ sở huy động các nguồn tiềm năng sẵn có trong nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, bản thân nền khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng cũng phải tích cực, chủ động tham gia phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự và công nghiệp quốc phòng phải nêu cao ý thức tự lực, tự cường, dựa vào nội lực là chủ yếu, đồng thời, tranh thủ tối đa những thời cơ thuận lợi để chủ động hội nhập, tăng cường hợp tác quốc tế, đặc biệt là quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược về khoa học kỹ thuật - công nghệ quân sự.

Nền quốc phòng toàn dân phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước. Trong quá trình đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân phải tiếp tục đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng là vấn đề có tính nguyên tắc. Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng cho phù hợp và đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống là nhân tố quyết định mọi thắng lợi trong sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung, sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh nói riêng. Không ngừng hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ trên lĩnh vực quốc

phòng. Cùng cố, nâng cao chất lượng của các cơ quan và cán bộ chuyên trách công tác quốc phòng giúp các cấp, các ngành triển khai nhiệm vụ quốc phòng theo đúng chức năng. Kịp thời thể chế, pháp luật hóa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. Hoàn thiện luật pháp về bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quản lý nhà nước và quốc phòng trên phạm vi cả nước và ở từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. Các bộ, ngành, các địa phương chấp hành tốt nhiệm vụ quốc phòng của ngành mình, cấp mình, kết hợp chặt chẽ, hài hòa xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh ngay trong quy hoạch, kế hoạch xây dựng chung trong cả nước, trên từng lĩnh vực, từng địa phương, từng công trình và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Nền quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường và ngày càng hiện đại dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhận thức về nền quốc phòng toàn dân như trên thể hiện mối quan hệ đồng bộ giữa xây dựng, củng cố, bố trí lực lượng quốc phòng với tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng của các cấp và thường xuyên duy trì, điều hành các hoạt động đấu tranh quốc phòng. Sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh tổng hợp của quốc gia; sức mạnh tổng hợp quốc gia để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa chính là sức mạnh tổng hợp của quốc phòng - an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh làm nòng cốt cho nền quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân không phải chỉ để chống chiến tranh xâm lược, mà trước hết là để phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi mọi nguy cơ dẫn đến chiến tranh; đồng thời đối phó thắng lợi các tình huống khác. Như vậy, quan niệm về nền quốc phòng toàn dân ngày càng toàn diện hơn. Và, chỉ trên cơ sở giải quyết đồng bộ các mối quan hệ đó, chúng ta mới có nền quốc phòng toàn dân vững chắc.

GIỮ VỮNG AN NINH QUỐC GIA VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Ủy viên T.Ư Đảng,

Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an

Sau 20 năm đổi mới, nhân dân ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trong đó có những thành tựu hết sức quan trọng trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội của đất nước.

Thành tựu của công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, đối ngoại... đã mang lại những nền tảng cơ bản, điều kiện thuận lợi và tăng cường sức mạnh để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự xã hội; ngược lại, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững là một trong những điều kiện quan trọng để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã có những đổi mới về quan điểm, đường lối, chủ trương, phương pháp công tác và giành được những kết quả rất quan trọng, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ thành quả cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới của đất nước.

Bước vào công cuộc đổi mới, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội của nước ta, bên cạnh những thuận lợi, đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức hết sức nghiêm trọng. Tình hình quốc tế biến động rất phức tạp, lợi dụng sự sụp đổ của Liên Xô và tình hình khó khăn, khủng hoảng của các nước XHCN, các thế lực thù địch, phản động cho đây là “thời cơ”, ráo riết tiến hành chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, tăng cường phá hoại trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa... nhằm từng bước làm biến dạng, chuyển hóa và khi có điều kiện sẽ lật đổ chế độ ở các nước XHCN còn lại. Cùng với việc tiếp tục bao vây, cấm vận về kinh tế, các thế lực thù địch tập trung mũi nhọn tiến công về chính trị, tư tưởng, nhằm làm mất uy tín và tìm cách xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, đưa ra các chiêu bài “đa nguyên chính trị”, “đa đảng”, “dân chủ”, kích động vấn đề “nhân quyền” để gây

rối về chính trị, tăng cường các hoạt động phá hoại tư tưởng, văn hóa, tán phát ấn phẩm phản động, xuyên tạc sự nghiệp đổi mới, gây nghi ngờ về con đường đi lên XHCN mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, chia rẽ nhân dân với Đảng, phá hoại truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. Chúng tìm cách tiến công, phân hóa và chia rẽ nội bộ ta, lôi kéo, kích động những người có tư tưởng sai trái, những người không kiên định, hám danh, hám lợi, bè phái, bất mãn, cơ hội, hữu khuynh, nhằm cài cắm, tạo dựng lực lượng chống đối từ trong nước.

Trong khi đó, mô hình quản lý kinh tế tập trung, bao cấp đã bộc lộ những nhược điểm hết sức nặng nề, dẫn đến niềm tin của nhân dân vào CNXH bị giảm sút nghiêm trọng, tình hình kinh tế - xã hội của ta có nhiều khó khăn gay gắt và chưa ổn định, ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh, trật tự xã hội, cơ hội cho kẻ địch lợi dụng chống phá cách mạng, gây bất ổn định về an ninh, trật tự. Những biểu hiện sơ hở trong quản lý nội bộ, mất đoàn kết, mất cảnh giác, làm sai chính sách, không tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân ở một bộ phận cán bộ, đảng viên ảnh hưởng không tốt đến công tác bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Về chủ quan, chúng ta đã đối phó có hiệu quả bước đầu với âm mưu, tổ chức vũ trang bạo loạn của địch trong “kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt”, nhưng đối với các âm mưu, hoạt động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa... thì còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, nhược điểm. Hoạt động của lực lượng Công an nhân dân bộc lộ nhiều mặt tồn tại, bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ và diễn biến tình hình, nhất là về bố trí lực lượng, công tác nắm tình hình, chủ trương đối sách, biện pháp công tác, tổ chức, cán bộ, phong cách và lề lối làm việc.

Trước tình hình trên của đất nước, để giữ vững sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì mục tiêu xây dựng CNXH, Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới. Đây là một chủ trương hết sức đúng đắn và kịp thời, đáp ứng những đòi hỏi bức bách của xã hội, trong đó việc giữ vững an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội là điều kiện cực kỳ quan trọng để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của đất nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đã chỉ rõ: Công cuộc bảo vệ an ninh chính trị; giữ gìn trật tự an toàn xã hội cần được tiến hành bằng sức mạnh của mọi lực lượng, bằng mọi phương tiện cần thiết, trong từng địa bàn, ở tất cả mọi đơn vị. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, có cơ sở vững chắc trong quần chúng, có trình độ nghiệp vụ ngày càng cao, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc và nhân dân. Tổ chức phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng xí nghiệp, cơ quan, phường, xã, quận, huyện an toàn về mọi mặt, hình thành các khu vực, các tuyến an toàn ở các địa phương, xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh. Ngăn ngừa và trừng

trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và các hoạt động tình báo, gián điệp.

Để triển khai thực hiện đường lối do Đại hội Đảng đề ra, trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, chúng ta đã liên tục có quá trình đổi mới cả về nhận thức và hành động, cả tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn. Từ việc xác định rõ mục tiêu, đối tượng, đối tác, phương châm, nguyên tắc, tư tưởng chỉ đạo, đến điều chỉnh bố trí lực lượng, đổi mới về chủ trương đối sách, biện pháp công tác, về phương pháp, phong cách làm việc, tổ chức và cán bộ của lực lượng Công an nhân dân cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và đặc điểm, diễn biến của tình hình. Quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, dựa vào nhân dân để triển khai thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, trọng tâm hoạt động đổi mới được thể hiện qua các mặt sau đây:

1- Xác định bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của chế độ, sự ổn định và phát triển của đất nước, Đảng và Nhà nước luôn coi đây là một nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên trong sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, là trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đoàn thể trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, về mọi mặt của Đảng, quản lý của Nhà nước, trong đó Công an nhân dân, Quân đội nhân dân là những lực lượng tham mưu, nòng cốt. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã từng bước được kết hợp chặt chẽ trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, lấy việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước làm nền tảng giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, coi an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội là điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội.

2- Chúng ta luôn nhạy bén, sắc bén trong đánh giá tình hình, xác định rõ đối tác, đối tượng đấu tranh. Đây là những vấn đề có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, là vấn đề rất hệ trọng và nhạy cảm, cần có cách đề cập thực tế, nếu mơ hồ hoặc cứng nhắc đều có thể rơi vào tình thế lúng túng, bị động trong cách xử lý. Chính sự nhạy bén trong đánh giá đó đã tạo nên sự thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, các cấp, các ngành về tình hình, nhiệm vụ, xác định đối tác, đối tượng, về chủ trương, giải pháp, về xử lý tình huống cụ thể, đối sách với từng loại đối tượng để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; khắc phục cả hai khuynh hướng cứng nhắc hoặc mơ hồ, mất cảnh giác.

3- Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã tập trung giải quyết những vấn đề

có tính “then chốt” tạo nền tảng, sức mạnh cho sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Đó là xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh đi đôi với kiên quyết đấu tranh ngăn chặn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, các phần tử cơ hội chính trị để bảo vệ Đảng, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dựa vào nhân dân, vận động, tổ chức, phát huy vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân, chăm lo xây dựng nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân, trước hết là các địa bàn trọng điểm; làm chuyển biến mạnh về nhận thức, từ việc coi công tác bảo vệ an ninh, trật tự là của các cơ quan chuyên trách, trở thành xác định đây là nhiệm vụ của toàn xã hội, phải huy động sức mạnh của toàn dân, sức mạnh của các cấp, các ngành để thực hiện nhiệm vụ này. Vừa tập trung đấu tranh ngăn chặn âm mưu ý đồ hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch từ bên ngoài; đồng thời tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, thường xuyên quan tâm giải quyết những nhân tố phức tạp trong nội bộ, trong nội địa, tập trung xử lý tốt các vấn đề bức xúc của xã hội, không để bên ngoài lợi dụng kích động phá hoại. Trong đó coi giải quyết ổn định những yếu tố bên trong là chính và giữ vai trò quyết định.

4- Trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh quốc gia, đã tập trung đổi mới công tác nắm tình hình, phân tích sâu sắc, dự báo chính xác về âm mưu chiến lược và kế hoạch hành động cụ thể của từng đối tượng, trên từng địa bàn, từng lĩnh vực, từ đó có chủ trương đối sách phù hợp. Trong xử lý các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia đã luôn giữ vững nguyên tắc, đồng thời có sách lược mềm dẻo, linh hoạt, khôn khéo, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của quốc tế và mọi tầng lớp trong xã hội, phân hóa và cô lập đối tượng chủ yếu; sử dụng các biện pháp chính trị, vận động quần chúng là chủ yếu, huy động lực lượng của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự điều hành của chính quyền, công an, quân đội làm tham mưu và đóng vai trò nòng cốt để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh.

5- Đảng, Nhà nước ta luôn chú trọng xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, phát huy vai trò nòng cốt, xung kích trên mặt trận đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự. Hoạt động của lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân luôn bám sát, phục vụ đắc lực việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước. Lực lượng Công an nhân dân đã tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là quan hệ phối hợp với Quân đội nhân dân và ngành nội chính; chú trọng phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự; đồng thời thường xuyên và không ngừng cải tiến, đổi mới các mặt hoạt động

ng nghiệp vụ, phương pháp công tác; vì vậy, trong những năm qua, hoạt động của lực lượng Công an nhân dân đã đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự của đất nước.

Vì vậy, 20 năm qua, trong bối cảnh tình hình an ninh thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân, sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Sức mạnh của sự nghiệp bảo đảm an ninh đất nước tiếp tục được củng cố và tăng cường. Đã tạo được chuyển biến về nhận thức, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia; từng bước xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ; tăng cường củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức; kịp thời phát hiện, đấu tranh ngăn chặn những khuynh hướng tư tưởng chính trị phản động, tư tưởng “đa nguyên chính trị”, “đa đảng”, tăng cường đoàn kết nội bộ, chống chia rẽ, chống cơ hội, bè phái cục bộ, tạo nền tảng quan trọng trong công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Củng cố và tăng cường thêm một bước về thể trận an ninh nhân dân kết hợp thể trận quốc phòng toàn dân ở các địa bàn trọng điểm; hệ thống pháp luật bảo vệ an ninh quốc gia được hoàn thiện hơn; phòng tuyến an ninh của đất nước được mở rộng. Lực lượng Công an nhân dân tiếp tục được xây dựng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, phát huy vai trò nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia. Đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, phản động trong “kế hoạch hậu chiến”; đánh bại “chiến tranh phá hoại nhiều mặt”, bước đầu đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch. Bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội; ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, gây bạo loạn chính trị, không để bên ngoài lấy cớ can thiệp; phát hiện và làm thất bại nhiều âm mưu, hoạt động phá hoại của bọn gián điệp, phản động lưu vong từ bên ngoài xâm nhập nội địa ta, ngăn chặn kịp thời âm mưu hoạt động khủng bố, phá hoại và ý đồ hình thành tổ chức chính trị phản động của các loại đối tượng. Góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, củng cố, tăng cường thế và lực của đất nước, nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Trong điều kiện tác động của bối cảnh tình hình an ninh thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch, các loại tội phạm gia

tăng các mặt hoạt động chống phá cách mạng nước ta, nhiều nước rơi vào tình trạng mất ổn định chính trị - xã hội khi thực hiện cải tổ, thì những thành tựu trên đây càng có ý nghĩa quan trọng, góp phần khẳng định ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới ở nước ta, khẳng định đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là đúng đắn, đã và đang đi vào cuộc sống, mang lại kết quả.

Khách quan nhìn lại kết quả trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội cũng còn bộc lộ không ít những mặt tồn tại như: Chưa tạo được sự chuyển biến thật sự rõ nét về nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân về tình hình nhiệm vụ và đối tượng đấu tranh, còn nhiều biểu hiện mơ hồ, chủ quan, mất cảnh giác trước âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm; ý thức bảo vệ an ninh quốc gia của một số cán bộ, đảng viên và một bộ phận nhân dân còn hạn chế. Chưa xây dựng được cơ chế hữu hiệu để thực hiện việc kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự với phát triển kinh tế - xã hội; vì vậy chưa huy động tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của toàn dân làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự. Thành tựu đạt được trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội chưa thật vững chắc. Chủ trương, giải pháp đấu tranh chống âm mưu hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch có lúc còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ, kịp thời, chưa đạt hiệu quả cao; chưa hình thành được thế trận liên hoàn để chủ động phát hiện và đối phó hiệu quả với những diễn biến phức tạp; trong giải quyết một số vụ việc còn bị động, lúng túng và chưa khôn khéo. Lực lượng Công an nhân dân chưa được xây dựng, trang bị đủ mạnh đáp ứng được yêu cầu công tác, chiến đấu. Việc điều chỉnh, bố trí lực lượng, đổi mới phương thức và biện pháp công tác của lực lượng công an chưa theo kịp sự phát triển của tình hình. Có lúc, có nơi công an chưa thật sự dựa vào lực lượng và sức mạnh của đông đảo quần chúng nhân dân, còn có biểu hiện quan liêu, hành chính, nghiệp vụ đơn thuần. Trang bị phương tiện kỹ thuật, khoa học - công nghệ phục vụ công tác, chiến đấu của lực lượng công an vừa thiếu, vừa lạc hậu.

Tình hình thế giới, khu vực đang tạo ra nhiều thuận lợi mới rất quan trọng, đồng thời cũng gây ra những khó khăn, thách thức nghiêm trọng đối với công tác bảo vệ an ninh của nước ta. Nguy cơ khủng bố đe dọa nghiêm trọng an ninh thế giới vẫn gia tăng; phòng, chống khủng bố đang trở thành vấn đề quốc tế lớn đòi hỏi các nước đều phải quan tâm. Các thế lực thù địch, phản động đang ráo riết thực hiện âm

muu “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, âm mưu đó được thực hiện bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, nguy hiểm, nhằm phá hoại sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Song, hòa bình, hợp tác để phát triển vẫn là xu thế lớn của thế giới; trong đó sự hợp tác trong lĩnh vực bảo đảm an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm, phòng, chống khủng bố giữa các quốc gia ngày càng được mở rộng. Sự nghiệp đổi mới của nước ta thu được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đời sống vật chất, văn hóa của một bộ phận lớn nhân dân được nâng cao; nền kinh tế độc lập tự chủ từng bước được xây dựng; sức mạnh tổng hợp của quốc gia được tăng cường; uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Tuy nhiên, những yếu tố đe dọa đến ổn định chính trị - xã hội ở trong nước vẫn chưa bị đẩy lùi, có nơi, có lúc sẽ còn diễn biến rất phức tạp. Các đối tượng ở trong nước tiếp tục tìm cách liên kết hình thành tổ chức chính trị phản động, câu kết với các thế lực thù địch ở bên ngoài để hoạt động chống phá; khả năng xảy ra mất ổn định ở một số vùng vẫn còn tiềm ẩn; những khuyết điểm, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nạn tham nhũng, tiêu cực, sự xuất hiện của những tội phạm mới và hoạt động của bọn tội phạm có tổ chức, cùng với những mặt trái của kinh tế thị trường, của toàn cầu hóa, đô thị hóa... đều có thể đe dọa nghiêm trọng đến an ninh, trật tự của đất nước.

Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác để bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Trọng tâm là phải tiếp tục đổi mới nhận thức về phạm vi nội dung, quan điểm, tư tưởng chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, về đối tác và đối tượng, về giải quyết tốt mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh; tăng cường nghiên cứu tổng kết, đổi mới tư duy lý luận; tiếp tục đổi mới chủ trương, biện pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt công tác, nhất là công tác nghiệp vụ cơ bản; mở rộng hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội theo đúng đường lối đối ngoại của Đảng. Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của lực lượng công an trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, sức mạnh của toàn dân, của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự; xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân; điều chỉnh việc bố trí lực lượng, cải tiến công tác lãnh đạo, chỉ huy; chấn chỉnh, kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, bổ sung lực

lượng cho các đơn vị trực tiếp chiến đấu và công tác ở cơ sở với trang bị phù hợp và sự chỉ huy thống nhất. Tăng cường tiềm lực cho lực lượng Công an nhân dân đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong tình hình mới; đồng thời có cơ chế, chính sách ưu tiên huy động, sử dụng nhân tài, vật lực, thành tựu khoa học - công nghệ phục vụ nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Thực tiễn 20 năm đổi mới trên lĩnh vực bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội không những mang lại kết quả to lớn, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới của đất nước, đồng thời cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm thiết thực trên lĩnh vực này, những bài học đó không chỉ trong lãnh đạo, chỉ đạo, mà cả trong các mặt công tác nghiệp vụ cụ thể, cần tiếp tục nghiên cứu tổng kết một cách thật sâu sắc.

THÀNH TỰU XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN QUA 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ VẤN ĐỀ HIỆN NAY

Thượng tướng NGUYỄN HUY HIỆU

Công cuộc đổi mới đất nước, đổi mới xây dựng nền quốc phòng toàn dân (QPTD) dưới ánh sáng đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng đã được gần 20 năm, khởi điểm từ Đại hội Đảng VI (12-1986); trong bối cảnh cách mạng XHCN thế giới đang ở trong tình trạng thoái trào, tiềm lực quốc phòng và chiến tranh của ta hoàn toàn dựa vào tiềm lực mọi mặt của đất nước.

Thế giới và khu vực sau chiến tranh lạnh có nhiều biến đổi, phát triển mới, các thế lực thù địch cũng thay đổi tư duy chiến lược chống phá cách mạng nước ta, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ. Họ chống phá ta trên các mặt kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, quốc phòng, an ninh kết hợp với răn đe quân sự, hòng lật đổ Đảng ta, Nhà nước ta, chế độ ta. Cùng với đó, là sự tác động nhiều mặt của cuộc cách mạng khoa học-công nghệ, xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, v.v. Do đó, việc xây dựng và củng cố nền QPTD hiện đại của đất nước trong thời kỳ mới là một nhiệm vụ mới, rất mới của Đảng, Nhà nước, nhân dân và quân đội ta, đòi hỏi phải giải quyết đúng đắn, sáng tạo những vấn đề mới đặt ra về quân sự, quốc phòng theo một tư duy mới trong đường lối đổi mới của Đảng.

Nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng, có những hình thức, phương pháp, bước đi thích hợp với đặc điểm, tình hình cụ thể cùng với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang (LLVT) nhân dân, sự nghiệp đổi mới xây dựng nền QPTD gần 20 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, quan trọng cả về nhận thức lý luận và thực tiễn. Nổi bật trước hết là, nhận thức về mối quan hệ giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN sâu sắc hơn. Đã khẳng định xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ chặt chẽ với nhau, xâm nhập vào nhau; xây dựng là gốc của bảo vệ và bảo vệ là bộ phận hợp thành của xây dựng; xây dựng phải gắn với bảo vệ, bảo vệ phải nhằm mục đích xây dựng, phát triển tốt hơn. Đồng thời cũng nhận thức rõ hơn về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN trong điều kiện mới. Đó là, bảo vệ Tổ quốc XHCN không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh

thỏ mà còn bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình, xây dựng phát triển đất nước theo định hướng XHCN. Nhận thức về sức mạnh và lực lượng bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của toàn dân, trong đó sức mạnh LLVT nhân dân là nòng cốt; phát huy nội lực là chính, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; kết hợp quốc phòng-an ninh với kinh tế và đối ngoại. Nhận thức về phương thức bảo vệ Tổ quốc, là kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa đấu tranh phi vũ trang với vũ trang. Xây dựng vững chắc thể trận QPTD, kết hợp với thể trận an ninh nhân dân; quán triệt tư tưởng cách mạng tiến công, tích cực, chủ động, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch. Nhận thức về xây dựng nền QPTD là nền quốc phòng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, mang bản chất toàn dân, toàn diện, độc lập tự chủ, tự cường và ngày càng hiện đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý thống nhất của Nhà nước. Điểm mới trong tư duy về quốc phòng của Đảng ta là nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính, để xây dựng nền QPTD, v.v. Cần khẳng định sự phát triển nhận thức về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là thành tựu quan trọng nhất của sự nghiệp đổi mới quốc phòng, quân sự trong 20 năm qua.

Trên cơ sở đổi mới nhận thức, tư duy lý luận về quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc XHCN là biểu hiện cụ thể qua các nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng IX, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX), trong thực tiễn xây dựng nền QPTD đã có những đổi mới quan trọng, đạt được thành quả tốt theo yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Ngay từ những năm đầu (1986 - 1990) của sự nghiệp đổi mới về quốc phòng, quân sự cũng như trong suốt quá trình đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, quản lý, điều hành thống nhất của Nhà nước đã tiến hành kịp thời việc điều chỉnh một bước về chiến lược phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng mọi mặt của đất nước. Trong đó đáng chú ý là chúng ta đã nhanh chóng bố trí lại lực lượng quốc phòng, điều chỉnh lại thế đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực, tạo ra thế phòng thủ hợp lý, vững chắc trên phạm vi cả nước và từng địa phương, tập trung vào các khu vực trọng điểm ở địa bàn chiến lược, hướng chiến lược. Phương án, kế hoạch phòng thủ chiến lược được xây dựng, bổ sung phù hợp với sự phát triển của tình hình thực tiễn, bảo đảm chủ động, sẵn sàng đối phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống, không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược. Xây dựng LLVT nhân dân có những đổi mới quan trọng, tạo được sự

chuyển biến tích cực, cơ bản và tương đối toàn diện, có bước phát triển mới. Trong đó, Quân đội nhân dân (QĐND) và Công an nhân dân được chú trọng xây dựng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại đã ngày càng khẳng định được vai trò nòng cốt của nền QPTD, thực hiện hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đối với QĐND, chúng ta đã thực hiện chấn chỉnh một bước cơ bản về tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, giảm mạnh lực lượng thường trực, giảm đầu mối trung gian một cách hợp lý, tăng cường bảo đảm (quân số, trang bị) cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu ở các khu vực trọng điểm trên tuyến biên giới, biên đảo...; chú trọng bảo đảm vũ khí, trang bị, phương tiện kỹ thuật, nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục, huấn luyện; nghiên cứu thành lập những lực lượng mới (gồm cả đơn vị đặc nhiệm) theo yêu cầu, nhiệm vụ mới. Lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ được quan tâm về mọi mặt, nên chất lượng tổng hợp, trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu không ngừng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, góp phần bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, tăng gia phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương, cơ sở.

Một thành tựu rất quan trọng mà chúng ta đã đạt được trong 20 năm đổi mới, đó là xây dựng thế trận QPTD ngày càng vững chắc và gắn kết với thế trận an ninh nhân dân ở mỗi địa phương, trên từng vùng và cả nước. Trong quá trình triển khai xây dựng, bằng những giải pháp mang tính chiến lược, chúng ta đã từng bước thực hiện được việc phân vùng chiến lược quốc phòng-an ninh kết hợp với phân vùng kinh tế-xã hội trên cơ sở quy hoạch các vùng dân cư theo nguyên tắc bảo vệ đi đôi với xây dựng đất nước; hoạch định và từng bước xây dựng hậu phương chiến lược, hậu phương khu vực phòng thủ... Việc triển khai các khu kinh tế-quốc phòng do các đơn vị quân đội đảm nhiệm trong những năm qua cũng là nằm trong hệ thống giải pháp chiến lược trên và trong thực tiễn hoạt động đã đạt hiệu quả thiết thực. Nói cách khác, đó là sự quán triệt, cụ thể hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng địa bàn chiến lược, kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với củng cố quốc phòng-an ninh trên địa bàn chiến lược vùng sâu, vùng cao, biên giới. Từ năm 1987 đến nay, chúng ta cũng đã triển khai tích cực và đạt kết quả quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) - tổ chức quốc phòng, an ninh theo địa bàn hành chính. Xây dựng khu vực phòng thủ là một chủ trương chiến lược nhằm trực tiếp tăng cường thế trận và khả năng phòng thủ của mỗi địa phương, tạo cơ sở nền tảng vững chắc cho thế trận QPTD gắn với thế trận an ninh nhân dân; đồng thời cũng là điều kiện cơ bản để nâng cao khả năng phối hợp, hiệp đồng giữa các lực

lượng trong thể trận liên hoàn quốc phòng-an ninh ở các vùng chiến lược và cả nước. Công tác giáo dục QPTD được thực hiện tốt và ngày càng đi vào nề nếp. Đặc biệt, từ khi có Chỉ thị số 62-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị định số 15/2001/NĐ-CP của Chính phủ, công tác này càng được đẩy mạnh hơn nữa, bình quân mỗi năm bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho hàng vạn cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở và giáo dục quốc phòng cho hàng triệu lượt học sinh, sinh viên. Nhờ đó, đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, nhân dân đối với sự nghiệp tăng cường quốc phòng-an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

Có thể khẳng định đó là những thành tựu nổi bật của 20 năm đổi mới, xây dựng nền QPTD. Nhưng chúng ta cũng thấy, cùng với đó vẫn tồn tại không ít hạn chế, thiếu sót cần khắc phục.

Tình hình thế giới, khu vực đang tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Các thế lực thù địch thực hiện mọi thủ đoạn thâm độc, tăng cường chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ kết hợp với răn đe quân sự. Cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN của toàn Đảng, toàn dân và LLVT nhân dân đang và sẽ tiếp tục diễn ra ngày càng phức tạp hơn, nguy cơ xảy ra chiến tranh xâm lược ở mức độ khác nhau đối với đất nước ta dưới các hình thức chưa được loại trừ. Sự nghiệp đổi mới, tăng cường nền QPTD trong thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước - có ý nghĩa quan trọng, vừa mang tính cấp thiết, vừa cơ bản lâu dài.

Để xây dựng nền QPTD vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc XHCN, vấn đề quan trọng hàng đầu là, phải bám sát, đánh giá tình hình thực tiễn, nắm vững đường lối, quan điểm QPTD, chiến tranh nhân dân của Đảng, được thể hiện qua các nghị quyết về quốc phòng, quân sự, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) Trên cơ sở đó, xác định đúng các giải pháp chiến lược, khai thác hiệu quả các nguồn lực, lấy phát huy nội lực là chính, kết hợp với tranh thủ ngoại lực để không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta cần thiết phải xây dựng một nền QPTD hiện đại, mang tính nhân dân và tính tự vệ cao, với mục tiêu cao nhất cần đạt được là đủ khả năng bảo đảm giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và sẵn sàng đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược; trước mắt và trực tiếp phòng chống hiệu quả mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, bảo vệ

vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN và bảo vệ công cuộc đổi mới đất nước... Thấu suốt quan điểm cơ bản của Đảng, trong thời gian tới, cần tập trung đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục QPTD. Phải tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, phương pháp tổ chức thực hiện, chú trọng tới mọi đối tượng, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở, nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

QPTD là tổng thể các hoạt động đối nội và đối ngoại về chính trị, quân sự, an ninh, kinh tế, văn hóa, khoa học... của Nhà nước và nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp, toàn diện và cân đối, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng. Vì thế, trong quá trình thực hiện cần nắm vững định hướng kết hợp chặt chẽ kinh tế-xã hội với quốc phòng-an ninh; kết hợp quốc phòng với an ninh và đối ngoại nhằm không ngừng tăng cường tiềm lực mọi mặt của đất nước. Đồng thời phải thấy rằng, chúng ta xây dựng nền QPTD trong thời kỳ phát triển mới đẩy mạnh CNH, HĐH - cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại đang từng bước được tạo ra, phấn đấu đến năm 2020 đất nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đây là một thuận lợi rất cơ bản để chúng ta thực hiện mục tiêu xây dựng một nền QPTD hiện đại, nhưng điều quan trọng là ở chỗ ngay từ bây giờ, cũng như quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đến năm 2020, chúng ta phải có kế hoạch và biện pháp kết hợp giữa CNH, HĐH với củng cố quốc phòng phù hợp, hiệu quả. Phải làm sao để mỗi bước phát triển của CNH, HĐH, của kinh tế-xã hội là một bước tăng cường, củng cố quốc phòng-an ninh; đồng thời, quốc phòng-an ninh được tăng cường, củng cố lại phải gắn chặt với bảo vệ và tạo điều kiện thúc đẩy CNH, HĐH, kinh tế-xã hội phát triển. Sự kết hợp này thực chất là cụ thể hóa của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới, với đặc điểm và khả năng mới của đất nước.

Một nội dung quan trọng nữa mà chúng ta phải tiếp tục chú trọng là tăng cường xây dựng thể trận QPTD vững chắc gắn với thể trận an ninh nhân dân ở từng địa phương, trên mỗi địa bàn chiến lược (cả trên đất liền và trên biển) cũng như trên phạm vi cả nước. Từ những bài học kinh nghiệm được rút ra qua tổng kết 15 năm xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố), cần nghiên cứu, vận dụng để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ quan trọng này. Phải tạo được bước phát triển mới, mang tính cơ bản, toàn diện, có chiều sâu trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) bảo đảm cho địa phương hoàn thành được nhiệm vụ quốc phòng-an ninh trong cả thời bình và thời chiến. Khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) phải thực sự là nền tảng của thể trận QPTD, thể trận chiến tranh nhân dân. Đề đối phó thắng lợi với

chiến tranh xâm lược, ngay từ thời bình, chú trọng nâng cao khả năng độc lập và phối hợp với các LLVT tác chiến trong điều kiện mới - địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của LLVT nhân dân, nhất là QĐND và Công an nhân dân, bảo đảm thực sự là lực lượng nòng cốt của nền QPTD, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Phải tiếp tục nghiên cứu và có giải pháp phù hợp để xây dựng các địa bàn chiến lược, hậu phương chiến lược. Trong đó phải chú trọng thực hiện tốt việc quy hoạch, phân vùng kinh tế-xã hội với quốc phòng-an ninh; chú trọng đẩy mạnh kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế-quốc phòng trên các địa bàn chiến lược vùng sâu, vùng xa, biên giới. Gắn chặt với đó, phải tiếp tục nghiên cứu, bổ sung phương án, kế hoạch tác chiến chiến lược nhằm nâng cao khả năng phòng thủ của đất nước và bảo đảm chủ động đối phó hiệu quả với mọi tình huống chiến tranh.

Xây dựng nền QPTD là sự nghiệp trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, trong đó LLVT nhân dân đóng vai trò nòng cốt. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong 20 năm đổi mới vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta tin tưởng rằng sự nghiệp xây dựng nền QPTD sẽ tiếp tục có bước phát triển mới, với những thành tựu mới to lớn hơn trong giai đoạn mới của cách mạng.

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

2007

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

NGUYỄN ĐÌNH THIÊM

CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢN THẢO

NGUYỄN BÁ NGỌC

BIÊN TẬP

THANH HÀ - THU THỦY

TRÌNH BÀY

BÍCH DIỆP

SỬA BẢN IN

THU THỦY

VẼ BÌA

MAI TRANG

Mã số: $\frac{01 - 153}{10 - 08}$

In 1500 cuốn, khổ 19 x 27cm tại Công ty In Hưng Phú.

Giấy phép xuất bản số 620-2006/CXB/01-153/LĐXH.

In xong và nộp lưu chiểu QuýI/2007.